

TIÊU TẶNG THANH VĂN

TẶNG NHẤT A-HÀM

I



THÍCH ĐỨC THẮNG *dịch*

TUỆ SỸ *hiệu chính và chú thích*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

MỤC LỤC – TẬP I

Phẩm 01: Tựa

Một Pháp

Phẩm 02: Thập niệm

Phẩm 03: Quảng diễn

Phẩm 04: Đệ tử

Phẩm 05: Tỷ-kheo-ni

Phẩm 06: Thanh tín sĩ

Phẩm 07: Thanh tín nữ

Phẩm 08: A-tu-la

Phẩm 09: Nhất tử

Phẩm 10: Hộ tâm

Phẩm 11: Bất đãi

Phẩm 12: Nhất nhập đạo

Phẩm 13: Lợi dưỡng

Phẩm 14: Ngũ giới

Hai Pháp

Phẩm 15: Hữu vô

Phẩm 16: Hỏa diệt

Phẩm 17: An ban

Phẩm 18: Tàm quý

Phẩm 19: Khuyên thỉnh

Phẩm 20: Thiện tri thức

Ba Pháp

- Phẩm 21: Tam bảo
- Phẩm 22: Tam cúng dường
- Phẩm 23: Địa chủ
- Phẩm 24: Cao tràng

Bốn Pháp

- Phẩm 25: Tứ đế
- Phẩm 26: Tứ ý đoạn
- Phẩm 27: Đăng thú tứ đế
- Phẩm 28: Thanh văn
- Phẩm 29: Khổ lạc
- Phẩm 30: Tu-đà
- Phẩm 31: Tăng thượng

Năm Pháp

- Phẩm 32: Thiện tụ
- Phẩm 33: Ngũ vương
- Phẩm 34: Đăng kiến
- Phẩm 35: Tà tụ
- Phẩm 36: Thính pháp



KINH TĂNG NHẤT A HÀM

增壹阿含經

Hán dịch :
Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà
三藏瞿曇僧伽提婆

Việt dịch :
Thích Đức Thắng
Hiệu chú :
Thích Tuệ Sỹ

1. PHẨM TỰA

[549b13] *Kính lạy Năng Nhân Đệ Thất Tiên¹,
Diễn thuyết Pháp² Thánh Hiền vô thượng,
Thế Tôn nay độ chúng quần sinh
Vốn đã từ lâu trôi sinh tử.*

*Tôn trưởng Ca-diếp và Thánh chúng,
Hiền triết A-nan văn quảng bác,
Cúng dường xá-lợi Phật Niết-bàn,
Từ nước Câu-di³ đến Ma-kiệt.*

*Ca-diếp tư duy hành bốn đẳng,⁴
Thương xót chúng sanh đọa năm đường;
Chánh giác dẫn đường nay cách xa,
Nhớ lời dạy khéo, lòng thương khóc.*

*Ca-diếp nghĩ suy: Gốc Chánh pháp,
Làm sao lưu bố mãi thế gian?
Lời dạy tối tôn từ kim khẩu,
Ghi giữ trong lòng không để mất.*

*Ai có sức này, tập các pháp,
Nói rõ nhân duyên, gốc từ đâu?
Người trí hiện nay trong chúng này,*

¹ Năng Nhân Đệ Thất Tiên 能仁第七仙, Phật Thích-ca Mâu-ni (Pāli: Sakka-muni) được gọi là vị Tiên thứ bảy (*isi-sattama*). Vị thứ nhất là Phật Ti-fbà-thi (Pāli: Vipassin). Xem Trường, No 1(1); Pāli, D.14. Mahāpadāna.

² Hán: quỹ 軌; dịch nghĩa khác của *pháp*; Pāli *dhamma*.

³ Câu-di 拘夷; xem rương No 1(2): Câu-thi, hay Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭. Pl.: Kusinagara, nơi Phật nhập Niết-bàn.

⁴ Hán: tứ đẳng 四等, hay tứ đẳng tâm, tức bốn vô lượng tâm (Pāli: *cattasso appamaññayo*).

A-nan hiền thiện, nghe vô lượng.

*Liên gióng kiền chùy hợp bốn chúng;
Tỳ-kheo tám vạn bốn nghìn người,
Thấy đều La-hán tâm giải thoát La-hán,
Giải thoát trói buộc, làm phước điền.*

*Ca-diếp bởi vì thương thế gian,
Báo ân quá khứ, nhớ Tôn đức.
Thế Tôn phú pháp, trao A-nan,
Nguyện pháp lưu bố mãi ở đời.*

*Làm sao thuận tự, không mất mối,
Kết tập Pháp bảo ba tăng-kỳ;
Để sau bốn chúng được nghe pháp,
Nghe rồi liền được lìa các khổ.*

*A-nan từ chối: “Sức không kham.
“Các pháp thậm thâm ngần ấy thứ,
“Há dám phân biệt lời Như Lai?
“Phẩm đức Phật pháp, vô lượng trí.
“Tôn giả Ca-diếp nay kham nhiệm,
“Đáng Thế Hùng đem pháp phú cho;
“Nay vì mọi người, Đại Ca-diếp,
“Từng được Như Lai chia nửa tòa.”⁵”*

*Ca-diếp đáp rằng: “Tuy có vậy;
“Nhưng tuổi già yếu, đã quên nhiều.
“Sự nghiệp trí tuệ, Ông giữ hết,
“Hãy khiến gốc pháp còn mãi đời.
“Nay tôi có ba mắt thanh tịnh,
“Cũng có thể biết tâm trí người;
“Biết rõ tất cả hàng chúng sanh,*

⁵ Phật nhường cho Đại Ca-diếp nửa chỗ ngồi: xem *Tạp* 41 (tr. 302a2).

“Không ai hơn Tôn giả A-nan.”

Từ Phạm Thiên xuống đến Đế Thích,
Hộ thể Tứ vương cùng chư Thiên;
Di-lặc Đâu-suất cũng đến họp.
Hàng ức Bồ-tát không kể hết.

Di-lặc, Phạm, Thích cùng Tứ vương,
Thấy đều chấp tay mà bạch hỏi:
“Tất cả các pháp, Phật ẩn chứng:
“A-nan là pháp khí của Ta.
“Nếu ai không muốn pháp tồn tại,
“Người ấy xuyên tạc lời Như Lai.
“Nguyện lưu pháp yếu, vì chúng sanh,
“Vượt qua nguy ách, thoát các nạn.
“Thích Tôn ra đời, sống rất ngắn.
“Tuy nhục thể mất, Pháp thân còn.
“Để mong pháp yếu không đoạn tuyệt,
“A-nan, chớ chối từ thuyết pháp!”

Tôi tôn Ca-diếp cùng Thánh chúng,
Di-lặc, Phạm, Thích cùng Tứ vương;
Cần thỉnh A-nan mở lời cho,
Khiến lời Như Lai không diệt tận.

A-nan nhân từ, hòa bốn đẳng,
Ý chuyển vì tế sư tử hống;
Liếc nhìn bốn chúng, ngó hư không,
Khóc thương rừng lệ không ngăn được.

Nhan sắc chợt bừng ánh sáng chói,
Tỏa khắp chúng sanh như hừng đông.
Di-lặc, Phạm, Thích nhìn ánh sáng,
Chấp tay chờ nghe Pháp vô thượng.
Bốn bộ chúng lặng lẽ, tâm chuyên nhất,

*Muốn được nghe pháp, ý không loạn.
Tôn trưởng Ca-diếp cùng Thánh chúng,
Nhìn thẳng tôn nhan, mắt không chớp.*

*Rồi A-nan nói kinh vô lượng,
Những gì đầy đủ, thành một tụ:
“Nay tôi sẽ chia làm ba phần,
“Tóm thâu mười kinh thành một kệ.
“Phần một Khế kinh, phần hai Luật,
“Phần ba lại là A-tỳ-đàm.
“Chư Phật⁶ quá khứ đều phân ba,
“Khế kinh, Luật, Pháp, làm ba tạng.
“Khế kinh nay hãy phân bốn đoạn;
“Trước hết Tăng nhất, hai là Trung,
“Ba gọi là Trường, nhiều chuỗi ngọc;
“Sau cùng phần bốn gọi Tạp kinh.”*

[550a01] *Tôn giả A-nan lại suy nghĩ:
“Pháp thân Như Lai không diệt mất,
“Còn mãi thế gian không đoạn tuyệt.
“Trời Người được nghe, thành đạo quả.
“Hoặc có Một pháp mà nghĩa sâu;
“Khó trì, khó tụng, không thể nhớ,
“Nay tôi kết tập nghĩa Một pháp;
“Một, Một, nối nhau, không mất mối.
“Cũng có Hai pháp, tập thành Hai;
“Ba pháp thành Ba, như râu chuỗi.
“Bốn pháp thành Bốn, Năm cũng vậy.
“Năm pháp tiếp đến Sáu, Bảy pháp,
“Nghĩa Tám pháp rộng cho đến Chín.*

⁶ Nguyên Hán: Tam-phật 三佛, phiên âm Skt. Pāli: *Sambuddha*, Phật chánh giác. Cũng có thể hiểu là ba Phật quá khứ: Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm Mâu-ni, Ca-diếp.

“Mười pháp, từ mười đến Mười một.
“Pháp bảo như vậy trọn không mất;
“Hằng ở thế gian, tồn tại lâu.”

Ở giữa đại chúng tập pháp này,
A-nan tức thì thăng pháp tọa.
Di-lặc tán thán: “Khéo thuyết thay!
“Hãy nên phối hợp nghĩa các Pháp.
“Lại có các pháp nên phân bộ;
“Lời dạy Thế Tôn, mỗi mỗi khác.
“Bồ-tát phát ý hướng Đại thừa,
“Nhu Lai nói riêng cho pháp này:
“Có người Thế Tôn dạy sáu độ:
“Bố thí, trì giới, nhẫn, tinh tấn,
“Sức thiền, trí tuệ như trăng non;
“Vượt qua vô cực thấy các pháp.
“Có ai dừng mãi thí đầu mắt;
“Thân thể máu thịt không thương tiếc;
“Thê thiếp, quốc thành, cùng nam nữ;
“Đó là đàn độ⁷ không nên bỏ.
“Giới độ vô cực như kim cương,
“Không hủy, không phạm không lọt mất;
“Giữ tâm hộ giới như bình tách.
“Đó gọi giới độ không nên bỏ.
“Hoặc có người đến chặt tay chân,
“Không khởi sân hận, sức nhẫn mạnh;
“Nhu biển dung chứa không tăng giảm,
“Đó là nhẫn độ không nên bỏ.
“Những ai tạo tác hành thiện ác,
“Cả thân, khẩu, ý không chán đủ;
“Các hành hại người, không đến đạo,

⁷ Đàn độ 檀度, tức đàn ba-la-mật, hay bố thí ba-la-mật (Skt. Pl.: *dāna-pāramitā*).

“Đó gọi tán độ không nên bỏ.
“Những ai thiên tọa đêm hơi thở,
“Tâm ý kiên cố, không loạn niệm;
“Vĩ có động đất, thân không nghiêng,
“Đó gọi thiên độ, không nên bỏ.
“Dùng sức trí tuệ, đếm bụi trần,
“Trải triệu số kiếp không kể xiết;
“Số nghiệp sách ghi ý không loạn,
“Đó gọi trí độ, không nên bỏ.
“Các pháp thậm thâm, luận Lý Không,
“Khó sáng, khó tỏ, không thể quán;
“Tương lai đời sau lòng hồ nghi,
“Đức Bồ-tát này không nên bỏ.”

A-nan tự trình bày ý nghĩ:

“Người ngu không tin hạnh Bồ-tát;
“Trừ các La-hán tín giải thoát
[550b01] “Mới có tín tâm không do dự.
“Bốn chúng đệ tử, phát đạo ý,⁸
“Cùng tất cả mọi loài chúng sanh;
“Có lòng tin vững không hồ nghi.”

Di-lặc tán thán: “Khéo thuyết thay!
“Phát tâm Đại thừa, ý quảng đại.”
“Hoặc có các pháp, đoạn kết sử;
“Hoặc có các pháp, thành quả đạo.”

A-nan nói rằng: “Đây thế nào?
“Tôi thấy Như Lai tuyên pháp này.
“Có người không nghe Như Lai thuyết
“Pháp này, há chẳng có hồ nghi?
“Nếu tôi nói nghĩa này không đúng,

⁸ Phát đạo ý: phát bồ-đề tâm.

“Nhu vậy hư dối đời tương lai.
“Nay các kinh xưng: Tôi nghe như vậy,
“Phật trú thành nào, quốc thổ nào?
“Lần đầu nói pháp: Ba-la-nại.
“Độ ba Ca-diếp: Ma-kiệt-đà.
“Câu-tát, Ca-thi, giữa Thích tộc,
“Chiêm-ba, Câu-lưu, Tỳ-xá-ly,
“Cung Trời, cung Rồng, A-tu-la,
“Cung Kiên-đạp-hòa, thành Câu-thi;
“Giả sử không rõ nơi nói kinh,
“Thì nói nguyên gốc tại Xá-vệ.
“Việc ấy, một thời tôi đã nghe,
“Phật tại Xá-vệ cùng đệ tử;
“Tinh xá Kỳ-hoàn, tu thiện nghiệp,
“Vườn Cấp Cô Độc Trưởng giả cúng.
“Khi Phật ở đây, bảo Tỳ-kheo:
“Nên chuyên tâm tu tập một pháp,
“Tư duy một pháp, không buông lung,
“Sao gọi một pháp? Là niệm Phật;
“Niệm Pháp, niệm Tăng cùng niệm giới,
“Niệm thí, niệm Thiên, trừ loạn tưởng.
“An-ban hơi thở, và niệm thân,
“Niệm chết trừ loạn, tổng mười niệm.
“Đó pháp mười niệm, có thêm mười,
“Tiếp theo, lại nói Tôn đệ tử:
“Trước độ Câu-lân⁹ con trưởng Phật,
“Người nhỏ cuối cùng là Tu-bạt.¹⁰
“Dùng phương tiện này hiểu một pháp.
“Hai từ hai pháp, ba từ ba.
“Bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười,

⁹ Câu-lân 拘鄰: Kiêu-trần-như. Pāli: Koṇḍañña.

¹⁰ Tu-bạt 須拔. Pl.: Subhadaparibbājaka, ngoại đạo xuất gia Subhada. Vị đệ tử cuối cùng. Xem Trường, No 1(2).

“Mười một:, không pháp nào không rõ.
“Từ một tăng một đến các pháp,
“Nghĩa nhiều, huệ rộng không thể tận.
“Mỗi một Khế kinh nghĩa cũng sâu,
“Cho nên gọi là Tăng nhất hàm.
“Nay tìm một pháp khó rõ ràng,
“Khó trì, khó hiểu, không thể tỏ.
“Tỳ-kheo tự nói nghiệp công đức,
“Nay phải tôn xưng là đệ nhất;
“Giống như thợ gốm làm đồ dùng,
“Theo ý mà làm không nghi ngại.
“A-hàm Tăng nhất pháp cũng vậy,
“Ba thừa giáo hóa không sai khác.
[550c01] “Vi diệu Phật kinh rất thâm sâu,
“Hay trừ kiết sử như giòng chảy.
“Tuy nhiên, Tăng nhất ở trên hết,
“Làm sạch ba nhãn trừ ba cấu.
“Người nào chuyên tâm trì Tăng nhất,
“Là người tổng trì tạng Như Lai.
“Cho dù thân này còn kết sử,
“Đời sau liền được trí tài cao.
“Nếu ai chép viết thành kinh quyển,
“Hoa lọng, lụa là đem cúng dâng;
“Phước này vô lượng không kể xiết.
“Vi Pháp bảo này, rất khó gặp.”

Khi nói lời này, trời đất động,
Trời mưa hoa thơm ngập đến gối.
Trên không chư Thiên khen: “Lành thay!
“Tôn giả nói lời đều thuận nghĩa.
“Khế kinh tạng một, Luật tạng hai,
“Kinh A-tỳ-đàm là tạng ba.
“Phương đẳng, Đại thừa nghĩa thâm thúy,
“Cùng các khế kinh là Tạp tạng.

“*Ổn định lời Phật quyết không đổi.
“Nhân duyên đầu cuối đều tùy thuận.”*”

*Di-lặc, chư Thiên cũng khen tốt:
Kinh điển Thích-ca tồn tại mãi.
Di-lặc đứng lên tay cầm hoa,
Vui mừng đem rải lên A-nan:
“Kinh này chân thật Như Lai nói.
“Cầu mong A-nan quả đạo thành.”*”

Bấy giờ Tôn giả A-nan, cùng Phạm thiên dẫn các trời Phạm-ca-di đều đến hội họp. Trời Hóa tự tại dẫn đoàn tùy tùng đều đến tụ hội. Trời Tha hóa tự tại dẫn đoàn tùy tùng đều đến tụ hội. Trời Đâu-suất Thiên vương dẫn chúng chư thiên đến tụ hội. Trời Diêm thiên dẫn đoàn tùy tùng đến tụ hội. Thích Đề-hoàn Nhân dẫn chúng chư thiên Tam thập tam đều đến tụ hội. Đề-đâu-lại-tra Thiên vương dẫn chúng Càn-thát-bà¹¹ đều đến tụ hội. Tỳ-lưu-lặc-xoa Thiên vương dẫn các Yém quý đều đến tụ hội. Tỳ-Sa-môn Thiên vương dẫn chúng Duyệt-xoa, La-sát đều đến tụ hội.

Bấy giờ, Di-lặc Đại sĩ nói với các Bồ-tát:

“Các Khanh hãy khuyến khích các tộc tánh nam, tộc tánh nữ trong hiền kiếp phúng tụng, thọ trì Tôn pháp Tăng nhất; quảng diễn, phổ biến, khiến mọi người phụng hành.”

Sau khi nói những lời này, chư Thiên, loài Người, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lưu-la, Ma-hầu-lặc, Chân-đà-la, v.v..., đều bạch rằng:

¹¹ Đàn-đạp-hòa; Pāli: *gandhabba* (Skt. *gandharva*), thần âm nhạc của Đế Thích; thường quen với phiên âm càn thát-bà hơn.

Tăng nhất A-hàm

“Hết thấy chúng tôi đều ủng hộ người thiện nam, thiện nữ mà phúng tụng, thọ trì Tôn pháp Tăng nhất ấy, quảng diễn, phổ biến, trọn không bao giờ để dứt tuyệt.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan [551a1] bảo Ưu-đa-la¹²:

“Nay tôi đem Tăng nhất A-hàm này phó chúc cho ông. Hãy khéo phúng tụng, đọc thuộc, chớ để sai sót. Vì sao? Vì nếu ai khinh mạn Tôn Kinh này sẽ đọa lạc xuống hàng phàm phu. Vì sao? Nay Ưu-đa-la, Tăng nhất A-hàm này xuất giáo nghĩa của ba mươi bảy phẩm đạo,¹³ và các pháp cũng từ đây mà phát sinh.”

Bấy giờ, Đại Ca-diếp hỏi A-nan:

“Thế nào, A-nan, Tăng nhất A-hàm này xuất giáo nghĩa của ba mươi bảy phẩm đạo, và các pháp cũng từ đây mà phát sinh?”

A-nan bạch:

“Thật vậy, Thật vậy, Tôn giả Ca-diếp! Tăng nhất A-hàm này xuất giáo nghĩa của ba mươi bảy phẩm đạo, và các pháp cũng từ đây mà phát sinh; điều này hãy gác lại. Chỉ một bài kệ trong Tăng nhất A-hàm cũng xuất sinh ba mươi bảy phẩm và các pháp.”

Ca-diếp hỏi:

“Trong bài kệ nào mà xuất sinh ba mươi bảy phẩm và các pháp?”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền nói kệ này:

¹² Ưu-đa-la 優多羅. xem phẩm 4. Đệ tử. Có thể đồng nhất với Pāli: Uttara, đệ tử và thị giả của ngài Xá-lợi-phất.

¹³ Tam thập thất đạo phẩm: 37 phần bồ-đề, giác phần. Pāli: *bodhipakkhiyā dhammā*.

*Chớ làm các điều ác.
Vâng làm các điều.
Tự thanh tịnh tâm ý.
Là lời Chư Phật dạy.*

“Sở dĩ như vậy là vì, chớ làm các điều ác, đó là gốc rễ của các pháp, từ đó xuất sinh tất cả các pháp thiện. Do sinh pháp thiện, nên tâm ý thanh tịnh. Cho nên, bạch Ca-diếp, thân, khẩu, ý hành của chư Phật Thế Tôn thường tu thanh tịnh.”

Ca-diếp hỏi:

“Thế nào, A-nan, chỉ có Tăng nhất A-hàm mới xuất sinh ba mươi bảy phẩm và các pháp, hay là bốn A-hàm khác cũng xuất sinh?”

A-nan đáp:

“Hãy gác lại điều đó, bạch Ca-diếp. Nghĩa của bốn A-hàm, trong bài kệ đã tóm thâu đầy đủ giáo nghĩa của chư Phật, và giáo nghĩa của Thanh văn, Bích-chi-phật. Sở dĩ như vậy là vì, chớ làm các điều ác, đó là sự cấm chỉ đầy đủ giới, là hành thanh bạch. Vâng làm các điều thiện, đó là tâm ý thanh tịnh. Tự thanh tịnh tâm ý, là trừ tà điên đảo. Đó là lời chư Phật dạy, trừ khử tướng mê lầm.

“Thế nào, bạch Ca-diếp, giới thanh tịnh, há ý không thanh tịnh sao? Ý thanh tịnh thì không điên đảo. Vì không điên đảo nên tướng mê hoặc bị diệt, và các quả do ba mươi bảy phẩm đạo mà được thành tựu. Đạo quả đã thành tựu, há đó chẳng phải là các pháp sao?”

Ca-diếp hỏi:

“Thế nào, A-nan, sao đem Tăng nhất này mà trao cho Ưu-đa-la, chứ không trao cho Tỳ-kheo khác, và tất cả ác pháp khác nữa?”

Tăng nhất A-hàm

A-nan đáp:

“Tăng nhất A-hàm chính là các pháp, các pháp chính là [551b1] Tăng nhất A-hàm, chỉ là một, không có hai.”

Ca-diếp hỏi:

“Vì những nguyên nhân nào mà đem Tăng nhất A-hàm này trao cho Ưu-đa-la, chứ không trao cho Tỳ-kheo khác?”

A-nan đáp:

“Bạch Ca-diếp, nên biết, chín mươi một kiếp trước, Tỳ-bà-thi¹⁴ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian, lúc ấy Tỳ-kheo Ưu-đa-la này có tên là Y-câu Ưu-đa-la.¹⁵ Bấy giờ, đức Phật kia đem pháp Tăng nhất trao cho người này, khiến phúng tụng, đọc thuộc. Từ đó cho đến ba mươi một kiếp về sau, tiếp theo lại có đức Phật tên là Thức-cật¹⁶ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác ra đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Mục-già Ưu-đa-la,¹⁷ được Như Lai Thức-cật lại đem pháp này trao cho, khiến phúng tụng, đọc thuộc. Rồi trong ba mươi một kiếp ấy, Tỳ-xá-bà¹⁸ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác lại xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Long Ưu-đa-la,¹⁹ lại được trao cho pháp này, khiến phúng tụng, đọc thuộc.

¹⁴ Tỳ-bà-thi 毘婆尸, xem Trường No 1(1). Pl.: *Vipassin*.

¹⁵ Y-câu Ưu-đa-la 伊俱優多羅.

¹⁶ Thức-cật 式詰; xem Trường No 1(1): Thi-khí 尸棄. Pl.: *Sikkhin*.

¹⁷ Mục-già Ưu-đa-la 目伽優多羅.

¹⁸ Tỳ-xá-bà 毗舍婆. No 2: Tỳ-xá-phù 毗舍浮. No 4: Tỳ-diệp 隨葉. Pl.: *Vessabhū*. Xem Trường No 1(1).

¹⁹ Long Ưu-đa-la 龍優多羅.

“Bạch Ca-diếp, nên biết, trong Hiền kiếp này có Câu-lưu-tôn²⁰ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Điện Lôi Ưu-đa-la,²¹ lại được trao cho pháp này, khiến phúng tụng, đọc thuộc. Trong hiền kiếp này, tiếp theo, lại có Phật, hiệu là Câu-na-hàm²² Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Thiên Ưu-đa-la.²³ Ngài lại đem pháp này chúc lụy cho người này, khiến phúng tụng, tập đọc. Trong hiền kiếp này, tiếp theo, lại có Phật, hiệu là Ca-diếp Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Phạm Ưu-đa-la, lại được trao cho pháp này, khiến phúng tụng, đọc thuộc.

“Bạch Ca-diếp, nên biết, nay Thích-ca Văn Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Tỳ-kheo này nay tên là Ưu-đa-la. Phật Thích-ca Văn tuy đã vào Bát-niết-bàn, nhưng Tỳ-kheo A-nan vẫn còn ở thế gian. Thế Tôn đã đem pháp phó chúc hết cho tôi. Nay tôi lại đem pháp này trao lại cho Ưu-đa-la. Vì sao? Hãy xem đồ dùng, xét kỹ nguyên gốc, rồi sau mới trao pháp. Vì sao vậy? Vì vào thời quá khứ, ở trong Hiền kiếp này, đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc²⁴, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu²⁵, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn²⁶, xuất

²⁰ Câu-lưu-tôn hay 拘樓孫. No 2: Câu-lưu-tôn 俱留孫. No 4: Câu-lưu-tân 拘樓秦. Pl.: *Kakusandha*. Xem Trường No 1(1).

²¹ Điện Lôi Ưu-đa-la 雷電優多羅.

²² Câu-na-hàm 拘那含. No 2: Câu-na-hàm Mâu-ni 俱那含牟尼. No 4: Câu-na-hàm Mâu-ni 拘那含牟尼. Pl. *Konāgama*. Xem Trường No 1(1).

²³ Thiên Ưu-đa-la 天優多羅.

²⁴ Nguyên trong bản: Minh Hành thành vi明行成爲.

²⁵ Nguyên trong bản: Đạo pháp ngự 道法御.

²⁶ Nguyên trong bản: Chúng hựu 眾祐.

hiện ở thế gian. Lúc đó có vua tên Ma-ha Đề-bà²⁷ [551c1] dùng pháp trị giáo hóa chưa từng bị sai lệch; tuổi thọ rất dài, đoan chánh vô song, ít có trong đời. Trong tám vạn bốn nghìn năm, thân làm đồng tử, tự mình vui chơi. Trong tám vạn bốn nghìn năm, thân làm Thái tử mà trị hóa bằng pháp. Trong tám vạn bốn nghìn năm, lại trị hóa thiên hạ bằng vương pháp.

“Bạch Ca-diếp, nên biết, bấy giờ Thế Tôn trú trong vườn cam lê.²⁸ Như pháp thường từ xưa, sau khi ăn xong, Ngài kinh hành ở sân trước, tôi làm thị giả. Lúc đó, Thế Tôn cười, miệng phát ra ánh sáng năm sắc. Tôi thấy vậy, liền quỳ trước Thế Tôn, bạch: ‘Phật không cười vô cớ. Con xin được nghe gốc gác ngọn ngành, Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác không cười vô cớ.’ Bấy giờ, bạch Ca-diếp, Phật bảo tôi: ‘Vào thời quá khứ, ở trong Hiền kiếp này, có Như Lai danh hiệu Câu-lưu-tôn, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian, cũng tại chỗ này thuyết pháp rộng rãi cho các đệ tử. Kế đến, cũng ở trong Hiền kiếp này, lại có Như Lai Câu-na-hàm, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Bấy giờ đức Phật kia cũng tại chỗ này thuyết pháp rộng rãi. Tiếp đến, cũng trong Hiền kiếp này, Như Lai Ca-diếp, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Như Lai Ca-diếp cũng tại chỗ này thuyết pháp rộng rãi.’

“Bạch Ca-diếp, lúc ấy tôi quỳ trước đức Phật, bạch rằng: ‘Con nguyện sau này đức Thích-ca Văn Phật cũng tại chỗ này thuyết pháp đầy đủ cho các đệ tử. Chỗ này đã là tòa kim cương của bốn đức Như Lai, hằng không gián đoạn.’

²⁷ Ma-ha-đề-bà 摩訶提婆. Xem Trung No 26(67): Đại thiên nại lâm. Pāli: Makkhādeva.

²⁸ Cam lê viên 甘梨園. Đây chỉ khu vườn xoài tại Di-tát-la (Pāli: Mithilā). Xem Trung No 26(67): Đại thiên nại lâm 大天柰林. Pāli: Makkhādeva-ambavana.

“Bạch Ca-diếp, lúc ấy Thích-ca Văn Phật ngay tại chỗ ngồi ấy bảo tôi: ‘Này A-nan, thừa xưa, tại chỗ này, trong hiền kiếp, có vị vua sinh ra ở đời tên là Ma-ha Đề-bà, (...) *cho đến*, trong tám vạn bốn nghìn năm dùng vương pháp giáo hóa, lấy đức mà huấn thị. trải qua nhiều năm. Một hôm vua bảo Kiếp-tì²⁹ rằng: ‘Nếu khi nào thấy đầu ta có tóc bạc, hãy báo cho ta.’ Bấy giờ, người kia nghe giáo lệnh của vua, và phải trải qua nhiều năm mới thấy trên đầu vua có tóc bạc xuất hiện, liền quỳ trước vua tâu: ‘Tâu Đại vương, nên biết, trên đầu đã xuất hiện tóc bạc.’ Lúc ấy, vua bảo người kia: ‘Lấy nhíp vàng, nhổ tóc bạc của ta, rồi đặt vào tay ta.’ Người kia vâng lệnh của vua, liền cầm nhíp vàng nhổ tóc bạc. Bấy giờ, Đại vương thấy tóc bạc rồi, liền nói bài kệ này:

[552a1]³⁰

*Hôm nay trên đầu ta
Đã sinh tóc suy hao.
Thiên sứ đã đến rồi.
Nên xuất gia kịp lúc.*

“Hiện tại ta đã hưởng phước nhân gian rồi, phải tự nỗ lực để có đức lên trời. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y; với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ.

“Bấy giờ, vua Ma-ha Đề-bà bảo thái tử thứ nhất tên là Trường Thọ: ‘Nay con biết không, đầu ta đã sinh tóc bạc! Ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ. Con hãy nói ngói ta, dùng pháp mà trị giáo hóa, chớ làm trái lại lời ta dạy mà làm việc phạm phư. Sở dĩ

²⁹ Kiếp-tì 劫比. Có lẽ là người hớt tóc (*nāpita?*).

³⁰ Từ đây trở xuống cho đến bài kệ tiếp theo, xem phần chép thêm của đề bản, cuối quyển 1, đoạn cuối Phẩm Tựa này.

Tăng nhất A-hàm

như vậy, là vì nếu có người nào trái lại lời ta, người đó làm việc phạm phu. Kẻ phạm phu thì ở mãi trong ba đường, tám nạn.’

“Bấy giờ, vua Ma-ha Đề-bà đem ngôi vua trao cho thái tử rồi, lại đem cửa báu ban cho Kiếp-tỉ, rồi đi đến chỗ kia cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lia bỏ các khổ; khéo tu phạm hạnh trong tám vạn bốn nghìn năm, thực hành bốn đẳng tâm³¹ là từ, bi, hỷ, xả³²; thân hoại mạng chung sinh lên Phạm thiên.

“Bấy giờ, vua Trường thọ nhớ những lời vua cha dạy, chưa bao giờ tạm quên, dùng pháp mà trị hóa, không để sai lệch; không đầy tuần lễ liền được làm Chuyển luân Thánh vương, bảy báu đầy đủ. Bảy báu đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, điện tạng báu, điện binh báu. Đó gọi là bảy báu. Lại có một nghìn người con trí tuệ đồng mãnh, thống lãnh bốn phương, hay trừ các khổ. Bấy giờ, vua Trường Thọ, bằng vương pháp như trên, làm bài kệ:

*Kính pháp, vâng lời Tôn,
Không quên báo ân xưa.
Lại hay trọng ba nghiệp,
Điều kẻ trí quý trọng.*

“Tôi, sau khi quán sát nghĩa này, đem Tăng nhất A-hàm này trao cho Tỳ-kheo Ưu-đa-la. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều có nguyên do.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo Ưu-đa-la:

³¹ Tứ đẳng tâm 四等心, tức tứ vô lượng tâm.

³² Nguyên Hán: hộ 護, một cách hiểu khác từ Skt. upekṣā (Pal. upekkā).

“Thầy trước đây khi làm Chuyển luân Thánh vương không quên lời dạy vua cha. Nay tôi lại đem pháp này phó chúc, mong Thầy không để sai sót chánh giáo, chớ tạo hạnh phạm phu. Nay Thầy nên biết, nếu có ai trái mất thiện giáo của Như Lai, thì sẽ đọa vào trong hàng phạm phu. Vì sao? Vì lúc bấy giờ vua Ma-ha Đề-bà không đến được địa vị giải thoát cứu cánh, chưa giải thoát đến [552b1] nơi an ổn. Tuy được phước hưởng Phạm thiên, nhưng vẫn còn chưa đến được cứu cánh thiện nghiệp của Như Lai; đến đây mới gọi là nơi cứu cánh an ổn, khoái lạc cùng cực, được trời người cung kính, tất được Niết-bàn. Vì vậy cho nên, này Ưu-đa-la, hãy phụng trì pháp này, phúng tụng, đọc, niệm chớ để cho thiếu sót.”

Rồi thì, A-nan liền nói kệ:

*Hãy chuyên niệm nơi pháp,
Như Lai từ đây sinh.
Pháp hiện, thành chánh giác,
Đạo Bích-chi, La-hán.

Pháp hay trừ các khổ,
Cũng hay thành quả chắc.
Niệm pháp, tâm không rời;
Hưởng báo nay, đời sau.

Nếu người muốn thành Phật,
Giống như Thích-ca Vãng,
Thọ trì pháp ba tạng,
Câu cú không loạn sai.

Ba tạng tuy khó trì,
Nghĩa lý không thể cùng.
Hãy tụng bốn A-hàm,
Cắt đứt đường nhân thiên.

A-hàm tuy khó tụng,*

Tăng nhất A-hàm

*Nghĩa kinh không thể tận,
Chớ để mất giới luật,
Đây là báu Như Lai.*

*Cấm luật cũng khó trì,
A-hàm cũng như vậy.
Giới trì A-tỳ-đàm,
Hàng phục thuật ngoại đạo.*

*Tuyên dương A-tỳ-đàm,
Nghĩa ấy cũng khó trì.
Hãy tụng ba A-hàm,
Không mất câu cú kinh.*

*Khế kinh, A-tỳ-đàm,
Giới luật, truyền khắp đời;
Trời người được phụng hành,
Liên sinh nơi an ổn.*

*Vì không pháp Khế kinh,
Cũng lại không giới luật;
Như mù vào trong tối,
Bao giờ mới thấy sáng?*

*Vì vậy phó chúc Thầy,
Cùng với bốn bộ chúng;
Hãy trì, chớ khinh mạn,
Trước Phật Thích-ca Vãn.*

Khi Tôn giả A-nan nói những lời này, trời đất sáu lần rung động. Chư Thiên tôn thần ở giữa hư không, tay cầm hoa trời rải lên người Tôn giả A-nan cùng chúng bốn bộ. Tất cả Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-la, Ca-lưu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... đều hoan hỷ [552c1] và tán thán:

“Lành thay, lành thay, Tôn giả A-nan. Những lời nói mà khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, không có điều nào là

không khéo léo. Hãy cung kính Pháp, thật đúng như lời. Chư thiên và người đời không ai không do Pháp mà thành tựu. Nếu ai làm ác sẽ đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.”

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan, ở giữa bốn bộ chúng, cất tiếng rống của sư tử, khuyên tất cả mọi người phụng hành pháp này.

Bấy giờ, ngay tại chỗ, ba vạn Trời Người được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, bốn bộ chúng, chư Thiên, Người đời, nghe Tôn giả thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

Đoạn chép phụ cuối quyển 1 trong đề bản, gồm 299 chữ (Hán). So sánh đoạn văn [552a1] ở trên.

*Hôm nay trên đầu ta
Đã sinh tóc suy hao.
Thiên sứ đã đến rồi.
Nên xuất gia kịp lúc.*

“Hiện tại ta đã hưởng phước nhân gian rồi, phải tự nỗ lực để có đức lên trời. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y; với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ.

“Bấy giờ, vua *Trường Thọ* bảo thái tử thứ nhất tên là *Thiện Quán*: ‘Nay, con biết không! Đầu ta đã sinh tóc bạc. Ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ. Con hãy nói ngòi ta, dùng pháp mà trị giáo hóa, chớ làm trái lại lời ta dạy mà làm việc phạm phu. Sở dĩ như vậy, là vì nếu có người nào trái lại lời ta, người đó làm việc phạm phu. Kẻ phạm phu thì ở mãi trong ba đường, tám nạn.’

Tăng nhất A-hàm

“Bấy giờ, vua Ma-ha Đề-bà đem ngôi vua trao cho thái tử rồi, lại đem của báu ban cho Kiếp-tử, rồi tại nơi khác cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ; khéo tu phạm hạnh trong tám vạn bốn nghìn năm, thực hành bốn đẳng tâm là từ, bi, hỷ, xả; thân hoại mạng chung sinh lên Phạm thiên.

“Bấy giờ, vua *Thiện Quán* nhớ những lời vua cha dạy, chưa bao giờ tạm quên, dùng pháp mà trị hóa, không để sai lệch. Bạch Ca-diếp, ngài biết không, Ma-ha-đề-bà bấy giờ há là ai khác chăng? Chớ có quan sát như vậy. Vua bấy giờ là đức Thích-ca Văn nay vậy. Trường Thọ vương khi đó bây giờ là thân A-nan vậy. Thiện Quán khi ấy, nay là Tỳ-kheo Ưu-đa-la vậy, hằng thọ vương pháp chưa từng bỏ quên, cũng không để bị cắt đứt. Bấy giờ, vua Thiện Quán lại tuân hành sắc chỉ của vua cha, bằng pháp mà trị hóa, không làm đứt vương giáo. Sở dĩ như vậy, vì khó có thể làm trái giáo huấn của vua cha.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bèn nói kệ: *trở lại văn bản trên.*

MỘT PHÁP

2. PHẨM THẬP NIỆM¹

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Phật.² Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹ Pāli tương đương, A. 1.16 *Ekadhamma*. Cf. *Quang tán Bát-nhã* 7, T8n222, tr.195a12

² Pāli: *buddhānussati*.

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Pháp.³ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Chúng.⁴ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả **[553a1]** Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³ Pāli: *dhammānussati*.

⁴ Pāli: *Saṅghānussati*.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Giới.⁵ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Thí.⁶ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một

⁵ Pāli: *sīlānussati*.

⁶ Pāli: *cāgānussati*.

Tăng nhất A-hàm

pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Thiên.⁷ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy **[553b1]** quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được

⁷ Pāli: *devānussati*.

quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm hu tuát.⁸ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm an-ban.⁹ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

⁸ Pāli: *upasamānussati*, niệm tịch tĩnh (của Niết-bàn).

⁹ Pāli: *anāpānasati*, niệm hơi thở ra vào.

Tăng nhất A-hàm

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm thân vô thường.¹⁰ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm sự chết.¹¹ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy [553c1] giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁰ Pāli: *kāyagatāsati*, niệm thân hành.

¹¹ Pāli: *marāṇassati*.

Kệ tóm tắt

*Niệm Phật, Pháp, Thánh chúng,
Niệm giới, thí và thiên,
Niệm hưu tức, an-ban,
Niệm thân, chết cuối cùng.*¹²

¹² Bản Hán, hết quyển 1.

3. PHẨM QUẢNG DIỄN

KINH SỐ 1

[554a07] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Phật.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói.¹ Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

¹ Nguyên Hán: 諸法之本。如來所說。 Cùng ý nghĩa, nhưng các đoạn sau, Hán dịch khác: 世尊是諸法之本。如來所陳。承受。 Xem Phẩm 9, kinh 1.

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bất tréo chân, buộc niệm ở trước, chuyên tinh niệm Phật, không có niệm tưởng nào khác. Quán hình của Như Lai, mắt không hề rời. trong khi mắt không rời, niệm tưởng công đức Như Lai.

“Thê của Như Lai được thành tựu từ kim cương, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, đồng mãnh giữa đại chúng. Gương mặt của Như Lai đoan chánh vô song, nhìn không chán mắt. Giới đức thành tựu giống như kim cương không thể phá hoại, trong sạch không tỳ vết cũng như lưu ly. Tam-muội của Như Lai chưa từng sút giảm, đã tĩnh chỉ, vĩnh viễn tịch tĩnh, không có niệm khác. Các thứ tình kiêu mạn, ngang bướng đã vắng im,² ý tham dục, tưởng sân hận, tâm ngu hoặc, mạn kết³ do dự, tất đều tận trừ. Huệ thân của Như Lai, trí không bờ đáy, không bị chướng ngại. [554b01] Thân Như Lai, được thành tựu từ giải thoát, các cõi⁴ đã hết, không còn sinh phần để nói ‘Ta sẽ đọa nơi sinh tử.’ Thân Như Lai được vượt qua thành trì của tri kiến, biết căn cơ người khác đáng được độ hay không đáng được độ, chết đây sinh kia, xoay vần qua lại trong ngăn mé sinh tử, có người giải thoát, người không giải thoát; Như Lai thấy đều biết tất cả.

“Đó là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến

² Đề bản: đấm phạ 擔怕. Nên đọc là đấm bạc 擔怕.

³ Đề bản: võng kết 網結. TNM: mạn kết. Pāli: *māna-saññojana*.

⁴ Nguyên Hán: chư thú dĩ tận 諸趣已盡, chỉ các cõi thọ sinh, tức tái sinh. Pāli: *gati*. Nhưng định ngữ thường gặp: *khīṇajāti*, sanh dĩ tận, sự tái sinh đã dứt hết. Có lẽ bản Hán dịch là *khīṇa-gati*.

Tăng nhất A-hàm

Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Phật, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Pháp.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Pháp, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.” Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bất tréo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Pháp, trừ các dục ái, không còn trần lao, tâm khát ái vĩnh viễn không nổi lên nữa.

“Phàm Chánh pháp là ở nơi dục mà đạt đến vô dục, lia các kết phược và các bệnh của triền cái. Pháp này giống như mùi các loại hương, không có tỳ vết của niệm loạn tưởng

“Đó gọi là Tỳ-kheo tu hành niệm Pháp, liền có [554c01] danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Pháp, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Là niệm Tăng.”

Tăng nhất A-hàm

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Tăng, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bất tréo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Tăng. Thánh chúng của Như Lai thành tựu từ nghiệp lành, chất trực, thuận nghĩa, không có nghiệp tà, trên dưới hòa mục, pháp pháp thành tựu.⁵ Thánh chúng của Như Lai thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu tri kiến giải thoát. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi, tám hạng. Đó là Thánh chúng của Như Lai, xứng đáng được tùy thuận cung kính, thừa sự, lễ bái. Sở dĩ vậy là vì đó là ruộng phước của thế gian. Ở trong Chúng này đều cùng là pháp khí, cũng vì tự độ

⁵ Pháp pháp thành tựu 法法成就, nên hiểu là pháp tùy pháp hành (Pāli: *dhammānudhamma-paṭipanna*), thực hành theo thuận thứ của pháp.

lại độ người khác đến đạo ba thừa. Nghiệp như vậy gọi là Thánh chúng.

“Đó là nói, này các Tỳ-kheo, nếu ai niệm Tăng, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, [555a01] được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Tăng, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Giới.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Giới, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

Tăng nhất A-hàm

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Giới. Giới có nghĩa là dừng các điều ác. Giới khiến thành tựu đạo, khiến người hoan hỷ. Giới là anh lạc đeo thân, hiện những vẻ đẹp.

“Phàm cấm giới, giống như bình cát tường,⁶ mọi sở nguyện liền đạt được. Mọi pháp đạo phẩm đều do giới mà thành tựu.

“Nhu vậy, Tỳ-kheo thực hành cấm giới sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thân thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Giới, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

⁶ Cát tường bình吉祥瓶, tức đức bình 德瓶; *Đại trí độ 13* (154a07): “Trời có một cái bình gọi là đức bình, từ trong đó sản xuất những vật cần yếu. Ai có bình này, muốn gì đều được.” Skt. *maṅgalapātra/ maṅgalapūrṇa-kumbha*. Không tìm thấy Pāli tương đương.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [555b01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Thí.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Thí, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo, nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Tăng nhất A-hàm

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Thí. Những gì tôi bố thí hôm nay, là tối thượng trong các sự thí, vĩnh viễn không có tâm hối hận, không mong đền đáp để mong được thiện lợi. Nếu người nào mắng tôi, tôi quyết không mắng trả. Dù người hại tôi, dùng tay đánh, dao gậy đập, gạch đá ném, tôi cũng sẽ khởi lòng từ, không nổi sân hận. Những gì tôi bố thí, ý muốn cho sẽ không dứt tuyệt.

“Đó gọi là, này Tỳ-kheo, đại thí, sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Thí, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, thì liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì [555c01] là một pháp? Là niệm Thiên.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Thiên, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bất trúo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Thiên.

“Thân, miệng, ý trong sạch, không tạo hành vi ô uế; thực hành giới thành tựu thân. Thân phóng ánh sáng tỏa khắp mọi nơi, thành tựu thân trời kia. Quả báo lành thành tựu thân trời kia. Các hành đầy đủ mới thành thân trời.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm Thiên, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Thiên, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Tăng nhất A-hàm

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm hưu tức.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm hưu tức, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo [556a01] nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm tịch tĩnh⁷. Tịch tĩnh là tâm ý tưởng lắng đọng, chí tánh an nhàn, mà không nóng nảy; tâm hằng chuyên nhất, thích nơi vắng vẻ, thường tìm phương tiện nhập định tam-muội, thường niệm tưởng không ham tranh thắng, dành chỗ trước trên.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm tịch tĩnh, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm tịch tĩnh, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần

⁷ Nguyên Hán: hưu tức 休息. Pāli: *upasamānussati*.

Tăng nhất A-hàm

thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm an-ban.”⁸

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm an-ban, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.” Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân kiết già, buộc niệm ở trước, không có [556b01] tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm an-ban. Nói an-ban, tức là khi hơi thở dài, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang dài; nếu hơi thở lại ngắn, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang ngắn; nếu hơi thở rất lạnh, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang lạnh; nếu hơi thở lại nóng, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang nóng. Quán khắp thân thể từ đầu đến chân, tất cả đều nên quán biết. Nếu hơi thở lại có dài ngắn, cũng hãy quán hơi thở có dài ngắn. Dụng tâm đặt nơi toàn

⁸ An-ban niệm 安般, niệm hơi thở ra vào.

thân,⁹ biết hơi thở dài ngắn, tất cả đều biết rõ, cho đến khi hơi thở ra vào được phân biệt rõ ràng. Nếu tâm đặt nơi thân, biết hơi thở dài ngắn, cũng lại biết rõ, đếm hơi thở dài ngắn cũng phân biệt rõ ràng.

“Nhu vậy, các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm an-ban, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm an, ban, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm thân.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

⁹ Dụng tâm trì thân 用心持身; chính xác nên hiểu: cảm giác toàn thân khi thở vô... khi thở ra. Pāli: *sabbakāyapaṭisaṃvedī passasissāmīti sikkhati*.

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào là tu hành niệm thân, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thân thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, [556c01] chuyên tinh niệm thân. Niệm thân là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, mật, gan, phổi, tim, lá lách, thận, ruột già, ruột non, bạch chức¹⁰, bàng quang, phần, tiểu, dạ dày¹¹, thương đặng,¹² dịch vị,¹³ nước mắt, đờm dãi, mủ, máu, mỡ, nước miếng, đầu lâu, não.¹⁴ Cái

¹⁰ Bạch chức 白臟 (?) Khang hy: “Thịt khô (脯 phủ) dài 1 thước 2 tấc gọi là chức.” Có lẽ đây nên đọc là bạch mô 白膜. Nhưng cũng không biết chỉ thứ gì.

¹¹ Hán: bách diệp 百葉, nguyên chỉ dạ dày của bò dê.

¹² Thương đặng 滄蕩 (?)

¹³ Nguyên: tì bào 脾泡, bong bóng hay bọt nơi lá lách (?).

¹⁴ Đại thể, gồm 36 vật trong thân, cf. *Tạp* 43, T2n99, tr. 311a28; *Đại Bát-nhã* 53, T5n220, tr. 298b26. Cf. Pāli, M.iii. 90.

nào là thân? Đó là đại chủng đất? Đó là đại chủng nước? Đó là đại chủng lửa? Đó là đại chủng gió? Được tạo ra bởi giống của cha, giống của mẹ chăng? Nó từ đâu đến? Do ai tạo ra? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, chết ở đây sẽ sinh về nơi nào?

“Nhu vậy, các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm thân, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm thân, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm sự chết.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm sự chết, thì liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

Tăng nhất A-hàm

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bất tréo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm sự chết. Chết là mất ở đây, sinh bên kia; qua lại các đường, sinh mạng trôi đi không dừng, các căn tan hoại, như khúc gỗ mục nát; mạng căn đoạn tuyệt, giòng họ [557a01] chia lìa, không hình không tiếng, cũng không tướng mạo.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm sự chết, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm sự chết, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kê tóm tắt

Phật, Pháp, cùng Thánh chúng,

*Cuối cùng là niệm chết;
Dù cùng trên đồng tên,
Nhưng nghĩa chúng mỗi khác.¹⁵*

¹⁵ Bản Hán, hết quyển 2.

4. PHẨM ĐỆ TỬ¹

KINH SỐ 1

[557a17] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, người có lòng nhân rộng rãi, hiểu biết rộng, hay khéo khuyến hóa, nuôi dưỡng Thánh chúng không mất oai nghi, đó là Tỳ-kheo A-nhã-câu-lân.² Nhận pháp vị đầu tiên, tư duy về tứ đế cũng là Tỳ-kheo A-nhã-câu-lân.

“Hay khéo khuyên bảo, hướng dẫn tạo phước và độ mọi người, chính là Tỳ-kheo Ưu-đà-di.³

“Trong hàng chóng thành tựu thần thông, nửa chừng không thối chuyển, đó chính là Tỳ-kheo Ma-ha-nam.⁴

“Thường bay giữa hư không, chân không đạp đất, chính là Tỳ-kheo Thiện Trửu.⁵

“Gặp dịp thì giáo hóa, ý không cầu vinh, đó chính là Tỳ-kheo Bà-phá.⁶

¹ Tham chiếu Pāli, A. 1. 14. Etadaggavaggo.

² A-nhã Câu-lân 阿若拘鄰. Pāli: Aññakoṇḍañña (A-nhã Kiền-trần-như),

³ Ưu-đà-di 優陀夷. Pāli: Udāyī.

⁴ Ma-ha-nam 摩訶男. Pāli: Mahānāma.

⁵ Thiện Trửu (Châu) 善肘. Pāli: Subāhu.

⁶ Bà-phá 婆破. Pāli: Vappa.

“Sống vui trên trời, không ở trong loài người, chính là Tỳ-kheo Ngu Tịch.⁷ “Hàng quán tướng bất tịnh ghê tởm, đó chính là Tỳ-kheo Thiện Thắng.⁸

“Nuôi dưỡng Thánh chúng, tứ sự cúng dường, chính là Tỳ-kheo Ưu-lưu-tỳ Ca-diếp.⁹

“Tâm ý lặng lẽ, hàng phục các kết, chính là Tỳ-kheo Giang Ca-diếp.¹⁰

“Quán rõ các pháp, không bị đắm trước, chính là Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp.¹¹

[557b01]

Kệ tóm tắt

*Câu-lân, Đà-di, Nam,
Thiện Trụ, Bà thứ năm;
Ngu Tịch cùng Thiện Thắng,
Ba anh em Ca-diếp.*

KINH SỐ 2

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, có oai nghi đoan chánh, bước đi khoan thai, chính là Tỳ-kheo Mã Sư.¹²

Trí tuệ không cùng, giải tỏa các nghi, chính là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất.¹³

⁷ Ngu Tịch 牛跡. Pāli: Gavampati (Kiều-phạm-bà-đề).

⁸ Thiện Thắng 善勝. Pāli: Uttara.

⁹ Ưu-lưu-tỳ-Ca-diếp 優留毘迦葉. (Ưu-lâu-tần-loa-Ca-diếp). Pāli: Uruvela-Kassapa.

¹⁰ Giang Ca-diếp 江迦葉. Pāli: Nadī-Kassapa (Na-đề Ca-diếp).

¹¹ Tượng Ca-diếp 象迦葉. Pāli: Gayā-Kassapa (Già-da Ca-diếp).

¹² Mã Sư 馬師. Pāli: Assajit.

Tăng nhất A-hàm

Thần túc nhẹ bay đến tận mười phương, chính là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên.¹⁴

Đồng mãnh tinh tấn, cam chịu khổ hạnh, chính là Tỳ-kheo Nhị Thập Úc Nhĩ.¹⁵

Thực hành mười hai đầu-đà khó hành, chính là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp.¹⁶

Đệ nhất thiên nhân, thấy tận cõi mười phương, chính là Tỳ-kheo A-na-luật.¹⁷

Ngồi thiền nhập định, tâm không tán loạn, chính là Tỳ-kheo Ly-viết.¹⁸

Thường khuyên mọi người làm gương bỏ thí, thiết lập trai giăng,¹⁹ chính là Tỳ-kheo Đà-la-bà-ma-la.²⁰

Tạo lập phòng ốc, nhà cửa cho Tăng mười phương, chính là Tỳ-kheo Tiểu Đà-la-bà-ma-la.²¹

Giờng họ tôn quý xuất gia học đạo, chính là Tỳ-kheo La-tra-bà-la.²²

¹³ Xá-lợi-phất 舍利弗. Pāli: Sāriputta.

¹⁴ Đại Mục-kiền-liên 大目犍連. Pāli: Mahā-Moggallāna.

¹⁵ Nhị Thập Úc Nhĩ 二十億耳. Pāli: Soṇakolivīsa.

¹⁶ Đại Ca-diếp 大迦葉. Pāli: Mahā-Kassapa.

¹⁷ A-na-luật 阿那律. Pāli: Aniruddha.

¹⁸ Ly-viết 離曰. Pāli: Revata.

¹⁹ So sánh Pāli: *senāsanapaññapakānam*, người phân phối chỗ nằm cho Tăng. Xem *Tứ phần* 1 (T22n1428, tr. 587a25tt).

²⁰ Đà-la-bà-ma-la 陀羅婆摩羅. Pāli: Dabba-Mallaputta.

²¹ Tiểu Đà-la-bà-ma-la 小陀羅婆摩羅. Xem cht. 20 trên.

²² La-tra-bà-la 羅吒婆羅. Pāli: Raṭṭhapāla. Nhung A.1. 24 nói, quý tộc xuất gia (*uccākulikānam*) là Bhaddhiya Kāligodhāyaputta. Còn Raṭṭhapāla là đệ

Khéo phân biệt nghĩa, phổ diễn đạo giáo, chính là Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên.²³

Kệ tóm tắt:

*Mã Sư, Xá-lợi-phất,
Câu-luật,²⁴ Nhĩ, Ca-diếp;
A-na-luật, Ly Viết,
Ma-la, Tra, Chiên-diên.*

KINH SỐ 3

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta xứng đáng nhận thẻ,²⁵ không trái phép cấm, chính là Tỳ-kheo Quân-đầu-bà-mạc.²⁶

Hàng phục ngoại đạo, thực hành chánh pháp, chính là Tỳ-kheo Tân-đầu-lô.²⁷

Chăm sóc bệnh tật, cung cấp thuốc thang, chính là Tỳ-kheo Sấm.²⁸ Tứ sự cúng dường, y phục đồ ăn thức uống, cũng là Tỳ-kheo Sấm*.

nhất trong những Tỳ-kheo xuất gia bởi tín tâm kiên định (*saddhāpabbajitānam yadidam raṭṭhapālo*).

²³ Đại Ca-chiên-diên 大迦旃延. Pāli: Mahā-Kaccāna.

²⁴ Câu-luật, hiệu của Đại Mục-kiền-liên, gọi theo sinh quán; Pāli: Koliitagāma.

²⁵ Hán: thọ trù 受籌 (Pāli: *salāka*), đây chỉ thẻ chia phần ăn cho các tỳ-kheo.

²⁶ Quân-đầu-bà-mạc 軍頭婆漠. Pāli: Kuṇḍadhāna. AA. i. 146 giải thích: Kuṇḍadhāna là người nhận thẻ số 1 trong buổi cúng dường của Mahā-Subhaddā, con gái trưởng của Ông Cấp Cô Độc, trong ngày cưới chồng. Xem Phẩm 30, kinh số 3.

²⁷ Tân-đầu-lô 賓頭盧. Pāli: Piṇḍola-Bhāradvāja. A.i. 24: đệ nhất sư tử hống (*sīhanādiknaṃ*).

Tăng nhất A-hàm

Hay làm kệ tụng, tán thán đức của Như Lai, chính là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xá.²⁹ Lời lẽ biện luận rõ ràng trôi chảy, cũng là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xá.

Được bốn biện tài, trả lời khi bị vấn nạn, chính là Tỳ-kheo Ma-ha Câu-hy-la.³⁰

Sống nơi vắng vẻ thanh tịnh, không thích gần gũi con người, chính là Tỳ-kheo Kiên Lao.³¹

Khất thực nhẫn nại, không tránh nóng lạnh, chính là Tỳ-kheo Nan-đề.³²

Tĩnh tọa một nơi, chuyên tâm niệm đạo, chính là Tỳ-kheo Kim-tỳ-la.³³

Ngồi một lần ăn một bữa,³⁴ không di chuyển chỗ, chính là Tỳ-kheo Thi-la.³⁵

Giữ gìn ba y, không rời khi ăn khi nghỉ, chính là Tỳ-kheo Phù-di.³⁶

Kệ tóm tắt: **[557c01]**

Quân-đầu, Tân-đầu-lô,

²⁸ Sám 識; đề bản: Thức 識. Có lẽ Pāli: Khema, được nói đến trong S.iii. 126.

²⁹ Bằng-kỳ-xá 鵬耆舍. Pāli: Vaṅgīsa.

³⁰ Ma-ha Câu-hy-la 摩訶拘絺羅. Mahā-Koṭṭhika.

³¹ Kiên Lao 堅牢.

³² Nan-đề 難提. Pāli: Nandiya.

³³ Kim-tỳ-la 今毘羅. Pāli: Kimbila.

³⁴ Chỉ hành đầu đà nhất tọa thực. Pāli: *ekāsanika*.

³⁵ Thi-la 施羅.

³⁶ Phù-di 浮彌.

*Thức, Bàng, Câu-hy-la;
Kiên Lao, cùng Nan-đề,
Kim-tỳ, Thí-la, Di.*

KINH SỐ 4

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, tọa thiền dưới gốc cây, ý không di chuyển, chính là Tỳ-kheo Hồ nghi Ly-viết.³⁷

Khổ thân ngồi giữa trời, không tránh nắng mưa, chính là Tỳ-kheo Bà-ta.³⁸

Vui một mình nơi vắng vẻ, chuyên tâm tư duy, chính là Tỳ-kheo Đà-tố.³⁹

Khoác y năm mảnh⁴⁰, không mặc đồ tốt đẹp, chính là Tỳ-kheo Ni-bà.⁴¹

Thường thích nơi gò mả, không ở nơi gần người, chính là Tỳ-kheo Ưu-đa-la.⁴²

Thường ngồi nệm cỏ, ban ngày làm phước độ người, chính là Tỳ-kheo Lô-hê-ninh.⁴³

Không nói chuyện với người, nhìn xuống đất mà đi, chính là Tỳ-kheo Ưu-kiêm-ma-ni-giang.⁴⁴

³⁷ Hồ nghi Ly-viết 狐疑離. Pāli: Kankhā-Revata.

³⁸ Bà-ta 婆嗟.

³⁹ Đà-tố 陀素.

⁴⁰ Ngũ nạp y 五納衣: y năm mảnh; cơ bản chỉ y năm điều, tức năm mảnh ghép lại; nhưng cũng chỉ chung tất cả loại y cắt rọc; hoặc gọi tất là nạp y.

⁴¹ Ni-bà 尼婆.

⁴² Ưu-đa-la 優多羅. Pāli: Uttara?

⁴³ Lô-hê-ninh 盧醯甯.

Tăng nhất A-hàm

Ngồi dậy, bước đi thường ở trong tam-muội, chính là Tỳ-kheo San-đề.⁴⁵

Thích du hành nước xa, dạy dỗ mọi người, chính là Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi.

Ưu hạp Thánh chúng, bàn luận pháp vị, chính là Tỳ-kheo Ca-lê.

Kệ tóm tắt:

*Hồ-nghi, Bà-ta, Ly,
Đà-tô, Bà, Ưu-đa;
Lô-hê, Ưu-ca-ma,
Tức, Đàm-ma-lưu, Lê.*

KINH SỐ 5

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta có thọ mạng lâu dài, quyết không chết yếu, chính là Tỳ-kheo Bà-câu-la.⁴⁶

Thường thích chỗ nhàn cư, không thích ở giữa đám đông, cũng chính là Tỳ-kheo Bà-câu-la.

Hay nói pháp rộng rãi, phân biệt nghĩa lý, chính là Tỳ-kheo Mãn Nguyệt Tử.⁴⁷

Vâng giữ giới luật, không điều trái phạm, chính là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly.⁴⁸

⁴⁴ Ưu-kiểm-ma-ni-giang 優鉗摩尼江.

⁴⁵ San-đề 刪提; bản Tống: Na-đề 那提. Trong kệ tóm tắt, gọi là Tức 息, cho thấy Pāli: Sānti. Nhưng chưa tìm thấy đâu trong tư liệu nào Pāli.

⁴⁶ Bà-câu-la 婆拘羅. Pāli: Bakkula.

⁴⁷ Mãn Nguyệt Tử 滿願子. Pāli: Puṇṇa Mantāniputta.

Được tín giải thoát, ý không do dự, chính là Tỳ-kheo Bà-ca-lợi.⁴⁹

Thân thể to lớn, đẹp đẽ khác hẳn thể gian, chính là Tỳ-kheo Nan-đà.⁵⁰ Các căn tịch tĩnh, tâm không biến dịch, cũng chính là Tỳ-kheo Nan-đà.

Biện tài nhạy bén, giải thông nghi trệ cho người, chính là Tỳ-kheo Bà-đà.⁵¹

[558a01] Hay nói rộng nghĩa lý, không có trái nghịch, chính là Tỳ-kheo Tu-ni.⁵²

Thích mặc áo tốt, hành vốn thanh tịnh, chính là Tỳ-kheo Thiên Tu-bồ-đề.⁵³

Thường thích dạy dỗ những kẻ hậu học, chính là Tỳ-kheo Nan-đà-ca.⁵⁴

Khéo dạy cấm giới cho Tỳ-kheo-ni, chính là Tỳ-kheo Tu-ma-na.⁵⁵

Kệ tóm tắt:

*Bà-câu, Mãn, Ba-ly,
Bà-ca-lợi, Nan-đà,*

⁴⁸ Ưu-ba-ly 優波離. Pāli: Upāli.

⁴⁹ Bà-ca-lợi 婆迦利. Pāli: Vakkalī.

⁵⁰ Nan-đà 難陀. Pāli: Nanda.

⁵¹ Bà-đà 婆陀.

⁵² Tu-ni 斯尼.

⁵³ Thiên Tu-bồ-đề 天須菩提.

⁵⁴ Nan-đà-ca 難陀迦. Pāli: Nandaka. A.i. 25: Đệ nhất giáo thọ Tỳ-kheo-ni (*bhikkunovādakānaṃ*) là Nandaka.

⁵⁵ Tu-ma-na 須摩那.

Tăng nhất A-hàm

*Đà, Ni, Tu-bồ-đề,
Nan-đà, Tu-ma-na.*

KINH SỐ 6

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta có công đức tràn đầy, nhu yếu không thiếu, chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.⁵⁶

Đầy đủ các hành pháp đạo phẩm, chính là Tỳ-kheo Ưu-ba-tiên Ca-lan-đà Tử.⁵⁷

Mọi điều nói ra đều vui hòa, không làm thương tổn ý người, chính là Tỳ-kheo Bà-đà-tiên.⁵⁸

Tu tập an-ban, tư duy bất tịnh ghê tởm, chính là Tỳ-kheo Ma-ha Ca-diên-na.⁵⁹

Chấp ngã vô thường, tâm không có tướng, chính là Tỳ-kheo Ưu-đầu-bàn.⁶⁰

Hay luận bàn về mọi thứ, làm vui tâm thức, chính là Tỳ-kheo Câu-ma-la Ca-diếp.⁶¹

Mặc áo xấu tệ, mà không gì hổ thẹn, chính là Tỳ-kheo Điện Vương.⁶²

⁵⁶ Thi-bà-la 尸婆羅. Pāli, A.1. 24: Sīvala, lợi dưỡng đệ nhất (*lābhīnam*).

⁵⁷ Ưu-ba-tiên Ca-lan-đà Tử 優波先迦蘭陀子. Có lẽ Pāli, Upasena Vaṅgantaputta, em trai ngài Xá-lợi-phất, hành giả đầu-đà. A.i. 24 nói, Upasena này là đệ nhất trong các Tỳ-kheo oai nghiêm (*samantapāsādikānam*).

⁵⁸ Bà-đà-tiên 婆陀先.

⁵⁹ Ma-ha Ca-diên-na 摩訶迦延那.

⁶⁰ Ưu-đầu-bàn 優頭槃.

⁶¹ Câu-ma-la Ca-diếp 拘摩羅迦葉. A.i. 24: Đệ nhất có lời nói làm đẹp lòng người (*cittakathikānam*) là Kumārakassapa.

Không hủy phạm cấm giới, đọc tụng không lười, chính là Tỳ-kheo La- vân.⁶³

Dùng sức thân túc, hay tự ăn mình, chính là Tỳ-kheo Bàn-đặc⁶⁴.

Hay thay hình đổi dạng, tạo mọi thứ biến hóa, chính là Tỳ-kheo Châu-lợi Bàn-đặc.⁶⁵

Kệ tóm tắt:

*Thi-bà, Ưu-ba-tiên,
Bà-đà, Ca-diên-na,
Ưu-đầu, Vương, Ca-diếp,
La-hầu-la, hai Bàn-đặc.*

KINH SỐ 7

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta thuộc hào tộc phú quý, thiên tánh nhu hòa, chính là Tỳ-kheo Thích Vương.⁶⁶

Khất thực không chán đủ, giáo hóa không cùng, chính là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la.⁶⁷

⁶² Diện Vương 面王. Tham chiếu, A.i.25: Thọ trì y phục thô xấu (*lūkhacīvaradhārānaṃ*) la Mogharājāti.

⁶³ A.i. 24: Rāhula, đệ nhất siêng học (*sikkhākāmaṇaṃ*).

⁶⁴ Đề bản: Bàn-thố 般兔. TNM: Bàn-đặc 槃特. Tham chiếu, A.i. 24: Mahā-Panthaka, thiện xảo hồi chuyển các tướng (*saññāvivaṭṭakusalānaṃ*).

⁶⁵ Châu-lợi Bàn-thố (đặc) 周利般兔. Pāli: Cūḷa-Panthaka, A.i.24: đệ nhất biến hóa ý thành thân (*manomayaṃ kāyaṃ abhinimmiantānaṃ*).

⁶⁶ Thích Vương 釋王. Có lẽ chỉ Pāli Bhaddhiya Kāligodhāputta, nguyên là ông hoàng họ Thích.

⁶⁷ Bà-đề-bà-la 婆提婆羅.

Tăng nhất A-hàm

Khí lực cường thịnh, không gì sợ khó, cũng là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la.

Âm thanh trong suốt vang đến Phạm thiên, chính là Tỳ-kheo La-bà-na-bà-đề.⁶⁸

Thân thể thơm tinh khiết tỏa ra bốn phía, chính là Tỳ-kheo Ương-ca-xà.⁶⁹

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, biết thời, rõ vật, chỗ đến không nghi, điều được nhớ không quên, nghe nhiều xa rộng, khả năng phụng sự bậc trên, chính là Tỳ-kheo A-nan.⁷⁰

Phục sức trang nghiêm, nhìn bóng bước đi, chính là Tỳ-kheo Ca-trì-lợi.⁷¹

Các vua kính hầu, quần thần cung kính, chính là Tỳ-kheo Nguyệt Quang.⁷²

Trời Người phụng sự, [558b01] thường đến châu hầu, chính là Tỳ-kheo Thâu-đề.⁷³

Đã bỏ hình người, tướng mạo giống trời, cũng là Tỳ-kheo Thâu-đề.

Bậc Thầy hướng dẫn chư Thiên, chỉ trao chánh pháp, chính là Tỳ-kheo Thiên.⁷⁴

⁶⁸ La-bà-na-bà-đề 羅婆那婆提. Tham chiếu, A.i.23: đệ nhất có âm thanh dịu dàng (*mañjussarām*) là Lakundka Bhaddiya.

⁶⁹ Ương-ca-xà 鶯迦闍.

⁷⁰ A-nan 阿難.

⁷¹ Ca-trì-lợi 迦持利.

⁷² Nguyệt Quang 月光. Pāli: Jotika (Jotiya).

⁷³ Thâu-đề 輸提.

⁷⁴ Thiên 天.

Tự nhớ mọi việc vô số kiếp đời trước, chính là Tỳ-kheo Quả Y.⁷⁵

Kệ tóm tắt:

*Thích Vương, Bà-đề-ba,
La-bà, Ương-ca-xà;
A-nan, Ca, Nguyệt Quang,
Thâu-đề, Thiên, Bà-hê.*⁷⁶

KINH SỐ 8

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta có thể tánh lợi căn, trí tuệ sâu xa, chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma.”⁷⁷

Thường hàng tà nghiệp của phục ma, ngoại đạo, chính là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma.⁷⁸

Nhập thủy tam-muội không lấy làm khó, chính là Tỳ-kheo Chát-đa Xá-lợi-phất.⁷⁹

Những hiểu biết rộng rãi, là được mọi người kính nhớ, cũng là Tỳ-kheo Chát-đa Xá-lợi-phất.

⁷⁵ Quả Y 果衣. Có lẽ Pāli: Bāhiya-Dārucīriya, người lấy vỏ cây làm áo. Nhưng, A.i. 24 nói ngài là đệ nhất thần thông nhanh chóng. (*khippābhiññānam*), trong khi đó, đệ nhất nhớ nhiều đời trước (*pubbenivāsaṃ anussarantānam*) là Sobhita.

⁷⁶ Bà-hê, phiên âm Bāhiya 婆醯, tức Quả Y ở trên.

⁷⁷ Ương-quật-ma 鶯掘魔. Pāli: Aṅgulimāla.

⁷⁸ Tăng-ca-ma 僧迦摩. Pāli: Saṅgāmaji.

⁷⁹ Chát-đa Xá-lợi-phất 質多舍利弗. Caitta (Hatthirohaputta = Hatthisāriputta).

Tăng nhất A-hàm

Nhập hỏa tam-muội chiếu khắp mười phương, chính là Tỳ-kheo Thiện Lai.⁸⁰

Hàng phục rồng khiến phụng sự tam bảo, chính là Tỳ-kheo Na-la-đà.⁸¹

Hàng phục quỷ thần cái ác tu thiện, chính là Tỳ-kheo Quỷ-đà.⁸²

Hàng phục Càn-đạp-hòa khiến cần thực hành hạnh lành, chính là Tỳ-kheo Tỳ-lô-giá.⁸³

Thường vui với định Không, phân biệt nghĩa Không, chính là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề.⁸⁴

Chí ở nơi không vắng, nghiệp đức vi diệu, cũng là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề.⁸⁵

Thực hành định vô tướng, trừ bỏ các niệm, chính là Tỳ-kheo Kỳ-lợi-ma-nan.⁸⁶

Nhập định vô nguyện, ý không tán loạn, chính là Tỳ-kheo Diệm Thạnh.⁸⁷

⁸⁰ Thiện Lai 善來. Pāli, A.i. 25: đệ nhất thiện xảo với hỏa giới tam-muội là Sāgata (*tejodhātukusalānaṃ yadidaṃ sāgato*). Bản Hán đọc là Sugāta. Tỳ-kheo này hàng phục được con độc long bằng hỏa quang tam muội. Xem *Tứ phần*, tr. 671c. Vin. iv. 108.

⁸¹ Có thể đồng nhất với Trưởng lão Nārada của Pāli, được kể trong các số giải của Petavatthu (Ngạ quỷ sự) và Vimāvatthu (Thiên cung sự).

⁸² Có thể đồng nhất với Trưởng lão Bhūta của Pāli, người mà tất cả các anh chị đều bị một con quỷ da-xoa ăn thịt.

⁸³ Tỳ-lô-giá 毘盧遮.

⁸⁴ Tu-bồ-đề 須菩提. Pāli: Subhūti.

⁸⁵ A.i. 24: đệ nhất lâm trụ (a-lan-nhã hạnh hay vô tránh hạnh), và đệ nhất ứng cúng, là Tu-bồ-đề (*araṇavihārināṃ, dakkhiṇeyyaṃ, Subhūti*).

⁸⁶ Kỳ-lợi-ma-nan 耆利摩難. Đồng nhất với Girimānanda của Pāli.

⁸⁷ Diệm Thạnh 焰盛.

Kệ tóm tắt:

*Ương-quật, Tăng-ca-ma,
Chát-đa, Bà,⁸⁸ Na-la,
Duyệt-xoa,⁸⁹ Phù-lô-giá,⁹⁰
Thiện nghiệp⁹¹ Ma-nan, Diệm.⁹²*

KINH SỐ 9

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, nhập từ tam-muội, tâm không phẫn nộ, chính là Tỳ-kheo Phạm-ma-đạt.⁹³

Nhập bi tam-muội, thành tựu bốn nghiệp, chính là Tỳ-kheo Tu-thâm.⁹⁴

Được đức của thiện hành⁹⁵, không có các thứ tướng, chính là Tỳ-kheo Sa-di-đà.⁹⁶

Thường giữ gìn tâm, ý không xả ly, chính là Tỳ-kheo Dược-ba-ca.⁹⁷

Hành diệm thanh tam-muội, trọn không giải đãi, chính là Tỳ-kheo Đàm-di.⁹⁸

⁸⁸ Đề bản: bà 婆. TNM: thiện 善 (lai), tức Thiện Lai nói trên.

⁸⁹ Âm khác của dạ-xoa (Pāli: Yakkha, Skt. Yakṣa), liên hệ đến Quỷ-đà, xem **chť.** 82 trên.

⁹⁰ Phù-lô-giá 浮盧遮, tức Tỳ-lô-giá nói trên.

⁹¹ Thiện Nghiệp 善業, tức Tu-bồ-đề nói trên.

⁹² Đề bản: cập Ma-nan 及摩難, thiếu Diệm Thanh.

⁹³ Có thể đồng nhất với Trưởng lão Brahmaddatta của Pāli.

⁹⁴ Pāli. Susīma, nguyên là xuất gia ngoại đạo, được đề cập nhiều chỗ trong Tương ưng bộ. Xem *Tap*, các kinh 346, 373, 1220.

⁹⁵ Đề bản: hỷ hành 喜行. TNM: thiện hành 善行.

⁹⁶ Sa-di-đà 娑彌陀.

⁹⁷ Dược-ba-ca 躍波迦.

Tăng nhất A-hàm

Ngôn ngữ thô lỗ, không kể bậc tôn quý, chính là Tỳ-kheo Tỉ-lợi-đà-bà-giá.⁹⁹

Nhập kim quang tam-muội, cũng là Tỳ-kheo Tỉ-lợi-đà-bà-giá.

Nhập kim cương tam-muội, không thể bị phá hoại, [558c01] chính là Tỳ-kheo Vô Uý.¹⁰⁰

Những gì nói ra dứt khoát rõ ràng, trong lòng không khiếp nhược, chính là Tỳ-kheo Tu-nê-đa.¹⁰¹

Thường thích nơi tịch tĩnh, ý không trú nơi loạn động, chính là Tỳ-kheo Đà-ma.¹⁰²

Nghĩa thì không ai thắng, không hề bị khuất phục, chính là Tỳ-kheo Tu-la-đà.¹⁰³

Kệ tóm tắt:

*Phạm-đạt, Tu-thâm-ma,
Sa-di, Dược, Đàm-di,
Tỳ¹⁰⁴-lợi-đà, Vô Uý,
Tu-nê-đa, Tu-la.*

⁹⁸ Đàm-di 曇彌.

⁹⁹ Tỉ-lợi-đà-bà-giá 比利陀婆遮.

¹⁰⁰ Vô Uý 無畏.

¹⁰¹ Tu-nê-đa 須泥多.

¹⁰² Đà-ma 陀摩.

¹⁰³ Tu-la-đà 須羅陀.

¹⁰⁴ Tỳ 毘, trên kia chép là tỷ 比.

KINH SỐ 10

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, hiểu rõ tinh tú, biết trước cát hung, chính là Tỳ-kheo Na-già-ba-la.¹⁰⁵

Thường vui tam-muội, thiền duyệt làm thức ăn, chính là Tỳ-kheo Bà-tư-tra.¹⁰⁶

Thường lấy hỷ làm thức ăn, chính là Tỳ-kheo Tu-dạ-xa.¹⁰⁷

Thường hành nhẫn nhục, vật đổi đến tâm không khởi, chính là Tỳ-kheo Mãn Nguyên Thạnh Minh.¹⁰⁸

Tu tập nhật quang tam-muội, chính là Tỳ-kheo Di-hề.¹⁰⁹

Rõ phép toán thuật, không có sai lầm, chính là Tỳ-kheo Ni-câu-lưu.¹¹⁰

Trí tuệ bình đẳng phân biệt, thường không quên mất, chính là Tỳ-kheo Lộc-đầu.¹¹¹

Đặc diện lôi tam-muội, lòng không sợ hãi, chính là Tỳ-kheo Địa.¹¹²

Quán rõ gốc rễ của thân, chính là Tỳ-kheo Đầu-na.¹¹³

¹⁰⁵ Na-già-ba-la 那伽波羅。Có thể đồng nhất Na-già-ba-la trong *Tạp*, kinh 1232, một thời làm thị giả Phậtban đêm giả làm quỷ Ma-curu-la để nhát Phật.

¹⁰⁶ Bà-tư-tra 婆私吒。Có thể đồng nhất với Bà-tát-tra 婆悉吒, *Trường* kinh 5, *Trung* kinh 154; Pāli: Vāsetṭha, D. 27. Aggañña.

¹⁰⁷ Tu-dạ-xa 須夜奢.

¹⁰⁸ Mãn Nguyên Thạnh Minh 滿願盛明.

¹⁰⁹ Di-hề 彌奚.

¹¹⁰ Ni-câu-lưu 尼拘留.

¹¹¹ Lộc-đầu 鹿頭.

¹¹² Địa 地.

¹¹³ Đầu-na 頭那. Pāli: Doṇa?

Tăng nhất A-hàm

Thủ chúng được lậu tận thông tối hậu, chính là Tỳ-kheo Tu-bạt.¹¹⁴

Kệ tóm tắt:

*Na-ca,¹¹⁵ Tra, Xá Na,¹¹⁶
Di-hê, Ni-câu-lưu;
Lộc-đầu, Địa, Đầu-na,
Tu-bạt ở sau cùng.*

Một trăm vị Hiền thánh này cần được quảng diễn (ở nơi khác).

¹¹⁴ Pāli: Subhadda, được hóa độ cuối cùng trước khi Phật nhập niết-bàn.

¹¹⁵ Na-ca 那迦, tức Na-già-ba-la.

¹¹⁶ Xá na 舍那, trong này có thể gồm hai tên, nhưng không thấy liên hệ tên đã nêu trên.

5. PHẨM TỖ-KHEO-NI¹

KINH SỐ 1

Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, xuất gia học đạo lâu, được quốc vương cung kính, chính là Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di.²

Trí tuệ thông minh, chính là Tỳ-kheo-ni Sám-ma³.

Thần túc đệ nhất, cảm đến các thần, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc⁴.

Thực hành pháp đầu đà với mười một điều hạn ngại, chính là Tỳ-kheo-ni Cơ-lê-xá Cù-đàm-di.⁵

Thiên nhãn đệ nhất, [559a01] nhìn khắp không trở ngại, chính là Tỳ-kheo-ni Xa-câu-lê.⁶

Tọa thiền nhập định, ý không phân tán, chính là Tỳ-kheo-ni Xa-ma.⁷

Phân biệt nghĩa thú, diễn rộng đạo giáo, chính là Tỳ-kheo-ni Ba-đầu-lan-xà-na.⁸

¹ Cf. A. 1. 14. 5.

² Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di 大愛道瞿曇彌. Pāli: Mahāpajāpatī Gotamī.

³ Đễ bản: Thức-ma 識摩. TNM: Sám-ma. Pāli: Khemā 識摩.

⁴ Ưu-bát Hoa Sắc 優鉢華色. Pāli: Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc).

⁵ Cơ-lê-xá Cù-đàm-di 機梨舍瞿曇彌. Pāli: Kisā-Gotamī, đệ nhất thọ trì y thô xâu (*lūkhacīvaradharāṇam*).

⁶ Xa-câu-lê 奢拘梨. Pāli: Sakulā.

⁷ Xa-ma 奢摩. A.i.25: đệ nhất tọa thiền là Nandā.

⁸ Ba-đầu-lan-xà-na 波頭蘭那.

Tăng nhất A-hàm

Vâng giữ luật giáo không hề trái phạm, chính là Tỳ-kheo-ni Ba-la-giá-na.⁹

Đạt tín giải thoát, không thối lui trở lại, chính là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên.¹⁰

Đạt bốn biện tài, trong lòng khiếp sợ, chính là Tỳ-kheo-ni Tối Thắng.¹¹

Kệ tóm tắt:

Đại Ái cùng Sám-ma,
Ưu-bát, Cơ-đàm-di;
Câu-lợi, Xa, Lan-xà,
Ba-la,¹² Ca-chiên, Thắng.*

KINH SỐ 2

Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, tự biết mọi việc vô số kiếp đời trước, chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà Ca-tỳ-ly.¹³

Nhan sắc xinh đẹp, được mọi người yêu kính, chính là Tỳ-kheo-ni Hê-ma-xà.¹⁴

Hàng phục ngoại đạo để lập chánh giáo, chính là Tỳ-kheo-ni Thâu-na.¹⁵

⁹ Ba-la-giá-na 波羅遮那. Ba-la-giá-na Pāli: đệ nhất trì luật, Paṭācāra.

¹⁰ Ca-chiên-diên 迦旃延. Xem Phẩm 23 kinh 1. A.i. 25: đệ nhất tín giải thoát (*saddhāddhi-muttānam*) là Siṅgālakamātā.

¹¹ Tối Thắng 最勝. Pāli: Uttarā?

¹² Đề bản chép là *ba-la*.

¹³ Bạt-đà Ca-tỳ-ly 跋陀迦毘離. Pāli: Bhaddā Kāpilānī.

¹⁴ Hê-ma-xà 醯摩闍.

Phân biệt nghĩa thú, nói rộng từng bộ, chính là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề-na.¹⁶

Mình mặc áo thô, không lấy làm hổ, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-đà-la.¹⁷

Các căn tịch tĩnh, thường thuận nhất tâm, chính là Tỳ-kheo-ni Quang Minh.¹⁸

Y phục tề chỉnh, đúng theo pháp giáo, chính là Tỳ-kheo-ni Thiên Đầu.¹⁹

Luận biện nhiều đề tài, không nghi ngờ do dự, chính là Tỳ-kheo-ni Đàn-đa.²⁰

Khả năng sáng tác kệ, khen ngợi đức của Như Lai, chính là Tỳ-kheo-ni Thiên Dữ.²¹

Nghe nhiều biết rộng, ân huệ tiếp đãi người dưới, chính là Tỳ-kheo-ni Cù-ty.²²

Kệ tóm tắt:

*Bạt-đà, Xà, Thâu-na,
Đàm-ma-na, Ưu-đà,
Quang Minh, Thiên, Đàn-đa,
Thiên Dữ cùng Đàm-ty.*

¹⁵ Thâu-na 輸那. Pāli: Soṇā, đệ nhất tinh cần.

¹⁶ Đàm-ma-đề-na 曇摩提那. Pāli: Dhammadinnā (Pháp Dữ).

¹⁷ Ưu-đà-la 優多羅. Pāli: Uttarā. Xem cht. 10 trên.

¹⁸ Quang Minh 光明.

¹⁹ Thiên Đầu 禪頭.

²⁰ Đàn-đa 檀多.

²¹ Thiên Dữ 天與.

²² Cù-ty 瞿卑.

KINH SỐ 3

Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, thường ở nơi vắng vẻ, không sống giữa nhân gian, chính là Tỳ-kheo-ni Vô Úy.²³

Khổ thân khát thực, không lựa sang hèn, chính là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xá-khur.²⁴

Tại một chỗ chỉ ngồi một lần, quyết không xô dịch, chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-bà-la.²⁵

Đi khắp cầu xin, rộng độ mọi người, chính là Tỳ-kheo-ni Ma-nộ-ha-lợi.²⁶

Chóng thành đạo quả, trung gian không bị vướng mắc, chính là Tỳ-kheo-ni Đà-ma.²⁷

Thọ trì ba y, quyết không lìa bỏ, chính là Tỳ-kheo-ni Tu-đà-ma.²⁸

Thường ngồi [559b01] dưới gốc cây, ý không dời đổi, chính là Tỳ-kheo-ni Lệ-tu-na.²⁹

Thường ở nơi đất trống, không cần nghĩ đến ngăn che, chính là Tỳ-kheo-ni Xà-đà.³⁰

²³ Vô Úy 無畏.

²⁴ Tỳ-xá-khur 毘舍佉. Pāli: Visakhā.

²⁵ Bạt-đà-bà-la 拔陀婆羅.

²⁶ Ma-nộ-ha-lợi 摩怒呵利.

²⁷ Đà-ma 陀摩.

²⁸ Tu-đà-ma 須陀摩.

²⁹ Lệ-tu-na [王*刂]須那. TNM: Lệ-na [王*刂]那. Từ điển không thấy từ này, 王*刂, không rõ đọc *hiếp* hay *lệ*.

Thích nơi vắng vẻ, không sống giữa nhân gian, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-la.³¹

Ngồi mãi nệm cỏ, không cần trang sức, chính là Tỳ-kheo-ni Ly-na.³²

Khoác y năm mảnh, tuân tự khát thực³³, chính là Tỳ-kheo-ni A-nô-ba-ma.³⁴

Kệ tóm tắt:

*Vô Úy, và³⁵ Tỳ-xá,
Bà-đà,³⁶ Ma-nộ-kha,³⁷
Đàn, Tu-đàn, Lệ-na,³⁸
Ưu-ca, Ly, A-nô.*

KINH SỐ 4

Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của, thích nơi gò mả vắng, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-ma.³⁹

³⁰ Xà-đà 奢陀.

³¹ Ưu-ca-la 優迦羅.

³² Ly-na 離那.

³³ Đề bản: phân-việt 分越, TNM: phân-vê, Pāli: *piṇḍapāta*, hành khát thực.

³⁴ A-nô-ba-ma 阿奴波摩.

³⁵ Đề bản: đa 多, chữ *cập* 及 chép nhầm.

³⁶ Bà-đà: tức Bạt-đà-bà-la nêu trên.

³⁷ Đề bản chép nhầm là A-nô-ba. TNM: Ma-nộ-kha.

³⁸ Lệ-na tức Lệ-tu-na ở trên. Đề bản chép nhầm là Xa-đa 奢多. TNM: lệ-xa [王*荔]奢.

³⁹ Ưu-ca-ma 優迦摩.

Tăng nhất A-hàm

Thường xuyên an trú tâm từ, thương tưởng chúng sanh, chính là Tỳ-kheo-ni Thanh Minh.⁴⁰

Buồn khóc chúng sanh không đến được với đạo, chính là Tỳ-kheo-ni Tố-ma.⁴¹

Hoan hỷ vì đắc đạo, nguyện phổ cập cho tất cả, chính là Tỳ-kheo-ni Ma-đà-lợi.⁴²

Thủ hộ các hành, ý không lìa xa, chính là Tỳ-kheo-ni Ca-la-già.⁴³

Giữ không chấp hư,⁴⁴ biết rõ không có gì tồn tại, chính là Tỳ-kheo-ni Đề-bà-tu.⁴⁵

Tâm vui với vô tướng,⁴⁶ trừ bỏ các chấp, chính là Tỳ-kheo-ni Nhật Quang.⁴⁷

Tu tập vô nguyện,⁴⁸ tâm thường giúp khắp, chính là Tỳ-kheo-ni Mạt-na-bà.

Không nghi các pháp, độ người không hạn, chính là Tỳ-kheo-ni Tỳ-ma-đạt.⁴⁹

Thường nói nghĩa rộng, phân biệt pháp sâu, chính là Tỳ-kheo-ni Phổ Chiếu.⁵⁰

⁴⁰ Thanh Minh 清明.

⁴¹ Tố-ma 素摩. Pāli: Somā Therī. Nhưng Pāli không đề cập sự kiện này.

⁴² Ma-đà-lợi 摩陀利.

⁴³ Ca-la-già 迦羅伽.

⁴⁴ Đây chỉ Không giải thoát (Pāli: *suñña-vimokkha*).

⁴⁵ Đề-bà-tu 提婆修.

⁴⁶ Đây chỉ Vô tướng giải thoát (Pāli: *animitta-vimokkha*).

⁴⁷ Nhật Quang 日光.

⁴⁸ Đây chỉ Vô nguyện giải thoát (Pāli: *appañihita-vimokkha*)

⁴⁹ Tỳ-ma-đạt 毘摩達.

Kệ tóm tắt:

*Ưu-ca, Minh, Tố-ma,
Ma-đà, Ca, Đề-bà,
Nhật Quang, Ma-na-bà,
Tỳ-ma-đạt, Phổ Chiếu.*

KINH SỐ 5

Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, tâm hằng nhẫn nhục như đất bao dung, chính là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề⁵¹.

Hay dạy bảo mọi người, khiến lập hội bố thí, chính là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma.⁵²

Phân bố chỗ ngồi chỗ nằm, cũng là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma.

Tâm đã vĩnh viễn lắng đọng, không còn khởi loạn tưởng, chính là Tỳ-kheo-ni Nhân-đà-xà.⁵³

Quán rõ các pháp mà không bao giờ chán, chính là Tỳ-kheo-ni Long.⁵⁴

Ý chí kiên cường, dũng mãnh, không bị nhiễm đắm, chính là Tỳ-kheo-ni Câu-na-la.⁵⁵

Nhập thủy tam-muội, thấm nhuần khắp tất cả, chính là Tỳ-kheo-ni Bà-tu.⁵⁶

⁵⁰ Phổ Chiếu 普照.

⁵¹ Đề bản Đàm-ma-đề 曇摩提. TNM: Đàm-ma-ma-đề 曇摩摩提.

⁵² Tu-dạ-ma 須夜摩.

⁵³ Nhân-đà-xà 因陀闍.

⁵⁴ Long 龍.

⁵⁵ Câu-na-la 拘那羅.

Tăng nhất A-hàm

Nhập diệm quang tam-muội, tất chiếu khắp cả [559c] mọi loài, chính là Tỳ-kheo-ni Hàng-đề.⁵⁷

Quán bất tịnh ghê tởm, phân biệt duyên khởi, chính là Tỳ-kheo-ni Giá-ba-la.⁵⁸

Nuôi dạy mọi người, cung cấp mọi thiếu thốn, chính là Tỳ-kheo-ni Thủ-ca.⁵⁹

Tỳ-kheo-ni đệ nhất cuối cùng trong hàng Thanh văn của Ta, chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà Quân-đà-la⁶⁰ nước Câu-di.

Kê. tóm tắt:

*Đàm-ma, Tu-dạ-ma,
Nhân-đề, Long, Câu-na;
Bà-tu, Hàng, Giá-ba,
Thủ-ca, Bạt-đà-la.*

Năm mươi Tỳ-kheo-ni này, cần được nói rộng như trên.

⁵⁶ Bà-tu 婆須.

⁵⁷ Hàng-đề 降提.

⁵⁸ Giá-ba-la 遮波羅.

⁵⁹ Thủ-ca 守迦.

⁶⁰ Bạt-đà Quân-đà-la 拔陀軍陀羅. Pāli (A.i. 25): Bhaddā Kuṇḍalakesā (người Rājagaha), đệ nhất thân thông nhanh nhẹn (*khippābhiññānam*).

6. PHẨM THANH TÍN SĨ¹

KINH SỐ 1

Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, người đầu tiên nghe pháp được mà chứng thành Hiền thánh, chính là thương khách Tam Quả.²

Trí tuệ đệ nhất, chính là Gia chủ Chất-đa.³

Thần đức đệ nhất, chính là Kiên-đề A-lam.⁴

Hàng phục ngoại đạo, chính là Gia chủ Quật-đa.⁵

Thường nói pháp sâu, chính là Gia chủ Ưu-ba-quật.⁶

Thường tọa thiền tư duy, chính là Ha-Xi A-la-bà.⁷

Hàng phục bọn ma⁸, chính là Gia chủ Dũng Kiện.⁹

Phước đức sung mãn, chính là Gia chủ Xà-lợi.¹⁰

Chủ đại đàn thí, chính là Gia chủ Tu-đạt.¹¹

¹ Về các ưu-bà-tắc đệ nhất. Tham chiếu Pāli A.1. 14. 6 (R. i. 26).

² Tam Quả三果. Pāli, hai thương khách Tapussa-Bhallika, hình như bản Hán đọc là Ta(ya?)pussa-Phalika.

³ Chất-đa 質多. Pāli: Citta-gahapati. Nhưng A.i. 26 nói là đệ nhất thuyết pháp. (*dharmakathikānam*).

⁴ Kiên-đề A-lam 鞮提阿藍.

⁵ Quật-đa 掘多.

⁶ Ưu-ba-quật 優波掘.

⁷ Ha-Xi A-la-bà 呵侈阿羅婆. Pāli: Haṭṭhaka (Haṭṭhi theo bản Hán) Āḷavaka; A.i. 26: đệ nhất hành bốn nhiếp sự để đoàn kết đại chúng.

⁸ Đê bản: ma cung 魔宮. TNM: ma hoạn.

⁹ Dũng Kiện 勇健.

¹⁰ Xà-lợi 闍利.

Tăng nhất A-hàm

Thành tựu môn tộc, chính là Gia chủ Mẫn-dật¹².

Kệ tóm tắt:

*Tam Quả, Chát, Kiên-đề,
Quật, Ba cùng La-bà;
Dùng, Đồ-lợi, Tu-đạt,
Mẫn-thố gọi là mười.*

KINH SỐ 2

Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, ưa hỏi nghĩa thú, chính là Bà-la-môn Sanh Lậu¹³.

Lợi căn thông minh, chính là Phạm-ma-du.¹⁴

Tín sứ của chư Phật, chính là Ngự Mã Ma-nạp.¹⁵

Xét thân vô ngã, chính là Bà-la-môn Hỷ Văn Cầm.¹⁶

Bàn luận không ai hơn, chính là Bà-la-môn Tỳ-cừ.¹⁷

Hay sáng tác kệ tụng, chính là Gia chủ Ưu-bà-ly¹⁸.

Nói năng nhanh lẹ, cũng là Gia chủ Ưu-bà-ly.

¹¹ Tu-đạt 須達. Pāli: Sudatta, tên thật của Cấp Cô Độc.

¹² Đê bản: mẫn- thố 泯兔. TNM: mẫn dật.

¹³ Sanh Lậu 生漏. Sanh Lậu 生漏, bản Minh chép là Sanh Mẫn. Có lẽ là Bà-la-môn Sanh Văn được thấy trong *Tạp*, kinh 737, 739, 757. Pāli: Jāṇussoṇi. Bản Hán đọc là Jānāsava.

¹⁴ Phạm-ma-du 梵摩俞. Pāli: Brahmāyu, cf. M.iii.133.

¹⁵ Ngự Mã Ma-nạp 御馬摩納.

¹⁶ Hỷ Văn Cầm 喜聞岑.

¹⁷ Tỳ-cừ 毘裘.

¹⁸ Ưu-bà-ly 優婆離. Pāli: Upāli-gahapati.Cf. M.i. 371.

Thích bố thí của báu tốt, không có lòng tiếc, chính là Gia chủ Thù-đề.¹⁹

Kiến lập gốc thiện, chính là Ưu-ca Tỳ-xá-ly.²⁰

[560a01] Hay nói pháp vi diệu, chính là Ưu-bà-tắc Tối Thượng Vô Úy.²¹

Những điều nói ra không sợ, khéo xem xét căn cơ mọi người, chính là đại tướng lãnh Đầu-ma²² thành Ty-xá-ly.

Kệ tóm tắt:

*Sanh Lậu, Phạm-ma-du,
Ngự-mã cùng Văn Cầm,
Tỳ-cừu, Ưu-ba-ly,
Thù-đề, Ưu, Úy, Ma.*

KINH SỐ 3

Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, vui ban ân huệ, chính là vua Bình-sa.²³

Sở thí ít ỏi, chính là vua Quang Minh.²⁴

Kiến lập gốc lành, chính là vua Ba-tư-nặc.²⁵

Được tín tâm thiện vô căn²⁶, khởi lòng hoan hỷ, chính là vua A-xà-thế.²⁷

¹⁹ Thù-đề 殊提.

²⁰ Ưu-ca Tỳ-xá-ly 優迦毘舍離. Pāli: Ugga-Vesālīka, đệ nhất bố thí vật thích ý (*mānapadāyakānam*).

²¹ Vô Úy 無畏.

²² Đầu-ma 頭摩.

²³ Tỳ-sa vương 毘沙王. Pāli: Bimbisāra.

²⁴ Quang Minh 光明.

²⁵ Ba-tư-nặc 波斯匿. Pāli: Pasenadī.

Tăng nhất A-hàm

Chí tâm hướng về Phật, ý không biến dịch, chính là vua Ưu-điền.²⁸

Thừa sự chánh pháp, chính là Vương tử Nguyệt Quang.²⁹

Cung phụng Thánh chúng, ý luôn bình đẳng, chính là vương tử Tào Kỳ-hoàn³⁰.

Thường thích giúp người, hơn là tự vì mình, chính là vương tử Sư Tử.³¹

Khéo phụng kính người, không phân cao thấp, chính là vương tử Vô Úy³².

Tướng mạo đoan chánh, đẹp đẽ hơn người, chính là vương tử Kê-đầu.³³

Kệ tóm tắt:

*Bình-sa vương, Quang Minh,
Ba-tư-nặc, Xà vương,
Nguyệt, Kỳ-hoàn, Ưu-điền,
Sư Tử, Úy, Kê-đầu.*

²⁶ A-xà-thế 阿闍世. Do giết cha, đã đoạn thiện căn, nhưng về sau tin Phật nên nói là thiện vô căn. Xem, *Trương A-hàm* 17, T1n1, tr. 109b26. Cf. Pāli, D.i. 49.

²⁷ Pāli: Ajātasatta.

²⁸ Ưu-điền 優填. Pāli: Udena.

²⁹ Nguyệt Quang 月光.

³⁰ Tào Kỳ-hoàn Vương tử 造祇洹. Pāli: Jeta.

³¹ Sư Tử 師子.

³² Vô Úy 無畏. Pāli: Abhaya-kumāra.

³³ Kê-đầu 雞頭.

KINH SỐ 4

Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, thường hành tâm từ, chính là Gia chủ Bất-ni.³⁴

Tâm thường bi niệm tất cả các loài, chính là Thích chủng Ma-ha-nạp³⁵.

Thường hành tâm hoan hỷ, chính là Thích chủng Bạt-đà.³⁶

Thường giữ tâm không mất thiện hành, chính là Ưu-bà-tắc Tỳ-xà-tiên.³⁷

Khả năng hành nhẫn nhục, chính là Đại tướng Sư Tử.³⁸

Luận biện nhiều đề tài, chính là Ưu-bà-tắc Tỳ-xá-ngự.³⁹

Im lặng như Hiền thánh, chính là Ưu-bà-tắc Nan-đề-bà-la.

Siêng tu hạnh lành không dừng nghỉ, chính là Ưu-bà-tắc Ưu-đà-la.

Các căn tịch tĩnh, chính là Ưu-bà-tắc Thiên-ma.⁴⁰

Người chứng quả cuối cùng trong hàng đệ tử của Ta, chính là Câu-di-na Ma-la.⁴¹

³⁴ Bất-ni 不尼

³⁵ Ma-ha-nạp (Ma-ha-nam) Thích chủng 摩訶納釋種. Pāli: Mahānāma-Sakka,

³⁶ Bạt-đà 拔陀.

³⁷ Tỳ-xà-tiên 毘闍先.

³⁸ Sư Tử Đại tướng 師子大將. Pāli: Siha-senapati.

³⁹ Tỳ-xá-ngự 毘舍御. Pāli: Visākha, cf. M.i.299.

⁴⁰ Thiên-ma 天摩.

⁴¹ Câu-di-na Ma-la 拘夷那摩羅, có lẽ chỉ một người Mạt-la ở Cau-thi-na. Pāli: Kusināgara-Malla.

Tăng nhất A-hàm

Kệ tóm tắt:

*Bát-ni, Ma-ha-nạp,
Bạt-đà, Ưu-đa-la,
Sư Tử, Tỳ-xá, Ly,
Ưu-đa, Thiên, Ma-la.*

Bốn mươi Ưu-bà-tắc này, đều nên nói rộng như trên.

7. PHẨM THANH TÍN NỮ¹

KINH SỐ 1

Ưu-bà-di đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, người đầu tiên thọ trì đạo mà chứng quả, chính là Ưu-bà-di² [560b01] Nan-đà Nan-đà-bà-la.³

Trí tuệ đệ nhất, chính là Ưu-bà-di Cữu-thọ-đa-la.⁴

Thường thích tọa thiền, chính là Ưu-bà-di Tu-tỳ-da-nữ.⁵

Huệ căn tỏ rõ, chính là Ưu-bà-di Tỳ-phù.⁶

Kham năng nói pháp, chính là Ưu-bà-di Ương-kiệt-xà.⁷

Khéo diễn nghĩa kinh, chính là Ưu-bà-di Bạt-đà-sa-la Tu-diệm-ma.⁸

Hàng phục ngoại đạo, chính là Ưu-bà-di Bà-tu-đà.⁹

Âm vang trong suốt, chính là Ưu-bà-di Vô Ưu.¹⁰

¹ Về các Ưu-bà-di đệ nhất. A. 1. 14. 7.

² Nguyên trong bản: Ưu-bà-tư 優婆斯.

³ Nan-đà Nan-đà-bà-la 難陀難陀婆羅. Không rõ tiểu sử. Pāli, A.i. 25: Nữ quy y đầu tiên là Sujātā Seniyadhīta.

⁴ Cữu-thọ-đa-la 久壽多羅. Pāli: Khujjuttarrā, đa văn đệ nhất (*bahussutānam*).

⁵ Tu-tỳ-da-nữ 須毘耶. A.i.26: đệ nhất tọa thiền, Uttarā Nandamātā. Hán có thể đồng nhất với Suppiyā của Pāli, cf. Vin. 1. 216, Xem *Từ phần* 42, T22n1428, tr. 868c7.

⁶ Tỳ-phù 毘浮.

⁷ Ương-kiệt-xà 鶯竭闍.

⁸ Bạt-đà-sa-la Tu-diệm-ma 跋陀娑羅須焰摩.

⁹ Bà-tu-đà 婆修陀.

¹⁰ Vô Ưu 無優.

Tăng nhất A-hàm

Hay luận giải nhiều đề tài, chính là Ưu-bà-di Bà-la-đà.¹¹

Đồng mãnh tinh tấn, chính là Ưu-bà-di Tu-đầu.¹²

Kệ tóm tắt:

*Nan-đà-đà, Cừu-thọ,
Tu-tỳ, Ương-kiệt-xà;
Tu-diệm cùng Vô Ưu,
Bà-la-đà, Tu-đầu.*

KINH SỐ 2

Ưu-bà-di đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, cúng dường Như Lai, chính là Phu nhân Ma-lợi.¹³

Thừa sự chánh pháp, chính là Phu nhân Tu-lại-bà.¹⁴

Cúng dường Thánh chúng, chính là Phu nhân Xá-di.¹⁵

Chiêm ngưỡng Hiền sĩ quá khứ tương lai, chính là Phu nhân Nguyệt Quang.¹⁶

Đàn việt đệ nhất, chính là Phu nhân Lôị Điện.¹⁷

Luôn hành từ tam-muội, chính là Ưu-bà-di Ma-ha Quang.¹⁸

¹¹ Bà-la-đà 婆羅陀.

¹² Tu-đầu 須頭.

¹³ Ma-lợi 摩利. Pāli: Mallikā.

¹⁴ Tu-lại-bà 須賴婆.

¹⁵ Xá-di 捨彌.

¹⁶ Nguyệt Quang 月光.

¹⁷ Lôị Điện 雷電. A.i. 26: đệ nhất bố thí, Visākhā.

¹⁸ Đề bản: Ma-ha Quang 摩訶光. TNM: Ma ha tiên. Pāli, A.i. 26: đệ nhất hành từ vô lượng, Sāmavātī. (*mettāvihārinam*).

Hành bi tâm, hằng thương xót, chính là Ưu-bà-di Tỳ-đề.¹⁹

Tâm hỷ không dứt tuyệt, chính là Ưu-bà-di Bạt-đề.²⁰

Hành nghiệp thủ hộ, chính là Ưu-bà-di Nan-đà Mẫu.²¹

Được tín giải thoát, chính là Ưu-bà-di Chiếu Diệu.²²

Kệ tóm tắt:

*Ma-lợi, Tu-lại-bà,
Xả-di, Quang Nguyệt, Lô-i;
Đại Quang, Tỳ-đề, Đà,
Nan-đà cùng Chiếu Diệu.*

KINH SỐ 3

Ưu-bà-di đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, thường hành nhẫn nhục, chính là Ưu-bà-di Vô Ưu.²³

Hành Không tam-muội, chính là Ưu-bà-di Tỳ-thù-tiên.²⁴

Hành Vô tướng tam-muội, chính là Ưu-bà-di Ưu-na-đà.²⁵

Hành Vô nguyện tam-muội, chính là Ưu-bà-di Vô Cấu.²⁶

Thích dạy dỗ người, chính là Ưu-bà-di Phu nhân Thi-lợi.²⁷

¹⁹ Tỳ-đề 毘提.

²⁰ Bạt-đề 拔提.

²¹ Nan-đà Mẫu 難陀母. Pāli: (Uttarā) Nandmātā.

²² Chiếu Diệu 照曜.

²³ Vô Ưu 無優.

²⁴ Tỳ-thù-tiên 毘離先.

²⁵ Ưu-na-đà 那陀.

²⁶ Vô Cấu 無垢.

²⁷ Thi-lợi 尸利.

Tăng nhất A-hàm

Khéo hay trì giới, chính là Ưu-bà-di Ương-kiệt-ma.²⁸

Dung mạo đoan chánh, chính là Ưu-bà-di Lôi Diệm.²⁹

Các căn tịch tĩnh, chính là Ưu-bà-di Tối Thắng.³⁰

Nghe nhiều, biết rộng, chính là Ưu-bà-di Nê-la.³¹

Thường sáng tác kệ tụng, chính là Ưu-bà-di Tu-ma-ca-đê Tu-đạt Nữ.³²

Không chỗ khiếp nhược, cũng là Ưu-bà-di Tu-đạt Nữ.³³

Ưu-bà-di thủ chứng cuối cùng trong hàng Thanh văn của Ta, [560c01] chính là Ưu-bà-di Lam.³⁴

Kệ tóm tắt:

*Vô Ưu, Tỳ-thù-tiên,
Ưu-na, Vô Cấu, Thi,
Ương-kiệt, Lôi Diệm, Thắng,
Nê, Tu, Lam-ma Nữ.*

Ba mươi Ưu-bà-di này, nói rộng như trên.

²⁸ Ương-kiệt-ma 鶩竭摩.

²⁹ Lôi Diệm 雷焰.

³⁰ Tối Thắng 最勝.

³¹ Nê-la 泥羅.

³² Tu-ma-ca-đê Tu-đạt Nữ 脩摩迦提須達女.

³³ Tu-đạt Nữ 須達女.

³⁴ Lam 藍.

8. PHẨM A-TU-LA

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thọ thân hình to lớn không ai hơn vua A-tu-la. Tỳ-kheo, nên biết, thân hình A-tu-la lớn cao tám vạn bốn nghìn do tuần. Miệng rộng nghìn do tuần. Tỳ-kheo nên biết, có lúc vua A-tu-la muốn xúc phạm đến mặt trời, liền hóa thân cao gấp bội đến mười sáu vạn tám nghìn do tuần, đến trước mặt trời, mặt trăng. Vua mặt trời, mặt trăng thấy vậy, trong lòng sợ hãi cho nơi ở của mình không an ninh. Vì sao vậy? Vì thân hình A-tu-la rất đáng sợ. Vua mặt trời, mặt trăng kia vì trong lòng sợ hãi, nên ánh sáng không còn nữa. Nhưng A-tu-la không dám đến trước bắt mặt trời mặt trăng. Vì sao? Vì oai đức mặt trời, mặt trăng có thần lực lớn, thọ mạng rất dài, nhan sắc đoan chánh, hương lạc vô cùng. Muốn biết thọ mạng dài ngắn, đó là tuổi thọ trụ một kiếp. Lại nữa, do phước báo của chúng sinh cõi này, nên vua mặt trời, mặt trăng không bị xúc phạm bởi sự thấy của A-tu-la. Bấy giờ, A-tu-la trong lòng ưu sầu liền biến mất.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ác ma Ba-tuần luôn ở sau các người, tìm cầu phương tiện làm bại hoại thiện căn. Ba-tuần liền hóa ra sắc, thanh, hương, vị, xúc, và pháp mịn màng, láng mượt, cực kỳ vi diệu lạ lùng, muốn làm mê loạn ý các Tỳ-kheo. Ba-tuần tự nghĩ: ‘Ta sẽ rình cơ hội nơi mắt Tỳ-kheo, và cũng rình cơ hội nơi tai, mũi, lưỡi, thân, và ý.’

Tăng nhất A-hàm

“Lúc ấy, Tỳ-kheo tuy thấy pháp sáu tình cực kỳ vi diệu, nhưng tâm không nhiễm đắm. Bảy giờ, ác ma Ba-tuần trong lòng ưu sầu liền rút lui. Vì sao vậy? Vì những ảnh hưởng oai lực của Như Lai, A-la-hán¹ mà như vậy. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo không gần sắc, thanh, hương, vị, xúc, và pháp mịn màng, láng mượt.

“Bảy giờ, Tỳ-kheo thường xuyên [561a01] học như vậy: Thật là khó khăn khi nhận đồ hiến cúng của người. Nếu không thể tiêu hóa được thì sẽ rơi vào năm đường; không thể đến được đạo chánh chơn vô thượng. Cho nên cần phải chuyên tâm, để đạt được cái chưa đạt được, vượt qua cái chưa được vượt qua, chưa chứng đắc khiến cho chứng. Cho nên, này các Tỳ-kheo, chưa được tín thí không khởi tưởng niệm, đã có tín thí thì hãy làm cho tiêu hóa, không khởi nhiễm đắm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người³ xuất hiện ở thế gian, đem nhiều lợi ích cho người, an ổn chúng sanh, thương đời ngu tối, muốn khiến Trời Người có được phước hựu. Một con người đó là ai? Đó là đức

¹ Trong nguyên bản: đa-tát-a-kiệt a-la-ha 多薩阿竭 阿羅呵.

² Tham chiếu Pāli, A.1. 13.1 (Ekapuggalavaggo, R.i. 22).

³ Pāli: *ekapuggalo*.

Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác.⁴ Đó gọi là có một con người xuất hiện ở thế gian đem nhiều lợi ích cho người, an ổn chúng sanh, thương đời ngu tối, muốn khiến Trời Người có được phước hựu.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người* mà xuất hiện ở thế gian, liền có một người nhập đạo ở tại thế gian, và cũng đồng thời xuất hiện hai chân đế, ba giải thoát môn, pháp chân thật bốn đế, năm căn; sáu tà kiến diệt;⁶ bảy giác chi, tám đạo phẩm Hiền thánh, chín cõi cư trú của chúng sanh, mười lực của Như Lai, mười một từ tâm giải thoát.

“Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác*. Đó gọi là có một con người xuất hiện ở thế gian, liền có một người nhập đạo ở tại thế gian, và cũng xuất hiện ở thế gian có hai chân đế, ba giải thoát môn, pháp chân thật bốn đế, năm căn; sáu tà kiến diệt; bảy giác chi, tám đạo phẩm Hiền

⁴ Trong nguyên bản: da-tát-a-kiệt a-la-ha tam-da-tam-phật 多薩阿竭·阿羅呵·三耶三佛。

⁵ Tham chiếu Pāli, A. 1. 13. 6. (R.i. 22).

⁶ Pāli: xuất hiện sáu vô thượng (*channam anuttariyānam pātubhāvo hoti*).

Tăng nhất A-hàm

thánh, chín cõi cư trú của chúng sanh, mười lực của Như Lai, mười một từ tâm giải thoát.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁷

[561b01] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở thế gian. Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác*. Đó gọi là một người xuất hiện ở thế gian, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở thế gian.

“Cho nên các Tỳ-kheo, hãy có tín tâm hướng đến Phật, chớ có nghiêng tà. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁷ Tham chiếu Pāli, như trên.

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, thì vô minh tối tăm liền tự tiêu diệt. Bây giờ, những kẻ phàm ngu bị kết sử trôi buộc bởi vô minh sở kiến này, nên không biết như thật về con đường sinh tử, luân hồi qua lại từ đời này qua đời sau, từ kiếp này qua kiếp nọ, không rời trôi được. Nếu lúc đó có Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác xuất hiện ở thế gian, thì vô minh tối tăm liền tự tiêu diệt.

“Cho nên các Tỳ-kheo, nên nhớ thừa sự chư Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bây giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, liền có ba mươi bảy phẩm xuất hiện ở thế gian. Những gì là ba mươi bảy phẩm đạo? Đó là bốn niệm xứ⁸, bốn chánh đoạn,⁹ bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám Thánh đạo,¹⁰ liền xuất hiện ở thế gian.

Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác*.

⁸ Nguyên Hán: bốn ý chỉ 四意止.

⁹ Nguyên Hán: bốn ý đoạn 四意斷, tức bốn chánh cần.

¹⁰ Nguyên Hán: bát chơn hành 八真行.

Tăng nhất A-hàm

“Cho nên các Tỳ-kheo, thường nên thừa sự Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà mắt hấn ở thế gian, thì nhiều người sẽ ôm lòng sầu lo; khắp Trời Người mắt cả bóng che. Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, [561c01] Chánh đẳng giác*. Đó gọi là có một con người mà mắt hấn ở thế gian, nhân loại phần nhiều ôm lòng sầu lo; khắp Trời Người mắt cả bóng che. Vì sao vậy? Vì nếu đức Như Lai diệt tận ở đời, thì ba mươi bảy phẩm cũng lại diệt tận.

“Cho nên các Tỳ-kheo, thường nên cung kính đối với Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹¹ A. 1. 13. 4.

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, thì bấy giờ Trời Người liền được thấm nhuần ánh sáng, liền có tín tâm nơi giới, vãng, thí, tuệ. Giống như ánh trăng tròn mùa thu vằng vặc chiếu khắp mọi nơi, thì ở đây cũng vậy. Nếu Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác, xuất hiện thế gian, thì Trời Người liền được thấm nhuần ánh sáng, liền có lòng tin đối với giới, vãng, thí, tuệ, như trăng tròn chiếu khắp tất cả.

“Cho nên các Tỳ-kheo, nên khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, thì bấy giờ tất cả Trời Người đều đông đúc, chúng sanh ba đường ác liền tự giảm thiểu. Giống như đất nước lúc có Thánh vương cai trị giáo hóa, thì nhân dân trong thành này đông mạnh, nước láng giềng sức yếu hơn, Ở đây cũng vậy. Nếu lúc Như Lai, xuất hiện thế gian, thì ba đường ác liền tự giảm thiểu.

“Cho nên các Tỳ-kheo, nên khởi lòng tin đối với Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người xuất hiện ở thế gian mà không có một ai bắt kịp, không thể bắt chước, đi một mình, không bạn lữ, không ai sánh ngang; chư thiên cùng loài người không ai có thể sánh kịp; nơi tín, giới, văn, thí, tuệ cũng không ai sánh kịp.

“Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác*.

“Đó gọi là một con người xuất hiện ở thế gian mà không có một ai bắt kịp, không thể [562a01] bắt chước, đi một mình, không bạn lữ, không ai sánh ngang; chư thiên cùng loài người không ai có thể sánh kịp; người mà tín, giới, văn, thí, tuệ thấy đều đầy đủ.

“Cho nên các Tỳ-kheo, nên khởi lòng tin cung kính đối với Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Tu-luân, ích, một đường,
Ánh sáng cùng tối tăm;
Đạo phẩm, mất hẳn, tin,
Đông đức, không ai bằng.*¹³

¹² Pāli, A.1. 16. 5.

¹³ Bản Hán, hết quyển 3.

9. PHẨM CON MỘT

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Giống như người mẹ có một người con duy nhất, trong lòng chí tín, hằng nghĩ như vậy: ‘Phải dạy dỗ làm sao cho nó trở thành người?’”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Thế Tôn là gốc các pháp, những điều Như Lai trần thuật, không ai là không vâng lãnh.¹ Cúi xin Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa sâu này. Nghe rồi, chúng con phụng hành.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các người.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Giống như Ưu-bà-di kia, trong lòng chí tín, dạy dỗ con như vậy: ‘Nay con nếu sống tại gia phải như gia chủ Chát-đa² và

¹ Xem Phẩm 3, kinh 1, cht. 1.

² Chát-đa trường giả 質多長. Pāli: Citta-gahapati; tham chiếu A. II. 12. 3.

Tăng nhất A-hàm

như đồng tử Tượng.³ Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực. Những đệ tử (tại gia) của Thế Tôn mà đã được chứng ngộ, đó là gia chủ Chất-đa và đồng tử Tượng. Còn nếu con trẻ muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì phải như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.⁴ Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực.⁵ Nghĩa là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thích học Chánh pháp, không tạo nghiệp tà [562b01] để dấy lên phi pháp. Nếu con có sinh tư tưởng nhiễm đấm này, con sẽ rơi vào trong ba đường ác.’

“Do đó, các người nên chuyên tâm khéo suy niệm: Hãy đạt được cái chưa đạt được. Hãy thu hoạch cái chưa thu hoạch. Hãy chứng cái chưa chứng. Sở dĩ như vậy, này các Tỳ-kheo, vì sức nặng của tín thí thật khó có thể tiêu được, khiến cho con người không đến được đạo. Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ sinh ý tưởng nhiễm đấm. Nó đã sinh rồi thì hãy diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³ Tham chiếu, A. ii. 12. 3 (R i. 89): Hatthaka người Āḷavī (Thủ trưởng già, bản Hán đọc là Hatthika): Đệ nhất trong những vị hành bốn nhiếp sự.

⁴ Tham chiếu Pāli, A. II. 12.1 (R i. 88)

⁵ Hán: thử thị kỳ hạn, thử thị kỳ lượng 此是其限。此是其量。 Pāli. *ibid.*, *esā tulā etaṃ pamāṇaṃ*.

⁶ A. I. 13. 1.

“Có Ưu-bà-di chí tín, có một người con gái duy nhất, phải dạy dỗ làm sao cho nó thành tựu?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Thế Tôn là gốc các pháp, những điều Như Lai trần thuật, không ai là không vâng lãnh. Cúi xin Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa sâu này. Nghe rồi, chúng con phụng hành.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các người.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, Bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Giống như Ưu-bà-di chí tín kia dạy dỗ con gái như vậy: ‘Nay con nếu sống tại gia phải như Ưu-bà-di Câu-thù-đa-la và mẹ Nan-đà.⁷ Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực. Các đệ tử (tại gia) của Thế Tôn mà đã được chứng ngộ, đó chính là Ưu-bà-di Câu-thù-đa-la và mẹ Nan-đà. Còn nếu ý con gái muốn cạo bỏ râu tóc,⁸ mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì phải như Tỳ-kheo-ni Sám*-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc. Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực. Nghĩa là Tỳ-kheo-ni Sám*-ma,⁹ Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc thích học chánh pháp, không tạo nghiệp tà để dấy lên phi pháp. Nếu con

⁷ Tham chiếu Pāli, *ibid.*: Ưu-bà-di Khujjuttarā, và Nandāmātā người Veḷukaṇṭa.

⁸ Nguyên Hán: tu phát 鬚髮!

⁹ Pāli, *ibid.*: Kkhemā và Uppalavaṇṇā

Tăng nhất A-hàm

có sinh tư tưởng nhiễm đấm này, con sẽ rơi vào trong ba đường ác.’

Do đó, các người nên chuyên tâm khéo suy niệm: Hãy đạt được cái chưa đạt được. Hãy thu hoạch cái chưa thu hoạch. Hãy chứng cái chưa chứng. Sở dĩ như vậy, này các Tỳ-kheo, vì sức nặng của tín thí thật khó có thể tiêu được, khiến cho con người không đến được đạo. Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ sinh ý tưởng nhiễm đấm. Đã sinh rồi thì hãy diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, [562c01] hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta không thấy một pháp nào nhanh nhạy hơn tâm, không thể thí dụ được. Giống như vượn khỉ, tâm không chuyên định, buông cái này, chụp lấy kia. Tâm cũng như vậy, tương trước và tương sau bất đồng, không có phương tiện nào để có thể mô tả được sự nhanh nhạy của tâm.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, người phạm phu không thể quán sát tâm ý. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn luôn hàng phục tâm ý khiến hướng theo đường thiện. Các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta không thấy một pháp nào nhanh nhạy hơn tâm, không thể thí dụ được. Giống như vượn khỉ, tâm không chuyên định, buông cái này, chụp lấy kia. Tâm cũng như vậy, tưởng trước và tưởng sau bất đồng, không có phương tiện nào để có thể mô tả được sự nhanh nhạy của tâm.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, người phạm phu không thể quán sát tâm ý. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn luôn hàng phục tâm ý khiến hướng theo đường thiện. Các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta hằng quán sát thấy những điều niệm tưởng trong tâm của một người. Người này như trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, đọa vào trong địa ngục. Sở dĩ như vậy, là do tâm ác. Tâm mà sinh bệnh, nó rơi rớt xuống địa ngục.”

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

*Giống như có một người,
Tâm ôm tưởng sân hận;*

*Nay bảo các Tỳ-kheo,
Diễn rộng nghĩa thú này.
Nay chính lúc thích hợp:
Nếu có người mạng chung,
Giả sử vào địa ngục,
Do tâm hành ô uế.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy hàng phục tâm, chớ để sinh các hành ô uế. Như vậy, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

[562c10] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta thường quán sát thấy những điều niêm tướng trong tâm một người. Người này như trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay mà sinh lên trời. Sở dĩ như vậy, do tâm thiện. Đã sinh tâm thiện, liền sinh lên trời.”

Bảy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

*Nếu lại có một người,
Mà sinh tâm thiện diêu;
Nay bảo các Tỳ-kheo,
Diễn rộng nghĩa thú này.
Nay là lúc thích hợp:
Nếu có người mạng chung,
Liền được sinh lên trời;
Là do tâm hành thiện.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy phát tâm ý trong sạch, chớ để sinh các hành ô uế. Như vậy, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, nó huyền hoặc người đời khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được; đó là, người nam thấy sắc của người nữ,¹⁰ liền khởi tưởng đắm trước, tâm ý hết mực yêu thương, khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được, ý không lìa bỏ, xoay vần qua lại đời đời này đời sau, luân chuyển năm đường, trải qua bao kiếp.”

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

*Tiếng Phạm thiên êm dịu,
Như Lai nói, khó thấy.
Nếu có lúc nào thấy,
Hãy buộc niệm trước mắt.
Cũng chớ cùng người nữ,
Qua lại chuyện trò nhau.
Hằng giăng lưới bắt người,
Không đến vô vi được.*

¹⁰ Cf. A. I. 1. 1 (R. i. 2): *nāhaṃ ekarūpaṃ samanupassāmi yaṃ evaṃ purisassa cittaṃ pariyādāya tiṭṭhati yathayidaṃ itthirūpaṃ*, Ta không thấy có một loại sắc nào nắm giữ chặt tâm người nam như là sắc của người nữ.

Tăng nhất A-hàm

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trừ các sắc, chớ khởi ý tưởng đắm trước. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, nó huyền hoặc người đời khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào [563b] lao ngục không giải thoát được; đó là, người nữ thấy sắc của người nam, liền khởi tưởng đắm trước, tâm ý hết mực yêu thương, khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được, ý không lìa bỏ, xoay vần qua lại đời này đời sau, luân chuyển năm đường, trải qua bao kiếp.”

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

*Nếu sinh tưởng điên đảo,
Khởi niệm, tâm ân ái.
Hãy trừ tâm mê đắm,
Liền không cấu uế này.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trừ các sắc, chớ khởi ý tưởng đắm trước. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào, mà không có tướng dục nó khiến khởi dục tướng; tướng dục đã khởi khiến tăng trưởng; không có tướng sân nhuế nó khiến khởi sân nhuế, sân nhuế đã khởi nó khiến tăng trưởng; không có tướng thù miên nó khiến khởi thù miên, thù miên đã khởi khiến tăng trưởng; không có tướng trạo cử,¹¹ nó khiến khởi trạo cử; trạo cử đã khởi khiến tăng trưởng; không có tướng nghi, nó khiến khởi tướng nghi; tướng nghi đã khởi, khiến tăng trưởng; đó là tướng về tịnh tướng.¹² Vậy nên, hãy quán ác bất tịnh tướng ghê tởm.¹³ Nếu có loạn tướng, thì không có tướng dục liền khởi dục tướng; tướng dục đã khởi liền tăng trưởng; không có tướng sân nhuế liền khởi sân nhuế, sân nhuế đã khởi liền tăng trưởng; không có tướng thù miên liền khởi thù miên, thù miên đã khởi liền tăng trưởng; không có tướng trạo cử, liền khởi trạo cử; trạo cử đã khởi liền tăng trưởng; không có tướng nghi, liền khởi tướng nghi; tướng nghi đã khởi, liền tăng trưởng.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ khởi loạn tướng. Hãy thường chuyên ý. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các người hãy học điều này.”

¹¹ Nguyên Hán: điệu hý 調戲.

¹² Bản Hán thiếu câu này, cần thêm vào cho đủ ý, theo văn mạch. Cf. A. I. 2. 1 (R. i. tr. 3): *nāhaṃ aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppanno vā kāmacchando uppajjati... yathayidaṃ subhanimittaṃ*, Ta không thấy có một pháp nào mà tham dục (triền cái) chưa sinh liền khiến sinh ... đó là tịnh tướng.

¹³ Hán: ác lộ bất tịnh. Pāli: *asubhanimittaṃ*.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào, mà tướng dục chưa sinh thì nó khiến tướng dục không sinh; tướng dục đã sinh thì khiến cho diệt; tướng sân nhuế chưa sinh thì nó khiến không sinh, tướng sân nhuế đã sinh thì khiến cho diệt; tướng thù miên chưa sinh thì nó khiến không sinh; tướng thù miên đã sinh tướng thì khiến diệt; tướng trạo cử chưa sinh thì nó khiến không sinh, tướng trạo cử đã sinh thì khiến diệt; tướng nghi chưa sinh thì nó khiến không sinh, tướng nghi đã sinh thì khiến diệt; đó là bất tịnh tướng.¹⁴ Vậy hãy nên quán bất tịnh ghê tởm. Đã quán bất tịnh ghê tởm, tướng dục chưa sinh liền không sinh; đã sinh thì sẽ bị diệt; sân nhuế chưa sinh thì không sinh, sân nhuế đã sinh thì sẽ bị diệt;... cho đến tướng nghi chưa sinh thì không sinh, [563c01] tướng nghi đã sinh thì sẽ bị diệt.¹⁵

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường phải chuyên tâm, quán bất tịnh tướng. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các người hãy học điều này.”

¹⁴ Bản Hán thiếu câu này, cần thêm vào cho đủ ý, theo văn mạch.

¹⁵ Cf. Pāli, A. I. *ibid.*: quán bất tịnh (*asubhanimittam*) để trừ dục tham (triền cái); tu từ tâm giải thoát (*mettā cetovimutti*) để trừ sân; tu tịnh cần giới (*ārambhadhātu*) để trừ hôn trầm thụ miên; tu tâm tịch tĩnh (*cetaso vūpasamo*) để trừ trạo cử; tu như lý tác ý (*yoniso manasikāro*) để trừ nghi.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Hai điều đó, hai tâm,
Một đọa, một sinh thiên;
Nam, nữ tướng thọ lạc;
Hai dục tưởng sau cùng.*

10. PHẨM HỘ TÂM

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Khi đã tu hành một pháp, quảng bá một pháp rồi, liền được thần thông, các hành tịch tĩnh, được quả Sa-môn, đến Niết-bàn giới. Một pháp đó là gì? Đó là hành không phóng dật. Thế nào là hành không phóng dật? Là phòng hộ tâm. Thế nào là phòng hộ tâm? Ở đây, Tỳ-kheo thường thủ hộ tâm khỏi pháp hữu lậu. Khi Tỳ-kheo thủ hộ tâm khỏi pháp hữu lậu, vị ấy liền ở nơi pháp hữu lậu mà được an vui, cũng có tín lạc, an trụ không di dịch, hằng chuyên tâm ý, luôn tự lực cố gắng. Như vậy, này Tỳ-kheo, vị kia hành không phóng dật, hằng tự cẩn thận, nếu dục lậu chưa sinh thì khiến không sinh; dục lậu đã sinh, thì có thể khiến nó diệt. Hữu lậu chưa sinh thì khiến không sinh, hữu lậu đã sinh, thì có thể khiến nó diệt. Vô minh lậu chưa sinh thì khiến không sinh; vô minh lậu đã sinh, thì có thể khiến nó diệt. Tỳ-kheo ở đó hành không phóng dật, ở một nơi vắng vẻ, thường tự giác tri, an trú, liền được giải thoát khỏi tâm dục lậu; liền được giải thoát khỏi tâm hữu lậu, vô minh lậu. Khi đã được giải thoát, liền được giải thoát trí, biết rằng, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Không mạn¹, dẫu cam lồ.

¹ Đề bản: kiêu 僑. TNM: mạn.

*Phóng dật, con đường chết;
Không mạn, thì không chết,
Ai mạn, tức là chết.²*

[564a01] “Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành hạnh không phóng dật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Khi đã tu hành một pháp, quảng bá một pháp rồi, liền được thần thông, các hành tịch tĩnh, được quả Sa-môn, đến Niết-bàn giới. Một pháp đó là gì? Đó là hành không phóng dật nơi các thiện pháp. Thế nào là hành không phóng dật? Không gây nhiều tất cả chúng sanh, không gây hại tất cả chúng sanh, không nào hại tất cả chúng sanh. Đó là hành không phóng dật. Kia sao gọi là thiện pháp? Đó là tám đạo phẩm Hiền thánh: chánh kiến,³

² Tham chiếu, Dhp. 21: *Appamādo amatapadam pamādo maccuno padam, appamattā na mīyanti, ye pamattā yathā matā*, “Không phóng dật, con đường dẫn đến bất tử. Phóng dật, con đường dẫn đến cõi chết. Những ai không phóng dật thì không chết. Những ai phóng dật, chúng như đã chết.”

³ Đẳng kiến 等見; phổ thông nói là chánh kiến. Xem đoạn sau, Kinh 1 phẩm 12.

chánh tinh tấn,⁴ chánh ngữ, chánh nghiệp,⁵ chánh mạng, chánh tư duy,⁶ chánh niệm, chánh định. Đó gọi là thiện pháp.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Thí tất cả chúng sanh,
Không bằng người thí pháp.
Thí chúng sanh tuy phước,
Pháp thí một người hơn.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành thiện pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người quán đàn-việt thí chủ như thế nào?”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Thế Tôn là chủ⁷ các pháp.⁸ Nguyện xin Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo. Sau khi nghe, chúng con sẽ thọ trì.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁴ 𡇗 phương tiện 等方便. Phổ thông: chánh tinh tấn. Thứ tự có đảo lộn.

⁵ 𡇗 hành 等行. Phổ thông: chánh nghiệp. .

⁶ 𡇗 trị 等治. Phổ thông: chánh tư duy. Thứ tự có đảo lộn

⁷ 𡇗 bản: vương 王. TNM: chủ 主.

⁸ Xem Phẩm 3, kinh 1, cht. 1.

Tăng nhất A-hàm

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Đàn-việt thí chủ đối với các người cung kính như là con hiếu thuận mẹ cha, nuôi dưỡng, hầu hạ, khiến cho năm uẩn được tăng ích, để ở nơi cõi Diêm-phù-lợi mà hiện các thứ nghĩa.⁹ Quán đàn-việt thí chủ là người hay thành tựu¹⁰ giới, văn, tam-muội, trí tuệ; làm nhiều lợi ích cho các Tỳ-kheo, ở trong Tam bảo không có điều gì quái ngại.

“Thí chủ là người hay cho các người áo chăn, ẩm thực, khăn trải giường chõng, thuốc thang cho bệnh tật. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy có [564b01] tâm từ đối với đàn-việt. Ân nhỏ thường không quên, huông chi ân lớn. Hằng đem tâm từ mà nói cho đàn-việt kia về hành vi thanh tịnh của thân, khẩu, ý, không thể tính đếm, không thể hạn lượng. Hãy với thân hành từ, khẩu hành từ, ý hành từ, khiến cho vật sở thí của đàn-việt kia trọn không bị phế bỏ, được quả lớn, thành tựu phước hựu lớn, có danh xưng lớn, truyền khắp thế gian, pháp vị cam lồ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Thí, để thành của lớn,
Sở nguyện cũng thành tựu.
Vua cùng các đạo tặc,*

⁹ Dịch sát. Ý nghĩa: đạt được các mục đích trong cõi Diêm-phù.

¹⁰ Nguyên Hán: năng thành nhân 能成人, văn cú đảo trang, cần đảo ngược chủ từ lại.

Không thể đoạt vật này.

*Thí, để được vương vị,
Nói tiếp ngôi chuyển luân;
Thành bảy báu đầy đủ,
Đạt được nhờ bố thí.*

*Bố thí, thành thân trời,
Đầu đội mũ đa bảo;
Cùng kỹ nữ dạo chơi,
Báo này nhờ bố thí.*

*Thí, được Thiên-đế Thích,
Vua trời oai lực thanh;
Nghìn mắt thân trang nghiêm,
Báo này nhờ bố thí.*

*Bố thí thành Phật đạo,
Đủ ba mươi hai tướng;
Chuyển pháp luân vô thượng,
Báo này cũng nhờ thí.*

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đàn-việt thí chủ thừa sự, cúng dường các bậc Hiền thánh tinh tấn trì giới như thế nào?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

Tăng nhất A-hàm

“Thế Tôn là chủ* các pháp. Xin nguyện Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo. Nghe rồi, chúng con sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta phân biệt nghĩa này cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo vang nghe những lời Phật dạy như vậy. Thế Tôn bảo:

“Đàn-việt thí chủ mà thừa sự, cúng dường các bậc đa văn, tinh tấn trì giới, cũng giống như người lạc lối được chỉ đường, người thiếu thốn lương thực được cung cấp thức ăn, người sợ hãi được khiến không ưu phiền, người kinh sợ được chỉ bảo không kinh sợ, người không nơi nương tựa được che chở, [564c01] người mù được có mắt, y vương cho người bệnh; giống như nông phu ở quê làm ruộng, trừ khử cỏ dại để có thể phát triển cây lúa. Tỳ-kheo hãy thường nên trừ khử bệnh của năm thủ uẩn,¹¹ cầu mong vào thành Niết-bàn, chỗ không có sợ hãi. Như vậy, này các Tỳ-kheo, đàn-việt thí chủ thừa sự cúng dường các bậc đa văn tinh tấn trì giới là như vậy.”

Lúc bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc¹² đang ở trong chúng. Gia chủ Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn. Thật vậy, bạch Như Lai. Tất cả thí chủ đến với người nhận, giống như bình cát tường.¹³ Người

¹¹ Nguyên Hán: ngũ thịnh âm 五盛陰.

¹² Hán phiên âm: A-na-bân-trì 阿那分持 (Pāli: Anāthapiṇḍika): phiên âm của Cấp Cô Độc.

¹³ Xem Phẩm 3, kinh 5, cht. 6.

nhận bố thí như vua Bình-sa. Khuyên người hành bố thí như cha mẹ thân; người nhận thí là phước lành đời sau. Tất cả mọi thí chủ đến với người nhận giống như cư sĩ.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Gia chủ. Như những gì ông đã nói.”

Gia chủ Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

“Từ nay về sau, cửa nhà con không đóng kín, cũng không cự tuyệt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng những người đi đường thiếu lương thực.”

Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

“Nguyện xin Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của đệ tử.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của gia chủ. Gia chủ thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng, rồi trở về chỗ ở. Đến nhà rồi, ngay trong đêm đó ông bày biện thịnh soạn đủ các loại đồ ăn, thức uống ngon ngọt, trái tọa cụ rộng rãi xong, tự đến báo giờ:

“Thức ăn đã dọn xong. Cúi xin Thế Tôn kịp thời quang lâm chiếu cố.”

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo, khoác y ôm bát đến nhà gia chủ tại thành Xá-vệ. Đến nơi, mọi người ngồi vào chỗ của mình, và các Tỳ-kheo Tăng cũng theo thứ tự mà ngồi.

Gia chủ thấy Phật và chúng Tỳ-kheo ngồi đã an định rồi, tự tay đi dâng các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi ăn xong, thu dọn bát, ông đến ngồi chỗ thấp trước Như Lai, để nghe pháp. Gia chủ bấy giờ bạch Thế Tôn:

Tăng nhất A-hàm

“Lành thay, Như Lai cho phép các Tỳ-kheo tùy theo những vật cần như ba y, bình bát, ống đựng kim, ni-sur-đàn, giải buộc y¹⁴, bình nước rửa,¹⁵ cùng tất cả những vật khác của Sa-môn, được phép nhận hết tại nhà đệ tử.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu các người cần y áo, bình bát, ni-sur-đàn, bình nước rửa cùng tất cả những vật tạp của Sa-môn, thì cho phép đến đó nhận, chớ có nghi nan mà khởi tướng tâm đắm trước.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho gia chủ Cấp Cô Độc. [565a01] Nói pháp vi diệu xong, Phật rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Lúc bấy giờ, Cấp Cô Độc nơi bốn cửa thành lại bố thí rộng rãi. Lần thứ năm ở trong chợ, lần thứ sáu ở tại nhà. Ai cần đồ ăn thì cho đồ ăn, cần thức uống thì cho thức uống, cần xe cộ, kỹ nhạc, hương xông, anh lạc, đều cho tất cả.

Thế Tôn nghe Gia chủ Cấp Cô Độc bố thí rộng rãi trong bốn cửa thành, và nơi chợ lớn; bố thí cho kẻ nghèo thiếu. Nơi nhà lại bố thí vô lượng. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng đệ tử của Ta, Ưu-bà-tắc ưa thích bố thí bậc nhất đó là Gia chủ Tu-đạt.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

¹⁴ Đê bản: y đai 衣帶. TNM: y thường, áo xiêm, chỉ nội y.

¹⁵ Pháp táo quán 法澡罐.

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn bảo:

“Thế nào Gia chủ, quý gia chủ thường bố thí cho những người nghèo thiếu phải không?”

Gia chủ thưa:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn. Con thường bố thí cho những người nghèo thiếu. Nơi bốn cửa thành thì bố thí rộng rãi. Tại nhà thì cung cấp những gì cần dùng. Bạch Thế Tôn, có lúc con tự nghĩ muốn bố thí cho các loài cầm thú như chim chóc, heo, chó. Con cũng không nghĩ là đây nên cho, đây không nên cho; cũng lại không nghĩ là đây nên cho nhiều, đây nên cho ít. Con thường tự nghĩ tất cả chúng sanh đều do ăn uống mà sinh mạng tồn tại; có ăn thì sống, không ăn thì chết.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, Gia chủ. Ông đã bằng tâm Bồ-tát, chuyên tinh nhất ý mà huệ thí rộng rãi. Thật vậy, chúng sanh nhờ ăn uống mà được cứu sống, không ăn uống thì liền chết. Nay Gia chủ, Ông sẽ được quả lớn, được tiếng tăm nhiều; được quả báo lớn mà tiếng đồn thấu mười phương; được pháp vị cam lồ. Vì sao vậy? Vì hàng Bồ-tát thường đem tâm bình đẳng để bố thí, lúc nào cũng một lòng mà nhớ nghĩ đến các loài chúng sanh, nhờ ăn uống mà tồn tại, có ăn uống tức được cứu sống, không ăn uống tức chết. Nay Gia chủ, đó là tâm Bồ-tát ở tại chỗ yên ổn mà bố thí rộng rãi.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nên bố thí khắp cả,

*Quyết không lòng hối tiếc;
Át sẽ gặp bạn lành,
Được giúp đến bờ kia.*

[565b01] “Cho nên Gia chủ, hãy dùng tâm bình đẳng mà bố thí rộng rãi. Như vậy, Gia chủ hãy học điều này.”

Gia chủ sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

“Như Ta ngày nay biết rõ căn nguyên chỗ đến của chúng sanh, cũng biết quả báo của việc bố thí một năm cơm dư cuối cùng, mình đã không ăn mà đem bố thí cho người khác. Lúc ấy, tuy không khởi tâm ghen ghét dù bằng lông tóc, nhưng vì chúng sanh này không biết quả báo của việc bố thí. Còn như Ta thì biết rõ điều đó. Quả báo của bố thí, báo bình đẳng, tâm không đổi khác. Cho nên, chúng sanh vì không thể bố thí bình đẳng mà tự thân đọa lạc, hằng bị tâm keo kiệt, ganh tị trói buộc tâm ý.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chúng sanh không tự giác,
Lời dạy của Như Lai:
Thường nên bố thí khắp,
Chuyên hướng chỗ chơn nhân,
Chỉ tánh đã thanh tịnh,
Được phước nhiều gấp bội;
Cùng cộng phần phước đó,
Sau được quả báo lớn.*

*Nay lành thay bố thí,
Tâm hướng ruộng phước rộng;
Chết ở cõi người này,
Ất sinh lên trên trời.
Cho đến xứ lành kia,
Khoái lạc tự vui sướng;
Cát tường rất hoan vui,
Tất cả không thiếu thốn.
Do nghiệp trời oai đức,
Ngọc nữ theo chung quanh;
Bảo bố thí bình đẳng,
Nên được phước đức này.*

Các Tỳ-kheo Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chớ sợ phước báo. Vì sao vậy? Vì đây là sự báo ứng của việc thọ lạc rất đáng yêu kính. Sở dĩ gọi là phước vì có báo lớn này. Các người nên sợ vô phước. Vì sao vậy? Vì đây là nguồn gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không thể kể hết, không có yêu thích. Đây gọi là vô phước. Nay Tỳ-kheo, Ta tự nhớ xưa kia bảy năm hành từ tâm. Lại trải qua bảy kiếp Ta không đến cõi này. Lại trong bảy kiếp [565c01] Ta sinh về trời Quang âm, bảy kiếp sinh vào chốn Không Phạm thiên¹⁶ làm Đại Phạm

¹⁶ Không Phạm thiên xứ 空梵天處, hay Không Phạm thiên cung, thiên cung trống không của Phạm thiên. Xem, Trường 14, T1n1, tr. 90b10. Cf. Brahmajālasutta, D.i. 16: *suññaṃ brahmavimānaṃ*.

Tăng nhất A-hàm

thiên không ai sánh bằng, thống lĩnh trăm nghìn thế giới. Ba mươi sáu lần Ta làm thân Thiên đế Thích, vô số đời làm vua Chuyển luân.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tạo phước chớ mệt mỏi. Vì sao vậy? Vì đây gọi là sự báo ứng của thọ lạc rất đáng yêu kính, đó gọi là phước. Các ngươi nên sợ vô phước. Vì sao vậy? Vì là ngọn gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không thể kể hết, đó gọi là vô phước.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Vui thay, phước báo,
Sở nguyện tựu thành;
Chóng đến diệt tận,
Đến chỗ vô vi.*

*Vì dù số ức,
Thiên ma Ba-tuần
Cũng không thể quấy
Người tạo nghiệp phước.*

*Kìa thường tự cầu,
Đạo của Hiền thánh;
Liên trừ hết khổ,
Sau cùng không lo.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tạo phước chớ chán nản. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người thuận theo một pháp, không lìa một pháp, thì Thiên ma Ba-tuần không thể có được cơ hội, cũng không thể đến để quấy nhiễu người. Nhưng gì là một pháp? Là công đức phước nghiệp. Vì sao vậy? Vì Ta nhớ xưa kia, dưới cây bồ-đề, cùng các Bồ-tát hội họp về một chỗ. Ác ma Ba-tuần đem hàng nghìn vạn ức binh chúng, đủ các loại tướng mạo, hình người đầu thú, không thể kể hết: Trời, Rồng, Quỷ thần, A-tu-la, Ca-lưu-la, Ma-huru-lặc v.v... đều đến tụ hội.”

Lúc ấy Ma Ba-tuần nói với Ta rằng:

“Sa-môn, mau gọt mình sát đất.”

Phật dùng sức lớn phước đức hàng phục ma oán, mọi trần cấu đều tiêu, không uế nhiễm, liền thành đạo vô thượng chánh chơn.

“Các Tỳ-kheo nên quán sát nghĩa này. Tỳ-kheo đầy đủ công đức, ác ma Ba-tuần không thể có được cơ hội để phá hoại công đức kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Có phước khoái lạc,
Vô phước thì khổ;
Đời này, đời sau,
Tạo phước thọ lạc.*

“Cho nên các Tỳ-kheo, tạo phước chớ mệt mỏi.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì [566a01] Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo tu hành một pháp thì không thể làm bại hoại các nẻo dữ. Một pháp thì hướng đến các nẻo lành. Một pháp thì hướng đến Niết-bàn. Thế nào là tu hành một pháp thì không thể làm bại hoại các nẻo dữ? Là tâm không chí tín. Đó gọi là tu một pháp này thì không thể làm hoại các nẻo ác.

“Thế nào là tu hành một pháp thì hướng đến các nẻo thiện? Là tâm hành chí tín. Đó gọi là tu một pháp thì hướng đến các nẻo lành.

“Thế nào là tu hành một pháp thì hướng đến Niết-bàn? Là thường chuyên tâm niệm. Đó gọi là tu hành pháp này được đến Niết-bàn.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy chuyên tinh tâm ý niệm tưởng đến các gốc lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có một người mà xuất hiện ở thế gian, thì chúng sanh ở đây liền tăng ích tuổi thọ, nhan sắc tươi nhuận, khí lực sung

mãn, khoái lạc vô cùng, âm thanh hòa nhã. Một người ấy là ai? Là Như Lai Chí chơn, Đấng chánh giác. Đây gọi là một người mà xuất hiện ở thế gian, khiến chúng sanh ở đây liền tăng ích tuổi thọ, nhan sắc tươi nhuận, khí lực sung mãn, khoái lạc vô cùng, âm thanh hòa nhã.”

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường chuyên tinh nhất tâm niệm Phật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Không mạn, hai niệm, đàn,
Hai thí, keo¹⁷ không chán;
Thí phước, ma Ba-tuần,
Nẻo ác, và một người.¹⁸*

¹⁷ Đê bản: kiên 堅. TNM: khan 慳.

¹⁸ Bản Hán, hết quyển 4.

11. PHẨM BÁT ĐÃI

KINH SỐ 1

[566b06] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy diệt một pháp, Ta sẽ xác chứng các người thành A-na-hàm. Một pháp gì? Tham dục. Nay các Tỳ-kheo, hãy diệt tham dục, Ta sẽ các chứng các người đắc A-na-hàm.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bị nhiễm bởi tham dâm,
Chúng sanh rơi đường dữ;
Siêng tu bỏ tham dục,
Liền thành A-na-hàm.*

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy diệt một pháp, Ta sẽ xác chứng các người thành A-na-hàm. Một pháp gì? Sân nhuế. Nay, các Tỳ-kheo, hãy diệt sân nhuế, Ta sẽ các chứng các người đắc A-na-hàm.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bị nhiễm bởi sân nhuế,

Tăng nhất A-hàm

*Chúng sanh rơi đường dữ;
Siêng tu bỏ sân nhuế,
Liên thành A-na-hàm.*

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp, Ta sẽ xác chứng các người thành A-na-hàm. Một pháp gì? Ngu si. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy diệt ngu si, Ta sẽ xác chứng các người đắc A-na-hàm.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bị nhiễm bởi ngu si,
Chúng sanh rơi đường dữ;
Siêng tu bỏ ngu si,
Liên thành A-na-hàm.*

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

[566c01]Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp, Ta sẽ xác chứng các người thành A-na-hàm. Một pháp gì? Xan tham. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy diệt xan tham, Ta sẽ xác chứng các người đắc A-na-hàm.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bị nhiễm bởi xan tham,
Chúng sanh rơi đường dữ;
Siêng tu bỏ xan tham,
Liền thành A-na-hàm.*

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này, ban đầu không thấy một pháp không thể hàng phục, khó có được thời cơ thích nghi, chịu các báo khổ, như là tâm. Này các Tỳ-kheo, tâm này không thể hàng phục, khó có được thời cơ thích nghi, chịu các báo khổ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy phân biệt tâm, hãy tư duy tâm; hãy khéo niệm tưởng các góc rẽ thiện. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Tăng nhất A-hàm

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này, ban đầu không thấy một pháp dễ hàng phục, dễ có được thời cơ thích nghi, nhận các báo thiện, như là tâm. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy phân biệt tâm, hãy tư duy tâm; hãy khéo niệm tưởng các gốc rễ thiện. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này, nếu có một người nào nghĩ điều gì, Ta tất biết rõ. Sau đó người này ở trong chúng không vì sự ăn uống mà nói lời hư dối. Nhưng vào một lúc khác, Ta xem thấy người này sinh tâm đắm nhiễm, niệm tưởng tài vật, nên ở trong đại chúng nói hư dối. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, sự đắm nhiễm tài vật thật là khó bỏ, khiến người rơi vào trong ba đường dữ, không đến được chỗ vô vi. Cho nên, này các Tỳ-kheo, đã sinh tâm này rồi, thì hãy [567a01] xả ly. Giả sử chưa sinh, chớ để khởi tâm nhiễm đắm tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này, có người tự nghĩ, thà bị đoạn mạng chứ không nói dối ở trong chúng. Nhưng vào một lúc khác, Ta xem thấy người này sinh tâm đắm nhiễm niệm tướng tài vật, nên ở trong đại chúng nói lời hư dối. Sở dĩ như vậy, này các Tỳ-kheo, sự đắm nhiễm vào tài vật thật là khó bỏ, khiến người rơi vào trong ba đường dữ, không đến được chỗ vô vi. Cho nên, này các Tỳ-kheo, đã sinh tâm này rồi, thì hãy xả ly. Giả sử chưa sinh, chớ để khởi tâm nhiễm đắm tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại tại Ca-lan-đà trong Trúc viên, tại thành La-duyet-kỳ, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào, các Tỳ-kheo, có ai thấy pháp Đề-bà-đạt-đâu¹ thanh bạch không? Nhưng Đề-bà-đạt-đâu lại tạo ác sâu nặng, sẽ trải qua một kiếp chịu tội, không thể chữa trị. Ở trong pháp của Ta thì không thấy một mảy may điều lành nào để có thể ghi ra. Vì vậy cho nên, nay Ta nói nguyên thủ các tội của Đề-bà-đạt-đâu

¹ Đề-bà-đạt-đâu 提婆達兜, thường biết là Đề-bà-đạt-đa. Pāli: Devadatta.

Tăng nhất A-hàm

là không thể chữa trị được. Giống như có người rơi vào hố phần sâu, thân thể chìm ngập, không có chỗ nào là sạch. Có người muốn đến cứu mạng nó đặt lên chỗ sạch, nhìn quanh hố phần và thân người kia, có chỗ nào sạch để dùng tay kéo vớt lên; nhưng nhìn kỹ không một chỗ nào sạch để mà nắm, nên bỏ mà đi.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta xem nơi kẻ ngu si Đê-bà-đạt-đâu không thấy mảy may pháp thiện² nào đáng ghi nhận, và sẽ trải qua một kiếp chịu tội, không thể chữa trị. Sở dĩ như vậy, vì Đê-bà-đạt-đâu chỉ có ngu si, chuyên đắm lợi dưỡng; sau khi tạo tội ngũ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào đường dữ.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, sâu nặng về lợi dưỡng khiến người không đến được nơi an ổn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, [567b01] đã sinh tâm lợi dưỡng thì hãy lia bỏ. Nếu nó chưa sinh thì chớ để khởi tâm đắm nhiễm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại tại Ca-lan-đà trong Trúc viên, thành La-duyệt-kỳ, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo nghe Như Lai đã có thọ ký về Điều-đạt,³ là sẽ chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Lúc ấy, Tỳ-

² Để bản nhảy chữ thiện có trong TNM.

³ Điều-đạt 調達, trên kia nói là Đê-bà-đạt-đâu. Xem cht. 1 trên.

kheo kia đến chỗ Tôn giả A-nan, sau khi thăm hỏi xong, ngồi qua một bên.

Tỳ-kheo kia hỏi A-nan rằng:

“Thế nào, Tôn giả A-nan, Như Lai đã quán sát tận cùng căn nguyên của Đề-bà-đạt-đâu rồi, sau đó mới thọ ký là sẽ chịu tội một kiếp không thể chữa liệu chăng? Có nguyên do để có thể được thọ ký chăng?”

Lúc ấy, A-nan bảo:

“Những gì Như Lai nói ra không bao giờ hư dối. Những gì được hành bởi thân, khẩu của Ngài không có đổi khác. Như Lai đã chắc thật thọ ký Đề-bà-đạt-đâu sẽ chịu tội sâu nặng trải qua một kiếp không thể chữa trị.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan rời chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Có một Tỳ-kheo đi đến chỗ con nói: ‘Thế nào, Tôn giả A-nan, Như Lai đã quán sát tận cùng căn nguyên của Đề-bà-đạt-đâu rồi, sau đó mới thọ ký là sẽ chịu tội một kiếp không thể chữa liệu chăng? Có nguyên do để có thể được thọ ký chăng?’ Nói xong những lời này rồi tự bỏ đi.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo kia chắc là người xuất gia tu học trễ muộn, hay mới đi đến trong pháp của Ta chưa bao lâu chăng? Những gì Như Lai đã nói ra không bao giờ hư dối, sao lại ở trong đó mà khởi lên do dự?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Ngươi hãy đến đó, bảo Tỳ-kheo kia rằng: ‘Như Lai cho gọi ông.’”

Tăng nhất A-hàm

A-nan đáp :

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi vâng lời Thế Tôn dạy, A-nan liền đến chỗ Tỳ-kheo kia; đến rồi bảo Tỳ-kheo kia rằng:

“Nhu Lai cho gọi thầy.”

Tỳ-kheo kia đáp:

“Xin vâng, Tôn giả.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sửa lại y phục, cùng A-nan đến chỗ Thế Tôn. Đến rồi, lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

“Này kẻ ngu kia, sao ngươi không tin những gì Như Lai đã nói ra? Những gì Như Lai dạy là không hư vọng. Nay ngươi muốn tìm hư vọng nơi Như Lai?”

Lúc ấy Tỳ-kheo kia [567c01] bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đâu có thần lực lớn, có oai thế lớn, vì sao Thế Tôn lại thọ ký ông ấy chịu sâu tội nặng một kiếp?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy giữ gìn lời nói của ngươi, chớ để phải lâu dài chịu khổ vô lượng.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Trụ thiên, thần thông tục,⁴
Rốt lại, không giải thoát;
Không tạo đường diệt tận,
Lại trở vào địa ngục.*

⁴ Đề-bà-đạt-đà đắc tứ thiên và có thần thông, thuộc loại thế tục.

“Giả sử nếu Ta thấy Đê-bà-đạt-đâu tự thân có chút ít pháp thiện nào, Ta không bao giờ thọ ký Đê-bà-đạt-đâu kia phải chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Cho nên, này kẻ ngu kia, vì Ta không thấy Đê-bà-đạt-đâu có một chút pháp thiện nào cho nên mới thọ ký Đê-bà-đạt-đâu kia chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Sở dĩ như vậy, vì Đê-bà-đạt-đâu ngu si tham đắm nơi lợi dưỡng, khởi tâm nhiễm trước, tạo ác ngữ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ đọa vào trong địa ngục. Vì sao vậy? Vì tâm lợi dưỡng nặng thì sẽ làm bại hoại gốc rễ thiện của con người, khiến con người không đến được nơi an ổn.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu có tâm lợi dưỡng khởi lên thì hãy tìm cách diệt, nếu không có tâm thì chớ khởi tưởng đắm vào. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ sát chân Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

“Nay con tự hồi lỗi, nguyện xin Thế Tôn rủ lòng tha thứ, vì ngu si nên con đã tạo hành bất thiện. Những gì Như Lai đã nói ra không có hai lời, nhưng vì con ngu si nên khởi tưởng do dự. Nguyện xin Thế Tôn nhận sự hồi lỗi của con, sửa đổi cái đã qua, tu tập cái sẽ đến.”

Tác bạch cho đến ba lần như vậy.

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Tỳ-kheo. Đã biết hồi những điều mình đã nghĩ. Ta tha thứ cho những bất cập của ngươi. Chớ đối với Như Lai mà khởi tưởng do dự. Nay Ta nhận sự hồi lỗi của ngươi. Sau này chớ gây nữa.”

Tăng nhất A-hàm

Cho đến ba⁵ lần như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Dù có tạo tội nặng,
Hối lỗi, không tái phạm;
Người này hợp giới cấm,
Nhỏ căn nguyên tội này.*

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia cùng bốn bộ chúng nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Bốn loại A-na-hàm,
Hai tâm, và hai thực,
Bà-đạt hai khế kinh,
Người trí nên giác tri.*

⁵ Để bản chép dư chữ *tứ* 四.

12. PHẨM NHẬP ĐẠO

KINH SỐ 1¹

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.² Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có con đường chỉ một lối vào,³ làm thanh tịnh các hành của chúng sanh, trừ bỏ sâu ưu, không còn mọi bức não, được trí tuệ lớn, thành tựu sự chứng đắc Niết-bàn. Đó là hãy diệt trừ năm triền cái, tư duy bốn niệm xứ⁴.

“Thế nào là một lối vào? Tâm chuyên nhất, đó là một lối vào. Thế nào là đạo? Tám phẩm đạo Hiền thánh: 1. chánh kiến, 2. chánh tư duy,⁵ 3. chánh nghiệp, 4. chánh mạng, 5. chánh tinh tấn, 6. chánh ngữ,⁶ 7. chánh niệm, 8. chánh định. Đó gọi là đạo. Đó gọi là con đường chỉ một lối vào.

“Thế nào là hãy diệt trừ năm triền cái? Tham dục cái, sân nhuế cái, trạo cử⁷ cái, thù miên cái, nghi cái. Đó gọi là năm triền cái phải diệt.

“Thế nào là tư duy bốn niệm xứ? Ở đây, này Tỳ-kheo, quán thân nơi nội thân⁸ trừ bỏ niệm ác, không có sâu ưu; quán thân

¹ Tham chiếu, Pāli, M. 10 *Mahāsatipaṭṭhāna* (R i. 55 ff)

² Pāli: Phật trú tại thôn Kammāsadhamma, xứ Kuru.

³ Hán: nhất nhập đạo. Pāli: *ekāyano maggo*, con đường có một lối đi duy nhất.

⁴ Từ ý chỉ: bốn chỗ y chỉ của ý. Thường nói là bốn niệm xứ, hay bốn niệm trụ. Pāli: *cattāro satipaṭṭhānā*.

⁵ Xem kinh 3, phẩm 10.

⁶ Thứ tự có đảo lộn.

⁷ Điệu hý, thường nói là trạo cử: cử động bồn chồn, bức rức không yên.

Tăng nhất A-hàm

nơi ngoại thân,⁹ trừ bỏ ác niệm, không có sầu ưu; quán thân nơi nội ngoại thân,¹⁰ thân trừ bỏ ác niệm, không có sầu ưu. Quán thọ nơi nội thọ¹¹, quán thọ nơi ngoại thọ, quán thọ nơi nội ngoại thọ mà tự an trú¹². Quán nội tâm, quán ngoại tâm, quán nội ngoại tâm tâm mà tự an trú. Quán nội pháp, quán ngoại pháp, quán nội ngoại pháp mà tự an trú.

“Thế nào là Tỳ-kheo quán thân nơi nội thân mà tự an trú*? Ở đây, Tỳ-kheo quán thân này tùy theo tánh hành của nó: từ đầu đến chân, từ chân đến đầu; quán trong thân này tất cả đều bất tịnh, không có gì đáng tham.

“Lại quán thân này có các thứ lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, mỡ cao¹³, ruột, bao tử, tim, gan, tỳ, thận; thấy đều quán biết hết. Phần, tiểu, sanh tạng, thực tạng, nước mắt, đờm dãi, huyết mạch, mỡ¹⁴, mật; đều nên quán biết, không có gì đáng tham đắm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy quán thân mà tự an trú, trừ bỏ niệm ác, không có sầu ưu.

“Lại nữa Tỳ-kheo lại quán thân này có đại chủng đất chẳng? Có đại chủng nước, lửa, gió chẳng? Tỳ-kheo quán sát thân này như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này, phân biệt các giới; thân này có bốn đại chủng. Giống như người khéo mổ bò, hoặc học trò

⁸ Hán: nội tự quán thân 內自觀身. Pāli: *bhikkhu kāye āyānupassī vahartī*, Tỳ-kheo an trú (sống) với sự quán thân trên (trong, nơi) thân.

⁹ Hán: ngoại tự quán thân 外自觀身.

¹⁰ Hán: nội ngoại quán thân 內外觀身.

¹¹ Nguyên Hán: quán thống thống. Pāli: *vedanāsu vedanānupassī*, quán thọ trên (nơi) các thọ.

¹² Hán: tự ngu lạc 自娛樂. Pāli: *viharati*, (vị ấy) an trú.

¹³ Hán: chi cao 脂膏, phân biệt với phương 肪, cũng là mỡ, kể sau.

¹⁴ Hán: phương 肪, phân biệt với chi cao 脂膏 kể trên; đều chỉ mỡ.

người mổ bò, xẻ con bò từng phần để tự xem xét: đây là chân, đây là tim, đây là đốt xương, đây là đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo kia phân biệt giới này mà tự quán sát: thân này có các đại chủng đất, nước, lửa, gió. Tỳ-kheo quán sát [568b01] thân như vậy mà tự an trú.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ rỉ chảy không sạch. Giống như người kia quán sát vườn trúc hay quán sát bụi lau. Cũng vậy Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ chảy ra các thứ bất tịnh.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi,¹⁵ hoặc chết đã một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, sáu ngày, bảy ngày; thân thể sinh trưởng, hôi thối không sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng với thân kia không khác,¹⁶ thân ta không thoát khỏi hoạn này.

“Hoặc Tỳ-kheo quán tử thi bị quạ, se sẻ, kên kên ăn nuốt, hoặc bị hổ lang, chó sói, các loài trùng thú trông thấy ăn thịt. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta không tránh khỏi hoạn này. Đó là Tỳ-kheo tự quán thân mà an trú.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi hoặc bị ăn một nửa, rơi vãi trên đất, hôi thối không sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta không tránh khỏi pháp này.

“Lại nữa, quán tử thi đã hết thịt, chỉ còn có xương bê bết máu. Tỳ-kheo lại đem thân mình quán sát như thân kia cũng không khác. Tỳ-kheo quán thân này như vậy.

¹⁵ Nói về quán thân nơi ngoại thân.

¹⁶ Quán nội ngoại thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi, gân rắng rịt như bó củi. Tỳ-kheo lại quán thân mình cùng kia không khác. Tỳ-kheo quán thân này như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi, từng đốt xương phân tán rơi vãi khắp nơi. Hoặc xương tay, xương chân mỗi thứ một nơi, hoặc xương đùi, xương hông, hoặc xương cùc, hoặc xương tay, hoặc xương vai, hoặc xương sườn, hoặc xương sống, hoặc xương cổ, hoặc đầu lâu. Lại nữa, thân này cùng kia không khác. Ta không thoát khỏi pháp này. Thân ta cũng sẽ bại hoại. Như vậy Tỳ-kheo quán thân này mà tự an trú.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi màu trắng, màu ngọc trắng¹⁷. Tỳ-kheo lại tự quán thân cùng kia không khác, ta không lia khỏi pháp này. Đó là Tỳ-kheo tự quán thân.

“Lại nữa, nếu Tỳ-kheo thấy tử thi, tưởng xương xanh bầm, không có gì đáng tham đắm, hoặc cùng màu tro đất không thể phân biệt. Như vậy, Tỳ-kheo tự quán thân, trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo. Thân này vô thường, là pháp phân tán. Như vậy Tỳ-kheo quán nội tự thân, quán ngoại thân, quán nội ngoại thân, phân rã, không có gì.

“Thế nào là Tỳ-kheo quán thọ nơi nội thọ? Ở đây, Tỳ-kheo khi có cảm thọ lạc, tức thì tự giác tri rằng ta có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, tức thì tự giác tri rằng ta có cảm thọ khổ. Khi có cảm thọ không lạc không khổ, [568c01] tự giác tri rằng ta có cảm thọ không lạc không khổ. Nếu khi được cảm thọ lạc bởi vật dục¹⁸, liền tự giác tri ta được cảm thọ lạc bởi vật dục*. Nếu khi được cảm thọ khổ bởi vật dục*, liền tự giác tri ta được cảm

¹⁷ Hán: bạch kha 白珂, trắng như mã não.

¹⁸ Hán: thực lạc thống 食樂痛, cảm thọ lạc thuộc vật chất, nhục thể. Pāli: *sāmisam vā sukham vedanam*.

thọ khổ bởi vật dục*. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khổ bởi vật dục*, liền tự giác tri ta được cảm thọ không lạc không khổ bởi vật dục*. Nếu khi được cảm thọ lạc phi vật dục¹⁹, liền tự giác tri ta được cảm thọ lạc phi vật dục. Nếu được cảm thọ khổ phi vật dục, liền tự giác tri ta được cảm thọ khổ phi vật dục. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khổ phi vật dục, liền tự giác tri ta được cảm thọ không lạc không khổ phi vật dục. Tỳ-kheo bên tự quán nội thọ như vậy.

“Lại nữa, nếu Tỳ-kheo lúc được cảm thọ lạc, lúc ấy không có cảm thọ khổ, bấy giờ tự giác tri ta đang cảm thọ lạc. Nếu lúc được cảm thọ khổ, lúc ấy không có cảm thọ lạc, bấy giờ tự giác tri ta đang cảm thọ khổ. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khổ, lúc đó không có lạc, không có khổ, thì tự giác tri ta đang cảm thọ không lạc không khổ.

“Vị đó quán pháp tập khởi²⁰ mà tự an trú*, cũng quán pháp diệt tận,²¹ lại quán pháp tập diệt²². Hoặc lại có thọ hiện ở trước mà có thể biết, có thể thấy; vị ấy tư duy nguồn gốc của nó, không nương tựa vào đâu mà tự an trú, không khởi niệm tưởng về thể

¹⁹ Hán: bất thực lạc thông 不食樂痛. cảm thọ lạc không thuộc vật chất, phi nhục thể. Pāli: *nirāmisam vedanam*.

²⁰ Đề bản: tập (tu tập) pháp 習法; không có chữ quán 觀. Theo văn mạch dưới, nên hiểu là quán pháp tập khởi nơi các thọ, tức quán tập khởi hay nguyên nhân sinh khởi của các thọ. Pāli: *samudaya-dhammānupassī vā vedanāsu vi harati*, (Tỳ-kheo ấy) an trú (sống), quán sát pháp tập khởi nơi các thọ.

²¹ Hán: quán tận pháp 觀盡法. Pāli: *vayadhammānupassī vā vedanāsu viharati*, vị ấy an trú, quán sát pháp bại hoại nơi các thọ.

²² Hán: quán tập tận chỉ pháp 觀習盡之法. Pāli: *samudayavaya-dhammānupassī vā vedanāsu viharati*, vị ấy an trú, quán sát pháp khởi diệt nơi các thọ.

gian²³. Ở trong đó cũng không kinh sợ. Do không kinh sợ mà đạt đến Niết-bàn, như thật biết rằng: ‘Sinh²⁴ đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc phải làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Tỳ-kheo tự quán nội thọ như vậy, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo. Tự quán ngoại thọ²⁵, quán nội ngoại thọ, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo. Như vậy Tỳ-kheo nội ngoại quán thọ.

“Thế nào là quán tâm nơi tâm²⁶ mà tự an trú*? Ở đây, Tỳ-kheo có tâm ái dục, liền tự giác tri có tâm ái dục; không có tâm ái dục cũng tự giác tri không có tâm ái dục. Có tâm sân nhuế, liền tự giác tri có tâm sân nhuế; không có tâm sân nhuế, cũng tự giác tri không có tâm sân nhuế. Nếu có tâm ngu si, liền tự giác tri có tâm ngu si; không có tâm ngu si, liền tự giác tri ta không có tâm ngu si. Nếu có tâm ái niệm, liền tự giác tri có tâm ái niệm; không có tâm ái niệm, cũng tự giác tri không có tâm ái niệm. Có tâm thọ nhập²⁷, thì tự giác tri có tâm thọ nhập; không tâm thọ nhập, thì tự giác tri không tâm thọ nhập. Nếu có tâm loạn²⁸, thì tự giác tri có tâm loạn; không có tâm loạn niệm, cũng tự giác tri không [569a01] có tâm loạn niệm. Có tâm tán lạc,²⁹

²³ Pāli: *yāvadeva nāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati na ca kiñci loke upādayati*, cho đến như vậy, vì ấy an trú (sống) không nương tựa cái gì, không chấp thủ bất cứ cái gì trên đời, chỉ hướng đến huệ, chỉ hướng đến niệm.

²⁴ Đề bản: sinh tử 生死; có thể chép dư chữ tử 生.

²⁵ Ý nghĩa: quán thọ nơi người khác.

²⁶ Hán: quán tâm tâm pháp. Pāli: *citte cittānupassī*, quán tâm nơi tâm.

²⁷ Hán: thọ nhập tâm 受入心, chỉ tâm được thâm rút lại (Pāli: *saṃkhittam vā cittam*); đối lại với tâm loạn và tâm tán lạc kể sau (Pāli: *vikhittam vā cittam*).

²⁸ Đề bản: loạn niệm tâm 亂念心; tiếp theo dưới: loạn tâm 亂心. TNM: loạn tâm 亂心.

²⁹ Hán: tán lạc tâm 散落心, “tâm rơi vãi,” đồng nghĩa với tâm loạn kể trên. Pāli: (*vikkhittam cittam*).

liền tự giác tri có tâm tán lạc; không có tâm tán lạc, liền tự giác tri không có tâm tán lạc. Có tâm phổ biến, liền tự giác tri có tâm phổ biến; không có tâm phổ biến, cũng tự giác tri không có tâm phổ biến. Có tâm lớn, liền tự giác tri có tâm lớn; không có tâm lớn cũng tự giác tri không có tâm lớn. Có tâm vô lượng, liền tự giác tri có tâm vô lượng; không có tâm vô lượng, cũng tự giác tri không có tâm vô lượng. Có tâm tam-muội, liền giác tri có tâm tam-muội³⁰; không có tâm tam-muội, cũng giác tri không có tâm tam-muội. Tâm chưa giải thoát, liền tự giác tri tâm chưa giải thoát; tâm đã giải thoát, cũng tự giác tri tâm đã giải thoát.

“Nhu vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ với sự quán sát tướng của tâm³¹; quán tập pháp, quán diệt pháp, cùng quán pháp tập diệt*; tu duy quán pháp mà tự an trú. Những gì mà³² có thể biết, có thể thấy, có thể tư duy, không thể tư duy, không nương tựa cái gì, không khởi lên niệm tướng thế gian.³³ Đã không khởi tướng liền không sợ hãi. Đã không sợ hãi liền được vô dư. Đã được vô dư liền được Niết-bàn, như thật biết rằng: ‘Sinh* đã dứt. phạm hạnh đã vững, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân đời sau nữa.’

“Nhu vậy, Tỳ-kheo tu tập niệm xứ, tự quán tự nội tâm, trừ bỏ loạn tưởng, không có sầu lo; tu tập niệm, tự quán ngoại tâm,

³⁰ Hán: tam-muội tâm 三昧心. Pāli: *samāhitam cittaṃ*, tâm định, tập trung.

³¹ Đề bản: tâm tướng quán ý chỉ 心相觀意止. Y theo đoạn dưới thêm một chữ tâm: tâm tâm tương quán ý chỉ 心心相觀意止.

³² Theo ngữ cảnh, ở đây hình như thiếu một đoạn nói trong quán về các thọ ở trên, và quán pháp ở sau: “(những cái đó, các thọ hay các trạng thái của tâm) mà đang hiện tại trước mắt, có thể biết...”

³³ Văn mạch, như đoạn trên về quán thọ. Văn dịch ở đây có chỗ thêm bớt. Xem cht. 23 trên.

Tăng nhất A-hàm

quán nội ngoại tâm, trừ bỏ loạn niệm, không có sầu lo. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của tâm nơi tâm*.

“Thế nào là Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp? Ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác chi,³⁴ y quán, y vô dục, y diệt tận, trừ bỏ các pháp ác.³⁵ Tu trạch pháp giác chi,³⁶ tu tinh tấn giác chi, tu hỷ giác chi³⁷, tu khinh an giác chi³⁸, tu định giác chi³⁹, tu xả giác chi,⁴⁰ y quán, y vô dục, y diệt tận, trừ bỏ các pháp ác. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đã giải thoát khỏi ái dục⁴¹, trừ pháp ác bất thiện, có tâm, có tứ,⁴² có hỷ và lạc do viễn ly sinh⁴³, chứng nhập và an trú sơ thiền. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

³⁴ Niệm giác ý 念覺意, hay niệm giác chi (Pāli: *satisambojjhaṅga*). Tham chiếu Pāli: *puna caparam, bhikkhave, bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati sattasu bojjhangesu*, “Lại nữa, Tỳ-kheo sống quán pháp trong các pháp trong bảy giác chí.”

³⁵ Xem *Trung*, kinh 10: Lậu tận: y ly, y vô dục, y diệt tận, thú chí xuất yếu 依離依無欲依於滅盡趣至出要. Pl. thành cú: *vivekanissitam virāganissitam nirodhanissitam vossaggapariṇāmiṃ*, y viễn ly, y ly dục, y diệt tận, hướng đến xả ly

³⁶ Pháp giác ý 法覺意, hay trạch pháp giác chi. Pāli: *dhammavicayasambojjhaṅga*.

³⁷ Nguyên trong bản: niệm giác ý 念覺意; đây phải kể là hỷ giác chi, không đồng nhất với niệm đã kể trên. Pāli: *pūṭisambojjhaṅga*.

³⁸ Ý giác ý 猗覺意, hay khinh an giác chi. Pāli: *passaddhisambojjhaṅga*.

³⁹ Tam-muội giác ý 三昧覺意.

⁴⁰ Hộ giác ý 護覺意, tức xả giác chi. Pāli: *upekkhāsambojjhaṅga*.

⁴¹ Hán: ư ái dục giải thoát 於愛欲解脫, chỉ trạng thái ly dục, không còn ham muốn nơi ngũ dục, của người nhập sơ thiền.

⁴² Hữu giác hữu quán 有覺有觀, tức có tâm, có tứ. Pāli: *savitakkaṃ savicāraṃ*.

⁴³ Hữu ý niệm lạc 有猗念樂, tức có hỷ và lạc phát sinh do sự viễn ly (Pāli: *vivekaṃ pīṭisukhaṃ*).

“Lại nữa, Tỳ-kheo xả tâm và tứ, nội tâm tịch tĩnh⁴⁴, chuyên nhất ý⁴⁵, không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sinh⁴⁶, chứng nhập và an trú nhị thiền. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

“Lại nữa, Tỳ-kheo ly hỷ, an trú xả,⁴⁷ hằng tự giác tri,⁴⁸ [69b01] thân có tri giác lạc, điều mà các hiền thánh nói là xả, niệm, an trú lạc⁴⁹, chứng nhập và an trú tam thiền. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

“Lại nữa, Tỳ-kheo xả tâm lạc khổ, ưu và hỷ từ trước đã trừ, không lạc không khổ, xả, niệm thanh tịnh,⁵⁰ an trú nơi tứ thiền. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

“Vị ấy, hành pháp tập, hành pháp diệt tận, cùng hành pháp tập diệt mà tự an trú, liền được niệm xứ nơi pháp mà hiện ra trước,⁵¹ có thể biết, có thể thấy, trừ bỏ loạn tưởng, không

⁴⁴ Xem Huyền Trang, *Pháp uân* 5 (tr. 482b3, 484a18): nội đẳng tịnh 內等淨 trạng thái trừng tịnh và quân bình nội tâm. (Pāli: *ajjhataṃ sampasādanam*).

⁴⁵ Huyền Trang, *ibid.* (tr. 482b03, 484a20): tâm nhất thú tính 心一趣性, tâm tập trung trên một điểm. (Pāli: *cetaso ekodibhāvam*).

⁴⁶ Hán: niệm ý hỷ an 念猗喜安. Cf. Huyền Trang, *ibid.* (tr. 482b03): định sinh hỷ lạc 定生喜樂, có hỷ lạc phát sinh do định. Pāli: *samādhijaṃ pītisukhaṃ*.

⁴⁷ Hán: xả ư niệm, tu ư hộ 捨於念。修於護. Cf. Huyền Trang, *ibid.* (tr. 482b04): ly hỷ, trụ xả 離喜住捨. Pāli: *pītiyā ca viāgā upekkako ca viharati*.

⁴⁸ Cf. Huyền Trang, *ibid.* (tr. 482b05): chánh niệm chánh tri 正念正知. Pāli: *upekkhako satimā sukhavihārī*, (vị ấy) an trú lạc với chánh niệm và xả.

⁴⁹ Hán: hộ niệm thanh tịnh 護念清淨, hai chữ thanh tịnh 清淨, nghi dư. Vì nó chỉ trạng thái thiền thứ tư, được nói sau đó. Cf. Pāli: *yaṃ taṃ ariyā ācikkhanti upekkhako satimā sukhavihārī*, điều mà các Thánh nói là vị ấy an trú lạc cùng với xả, niệm.

⁵⁰ Hán: hộ niệm thanh tịnh 護念清淨. Pāli: *upekkhā sati parisuddhaṃ catutthajjhānam*, thiền thứ tư thanh tịnh với xả và niệm.

⁵¹ Xem cht. 32 trên.

Tăng nhất A-hàm

nương tựa cái gì, không khởi tưởng thế gian. Đã không khởi tưởng liền không sợ hãi. Đã không sợ hãi thì như thật biết rằng, ‘Sinh* đã dứt. phạm hạnh đã vững, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa.’

“Này các Tỳ-kheo, y chỉ trên con đường một lối vào mà chúng sanh được thanh tịnh, xa lìa sầu ưu, lại không có tưởng ưu⁵² hỷ, đạt được trí tuệ, chứng ngộ Niết-bàn⁵³. Đó là diệt năm triền cái, tu bốn niệm xứ.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong đây không thấy một pháp nào đưa đến hoại diệt nhanh như ganh ghét, đố kỵ đối với đồng phạm hạnh. Cho nên, các Tỳ-kheo nên tu hành từ nhẫn, thân hành từ, khẩu hành từ, ý hành từ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

⁵² Đê bản: phục hỷ 復喜. TNM: ưu hỷ 憂喜.

⁵³ Hán: Niết-bàn chứng. Pāli: *nibbānassa sacchikiriyā*.

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một người mà khi xuất hiện ở thế gian, thì tối tôn, tối thượng trên cả chư thiên, loài người, Ma, cùng Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tối tôn không ai sánh bằng; đó là ruộng phước, bậc nhất đáng thừa sự, đáng tôn kính. Thế một người ấy là ai? Là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là một người mà khi xuất hiện ở thế gian, thì tối tôn, tối thượng, vượt qua chư thiên, loài người, A-tu-la, Ma cùng Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn không ai sánh bằng; đó là ruộng phước bậc nhất, đáng thừa sự, đáng tôn kính. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên thường cúng dường Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

[569c01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ai chăm sóc bệnh nhân, là người ấy đã chăm sóc Ta. Ai khán hộ bệnh nhân, là người ấy đã khán hộ Ta. Vì sao vậy? Ta nay muốn đích thân khán hộ người tật bệnh.

“Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một người nào mà bố thí cho vị ấy thì sự bố thí này không gì vượt qua, tối thượng trên cả sự bố thí cho chư thiên, thế gian, sa-môn, bà-la-môn. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn,

tiếng đồn vang khắp, được pháp vị cam lồ. Nghĩa là bố thí đến Như Lai Chí chơn, Đẳng chánh giác. Nên biết, đó là bố thí tối thượng trong sự bố thí, không có gì vượt qua. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn. Nay Ta vì nhân duyên này mà nói ra như vậy: Chăm sóc bệnh nhân, tức là đã chăm sóc Ta không khác. Các người lâu dài được phước lợi lớn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ai tán thán a-lan-nhã⁵⁴ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì hiện tại lúc nào Ta cũng tự tán thán hạnh a-lan-nhã. Ai bài báng a-lan-nhã tức là đã bài báng Ta.

“Ai tán thán khát thực⁵⁵ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì lúc nào Ta cũng tán thán người hay khát thực. Ai hủy báng khát thực tức là đã hủy báng Ta.

“Ai tán thán người ngồi một mình⁵⁶ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người hay ngồi một mình. Ai hủy báng người ngồi một mình tức là đã hủy báng Ta.

⁵⁴ A-luyện-nhã 阿練若; Pāli: *arañña*, núi rừng nhàn tĩnh. Đây chỉ Tỳ kheo a-lan-nhã (Pāli: *āraññaka*: lâm trụ giả), một trong 12 hạnh đầu-đà (Pāli: 13), suốt đời chỉ sống trong rừng.

⁵⁵ Khát thực 乞食, đây chỉ tỳ kheo đầu-đà, suốt đời chỉ khát thực, không ăn tại nhà tín thí mời. Pāli: *piṇḍapātika*.

“Ai tán thán người một nhà một lần ăn⁵⁷ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người một lần ngồi một lần ăn. Ai hủy báng người một lần ngồi một lần ăn tức là đã hủy báng Ta.

“Ai tán thán người ngồi dưới gốc cây,⁵⁸ tức là đã tán thán thân Ta không khác. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ngồi dưới bóng cây. Ai hủy báng người ngồi dưới bóng cây, tức là đã hủy báng Ta.

“Ai tán thán người ngồi ngoài trời⁵⁹ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ngồi ngoài trời. Ai hủy nhục người ngồi ngoài trời, tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán người ở nơi trống vắng,⁶⁰ tức là đã [570a01] tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ở nơi trống vắng. Ai hủy nhục người ở nơi trống vắng, tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán người khoác y năm mảnh,⁶¹ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người khoác y năm mảnh. Ai hủy nhục người khoác y năm mảnh tức là đã hủy nhục Ta.

⁵⁶ Độc tọa 獨坐. Chưa rõ hành thế nào. Có lẽ Pāli: *ekāsanika*: nhất tọa, một lần ngồi, nghĩa là chỉ ăn trong một lần ngồi (Visuddhimagga: *ekāsane bhojanam ekāsnam*).

⁵⁷ Nhất tọa nhất thực 一坐一食. Có thể Hán nhầm lẫn. Đây chỉ tỳ kheo khát thực theo thứ tự từng nhà, nghĩa là chỉ nhận thức ăn khát thực từ một nhà duy nhất cho một ngày. Pāli: *sapadānacārika*.

⁵⁸ Tọa thọ hạ 坐樹下, suốt đời sống dưới gốc cây. Pāli: *rukhamūlika*

⁵⁹ Lộ tọa 露坐, suốt đời sống giữ trời trống. Pāli: *abbhokāsika*.

⁶⁰ Không nhân xứ 空閑處, từ Hán thường dùng dịch từ a-lan-nhã (Pāli: *ārañṇaka*), đã nói trên kia.

⁶¹ Ngũ nạp y 五納衣, đây chỉ tỳ kheo tri y phần tảo, suốt đời chỉ lượm vải từ đồng rác làm y. Pāli: *pamsukūlika*.

Tăng nhất A-hàm

“Ai tán thán người trì ba y⁶² tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì lúc nào Ta cũng tán thán người trì ba y. Ai hủy nhục người trì ba y tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán người ngồi nơi gò mả⁶³ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ngồi nơi gò mả. Ai hủy nhục người ngồi nơi gò mả tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán người ăn một bát⁶⁴ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ăn một bát. Ai hủy nhục người ăn một lần tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán người ăn đúng giữa ngày,⁶⁵ tức là đã tán thán thân Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ăn đúng giữa ngày. Ai hủy nhục người ăn đúng giữa ngày, tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán hạnh đầu đà⁶⁶ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán các hạnh đầu đà. Ai hủy nhục hạnh đầu đà, tức là đã hủy nhục Ta.⁶⁷

⁶² Trì tam y 持三衣. Pāli: *tecīvarika*.

⁶³ Trùng gian tọa. tỳ kheo suốt đời chỉ sống tại các bãi tha ma. Pāli: *sosānika*.

⁶⁴ Nhất thực 一食, trùng với nhất tọa nhất thực nói trên. Có sự nhầm lẫn trong bản Hán. Có lẽ tương đương Pāli: (*eka*)*pattapiṇḍika*, ăn chỉ lượng một bát, tức tiết chế sự ăn (tiết lượng thực). Bản Hán đọc là *ekabhatta* (nhất thực) thay vì *ekapatta* (nhất bát).

⁶⁵ Chánh trung thực; điều này có thể trùng với ăn ngày một bữa duy nhất. Có lẽ Pāli: *khalupacchābhattika*, không ăn thêm cái gì sau khi ăn xong. Được hiểu là tỳ kheo khi có dấu hiệu ăn xong, dù chưa no, vẫn không ăn thêm nếu ai mang thêm đồ ăn. Tỳ kheo nào cần ăn thêm, phải làm páp dư thựcchay tàn thực; *Tứ phân*, ba-dật-đề 33; *Ngũ phân*, 35; *Tăng-kỳ*, 33; *Thập tụng*, 34; Pāli, *pācittiyā* 35.

⁶⁶ Đầu-đà hành 頭陀行. Pāli: *dhutaṅga*.

⁶⁷ Đoạn trên, 12 đầu-đà hành, theo các kinh luận Đại thừa. *Hữu bộ tỳ-nại-da*, *Giải thoát đạo luận*, và Luật tạng Pāli, liệt kê 13 hành. Liệt kê theo Pāli,

“Nay Ta dạy các Tỳ-kheo nên như sở hành của đại Ca-diếp,⁶⁸ không để có điều roi rớt mắt. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp có các hạnh này. Cho nên sở học của các Tỳ-kheo thường nên như Ca-diếp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại tại Ca-lan-đà trong Trúc viên, tại thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp sống ở A-lan-nhã, đến giờ khát thực thì không phân biệt giàu nghèo; tại một chỗ ngồi một lần không bao giờ di dịch;⁶⁹ ngồi dưới gốc cây, hay ngoài trời, hoặc nơi trống vắng; khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc ở gò mả, hoặc ăn một bữa, hoặc ăn đúng ngộ, hoặc hành đầu đà dù tuổi cao già cả.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp sau khi ăn xong, liền đến dưới gốc cây mà thiền định. Thiền định xong, từ chỗ ngồi đứng dậy,

Vin. v. 131, 193: 1. *āraññika*, lâm trụ, chỉ sống trong rừng. 2. *piṇḍapātika*, thường hành khát thực. 3. *pamsukūlika*, phân tảo y. 4. *rukkhamūlika*, chỉ ngồi dưới gốc cây. 5. *sosānika*, chỉ nghỉ tại các bãi tha ma. 6. *abbhokāsika*, chỉ ngồi giữa trời trống. 7. *tecīvarika*, chỉ thọ trì ba y. 8. *sapadānacārika*, khát thực tuần tự. 9. *nesajjika*, thường ngồi không nằm. 10. *yathāsanthatika*, tùy ngoại cụ, không chọn lựa. 11. *ekāsanika*, nhất tọa thực, ăn một bữa, nếu đứng dậy, không ngồi ăn trở lại. 12. *khalupacchābhattika*, sau khi đã ăn, không ăn thêm (dù chưa quá trưa). 13. *pattapiṇḍika*, nhất bát thực.

⁶⁸ Xem *Tap* (Việt), 41. Tương ứng Đại Ca-diếp.

⁶⁹ Nhất xứ nhất tọa—處一坐..., có lẽ nhất tọa (thực), nhưng Hán dịch diễn giải thêm để lạc mắt nghĩa chính. Xem kinh số 5 trên.

Tăng nhất A-hàm

sửa y [570b01] phục, đến chỗ Thế Tôn. Lúc ấy, Thế Tôn từ xa nhìn thấy Ca-diếp lại. Thế Tôn bảo rằng:

“Thiện lai, Ca-diếp.”

Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn bảo:

“Ca-diếp. Nay Thầy tuổi đã cao già cả, chí kém, suy nhược. Nay Thầy nên bỏ khát thực, cho đến các hạnh đầu đà; cũng nên nhận lời mời của các gia chủ, và nhận xiêm y.”

Ca-diếp thưa:

“Hôm nay, con không dám theo lời dạy của Như Lai. Vì sao vậy? Vì nếu Như Lai không thành tựu đạo vô thượng chánh chơn, thì con sẽ thành Bích-chi Phật. Nhưng Bích-chi Phật kia thấy đều hành a-lan-nhã, đến giờ khát thực thì không phân biệt giàu nghèo; tại một nơi ngồi một lần* không bao giờ di dịch; ngồi dưới gốc cây, hay ngoài trời trống, hoặc nơi trống vắng; khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc ở gò mả, hoặc ăn một bữa, hoặc ăn đúng ngọ, hoặc hành đầu đà. Thật hôm nay, con không dám bỏ thói quen gốc cũ, mà học hạnh khác.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, Ca-diếp! Đã làm nhiều lợi ích và độ người vô lượng; rộng đến tất cả trời người được độ. Vì sao vậy? Vì này Ca-diếp, nếu hành đầu đà này còn ở thế gian, thì pháp của Ta cũng sẽ tồn tại lâu ở thế gian. Nếu pháp mà tồn tại ở đời thì thiên đạo sẽ tăng, ba đường dữ liền giảm, cũng thành tựu Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, và đạo ba thừa đều còn ở đời.

“Này các Tỳ-kheo, phải học như những gì Ca-diếp đã tu tập. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lợi dưỡng rất nặng, làm cho con người không đến được đạo Vô thượng Chánh chơn. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì Đề-bà-đạt-đầu ngu si kia nhận lấy năm trăm chỗ thức ăn cúng dường của Vương tử Bà-la-lu-chi⁷⁰ kia. Nếu ông ta không cúng dường, thì Đề-bà-đạt-đầu ngu si không bao giờ làm việc ác này. Vì Vương tử Bà-la-lu-chi ngày nào cũng đem năm trăm chỗ thức ăn đến cúng dường, nên Đề-bà-đạt-đầu mới khởi lên ác ngữ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục Ma-ha A-tỳ. Vì phương tiện này, nên biết, lợi dưỡng là rất nặng sẽ làm cho con người không đến được đạo Vô thượng Chánh chơn. Nếu tâm chưa sinh lợi dưỡng thì chớ để nó sinh, đã sinh thì hãy diệt nó. Như vậy, này các Tỳ-kheo, [570c01] hãy học điều này.”

⁷⁰ Bà-la-lu-chi 婆羅留支, Skt. Vāraluci (?), Hán dịch: Chiết Chi 折指, Vô Chi 無指; tên hiệu của A-xà-thế (Pāli: Ajātasattu), theo truyền thuyết phương Bắc. Xem *Pháp hoa Văn cú* 4 (T34n1718, tr. 25c21). Pāli không thấy nói đến tên hiệu này. Xem *Tạp* (Việt), kinh 968: A-xà-thế con bà Tì-đề-hi, vua nước Ma-kiệt-đà, hằng ngày cùng đoàn thị tùng với năm trăm cỗ xe đến chỗ Đề-bà-đạt-đà; hằng ngày đem năm trăm chỗ đồ ăn cúng dường Đề-bà-đạt-đà.

Tăng nhất A-hàm

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đâu loạn phá Tăng, đả thương chân Như Lai, xúi A-xà-thế sát hại phụ vương, lại giết Tỳ-kheo-ni A-la-hán. Ở trong chúng, ông lại nói như vậy: “Chỗ nào có ác? Ác sinh ra từ đâu? Ai làm ác này, phải chịu báo đó. Ta cũng không làm ác này, mà chịu báo đó.”

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khát thực mà nghe những lời này: “Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đâu, ở trong đại chúng tuyên bố rằng: ‘Chỗ nào có ác? Ác sinh ra từ đâu? Ai làm ác này, phải chịu báo đó. Ta cũng không làm ác này, mà chịu báo đó.’” Sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, cầm lấy y bát, vắt ni-su-đàn lên vai phải, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đâu ở trong đại chúng tuyên bố rằng: ‘Tại sao làm ác không có tai ương, làm phước không có báo? Không có ai nhận báo thiện ác cả.’”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ác thì có tội. Thiện hành, ác hành đều có báo ứng cả. Nếu kẻ ngu Đề-bà-đạt-đâu kia biết có báo thiện ác, thì sẽ sầu lo khô héo không vui, sẽ ói ra máu sôi. Vì kẻ ngu Đề-bà-đạt-đâu kia không biết có báo thiện ác, cho nên ở trong đại chúng mới

tuyên bố là không có báo thiện ác; làm ác không tai ương, làm phước không có phước.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người ngu xét tự rõ,
Làm ác không có báo.
Nay Ta biết rõ trước,
Báo ứng của thiện ác.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy lìa xa ác, làm phước chớ mệt mỏi. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhận lợi dưỡng người rất nặng, không dễ; nó khiến con người không đến được nơi vô vi. Vì sao vậy? Vì báo lợi dưỡng cắt vào da người. Đã cắt da rồi cắt thịt. Đã cắt [571a01] thịt rồi cắt xương. Đã cắt xương liền thấu tủy.

“Cho nên các Tỳ-kheo, nhờ phương tiện này mà biết lợi dưỡng rất là nặng. Nếu tâm lợi dưỡng chưa sinh thì chớ để nó sinh, đã sinh thì tìm cách diệt nó. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhận lợi dưỡng người thật là không dễ; nó khiến con người không đến được nơi vô vi. Vì sao vậy? Vì nếu Tỳ-kheo Sur-lợi-la⁷¹ kia không tham lợi dưỡng, thì sẽ không tạo ra việc sát sinh vô lượng như vậy, để thân hoại mạng chung sinh vào trong địa ngục.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nhận nhiều lợi dưỡng người,
Phá hạnh thanh bạch người.
Cho nên phải giữ tâm,
Chớ tham đắm vào vị.
Sur-lợi nhờ đắc định,
Cho đến cung Thiên đế;
Liền sát giảm thân thông,
Roi vào lò sát sinh.*

“Cho nên các Tỳ-kheo, nhờ vào phương tiện này mà biết việc nhận lợi dưỡng người thật là không dễ. Tâm lợi dưỡng chưa sinh, chế ngự nó đừng cho sinh. Tâm này đã sinh tìm cách diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁷²

⁷¹ Đê bản: Sur-lợi-la 師利羅. NTM: Lợi-sur-la. Không biết đọc thế nào là đúng.

⁷² Bản Hán, hết quyển 5.

13. PHẨM LỢI DƯỠNG

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhận lợi dưỡng người thật là không dễ. Nó làm con người không đến được nơi vô vi. Vì sao vậy? Nếu [571b01] Tỳ-kheo Tu-la-đà¹ không tham lợi dưỡng, thì không bao giờ ở trong pháp của Ta mà bỏ ba pháp y làm người cư gia. Tỳ-kheo Tu-la-đà vốn tu hạnh a-lan-nhã, đến giờ thì khát thực,² tại một nơi ngồi một lần,³ hoặc ăn đúng ngọ, ngồi dưới bóng cây, ngoài trời, thích nơi trống vắng, khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc thích nơi gò mả, cần thân khổ hạnh, hành hạnh đầu đà này. Rồi khi ấy, Tỳ-kheo Tu-la-đà thường nhận sự cúng dường thức ăn trăm vị cung cấp hằng ngày của Quốc vương Bồ-hô⁴.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nhiệm ý nơi thức ăn này, dần dần bỏ hạnh a-lan-nhã, như đến giờ thì khát thực, tại một nơi ngồi một lần, hoặc ăn đúng ngọ, ngồi dưới gốc cây, ngoài trời, thích nơi trống vắng, khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc thích nơi gò mả, cần thân khổ hạnh. Đã bỏ hết hạnh này rồi, bỏ ba y, trở về

¹ Tu-la-đà 修羅陀. Pāli: Surādha (?); nhưng chắc không phải Trưởng lão A-la-hán Surādha được nói trong S. iii. 80.

² Đáo thời khát thực, chỉ thường hành khát thực. Pāli: *piṇḍapātika*. kinh 5 phẩm 12.

³ Hán: Nhất xứ nhất tọa 一處一坐, tức nhất tọa thực, ngày chỉ ăn một lần ngồi; một trong các hạnh đầu đà. Pāli: *ekāsanika*. Xem kinh 5 phẩm 12.

⁴ Bồ-hô 蒲呼.

Tăng nhất A-hàm

làm bạch y, ông giết bò, sát sinh không thể kể hết; khi thân hoại mạng chung, sinh vào địa ngục.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nhờ phương tiện này mà biết lợi dưỡng thật là nặng, làm cho con người không đến được đạo Vô thượng Chánh chơn. Nếu lợi dưỡng chưa sinh, hãy chế ngự chó để nó sinh; đã sinh rồi tìm cách khiến diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy diệt một pháp. Ta xác chứng các người thành quả thần thông, các lậu diệt tận. Một pháp gì? Ném vị dục. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy diệt vị ngọt của dục này. Ta xác chứng các người thành quả thần thông, các lậu diệt tận.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Chúng sanh đắm vị này,
Chết đọa vào đường ác.
Nay nên bỏ dục này,
Liền thành A-la-hán.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường nên bỏ tướng đắm vị này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một gia chủ vừa mất một người con trai [571c01] mà ông rất yêu mến, thương nhớ, chưa từng lia xa. Ông thấy con chết, liền phát cuồng điên; đi lang thang qua lại khắp nơi. Gặp ai, ông cũng hỏi: “Có gặp con tôi không?”⁵

Rồi thì, người kia đi lần đến tinh xá Kỳ-hoàn. Đi đến chỗ Thế Tôn, đứng qua một bên, người kia bạch Thế Tôn rằng:

“Sa-môn Cù-đàm, thấy con tôi không?”

Thế Tôn hỏi gia chủ:

“Tại sao mặt mũi ông không vui, các căn thác loạn vậy?”

Gia chủ thưa rằng:

“Cù-đàm, không vậy sao được? Vì sao vậy? Hiện tại tôi chỉ có một đứa con trai, vì vô thường mà nó đã bỏ tôi. Tôi rất yêu mến, thương nhớ nó, chưa từng rời khỏi mắt. Vì thương mến đứa con kia nên khiến tôi phát cuồng. Nay tôi hỏi Sa-môn, thấy con tôi không?”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, gia chủ, như những gì ông đã hỏi. Sinh, già, bệnh, chết là pháp thường của thế gian. Ân ái biệt ly là khổ, oán ghét

⁵ Nội dung liên hệ, xem *Trung* kinh 216: Ái sinh. Cf. M. ii. 106.

Tăng nhất A-hàm

gặp nhau là khổ. Người con vì vô thường mà bỏ ông, há không nhớ nghĩ được sao?”⁶

Lúc đó, người kia nghe những gì Thế Tôn nói mà không để vào lòng, liền bỏ đi. Trên đường gặp người, ông lại nói như vậy: “Sa-môn Cù-đàm nói rằng: ‘Ân ái mà phân ly là khổ. Thấy đều do ái lạc.’”⁷ Những gì mà Sa-môn đã nói, xét thật ra có đúng không?”

Người trên đường đáp:

“Ân ái biệt ly, có gì là khoái lạc?”

Lúc đó, cách thành Xá-vệ không xa, có nhiều người đang cùng nhau chơi bạc. Người kia tự nghĩ: “Những người đàn ông này, thông minh trí tuệ, không việc gì không biết. Bây giờ ta đem nghĩa này hỏi những người kia.” Nghĩ xong ông liền đến chỗ chơi cờ bạc, hỏi mọi người rằng:

“Sa-môn Cù-đàm nói với tôi rằng: ‘Ân ái biệt ly khổ, oán ghét gặp nhau khổ. Thấy đều do ái lạc.* Nay theo ý mọi người thì thế nào?’”

Lúc đó những người chơi bạc đáp người này rằng:

⁶ Cf. *Trung* kinh 216: Khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. M 87 (R. ii. 106): *piyajātikā sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā*, sầu bi khổ ưu não phát sanh từ duyên ái.

⁷ Nguyên Hán: ân ái phân biệt tiện thị khoái lạc 恩愛分別。便有快樂, có thể có sự nhầm lẫn trong bản dịch Hán, khiến lời Phật thành ngây ngô, nếu không phải do thuật lại bởi một người mất trí. Đây dựa theo bản Pāli thêm vào cho rõ nghĩa. Xem cht. 6 trên.

“Ân ái biệt ly khổ sao lại do ái lạc? Nói do ái lạc, nghĩa này không đúng.”⁸

Lúc đó, người kia liền tự nghĩ: “Xét lời Như Lai thì không bao giờ hư vọng. Ân ái mà biệt ly sẽ có khoái lạc chăng? Nghĩa này không đúng.”

Rồi người kia vào thành Xá-vệ; đến bên ngoài cửa cung nói lên:

“Sa-môn Cù-đàm dạy như vậy: ‘Ân ái biệt ly khổ*, oán ghét gặp nhau khổ. Thầy đều do ái lạc.’”*

Bấy giờ, cả thành Xá-vệ và trong cung đều rao truyền lời này; khắp mọi nơi không đâu là không truyền tới. Ngay lúc đó, Đại vương Ba-tư-nặc cùng Ma-lợi Phu nhân ở trên lầu cao đang vui đùa với nhau. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc [572a01] nói với Ma-lợi Phu nhân rằng:

“Chắc là Sa-môn Cù-đàm có nói những lời này chăng: ‘Ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, thầy đều do ái lạc.’?”

Phu nhân đáp:

“Tôi không được nghe những lời dạy này từ nơi Như Lai. Nhưng nếu Như Lai có dạy những lời này, thì điều này cũng không phải là hư dối.”

Vua Ba-tư-nặc bảo rằng:

“Giống như thầy dạy đệ tử: ‘Nên làm điều này, nên bỏ điều này.’ Thì đệ tử thưa rằng: ‘Xin vâng, Đại sư.’ Nay Ma-lợi, bà cũng lại như vậy. Sa-môn Cù-đàm kia tuy có như vậy, nhưng

⁸ Xem *Trung* kinh 216: : Phật nói ái sinh là khổ. Những con bạc này nói: ái sinh thì sung sướng. Pāli: *piyajātikā hi ānandasomanassā*: ân ái sinh thì có hỷ lạc (M.ii. 107).

bà ưng theo nên bảo rằng: Thật vậy không khác, không có hư vọng. Bà hãy đi nhanh đi, không cần đứng trước mặt ta nữa.”⁹

Bấy giờ, Ma-lợi Phu nhân bảo Bà-la-môn Trúc Bác¹⁰ rằng:

“Bây giờ, ông đến tinh xá Kỳ-hoàn, đến chỗ Như Lai, nhân danh ta, quỳ gối sát chân Như Lai, lại đem nghĩa này bạch đầy đủ lên Thế Tôn rằng: ‘Người trong thành Xá-vệ, và trong cung đang bàn luận về những lời mà Sa-môn Cù-đàm đã nói: Ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, đây thấy là do ái lạc. Không rõ Thế Tôn có dạy điều này không?’ Nếu Thế Tôn có dạy điều gì, thì ông hãy khéo ghi nhận trở về nói lại cho ta.”

Bà-la-môn Trúc Bác vâng theo lời dạy của phu nhân, tìm đến tinh xá Kỳ-hoàn, đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi nhau. Sau khi chào hỏi nhau xong, ngồi lui qua một bên, bà-la-môn¹¹ kia bạch Thế tôn:

“Ma-lợi phu nhân xin lễ sát chân Thế Tôn, thăm hỏi Như Lai đi đứng có nhẹ nhàng, thoải mái, khí lực có mạnh khoẻ không? Giáo hóa kẻ mê mờ ngu muội có mệt lắm không? Lại thưa như vậy: ‘Khắp nơi trong thành Xá-vệ này rao truyền về những lời dạy của Sa-môn Cù-đàm như vậy: Ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, đó thấy là do ái lạc.’ Không rõ Thế Tôn có dạy những lời này không?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn Trúc-bác rằng:

⁹ Cả Trung và Pāli đều không có chi tiết xua đuổi này. Có thể bản Hán này diễn dịch thêm tinh tiết.

¹⁰ Trúc Bác 竹膊; T26: Na-lợi-urong-già 那利 騫伽; Pāli: Nālijaṅgha.

¹¹ Nguyên trong bản: phạm chí 梵志. Thông thường, từ bà-la-môn, phiên âm từ *brahmāṇa*, chỉ giai cấp; từ phạm chí, phiên âm từ *paribbajika*, chỉ ngoại đạo xuất gia. Bản Hán này không phân biệt hai từ khác nhau, mà dùng lẫn lộn.

“Ở trong thành Xá-vệ này, có một gia chủ mất một người con trai. Ông ta nhớ người con này đến độ cuồng điên mất tánh, chạy lang thang khắp nơi, gặp người liền hỏi: ‘Ai thấy con tôi?’ Như vậy, thì này Bà-la-môn, ân ái biệt ly khổ, oán ghét gặp nhau khổ. Đó thấy đều không có gì là hoan lạc.

“Ngày xưa trong thành Xá-vệ này, lại có một người vì vô thường mất mà mẹ già, cũng lại cuồng điên không biết đông tây là gì. Lại có một người vì vô thường mà mất cha già, cũng lại vì vô thường anh em, chị em đều mất cả. Người ấy nhận thấy sự biến đổi của vô thường này nên phát cuồng điên, mất tánh, không còn biết đông tây là gì.

“Này Bà-la-môn, ngày xưa trong thành Xá-vệ này có một người mới rước về một người vợ xinh đẹp vô song. [572b01] Sau đó một thời gian không lâu, người kia tự nhiên nghèo túng. Lúc ấy cha mẹ của người vợ thấy người này nghèo, liền nảy sinh ý nghĩ này: ‘Ta hãy đoạt con gái lại gả cho người khác.’

“Người kia, sau đó rình nghe được chuyện cha mẹ nhà vợ muốn đoạt lại vợ mình để gả cho người khác. Một hôm, nó dắt dao bén trong áo, đến nhà vợ. Trong lúc đó, vợ ông ta đang dệt ở ngoài vách. Nó bước đến chỗ cha mẹ vợ và hỏi: Hiện tại vợ con đang ở đâu?

“Mẹ vợ đáp: Vợ con đang dệt dưới bóng mát ngoài vách.

“Người kia liền đến chỗ vợ, hỏi vợ rằng: Rằng cha mẹ nàng muốn đoạt nàng để gả cho người khác phải không?

“Vợ đáp: Không sai, có lời này. Nhưng tôi không thích nghe lời này vậy.

Tăng nhất A-hàm

“Bấy giờ, người kia liền rút dao bén đâm chết vợ, rồi lấy dao bén tự đâm vào bụng mình và nói lời này: ‘Cả hai ta cùng chọn lấy cái chết.’”

“Này Bà-la-môn, hãy bằng phương tiện này để biết, ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau khổ. Đó là điều sâu ưu, thật không thể nào nói được.”

Bấy giờ, Bà-la-môn Trúc Bác bạch Thế Tôn:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn. Có những điều bức não này thật khổ, không vui. Vì sao vậy? Xưa con có một đứa con cũng vì vô thường mà nó bỏ con, ngày đêm thương nhớ canh cánh bên lòng. Vì nhớ con nên tâm ý cuồng điên, rong ruổi khắp nơi, gặp người liền hỏi: ‘Ai thấy con tôi?’ Nay những gì Sa-môn Cù-đàm đã nói thật đúng như vậy. Vì việc nước bận rộn đa đoan, con muốn trở về chỗ mình.”

Thế Tôn bảo:

“Nay thật đúng lúc.”

Bà-la-môn Trúc Bác từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi ra đi. Về chỗ Ma-lợi phu nhân, ông đem nhân duyên này tâu lại đầy đủ cho phu nhân. Lúc ấy, Ma-lợi phu nhân lại đến chỗ vua Ba-tư-nặc, tâu đại vương rằng:

“Hôm nay tôi có điều muốn hỏi, nguyện xin Đại vương nghe qua rồi trả lời cho từng việc:

“Thế nào Đại vương, có tưởng đến Vương tử Luru-ly¹² không?”

Vua trả lời:

¹² Luru-ly Vương tử 琉璃王子. T26: Tỳ-lu-la Đại tướng 鞞留羅羅大將. Pāli: Viḍḍabha-senapati.

“Rất nhớ, thương yêu canh cánh bên lòng.”

Phu nhân hỏi:

“Nếu Vương tử có biến đổi gì, Đại Vương có lo không?”

Vua lại trả lời:

“Thật vậy, Phu nhân. Như những gì Bà nói.”

Phu nhân hỏi:

“Đại vương nên biết, ân ái biệt ly đều dẫn đến sầu khổ. Thế nào, tâu Đại vương, có tưởng đến Vương tử Y-la¹³ không?”

Vua trả lời:

“Ta rất yêu quý.”

Phu nhân hỏi:

“Đại vương. Nếu Vương tử có biến đổi gì, Đại vương có sầu ưu không?”

[572c01]Vua trả lời:

“Rất là sầu ưu.”

Phu nhân bảo:

“Nên bằng phương tiện này để biết ân ái biệt ly không mang lại hoan lạc. Thế nào, Đại vương có tưởng đến Bà Tát-la-đà Sát-lợi¹⁴ không?”

¹³ Theo sử liệu Pāli, Pasenadi có hai con trai, một là Viḍūḍabha sau này cướp ngôi, và một nữa là Brahmadata, xuất gia, thành A-la-hán. Hình như còn một người nữa là vương tử Kỳ-đà (Jetakumāra), chủ của khu vườn Kỳ-hoàn, sau bị Viḍūḍabha giết. Không rõ Y-la 伊羅 đồng nhất với ai. Hoặc giả đây là con gái vua, tên là Vajirā, tức vương nữ mà bản Hán đọc thành vương tử?

Tăng nhất A-hàm

Vua trả lời:

“Thật là yêu quý thương nhớ.”

Phu nhân nói:

“Thế nào, tâu Đại vương, giả sử nếu Tát-la phu phân có biến đổi gì, Đại vương có sầu lo không?”

Vua trả lời:

“Ta có sầu lo.”

Phu nhân nói:

“Đại vương nên biết, ân ái biệt ly, điều này là khổ.”

Phu nhân nói:

“Vua nhớ thiếp không?”

Vua nói:

“Yêu nhớ khanh.”

Phu nhân nói:

“Giả sử thân thiếp có biến đổi gì, Đại vương có sầu ưu không?”

Vua nói:

“Giả sử thân khanh có mất đi, thì ta rất sầu ưu.”

“Đại vương, nên bằng phương tiện này để biết ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, không có gì hoan lạc.”

Phu nhân nói:

¹⁴ Tát-la-đà sát-lợi chủng 薩羅陀剌利種. T26: Vũ Nhật Cái 雨日蓋. Pāli: Vāsabhā-khattiā, một phu nhân khác của Panesadi, gốc họ Thích.

“Thế nào, Đại vương có tưởng đến dân chúng Ca-thi và Câu-tát-la không?”

Vua nói:

“Ta rất yêu nhớ Nhân dân Ca-thi và Câu-tát-la.”

Phu nhân nói:

“Giả sử Nhân dân Ca-thi và Câu-tát-la có biến đổi gì, Đại vương có sầu ưu không?”

Vua nói:

“Nếu Nhân dân Ca-thi và Câu-tát-la có biến đổi gì, thì mạng ta cũng không còn; huống chi nói đến sầu ưu. Vì sao vậy? Vì ta nhờ vào sức Nhân dân nước Ca-thi và Câu-tát-la nên được tồn tại. Bằng phương tiện này mà biết mạng cũng không còn, huống chi là không sinh sầu ưu.”

Phu nhân nói:

“Do đây để biết, ân ái biệt ly đều có khổ này, mà không có hoan lạc.”

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc, quỳ gối phải sát đất, chấp tay hướng về Thế Tôn, nói như vậy:

“Thật là kỳ lạ. Thật là kỳ lạ. Thế Tôn kia đã nói pháp này. Mong sao Sa-môn Cù-đàm kia đến đây, tôi sẽ cùng bàn luận.”

Vua lại bảo phu nhân:

“Từ nay về sau ta sẽ xem trọng khanh hơn thường ngày, cho phép phục sức không khác ta.”

Bấy giờ, Thế Tôn nghe Ma-lợi phu nhân lập ra luận cứ này cho Đại vương, liền bảo các Tỳ-kheo:

Tăng nhất A-hàm

“Ma-lợi Phu nhân thật rất là thông minh. Giả sử nếu Vua Ba-tư-nặc hỏi Ta những lời này, thì Ta cũng dùng nghĩa này để nói cho Vua kia, như những gì Phu nhân đã nói cho Vua, không có khác.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, Ưu-bà-di chứng chí tín kiên cố bậc nhất, chính là Ma-lợi Phu nhân.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Nai trong rừng Quỷ,¹⁶ núi Thi-mục-ma-la,¹⁷ nước Bạt-kỳ.¹⁸

Bấy giờ, gia chủ, ông của Na-uru-la,¹⁹ đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên. Giây lát ông rời khỏi chỗ ngồi, bạch Thế Tôn rằng:

“Tuổi con ngày đã suy yếu, lại mang tật bệnh, có nhiều điều ưu não. Nguyện xin Thế Tôn tùy thời dạy dỗ khiến cho chúng sanh được lâu dài an ổn.”

¹⁵ Tham chiếu, Pāli, S. 22. 1. Nakula (R iii. 1); Hán, Tạp 5 T99 (107, tr. 33a6).

¹⁶ Quỷ lâm Lộc viên 鬼林鹿園. T99: Lộc dã thâm lâm 鹿野深林. Pāli: Bhesakalāvane migadāya.

¹⁷ Thi-mục-ma-la 尸牧摩羅. T99: Thiết-thủ-bà-la 設首婆羅. Pāli: Susumāragira

¹⁸ Bạt-kỳ 拔祇; T99: Bà-kỳ 婆祇. Pāli: Bhagga.

¹⁹ Na-uru-la Công 那憂羅公. T99: Na-câu-la 那拘羅. Pāli: Nakulapitā.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Gia chủ rằng:

“Nhu những gì ông đã nói, thân có nhiều lo sợ, đau đớn, nào đáng để cậy nương. Nó chỉ có lớp da mỏng bao phủ lên. Trưởng giả nên biết, ai ý tựa vào thân này, để có thể thấy được cái vui trong chốc lát, đó là tâm niệm của kẻ ngu, chứ không phải là điều quý của người trí. Cho nên, này Trưởng giả, dù thân²⁰ có bệnh, nhưng không để tâm bệnh. Như vậy, này Trưởng giả, hãy học điều này.”

Trưởng giả sau khi nghe Phật nói những điều này, từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ sát chân Thế Tôn, rồi ra về.

Bấy giờ, Trưởng giả lại tự nghĩ: “Nay ta có thể đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất để hỏi nghĩa này.”

Lúc đó, Xá-lợi-phất đang ngồi dưới gốc cây cách đó không xa. Ông của Na-ưu-la đến chỗ Xá-lợi-phất, đánh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi trưởng giả:

“Hôm nay, Trưởng giả nhan sắc tươi vui, các căn tịch tĩnh, ắt có lý do. Này Trưởng giả, chắc ông đã nghe pháp từ Phật phải không?”

Lúc đó, trưởng giả bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Thế nào, Tôn giả Xá-lợi-phất, làm sao mặt mày không tươi vui được? Vì sao vậy? Vì con đã được Thế Tôn đem pháp cam lồ tưới rót vào lòng.”

Trưởng giả thưa tiếp:

²⁰ Để bản: tâm 心. Nên sửa lại là thân.

Tăng nhất A-hàm

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, con đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy con bạch Thế Tôn rằng: ‘Tuổi con đã lớn, suy yếu, thường mang tật bệnh, khổ đau nhiều điều không thể kể xiết. Nguyên xin Thế Tôn phân biệt thân này khiến tất cả chúng sanh đều được sự an ổn này.’ Lúc ấy, Thế Tôn liền bảo con rằng: ‘Thật vậy, Trưởng giả! Thân này nhiều sợ hãi, khổ đau, chỉ có lớp da mỏng bao phủ. Trưởng giả nên biết, ai y tựa vào thân này để có thể thấy được cái vui trong chốc lát, không biết lâu dài phải chịu vô lượng khổ. Cho nên, này Trưởng giả, ở đây dù thân có hoại, nhưng không để tâm tai hoại. Như vậy, này Trưởng giả, hãy học điều này.’ Thế Tôn đem pháp cam lồ này [573b01] tưới rót vào lòng con.”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, Trưởng giả, sao không hỏi thêm Như Lai nghĩa này? Thế nào là thân có hoại, tâm không hoại? Thế nào là thân có bệnh, tâm không bệnh? “

Trưởng giả bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Đúng là con đã không đem việc này hỏi thêm Thế Tôn, thân có hoại, tâm có hoại; thân có hoại, tâm không hoại. Tôn giả Xá-lợi-phất, chắc ngài biết việc này, mong phân biệt đầy đủ.”

Xá-lợi-phất nói:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Tôi sẽ vì ông mà diễn rộng nghĩa này.”

Đáp:

“Xin vâng.”

Xá-lợi-phất bảo Trưởng giả:

“Này Gia chủ, người phạm phu không gặp Thánh Nhân, không lãnh thọ Thánh giáo, không theo lời giáo huấn, cũng không gặp thiện tri thức, không theo hầu thiện tri thức; nên chúng chấp sắc là ngã, sắc là của ngã, ngã là của sắc; trong sắc có ngã, trong ngã có sắc; sắc kia, sắc ta cùng hòa hợp một chỗ. Sắc kia sắc ta vì đã tập hợp một chỗ, bây giờ sắc bị bại hoại, di chuyển không dừng, ở đó lại sinh khởi sầu lo, khổ não. Đối với thọ*, tướng, hành, thức đều nhận thấy ngã có ... thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức; thức kia, thức ta hòa hợp một chỗ. Thức kia, thức ta vì đã hòa hợp một chỗ, nên khi thức bị bại hoại, di chuyển không dừng, ở đó lại sinh khởi sầu lo, khổ não. Như vậy, này Trưởng giả, thân cũng có hoạn, tâm cũng có hoạn.”

Trưởng giả hỏi Xá-lợi-phất:

“Thế nào là thân có hoạn, tâm không hoạn?”

Xá-lợi-phất nói:

“Trưởng giả, ở đây đệ tử Hiền thánh thừa sự Thánh hiền, tu hành cấm pháp, cùng theo hầu thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức. Vị ấy không quán thấy ngã có sắc, không thấy trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, không thấy sắc là của ngã, ngã là của sắc; mà sắc kia di chuyển không dừng. Khi sắc kia chuyển dịch, vị ấy không sinh ra sầu lo khổ não đối với tai hoạn của sắc. Cũng lại không thấy thọ*, tướng, hành, thức; không thấy trong thức có ngã, trong ngã có thức; cũng không thấy thức là của ngã, cũng không thấy ngã là của thức. Thức kia, thức ta hội hợp một chỗ; mà khi thức bị bại hoại, ở đây không sinh khởi sầu lo, khổ não. Như vậy, này Trưởng giả, thân có hoạn mà tâm không hoạn.

Tăng nhất A-hàm

“Nhu vậy, này Trưởng giả, nên tu tập điều này, quên thân, trừ tâm, cũng không nhiễm đấm. Này Trưởng giả, hãy học điều đó.”

Ông của Na-Uu-la sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5²¹

[573c01] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho hàng vạn người đang vây quanh trước sau. Lúc ấy, có Bà-la-môn bên sông²² vai gánh một gánh nặng đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, ông đặt gánh, đứng im lặng một bên Thế Tôn. Khi ấy, bà-la-môn này suy nghĩ như vậy: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp cho hàng vạn nghìn người vây quanh trước sau. Hiện tại ta thanh tịnh không khác gì Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm ăn lúa gạo cùng các loại thức ăn tốt, hiện tại ta chỉ ăn trái cây để tự nuôi mạng sống.”

Bấy giờ, Thế Tôn đã biết những ý nghĩ trong tâm bà-la-môn, nên bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có chúng sanh nào mà tâm bị nhuộm dính với hai mươi một kết, thì nên quán sát rằng người đó chắc chắn sẽ đọa đường dữ, không sinh về cõi lành. Những gì là hai mươi một kết? Sân tâm kết, nhuế hại tâm kết, thù miên tâm kết, trạo cử²³

²¹ Thâm chiếu, Pāli: M. 7 Vatthūpama (R. i. 36); Hán: *Trung* kinh 93; T99(1185), T100(99).

²² Giang Trắc 江側. Có lẽ từ mô tả chứ không phải tên riêng. Cuối kinh, tên ông được gọi là Tôn-đà-la-đế-lợi. T26: Thủy Tịnh 水淨.

²³ Điệu hý.

tâm kết, nghi tâm kết, nộ tâm kết, kỵ tâm kết, não tâm kết, tật tâm kết, tăng tâm kết, vô tâm tâm kết, vô quý tâm kết, huyễn tâm kết, gian tâm kết, ngụy tâm kết, tránh tâm kết, kiêu tâm kết, mạn tâm kết, đố tâm kết, tăng thượng mạn tâm kết, tham tâm kết.²⁴ Nay các Tỳ-kheo, nếu người nào mà tâm bị nhuộm dính với hai mươi một kết, thì nên quán sát rằng người đó chắc chắn sẽ đọa đường dữ, không sinh về cõi lành.

“Giống như tấm lụa trắng mới, để lâu ngày nên mục nát, có nhiều bụi bặm. Dù có muốn nhuộm thành màu xanh, vàng, đỏ, đen, rốt cuộc cũng không thành được. Vì sao? Vì có bụi bặm. Cũng vậy, nay các Tỳ-kheo, nếu người mà tâm bị nhuộm dính với hai mươi một kết, thì nên quán sát rằng người đó chắc chắn sẽ đọa đường dữ, không sinh về cõi lành.

“Giả sử lại có người mà tâm không bị nhuộm bởi hai mươi một kết này, thì nên biết, người này chắc sẽ sinh lên cõi trời, không đọa vào trong địa ngục. Giống như tấm lụa mới, trắng sạch, tùy theo ý muốn thành gì, màu xanh, vàng, đỏ, đen, thì chắc sẽ thành những màu này, không hề hư hại. Vì sao vậy? Vì sự tinh sạch của nó. Ở đây, cũng như vậy, người nào mà tâm không bị nhuộm bởi hai mươi một kết này, thì nên biết, người đó chắc chắn sinh lên cõi trời, không đọa vào đường ác.

“Nếu đệ tử Hiền Thánh kia khởi sân tâm kết; quán sát biết rồi, liền dứt trừ chúng. Hoặc khởi nhuế hại tâm kết, [574a01] khởi

²⁴ Trung kinh 93: 21 tâm uế. So sanh Pāli, M. 7: *abhijjhavisamalobho* (tham lam và bất chánh tham), *vyāpādo* (sân), *kodho* (phẫn nộ), *upanāho* (oán hận), *makkho* (phú tàng hay ngụy thiện), *palāso* (não hay ác ý, ác cảm), *issā* (tật đố), *macchariyam* (xan hay bôn sên), *māyā* (cuống hay huyễn hoặc), *sāṭheyyam* (siêm hay gian trá), *thambho* (ngoan cổ hay ngao mạn), *sārambho* (cấp tháo hay dễ kích động), *māno* (mạn), *atimāno* (quá mạn), *mado* (kiêu hay say sưa), *pamādo* (phóng túng hay buông lung). Bản danh sách đầy đủ và giải thích chi tiết, xem *Pháp uân 9* (tr.494c).

Tăng nhất A-hàm

thùy miên tâm kết, khởi trạo cử tâm kết, khởi nghi tâm kết, khởi nộ tâm kết, khởi ky tâm kết, khởi não tâm kết, khởi tật tâm kết, khởi tăng tâm kết, khởi vô tâm tâm kết, khởi vô quý tâm kết, khởi huyễn tâm kết, khởi gian tâm kết, khởi nguy tâm kết, khởi tránh tâm kết, khởi kiêu tâm kết, khởi mạn tâm kết, khởi đố tâm kết, khởi tăng thượng mạn tâm kiết, khởi tham tâm kiết; quán biết rồi liền có thể dứt trừ chúng.

“Nếu đệ tử Hiền Thánh kia không sân, không nhuế, không có ngu si, tâm ý hòa vui, đem tâm từ trải khắp một phương mà tự an trú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết, mà tự an trú, đem tâm từ này rải khắp tràn đầy, ở trong đó được hoan hỷ rồi, tâm ý liền chính.

“Lại đem tâm bi trải khắp một phương mà tự an trú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết, mà tự an trú, đem tâm bi này trải tràn đầy khắp, ở trong đó được hoan hỷ rồi, thì tâm ý liền chính.

“Lại đem tâm hỷ trải khắp một phương mà tự an trú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết, mà tự an trú, đem tâm hỷ này rải khắp tràn đầy, ở trong đó được hoan hỷ rồi, tâm ý liền chính.

“Lại đem tâm xả*trải khắp một phương mà tự an trú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán,

không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết, mà tự an trú, đem tâm xar* này trang trải đầy khắp, ở trong đó được hoan hỷ rồi, thì tâm ý liền chính.

“Bấy giờ, người ấy thành tựu tín căn nơi Như Lai, gốc rễ không di dời,²⁵ dựng ngọn cờ cao hiển mà Chư thiên, Long thần, A-tu-la, Sa-môn, Bà-la-môn, hay người đời, đều không thể làm cho lay động; ở trong đó mà sinh tâm hoan hỷ, chân chánh tin tưởng rằng đây là bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc*, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu*, Thiên Nhân sư, Phật Thế Tôn*. Người ấy ở trong đó được hoan hỷ rồi, tâm ý liền chính.

“Người ấy [574c01] cũng lại thành tựu tín tâm không thể di động đối với Pháp của Như Lai,²⁶ pháp ấy thật là thanh tịnh, được mọi người người yêu kính, được bậc trí như thật quán sát. Người ấy liền ở trong đó mà sinh tâm hoan hỷ.

“Người ấy lại thành tựu tín tâm đối với Thanh Chúng. Thánh chúng của Như Lai rất là thanh tịnh, tánh hạnh thuần hòa, thành tựu pháp tùy pháp²⁷, thành tựu mọi giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát kiến tuệ. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi tám bậc. Đó là Thánh chúng của Như Lai, đáng yêu đáng quý, thật đáng thừa sự. Người ấy ở trong đó mà được hoan hỷ, tâm ý liền chính.

²⁵ Đây nói về Phật bất hoại tịnh, tức tín tâm bất động đối với Phật (Pāli: *buddhe aveccappasādena samannāgato*).

²⁶ Thành tựu pháp bất hoại tịnh, tín tâm bất động đối với Pháp của Phật. (Pāli: *dhamme aveccappasādena samannāgato*).

²⁷ Pháp pháp thành tựu 法法成就; tức pháp tùy pháp hành, hành pháp theo thuận tự của pháp. Pāli: *dhammānudhammapaṭipanna*.

“Vị ấy lại bằng tâm tam-muội này,²⁸ thanh tịnh không ô uế, các kết dứt sạch, cũng không còn cấu bần, tánh hạnh nhu nhuyễn, chúng đắc thần thông, liền tự biết mọi việc trong vô lượng đời trước. Từ nơi nào đến, không đâu là không biết; hoặc là một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một nghìn đời, trăm nghìn đời; kiếp thành, kiếp bại, kiếp không thành bại, kiếp thành bại, không thành bại; vô số kiếp thành bại, vô số kiếp không thành bại; ta đã từng ở nơi kia hiệu gì, tên gì, họ gì, sống như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, thọ mạng có ngắn dài; chết từ chỗ kia sinh chỗ nọ, chết từ chỗ kia sinh chỗ này. Tự biết mọi việc trong vô lượng đời trước.

“Vị ấy lại bằng tâm tam-muội này, thanh tịnh không vết nhơ, biết mọi suy nghĩ trong tâm của chúng sanh. Vị ấy lại dùng thiên nhãn quán sát các loài chúng sanh, kẻ này sinh, kẻ kia chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ; hoặc tốt, hoặc xấu tùy hành vi chúng sanh đã tạo đưa đến quả báo; thấy đều biết tất cả. Hoặc có chúng sanh thân hành ác, khẩu hành ác, tâm hành ác, phi báng Thánh hiền, tạo ra hành tà kiến, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục, ba đường dữ. Hoặc lại có chúng sanh thân hành thiện, khẩu hành thiện, tâm hành thiện, không phi báng Thánh hiền, chánh kiến, không có tà kiến, thân hoại mạng chung sinh về cõi lành trên trời. Đó gọi là thiên nhãn thanh tịnh quán sát các loài chúng sanh, kẻ này sinh, kẻ kia chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ; hoặc tốt, hoặc xấu tùy hành vi chúng sanh đã tạo đưa đến quả báo; thấy đều biết tất cả.

²⁸ Với tâm định tĩnh.

“Vị ấy lại bằng tâm tam-muội này, thanh tịnh không vết nhơ, không có kết sử, tâm tánh nhu nhuyễn, chứng đắc thần thông. Lại với lậu tận thông mà tự an trú*. Vị ấy quán biết như thật đây là khổ. Lại quán tập khởi khổ. [574c01] Lại quán diệt tận khổ. Lại quán xuất yếu của khổ. Vị ấy quán biết như thật rồi, tâm giải thoát dục lậu; tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát rồi, liền được trí giải thoát, biết rằng ‘Sinh* đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

“Như vậy, Tỳ-kheo, đệ tử Hiền thánh tâm được giải thoát, dù có ăn lúa gạo tốt nhất, các loại thức ăn ngon lành nhiều như Tu-di, thì rốt cuộc cũng không có tội. Vì sao vậy? Vì không dục, ái diệt tận, không sân, hết nhuế, không ngu si, ngu si đã diệt tận. Đó gọi là Tỳ-kheo trong Tỳ-kheo, bên trong đã tắm rửa sạch sẽ rồi.”

Bấy giờ, Bà-la-môn bên sông bạch Thế Tôn:

“Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài nên đến bên sông Tôn-đà-la²⁹ tắm rửa.”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn, thế nào gọi là nước sông Tôn-đà-la?”

Bà-la-môn thưa:

“Nước sông Tôn-đà-la, đó là vực sâu của phước, là ánh sáng của đời. Nếu có Nhân vật nào tắm nước sông này, thì tất cả các ác đều được trừ hết.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

²⁹ Tôn-đà-la giang 孫陀羅江. Trung kinh 93: sông Đa thủy多水河. Pāli: *bāhukā nadi*, có lẽ từ chung, chỉ nhiều sông chứ không phải một sông.

*Thân này vô số kiếp,
Đã từng tắm sông này;
Cùng các vũng hồ nhỏ,
Không đâu không trải qua.*

*Người ngu thường thích chúng,
Hạnh tôi không thanh tịnh.
Trong thân đầy tội cũ,
Sông kia sao rửa được.*

*Người tịnh luôn vui sướng.
Vui sướng vì giới tịnh.
Người sạch tạo hạnh sạch,
Nguyện kia chắc quả thành.*

*Cẩn thận, chớ lấy cắp;
Hành từ, không sát sinh;
Thành thật, không nói dối,
Tâm bình không tăng giảm.
Nay người tắm ở đây,
Chắc được nơi an ổn;
Sông kia đưa đến đâu?
Như mù đi vào tối.*

Bấy giờ, Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Bạch Cù-đàm, thôi, thật quá đủ! Giống như người lưng còng được thẳng, người tối thấy được sáng, người lạc lối được chỉ đường, nhà tôi được thấp đèn, người không mắt được cho mắt. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện nói diệu pháp này. Xin cho phép con hành đạo.”

Lúc ấy, Bà-la-môn bên sông liền được hành đạo, lãnh thọ giới cụ túc, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia [575a01] học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến như thật biết rằng, ‘Sanh* đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm

xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Tôn giả Tôn-đà-la-đế-lợi³⁰ đăc A-la-hán.”

Sau khi tôn giả Tôn-đà-la Đê-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, ngày đã tàn, đêm đang đến, Thích Đê-hoàn Nhân đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thích Đê-hoàn Nhân liền dùng kệ tụng hỏi nghĩa Như Lai:

*Thường thuyết thường tuyên bố,
Qua dòng, thành vô lậu;
Qua vực sâu sinh tử.
Nay hỏi nghĩa Cù-đàm.*

*Con quán chúng sanh này,
Nghiệp phước đức đã tạo;³²
Tạo hành bao nhiêu thứ,
Thí ai, phước tối tôn?*

*Thế Tôn, trên Linh-thứ,
Nguyện xin diễn nghĩa này.
Biết ý hướng Đế Thích,
Cũng nói cho người thí.*

³⁰ Tôn-đà-la-đế-lợi 孫陀羅諦利. Pāli: Sundarikabhāradvāja.

³¹ Pāli, S.11.2.6 Yajamāna (R i.233).

³² Hán: phước hựu nghiệp. Cf. Pāli: *yajamānānaṃ manussānaṃ, puññapekkhāna pāṇinaṃ*, loài người ưa tế đàn, chúng sinh mong phước đức.

Bấy giờ Thế Tôn dùng kệ đáp:

*Bốn đường³³ không tạo phước,
Bốn quả thành đầy đủ;
Hữu học, hàng kiến đạo,
Chân thật tin pháp này.*

*Không dục cũng không sân,
Ngu diệt, thành vô lậu;
Qua hết tất cả vực:
Thí kia thành quả lớn.*

*Những loại chúng sanh này,
Nghiệp phước đức đã tạo,
Tạo hành bao nhiêu thứ,
Thí Tăng phước được nhiều.*

*Chúng này độ vô lượng,
Như biển cho trâu bảo;
Thánh chúng cũng như vậy,
Nói pháp tuệ quang minh.*

*Cù-đàm chỗ thiện kia,
Người thường thí chúng Tăng;
Được phước không thể kể,
Là điều Tối thắng nói.*

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Phật dạy rồi, làm lễ sát chân Phật, liền lui đi.

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³³ Bốn đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và a-tu-la. Nhưng S. 11. 2. 6: *cattāro ca paṭipannā, cattāro ca phale thitā*, những vị đang hưởng bốn đạo, và những vị an trú trong bốn quả.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt [575b01] cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề cũng ở sườn núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá, làm riêng một chòi tranh để tự thiền tư.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề thân bị bệnh khổ rất là trầm trọng, liền tự nghĩ: “Khổ đau này của ta từ đâu sinh, từ đâu mất, và sẽ đi về đâu?” Rồi Tôn giả Tu-bồ-đề liền trải tọa cụ nơi đất trống, chánh thân chánh ý, chuyên tinh nhất tâm, ngồi kiết già, tư duy về các xứ³⁴, để trấn áp cơn đau.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biết ý nghĩ của Tôn giả Tu-bồ-đề, liền ra lệnh Ba-giá-tuần³⁵ bằng bài kệ rằng:

*Thiện Nghiệp³⁶, thoát trôi buộc,
Ở nơi núi Linh Thứu;
Nay bị bệnh rất nặng,
Quán Không, các căn định.
Hãy nhanh đi thăm bệnh,
Chăm sóc bậc Thượng tôn
Sẽ thu hoạch phước lớn.
Trông phước không đâu hơn.*

Ba-giá-tuần thưa rằng:

“Xin vâng, Tôn giả!”

³⁴ Nhập 入, hay xứ. Pāli: *āyatana*.

³⁵ Ba-giá-tuần 波遮旬; Pāli: *Pañcasikha*, Ngũ Kế Càn-thát-bà, vị thần âm nhạc của Thiên đế Thích.

³⁶ Thiện Nghiệp 善業, chỉ ngài Tu-bồ-đề.

Tăng nhất A-hàm

Rồi Thích Đề-hoàn Nhân dẫn năm trăm chư thiên cùng Ba-giá-tuần, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất từ trời Tam thập tam, hiện đến núi Linh thú, cách Tôn giả Tu-bồ-đề không xa, lại dùng kệ này bảo Ba-giá-tuần rằng:

*Nay người biết Thiện Nghiệp,
Đang vui thiên, tam-muội.
Hãy dùng âm du dương,
Khiến ngài xuất thiên tọa.*

Ba-giá-tuần thưa rằng:

“Xin vâng!”

Ba-giá-tuần vâng theo lời Thích Đề-hoàn Nhân, chỉnh dây đàn lưu ly, đến trước Tu-bồ-đề, dùng kệ này tán thán Tu-bồ-đề rằng:

*Kết sử đã diệt tận;
Các niệm không thác loạn;
Mọi trần cấu đều sạch:
Nguyện mau tỉnh giấc thiên!*

*Tâm tịch, vượt sông Hữu;
Hàng ma, vượt kết sử;
Công đức như biển cả”
Nguyện mau rời khỏi định!*

*Mắt tịnh như hoa sen;
Uế trước không còn dính;
Chỗ tựa cho bơ vơ:
Xin rời Không tam-muội!*

*Vượt bốn dòng³⁷, vô vi;
Khéo tỏ không già, bệnh;
[575c01] Vì thoát nạn hữu vi:*

³⁷ Tứ lưu, chỉ bốn bậc lưu: dục, hữu, kiến và vô minh. Pāli, *cattāro oghā: kāmogho, bhavogho, diṭṭhogho, avijogho*.

Nguyện Tôn rời giấc định.

*Năm trăm trời ở trên,
Thích Chủ, tự thân đến;
Muốn hầu Tôn nhan Thánh,
Bạc giải Không, xin đây!*

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi khen Ba-giá-tuần rằng:

“Lành thay, Ba-giá-tuần! Nay tiếng ông cùng tiếng đàn giao hòa với nhau không khác. Nhưng vì tiếng đàn không rời tiếng ca, tiếng ca không lia tiếng đàn, cả hai cùng hòa hiệp nên mới thành tiếng hay.”

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân mới đi đến chỗ Tôn giả Tu-bồ-đề, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thích đề-hoàn Nhân bạch Tu-bồ-đề rằng:

“Thế nào, bạch Thiện Nghiệp, bệnh mà ngài đang mang có thêm bớt gì chẳng? Nay thân bệnh này từ đâu sinh? Từ thân sinh chẳng? Từ ý sinh chẳng?”

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bảo Thích Đề-hoàn Nhân rằng:

“Lành thay, Câu-dục! Pháp pháp tự sinh, pháp pháp tự diệt, pháp pháp động nhau, pháp pháp tự dừng. Nay Câu-dục, giống như có thuốc độc, lại có thuốc giải độc. Thiên đế Thích, ở đây cũng vậy, pháp pháp loạn nhau, pháp pháp tự dừng. Pháp có thể sinh pháp, pháp đen dùng pháp trắng để trị, pháp trắng dùng pháp đen để trị. Nay Thiên đế Thích, bệnh tham dục dùng bất tịnh để trị. Bệnh sân nhuế dùng tâm từ để trị. Bệnh ngu si dùng trí tuệ để trị. Như vậy, Thích Đề-hoàn Nhân, tất cả mọi sở hữu đều qui về không, không ngã, không Nhân, không thọ, không mạng, không sĩ, không phu, không hình, không tượng, không nam, không nữ. Nay Thích Đề-hoàn Nhân, giống như

Tăng nhất A-hàm

gió thì hại đến cây cối, cành, lá, gãy đổ. Mưa đá thì hại đến mầm non, hoa quả. Hoa quả vừa ra tốt, mà không nước, sẽ bị héo. Nhờ lúc trời mưa xuống, sinh mầm non sống trở lại. Cũng vậy, Thiên đế Thích, pháp pháp loạn nhau, pháp pháp tự định. Những bệnh hoạn, đau nhức, khổ não của tôi trước đây, nay đã trừ hết, không còn bệnh khổ nữa.”

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Tu-bồ-đề:

“Tôi cũng có sầu lo, khổ não. Nay nghe pháp này, không còn sầu lo nữa. Nay tôi muốn trở về trời lại, vì bận việc đa đoan, việc mình cũng có và cả các việc trời, tất cả đều nhiều.”

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

“Bây giờ là lúc thích hợp.”

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Tu-bồ-đề, nhiễu quanh ba vòng rồi đi.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề liền nói kệ này:

[575c] *Năng Nhân nói lời này,
Căn bốn đều đầy đủ;
Người trí được an ổn,
Nghe pháp dứt các bệnh.*

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Tôn giả Tu-bồ-đề nói, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Điều Đạt, và hai kinh,
Da, và Lợi-sur-la;
Trúc Bác, Tôn-đà-lợi,
Thiện Nghiệp, Thích Đề-hoàn.³⁸*

³⁸ Bản Hán, hết quyển 6.

14. PHẨM NGŨ GIỚI

KINH SỐ 1

[576a14] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà thành hạnh địa ngục, thành hạnh súc sanh, thành hạnh ngạ quỷ, nếu sinh vào cõi người mà thọ mạng ngắn ngủi: đó là sát sinh.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào có ý thích sát sinh, liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu sinh vào cõi người thì thọ mạng ngắn ngủi. Vì sao vậy? Vì họ đã dứt sinh mạng kẻ khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học chớ sát sinh.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Tăng nhất A-hàm

“Ồ trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chúng đắc Niết-bàn: đó là không sát sinh.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người nào không hành sát sinh, cũng không nghĩ đến sát sanh, thọ mạng sẽ dài lâu. Vì sao vậy? Vì không bức hại. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học chớ sát sinh.

“N như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

[576b01] Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ồ trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà thành hạnh địa ngục, thành hạnh súc sanh, thành hạnh ngạ quỷ; nếu sinh vào cõi người rất là nghèo túng, áo không đủ che thân, ăn không đầy miệng: đó là trộm cướp.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào có ý thích trộm cướp, lấy tài vật của người khác, liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu sinh vào cõi người rất là nghèo túng. Vì sao vậy? Vì đã dứt sinh nghiệp người khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học xa lìa lấy của không được cho.

“N như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng đắc Niết-bàn: đó là bố thí rộng rãi.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người nào hành bố thí rộng rãi, trong đời hiện tại được sắc đẹp, được sức khỏe, được đầy đủ tất cả; cõi trời, cõi người, hưởng phước vô lượng.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy hành bố thí, chớ có lòng keo lẩn.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Tăng nhất A-hàm

“Ồ trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà thành hạnh địa ngục, thành hạnh súc sanh, thành hạnh ngạ quỷ; nếu sinh vào cõi người, sống tại gia gian dâm không có tịnh hạnh, bị người chê bai, và thường bị phỉ báng. Một pháp gì? Đó là tà dâm.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người nào dâm dật vô độ, thích xâm phạm vợ người, liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu sinh vào cõi người thì khuê môn dâm loạn.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường chánh ý, chớ khởi ý tưởng dâm. Cần thận chớ xâm phạm vợ người.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

[576c01]Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ồ trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chúng đắc Niết-bàn: đó là không tà dâm vợ người.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người nào trinh khiết, không tà dâm, thân thể hương khiết, cũng không có tướng tà vậy, sẽ hưởng được phước cõi người, cõi trời.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ hành tà dâm, khởi ý dâm loạn.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ồ trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà thành hạnh địa ngục, thành hạnh súc sanh, thành hạnh nga quý; nếu sinh vào cõi người, thì hơi miệng hôi hám, làm người chán ghét: đó là nói dối vậy.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào nói dối, nói thêu dệt, gây tranh cãi phải quấy, thì liền bị đọa vào địa ngục, nga quý, súc sinh. Vì sao vậy? Vì sự nói dối ấy.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, phải chí thành không được nói dối.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ồ trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chúng đắc Niết-bàn. Một pháp gì? Đó là không nói dối.

“Này các Tỳ-kheo, người nào không nói dối, thì hơi miệng thơm tho, tiếng tốt đồn xa.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thực hành không nói dối.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ồ trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà chịu tội địa ngục, súc sanh, ngã quỷ; nếu sinh vào cõi người thì cuồng si, ngu muội, không biết chân ngụy: đó là uống rượu.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào tâm ham uống rượu, thì sẽ sinh vào nơi [577a01] không có trí tuệ, thường chịu ngu si.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ uống rượu.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào hơn pháp này, nếu đã tu hành, tu hành nhiều, mà hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng đắc Niết-bàn. Một pháp gì? Đó là không uống rượu.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào không uống rượu, sinh ra liền thông minh, không có ngu muội, biết rộng kinh sách, ý không lầm lẫn.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Thứ năm, kinh địa ngục,
Đây gọi hành bất thiện;
Năm là trời cùng người,
Hãy biết theo thứ tự.*

HAI PHÁP

15. PHẨM HỮU VÔ

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên biết, có hai kiến này. Thế nào là hai? Đó là hữu kiến, vô kiến.¹ Các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã tập, đã đọc tụng ở nơi hai kiến chấp này, mà trọn không hề theo pháp đó, không như thật biết; thì nên biết đó không phải là Sa-môn, Bà-la-môn. Với Sa-môn thì phạm pháp Sa-môn, với Bà-la-môn thì phạm pháp Bà-la-môn. Các Sa-môn, Bà-la-môn này không bao giờ tự thân tác chứng mà tự an trú.²

“Các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã tập, đã đọc tụng ở nơi hai kiến chấp này, mà đáng xả thì biết xả, như thật biết, thì đó là Sa-môn tri hạnh Sa-môn; là Bà-la-môn biết hạnh Sa-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú, và biết như thật rằng, ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

¹ Tham chiếu Pāli, A. II. 9. 5 (R i. 83): *bhavadiṭṭhi ca vibhavadiṭṭhi ca*, hữu kiến và phi hữu kiến.

² Hán: thân tác chứng nhi tự du hý 身作證而自遊戲, tức là, tự thân chứng ngộ (chứng tri) và an trú (trong pháp đó). Ở trên kia, Hán dịch: nhi tự ngu lạc 而自娛樂; xem cht. 12 kinh 1, phẩm 12. Pāli: *kāyena sacchikaraṇīyā*, cf. A. ii. 182.

Tăng nhất A-hàm

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, đối với hai kiến này không nên tập hành, không nên đọc tụng, nên lia bỏ tất cả. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, [577b01] rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai kiến này. Thế nào là hai kiến? Đó là hữu kiến, vô kiến. Thế nào là hữu kiến? Thấy dục có thật; thấy sắc có thật; thấy vô sắc có thật³. Thế nào là thấy dục có thật? Đó là năm dục. Năm dục là những gì? Sắc được thấy bởi mắt, rất khả ái, rất khả niệm mà người đời tôn thờ chưa từng lia bỏ. Thanh được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, mọt láng được xúc chạm bởi thân, pháp được nhận biết bởi ý. Đó là hữu kiến.

“Thế nào là vô kiến? Thấy có thường, thấy vô thường; thấy có đoạn diệt, thấy không đoạn diệt; thấy có biên, thấy không biên; thấy có thân, thấy không thân; thấy có mạng, thấy không mạng; thấy thân khác, thấy mạng khác. Sáu mươi hai kiến này gọi là vô kiến, và cũng chẳng phải là chân kiến. Đó gọi là vô kiến.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy xả bỏ hai kiến này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

³ Hán: dục hữu kiến, sắc hữu kiến 欲有見·色有見·無色有見.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai thí này. Những gì là hai? Pháp thí, tài thí. Trên hết trong bố thí, không gì hơn pháp thí.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường nên học pháp thí. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai nghiệp này. Thế nào là hai nghiệp? Có pháp nghiệp, có tài nghiệp.⁶ Trên hết trong nghiệp, không gì hơn pháp nghiệp.

⁴ Tham chiếu Pāli. A. II. 13. 1 (R i. 91).

⁵ Tham chiếu Pāli, như trên.

⁶ Pháp nghiệp 法業, tài nghiệp 財業. Pāli, ibid. : *āmisayāgo ca dhammayāgo*, hiến tế tài vật, và hiến tế pháp.

Tăng nhất A-hàm

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên học pháp nghiệp, không học tài nghiệp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai ân này. Thế nào là hai? Pháp ân, tài ân.⁸ Trên hết trong ân, không gì hơn pháp ân.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên tu hành pháp ân. Như vậy, này các [577c01] Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁷ Tham chiếu Pāli, như trên.

⁸ Pháp ân 法恩, tài ân 財恩. Pāli: *āmisacāgo ca dhammacāgo ca*, thi ân (hệ thí) bằng tài vật và thi ân bằng pháp.

“Người ngu có hai tướng để nhận diện mạo. Những gì là hai? Ở đây, với người ngu những việc không thể làm xong mà vẫn làm, những việc làm sắp xong thì chán bỏ.⁹ Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người ngu có hai thứ tướng mạo.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, người trí có hai tướng để nhận diện mạo. Những gì là hai? Ở đây, với người trí những việc không thể làm xong được thì không làm, những việc làm sắp xong, cũng không chán bỏ.

“Cho nên, nay các Tỳ-kheo, hãy gạt bỏ hai tướng của người ngu; hãy nương hai tướng của người trí mà tu hành. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này, mà bên trong tự tư duy, và chuyên tinh nhất ý lễ kính Như Lai. Thế nào là hai pháp? Một là trí tuệ, hai là diệt tận. Tỳ-kheo, đó gọi là bên trong tự tư duy, và chuyên tinh nhất ý lễ kính Như Lai. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

⁹ Tham chiếu Pāli, A. ii. 10.1 (R i. 84).: *yo ca anāgataṃ bhāraṃ vahati, yo ca āgataṃ bhāraṃ na vahati*, gánh nặng chưa đến thì mang, gánh nặng đã đến lại không mang.

Tăng nhất A-hàm

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này, bên trong tự tư duy, và chuyên tinh nhất ý kính lễ pháp bảo, hay kính lễ thần miếu Như Lai.¹⁰ Thế nào là hai pháp? Có lực, có vô úy. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này, bên trong tự tư duy, và chuyên tinh nhất ý lễ kính pháp bảo, hay thần miếu Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁰ Như Lai thần miếu 如來神廟. Skt. Caitya (Pāli: cetiya), thường âm là chi-đề, chế-đề, chế-đa. dịch là miếu hay linh miếu. Luật *Tăng-kỳ* 33 (tr. 498b20): “Có xá-lợi, gọi là tháp. Không có xá-lợi, gọi là chi-đề 枝提.

“Có hai pháp này, bên trong tự tư duy, và chuyên tinh nhất ý kính lễ chùa Như Lai.¹¹ Thế nào là hai pháp? Như Lai không đồng đẳng với người thế gian. Như Lai có đại từ, đại bi, [578a01] thương tưởng mười phương. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này, bên trong tự tư duy, và chuyên tinh một ý lễ kính chùa Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai nhân, hai duyên khởi lên chánh kiến. Những gì là hai? Nhận pháp giáo hóa, bên trong tư duy chỉ quán.¹² Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân, hai duyên này khởi lên chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Hai kiến, và hai thí
Kẻ ngu có hai tướng,
Lễ pháp, miếu Như Lai,*

¹¹ Như Lai tự 如來寺.

¹² Tham chiếu Pāli, A. II. 15. 10 (R i. 95): *samatho* và *vipassanā*.

Tăng nhất A-hàm

Chánh kiến, kinh sau cùng.

16. PHẨM HỎA DIỆT

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà ở trong vườn Tượng hoa,² tại thành Vương xá. Lúc ấy, Tôn giả Nan-đà ở nơi vắng vẻ, tự nghĩ: “Nhu Lai xuất hiện ở đời, thật là khó gặp; ước kiếp mới xuất hiện, thật không thể gặp. Một thời thật lâu dài, Nhu Lai mới xuất hiện. Giống như hoa Ưu-đàm-bát thỉnh thoảng mới xuất hiện. Cũng vậy, Nhu Lai xuất hiện ở đời, thật là khó gặp; ước kiếp mới xuất hiện, nên thật là khó gặp. Trường hợp này cũng khó gặp: Tất cả các hành đều tĩnh chỉ, ái diệt tận không còn, cũng không nhiễm ô, diệt tận, Niết-bàn.”

Bấy giờ có một thiên tử Ma Hành,³ biết những ý nghĩ trong tâm Tôn giả Nan-đà, liền đến cô gái Thích Tôn-đà-lợi⁴; bay trên hư không, dùng kệ tán thán rằng:

¹ Tham chiếu, Thera 279.

² Tượng hoa viên 象華園. Khppng thấy tên Pāli tương đương về khu vườn này trong thành Vương xá.

³ Ma Hành 魔行天子. Cf. There 179: *Mārapakkha*; Sớ giải: do phạm phu u tối, không từ duy chân chánh, phiền não ma tăng trưởng, do đó thiên ma thừa cơ xâm nhập.

⁴ Tôn-đà-lợi 孫陀利. Skt. = Pāli: Sundarī. Truyền thuyết phương Bắc nói cô là người vợ hụt của Nan-đà. Truyền thuyết Pāli gọi cô này là Janapadakalyānī Nandā. Về sau cô cũng theo Di mẫu Pajāpati xuất gia và cuối cùng thành A-la-hán. Các truyền thuyết cũng có thể lẫn lộn cô với Sudarī-Nandā, em gái của Trưởng lão Nandā, con gái vua Sudodhana với bà Gotami.

*Nay cô hãy vui mừng,
Trang điểm, tấu ngũ nhạc.
Nan-đà bỏ pháp phục,
Sẽ đến cùng hưởng vui.*

Cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi, sau khi nghe những lời này của ông trời, vui mừng phấn khởi, không thể tự chế được, liền tự trang sức, sửa sang dọn dẹp nhà cửa, trải tọa cụ tốt, trỗi kỹ nhạc như lúc Nan-đà còn ở nhà không khác.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tập họp tại giảng đường Phổ hội, nghe đồn Tỳ-kheo Nan-đà trả lại pháp phục sống đời gia nghiệp. Vì sao vậy? Vì có vị trời ở không trung mách bảo cho [578b01] vợ ông biết. Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những lời này xong, trong lòng ưu sầu, liền đóng xe bạch tượng, đi đến khu vườn kia. Đến nơi rồi, vua đi vào trong ao Hoa tượng. Từ xa, vua thấy Tôn giả Nan-đà, liền đến trước chỗ Nan-đà, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương, vì sao đến đây mà mặt mày đổi sắc? Lại có việc gì đến chỗ tôi vậy?”

Vua Ba-tư-nặc đáp:

“Tôn giả nên biết, nơi giảng đường Phổ hội, tôi nghe Tôn giả xả bỏ pháp phục trở về làm bạch y. Nghe xong những lời này, nên tôi đến đây. Không biết Tôn giả chỉ dạy thế nào?”

Lúc đó Tôn giả mỉm cười, rồi từ từ bảo vua:

“Không thấy, không nghe, có gì Đại vương nói những lời này? Đại vương, há không nghe từ Như Lai rằng tôi đã trừ các kết, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm

xong, không còn tái sinh nữa, đã biết như thật, nay thành A-la-hán, tâm được giải thoát sao?”

Vua Ba-tư-nặc nói:

“Tôi chưa nghe từ Như Lai nói Tỳ-kheo Nan-đà sinh tử đã dứt, đắc A-la-hán, tâm được giải thoát. Vì sao vậy? Vì có vị trời đến báo cho cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi như vậy. Phu nhân Tôn-đà-lợi sau khi nghe những lời này rồi, liền thổi kỹ nhạc, sửa sang phục sức, trải các tọa cụ. Tôi nghe những lời này rồi liền đến chỗ Tôn giả.”

Nan-đà bảo:

“Vua không biết, không nghe, sao Đại vương lại nói những lời này? Các Sa-môn, Bà-la-môn, không ai là không vui thú với cái vui do tịch tĩnh, cái vui Thiện thế, cái vui của Sa-môn, cái vui Niết-bàn, mà không tự quán sát cái tâm này như hầm lửa, lại phải đi đến đó! Việc này không đúng. Tâm dục như bộ xương, như miếng thịt, như đồng đá, như mật bôi trên dao, chỉ mắc phải tham cái lợi nhỏ, không lo cái tai họa về sau. Cũng như trái xum xuê làm cho cành gãy; cũng như đồ vay mượn không bao lâu rồi sẽ phải bồi hoàn; cũng như rừng kiếm, cũng như thuốc độc hại, cũng như lá độc, như hoa quả độc. Đã quán sát tâm dục này cũng lại như vậy, mà ý còn nhiễm trước; việc này không xảy ra. Từ dục như hầm lửa cho đến quả độc, không quán sát những điều này mà muốn vượt qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu⁵ mà muốn được nhập vào vô dư Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn, thì việc này không xảy ra. Đại vương, [578c01] nên biết, những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã quán sát đây là cái vui của tịch tĩnh, vui Thiện thế, vui Sa-môn, vui Niết-bàn, thì điều ấy tất xảy ra. Những vị ấy do quán sát

⁵ Bốn bộ lưu.

Tăng nhất A-hàm

như vậy, hiểu rõ dâm dục như hầm lửa, giống như bộ xương, đông thịt, mật bôi dao bén, trái xum xuê làm canh gầy, vật mượn không lâu phải trả; cũng như rừng kiêu, như thuốc độc hại; đã quán sát, đã biết rõ, trường hợp ấy có xảy ra; tức là, đã hiểu rõ, biết chỗ nổi dậy của lửa dâm, thì liền có thể vượt qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu, điều này tất xảy ra. Các vị ấy đã vượt qua dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu, việc này tất như vậy.

“Vậy thế nào Đại vương, lấy gì để thấy, gì để biết mà nói như vậy? Nay Đại vương, nay tôi đã thành A-la-hán, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa, tâm được giải thoát.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc lòng tràn đầy vui vẻ, tâm thiện phát sinh, bạch Tôn giả Nan-đà rằng:

“Nay tôi không còn chút mảy may hồ nghi nào nữa, mới biết Tôn giả thành A-la-hán. Nay xin cáo từ, vì việc nước đa đoan.”

Nan-đà đáp:

“Nên biết đúng thời.”

Vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi cáo lui ra về.

Vua Ba-tư-nặc đi chưa bao lâu, Ma thiên kia đến chỗ Tôn giả Nan-đà, đứng giữa hư không, lại dùng kệ này nói với Nan-đà rằng:

*Phu nhân, mặt như trăng;
Thân đeo vàng, chuỗi ngọc;
Nhớ dung nhan dáng kia,
Ngũ nhạc hằng vui hưởng.
Gảy đàn, đánh trống ca,*

*Âm vang thật uyển chuyển,
Khiến trừ các sầu lo.
Vui gì trong rừng này?*

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà liền tự nghĩ: “Đây là trời Ma Hành.”
Biết vậy rồi, lại dùng kệ đáp:

*Xưa ta có tâm ấy,
Dâm dật không biết chán;
Bị dục trói vào trong,
Không biết già, bệnh, chết.*

*Ta qua vực ái dục,
Không ô, không nhiễm trước;
Tươi thắm kia rồi khổ;
Nay vui pháp chân như.*

*Ta đã trừ các kết,
Dâm, nộ, si đều sạch;
Không sống pháp ấy nữa.
Người ngu nên biết rõ.*

[579a01]Sau khi trời Ma Hành nghe những lời này, trong lòng
ưu sầu, liền biến mất.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế
Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo đoạn chánh đẹp đẽ không ai hơn Tỳ-kheo Nan-đà.
Có các căn trầm lặng cũng chính là Tỳ-kheo Nan-đà. Không có
dục tâm cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Không có sân nhuế cũng là
Tỳ-kheo Nan-đà. Không có ngu si cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.
Thành A-la-hán cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Vì sao vậy? Vì Tỳ-
kheo Nan-đà đẹp trai, các căn tịch tĩnh.”

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

Tăng nhất A-hàm

“Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ nhất⁶ đoan chánh đẹp đẽ, đó chính là Tỳ-kheo Nan-đà; các căn tịch tĩnh cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai Niết-bàn giới này.⁷ Những gì là hai? Hữu dư Niết-bàn giới, vô dư Niết-bàn giới. Kia sao gọi là hữu dư Niết-bàn giới? Ở đây, Tỳ-kheo đã diệt năm hạ phần kết, rồi bát-niết-bàn ở kia,⁸ không còn trở lại thế gian này nữa. Đó gọi là hữu dư Niết-bàn giới.⁹ Kia, sao gọi là vô dư Niết-bàn giới? Cũng vậy, Tỳ-kheo đã diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát,¹⁰ tuệ giải thoát,¹¹ tự thân tác chứng mà tự an trú, biết như thật rằng, ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần là đã làm xong,

⁶ Đê bản: đệ tử 弟子. TNM: đệ nhất 第一.

⁷ Tham chiếu Pāli. Itiv. 44: *dveme... nibbānadhātuyo. ... sa-upādisesā ca nibbānadhātu, anupādisesā ca nibbānadhātu.*

⁸ Thánh A-na-hàm nhập niết-bàn tại một trong năm cõi trời Tịnh cư.

⁹ Pāli, ibid., nói khác: A-la-hán lậu tận (*araham hoti khīṇāsavo*), nhưng các căn còn tồn tại (*tiṭṭhanteva pañcidriyāni*), vị ấy còn có cảm thọ lạc và khổ (*sukhadukkham paṭīamvedeti*).

¹⁰ Nguyên Hán: ý giải thoát 意解脱. Pāli: *cetovimutti*.

¹¹ Nguyên Hán: trí tuệ giải thoát 智慧解脱. Pāli: *paññāvimutti*.

không còn tái sinh đời sau nữa.’ Đó gọi là vô dư Niết-bàn giới.¹² Đây là hai Niết-bàn giới.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện để đến vô dư Niết-bàn giới. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói thí dụ về quạ, cũng sẽ nói thí dụ về heo. Hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói cho các người nghe.”

Bạch:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

“Kia, sao gọi là người ví như quạ? Ở đây có người sống nơi vắng vẻ, thường tập hành dâm dục, có hành vi xấu ác; sau đó hổ thẹn, tự hối lỗi, [579b01] đem những việc đã làm trình bày cho người. Vì sao vậy? Hoặc bị những vị đồng phạm hạnh thấy mà chê trách rằng, ‘Người này tập hành dâm dục, có hành vi

¹² Pāli, *ibid.*, A-la-hán lậu tận, ... tất cả cảm thọ không còn hoan hỷ, trở thành nguội lạnh (*sabbavedayitāni anabhinanditāni sīti bhavissanti*).

Tăng nhất A-hàm

xấu ác. Nó sau khi làm hành vi xấu ác, tự biết hổ thẹn, hối lỗi với người.’

“Giống như con quạ kia thường xuyên bị khô vì đói, bèn ăn đồ bất tịnh, sau đó quệt mỏ, sợ có các loài chim khác thấy nói rằng quạ này ăn đồ bất tịnh. Ở đây cũng như vậy, có một người ở nơi vắng vẻ, tập hành dâm dục, làm các hành vi bất thiện. Sau đó hổ thẹn, tự hối lỗi, đem những việc đã làm trình bày cho người. Vì sao vậy? Hoặc bị những vị đồng phạm hạnh thấy mà chê trách rằng, ‘Người này tập hành dâm dục, có hành vi xấu ác.’ Đó gọi là người giống như quạ.

“Kia, sao gọi là người như heo? Hoặc có một người sống nơi vắng vẻ, lâu dài tập hành dâm dục, có hành vi xấu ác, cũng không hổ thẹn, lại không hối lỗi. Đối với người thì tự khen mình, cống cao, tự đắc, nói rằng ‘Tôi có được ngũ dục tự vui chơi, còn những người kia không có được ngũ dục.’ Nó tạo ác mà không biết hổ thẹn. Người này dụ như heo, thường ăn đồ bất tịnh, nằm chỗ bất tịnh, chạy theo chân các con heo khác. Ở đây cũng vậy, có một người lâu dài tập hành dâm dục, có hành vi xấu ác, cũng không hổ thẹn, lại không hối lỗi. Đối với người thì tự khen mình, cống cao, tự đắc, nói rằng ‘Tôi có được ngũ dục tự vui chơi, còn những người kia không có được ngũ dục.’ Đó gọi là người như heo.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trừ bỏ, hãy tránh xa. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về có người giống lừa, có người giống bò. Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

“Kia, sao gọi là người giống lừa? Có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Bấy giờ người ấy các căn không định, khi mắt thấy sắc thì theo đó khởi lên sắc tưởng, dong ruổi vạn mỗi, lúc bấy giờ mắt không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể ngăn giữ các ác khắp nơi đến, và cũng không thể phòng hộ được [579c01] nhãn căn. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết trơn nhuyễn, ý biết pháp, theo đó khởi lên bệnh thức, dong ruổi vạn mỗi, lúc bấy giờ ý căn không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể ngăn giữ các ác khắp nơi đến, cũng lại không thể giữ được ý căn, không có oai nghi lễ tiết, bước lên, dừng lại, co duỗi, cúi ngược; khoác y, ôm bát, đều trái cấm giới, bị đồng phạm hạnh bắt gặp chê trách rằng: ‘Ôi, người ngu này giống như Sa-môn!’ Nó liền bị hạch tội: ‘Nếu là Sa-môn, đáng ra không nên như vậy.’ Nó lại nói như vậy: ‘Tôi cũng là Tỳ-kheo! Tôi cũng là Tỳ-kheo!’ Giống như con lừa vào trong bầy bò mà tự xưng là: ‘Tôi cũng là bò! Tôi cũng là bò!’ Nhưng hai lỗ tai của nó xem ra lại không giống bò, sừng cũng không giống, đuôi cũng không giống, âm thanh đều khác.

“Bấy giờ, bày bỏ hoặc dùng sừng húc, hoặc dùng chân đá, hoặc dùng miệng cắn. Nay Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, các căn bất định; khi mắt thấy sắc, theo đó khởi lên sắc tưởng, đuổi theo vạn mồi, bấy giờ nhãn căn không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể ngăn giữ các ác khắp nơi đến, lại cũng không thể giữ được nhãn căn. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân rõ trơn nhuyễn, ý biết pháp, theo đó khởi lên bệnh thức, đuổi theo vạn mồi, bấy giờ ý căn không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể chế ngự các ác khắp nơi đến, lại cũng không thể giữ được ý căn, không có oai nghi lễ tiết, bước lên, dừng lại, co duỗi, cúi ngược, khoác y, ôm bát, đều trái cấm giới,¹³ liền bị đồng phạm hạnh bắt gặp quở trách chỉ trích rằng: ‘Ồi, người ngu này giống như Sa-môn!’ Nó bị chỉ trích, hạch tội: ‘Nếu là Sa-môn đáng ra không nên như vậy!’ Nhưng nó tự nói: ‘Tôi là Sa-môn!’ Giống như con lừa vào trong bày trâu. Đó gọi là người giống lừa.

“Kia, sao gọi là giống bò? Có một người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ người kia các căn tịch định, ăn uống biết tiết chế, kinh hành cả ngày chưa từng lìa bỏ, ý nghĩ đến pháp ba mươi bảy đạo phẩm. Khi mắt thấy sắc, người ấy không khởi sắc tưởng, niệm cũng không dong ruổi. Bấy giờ nhãn căn thanh tịnh, sinh ra các tướng thiện, cũng có thể chế ngự không còn các thứ ác nữa, thường phòng hộ nhãn căn. Tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối trơn nhuyễn, ý đối [580a01] pháp, không khởi lên bệnh thức, bấy giờ ý căn thanh tịnh. Người kia liền đến chỗ các vị đồng phạm hạnh. Các vị đồng phạm hạnh từ xa trông thấy đến, ai cũng đều kêu lên: ‘Thiện lai, đồng học!’ Tùy thời cúng dường

¹³ Hán: chấp trì cấm giới 執持禁戒, đoạn văn bị nhảy sót. Y theo văn mạch trên, sửa lại.

không để thiếu. Giống như bò tốt vào trong đàn bò, mà tự xưng: ‘Hiện tại ta là bò.’ Vì lông, đuôi, tai, sừng, âm thanh của nó tất cả đều đúng là bò. Những con bò khác thấy đều đến liếm mình nó. Ở đây, cũng như vậy, người ấy cao bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bây giờ, các căn người ấy tịch định, ăn uống biết tiết chế, kinh hành cả ngày chưa từng lia bỏ, ý nghĩ đến pháp ba mươi bảy đạo phẩm. Khi mắt thấy sắc, không khởi sắc tưởng, niệm cũng không dong ruổi. Bây giờ nhãn căn được thanh tịnh, sinh ra các tướng thiện, cũng có thể chế ngự không còn các thứ ác nữa, thường ủng hộ nhãn căn. Tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối trơn nhuyễn, ý đối pháp, không khởi lên bệnh thức, bây giờ ý căn được đầy đủ. Người này gọi là giống bò.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học như bò, chớ giống như lừa. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bây giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về thiện hành, bất thiện hành. Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Xin vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Kia, sao gọi là bất thiện? Sao gọi là thiện? Sát sinh là bất thiện, không sát sinh là thiện. Không cho mà lấy là bất thiện, cho mới lấy là thiện. Dâm dật là bất thiện, không dâm dật là thiện. Nói dối là bất thiện, không nói dối là thiện. Nói thêu dệt là bất thiện, không nói thêu dệt là thiện. Hai lưỡi là bất thiện, không hai lưỡi là thiện. Loạn đấu kia đây là bất thiện, không loạn đấu kia đây là thiện. Tham của người là bất thiện, không tham của người là thiện. Khởi sân nhuế là bất thiện, không khởi sân nhuế là thiện. Tà kiến là bất thiện, chánh kiến là thiện. Như vậy, các Tỳ-kheo, hành những điều ác này sẽ đọa vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu người nào hành thiện sẽ sinh về cõi người, cõi trời, cùng các đường thiện trong A-tu-la.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy lìa xa ác hành, tu tập thiện hành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy [580b01] học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói pháp vi diệu cho các người, đầu thiện, giữa thiện, cho đến cuối cũng thiện, có nghĩa, có vị, tu các pháp phạm hạnh đầy đủ. Đó là hai pháp. Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói đầy đủ cho các người nghe.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn!”

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy xong, Thế Tôn bảo:

“Kia, sao gọi là hai pháp? Tà kiến, chánh kiến; tà tư duy*, chánh tư duy; tà ngữ, chánh ngữ; tà nghiệp, chánh nghiệp; tà mạng, chánh mạng; tà tinh tấn*, chánh tinh tấn; tà niệm, chánh niệm; tà tam-muội, chánh tam-muội. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là hai pháp. Nay Ta đã nói hai pháp này cho các người. Những điều cần làm, nay Như Lai đã chu toàn xong. Các người hãy khéo nhớ nghĩ, quán sát, phụng tụng chớ có lười mỏi. Hiện tại, nếu người nào không hành, sau này hối không kịp.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay, Ta sẽ nói về pháp đuốc sáng, cũng sẽ nói về nhân đưa đến nghiệp đạo đuốc sáng. Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Kia, sao gọi là đuốc sáng? Diệt tận tham dâm, sân nhuế, ngu si. Kia, sao gọi là nhân đưa đến nghiệp đạo đuốc sáng? Chánh

Tăng nhất A-hàm

kiến, chánh tư duy*, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm, chánh tam-muội. Đó là nhân đưa đến nghiệp đạo sáng. Ta cũng nhân đây, đã nói về đước sáng, cũng đã nói về nhân đưa đến nghiệp đạo đước sáng. Những việc cần làm, nay Như Lai đã chu toàn. Các người hãy khéo nhớ nghĩ, phúng tụng, chớ có lười biếng. Hiện tại nếu không hành, sau này hối không kịp.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai lực này. Thế nào là hai lực? Nhẫn lực, tư duy lực.¹⁴ Nếu Ta không có hai lực này, đã không thành Vô thượng, Chánh chơn, Đẳng chánh giác.

“Lại nữa, nếu không có hai lực này, [580c01] Ta đã không hề có sáu năm khổ hạnh ở xứ Ưu-lưu-tỳ, lại cũng không thể hàng phục ma oán, thành đạo Vô thượng Chánh chơn ngồi nơi đạo tràng. Vì Ta có nhẫn lực, tư duy lực này, nên mới có thể hàng phục chúng ma, thành đạo Vô thượng Chánh chơn ngồi nơi đạo tràng.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu hai lực này: nhẫn lực, tư duy lực, để thành đạo Tu-đà-hoàn, Tu-đà-

¹⁴ Cf. A. II. 2 (R. i. 52): *dvemāni balāni: paṭisaṃkhānabalañ ca bhāvanābalañ ca*, có hai lực: tư trạch lực và tu tập lực.

hàm, A-na-hàm, A-la-hán, ở vô dư Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này."

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật trú tại Bản sinh địa,¹⁵ nước Câu-thi-na-yết.¹⁶ Lúc ấy, Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng năm trăm chư thiên và, hai mươi tám đại quý thần vương đến chỗ Tôn giả A-na-luật. Đến nơi, họ đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, lại dùng kệ này tán thán A-na-luật:

*Quy mạng bậc trên người,
Đáng mọi người tôn kính;
Nay chúng tôi không biết,
Ngài đang trú thiên nào?*

Khi ấy, có bà-la-môn* tên Xà-bạt-tra¹⁷ là đệ tử của Phạm-ma-dụ¹⁸, lại đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bà-la-môn kia hỏi A-na-luật rằng:

¹⁵ Bản sở sinh xứ 本所生處, tức Lục sĩ Sinh xứ, hay Sinh địa (Pāli: Upavattana), quê hương của người Mạt-la (Malla), một bộ tộc, chủ nhân của Câu-thi-na (Pāli: Kusinārā), nơi Phật Niết-bàn. Sinh xứ (địa) hay Uapavattana cũng là tên gọi của khu rừng Sala, nơi Phật nhập Niết-bàn.

¹⁶ Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭國. Pāli: Kusinārā.

¹⁷ Xà-bạt-tra 闍拔吒. Xem cht. 18 tiếp theo dưới.

Tăng nhất A-hàm

“Xưa kia tôi sinh tại vương cung, chưa từng nghe mùi hương tự nhiên này. Có người nào đến nơi này? Là trời rồng quý thần, Nhân, phi Nhân?”

A-na-luật vovis ông bà-la-môn rằng:

“Mới đây có Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng năm trăm chư thiên, hai mươi tám đại quý thần vương vừa đến chỗ tôi, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, lại dùng kệ này tán thán tôi:

*Quy mạng bậc trên người,
Đáng mọi người tôn kính;
Nay chúng tôi không biết,
Ngài đang trú thiên nào?*

Bà-la-môn hỏi:

“Sao nay tôi không thấy bóng dáng họ? Thích, Phạm, Tứ thiên vương đang ở chỗ nào?”

A-na-luật đáp:

“Vi ông không có thiên nhãn cho nên không thấy Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng năm [581a01] trăm chư thiên, hai mươi tám đại quý thần vương.”

bà-la-môn hỏi:

“Nếu tôi được thiên nhãn, có thể thấy Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng năm trăm chư thiên, hai mươi tám đại quý thần vương không?”

A-na-luật đáp:

¹⁸ Phạm-ma-dụ 梵摩喻, xem *Trung* kinh 161: Phạm-ma 梵摩 (Pāli: Brahmāyu), người ở Di-tát-la (Pāli: Mithila). Ông có đệ tử là Ưu-đa-la 優多羅 (Pāli: Uttara). Cf Pāli, M. ii. 133. Brahmāyu-sutta.

“Nếu ông được thiên nhãn, ông có thể thấy Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng năm trăm chư thiên, hai mươi tám đại quý thần vương. Nhưng, này bà-la-môn, thiên nhãn này nào đủ để cho là lạ. Có Phạm thiên tên là Thiên Nhãn. Ông ấy thấy nghìn thế giới này. Như người có mắt tự xem mũi bầu của mình trong lòng bàn tay. Phạm thiên vương này cũng như vậy, thấy nghìn thế giới này không có chướng ngại. Nhưng vị Phạm thiên này không tự thấy y phục mặc trên người mình.”

Bà-la-môn hỏi:

“Vì sao Phạm thiên Thiên Nhãn không tự thấy đồ phục sức mang trên người mình?”

A-na-luật đáp:

“Vì vị Thiên kia không có con mắt trí tuệ vô thượng, nên không thể tự thấy đồ phục sức mang ở trên người mình.”

bà-la-môn hỏi:

“Nếu tôi được con mắt trí tuệ vô thượng, có thấy đồ phục sức mang trên thân này hay không?”

A-na-luật đáp:

“Nếu ông có thể được con mắt trí tuệ vô thượng, ông có thể thấy đồ phục sức mang trên thân mình.”

Bà-la-môn hỏi:

“Xin Tôn giả nói pháp cực diệu cho tôi nghe, để tôi đạt được mắt trí tuệ vô thượng.”

A-na-luật bảo:

“Ông có giới không?”

Bà-la-môn hỏi:

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào là giới?”

A-na-luật nói:

“Không tạo các tội, không phạm phi pháp.”

bà-la-môn thưa:

“Nếu giới như vậy, tôi kham vâng giữ giới này.”

A-na-luật nói:

“Này bà-la-môn, nay ông hãy giữ giới cấm không một mảy may khuyết thất, và cũng nên từ bỏ kết sử kiêu mạn, chớ chấp ngô, ngã, sinh tưởng đắm nhiễm.”

Lúc đó, bà-la-môn lại hỏi A-na-luật:

“Sao là ngô? Sao là ngã? Sao là kết sử kiêu mạn?”

A-na-luật nói:

“Ngô là thân thức. Ngã là đầy đủ hình thể.¹⁹ Ở trong đó khởi thức sinh ngô ngã, đó là kết kiêu mạn.

“Cho nên, này bà-la-môn, hãy tìm cầu phương tiện loại trừ các kết này. Này bà-la-môn, hãy học điều này như vậy.”

Bà-la-môn liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân A-na-luật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trên đường chưa đến nhà, ông tư duy về nghĩa này, tức thì các trần cấu sạch hết, được con mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, có vị trời xưa kia là bạn thân của bà-la-môn này, biết trong tâm của bà-la-môn mọi trần cấu đã được dứt sạch, được con mắt pháp [581b01] thanh tịnh. Vị trời kia lại đến chỗ Tôn

¹⁹ Có lẽ đây là lời diễn giải thêm của dịch giả chứ không phải trực tiếp dịch từ nguyên bản Phạn.

giả A-na-luật, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, liền dùng kệ này tán thán A-na-luật:

*Bà-la-môn chưa đến nhà,
Giữa đường được dấu đạo;
Trần cấu, pháp nhãn tịnh,
Không nghi, không do dự.*

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật dùng kệ báo vị trời kia:

*Ta trước quán tâm kia,
Trung gian ứng dấu đạo;
Kia, thời Phật Ca-diếp,
Từng nghe dạy pháp này.*

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật rời khỏi nơi ấy, du hành trong Nhân gian, lần hồi đến chỗ Thế Tôn. Đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Thế Tôn dùng pháp ngữ dạy A-na-luật đầy đủ. A-na-luật sau khi thọ trì lời Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi thôi lui.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đệ tử trong hàng Thanh văn của Ta, người được thiên nhãn đệ nhất, đó chính là Tỳ-kheo A-na-luật.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la²⁰, phụng trì giới cấm, không điều vi phạm, tội nhỏ còn tránh huống là lớn; nhưng tâm không giải thoát khỏi hữu lậu. Bấy giờ các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo La-hầu-la phụng trì giới cấm, không điều vi phạm; nhưng tâm không giải thoát khỏi hữu lậu.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Pháp giới cấm đầy đủ;
Các căn cũng thành tựu;
Dần dần sẽ đạt được,
Sạch hết cả kết sử.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy luôn nhớ nghĩ tu tập chánh pháp không có sơ sót. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Nan-đà, Niết-bàn, quạ,
Lừa, bất thiện có hai,
Xúc, và nhãn tư duy,
bà-la-môn và La-hầu-la.*

²⁰ Nguyên trong bản: La-vân 羅雲.

17. PHẨM AN-BAN

KINH SỐ 1¹

[581b15] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đã đến giờ, Thế Tôn đắp y ôm bát, dẫn La-hầu-la² vào thành Xá-vệ để khát thực³. Khi ấy Thế Tôn quay qua bên phải bảo La-hầu-la:

“Ngươi nay hãy quán sắc là vô thường.”

La-hầu-la thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn, sắc là vô thường.”

Thế Tôn bảo:

“Này La-hầu-la, thọ*, tướng, hành, thức đều là vô thường.”

La-hầu-la thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn, thọ, tướng, hành, thức đều là vô thường.”

Khi ấy, Tôn giả La-hầu-la lại tự nghĩ: “Ồ đây có nhân duyên gì, hôm nay mới đi vào thành để khát thực, đang trên đường đi, có sao Thế Tôn trực tiếp dạy dỗ ta? Bây giờ ta hãy trở về trú xứ, không nên vào thành khát thực.”

¹ Tham chiếu Pāli, M. 62. Rāhulovāda (R i. 421).

² La-vân 羅雲. Pāli: Rāhula.

³ Phân-vệ 分衛. Pāli: *piṇḍapāta*.

Tăng nhất A-hàm

Khi ấy, Tôn giả La-hầu-la, đang giữa đường liền trở về tinh xá Kỳ-hoàn, cầm y bát đến dưới một bóng cây, chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, chuyên tinh nhất tâm suy niệm sắc vô thường; suy niệm thọ*, tưởng, hành, thức vô thường.

Bấy giờ, Thế Tôn khát thực ở thành Vương-xá xong. Sau khi ăn rồi, một mình kinh hành tại tinh xá Kỳ-hoàn, lần hồi đến chỗ La-hầu-la. Đến đó rồi, Phật bảo La-hầu-la rằng:

“Ngươi hãy tu hành pháp an-ban⁴. Tu hành pháp này, có tâm tưởng sâu ưu đều sẽ trừ diệt hết. Nay ngươi lại nên tu hành tưởng bất tịnh ghê tởm, nếu có tham dục, thì sẽ trừ diệt hết. Nay La-hầu-la, nay ngươi phải tu hành từ tâm. Đã hành từ tâm rồi, nếu có sân nhuế, thì sẽ trừ diệt hết. Nay La-hầu-la, nay ngươi phải tu, hành bi tâm. Đã hành bi tâm rồi, nếu có tâm hại, thì sẽ trừ diệt hết. Nay La-hầu-la, nay ngươi phải tu hành hỷ tâm. Đã hành hỷ tâm rồi, nếu có tâm tật đố, thì sẽ trừ diệt hết. Nay La-hầu-la, nay ngươi phải tu hành tâm xả.⁵ Đã hành tâm xả* rồi, nếu có kiêu mạn, thì sẽ trừ diệt hết.”

Bấy giờ, Thế Tôn hướng về La-hầu-la, liền nói kệ này:

*Chớ luôn khởi tưởng đắ,
Thường phải y thuận pháp.
Người hiền trí như vậy,
Danh đồn vang khắp nơi.*

*Cầm đuốc sáng cho người,
Phá màn vô minh lớn;
Trời, rộng thả phụng kính,
Tôn thờ bậc sư trưởng.*

Lúc ấy Tỳ-kheo La-hầu-la dùng kệ này thưa Thế Tôn rằng:

⁴ An-ban 安般. Pāli: *ānāpāna*, hơi thở ra vào.

⁵ Nguyên Hán: hộ tâm 護心.

*Con không khởi tướng đấm,
Hàng tùy thuận theo pháp.
[582a01] Người hiền trí như vậy
Kính thờ là sư trưởng.*

Sau khi Thế Tôn dạy bảo xong, trở về tịnh thất. Lúc ấy, Tôn giả La-hầu-la lại tự nghĩ: “Tu hành an-ban như thế nào để trừ bỏ sầu ưu, không có các tướng?” Rồi La-hầu-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi rồi, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Ngay sau đó, ngồi lui, bạch Thế Tôn rằng:

“Tu hành an-ban như thế nào để trừ bỏ sầu ưu, không có các tướng, được quả báo lớn, được vị cam lồ?”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, La-hầu-la! Người có thể ở trước Như Lai rống tiếng rống sư tử hỏi mà hỏi nghĩa này: ‘Tu hành an-ban như thế nào để trừ bỏ sầu ưu, không có các tướng, được quả báo lớn, được vị cam lồ?’ Nay La-hầu-la, nay người hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nói đầy đủ cho người.’”

Thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Tôn giả La-hầu-la vâng lời dạy từ Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

“Này La-hầu-la, ở đây Tỳ-kheo ưa thích ở nơi vắng vẻ không người, chánh thân chánh ý, ngồi kiết già, không có niệm khác, buộc ý trên chóp mũi. Thở ra dài, biết hơi thở dài. Thở vào dài, cũng biết hơi thở dài. Thở ra ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Thở vào ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Hơi thở ra lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. Hơi thở vào lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. Hơi thở ra ấm, cũng biết hơi thở ấm. Hơi thở vào ấm, cũng biết hơi thở

âm. Quán toàn thân, hơi thở vào, hơi thở ra; thấy đều biết rõ. Có lúc có hơi thở, cũng lại biết là có. Có lúc không có hơi thở, cũng lại biết là không. Hoặc hơi thở từ tâm ra,⁶ cũng lại biết từ tâm ra; hoặc hơi thở từ tâm vào*, cũng lại biết từ tâm vào.

“Nhu vậy, La-hầu-la, ai tu hành an-ban, sẽ không có tướng sâu u, não loạn, được quả báo lớn, được vị cam lồ.”

Sau khi nghe Thế Tôn nói pháp vi diệu đầy đủ xong, La-hầu-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi, rồi đi. Đến dưới một bóng cây trong rừng An-đà⁷, chánh thân, chánh ý ngồi kiết già, không có một niệm nào khác, buộc tâm trên chóp mũi. Thở ra dài, biết hơi thở dài. Thở vào dài, cũng biết hơi thở dài. Thở ra ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Thở vào ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Hơi thở ra lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. Hơi thở vào lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. [582b01] Hơi thở ra ấm, cũng biết hơi thở ấm. Hơi thở vào ấm, cũng biết hơi thở ấm. Quán toàn thân, hơi thở vào, hơi thở ra; thấy đều biết rõ. Có lúc có hơi thở, cũng lại biết là có. Có lúc không có hơi thở, cũng lại biết là không. Hoặc hơi thở từ tâm ra, cũng lại biết từ tâm ra; hoặc hơi thở từ tâm vào*, cũng lại biết từ tâm vào.

Bấy giờ, La-hầu-la tư duy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục,⁸ không còn các thứ ác, có tâm, có tứ,⁹ có hỷ lạc do viễn ly

⁶ Tức từng tâm xuất 息從心出, Hán dịch mơ hồ. Tất nhiên đây không có nghĩa từ trái tim. Tham chiếu Pāli: *cittapaṭisaṃvedī assasissāmi*, với cảm giác nhận biết tâm, tôi sẽ thở ra.

⁷ An-đà viên 安陀園. Pāli: Anḍavana. Cf. M. 147 Cūla-Rāhulovāda-sutta.

⁸ Đây chỉ ly dục của sơ thiền, trừ ngũ dục của dục giới, không phải ly dục vô lậu của A-la-hán. Xem kinh 1 phẩm 12 trên.

⁹ Hữu giác hữu quán, về sơ thiền cho đến tứ thiền, định cú, và các cht, liên hệ, xem Phẩm 12, kinh 1, từ cht. 42 và tiếp.

sinh,¹⁰ chứng và an trú¹¹ sơ thiền. Tâm từ đã dứt,¹² nội tâm tịch tĩnh,¹³ chuyên tinh nhất tâm¹⁴; không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sinh,¹⁵ chứng nhập và an trú* nhị thiền. Lìa hỷ, an trú xả,¹⁶ giác tri thân lạc, điều mà các Hiền thánh nói, xả, niệm, an trú lạc,¹⁷ chứng nhập và an trú an trú* tam thiền. Khổ và lạc kia đã diệt, ưu hỷ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc; xả, niệm thanh tịnh,¹⁸ chứng nhập và an trú* tứ thiền.

Với tâm tam-muội¹⁹ này, thanh tịnh không bụi nhơ, thân thể nhu nhuyễn,²⁰ La-hầu-la biết mình từ đâu đến, nhớ những việc đã làm trước kia, tự biết đời trước, những việc trong vô số kiếp trước; cũng biết một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, nghìn đời, vạn đời, hàng nghìn vạn đời, kiếp thành, kiếp bại, vô số kiếp thành, vô số kiếp bại, ức năm không thể kể xiết: Ta đã từng sinh nơi kia, tên gì, họ gì, ăn thức ăn

¹⁰ Hán: niệm trì hỷ an 念持喜安. Trên kia, kinh 1 phẩm 12, Hán dịch: hữu ý niệm lạc 有猗念樂.

¹¹ Hán: du 遊. Nơi khác dịch: tự ngu lạc; hiểu là an trú. Pāli: *vihāraṭi*.

¹² Trạng thái không tầm (giác) không tứ (quán) của thiền thứ hai.

¹³ Nên hiểu là nội đẳng tịnh. Xem cht. 42-50 kinh 1 phẩm 12 trên.

¹⁴ Nên hiểu là tâm nhất cảnh tính. Xem cht.42-50 kinh 1 phẩm 12 trên.

¹⁵ Nên hiểu là định sinh hỷ lạc, tức trạng thái hỷ lạc phát sinh bởi định.

¹⁶ Trên kia, ibid., Hán dịch: xả ư niệm, tu ư hộ 捨於念。修於護. Nên hiểu là “lìa hỷ, trụ xả.” Vì thiền thứ ba được nói là “lìa hỷ diệu lạc địa. Xem cht.42-50 kinh 1 phẩm 12 trên.

¹⁷ Hán: hộ niệm hỷ 護喜念. Nên hiểu là an trú lạc với niệm và xả.

¹⁸ Nên hiểu là xả và niệm thanh tịnh. Xem cht. 42-50 kinh 1 phẩm 12 trên.

¹⁹ Hán: tam-muội tâm 三昧。心; chỉ tâm định tĩnh do chứng tứ thiền; y tâm này mà chứng tam minh. Lưu ý ngắt chữ không đúng trong đề bản. Pāli, định cú: *so evaṃ samāhite citte parisuddhe...*

²⁰ Bản Hán có thể nhầm do gán hình dung từ không đúng với chủ từ. Nên hiểu, với tâm định tĩnh, thanh tịnh..., (và) nhu nhuyễn. Pāli: *so evaṃ samāhite citte parisuddhe...mudubhūte...*

Tăng nhất A-hàm

như vậy, hưởng khổ vui như vậy, thọ mạng dài ngắn, chết kia sinh đây, chết đây sinh kia.

Với tâm tam-muội này,* thanh tịnh không tì vết, La-hầu-la cũng không còn các kết, cũng biết chỗ khởi của tâm chúng sanh. Bằng thiên nhãn thanh tịnh không tì vết, La-hầu-la quán biết như thật các loài chúng sanh, người sống, kẻ chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ, hoặc tốt, hoặc xấu, điều đã làm, điều đã tạo. Hoặc có chúng sanh thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thường hành tà kiến, tạo hạnh tà kiến, thân hoại mạng chung. sinh vào địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, thường hành chánh kiến, tạo hạnh chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh lên trời cõi thiện. Đó gọi là thiên nhãn thanh tịnh không tì vết, quán biết như thật các loài chúng sanh, người sống, kẻ chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ, hoặc tốt, hoặc xấu, điều đã làm, điều đã tạo.

Rồi lai vận dụng ý, thành tâm vô lậu. La-hầu-la lại quán biết như thật đây là khổ; lại quán biết như thật đây là tập khởi của khổ, cũng quán biết như thật đây là [582c01] sự diệt tận khổ, cũng quán biết như thật đây là xuất yếu của khổ. La-hầu-la quán biết như thật như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu; được giải thoát khỏi hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát, nên liền được trí giải thoát, biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau. Bây giờ, Tôn giả La-hầu-la thành A-la-hán.

Sau khi Tôn giả La-hầu-la thành A-la-hán rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, bạch Thế Tôn rằng:

“Sở cầu của con đã đạt được, các lậu đã tận trừ.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong những vị đắc A-la-hán, không có ai bằng La-hầu-la. Luận về người mà các hữu lậu đã dứt cũng là Tỳ-kheo La-hầu-la. Luận về người trì giới cấm cũng là Tỳ-kheo La-hầu-la. Vì sao vậy? Vì chư Như Lai Đẳng Chánh giác đời quá khứ cũng có Tỳ-kheo La-hầu-la này. Muốn nói con Phật cũng là Tỳ-kheo La-hầu-la, đích thân từ Phật sinh, là người thừa tự pháp.”

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử bậc nhất trì giới cấm chính là Tỳ-kheo La-hầu-la.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Pháp cấm giới đầy đủ,
Các căn cũng thành tựu;
Dần dần sẽ cũng được,
Sạch tất cả kết sử.*

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ²¹

KINH SỐ 2²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai con người xuất hiện ở đời, thật là khó có được. Hai người ấy là ai? Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, thật là khó có được, và Chuyển luân Thánh vương xuất

²¹ Bản Hán, hết quyển 7.

²² Tham chiếu Pāli, A. II. 6. 2 (R.i. 77)

Tăng nhất A-hàm

hiện ở [583a01] đời thật là khó có được. Hai người này xuất hiện ở đời thật là khó có được...”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai con người xuất hiện ở đời, thật là khó có được. Hai người ấy là ai? Bích-chi-phật xuất hiện ở đời, thật là khó có được, và A-la-hán lậu tận đệ tử của Như Lai, xuất hiện ở đời, thật là khó có được. Đây các Tỳ-kheo, đó gọi là hai người này xuất hiện ở đời thật là khó có được.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này ở thế gian thật là phiền não. Hai pháp gì? Tạo các gốc rễ ác, khởi lên các oán thù; và lại không tạo hạnh lành, gốc của các đức. Đây các Tỳ-kheo, đó gọi là hai pháp thật là phiền não.

²³ Tham chiếu A. II. 6.5.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy giác tri pháp phiền não này, và cũng nên giác tri pháp không phiền não. Các pháp phiền não thì hãy đoạn trừ, pháp không phiền não, thì nên tu hành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tà kiến, mà chúng sanh suy niệm, hướng đến, cùng các hành khác, tất cả đều không có gì đáng quý, là những điều mà người thế gian không đáng ham thích. Vì sao vậy? Vì tà kiến này là bất thiện. Giống như những hạt quả đắng, nghĩa là những hạt quả đắng, hạt rau đắng, hạt rau đay, hạt tất-địa bàn-trì,²⁴ cùng các loại hạt đắng khác, mà đem những loại hạt này trồng nơi đất tốt, sau đó sẽ sinh ra mầm cũng đắng như xưa. Vì sao vậy? Vì những hạt này vốn đã đắng. Ở đây, tà kiến chúng sanh cũng lại như vậy. Những gì được làm bởi thân hành, khẩu hành, ý hành, những gì hướng đến, những gì nghĩ đến, cùng các hành ác khác, tất cả đều không đáng quý, là những điều mà người thế gian không ham thích. Vì sao vậy? Vì tà kiến ác này là bất thiện.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy [583b01] trừ tà kiến, tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

²⁴ Tất-địa-bàn-trì 畢地槃持. Không rõ loại cây gì. Các hạt giống đắng thường được kể trong Pāli: *nimba*, *kosātaki*, *tittikālabu* (A. i. tr. 32).

Tăng nhất A-hàm

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chánh kiến, mà chúng sanh nghĩ đến, hướng đến, cùng các hành khác, tất cả đều đáng quý kính, là những điều mà người thế gian đáng ham thích. Vì sao vậy? Vì tà kiến này là diệu. Giống như những quả ngọt, như mía, quả bồ-đào, cùng tất cả những quả ngon ngọt khác, có người sửa sang đất tốt đem trồng chúng, sau đó sẽ sinh ra con, tất cả đều ngon ngọt, khiến người ham thích. Vì sao vậy? Vì những hạt quả này vốn đã ngon ngọt. Ở đây chánh kiến chúng sanh cũng lại như vậy. Những gì được nghĩ đến, hướng đến, cùng các hành khác, tất cả đều đáng quý kính, là những điều mà người thế gian đáng ham thích. Vì sao vậy? Vì tà kiến này là diệu.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở nơi vắng vẻ, một mình tư duy, nảy sinh ý niệm này: “Có những chúng sanh khơi dậy

tưởng ái dục, liền sinh dục ái, rồi tập hành ngày đêm không hề nhàm chán.” Bấy giờ vào buổi chiều, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, khoác y, sửa lại y phục, đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi rồi, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Con ở nơi vắng vẻ phát sinh ý nghĩ này: ‘Có những chúng sanh khơi dậy tưởng ái dục, liền sinh dục ái, rồi tập hành ngày đêm không hề nhàm chán.’”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, A-nan, như những gì người đã nói: ‘Có những chúng sanh khơi dậy tưởng ái dục, liền sinh dục ái, rồi tập hành ngày đêm không hề nhàm chán.’ Vì sao vậy? Nay A-nan, vào thời quá khứ xa xưa có Chuyển luân Thánh vương tên là Đảnh Sanh,²⁵ dùng pháp mà trị hóa, không có gian dối, thành tựu bảy báu. Bảy báu là: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, điện binh báu. Đó là bảy báu. Lại có nghìn người con dũng mãnh cường tráng, có thể hàng phục các kẻ ác; thống lãnh bốn thiên hạ mà không cần đao [583c01] trượng. A-nan, nên biết, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh phát sinh ý niệm này: ‘Nay ta có đất Diêm-phù-đề này, dân chúng đông đúc, các loại trân báu nhiều. Ta cũng đã nghe các vị trưởng lão kỳ cựu nói, phía Tây có nước Cù-da-ni, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo rất nhiều. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia.

“Nay A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh mới nảy sinh ý nghĩ này: ‘Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Diêm-phù, đi qua nước Cù-da-ni.’ Lúc đó người dân nước kia thấy Thánh vương đến, tất cả đều ra trước nghênh đón, quỳ lễ thờ thăm: ‘Thiện lai!

²⁵ Đảnh Sanh 頂生. Pāli: Mandhātā. Truyện kể tương tự, xem *Trung*, kinh 60: Tứ châu.

Đại vương! Nay Nhân dân nước Cù-da-ni này đông đúc, nguyện xin Thánh vương nên ở đây cai trị giáo hóa Nhân dân, khiến theo giáo lệnh như pháp.’

“Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh liền thống lãnh Nhân dân ở nước Cù-da-ni trải qua hàng trăm nghìn năm. Rồi thì, Thánh vương Đảnh sanh tự nghĩ như vậy: ‘Ta có Diêm-phù-đề, Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gối. Nay cũng lại có Cù-da-ni này, Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Ta cũng từng nghe các trưởng lão nói, còn có Phát-vu-đãi, Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia, dùng pháp mà trị hóa.’

“Này A-nan, bấy giờ, Thánh vương Đảnh Sanh mới nảy sinh ý nghĩ này: ‘Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Cù-da-ni, đi qua nước Phát-vu-đãi.’ Lúc đó người dân nước kia thấy Thánh vương đến, tất cả đều ra trước nghinh đón, quỳ lễ thời thăm, khác miệng nhưng đồng thanh nói như vậy: ‘Thiện lai! Đại vương! Nay Nhân dân nước Phát-vu-đãi này đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, nguyện xin Đại vương nên ở đây cai trị giáo hóa Nhân dân, khiến theo giáo lệnh như pháp.

“Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh liền thống lãnh Nhân dân ở nước Phát-vu-đãi trải qua hàng trăm nghìn vạn năm. Rồi thì, Thánh vương Đảnh sanh tự nghĩ như vậy: ‘Ta ở Diêm-phù-đề, Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gối. Nay cũng lại có Cù-da-ni này, Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Nay cũng lại có Phát-vu-đãi này Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Ta cũng từng nghe các trưởng lão nói còn có Uất-đơn-việt, Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, việc làm tự do, không cần cất giữ, tuổi thọ không bị yểu, tuổi thọ chính

là nghìn tuổi. Hết tuổi thọ ở đây [584a02] sẽ sinh lên trời, không đọa vào đường khác, mặc áo kiếp-ba-dục,²⁶ ăn loại lúa gạo tự nhiên. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia, dùng pháp mà trị hóa.

“Này A-nan, bây giờ, Thánh vương Đảnh sanh mới nảy sinh ý nghĩ này: ‘Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Phát-vu-đãi, đi qua nước Uất-đơn-việt.’ Từ xa nhìn thấy đất kia màu xanh rậm rạp. Thấy rồi, liền hỏi quần thần tả hữu rằng: Các người có thấy khắp cả đất này một màu xanh rậm rạp chăng?”

“Đáp rằng: Vâng, chúng tôi thấy.

“Vua bảo quần thần rằng: Cỏ ở đây mềm mại, mịn như thiên y không khác. Chư hiền ở đây thường ngồi nơi này.

“Đi về phía trước một tí nữa, từ xa nhìn thấy đất này màu vàng rực rỡ, vua liền hỏi quần thần rằng: Các người có thấy khắp cả đất này màu vàng rực rỡ không?”

“Đáp rằng: Chúng tôi đều thấy vậy.

“Đại vương nói: Đây gọi là lúa tự nhiên. Chư hiền ở đây thường ăn thức ăn này. Hiện tại các khanh cũng sẽ ăn lúa gạo này.

“Bây giờ, Thánh vương tiến về phía trước một tí nữa, lại thấy khắp cả đất kia đều bằng phẳng, từ xa nhìn thấy đài cao nổi lên một cách đặc biệt. Lại bảo quần thần: Các người có nhìn khắp đất này đất đai bằng phẳng không?”

“Đáp rằng: Thưa vâng, chúng tôi đều thấy vậy.

“Đại vương bảo rằng: Đó gọi áo cây kiếp-ba-dục*, các người cũng sẽ mặc áo cây này.

²⁶ Kiếp-ba-dục 劫波育. Pāli: *kappāsika*, được làm bằng bông gòn.

Tăng nhất A-hàm

“Này A-nan, bấy giờ Nhân dân nước kia thấy Đại vương đến, đều tiến lên phía trước nghinh đón, quỳ lễ thưa hỏi, nhiều tiếng cùng vang lên: ‘Thiện lai, Thánh vương! Dân chúng nước Uất-đơn-việt này đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, nguyện xin Đại vương nên ở đây cai trị giáo hóa Nhân dân khiến theo giáo lệnh như pháp.’

“Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh liền thống lãnh Nhân dân ở Uất-đơn-việt, trải qua trăm nghìn vạn năm. Rồi thì, Thánh vương Đảnh Sanh lại sinh ý nghĩ này: ‘Nay ta có đất Diêm-phù, Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gối. Nay cũng lại có Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cùng Uất-đơn-việt này, Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Ta cũng từng nghe các trưởng lão nói, còn có trời Tam thập tam thiên khoái lạc không đâu bằng, tuổi thọ rất lâu, y thực tự nhiên, ngọc nữ vây quanh không thể kể xiết. Nay ta nên đến thống lãnh thiên cung kia, dùng pháp mà trị hóa.’

“Này A-nan! Bấy giờ, Thánh vương Đảnh sanh mới nảy sinh ý nghĩ này: ‘Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Uất-đơn-việt, [584b02] đi lên Tam thập tam thiên. Lúc ấy, Thiên đế Thích từ xa trông thấy Thánh vương Đảnh Sanh đến, liền nói như vậy: ‘Thiện lai, Đại vương! Xin đến ngôi đây.’

“Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh cùng Thích Đê-hoàn Nhân ngồi một chỗ. Cả hai cùng ngồi, không thể phân biệt được, từ tướng mạo, cử động, cho đến âm vang lời nói, chỉ là một không khác.

“Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh ở đó trải qua hàng nghìn trăm năm, rồi nảy sinh ý niệm này: ‘Nay ta có đất Diêm-phù này, Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều,

cũng có mưa bảy báu ngập đến gối, cũng có Cù-da-ni, cũng lại có Phát-vu-đài, cũng lại có Uất-đơn-việt này, Nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Nay ta lại đến Tam thập tam thiên, bây giờ, ta phải hại Thiên đế Thích này, để ở đây một mình làm Vua chư thiên.’

“Này A-nan, bây giờ, Thánh vương Đảnh sanh vừa này sinh ý niệm này, liền từ trên chỗ ngồi tự đọa xuống đến đất Diêm-phù, cùng với bốn bộ binh, tất cả đều rơi xuống. Lúc này, bánh xe báu cũng mất, không biết ở đâu? Voi báu, ngựa báu chết cùng lúc, châu báu thì tự mất; ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu, chúng đều mạng chung. Bây giờ, Thánh vương Đảnh Sanh thân mắc bệnh nặng, tông tộc, thân quyến, tất cả đều vân tập thăm hỏi bệnh vua: Thế nào, Đại vương, giả sử sau khi đại vương mệnh chung, có người đến hỏi điều này: ‘Lúc đại vương Đảnh Sanh mệnh chung, có dạy lời nào không?’ Nếu có ai hỏi như vậy, thì nên trả lời thế nào?”

“Thánh vương Đảnh Sanh đáp: Nếu giả sử ta mệnh chung; sau khi ta mệnh chung nếu có người hỏi thì nên đáp như vậy: ‘Vua Đảnh Sanh thống lãnh bốn châu thiên hạ không biết đủ và nhàm tởm, lại đến Tam thập tam thiên, ở tại đó trải qua hàng trăm nghìn năm, mà ý còn sinh tham, muốn hại Thiên đế, nên tự đọa lạc, liền nhận lấy cái chết.’

“Này A-nan, trong lòng ngươi chớ hồ nghi: Vua Đảnh Sanh bây giờ là ai vậy? Chớ có quán sát như vậy! Vì sao vậy? Vì vua Đảnh Sanh lúc đó chính là thân Ta. Bây giờ, Ta lãnh bốn châu thiên hạ, cùng đến Tam thập tam thiên ở trong ngũ dục mà không biết đủ và nhàm tởm.

“Này A-nan, hãy bằng phương tiện này chúng biết nơi mà tâm tham dục hưng khởi hướng đến, niệm tưởng càng tăng gấp bội,

Tăng nhất A-hàm

ở trong ái dục mà không biết đủ và nhờm tởm. Muốn cầu biết đủ và nhờm tởm, thì phải cầu từ trong trí tuệ Thánh hiền.”

Bấy giờ, [584c01] Thế Tôn ở giữa đại chúng, liền nói kệ này:

*Tham, dâm như mưa mùa,
Vớ dục không biết đủ;
Vui ít mà khổ nhiều,
Những điều người trí bỏ.*

*Giả sử hưởng dục trời,
Vui hưởng với ngũ nhạc;
Không bằng đoạn tâm ái,
Là đệ tử Chánh giác.*

*Tham dục dài ức kiếp,
Phước hết trở lại ngục;
Hưởng lạc há bao lâu,
Liền chịu khổ địa ngục.*

“Cho nên, này A-nan, hãy bằng phương tiện này để biết dục mà từ bỏ dục, vĩnh viễn không khởi tưởng²⁷ này. Hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có bà-la-môn Sanh Lậu²⁸ đến chỗ Thế

²⁷ Hán: bắt khởi kỳ tưởng 不起其世間想. Nơi khác nói: bắt hưng (khởi) thế gian tưởng. Pāli, định cú: *na kiñci loke upādiyati*, không còn chấp thủ bất cứ gì trên thế gian.

²⁸ Sanh Lậu 生漏; xem Phẩm 6 kinh 2.

Tôn, cùng nhau hỏi thăm, rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn Sanh lậu bạch Thế Tôn:

“Nên xem người ác tri thức như thế nào?”²⁹

Thế Tôn bảo:

“Nên xem như xem trăng.”

Bà-la-môn hỏi:

“Nên xem thiện tri thức như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Nên xem như xem trăng.”

Bà-la-môn hỏi:

“Những gì Sa-môn Cù-đàm nói hôm nay chỉ lược nói cốt yếu, chứ chưa giải rộng nghĩa, nguyện xin Cù-đàm nói rộng hết nghĩa khiến cho người chưa hiểu được hiểu.”

Thế Tôn bảo:

“Này Bà-la-môn, hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà diễn rộng nghĩa này.”

Bà-la-môn thưa:

“Xin vâng, thưa Cù-đàm!”

Bà-la-môn Sanh Lậu vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Này Bà-la-môn, giống như trăng cuối tháng, ngày đêm xoay vần, nó chỉ có giảm chứ không có đầy. Vì nó tổn giảm, hoặc có khi trăng không hiện nên không có ai thấy. Này Bà-la-môn, ở đây cũng vậy, như ác tri thức, trải qua ngày đêm, dần dần

²⁹ Xem Trung 36 (T2n125, tr. 584c12).

Tăng nhất A-hàm

không có tín, không có giới, không có văn, không có thí, không có trí tuệ. Lúc đó ác tri thức kia thân hoại mạng chung, sanh vào trong địa ngục. Cho nên, Bà-la-môn, nay Ta nói người ác tri thức này giống như mặt trăng cuối tháng.

“Này Bà-la-môn, giống như mặt trăng đầu tháng, trải qua ngày đêm, ánh sáng dần tăng lên, từ từ tròn đầy, [585a01] cho đến ngày mười lăm là sung mãn đầy đủ, tất cả chúng sanh không ai là không thấy. Này Bà-la-môn, cũng vậy, như thiện tri thức, trải qua ngày đêm, tăng trưởng tín, giới, văn, thí, trí tuệ. Vì họ nhờ tăng trưởng tín, giới, văn, thí, trí tuệ, nên thiện tri thức lúc bấy giờ thân hoại mạng chung, sinh lên trời, cõi lành. Cho nên, Bà-la-môn, nay Ta nói chỗ hướng đến của người thiện tri thức này, giống như mặt trăng tròn đầy.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Như người có tham dục,
Sân nhuế, si không hết;
Với thiện có giảm dần,
Như trăng đang thời khuyết.*

*Như người không tham dục,
Sân nhuế, si cũng hết;
Với thiện có tăng dần,
Giống như trăng tròn đầy.*

“Cho nên, Bà-la-môn, hãy học như trăng đầu tháng.”

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

“Lành thay, Cù-đàm, giống như người gù được thẳng, người tối được sáng, người mê thấy đường, nơi tối tăm được thấp sáng. Ở đây cũng như vậy, Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện vì con mà nói pháp. Nay con tự quy y Thế Tôn, Pháp, cùng

chúng Tăng. Từ nay cho phép con làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh.”

Sanh Lậu sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về pháp thiện tri thức, cũng sẽ nói về pháp ác tri thức. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, thưa Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Kia, sao gọi là pháp ác tri thức? Nay Tỳ-kheo, ở đây người ác tri thức tự sinh tâm niệm này: ‘Ta thuộc dòng hào tộc xuất gia học đạo. Các Tỳ-kheo khác thuộc dòng ti tiện xuất gia.’ Ý vào dòng họ mình mong chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

“Lại nữa, người ác tri thức tự sinh tâm niệm này: ‘Ta rất siêng năng phụng hành chánh pháp. Các Tỳ-kheo khác thì không siêng năng trì giới.’ Lại dùng nghĩa này chê bai người khác mà tự cống cao. Đó gọi là pháp ác tri thức.

“Lại nữa, người ác tri thức lại tự nghĩ: ‘Ta thành tựu tam-muội, các Tỳ-kheo khác không có tam-muội, tâm [585b01] ý thác loạn không nhất định.’ Người ấy ý vào tam-muội này thường tự cống cao chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

“Lại nữa, người ác tri thức lại tự nghĩ: ‘Ta trí tuệ bậc nhất. Ở đây các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ.’ Người ấy ý vào trí tuệ này mà tự cống cao hủy báng người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

“Lại nữa, người ác tri thức lại tự nghĩ: ‘Hiện tại ta thường được thức ăn, giường mềm, ngựa cưỡi, thuốc thang trị bệnh. Ở đây, các Tỳ-kheo khác không được các vật cúng dường này.’ Người này ý vào vật cúng dường này mà tự cống cao, chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là người ác tri thức, hành tà nghiệp này.

“Kia, sao gọi là pháp thiện tri thức? Này Tỳ-kheo, ở đây người thiện tri thức không tự nghĩ: ‘Ta sinh thuộc dòng hào tộc. Ở đây các Tỳ-kheo khác không phải là dòng hào tộc.’ Vì thân mình cùng người không có khác. Đó gọi là pháp thiện tri thức.

“Lại nữa, người thiện tri thức không tự nghĩ: ‘Nay ta tri giới. Ở đây các Tỳ-kheo khác không tri giới hạnh,’ Vì thân mình cùng họ không có thêm bớt. Tuy người ấy nương vào giới này, nhưng không tự cống cao, không chê bai người khác. Đó gọi là pháp thiện tri thức.

“Lại nữa, người thiện tri thức lại không tự nghĩ: ‘Ta thành tựu tam-muội. Ở đây các Tỳ-kheo khác ý loạn không định.’ Vì thân mình cùng người không thêm bớt. Người ấy tuy nương vào tam-muội này, nhưng không tự cống cao, cũng không chê bai người khác. Đó gọi là pháp thiện tri thức.

“Lại nữa Tỳ-kheo, người thiện tri thức cũng không tự nghĩ: ‘Ta thành tựu trí tuệ. Ở đây các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ. Vì thân mình cùng người cũng không thêm bớt. Người ấy tuy

nương vào trí tuệ này, nhưng không tự cống cao, cũng không chê bai người khác. Đây Tỳ-kheo đó gọi là pháp thiện tri thức.

“Lại nữa Tỳ-kheo, người thiện tri thức không tự nghĩ: ‘Ta có thể được y phục, đồ ăn thức uống, giường mền, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Ở đây các Tỳ-kheo khác không thể được y phục, đồ ăn thức uống, giường mền, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh.’ Vì thân mình cùng người cũng không thêm bớt. Người ấy tuy nương vào những lợi dưỡng này, nhưng không tự cống cao, cũng không chê bai người. Đây Tỳ-kheo, đó gọi là pháp thiện tri thức.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta phân biệt cho các người pháp ác tri thức, cũng nói cho các người pháp thiện tri thức. Cho nên, [585c01] này các Tỳ-kheo, hãy tránh xa pháp ác tri thức, và nhớ hãy cùng tu hành pháp thiện tri thức. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Ni-câu-lưu,³⁰ của Thích-sí,³¹ cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, có năm trăm người quý tộc thuộc dòng họ Thích ở trong nước, có điều muốn bàn

³⁰ Ni-câu-lưu viên 尼拘留園; vườn cây đa, ở ngoài thành Ca-tỳ-la-vệ (Pl. Kapilavatthu). Pāli: Nigrdhārāma.

³¹ Thích-sí 釋翅, phiên âm: giữa những người họ Thích. Pāli: Sakkesu.

Tăng nhất A-hàm

luận nên tập họp tại giảng đường Phổ nghĩa.³² Lúc ấy, Bà-la-môn Thế Điển³³ đến chỗ những người họ Thích kia, nói với họ rằng:

“Thế nào các vị, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn cùng người thế tục nào có thể cùng luận nghị với tôi không?”

Bấy giờ, số đông người họ Thích bảo Bà-la-môn Thế Điển rằng:

“Hôm nay, ở đây có hai người tài cao học rộng, ở tại nước Ca-tỳ-la-việt. Hai người này là ai? Một là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, hai là Cù-đàm họ Thích, Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác. Người mà trong các đám đông ít được nghe đến, người không có trí tuệ, lời nói vụng về, không phân biệt được nên bỏ hay nên lấy; đại loại như Châu-lợi-bàn-đặc. Còn người mà trong cả nước Ca-tỳ-la-việt này không ai biết đến, không ai nghe, người không trí tuệ, người quê mùa xấu xí, đại loại như Cù-đàm. Bấy giờ, ông có thể luận nghị cùng họ. Nếu Bà-la-môn có khả năng luận nghị mà thắng được hai người này, thì năm trăm người chúng tôi liền tùy thời cúng dường mọi thứ cần dùng, và cũng sẽ đền ơn một nghìn thỏi vàng ròng.”

Bấy giờ, Bà-la-môn liền tự nghĩ: “Dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-việt này, tất cả đều thông minh, có nhiều kỹ thuật, gian xảo, hư ngụy, không có chánh hạnh. Nếu ta cùng hai người kia luận nghị mà thắng được, thì đâu có đủ là lạ! Còn nếu người kia thắng ta, thì ta liền bị người ngu chiết phục. Nghĩ về hai lẽ này, ta không kham cùng họ luận nghị.” Sau khi nghĩ vậy xong, liền rút lui ra về.

³² Phổ nghĩa giảng đường. Pāli: Santhāgārasālā (Sandhāgāra), hội trường của họ Thích. cf. M. i. 91.

³³ Có lẽ đồng nhất với Lokāyatika của Pāli, cf. S. ii. 77ff sau, kinh 9 phẩm 44 phiên âm là Lo-ca-diên 盧迦延.

Bấy giờ, đã đến giờ, Châu-lợi-bàn-đặc cầm bát vào thành Ca-tỳ-la-việt khát thực. Lúc này, bà-la-môn Thế Điển từ xa trông thấy Châu-lợi-bàn-đặc đi đến, liền tự nghĩ: “Bấy giờ, ta nên đến hỏi nghĩa người kia.” Rồi bà-la-môn Thế Điển đi đến chỗ Tỳ-kheo, nói với Châu-lợi-bàn-đặc rằng:

“Sa-môn tên gì?”

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

“Thôi, Bà-la-môn, cần gì hỏi tên? Sở dĩ ông đến đây là muốn hỏi nghĩa. Giờ thì nên hỏi [586a01] đi!”

Bà-la-môn nói:

“Sa-môn có thể luận nghị cùng tôi không?”

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

“Nay ta còn có khả năng luận nghị cùng Phạm thiên, huống chi cùng với người mù không mắt như ông ư?”

Bà-la-môn nói:

“Người mù tức không phải là người không mắt? Không mắt tức không phải mù? Đây chỉ có một nghĩa há chẳng phải là lập lại phiền phức sao?”

Châu-lợi-bàn-đặc, bấy giờ liền bay lên không trung hiện ra mười tám cách biến hóa. Lúc này, bà-la-môn liền tự nghĩ: “Sa-môn này chỉ có thần túc, chứ không biết luận nghị. Nếu ai giải nghĩa này cho ta, ta sẽ tự thân làm đệ tử người ấy.”

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, bằng thiên nhĩ thông, nghe được những lời này: ‘Châu-lợi-bàn-đặc đang luận nghĩa với Bà-la-môn Thế Điển.’ Tôn giả Xá-lợi-phất liền biến thân thành hình

Tăng nhất A-hàm

Bàn-đặc, và làm ẩn hình Bàn-đặc khiến không cho hiện ra, rồi nói với bà-la-môn rằng:

“Này bà-la-môn nếu ông tự nghĩ rằng: ‘Sa-môn này chỉ có thần túc, chứ không kham luận nghị.’ Bây giờ, ông nên lắng nghe, tôi sẽ nói, sẽ đáp lại nghĩa mà ông vừa hỏi và sẽ dựa vào gốc luận cứ này dẫn thêm thí dụ.”

“Này bà-la-môn, hiện tại ông tên gì?”

Bà-la-môn đáp:

“Tôi tên Phạm Thiên.”

Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

“Ông là đàn ông phải không?”

Bà-la-môn nói:

“Tôi là đàn ông.”

Lại hỏi:

“Đó là người phải không?”

Bà-la-môn đáp:

“Là người.”

Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

“Thế nào, Bà-la-môn, đàn ông cũng là người, người cũng là đàn ông, đây cũng là một nghĩa, há chẳng phải là lập lại phiền phức sao? Nhưng này Bà-la-môn, mù cùng với không mắt, nghĩa này không giống nhau.”

Bà-la-môn nói:

“Sa-môn, thế nào gọi là mù?”

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

“Giống như không thấy đời này, đời sau, người sinh, người diệt, sắc tốt, sắc xấu, hoặc đẹp, hoặc xấu, chúng sanh đã tạo các hành vi thiện, hành vi ác, mà không biết như thật, vĩnh viễn không thấy, nên gọi đó là mù.”

Bà-la-môn nói:

“Thế nào là người không mắt?”

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

“Mắt là mắt của trí tuệ vô thượng. Người kia không có mắt của trí tuệ vô thượng này, nên gọi là không mắt.”

Bà-la-môn nói:

“Thôi, thôi, Sa-môn, bỏ thứ tạp luận này đi. Nay tôi muốn hỏi nghĩa sâu. Thế nào, này Sa-môn, có trường hợp không nương vào pháp mà được Niết-bàn chăng?”

Châu-lợi đáp:

“Không cần nương vào năm thủ uẩn mà được Niết-bàn.”

Bà-la-môn nói:

“Thế nào, Sa-môn, năm thủ uẩn này là có duyên mà sinh hay là không duyên mà sinh?”

[586b01] Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

“Năm thủ uẩn này là có duyên mà sinh chứ chẳng phải không duyên mà sinh.”

Bà-la-môn hỏi:

“Duyên của năm thủ uẩn là gì?”

Tăng nhất A-hàm

Tỳ-kheo đáp:

“Ái là duyên.”

Bà-la-môn hỏi:

“Gi là ái?”

Tỳ-kheo đáp:

“Chính là sinh.”

Bà-la-môn hỏi:

“Gi gọi là sinh?”

Tỳ-kheo đáp:

“Chính là ái.”

Bà-la-môn hỏi:

“Ái có đạo nào?”³⁴

Tỳ-kheo đáp:

“Chính là tám phẩm đạo Hiền thánh; đó là chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng, chánh tư duy,³⁵ chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. đó gọi là tám phẩm đạo Hiền thánh.”

Sau khi Châu-lợi-bàn-đặc rộng nói pháp cho bà-la-môn rồi, và bà-la-môn nghe giáo nghĩa mà Tỳ-kheo đã nói như vậy xong, các trần cấu sạch hết, được pháp nhãn tịnh, liền tại chỗ trong thân khởi lên ngọn gió đạo mà qua đời.

Lúc bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất hiện nguyên hình trở lại, bay trên hư không, trở về chỗ ở. Lúc đó Tôn giả Tỳ-kheo Châu-lợi-

³⁴ Bản Hán có thể nhảy sót. Nên hiểu: Có con đường nào dẫn đến diệt tận ái không?

³⁵ Chánh hành 正行; tức chánh tư duy. Trên kia có nơi nói là chánh tri.

bàn-đặc đến giảng đường Phổ nghĩa, chỗ những người dòng họ Thích đang tụ tập, bảo những người họ Thích kia rằng:

“Mọi người hãy nhanh chóng sửa soạn tô dầu, củi đuốc, đem đến trà-tỳ bà-la-môn Thế Điển.”

Bấy giờ, dòng họ Thích sửa soạn tô dầu đến trà-tỳ³⁶ Bà-la-môn Thế Điển, và khởi công xây tháp ở ngã tư đường. Mọi người cùng theo nhau đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, đến rồi đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi những người họ Thích hướng về Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc nói bằng bài kệ này, rằng:

Trà-tỳ khởi dựng tháp,
Không trái lời Tôn giả;
Chúng tôi được lợi lớn,
Gặp được phước đức này.*

Bấy giờ, Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc nói kệ này đáp lại dòng họ Thích:

*Nay chuyển Tôn pháp luân,³⁷
Hàng phục các ngoại đạo;
Trí tuệ như biển cả,
Đến đây hàng bà-la-môn.
Đã làm hành thiện ác,
Khởi, lai và, hiện tại;
Ức kiếp không quên mất,
Cho nên phải tạo phước.*

Sau khi Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc rộng nói pháp cho những người dòng họ Thích kia xong. Những người dòng họ Thích bạch Châu-lợi-bàn-đặc rằng:

³⁶ Da-duy 耶維 trong Hán dịch, ta quen nói là trà-tỳ. (Pāli: *jhāpeti*)

³⁷ Đây chỉ Xá-lợi-phất.

Tăng nhất A-hàm

“Nếu Tôn giả cần, y phục, đồ ăn thức uống, chăn giường, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh, chúng tôi sẽ cung cấp hết mọi sự. Nguyên xin nhận lời thỉnh cầu, chớ từ chối một chút tình.”

Lúc ấy, Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc im lặng nhận lời.

[586c01] Bảy giờ, những người dòng họ Thích sau khi nghe những gì Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Ca-lan-đà trong Trúc viên, thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo. Bảy giờ, con người ác Đề-bà-đạt-đâu đi đến chỗ Vương tử Bà-la-luru-chi,³⁸ bảo Vương tử rằng:

“Xưa kia, người dân thọ mạng rất dài, nhưng nay tuổi thọ con người không quá một trăm. Vương tử nên biết, mạng người vô thường, nếu không lên ngôi, mà giữa chừng mạng chung thì không đau lắm sao? Vương tử nay có thể đoạn mạng Phụ vương mà thống lãnh người trong nước. Còn tôi sẽ giết Sa-môn Cù-đàm để làm Vô thượng Chí chơn, Đẳng chánh giác. Làm Vua mới, Phật mới ở quốc độ Ma-kiệt, không khoái lắm sao? Như mặt trời xuyên qua mây, không chỗ nào là không chiếu. Như mặt trăng, mây tan, sáng rõ giữa muôn sao.”

Bảy giờ, Vương tử Bà-la-luru-chi liền bắt phụ vương giam vào trong lao sắt, lập thêm thần phụ tá, thống lãnh Nhân dân. Lúc bảy giờ, có các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khát thực, nghe

³⁸ Bà-la-luru-chi 婆羅留支, Skt. Vāraluci (?), Hán dịch: Chiết Chi 折指, Vô Chi 無指. Tên hiệu của A-xà-thế (Pāli: Ajātattu), theo truyền thuyết phương Bắc. Pāli không thấy nói đến tên hiệu này.

Đề-bà-đạt-đâu xúi dục Vương tử bắt Phụ vương giam vào trong lao sắt, lập thêm thần phụ tá. Sau khi các Tỳ-kheo khát thực xong, trở về nơi ở, thu cát y bát, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Sáng nay chúng con vào thành khát thực, nghe người ngu Đề-bà-đạt-đâu dạy bảo Vương tử, bắt phụ vương giam vào lao ngục, lập thêm thần phụ tá. Rồi dạy vương tử rằng: ‘Ông giết phụ vương, ta hại Như Lai. Làm Vua mới, Phật mới ở quốc độ Ma-kiệt này, không khoái lắm sao?’”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu vua cai trị giáo hóa mà không dùng chánh lý, thì bấy giờ vương thái tử cũng thi hành phi pháp. Thái tử đã thi hành phi pháp, bấy giờ quần thần, trưởng quan lại cũng thi hành phi pháp. Quần thần, trưởng quan lại đã thi hành phi pháp, thì Nhân dân quốc độ cũng thi hành phi pháp. Nhân dân quốc độ đã thi hành phi pháp, bấy giờ binh chúng Nhân mã cũng thi hành phi pháp. Binh chúng đã thi hành phi pháp, bấy giờ trời, trăng đảo lộn, chuyển vận không đúng giờ. Trời, trăng đã không đúng giờ, liền không có năm tháng. Đã không có năm tháng, ngày sai tháng lộn, không còn tinh quang. Ngày tháng đã không có tinh quang, bấy giờ tinh tú hiện quái. Tinh tú đã hiện ra biến quái, liền có gió dữ nổi lên. Gió dữ đã nổi lên, thần kỳ giận dữ. Thần kỳ đã giận dữ, bấy giờ mưa gió thất thường, [587a01] khi ấy hạt lúa ở dưới đất liền không tăng trưởng. Nhân dân, và các loài bò, bay, máy, cựa, nhan sắc biến đổi, tuổi thọ cực ngắn.

“Khi nào có vị vua cai trị bằng pháp, bấy giờ quần thần cũng thi hành chính pháp. Quần thần đã thi hành chính pháp, vương thái tử cũng thi hành chính pháp. Vương thái tử đã thi hành

Tăng nhất A-hàm

chính pháp, bấy giờ trưởng quan lại cũng thi hành chính pháp. Trưởng quan lại đã thi hành chính pháp, quốc độ Nhân dân cũng thi hành chính pháp; trời trăng luôn thuận, gió mưa đúng thời, tai quái không hiện, thần kỳ hoan hỷ, ngũ cốc đầy dẫy; vua tôi hòa mục, nhìn nhau như anh như em không bao giờ thêm bớt; loài có hình nhan sắc tươi sáng; thức ăn tự tiêu hóa, không có tai hại; tuổi thọ rất dài, được người yêu kính.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

*Giống như trâu lội nước,
Dẫn đầu mà không ngay,
Tất cả đều không ngay;
Là do gốc dẫn đường.*

*Chúng sanh cũng như vậy;
Quần chúng cần người dẫn.
Dẫn đường hành phi pháp,
Huống là người thấp bé.*

*Dân chúng đều chịu khổ,
Do phép vua không chính;
Vì vua hành phi pháp,
Tất cả dân làm theo.*

*Giống như trâu lội nước,
Dẫn đầu mà đi ngay,
Đàn theo cũng đều ngay;
Là do gốc dẫn đường.*

*Chúng sanh cũng như vậy,
Quần chúng cần người dẫn;
Dẫn đường đi đúng pháp,
Huống chi người thấp bé.*

*Dân chúng đều hưởng vui,
Do phép vua dạy chánh;*

*Vì vua hành chánh pháp,
Tất cả dân làm theo.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy bỏ phi pháp mà hành chánh pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi Tỳ-kheo nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³⁹

³⁹ Bản Hán, hết quyển 8.

18. PHẨM TÀM QUÍ

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp tinh diệu² thủ hộ thế gian. Thế nào là hai pháp? Có tâm, có quý.³ Nay các Tỳ-kheo, nếu không có hai pháp này, thế gian sẽ không phân biệt có cha, có mẹ, có anh, có em, vợ con, tri thức, tôn trưởng, lớn nhỏ; sẽ cùng với lục súc heo, gà, chó, ngựa, dê ... cùng một loại. Vì thế gian có hai pháp này thủ hộ, nên thế gian phân biệt có cha mẹ, anh em, vợ con, tôn trưởng, lớn nhỏ, và cũng không cùng đồng loại với lục súc.”

“Cho nên, nay các Tỳ-kheo, hãy học tập có tâm, có quý. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹ Tương đương Pāli, A. II. 1.9 Hirottapa (R i. 51).

² Hán: diệu pháp 妙法. Pāli, ibid. : *dhammā sukkā*, hai pháp tinh trắng.

³ Hữu tâm hữu quý 有慚有愧. Pāli: *hirī ca ottapañca*.

Tăng nhất A-hàm

“Thế gian có hai hạng người vì không biết chán, đủ, mà mạng chung. Hai hạng người ấy là gì? Người được tài vật luôn cất giấu và người có được tài vật lại thích cho người. Đó gọi là hai hạng người không biết chán đủ, mà mạng chung.”

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa tóm lược này. Thế nào là được vật luôn cất giấu? Thế nào là được vật thích cho người? Nguyện xin Thế Tôn giảng rộng nghĩa này.”

Thế Tôn bảo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ! Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các người.”

Thưa:

“Kính vâng.”

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Ở đây có người thiện gia nam tử học các kỹ thuật, hoặc theo nghề làm làm ruộng, hoặc học tập chép sách, hoặc tập kế toán, hoặc tập thiên văn, hoặc tập địa lý, hoặc tập bói tướng, hoặc học làm sứ giả phương xa, hoặc làm thần tá vua, không tránh nóng lạnh, đói rét, cần khổ mà tự mưu sống cho mình. Người ấy làm mọi công sức như vậy mà được tài vật, nhưng người kia không thể dám ăn tiêu, cũng không cấp cho vợ con, cũng không [587c01] cho nô tì, hay những bà con quyến thuộc; tất cả đều không cho. Những tài vật có được ấy, hoặc bị vua tước đoạt, hoặc bị giặc trộm, hoặc bị lửa thiêu, nước cuốn, phân tán chỗ khác, lợi kia không được hưởng; hoặc ngay trong nhà có người phân tán vật này, không cho để yên một chỗ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là được tài luôn cất giấu.

“Kia, sao gọi là được tài vật đem phân cho? Có người thiện gia nam tử học các kỹ thuật, hoặc theo nghề làm ruộng, hoặc tập nghề chép sách, hoặc tập kế toán, hoặc tập thiên văn, hoặc tập địa lý, hoặc tập bói tướng, hoặc học sứ phương xa, hoặc làm thần tá vua, không tránh nóng lạnh, đói rét, cần khổ mà tự mưu sống cho mình. Người ấy làm mọi công sức như vậy mà được tài vật, nhưng người kia đem bố thí cho chúng sanh, phụng dưỡng cho cha mẹ, nô tì, vợ con, cũng chu cấp rộng rãi cho Sa-môn, Bà-la-môn, tạo ra các thứ công đức, gieo trồng phước cõi trời. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là được tài mà đem bố thí.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là hai hạng người không biết chán đủ. Như người thứ nhất, có được tài vật mà cất giấu, các người nên nghĩ tưởng tránh xa. Người thứ hai, có được mà đem bố thí rộng rãi, hãy học nghiệp này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁴ Pāli tương đương, M 3 Dhammāyāda (R i. 12); Hán: *Trung* kinh 88.

“Hãy là người thừa tự pháp, chớ nên là kẻ thừa tự tài vật.⁵ Vì sao vậy? Các người đã có được phước báo tốt đẹp,⁶ mong cho đệ tử của Ta cung kính pháp, không tham lợi dưỡng. Nếu người nào tham lợi dưỡng, người đó có lỗi lớn đối Như Lai. Vì sao? Vì chúng sanh không phân biệt được pháp, nên hủy báng lời dạy Thế Tôn.⁷ Đã hủy báng lời dạy Thế Tôn, sau đó không còn đến được đạo Niết-bàn. Ta rất lấy làm xấu hổ. Vì sao vậy? Vì đệ tử của Như Lai tham đắm lợi dưỡng, không thực hành nơi pháp, không phân biệt pháp, hủy báng lời dạy Thế Tôn, không thuận chánh pháp. Đã hủy báng lời dạy Thế Tôn, sẽ không còn đến được đạo Niết-bàn.

“Này Tỳ-kheo, các người nên nghĩ đến thừa tự pháp, đừng tư duy đến thừa tự vật dục⁸, rồi các người được danh thơm vang khắp bốn phương. Cung kính pháp, không tham tài vật, Ta sẽ không lấy làm xấu hổ. Vì sao vậy? Vì đệ tử của Như Lai chỉ mong thừa tự pháp, không ham nghĩ thừa tự vật dục.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, nên nghĩ thừa tự pháp, chớ học thừa tự tài vật. Tỳ-kheo các người, Ta nói nghĩa này, vì nhân [588a01] nghĩa gì mà nói duyên này?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo, bạch Thế Tôn:

“Nguyện xin Thế Tôn phân biệt chi tiết.”

⁵ Pháp thí 法施, thực thí 食施. Hán dịch không chính. *dāyāda*: (người) thừa tự, thừa kế; Hán hiểu là *dāya*: cho, bố thí. Xem nội dung dưới đây sẽ rõ. Pāli, ibid.: *dhammadāyādā me, bhikkhave, bhavatha, mā āmisadāyādā*, này các Tỳ-kheo, hãy là kẻ thừa tự pháp của Ta, chớ đừng là kẻ thừa tự tài vật của Ta.

⁶ Pāli: *atthi me tumhesu anukampā*, Ta hằng thương tưởng đến các người.

⁷ Tham chiếu Pāli, ibid., bị chỉ trích: Thầy trò bị chỉ là những kẻ thừa tự tài vật (*āmisadāyādā satthusāvakā viharanti*).

⁸ Hán: dục thí 欲施; được hiểu là bố thí vật dục tức vật chất.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa kia, có một người thỉnh Ta cúng dường. Rồi bấy giờ Ta có thức ăn dư tàn,⁹ có thể vất bỏ. Có hai Tỳ-kheo từ phương xa đến, thân thể mệt mỏi, nhan sắc biến đổi. Bấy giờ Ta bảo hai Tỳ-kheo kia những lời như vậy: ‘Có thức ăn dư tàn có thể vất bỏ, nếu các người thấy cần thì có thể lấy mà dùng.’

“Lúc ấy, một Tỳ-kheo tự nghĩ: ‘Hôm nay Thế Tôn có thức ăn tàn dư thực có thể vất bỏ. Ai thấy cần thì có thể lấy. Nếu chúng ta không lấy ăn, thức ăn này sẽ được đem bỏ nơi đất sạch hay trút vào trong nước. Vậy, nay chúng ta nên lấy thức ăn này để lấp đầy vào chỗ đói thiếu, tăng trưởng khí lực.’

“Bấy giờ, Tỳ-kheo kia lại học điều này: ‘Phật cũng đã từng dạy: Nên sống thừa tự pháp, chớ nghĩ đến thừa tự vật dục. Vì sao vậy? Vì cao nhất trong bố thí không gì hơn thí tài, nhưng thí pháp ở trong đó được tôn trọng nhất.¹⁰ Nay ta cam chịu suốt ngày không ăn mà vẫn có thể qua khỏi, không cần nhận phước tín thí kia.’ Tỳ-kheo kia liền tự quyết ý không lấy vật thí kia, thân thể mệt mỏi mà không cần để ý đến mạng sống.

“Trong khi ấy, Tỳ-kheo thứ hai lại tự nghĩ: ‘Thế Tôn có thức ăn tàn dư đáng bị vất bỏ. Nếu chúng ta không lấy ăn, sẽ mệt mỏi. Nay nên lấy thức ăn này để lấp đầy vào chỗ đói thiếu, tăng trưởng khí lực, ngày đêm an ổn.’ Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền lấy ăn, khí lực sung mãn, ngày đêm an ổn.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁹ Hán: di dư pháp 遺餘法; đây chỉ đồ ăn còn dư thừa. Pāli, ibid.: (*piṇḍapāto*) *atīrekadhammo*, đồ ăn khát thực (thuộc loại, pháp) còn dư tàn.

¹⁰ Câu này có thể là diễn dịch thêm của dịch giả Hán.

Tăng nhất A-hàm

“Tuy Tỳ-kheo kia đã nhận lấy đồ cúng dường kia, đã trừ bỏ được cái thiếu đói, khí lực sung mãn, nhưng không như Tỳ-kheo trước là đáng kính, đáng quý, rất đáng được tôn trọng. Tỳ-kheo ấy lâu dài tiếng khen được đồn xa, ở trong luật mà biết đủ, dễ thỏa mãn. Nay các Tỳ-kheo, hãy học thừa tự pháp, chớ học nghĩ đến thừa tự vật dục. Những điều được Ta nói trước đó là do nhân duyên này.”

Sau khi Thế Tôn nói những lời này xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra về. Lúc ấy, các Tỳ-kheo lại tự nghĩ: “Thế Tôn vừa rời chỗ ngồi đứng dậy, im lặng vào thất. Hiện tại trong chúng này, ai có khả năng kham nhận đối với nghĩa sơ lược này mà diễn giải rộng nghĩa của chúng?”

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo lại nghĩ: “Hiện nay [588b01] Tôn giả Xá-lợi-phất được Thế Tôn khen ngợi. Chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất.” Rồi các Tỳ-kheo liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, vái chào nhau xong, ngồi qua một bên. Sau khi ngồi qua một bên rồi, các Tỳ-kheo đem những điều đã nghe được từ Thế Tôn trình lại hết cho Tôn giả Xá-lợi-phất.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là đệ tử Thế Tôn tham đắm lợi dưỡng không tu hành pháp? Thế nào là đệ tử Thế Tôn ham tu hành pháp không tham lợi dưỡng?”

Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa Xá-lợi-phất:

“Chúng tôi là những người từ xa đến, xin hỏi nghĩa này để tu hành. Tôn giả Xá-lợi-phất có khả năng xin diễn rộng nghĩa này cho chúng tôi.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ, tôi sẽ diễn rộng nghĩa này cho các vị.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Xin vâng.”

Xá-lợi-phất bảo:

“Cái học của đệ tử¹¹ Thế Tôn là tịch tĩnh, niệm an tĩnh, nhưng đệ tử Thanh văn không học như vậy.¹² Thế Tôn tuôn ra giáo pháp, những điều phải diệt, mà các Tỳ-kheo đối với các pháp đó lười biếng không chịu diệt, lại khởi lên các loạn tưởng; những điều đáng làm mà không chịu làm, những điều không nên làm, thì lại làm.

“Bấy giờ, này Chư hiền, Tỳ-kheo trưởng lão có ba trường hợp đáng hổ thẹn. Thế nào là ba? Thế Tôn thường ưa nơi tịch tĩnh¹³ nhưng các Thanh văn không học điều này, nên Tỳ-kheo trưởng lão liền có sự hổ thẹn. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo lại không diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trưởng lão có sự hổ thẹn. Ở trong đó khởi lên niệm tưởng loạn, ý không chuyên nhất,¹⁴ nên Tỳ-kheo trưởng lão có sự hổ thẹn.

“Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trung tọa có ba trường hợp đáng hổ thẹn. Thế nào là ba? Thế Tôn thường ưa nơi tịch tĩnh

¹¹ Hai chữ *đệ tử* này nghi Hán chép dư. Xem cht. 12 tiếp theo.

¹² Tham chiếu Pāli: *satthu pavivittassa viharato sāvakaṃ vivekaṃ nānusiikkhanti*, “Tôn sư sống viễn ly, nhưng các đệ tử không học theo hành viễn ly.” Có sự trùng lặp trong bản Hán: *Thanh văn* và *đệ tử*, cả hai đều dịch từ một từ gốc: Skt. *śrāvaka* (Pāli: *sāvaka*).

¹³ Tịch tĩnh xứ 寂靜之處. Pāli: *viveka*, viễn ly, đời sống ẩn dật.

¹⁴ Pāli: họ sống sung túc (*bahulikā*), lười nhác (*sāthlikā*), dẫn đầu đọa lạc (*okkame pubbaṅgamā*), quăng bỏ hạnh viễn ly (*paviveke nikkhittadhurā*).

Tăng nhất A-hàm

nhưng các Thanh văn không học điều này, nên Tỳ-kheo trung tọa có sự hổ thẹn. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo lại không diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trung tọa có sự hổ thẹn. Ở trong đó khởi lên niệm tưởng loạn, ý không chuyên nhứt, nên Tỳ-kheo trung tọa có sự hổ thẹn.

“Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo niên thiếu liền có ba trường hợp đáng hổ thẹn. Thế nào là ba? Đệ tử¹⁵ Thế Tôn thường ưa nơi tịch tĩnh nhưng các Thanh văn không học điều này, nên Tỳ-kheo niên thiếu có sự hổ thẹn. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo lại không [588c01] diệt pháp này, nên Tỳ-kheo niên thiếu có sự hổ thẹn. Ở trong đó khởi lên niệm tưởng loạn, ý không chuyên nhứt, nên Tỳ-kheo niên thiếu có sự hổ thẹn.

“Này chư Hiền giả, đó gọi là tham đắm tài, không đắm pháp.”

Các Tỳ-kheo thưa Xá-lợi-phất:

“Thế nào là Tỳ-kheo tham đắm pháp, không đắm tài?”

Xá-lợi-phất nói:

“Này Tỳ-kheo, ở đây Như Lai ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng học theo Như Lai mà ưa nơi tịch tĩnh. Thế Tôn dạy, các người hãy nên diệt pháp này; các Tỳ-kheo liền diệt pháp này. Không lười biếng, không loạn, những điều đáng làm thì tu hành, những điều không đáng làm thì không làm.

“Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trưởng lão có ba trường hợp được tiếng khen. Thế nào là ba? Thế Tôn ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo trưởng lão được tiếng khen. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này,

¹⁵ Đệ tử, nghi dư. Xem văn mạch các đoạn trên.

bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trưởng lão được tiếng khen. Ở trong đó không khởi lên niệm tưởng loạn, ý thường chuyên nhứt, nên Tỳ-kheo trưởng lão được tiếng khen.

“Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trung tọa có ba trường hợp được tiếng khen. Thế nào là ba? Thế Tôn ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo trung tọa được tiếng khen. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trung tọa được tiếng khen. Ở trong đó không khởi lên niệm tưởng loạn, ý thường chuyên nhứt, nên Tỳ-kheo trung tọa được tiếng khen.

“Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo niên thiếu có ba trường hợp được tiếng khen. Thế nào là ba? Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo niên thiếu được tiếng khen. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, nên Tỳ-kheo niên thiếu được tiếng khen. Ở trong đó không khởi lên niệm tưởng loạn, ý thường chuyên nhứt, nên Tỳ-kheo niên thiếu được tiếng khen.

“Chư Hiền giả nên biết, tham là bệnh,¹⁶ rất là đại tai hoạn. Sân nhuế cũng vậy. Ai diệt được tham dâm, sân nhuế, liền được trung đạo,¹⁷ sinh nhân, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn.¹⁸ Xan tham, tật đố là bệnh, cũng lại rất nặng, bị phiền não nấu nung. Kiêu mạn cũng sâu. Huyền nguy không chon thật, không tâm, không quý, không thể lia bỏ dâm dục, bại hoại chánh chân; mạn, tăng thượng mạn cũng không bỏ.

¹⁶ Pāli: *lobho ca pāpako*, tham là ác pháp.

¹⁷ Đắc xứ trung chi đạo 得處中之道. Pāli: *atthi majjhimā paṭipadā*.

¹⁸ Pāli: *cakkhukaraṇī nānakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya samvattati*, nó tác thành nhân, tác thành trí, dẫn đến tịch tĩnh, thắng trí, chánh giác, Niết-bàn.

Tăng nhất A-hàm

[589a01] Nếu hai mạn¹⁹ này diệt, liền được ở vào trung đạo, sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn.”

Tỳ-kheo thưa:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào là ở trung đạo, sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn?”

Xá-lợi-phất nói:

“Chư Hiền giả, nên biết, đó là tám đạo phẩm của Hiền thánh: Chánh kiến, chánh tư duy*, chánh ngữ, chánh nghiệp*, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm, chánh định*. Đó gọi là ở trung đạo, sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Ca-lan-đà trong Trúc viên, thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ đã đến giờ Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành La-duyệt, khát thực tại một ngõ hẻm. Lúc ấy tại ngõ hẻm kia có vợ một người bà-la-môn muốn đãi cơm cho bà-la-môn, bèn ra ngoài cửa. Từ xa, trông thấy Thế Tôn, liền đến chỗ Thế Tôn, bà hỏi Thế Tôn rằng:

“Ngài có thấy bà-la-môn nào không?”

¹⁹ Pāli: *mada, pamāda*, kiêu xa và phóng dật.

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp đã có mặt trước nơi đó. Thế Tôn liền đưa tay chỉ, bảo rằng:

“Đó là bà-la-môn .”

Người phụ nữ bà-la-môn nhìn chăm chăm vào mặt Như Lai, im lặng không nói.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người không dục, không nhuế,
Xả ngu, không có si;
Lậu tận A-la-hán,
Đó gọi là bà-la-môn.*

*Người không dục không nhuế,
Bỏ ngu, không có si;
Do bỏ tụ kết sử,
Đó gọi là bà-la-môn.*

*Người không dục, không nhuế,
Xả ngu, không có si;
Do đoạn mạn ngô, ngã,
Đó gọi là bà-la-môn.*

*Nếu ai muốn biết pháp,
Những gì Chánh giác²⁰ nói;
Chỉ thành tự quy y,
Tối tôn không gì hơn.*

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

“Ông có thể đến người phụ nữ bà-la-môn, khiến thân hiện tại của bà thoát được tội cũ.” Ca-diếp vâng theo lời Phật, đi đến nhà người vợ bà-la-môn, ngồi vào chỗ ngồi. Lúc ấy, vợ Bà-la-

²⁰ Tam-phật-(đà) 三佛. Túc Pāli: *sambuddha*, Phật chánh giác.

Tăng nhất A-hàm

môn kia liền bày biện các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ để cúng dường Ca-diếp.

[589b01] Ca-diếp nhận đồ ăn thức uống, vì muốn độ người cho nên nói cho bà nghe bài kệ này:

*Tế tự, Lửa trên hết,
Các thư, tụng²¹ hơn hết;
Vua tôn quý giữa người,
Các dòng, biển là nhất.
Các sao, trăng đứng đầu,
Chiếu sáng, mặt trời trước;
Bốn bên, trên và dưới,
Ở các phương, cảnh vực,
Trời cùng người thế gian,
Phật là bậc tối thượng.
Ai muốn cầu phước kia,
Nên quy y Tam-phật*.*

Vợ bà-la-môn sau khi nghe những lời dạy, vui mừng hơn hờ không tự làm chủ được, đến trước Đại Ca-diếp bạch:

“Nguyện xin bà-la-môn thường xuyên nhận lời mời của tôi đến thọ thực tại nhà này.”

Đại Ca-diếp liền nhận lời mời thọ thực tại nơi đó. Vợ bà-la-môn thấy Ca-diếp thọ thực xong, liền lấy một chiếc ghế thấp đặt ngồi trước Ca-diếp. Sau đó, Ca-diếp nói pháp vi diệu cho bà như luận về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, đoạn tận lậu là trên hết, xuất gia²² là thiết yếu.

²¹ Tụng, chỉ các thi tụng Vệ-đà. Xem *Trương*, kinh 23: Cứu-la-đàn-đầu.

²² Định cú Pāli: *anupubbikathā... nekkhmmme ānisaṃsaṃ pakādeti*, diễn nói pháp theo thuận thứ... sách lợi của sự xuất ly. Pāli: *nekkhamma*, bản Hán hiểu là xuất gia; đây chỉ sự xuất ly hay ly dục, theo thuật tự pháp đọc nói. Xem *Trung* (Việt), kinh 38, cht. 3.

Khi Tôn giả Đại Ca-diếp đã biết tâm ý của vợ bà-la-môn kia đã được khai mở, lòng rất vui mừng, bèn nói cho vợ bà-la-môn nghe pháp mà chư Phật thường nói là khổ, tập, tận, đạo. Vợ bà-la-môn liền ngay trên chỗ ngồi mà các trần cấu đều sạch hết, được pháp nhãn tịnh. Giống như tấm lụa mới trắng tinh, không có bụi dơ, dễ bị nhuộm màu; vợ bà-la-môn cũng như vậy, ngay ở trên chỗ ngồi mà được pháp nhãn tịnh. Bà đã đắc pháp, thấy pháp, phân biệt pháp kia không còn hồ nghi, đã đắc vô úy, tự qui y ba ngôi Phật, Pháp, Thánh chúng, và thọ trì năm giới. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp vì vợ bà-la-môn thuyết pháp vì diệu lại lần nữa, rời rời chỗ ngồi đứng dậy mà ra về.

Sau khi Ca-diếp đi chưa bao lâu, người chồng trở về đến nhà. Ông Bà-la-môn thấy nhan sắc vợ rất vui tươi, không còn như người thường. Bà-la-môn liền hỏi vợ mình. Người vợ đem nhân duyên này thuật lại đầy đủ cho chồng. Sau khi Bà-la-môn nghe những lời này xong, liền dẫn vợ mình cùng đến tinh xá, đến chỗ Thế Tôn. Bà-la-môn cùng Thế Tôn chào hỏi rồi ngồi qua một bên. [589c01] Vợ Bà-la-môn đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi, cũng ngồi qua một bên. Bà-la-môn bạch Thế Tôn rằng:

“Vừa rồi có ông Bà-la-môn đã đến nhà tôi, hiện ở đâu?”

Khi ấy Tôn giả Đại Ca-diếp hiện đang ngồi kiết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, đang tư duy pháp vì diệu.

Thế Tôn từ xa chỉ Đại Ca-diếp bảo:

“Đó là Tôn trưởng Bà-la-môn.”

Bà-la-môn nói:

“Thế nào Cù-đàm, Sa-môn tức Bà-la-môn chẳng? Sa-môn cùng Bà-la-môn há không khác chẳng?”

Thế Tôn bảo:

Tăng nhất A-hàm

“Muốn nói Sa-môn thì chính thân Ta. Vì sao vậy? Ta tức là Bà-la-môn. Những giới luật gì mà các Sa-môn phụng trì, Ta đều đã đắc. Vậy nay muốn luận về Bà-la-môn, thì cũng chính là thân Ta. Vì sao vậy? Ta tức là Bà-la-môn. Các Bà-la-môn quá khứ, đã trì những pháp hạnh nào, Ta cũng đã biết hết.

“Muốn luận về Sa-môn, thì chính là Đại Ca-diếp. Vì sao vậy? Những luật gì của các Sa-môn, Tỳ-kheo Ca-diếp đều bao gồm cả. Muốn luận về Bà-la-môn, thì cũng chính là Tỳ-kheo Ca-diếp. Vì sao vậy? Những cấm giới gì mà các Bà-la-môn phụng trì, Tỳ-kheo Ca-diếp đều biết rõ hết.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ta không nói bà-la-môn,
Người rành biết chú thuật;
Nói rằng sinh Phạm thiên,
Đây vẫn chưa là trói.*

*Không trói, không đường sinh,
Hay thoát tất cả kết;
Không còn nói phước trời,
Tức Sa-môn bà-la-môn.*

Bấy giờ, bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Nói kết phước, những gì gọi là kết?”

Thế Tôn bảo:

“Dục ái là kết. Sân nhuế là kết. Ngu si là kết. Như Lai không dục ái này, vĩnh viễn đã diệt tận không còn. Sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy. Như Lai không còn kết này.”

Bà-la-môn thưa:

“Nguyện xin Thế Tôn thuyết pháp thâm diệu về sự không còn các kết phước này.”

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt nói các đề tài vi diệu cho Bà-la-môn kia; đó luận về thí, luận về giới, luận về sanh thiên; đục là bất tịnh, đoạn tận lậu là trên hết, xuất gia* là thiết yếu.

Khi Thế Tôn biết tâm ý Bà-la-môn kia đã khai mở, trong lòng rất hoan hỷ, bèn nói cho bà-lôn-môn pháp mà chư Phật thời xa xưa đã thuyết: Khổ, tập, tận, đạo. Tức thì, [590a01] bà-la-môn ngay trên chỗ ngồi mà dứt sạch các trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Giống như tấm lụa mới trắng tinh, không có bụi dơ, dễ nhuộm màu; bà-la-môn cũng như vậy, ngay trên chỗ ngồi mà đắc pháp nhãn tịnh. Ông đã đắc pháp, thấy pháp, phân biệt pháp kia không còn hồ nghi, đã được vô úy rồi, tự quy y tam tôn: Phật, Pháp, Thánh chúng, thọ trì ngũ giới, là đệ tử chơn thật Như Lai, không còn thối thất nữa.

Vợ chồng bà-la-môn kia sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Ca-lan-đà, trong Trúc viên, thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, vua A-xà-thế có con voi tên Na-la-kỳ-lê²³ rất là hung dữ, bạo ngược, dũng mãnh, thường đánh bại kẻ địch bên ngoài. Nhờ sức voi này mà khiến không đâu không phục một nước Ma-kiệt.

Rồi một lúc, Đề-bà-đạt-đâu đi đến chỗ vua A-xà-thế, nói như vậy:

²³ Na-la-kỳ-lê 那羅祇梨. Pāli: Nālagiri (Dhanapāla), cf. Vin.ii. 194f.

Tăng nhất A-hàm

“Đại vương, nên biết, hiện tại con voi hung dữ này có khả năng hàng phục các kẻ thù. Nên dùng rượu mạnh cho voi này uống say. Sáng mai Sa-môn Cù-đàm ắt sẽ vào thành khát thực, hãy thả voi say này dẫm đạp chết ông ta!”

Vua A-xà-thế nghe lời xúi của Đề-bà-đạt-đâu, ra lệnh trong nước: ‘Sáng sớm ngày mai sẽ thả voi say, cấm không cho người dân đi lại nơi các ngã đường trong thành.’

Rồi Đề-bà-đạt-đâu nói với A-xà-thế rằng:

“Nếu Sa-môn Cù-đàm kia có nhất thiết trí biết việc tương lai, thì ngày mai ắt sẽ không vào thành khát thực.”

Vua A-xà-thế nói:

“Như lời Tôn giả dạy, nếu có nhưt thiết trí thì sáng sớm ngày mai ông ấy sẽ không vào thành khát thực.”

Bấy giờ, nam nữ lớn nhỏ trong thành đều phụng sự Phật, nghe vua A-xà-thế sớm mai sẽ thả voi say hại Như Lai. Nghe xong mọi người đều trong lòng buồn lo, liền đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Sáng sớm ngày mai xin Thế Tôn chớ vào thành nữa. Vì sao vậy? Vua A-xà-thế hôm nay có ra lệnh, bắt mọi người dân trong thành, ngày mai chớ đi lại nơi các ngã đường, ta muốn thả voi say hại Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn Cù-đàm có nhưt thiết trí, thì sáng sớm ngày mai sẽ không vào thành khát thực. Nguyên xin Thế Tôn chớ vào thành nữa! Nếu Như Lai mà bỗng dưng bị hại thì người thế gian sẽ mất [590b01] con mắt, không còn ai cứu giúp.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi! Thôi! Các Ưu-bà-tắc chớ ôm lòng sầu não. Vì sao vậy? Thân của Như Lai không phải là thân thể tục, nên không bị người khác hại được. Không bao giờ có việc này. Các Ưu-bà-tắc, nên biết, đất Diêm-phù, Đông Tây rộng bảy nghìn do tuần, Nam Bắc dài hai mươi mốt nghìn do tuần. Cù-da-ni ngang rộng tám nghìn do tuần như nửa hình mặt trăng. Phát-vu-đãi ngang rộng chín nghìn do tuần đất đai vuông vức. Uất-đơn-việt ngang rộng mười nghìn do tuần đất đai tròn như mặt trăng đầy. Ví như voi say đầy khắp trong bốn thiên hạ này, giống như lúa mè, rừng rậm; số như vậy, cũng không thể nào đựng đến mấy may sợi lông của Như Lai, huống chi là hại được Như Lai. Không bao giờ có việc này. Ngoài bốn thiên hạ ra, dù có cả nghìn thiên hạ, nghìn mặt trời, mặt trăng, nghìn núi Tu-di, nghìn nước bốn biển, nghìn Diêm-phù-đề, nghìn Cù-da-ni, nghìn Phát-vu-đãi, nghìn Uất-đơn-việt, nghìn Tứ thiên vương, nghìn Tam thập tam thiên, nghìn Đâu-suất thiên, nghìn Diêm thiên, nghìn Hóa tự tại thiên, nghìn Tha háo tự tại thiên, đó gọi là nghìn thế giới. Cho đến hai nghìn thế giới, đó gọi là trung thiên thế giới. Cho đến ba nghìn thế giới, đó gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Trong đó đầy khắp long vương Y-la-bát còn không thể động một sợi lông của Như Lai, huống lại là voi này muốn hại Như Lai được sao? không bao giờ có trường hợp đó. Vì sao vậy? Thần lực của Như Lai là bất khả tư nghì. Như Lai xuất hiện ở đời, vĩnh viễn không thể bị người đã thương được. Các người hãy trở về nhà mình. Như Lai tự biết việc gì sẽ xảy ra.”

Bấy giờ, Thế Tôn đã vì bốn bộ chúng thuyết pháp vi diệu rộng rãi. Các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-tu sau khi nghe chánh pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, thối lui ra về.

Sáng sớm hôm đó, Thế Tôn đắp y, ôm bát tinh vào thành La-duyet khát thực. Khi ấy thiên vương Đề-đâu-lại-tra dẫn Càn-

Tăng nhất A-hàm

thát-bà v.v... từ phương Đông đến theo hầu Thế Tôn. Lại có Tỳ-lưu-lặc vương dẫn chúng Câu-bàn-trà, từ phương Nam đến theo hầu Như Lai. Phương Tây Thiên vương Tỳ-lưu-lặc-xoa dẫn các chúng Rồng theo hầu Như Lai. Phương Bắc Thiên vương Câu-tỳ-la dẫn chúng quỷ La-sát theo hầu Như Lai. Lại có Thích Đề-hoàn Nhân dẫn nghìn vạn chúng các chư thiên biến mất từ trời Đâu-suất mà hiện đến chỗ Thế Tôn. Lại có Phạm thiên vương [590c0] dẫn nghìn vạn chúng các Phạm thiên từ trên Phạm thiên đến chỗ Thế Tôn. Lại có Thích Phạm, Tứ thiên vương cùng nhị thập bát thiên, đại quý thần vương, cùng bảo nhau: “Hôm nay chúng ta phải xem hai thần voi và rồng đấu với nhau. Ai là người thắng, kẻ bại?”

Lúc này bốn bộ chúng thành La-duyệt, từ xa trông thấy Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo vào thành khát thực, mọi người dân trong thành đều cất tiếng kêu la. Vua A-xà-thế lại nghe những tiếng này, hỏi tả hữu:

“Đây là những âm vang gì mà lọt thâu nơi này?”

Thị thần đáp:

“Đây là những âm thanh phát xuất từ Nhân dân khi thấy Như Lai vào thành khát thực.”

A-xà-thế nói:

“Sa-môn Cù-đàm cũng không có Thánh đạo, không biết tâm người, rồi sẽ kinh nghiệm việc gì sẽ xảy ra.”

Vua A-xà-thế liền bảo tượng sư:

“Ngươi hãy mau đem rượu mạnh cho voi uống, cột kiếm bén vào vòi, và lập tức thả cho nó chạy.”

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến cửa thành, vừa cất chân vào cửa, khi ấy trời đất chấn động mạnh, các chư thiên tôn thần ở giữa hư không rải xuống các loại hoa. Tức thì, năm trăm Tỳ-kheo thấy voi say đến, mọi người đều bỏ chạy, không biết theo hướng nào! Lúc đó voi hung dữ kia thấy Như Lai từ xa, nó liền chạy đến. Thấy voi say đến, thị giả A-nan sau Thế Tôn lòng không an, bạch Thế Tôn:

“Voi này dữ quá! Coi chừng bị hại! Hãy tránh xa nó!”

Thế Tôn bảo:

“A-nan, chớ sợ! Nay Ta sẽ dùng thần lực hàng phục voi này.”

Như Lai quan sát voi hung bạo với khoảng cách không gần cũng không xa, liền hóa ra các sư tử vương ở hai bên, và phía sau voi kia là một hầm lửa lớn. Lúc này voi dữ kia thấy hai bên là sư tử vương cùng thấy hầm lửa, liền té vãi phân tiểu, không biết chạy đi đâu, nó cứ nhằm phía trước hướng Như Lai mà chạy đến.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ngươi chớ làm hại Rồng,
Rồng hiện rất khó gặp,
Do ngươi không hại Rồng,
Mà được sinh chỗ thiện.*

“Lúc ấy voi hung bạo nghe Thế Tôn nói kệ này, như bị lửa đốt, liền tự gỡ kiếm hướng về Như Lai, quỳ hai gối phủ phục sát đất, lấy vòi liếm chân Như Lai. Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay phải duỗi thẳng, sờ vào đầu voi, mà nói kệ:

*Sân nhuế sinh địa ngục,
Cũng sinh thân rắn rít.
Cho nên phải trừ sân,*

Chớ thọ thân này lại.

[590c25] Lúc đó các vị Thiên thần ở giữa hư không dùng hàng trăm nghìn loài hoa tung rải trên Như Lai. Bấy giờ Thế Tôn nói pháp vi diệu cho bốn bộ chúng trời, rồng, quỷ, thần. Hơn sáu vạn nam nữ, sau khi thấy Phật hàng phục voi, mọi trần cấu đều dứt sạch, đắc pháp nhãn tịnh; và tám vạn Thiên Nhân cũng đắc pháp nhãn tịnh. Lúc đó tự trong thân voi say kia gió đao nổi dậy, thân hoại mạng chung, sinh về cung Tứ thiên vương.

Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng thiên, long, quỷ, thần, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà khoác y thật đẹp với màu sắc làm hoa mắt người, mang giày dép da viền vàng, lại tô vẽ hai mắt, tay cầm bình bát, đang đi vào thành Xá-vệ.

Lúc đó, có các Tỳ-kheo từ xa nhìn thấy Tôn giả Nan-đà đắp y thật đẹp, vào thành Xá-vệ khát thực. Các Tỳ-kheo liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Sau đó ngồi thối lui, bạch Thế Tôn:

“Vừa rồi Tỳ-kheo Nan-đà đắp y thật đẹp, màu chói mắt người, vào thành Xá-vệ khát thực.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy nhanh chóng đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà nói là Như Lai cho gọi.”

Thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, đánh lễ sát chân, rồi đi đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, nói với Tỳ-kheo Nan-đà rằng:

“Thế Tôn cho gọi người.”

Nan-đà nghe Tỳ-kheo sau khi nói, liền đến chỗ Thế Tôn. Đến rồi đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy Thế Tôn bảo Nan-đà:

“Vì có gì hôm nay người đắp y thật đẹp này, còn mang giày dép da viền vàng, vào thành Xá-vệ khát thực?”

Tôn giả Nan-đà im lặng không nói. Thế Tôn lại bảo tiếp:

“Thế nào Nan-đà, ngươi há không do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo ư?”

Nan-đà Thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Ngươi nay là thiện gia nam tử không y luật mà hành! Do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, sao lại đắp y thật đẹp, chải chuốt đáng vóc để vào thành Xá-vệ khát thực, cùng với những kẻ bạch y kia không khác?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bao giờ thấy Nan-đà,
Tri hạnh a-lan-nhã;
Tâm ưa pháp Sa-môn,*

[591b01]Đầu-đà đưa đến đích.

“Nan-đà, nay ngươi đừng có tạo hạnh như vậy nữa!”

Tôn giả Nan-đà cùng bốn bộ chúng sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà không kham hành phạm hạnh, muốn cỡi pháp y sống đời bạch y. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo Nan-đà không kham hành phạm hạnh, muốn cỡi pháp y, sống đời tại gia.”

Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy đến chỗ Nan-đà nói là Như Lai cho gọi.”

Thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn.”

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, rời chỗ ngồi đứng dậy lễ sát chân Thế Tôn, rồi lui đi. Đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà kia, nói:

“Thế Tôn cho gọi Nan-đà.”

Đáp:

“Vâng.”

Lúc ấy Tỳ-kheo Nan-đà theo Tỳ-kheo này đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Thế Tôn bảo Nan-đà:

“Thế nào Nan-đà? Ngươi không thích tu phạm hạnh, muốn cời pháp y, sống đời bạch y ư?”

Nan-đà thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Vì sao, Nan-đà?”

Nan-đà thưa:

“Dục tâm con hừng hực, không thể tự kiềm được!”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào Nan-đà? Ngươi không phải là thiện gia nam tử xuất gia học đạo ư?”

Nan-đà thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn! Con là thiện gia nam tử, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo.”

Thế Tôn bảo:

“Điều đó không thích hợp với ngươi, là thiện gia nam tử đã bỏ nhà xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, sao lại bỏ chánh pháp mà muốn sống đời ô uế? Nan-đà nên biết, có hai pháp không biết chán đủ. Nếu có người nào sống theo hai pháp này thì không bao giờ biết chán đủ. Hai pháp gì? Dâm dục và uống rượu, đó gọi là hai pháp không biết chán đủ. Nếu người nào sống theo hai pháp này, thì không bao giờ biết chán đủ. Do bởi

Tăng nhất A-hàm

hành quả này mà không thể đạt đến chỗ vô vi. Cho nên, này Nan-đà, hãy ghi nhớ bỏ hai pháp này, sau nhất định sẽ thành tựu quả báo vô lậu. Nan-đà, nay người khéo tu phạm hạnh; con đường dẫn đến quả đạo, không thể đều không do đây.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

[591c01] *Nhà lợp không kín,
Trời mưa ắt dột.
Người không thực hành,
Dâm, nộ, si dột.
Nhà khéo lợp kín,
Trời mưa không dột.
Người hay thực hành,
Không dâm, nộ, si.*²⁴

Thế Tôn lại tự nghĩ: “Thiện gia nam tử này dục ý quá nhiều. Nay Ta có thể dùng lửa trị lửa.”

Rồi Thế Tôn liền dùng thần lực, tay nắm Nan-đà; trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, đem Nan-đà lên Hương sơn.²⁵ Bấy giờ trên núi có một hang đá, lại có một con khi cái mù loà đang ở nơi đó. Thế Tôn, tay phải nắm Nan-đà, bảo rằng:

“Nan-đà, người có thấy con khi cái mù loà này không?”

Thưa:

“Có thấy, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

²⁴ Cf. Dh. 13, 14. *Yathā agāraṃ ducchannaṃ, vuṭṭhī samativijjhati; evaṃ abhāvitaṃ cittaṃ, rāgo samativijjhati. Yathā agāraṃ suchannaṃ, vuṭṭhī na samativijjhati; evaṃ subhāvitaṃ cittaṃ, rāgo na samativijjhati.*

²⁵ Hương sơn 香山, tức Hương túy sơn (Pāli, Skt. Gandhamādana), xem *Trường*, kinh 18: Thế ký.

“Đằng nào xinh đẹp? Tôn-đà-lợi cô gái họ Thích xinh đẹp hay con khi cái mù lòn này xinh đẹp?”

Nan-đà thưa:

“Giống như có người đả thương lỗ mũi con chó dữ, lại bôi thêm độc vào, con chó kia càng thêm dữ hơn. Ở đây cũng như vậy, Thích nữ Tôn-đà-lợi, nếu đen con khi cái mù lòn để cùng so sánh, thì không thể làm thí dụ được. Giống như đồng lửa lớn thiếu đốt sơn dã, còn dùng củi khô bỏ thêm vào thì lửa càng trở nên hừng hực. Ở đây cũng vậy, con nhớ cô gái họ Thích kia, không rời khỏi tâm được.”

Bấy giờ Thế Tôn trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay biến khỏi núi này, hiện đến Tam thập tam thiên. Khi ấy chư thiên trên Tam thập tam thiên đều tụ họp tại giảng đường Thiện pháp. Cách giảng đường Thiện pháp không xa, lại có cung điện, năm trăm ngọc nữ đang vui đùa với nhau, toàn là người nữ không có người nam. Nan-đà từ xa trông thấy năm trăm thiên nữ, đang ca hát kỹ nhạc vui đùa với nhau; bèn hỏi Thế Tôn:

“Đây là những đâu, mà có năm trăm thiên nữ ca hát kỹ nhạc vui đùa với nhau?”

Thế Tôn bảo:

“Nan-đà, ngươi tự đến đó mà hỏi!”

Tôn giả Nan-đà liền đi đến chỗ năm trăm thiên nữ; thấy cung điện nhà cửa kia, trải hàng trăm thứ tọa cụ tốt; toàn là người nữ không có người nam. Tôn giả Nan-đà hỏi thiên nữ kia:

“Các cô, có đúng là thiên nữ đang cùng nhau vui đùa khoái lạc phải không?”

Thiên nữ đáp:

Tăng nhất A-hàm

“Chúng tôi có năm trăm người, tất cả đều thanh tịnh, không có phu chủ. Chúng tôi nghe Thế Tôn có đệ tử tên là Nan-đà, là con di mẫu của Phật. Ngài đang ở chỗ Như Lai tu phạm hạnh thanh tịnh, sau khi mạng chung [591c27] sẽ sinh về cõi này làm phu chủ chúng tôi, cùng vui đùa với nhau.”

Lúc ấy Tôn giả Nan-đà lòng rất vui mừng không thể tự chế, liền tự nghĩ: “Hiện tại ta là đệ tử Thế Tôn, lại là con di mẫu. Những thiên nữ này đều sẽ làm vợ cho ta.”

Bấy giờ, Nan-đà thối lui, đi đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn hỏi:

“Thế nào Nan-đà, Các ngọc nữ kia nói gì?”

Nan-đà thưa:

“Các ngọc nữ kia đều nói, Chúng tôi đều không có phu chủ. Nghe có đệ tử Thế Tôn khéo tu phạm hạnh, sau khi mạng chung sẽ sinh về nơi này.”

Thế Tôn bảo:

“Nan-đà, ý người thế nào? Nan-đà, ý người thế nào?”

Nan-đà thưa:

“Khi ấy, con tự nghĩ, ‘Ta là đệ tử Thế Tôn, là con di mẫu của Phật. Những thiên nữ này tất cả đều sẽ làm vợ cho ta.’”

Thế Tôn bảo:

“Khoái thay, Nan-đà! Khéo tu phạm hạnh, Ta sẽ xác chứng cho người, khiến cho năm trăm người nữ này đều sẽ thành những người hầu hạ người.”

Thế Tôn lại bảo:

“Thế nào Nan-đà? Thích nữ Tôn-đà-lợi xinh đẹp, hay là năm trăm thiên nữ xinh đẹp?”

Nan-đà thưa:

“Giống như con khi cái mù lòn trên đỉnh núi ở trước Tôn-đà-lợi, không tươi sáng cũng không nhan sắc. Ở đây cũng như vậy, Tôn-đà-lợi ở trước những thiên nữ kia cũng lại như vậy, không có tươi sáng.”

Thế Tôn bảo:

“Ngươi khéo tu phạm hạnh, Ta sẽ tác chứng cho ngươi được năm trăm thiên nữ này.”

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ta sẽ dùng lửa để diệt lửa Nan-đà.” Trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thế Tôn tay phải nắm cánh tay Nan-đà, dẫn đến trong địa ngục. Lúc này chúng sanh địa ngục đang chịu ngàn ấy khổ não. Khi ấy trong địa ngục kia có một cái vạc lớn, trống không có người. Thấy vậy, Nân-đà sinh lòng sợ hãi, lông áo đều dựng đứng, đến trước Thế Tôn thưa:

“Ở đây mọi chúng sanh đều chịu khổ đau, chỉ có độc nhất cái vạc này trống không có người!”

Thế Tôn bảo:

“Đây gọi là địa ngục A-tỳ.”

Bấy giờ, Nan-đà lại càng sợ hãi hơn, lông áo đều dựng đứng lên, bạch Thế Tôn:

“Đây là địa ngục A-tỳ, mà sao có một chỗ trống không có tội Nhân?”

Thế Tôn bảo:

“Nan-đà, ngươi tự đến đó hỏi.”

Tôn giả Nan-đà liền đi đến đó và hỏi:

“Thế nào ngục tốt, đây là ngục gì mà trống, không có người?”

Ngục tốt đáp:

“Tỳ-kheo nên [592b01] biết, đệ tử của Phật Thích-ca Văn tên là Nan-đà, ở chỗ Như Lai tu phạm hạnh thanh tịnh, sau khi thân hoại mạng chung sinh về chỗ lành trên trời. Ở đó, ông ta sống lâu nghìn tuổi, tự vui đùa khoái lạc, mạng chung ở đó lại sinh vào trong địa ngục A-tỳ này. Cái vạc trống này chính là nhà của ông ta.”

Tôn giả Nan-đà nghe xong những lời này, sinh lòng sợ hãi, lông áo đều dựng đứng, liền tự nghĩ, “Cái vạc trống này chính là dành cho ta chăng?” Rồi trở lại chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân bạch Thế Tôn:

“Xin nhận sự sám hối tội của chính con, vì không lo tu phạm hạnh, lại còn xúc nhiễu Như Lai!”

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà, liền nói kệ này:

*Đòi người không đủ quý,
Tuổi trời rồi cũng tàn.
Địa ngục chua, thống khổ.
Chỉ có vui Niết-bàn.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Nan-đà:

“Lành thay! Lành thay! Như những gì người đã nói. Niết-bàn rất là khoái lạc. Nan-đà, cho phép người sám hối. Người kẻ ngu si đã tự biết là mình có lỗi đối với Như Lai. Nay Ta nhận sự hối lỗi của người, sau này chớ tái phạm.”

Bấy giờ, Thế Tôn trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, tay nắm Nan-đà biến khỏi địa ngục, trở về đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Nan-đà:

“Này Nan-đà, nay ngươi hãy tu hành hai pháp. Hai pháp gì? Chỉ và quán. Lại phải tu thêm hai pháp. Hai pháp gì? Sinh tử không đáng vui, biết Niết-bàn là an lạc. Đó là hai pháp. Lại tu thêm hai pháp. Hai pháp gì? Trí và biện.”

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết giảng cho Nan-đà bằng nhiều pháp khác nhau. Tôn giả Nan-đà sau khi thọ lãnh những lời dạy của Thế Tôn rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn, rồi thối lui ra về; đi đến rừng An-đà. Ở đó, Tôn giả ngồi kiết già dưới một gốc cây, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt, tư duy những lời dạy này của Như Lai. Bấy giờ Tôn giả Nan-đà ở nơi vắng vẻ, lúc nào cũng tư duy về những lời dạy của Như Lai không bỏ quên giây phút nào, vì mục đích gì mà thiện gia nam tử này, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến biết như thật rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Lúc bấy giờ Tôn giả Nan-đà thành A-la-hán. Sau khi thành A-la-hán, Tôn giả rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, [592c01] ngồi qua một bên. Tôn giả Nan-đà bạch Thế Tôn:

“Trước đây, Thế Tôn đã hứa chứng nhận năm trăm thiên nữ cho đệ tử. Nay con xả hết.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ngươi đã dứt sinh tử, phạm hạnh đã lập. Ta cũng liền bỏ nó luôn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Nay Ta thấy Nan-đà,
Tu hành pháp Sa-môn;
Các ác đều đã diệt,
Không mất hạnh đầu-đà.*

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người đăc A-la-hán, hiện nay chính là Tỳ-kheo Nan-đà, không còn dâm, nộ, si cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Ni-câu-lưu, tại Ca-tỳ-la-việt, Thích-sí-sầu,²⁶ cùng với năm trăm vị Đại Tỳ-kheo. Bấy giờ Đại Ái Đạo Kiền-đàm-di²⁷ đi đến chỗ Thế Tôn, đănh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Ước nguyện Thế Tôn sinh mạng hằng đức thủ hộ để giáo hóa lâu dài những kẻ ngu tối.”

Thế Tôn bảo:

“Cù-đàm-di, không nên nói với Như Lai những lời như vậy. Tuổi thọ của Như Lai lâu vô cùng, mạng hằng đức thủ hộ.”

Bấy giờ, Đại Ái Đạo Cù-đàm-di liền nói kệ này:

*Làm sao lễ Tối thắng,
Đăng thế gian Tối tôn,
Để đọa tất cả nghi?
Do vậy nói lời này.*

Bấy giờ, Thế Tôn đăp lại Cù-đàm-di bằng bài kệ này:

²⁶ Thích-sí-sầu 釋翅瘦, hay Thích-sí 釋翅; Pāli: *Sakkesu*: giữa những người họ Thích. Xem kinh 10, phẩm 17.

²⁷ Đại Ái Đạo Cù-đàm-di 大愛道瞿曇彌. Pāli: Mahāpajāpatī Gotamī.

*Tinh tấn ý khó khuyết;
Thường có tâm dũng mãnh;
Xem Thanh văn bình đẳng;
Đó là lễ Như Lai.*

Rồi Đại Ái Đạo bạch Thế Tôn:

“Từ đây về sau con sẽ lễ Thế Tôn. Nay Như Lai dạy xem²⁸ tất cả chúng sanh với ý không tăng tôn. Trên trời, trong cõi người, cùng A-tu-la, Như Lai là tối thượng.”

Khi ấy Như Lai chấp nhận những gì Đại Ái Đạo đã nói. Bà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi thối lui ra về.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử hiểu biết rộng rãi đệ nhất, chính là Đại Ái Đạo.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

[593a01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai hạng người này ở trong chúng sẽ phát sinh hủy báng Như Lai.²⁹ Hai hạng người nào? Hạng phi pháp nói là pháp; pháp nói là phi pháp. Đó là hai hạng người phi báng Như Lai.

²⁸ Đê bản: lễ 禮. TNM: thị 視.

Tăng nhất A-hàm

“Lại có hai hạng người không phi báng Như Lai. Thế nào là hai? Hạng phi pháp nói là phi pháp; thật pháp nói là thật pháp. Đó là hai hạng người không phi báng Như Lai.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, phi pháp nên nói là phi pháp; thật pháp nên nói là thật pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi Tỳ-kheo nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai hạng người được phước vô lượng. Thế nào là hai? Người khen ngợi điều đáng khen ngợi; người không khen ngợi điều không đáng khen ngợi. Đó là hai hạng người được phước vô lượng.

“Lại có hai hạng người chịu tội vô lượng. Thế nào là hai? Người mà điều đáng khen ngợi, trở lại phi báng; người mà điều không đáng khen ngợi, lại khen ngợi. Các Tỳ-kheo chớ học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³⁰

²⁹ Lưu ý Hán dịch đảo cú. So ngữ cảnh tiếp theo để rõ. Cf. A ii. 3. 3 (R i. 60).

³⁰ Bản Hán, hết quyển 9.

19. PHẨM KHUYẾN THỈNH

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ngồi dưới gốc cây tại đạo tràng,² nước Ma-kiệt. Bấy giờ Thế Tôn đắc đạo chưa lâu, lự nghĩ như vậy: ‘Nay Ta đạt pháp rất sâu, khó hiểu khó rõ, khó có thể giác tri, không thể tư duy; pháp tịch tĩnh vi diệu, được giác tri bởi người trí, được phân biệt nghĩa lý, tu tập không chán, đạt được hoan hỷ.³ Nếu Ta nói pháp vi diệu này cho mọi người, họ sẽ không tin nhận, cũng không phụng hành; không những uổng công vô ích mà còn bị tổn giảm nữa. Nay Ta [593b01] nên im lặng, cần gì phải nói pháp?’

Bấy giờ, Phạm Thiên ở trên cõi Phạm thiên, biết những ý nghĩ của Như Lai. Trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, ông biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Khi ấy Phạm Thiên bạch Thế Tôn:

¹ Tham chiếu Pāli, S. 6. 1.1. Brahma-āyācana (R. i. 136)

² Pāli, *ibid.*: tại Uruvela, bên bờ sông *Nerañjara*, dưới gốc cây bồ-đề *ajapālanigrodha*.

³ Tham chiếu Pāli, *ibid.*: *adhigato kho myāyaṃ dhammo gambhīro duddaso duranubodho santo pañīto atakkāvacaro nipuṇo pañḍitavedanīyo. ālayarāmā kho panāyaṃ pajā ālayaratā ālayasammuditā. ... duddasaṃ idaṃ thānaṃ yadidaṃ idappaccayatāpaṭṭicasamuppādo*, pháp mà Ta chứng đắc sâu xa, khó thấy, khó giác ngộ, tịch tĩnh, vi diệu, không thể suy lý, thâm áo, chỉ bậc trí mới cảm nghiệm được. Chúng sanh này vui thích chấp tàng, yêu thích chấp tàng, hoan hỷ chấp tàng ...khó thấy điều này, đó là lý y tánh duyên khởi.

“Cõi Diêm-phù-đề này chắc sẽ bị tan hoại, ba cõi mất đi con mắt, vì Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian đáng ra sẽ diễn Pháp bảo, nhưng nay lại không diễn nói pháp vị. Cúi mong Như Lai khắp vì tất cả chúng sanh mà rộng nói pháp sâu xa. Lại nữa, căn nguyên của chúng sanh này dễ độ; nếu chúng không nghe, vĩnh viễn mất can mắt pháp.⁴ Chúng sẽ những người con lưu di của pháp.⁵ Giống như hoa sen ưu-bát, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi, tuy ra khỏi bùn đất, nhưng chưa lên khỏi nước, cũng chưa nở bung ra. Khi ấy, hoa kia sinh trưởng dần, nhưng vẫn không ra khỏi mặt nước, chưa ra khỏi nước. Có khi, hoa kia đã lên khỏi nước, hoặc khi ấy hoa kia không bị thấm nước. Ở đây cũng vậy, các loài chúng sanh được thấy bị bức bách bởi sinh, già, bệnh, chết, các căn đã chín mùi, nhưng vì không được nghe pháp nên bị diệt vong, há không khổ sao? Nay thật đúng thời, nguyện xin Thế Tôn nên vì họ nói pháp.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết mọi ý nghĩ trong tâm Phạm Thiên và, vì lòng từ mẫn đối tất cả chúng sanh, nên nói kệ này:

*Nay Phạm Thiên khuyến thỉnh
Như Lai mở cửa pháp.
Người nghe dốc lòng tin,
Phân biệt pháp yếu sâu.*

*Như trên đỉnh núi cao,
Xem khắp loài chúng sanh.
Nay Ta có pháp này,
Mắt pháp hiện lâu cao.*

⁴ Tham chiếu Pāli, ibid.: *santi sattā apparajakkhajātikā, assavanatā dhammassa parihāyanti*, “Có những chúng sanh chỉ dính một ít bụi bần, nếu không được nghe pháp, chúng sẽ trôi đi.”

⁵ Hán: Pháp chi di tử 法之遺子. Pāli, ibid.: *bhāvissanti dhammassa aññātāro*, chúng sẽ là những người khai ngộ pháp.

Bấy giờ Phạm Thiên nghĩ rằng: “Nhu Lai chắc sẽ vì chúng sanh mà nói pháp thâm diệu,” nên trong lòng vui mừng phấn khởi không tự chế được, đánh lễ sát chân rồi liền trở về trời.

Phạm Thiên sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại vườn Nai trong khu Tiên Nhân,⁷ tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai sự này, người học đạo không nên gằn gũ. Hai sự ấy là gì? Tham đắm pháp dục lạc;⁸ đó là pháp phạm phu hạ tiện. Hoặc lại tự hành khổ, với trăm mối khổ não.⁹ Đó là hai việc mà người học không nên gằn gũ. Như vậy, sau khi xả bỏ hai sự này, Ta tự có con đường chí yếu¹⁰ thành tựu được Chánh giác, sinh nhân, [593c01] sinh trí, ý được tịch tĩnh, đắc các thần thông, thành quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn. Thế nào là con đường chí yếu thành tựu được Chánh giác, sinh nhân, sinh trí, ý được tịch tĩnh, đắc các thần thông, thành quả Sa-môn, đạt đến

⁶ Tham chiếu Pāli, S. 56. 2. 1 (R v. 420)

⁷ Pāli: Isipatana Migadāya.

⁸ Hán: dục cập lạc. Pāli: *kāmasukhallikānuyō*, tham đắm khoái lạc dục vọng.

⁹ Hán: hựu thử chư khổ chúng não bách đoan 此諸苦眾惱百端; không rõ nghĩa, hay nhầm. Tham chiếu Pāli, ibid.: *dveme, antā ... kāmesu kāmasukhallikānuyogo ... attakilamathānuyogo dukkho anariyo anattasamhito*, “Có hai cực đoan này...đắm đuối lạc dục trong các dục vọng... và đắm đuối tự hành xác, đau khổ, phi Thánh, không liên hệ mục đích (giải thoát).

¹⁰ Hán: chí yếu chỉ đạo 至要之道; đây hiểu là con đường giữa, trung đạo. Tham chiếu Pāli, ibid.: *ubho ante anupagamma majjhimā paṭipadā*, “tránh xa hai cực đoan này, là con đường giữa.”

Tăng nhất A-hàm

Niết-bàn? Đó là tám phẩm đạo Hiền thánh, là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.* Đó gọi là con đường chí yếu, khiến Ta thành tựu được Chánh giác, sinh nhãn, sinh trí, ý được tịch tĩnh, đắc các thần thông, thành quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học xả bỏ hai sự ấy, và tu tập đạo chí yếu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*La-hầu-la, Ca-diếp, rỗng,
Hai Nan-(đà), Đại Ái Đạo,
Phỉ báng, phi, Phạm thỉnh,
Hai sự tại sau cùng.¹¹*

KINH SỐ 3¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

¹¹ Kệ tóm tắt này gồm 10, nhưng thiếu hệ thống. La-hầu-la (La-vân), trong phẩm 17. Ca-diếp, và tiếp theo, phẩm 18. Hai kinh chót, phẩm 19.

¹² Tham chiếu Pāli, M. 37 Taṇhāsaṅkhaya (R i. 251). Hán, *Tạp* (Việt) kinh 504.

“Thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục, tâm được giải thoát,¹³ cho đến chỗ cứu cánh an ổn, không có mọi tai hoạn, được trời người tôn kính?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Này Câu-dục¹⁴, ở đây nếu Tỳ-kheo nào nghe pháp Không¹⁵ này, tỏ rõ là không có gì, vị ấy liền hiểu rõ được tất cả các pháp. Rồi với pháp khổ, lạc, hay pháp không khổ không lạc, mà thân giác tri được, tức ở ngay nơi thân này, vị ấy quán chúng đều vô thường, đều trở về không. Khi đã quán biết như thật về sự biến dịch của cái không khổ không lạc này, vị ấy cũng không tưởng khởi.¹⁶ Đã không tưởng khởi nên không sợ hãi.¹⁷ Đã không sợ hãi nên Bát-niết-bàn, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Này Thích Đề-hoàn Nhân, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục, đạt được tâm giải thoát, cho đến, chỗ cứu cánh an ổn, không có tai hoạn, được trời người tôn kính.”

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân đánh lễ sát chân Thế Tôn, rồi nhiều quanh ba vòng mà lui.

¹³ Hán: đoạn u ái dục tâm đắc giải thoát 斷於愛欲 心得解脫. Pāli, ibid.: *tañhāsāṅkhayavimutto*, ái tận giải thoát (giải thoát do khát ái đã diệt tận).

¹⁴ Câu-dục 拘翼. Pāli: Kosiya.

¹⁵ Không pháp 空法. Có lẽ từ này do dịch giả diễn ý. Đoạn thuật lại sau này không có từ này. Pāli, ibid.: *sabbe dhammā nāmaṃ abhinivesāyā'ti*, hết thấy các pháp không đáng để tham trước.

¹⁶ Tham chiếu Pāli, ibid. : *tāsu vedanāsu aniccānupassī ... nissaggānupassī viharanto na kiñci loke upādiyati*, quán vô thường nơi các thọ ấy, rồi vị ấy an trú quán xả ly, không chấp thủ cái gì ở trên đời.

¹⁷ Pāli: *anupādiyam na paritassati*, không chấp thủ, nên không sợ hãi. Có lẽ bản Hán đọc *anuppādayam* (không khởi, sinh khởi) thay vì *anupādiyam* (không chấp thủ).

Trong lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi kết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghĩ thầm: “Có phải vừa rồi [594a01] Đệ Thích do được đạo tích mà hỏi việc, hay là không do được đạo tích mà hỏi nghĩa chăng? Nay ta nên thử xem.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền dùng thần túc, trong khoảng khắc như co duỗi cánh tay, lên đến Tam thập tam thiên. Thích Đề-hoàn Nhân từ xa trông thấy Đại Mục-kiền-liên đến, liền đứng lên tiếp đón, và nói:

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, khéo đến! Đã lâu lắm, Tôn giả không đến đây. Mong được cùng Tôn giả luận thuyết nghĩa pháp. Mời Tôn giả ngồi nơi này.”

Bấy giờ, Mục-kiền-liên hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

“Thế Tôn đã nói pháp đoạn ái dục cho ông, tôi muốn nghe nó. Nay là lúc thích hợp, hãy nói cho tôi nghe.”

Thích Đề-hoàn Nhân bạch rằng:

“Hiện tại, tôi bận rộn nhiều việc, vừa có việc riêng, lại vừa có việc của chư thiên. Những gì tôi nghe được tức thì quên mất. Ngài Mục-liên, xưa kia khi đánh nhau với các A-tu-la, trong trận đánh ngày hôm đó, các chư thiên đắc thắng, A-tu-la bị bại. Bấy giờ, đích thân tôi tự đi chiến đấu, sau đó thống lãnh chư thiên trở về thiên cung, ngồi tại giảng đường Tối thắng. Vì nhờ đánh thắng nên gọi là giảng đường Tối thắng.¹⁸ Đường cái thành hàng, đường sá giao nhau. Mỗi một đầu thềm¹⁹ có bảy

¹⁸ Tối thắng giảng đường 最勝講堂. Pāli: Vejayanta-pāsāda, cung điện Chiến thắng.

¹⁹ Giai đầu 階頭. Bản Pāli: *niyyūha*, vọng tháp. Điện Chiến thắng có 100 vọng tháp. Mỗi vọng tháp có 700 ngôi lầu (*kūṭāgāra*).

trăm lâu các, trên mỗi một lâu các đều có bảy ngọc nữ, mỗi một ngọc nữ đều có bảy người hầu. Xin mời Tôn giả Mục-liên ngắm xem nơi đó.”

Rồi Thích Đề-hoàn Nhân cùng Thiên vương Tỳ-Sa-môn, theo sau Tôn giả Mục-liên đến nơi giảng đường Tối thắng. Thích Đề-hoàn Nhân và Thiên vương Tỳ-Sa-môn bạch Đại Mục-kiền-liên:

“Đây là giảng đường Tối thắng. Mời ngài hãy dạo xem.”

Mục-liên bảo Thiên vương:

“Chỗ này rất là vi diệu, đều do tiền thân đã tạo ra phước đức, nên được mời đến bảo đường tự nhiên này. Giống như Nhân gian có một trường hợp vui nhỏ cũng đã tự chúc mừng rồi. Như cung trời cũng không khác. Thấy đều do tiền thân tạo ra phước mà được như vậy.”

Lúc ấy, ngọc nữ hai bên Thích Đề-hoàn Nhân đều chạy tứ tán. Giống như ở dưới nhân gian khi gặp điều cấm kỵ thì trong lòng đều hổ thẹn. Đám ngọc nữ chỗ Thích Đề-hoàn Nhân cũng như vậy, từ xa trong thấy Đại Mục-kiền-liên đến, các cô đều chạy tứ tán mất. Khi ấy, Đại Mục-kiền-liên nghĩ thầm: “Thích Đề-hoàn Nhân này tâm ý rất phóng dật. Ta nên làm cho ông ấy sợ hãi.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền dùng ngón chân phải [594b01] ấn xuống đất, làm cho cung điện kia bị chấn động sáu cách. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Thiên vương Tỳ-Sa-môn trong lòng sợ hãi, lòng trong cả người dựng đứng, nghĩ thầm: “Đại Mục-kiền-liên này có thần túc lớn nên mới có thể làm cho cung điện này chấn động sáu cách. Kỳ diệu thay, chưa từng có việc này!”

Tăng nhất A-hàm

Khi ấy, Đại Mục-kiền-liên nghĩ thầm: “Nay tự thân Đệ Thích này đã sinh lòng sợ hãi, ta phải hỏi về nghĩa sâu kia.”

“Thế nào Câu-dục? Kinh ‘Trừ ái dục’²⁰ mà Như Lai đã thuyết, nay là lúc thích hợp, xin ông nói lại cho chúng tôi nghe.”

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

“Mục-liên, trước đây tôi có đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Lúc ấy tôi liền bạch Thế Tôn: ‘Thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm được giải thoát, cho đến, cứu cánh đến chỗ vô vi, không có khổ hoạn, được trời người tôn kính?’ Bấy giờ Thế Tôn liền bảo tôi rằng: ‘Này Câu-dục, ở đây các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp này rồi, không còn gì gì để đắm trước,²¹ cũng không đắm vào sắc, tỏ rõ hết thấy các pháp đều vô sở hữu. Do đã tỏ rõ tất cả các pháp rồi, hoặc khổ hoặc lạc, hoặc không khổ hoặc không lạc, quán chúng là vô thường, diệt hết không còn, cũng không đoạn hoại. Do quán như vậy rồi, không còn gì để đắm trước. Do không khởi lên thế gian tưởng²² nên không còn sợ hãi. Do không sợ hãi nên Bát-niết-bàn, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Này Thích Đề-hoàn Nhân, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm được giải thoát, cho đến, chỗ cứu cánh vô vi, không có khổ hoạn, được trời người tôn kính.’ Sau khi nghe những lời dạy như vậy, tôi liền đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng, rồi thối lui trở về trời.”

²⁰ Trừ ái dục kinh, tức Pāli: *taṇhakkhaya-sutta*, ái tận kinh (M. 37).

²¹ Nghĩa là, không còn chấp thủ. Pāli, *anupādāya*. xem **cht. 16, 17** trên.

²² Hán: bất khởi thế gian tưởng 不起世間想. Pāli: *na kiñci loke upādiyati*, không còn chấp thủ bất cứ gì trên thế gian. Xem **cht. 16, 17** trên.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bèn nói pháp sâu xa cho Thích Đề-hoàn Nhân và Tỳ-Sa-môn nghe, phân biệt đầy đủ. Sau khi đã thuyết pháp đầy đủ, Mục-kiền-liên trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi Tam thập tam thiên, trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy Mục-kiền-liên ngay trên chỗ ngồi bạch Thế Tôn:

“Trước đây Như Lai nói cho Thích Đề-hoàn Nhân nghe pháp trừ dục. Nguyện xin Thế Tôn hãy nói cho con.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Mục-kiền-liên:

“Ngươi nên biết, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Ta, [594c01] đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Rồi Thích Đề-hoàn Nhân đem nghĩa này hỏi Ta: ‘Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm đắc giải thoát?’ Bấy giờ, Ta bảo Thích Đề-hoàn Nhân rằng: ‘Này Câu-dục, Tỳ-kheo tỏ rõ tất cả các pháp là không, hoàn toàn không có gì, cũng không có cái gì để chấp trước, Tỳ-kheo ấy hiểu rõ hết tất cả các pháp vô sở hữu. Do biết tất cả các pháp là vô thường, diệt hết không còn, cũng không đoạn hoại. Tỳ-kheo ấy quán như vậy rồi, không có gì để đắm trước. Do không khởi thế gian tưởng nên không còn sợ hãi.²³ Do không sợ hãi nên Bát-niết-bàn, biết như thật rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Này Thích Đề-hoàn Nhân, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm được giải thoát. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi thối lui trở về trời.’”

Đại Mục-kiền-liên sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²³ Lưu ý văn các đoạn lặp lại trong Hán dịch không hoàn toàn nhất trí.

KINH SỐ 4²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có hai hạng này, nếu có thấy nghe điện chớp, sấm gầm thì cũng không sợ hãi. Hai hạng ấy là ai? Sư tử vua muôn thú, và A-la-hán lậu tận.²⁵ Nay Tỳ-kheo, đó là gọi là ở thế gian nếu có hai hạng này, dù có thấy nghe điện chớp sấm gầm cũng không sinh lòng sợ hãi.

“Cho nên, nay các Tỳ-kheo, hãy học A-la-hán lậu tận. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này khiến người không có trí tuệ. Hai pháp gì? Không thích hỏi người hơn mình; chỉ ham ngủ nghỉ, không ý siêng năng. Nay Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người không có trí tuệ.

“Lại có hai pháp khiến cho người thành trí tuệ lớn. Hai pháp gì? Thích hỏi nghĩa người khác; không ham ngủ nghỉ, có ý siêng

²⁴ Tham chiếu, Pāli, A. II. 6. Puggalavaggo 6-8.

²⁵ Pāli, A. II. 6. 8 (R. i. 77): *bhikkhu ca khīṇāsavo, sīho ca migarājā*.

năng. Nay Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người có trí tuệ. Các người hãy học lià xa pháp ác.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. [595a01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này khiến người bần tiện, không có tài sản. Hai pháp gì? Khi thấy người khác bố thí thì ngăn cản; tự mình thì không chịu bố thí. Nay Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người bần tiện, không có của báu.

“Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp khiến người phú quý. Hai pháp gì? Khi thấy người cho vật người khác, hoan hỷ trợ giúp; và tự mình cũng thích bố thí. Nay Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người phú quý.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học huệ thí, chớ có lòng tham.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp khiến cho người sinh vào nhà bản tiện. Hai pháp gì? Bất hiếu cha mẹ, các bậc sư trưởng; cũng không thừa sự người hơn mình. Nay Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người sinh vào nhà bản tiện.

“Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp, sẽ khiến người sinh vào nhà hào tộc. Hai pháp gì? Cung kính cha mẹ, anh em, dòng họ; đem những gì có được của nhà mình ra bố thí. Nay Tỳ-kheo, có hai pháp này, sẽ sinh vào nhà hào tộc.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có nữ bà-la-môn tên Tu-thâm đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la. Đến nơi rồi, bà đánh lễ sát chân, sau đó ngồi qua một bên. Khi ấy nữ bà-la-môn kia bạch Câu-hy-la rằng:

“Uất-đầu-lam-phất,²⁶ A-la-lam²⁷ không được hóa độ ở trong pháp sâu này, rồi mạng chung. Thế Tôn thọ ký cho hai người này rằng: ‘ Một người sinh vào Vô sở hữu xứ,²⁸ một người sinh vào Phi tướng phi phi tướng xứ.²⁹ Hai người này sau khi thọ

²⁶ Ưu-đạp-lam-phất 優躡藍弗. Pāli: Uddaka-Rāmaputta.

²⁷ La-lặc-ca-lam 羅勒迦藍. Pāli: Ālāra-Kālāma.

²⁸ Bất dụng xứ 不用處, hay Vô sở hữu xứ. Pāli: Ākiñcaññāyatana.

²⁹ Hữu tướng vô tướng xứ 有想無想處, hay Phi tướng phi phi tướng xứ. Pāli: Nevasaññā-nāsaññāyatana.

mạng ở đó hết, lại mạng chung. Một người sẽ làm quốc vương nơi biên địa, sát hại nhân dân không thể kể xiết. Một người sẽ làm chồn ác có cánh, các loài thú hoặc bay, hoặc chạy nhảy đều không thoát được nó. Sau khi chúng mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục.’ Nhưng Thế Tôn lại không thọ ký cho họ lúc nào sẽ tận cùng biên tế khổ. Có sao Thế Tôn không thọ ký cho họ tận cùng biên tế khổ?”

Bấy giờ, Tôn giả Câu-hy-la bảo nữ nhân Tu-thâm:

“Sở dĩ Thế Tôn không [595b01] thọ ký là do vì không có người hỏi về nghĩa này, cho nên Thế Tôn không thọ ký họ lúc nào sẽ hết biên tế khổ.”

Nữ nhân Tu-thâm thưa:

“Bây giờ, Như Lai đã vào Niết-bàn, cho nên không hỏi được. Nếu Ngài còn tại thế, con sẽ đến hỏi nghĩa này. Vậy, nay Tôn giả Câu-hy-la nói cho con biết lúc nào họ sẽ hết biên tế khổ?”

Bấy giờ, Tôn giả Câu-hy-la liền nói kệ này:

*Các loại quả không đồng,
Hương chúng sanh cũng vậy.
Người tự giác, giác tha,
Đây, tôi không biện thuyết.
Biện Thiên trí giải thoát,
Nhớ đời trước, thiên nhãn;
Hay dứt nguồn gốc khổ,
Đây, tôi không biện thuyết.*

Lúc đó, nữ nhân Tu-thâm liền nói kệ này:

*Thiện Thệ có trí này,
Chất trực không tì vết;
Dũng mãnh, đã chiến thắng,
Cầu nơi hạnh Đại thừa.*

Tăng nhất A-hàm

Lúc này Tôn giả Câu-hy-la lại nói kệ này:

*Ý này thật khó được,
Hay được pháp yếu khác;
Khó mà biện thuyết nổi,
Đối với sự kỳ diệu.*

Bấy giờ, Tôn giả nói đầy đủ pháp yếu cho nữ nhân Tu-thâm kia, khiến phát tâm hoan hỷ. Nữ nhân kia rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi thối lui ra về.

Nữ nhân Tu-thâm sau khi nghe những gì Tôn giả Câu-hy-la dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Tôn giả Ma-ha Ca-giá-diên³¹ hướng dẫn chúng năm trăm đại Tỳ-kheo, du hành đến bên cạnh hồ sâu, nước Bà-na.³² Bấy giờ, Tôn giả Ca-giá-diên đang nổi tiếng khắp nơi. Có một Tôn giả trưởng lão Bà-la-môn Gian-trà³³ cũng đang du hóa ở đây. Bà-la-môn nghe sau khi nghe tin Tôn giả Ca-giá-diên hướng dẫn năm trăm Tỳ-kheo đang du hóa bên cạnh hồ này, bèn nghĩ: “Tôn giả trưởng lão công đức đầy đủ, nay ta nên đến thăm hỏi người này.”

³⁰ Pāli, A II.4.7 (R i. 67).

³¹ Ca-giá-diên. Pāli, ibid.: Mahākaccāna.

³² Bà-na quốc 婆那國. Mahāccāna ở tại Madhura, trong rừng Gunda.

³³ Gian-trà 姦茶. Pāli: Kaṇḍarāyana.

Bấy giờ, Thượng Sắc Bà-la-môn³⁴ dẫn theo năm trăm đệ tử đến chỗ Tôn giả Ca-giá-diên, cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn hỏi Tôn giả Ca-giá-diên:

“Nhu sở hành của Ca-giá-diên, thì đây không phải là pháp luật. Tỳ-kheo niên thiếu mà không chịu làm lễ các vị cao đức Bà-la-môn chúng tôi!”

Ca-giá-diên nói:

“Bà-la-môn nên biết, Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác chúng tôi nói về hai địa này. Hai địa gì? Một là địa vị già cả; hai là địa vị trai tráng.”³⁵

Bà-la-môn hỏi:

“Sao gọi là địa vị già cả? Sao gọi là vị trai tráng?”

Ca-giá-diên nói:

“Giả sử Bà-la-môn ở vào tuổi tám mươi, hay chín mươi, nhưng người kia không đình chỉ dâm dục, tạo các ác hành, Bà-la-môn đó tuy gọi là già cả, song hiện đang ở vào địa vị trai tráng.”

Bà-la-môn hỏi:

“Sao gọi là tuổi trai tráng ở vào địa vị già cả?”

Ca-giá-diên nói:

“Bà-la-môn, nếu có Tỳ-kheo tuy ở vào tuổi hai mươi, hay ba mươi, bốn mươi, năm mươi, nhưng không tập hành dâm dục,

³⁴ Thượng Sắc Bà-la-môn 上色婆羅門 = Gian-trà bà-la-môn; cùng một người, dịch nghĩa của phiên âm trên. Nhưng nghĩa này không phù hợp nghĩa với Pāli.

³⁵ Hán: lão địa, tráng địa 老地壯地. Pāli, *ibid.*, *vuddhabhīmi ca daharabhūmi ca*. địa vị trưởng đại, và địa vị niên thiếu.

Tăng nhất A-hàm

cũng không tạo ác hành. Đó gọi là, này Bà-la-môn, tuổi trai tráng ở vào địa vị già cả.”

Bà-la-môn hỏi:

“Trong đại chúng này có một Tỳ-kheo nào không hành dâm dục, không tạo ác hành không?”

Ca-giá-diên nói:

“Trong đại chúng của tôi không có một Tỳ-kheo nào tập hành dục và tạo ác cả.”

Lúc ấy, bà-la-môn từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ sát chân các Tỳ-kheo và nói lời này:

“Nay, các ông tuổi niên thiếu ở vào vị già cả, còn tôi tuổi già cả ở vào vị niên thiếu!”

Sau đó bà-la-môn kia trở lại chỗ Ca-giá-diên, đánh lễ sát chân rồi tự trình bày:

“Nay, con xin quy y Tôn giả Ca-giá-diên cùng Tỳ-kheo Tăng, suốt đời không sát sinh.”

Ca-giá-diên nói:

“Nay ông chớ quy y tôi, mà ông nên hướng về chỗ tôi đã quy y.”

Bà-la-môn hỏi:

“Tôn giả Ca-giá-diên đã quy y ai?”

Tôn giả Ca-giá-diên liền quỳ hướng về chỗ Như Lai đã Bát-niết-bàn, nói: “Có người con dòng họ Thích xuất gia học đạo. Tôi hằng quy y Ngài. Vậy, Người đó tức là Thầy tôi.”

Bà-la-môn thưa:

“Sa-môn Cù-đàm này hiện đang ở chỗ nào? Nay tôi muốn gặp Ngài.”

Ca-giá-diên nói:

“Nhu Lai của tôi đã vào Niết-bàn rồi!”

Bà-la-môn thưa:

“Nếu Nhu Lai còn ở tại thế, thì dù trăm nghìn do tuần con cũng đến thăm hỏi Ngài. Nhu Lai kia tuy đã vào Niết-bàn, nhưng nay con một lần nữa quy y, làm lễ Phật, Pháp cùng Thánh chúng, suốt đời không tái phạm sát sinh.”

Thượng Sắc Bà-la-môn sau khi nghe những gì Tôn giả Ca-giá-diên dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. [596a01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai hạng người xuất hiện thế gian, rất khó gặp được. Hai hạng người ấy là ai? Người hay thuyết pháp xuất hiện ở thế gian, thật là khó gặp được; người hay nghe pháp, thọ trì phụng hành, thật là khó gặp được. Tỳ-kheo, đó là hai hạng người xuất hiện thế gian, thật khó gặp được.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học thuyết pháp. Hãy học nghe pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Ma-kiệt, lần hồi đến thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Ngài cùng với năm trăm chúng đại Tỳ-kheo đang ở trong vườn Am-bà-bà-lợi³⁶ phía bắc thành Tỳ-xá-ly.

Lúc này, nữ Am-bà-bà-lợi³⁷ nghe Thế Tôn cùng năm trăm đại Tỳ-kheo đến ở trong vườn, cô liền thắt xe có gắn lông chim³⁸ ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến ngã đường hẹp là đến chỗ Thế Tôn, cô tự xuống xe, đến chỗ Phật. Bấy giờ, từ xa Thế Tôn trông thấy người nữ kia đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hãy chuyên tinh, chớ sinh tà niệm.”

Lúc ấy, người nữ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi Phật nói cho cô nghe pháp cực kỳ vi diệu. Sau khi nghe pháp vi diệu, cô bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng nhận lời mời của con.”

Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Cô thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi thối lui ra về.

Bấy giờ, nam nữ lớn nhỏ trong thành Tỳ-xá-ly nghe tin Thế Tôn cùng năm trăm chúng đại Tỳ-kheo đang ở trong vườn Am-bà-bà-lợi. Lúc ấy, trong thành có năm trăm³⁹ đồng tử đi các loại

³⁶ Âm-bà-bà-lợi viên 閻婆婆利園. Pāli, Ambapālī-vana. Tham chiếu, D. 16 (R ii. 95ff). Hán, *Trường* kinh 2: Du hành.

³⁷ Âm-bà-bà-lợi nữ 閻婆婆利女. Pāli: Ambapālī gaṇikā.

³⁸ Hán: vũ bảo chi xa 羽寶之車. Pāli: *bhaddāni bhaddāni yāni*, những cỗ xe lông lẫy. Có lẽ bản Hán đọc Skt. *patrāni* (lông chim) thay vì *bhadrāni* (đẹp quý). *Trường* kinh 2, *ibid.*, dịch là nghiêm giá bảo xa 嚴駕寶車.

³⁹ Để bản: năm trăm ức. TNM: năm trăm.

xe có gắn lông chim*; trong đó hoặc có người đi xe trắng thì ngựa trắng, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng trắng; đi xe đỏ thì ngựa đỏ, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng đỏ; đi xe xanh thì ngựa xanh, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng xanh; đi xe vàng thì ngựa vàng, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng vàng. Cử chỉ, ăn mặc như vương pháp.⁴⁰ Họ ra khỏi thành, đến chỗ Thế Tôn. Chưa đến nơi, giữa đường họ gặp người nữ kia đang dong xe đánh bò⁴¹ chạy hướng về trong thành. Khi ấy các đồng tử hỏi người nữ:

“Cô gái này, thật đáng xấu hổ! Sao lại [596b01] đánh bò dong xe, chạy hướng về trong thành?”⁴²

Cô đáp:

“Các Hiền giả nên biết, ngày mai tôi có thỉnh Phật cùng Tỳ-kheo Tăng, cho nên mới đánh xe vậy!”

Các đồng tử nói:

“Chúng tôi cũng muốn mời Phật cùng Tỳ-kheo Tăng thọ trai. Bây giờ cho cô một nghìn lạng vàng ròng, hãy nhường cái hện cúng dường com ngày mai lại cho chúng tôi.”

Người nữ đáp:

“Thôi đi, thôi đi, quý công tử! Tôi không chịu đâu!”

Các đồng tử lại nói:

⁴⁰ Các kinh đều nói họ là những quý tộc Licchavi (Li-xa).

⁴¹ Đê bản: tầu đá xa ngưu 走打車牛 (ruổi xe và đánh con bò kéo xe). TNM: tầu xa đá ngưu.

⁴² Hán dịch có thể nhầm, vì vô lý. Pāli, *ibid.*, và *Trường* 2 đều nói: xe cô và xe các thiếu niên Tỳ-da-ly đụng nhau nên họ gây cô. (Pāli: *cakkena cakkam yugena yugam paṭivaṭṭesi*: xe đụng xe, ách đụng ách).

Tăng nhất A-hàm

“Cho cô hai nghìn lượng, ba nghìn, bốn nghìn, năm nghìn, ... cho đến trăm nghìn lượng, chịu hay không chịu, ngày mai nhường cúng dường cơm cho Phật cùng Tỳ-kheo Tăng lại cho chúng tôi?”

Người nữ đáp:

“Tôi không chịu đâu. Vì sao vậy? Vì Thế Tôn thường dạy: ‘Có hai hy vọng mà người đời không thể lìa bỏ. Thế nào là hai? Hy vọng tài lợi, hy vọng mạng sống’. Ai có thể bảo đảm cho tôi đến ngày mai? Vì tôi đã thỉnh Như Lai trước, nên nay sẽ phải chuẩn bị đầy đủ.”

Các đồng tử vung tay lên nói:

“Chúng ta bao nhiêu người mà không bằng một cô gái!”

Nói như vậy rồi họ bỏ cô mà đi.

Bấy giờ, các đồng tử đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ, rồi đứng qua một bên. Khi Thế Tôn thấy các đồng tử đến, bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo các người, hãy nhìn cử chỉ, phục sức của các đồng tử này, giống như khi Thiên đế Thích đi dạo chơi, không có gì sai khác.”

Rồi Thế Tôn nói với các đồng tử:

“Thế gian có hai việc thật bất khả đắc. Thế nào là hai? Người có đền đáp, và người tạo ân nhỏ luôn không quên, huống chi là lớn. Nay các đồng tử đó gọi là có hai việc thật bất khả đắc. Đồng tử nên biết hãy nhớ đền đáp, cũng như biết ân nhỏ không quên, huống chi là lớn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tri ân, biết đền đáp,
Luôn nhớ người dạy dỗ;*

*Người trí được kính hầu,
Tiếng khen khắp trời người.*

“Nhu vậy, các đồng tử, hãy học điều này.”

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho các đồng tử. Sau khi nghe xong, họ từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi thối lui ra về.

Ngay trong đêm hôm đó, cô gái sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt, trải các tọa cụ. Sáng sớm đến bạch:

“Đã đến giờ, nay đã đúng lúc, nguyện xin Thế Tôn hạ cố đến tộ xá.”

Bấy giờ, Thế Tôn đáp y ôm bát, dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đến nhà người nữ trong thành Tỳ-xá-ly.

Khi cô thấy Thế Tôn đã an tọa, liền tự tay dâng thức ăn lên Phật [596c01] cùng Tỳ-kheo Tăng. Cúng dường thức ăn cho Phật và Tỳ-kheo Tăng rồi, cô đi lấy nước sạch, sau đó lấy ghè chạm vàng nhỏ đặt ngồi trước Thế Tôn. Khi ấy cô bạch Thế Tôn:

“Vườn Am-bà-bà-lợi này, con dâng lên Như Lai và Tỳ-kheo Tăng, để cho chúng Tăng quá khứ, hiện tại, tương lai được dùng nghỉ nơi đây. Nguyện xin Thế Tôn nhận vườn này.”

Thế Tôn vì người nữ kia, nên nhận vườn này. Thế Tôn bèn nói lời chú nguyện này:

*Thí vườn trái, mát mẻ;
Làm cầu dò đưa người;
Gần đường làm cầu xí,
Nhân dân được nghỉ ngơi.
Ngày đêm được an ổn,
Phước kia không thể kể;*

Tăng nhất A-hàm

*Các giới pháp thành tựu,
Chết chắc sinh lên trời.*

Thế Tôn sau khi nói những lời này xong, liền đứng dậy ra về.
Người nữ bấy giờ nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Đoạn ái, cùng sự tử,
Vô trí, ít của cải;
Nhà nghèo, nữ Tu-thâm,
Ca-chiên, thuyết pháp, nữ.⁴³*

⁴³ Bản Hán, hết quyển 10.

20. PHẨM THIỆN TRI THỨC

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn dạy chư Tỳ-kheo:

“Nên gìn giữ thiện tri thức, đừng tập theo ác hành, tin vào ác nghiệp. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, gìn giữ thiện tri thức, tín được tăng trưởng; vãng, thí, trí huệ, hết thấy đều tăng trưởng. Nếu các Tỳ-kheo gìn giữ thiện tri thức, thì không tập theo các ác hành. Vì sao vậy? Nếu gìn ác tri thức, sẽ không có tín, không có giới, vãng, thí, trí tuệ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy gìn giữ thiện tri thức, đừng gìn giữ ác tri thức. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, [597a01] hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Ca-lan-đà,¹ trong Trúc viên, thành La-duyệt, thuyết pháp cho năm trăm đại Tỳ-kheo vây quanh trước sau.

¹ Ca-la-đà 迦羅陀, Ca-lan-đà trong các kinh trước.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đầu² dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi ngang qua, cách Như Lai không xa. Đức Thế Tôn từ xa thấy Đề-bà-đạt-đầu dẫn môn đồ đi, liền nói kệ này:

*Đừng gần ác tri thức,
Cũng đừng dại theo hầu.
Nên gần thiện tri thức,
Bậc tối thắng trong người.*

*Người vốn không có ác;
Tập gần ác tri thức,
Sau tất trông gốc ác,
Ở mãi trong tối tăm.*

Lúc đó, năm trăm đệ tử Đề-bà-đạt-đầu nghe đức Thế Tôn nói kệ này, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Không lâu, họ rời chỗ ngồi, hướng về đức Thế Tôn hỏi lỗi:

“Chúng con ngu muội không hiểu biết gì. Cúi xin đức Thế Tôn nhận sự sám hối chúng con.”

Thế Tôn nhận sự sám hối của năm trăm vị Tỳ-kheo kia, rồi thuyết pháp cho họ, khiến được tin căn.

Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo ở nơi nhàn tịnh, tư duy pháp mầu. Vì sao vậy? Vì mục đích mà thiện gia nam tử, với lòng tin kiên cố, tu phạm hạnh vô thượng. Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo kia thành A-la-hán, tự biết như thật rằng, sanh tử đã hết, việc cần làm đã xong, phạm hạnh đã lập, không còn tái sinh nữa. Bấy giờ, năm trăm người thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

² Bản gốc Đề-bà-đạt-đầu,

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho vô số chúng vây chung quanh. Lúc đó Đàm-ma-lu-chi³ một mình tư duy trong tinh thất, nhập thiền tam-muội, quán thấy tiền thân làm thân cá dài bảy trăm do tuần, ở trong biển lớn. Tức thì, ông rời tinh thất, trong khoảnh khắc như lực sĩ trong khoảng co duỗi cánh tay, đến biển lớn, đi kinh hành trên xác chết cũ. Khi ấy, Đàm-ma-lu-chi nói kệ này:

*Sanh tử vô số kiếp,
Luu chuyển không thể tính.
[597b01] Mỗi mỗi cầu được an;
Liên lý chịu khổ ão.*

*Dù thấy lại thân rồi,
Ý muốn tạo nhà cửa;
Tất cả chi tiết hoại,
Hình thể không nguyên vẹn.*

*Tâm đã lia các hành,
Ái trước đã diệt tận,
Không thọ lại thân này;
Mãi vui trong niết-bàn.*

Sau khi Tôn giả Đàm-ma-lu-chi nói kệ này rồi, bèn biến mất khỏi chỗ đó, xuất hiện đến chỗ Thế Tôn tại tinh xá Kỳ-hoàn, nước Xá-vệ.

³ Đàm-ma-lu-chi 曇摩留支, đồng nhất với Dhammaruci, trong Apādana (R. ii. 429).

Thế Tôn thấy Đàm-ma-lưu-chi đến, liền bảo rằng:

“Lành thay, Đàm-ma-lưu-chi, lâu lắm mới đến chốn này.”

Đàm-ma-lưu-chi bạch Thế Tôn:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn, lâu lắm con mới đến chốn này.”

Bấy giờ các Thượng tọa và các Tỳ-kheo đều nghĩ thầm :

“Đàm-ma-lưu-chi này thường ở bên cạnh Thế Tôn, nhưng nay Thế Tôn bảo rằng: ‘Lành thay! Đàm-ma-lưu-chi, lâu lắm mới đến chốn này?’”

Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm các Tỳ-kheo, muốn dứt nghi ngờ của họ, nên bảo chư Tỳ-kheo:

“Chẳng phải vì Đàm-ma-lưu-chi lâu lắm đến chốn này mà Ta nói nghĩa này. Vì sao vậy? Vì vô số kiếp quá khứ xưa kia có đức Đỉnh Quang⁴ Như Lai Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu*, Thiên Nhân sư, Phật Thế Tôn* xuất hiện ở đời, giáo hóa tại đại quốc Bát-ma⁵ cùng với mười bốn ngàn tám trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ chúng bốn bộ không thể tính kể. Quốc vương, đại thần, quan lại, nhân dân, đều đến cúng dường, cung cấp những phẩm vật nhu yếu.

“Bấy giờ có bà-la-môn tên Da-nhã-đạt⁶ sống bên sườn Tuyết sơn, xem sấm bí mật, thiên văn, địa lý, tất cả đều rất thông thạo; sách số, văn tự, cũng đều hiểu biết, đọc tụng một câu năm trăm từ; tướng của bậc đại nhân cũng đều biết rõ. Ông thờ các thần

⁴ Đễ bản: Định Quang 定光. TNM: Đỉnh Quang 錠光. Pāli: Dīpaṅkara.

⁵ Bát-ma đại quốc 鉢摩大國. *Tứ phần 31* (T22n1428, tr. 782b1): Liên hoa 蓮花. Skt: Padma (Pāli: Paduma).

⁶ Da-nhã-đạt 耶若達. *Tứ phần*, ibid. (tr.784a03): Tụ Thí 祀施. Skt. Yajñadatta (Pāli: Yaññadatta).

lửa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú và dạy năm trăm đệ tử đêm ngày không mỏi. bà-la-môn Da-nhã-đạt có đệ tử tên là Vân Lô,⁷ tướng mạo xinh đẹp hiếm có trên đời; mắt⁸ màu xanh biếc. Bà-la-môn Vân Lô thông minh, thấy rộng, thông hiểu mọi thứ, thường được Da-nhã-đạt yêu mến không chút rời xa. Bây giờ, những chú thuật mà bà-la-môn làm đều đem ra dạy đủ hết. Lúc ấy bà-la-môn Vân Lô liền suy nghĩ như vậy: ‘Nay ta đã đủ hết những gì nên học.’ Song lại nghĩ thầm: ‘Sách vở [597c01] có ghi, những bà-la-môn có học, người hành pháp thuật xong, phải báo ơn thầy. Nay những gì cần học ta đều biết hết. Nay ta phải báo đáp ân thầy. Nhưng mình nghèo thiếu, trống không, không có gì để cúng dường thầy. Ta hãy đi khắp nơi trong nước tìm những thứ cần.’

“Rồi bà-la-môn Vân-lôi liền đến chỗ thầy, bạch thầy rằng: ‘Những phương pháp kỹ thuật mà bà-la-môn học, nay con đã biết rồi. Nhưng trong sách lại ghi, những người học pháp thuật rồi phải báo ơn thầy. Song con lại nghèo thiếu, không có vàng bạc trân bảo có thể dùng cúng dường. Nay con muốn đi khắp nơi trong nước tìm kiếm tài vật dùng cúng dường thầy.’”

“Bà-la-môn Da-nhã-đạt liền nghĩ thầm: ‘Bà-la-môn Vân Lô này được ta yêu mến, không rời khỏi tâm, dù ta có chết còn không thể xa lìa, huống chi hôm nay muốn bỏ ta đi. Nay ta phải làm sao để giữ ở lại cho được?’”

“Khi đó bà-la-môn Da-nhã-đạt liền bảo Vân-lôi: ‘Anh bà-la-môn, nay vẫn có điều bà-la-môn cần phải học mà anh còn chưa biết.’ Bà-la-môn Vân-lôi liền đến trước bạch thầy: ‘Cúi mong được chỉ dạy, những gì chưa đọc tụng.’”

⁷ Vân Lô 雲雷. Tứ phần, ibid. (tr.784a19): Di-khước 彌卻. Skt. Megha.

⁸ Đề bản: 髮 phát (tóc); TNM: 眼 *nhãn* (mắt).

“Khi đó bà-la-môn Da-nhã-đạt liền suy nghĩ làm ra bài tụng năm trăm từ, bảo Vân Lô: ‘Nay có sách này gọi là tụng năm trăm lời, anh nên học thuộc.’

“Vân Lô bạch: ‘Mong thầy truyền thọ, con muốn được đọc tụng.’

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Da-nhã-đạt liền truyền cho đệ tử bài tụng năm trăm lời này. Qua chưa được mấy ngày, tất đều thông suốt.

“Bà-la-môn Da-nhã-đạt bảo năm trăm đệ tử: ‘Bà-la-môn Vân Lô này, kỹ thuật đầy đủ, không việc gì không thông. Ta đặt tên ngay là Siêu Thuật.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật này rất là tài cao; thiên văn, địa lý không gì không xuyên suốt; thư số, văn tự cũng đều biết rõ. Bà-la-môn Siêu Thuật qua mấy ngày sau, lại thưa với thầy: ‘Pháp kỹ thuật mà bà-la-môn đã học, nay con biết hết rồi. Song trong sách ghi lại, những người học pháp thuật rồi phải báo ơn thầy. Nhưng con lại nghèo thiếu, không có vàng bạc, trân bảo, có thể cúng dường thầy. Nay muốn đi khắp nơi trong nước tìm kiếm tài vật để cúng dường thầy. Cúi mong thầy cho phép’. Bà-la-môn Da-nhã-đạt bảo: ‘Anh biết đúng thời.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật đến trước lễ sát chân thầy rồi liền lui [598a01] đi.

“Bấy giờ, cách thị trấn của đại quốc Bát-ma không xa, có nhiều bà-la-môn tập hội lại một chỗ, đang thiết đại tế đàn và cũng để giảng luận. Lúc đó, có tám vạn bốn ngàn bà-la-môn cùng tụ tập. Vị thượng tọa đệ nhất cũng đọc tụng thư số ngoại đạo, không gì không tinh tường. Hiểu biết thiên văn địa lý, tinh tú biến quái tất đều biết rõ. Mỗi người khi sắp giải tán, họ liền lấy năm

trăm lượng vàng, một cây gậy vàng, bình nước rửa bằng vàng và một ngàn con bò dùng dâng lên vị thượng sư và thượng tọa đệ nhất.⁹

“Bấy giờ bà-la-môn Siêu Thuật nghe cách nước lớn Bát-ma không xa có tám vạn bốn ngàn bà-la-môn đang tụ tập lại một chỗ. Họ có thi nghệ thuật. Người thắng được năm trăm lượng vàng, một cây gậy vàng, một bình nước rửa bằng vàng và một ngàn con bò.

“Bà-la-môn Siêu Thuật nghĩ thầm: ‘Nay ta sao phải đi khát cầu từng nhà? Chẳng bằng đến đám đông kia cùng so tài nghệ.’

“Rồi bà-la-môn Siêu Thuật liền đến chỗ đám đông. Bấy giờ, nhiều bà-la-môn từ xa trông thấy bà-la-môn Siêu Thuật, mọi người đều hô to: ‘Lành thay Từ chủ!¹⁰ Nay được lợi lớn mới khiến Phạm thiên đích thân giáng hạ.’

“Khi ấy tám vạn bốn ngàn bà-la-môn đều đứng dậy cùng nghinh đón, đồng loạt nói rằng: ‘Kính Đại Phạm Thần Thiên mới đến!’

“Bà-la-môn Siêu Thuật nghĩ thầm: ‘Các bà-la-môn này gọi ta là Phạm Thiên, nhưng ta lại chẳng phải Phạm Thiên!’

“Rồi bà-la-môn Siêu Thuật nói với các vị Bà-la-môn rằng: ‘Thôi, thôi, các Hiền giả, chớ gọi tôi là Phạm Thiên. Quý vị không nghe sao? Phía Bắc Tuyết sơn có thầy của chúng bà-la-môn tên Da-nhã-đạt, thiên văn địa lý không gì không tinh thông.’

⁹ Có lẽ mỗi người khi giải tán nhận được những thứ ấy, chứ không phải mỗi người dâng cho thượng sư và thượng tọa như Hán dịch.

¹⁰ Hán: từ chủ 祠主, chủ tổ chức tế đàn này.

“Các bà-la-môn nói: ‘Chúng tôi có nghe, nhưng chưa từng gặp.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật nói: ‘Tôi chính là đệ tử của vị ấy, tên là Siêu Thuật.’

“Rồi bà-la-môn Siêu Thuật liền quay sang vị thượng tọa đệ nhất trong chúng ấy báo rằng: ‘Nếu ngài biết kỹ thuật xin nói cho tôi nghe.’

“Bấy giờ, người đứng đầu trong chúng kia liền quay sang bà-la-môn Siêu Thuật tụng ba tạng kỹ thuật¹¹ không hề sai sót. Bà-la-môn Siêu Thuật nói với vị thượng tọa kia rằng: ‘Một câu năm trăm lời, ông hãy nói đi!’

“Lúc đó, vị thượng tọa kia nói: ‘Tôi không hiểu nghĩa này. Cái gì là một câu năm trăm lời?’

“Bà-la-môn Siêu Thuật bảo: ‘Quý vị, hãy yên lặng nghe nói một câu năm trăm lời; nói về tướng [598b01] của bực đại Nhân.’

“Tỳ-kheo, nên biết, bấy giờ bà-la-môn Siêu Thuật liền tụng thuật ba tạng và, một câu năm trăm lời, về tướng của bực đại nhân. Khi ấy, tám vạn bốn ngàn bà-la-môn khen, ‘Chưa từng có, thật là kỳ đặc, từ trước chúng ta chưa nghe một câu năm trăm lời về tướng của bực đại nhân. Nay tôn giả nên đứng đầu làm thượng tọa đệ nhất.’

“Bấy giờ bà-la-môn Siêu Thuật thay chỗ thượng tọa kia rồi, liền ngồi vào chỗ cao nhất. Lúc đó, thượng tọa của chúng kia trong lòng rất tức giận, phát thệ nguyện như vậy: ‘Người này thay chỗ ngồi của ta, tự thế vào chỗ đó. Những phước mà ta có

¹¹ Ba tạng kỹ thuật, đây chỉ ba pho Vệ-đà.

được nhờ tụng kinh, trì giới, khổ hạnh, nay đều đem hết để vào lời thề: Những nơi nào người này sanh ra, những việc gì người này muốn làm, ta luôn luôn phá hỏng công việc của nó.’

“Lúc đó người chủ cúng thí liền xuất năm trăm lạng vàng và một cây gậy vàng, một bình nước rửa bằng vàng, một ngàn con bò và một cô gái đẹp đem đưa cho thượng tọa để chú nguyện.

“Bấy giờ thượng tọa bảo chủ nhân rằng: ‘Nay tôi nhận năm trăm lạng vàng, gậy vàng và bình nước rửa bằng vàng này đem cúng dường thầy tôi. Còn cô gái và một ngàn con bò này trả lại cho thí chủ. Vì sao vậy? Vì tôi không tập hành dục, cũng không chứa của.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật sau khi nhận gậy và bồn tắm rửa bằng vàng rồi liền đi đến nước lớn Bát-ma. Vua nước đó tên là Quang Minh.¹² Lúc đó, nước này thịnh Như Lai Định Quang và chúng Tỳ-kheo cúng dường y phục ẩm thực. Bấy giờ, vua nước này thông báo trong thành: ‘Người dân nào có hương hoa, hết thầy không được bán. Nếu có ai bán, sẽ bị phạt nặng. Ta tự xuất tiền ra mua không cần đem bán.’ Lại ra lệnh nhân dân rưới nước quét dọn làm cho sạch, không để có đất cát dơ bẩn, treo tràng phan bảo cái lụa là, rưới hương thơm trên đất, xướng ca kỹ nhạc không thể tính kể.

“Bà-la-môn kia thấy vậy, liền hỏi người đi đường rằng: ‘Nay là ngày gì mà rưới nước quét dọn đường sá, đẹp bỏ bất tịnh, treo tràng phan bảo cái lụa là, không thể tính kể, chẳng lẽ thái tử của quốc chủ hay kết hôn chăng?’

“Người đi đường kia đáp: ‘Bà-la-môn không biết sao? Hôm nay vua nước lớn Bát-ma thịnh Định Quang Như Lai, Chí chon,

¹² Quang minh 光明. *Tứ phần*, ibid., Thắng Oán vương 勝怨王.

Đẳng chánh giác, cúng dường y phục đồ ăn thức uống, nên mới sửa sang đường xá bằng phẳng, treo tràng phan bảo cái lụa là.’ Và lại, trong bí điển của bà-la-môn cũng có lời này: ‘Nhu Lai xuất thế rất khó gặp được. Rất lâu mới xuất hiện; thật khó có thể gặp được. Cũng như hoa ưu-đàm-bát thật rất lâu mới xuất hiện. Đây cũng [598c01] như vậy, Nhu Lai xuất hiện ở đời thật không thể gặp được. Lại trong sách bà-la-môn cũng nói: ‘Có hai người ra đời rất khó gặp được. Hai người ấy là ai? Nhu Lai và Chuyển luân Thánh vương. Hai người này xuất hiện rất khó gặp được.’

“Bấy giờ người kia lại nghĩ rằng: ‘Ta sao phải cấp tốc báo ân thầy? Nay ta hãy đem năm trăm lạng vàng này dâng lên đức Định Quang Nhu Lai.’ Ông lại nghĩ như vậy: ‘Trong sách có ghi, Nhu Lai không nhận vàng bạc trân bảo, ta có thể đem năm trăm lạng vàng này, dùng mua hoa hương rải lên Nhu Lai.’ Lúc đó, bà-la-môn liền vào trong thành tìm mua hương hoa. Bấy giờ, người đi lại trong thành bảo rằng: ‘Bà-la-môn không biết sao? Quốc vương có ra lệnh, ai bán hương hoa sẽ bị phạt nặng.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật kia liền nghĩ như vậy: ‘Ta đây phước mỏng, tìm hoa không được. Nên biết làm sao?’ Ông liền trở ra khỏi thành, đứng ở ngoài cổng. Khi ấy có nữ bà-la-môn tên là Thiện Vị¹³ cầm bình đi lấy nước, tay cầm năm cành hoa. Bà-la-môn thấy vậy, nói với người nữ kia: ‘Này cô em, tôi đang cần hoa. Cô em bán cho tôi.’

“Nữ Phạm chí hỏi: ‘Tôi làm em ông hỏi nào? Có biết cha mẹ tôi không?’ Khi ấy, Phạm chí Siêu Thuật lại nghĩ rằng cô gái này tánh hạnh phóng khoáng, có ý đùa giỡn. liền nói lại rằng:

¹³ Thiện Vị 善味. *Tứ phần*, ibid., Tô-la-bà-đề 蘇羅婆提.

‘Thưa cô, tôi sẽ trả giá phải chăng. Xin cô nhường lại tôi hoa này.’

“Nữ bà-la-môn đáp: ‘Ông há không nghe Đại vương có nghiêm cấm không được bán hoa sao?’ Bà-la-môn nói: ‘Thưa cô, việc này không khó. Vua không làm gì cô đâu. Nay tôi cần gấp năm cành hoa này. Tôi được hoa này, cô được giá cao.’”

“Nữ bà-la-môn hỏi: ‘Ông cần gấp hoa để làm gì?’”

“Bà-la-môn đáp: ‘Hôm nay tôi thấy có đất lành, nên muốn trồng hoa này.’”

“Nữ bà-la-môn nói: ‘Hoa này đã bị lia khỏi gốc nó, chắc chắn không thể sống. Làm sao lại nói, tôi muốn trồng?’”

“Bà-la-môn đáp: ‘Như hôm nay, tôi thấy ruộng tốt, trồng tro nguội còn sống huống chi hoa này.’”

“Nữ bà-la-môn hỏi: ‘Ruộng tốt gì mà trồng tro nguội cũng sống?’”

“Bà-la-môn đáp: ‘Thưa cô, có đức Phật Định Quang Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời.’”

“Nữ bà-la-môn hỏi: ‘Phật Định Quang Như Lai là hạng người nào?’”

“Bà-la-môn liền trả lời cô kia: ‘Định Quang Như Lai có đức như vậy, có [599a01] giới như vậy; làm nên các công đức.’”

“Nữ bà-la-môn nói: ‘Giả sử vị ấy có công đức; nhưng ông muốn cầu phước gì?’”

“Bà-la-môn trả lời: ‘Mong tôi đời sau như đức Định Quang Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác; công đức cấm giới cũng sẽ như vậy.’”

“Nữ bà-la-môn nói: ‘Nếu ông hứa tôi đời đời làm vợ chồng, tôi sẽ cho ông hoa này.’

“Bà-la-môn nói: ‘Sự tu hành của tôi là ý không dính mắc dục.’

“Nữ bà-la-môn nói: ‘Như thân tôi hiện tại, không mong làm vợ ông. Nhưng đời sau sẽ làm vợ ông.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật nói: ‘Sở hành của Bồ tát làm không có yêu tiếc. Nếu như cô làm vợ tôi, đó là phá hoại tâm tôi.’

“Nữ bà-la-môn nói: ‘Tôi quyết không phá hoại tâm ý bồ thí của ông. Ngay dù ông đem thân tôi bồ thí cho người khác, tôi quyết không phá hoại tâm bồ thí.’

“Khi ấy, ông liền đem năm trăm tiền vàng dùng mua năm cành hoa, cùng với người nữ kia lập thề nguyện với nhau, rồi từ biệt đi.

“Bấy giờ, Định Quang Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, đến giờ, khoác y cầm bát cùng với Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau đi vào nước lớn Ba-ma. Phạm chí Siêu Thuật từ xa thấy đức Định Quang Như Lai dung mạo đoan chánh, ai thấy cũng hoan hỷ; các căn tịch tịnh, bước đi tề chỉnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, giống như nước lã trong không có cợn nhơ, ánh sáng chiếu khắp không bị ngăn chận, cũng như núi báu xuất hiện trên các núi. Thấy rồi, trong lòng ông rất hoan hỷ đối với Như Lai. Ông cầm năm cành hoa này đến chỗ Định Quang Như Lai. Đến nơi rồi, đứng qua một bên.

“Phạm chí Siêu Thuật bạch Phật Định Quang rằng: ‘Mong Thế Tôn, hãy nhận lấy và thọ ký cho con. Nay nếu Thế Tôn không thọ ký, con sẽ dứt mạng căn ngay tại đây, không mong sống nữa.’

“Thế Tôn bảo rằng: ‘Phạm chí, không thể chỉ với năm cành hoa này mà được thọ ký Vô thượng Đăng chánh giác.’

“Phạm chí bạch: ‘Mong Thế Tôn thuyết cho con nghe sở hành của Bồ tát.’

“Đức Phật Định Quang bảo: ‘Sở hành của Bồ tát là không tiếc lẫn.’

“Bấy giờ bà-la-môn liền nói kệ:

*Không dám đem cha mẹ
Mà bố thí cho người.
Chư Phật, bậc cao cả,
Lại càng không dám thí.
Nhứt nguyệt xoay thế gian,
Hai thứ không thể thí.
Ngoài ra thí được hết,
Ý quyết, không gì khó.*

“Bấy giờ đức Phật Định Quang dùng kệ này đáp bà-la-môn:

*Sự thí mà ông nói
Cũng chẳng phải lời Phật.
Nên nhẫn khổ ức kiếp;
Thí đầu, thân, tai, mắt,
Vợ con, nước, của báu,
Xe, ngựa và tôi tớ;
Nếu ông kham chịu thí
Nay Ta thọ ký cho.*

“Bấy giờ Ma-nạp lại nói kệ này:

*Núi lớn hùng như lửa,
Ức kiếp chịu đội mang.
Không thể phá đạo tâm;
Chỉ mong giờ thọ ký.*

“Bấy giờ, Định Quang Như Lai yên lặng không nói. Bà-la-môn kia tay cầm năm cành hoa, gồi phải chằm đất, rải lên đức Định Quang Như Lai và nói như vậy: ‘Nguyện đem phước lành này dành đời sau sẽ được như Định Quang Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác không có khác.’ Rồi ông trải tóc mình lên vũng bùn, thắm nguyện: ‘Nếu Như Lai truyền thọ ký cho tôi thì hãy dùng chân dẫm lên tóc tôi mà đi qua.’”

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ, Định Quang Như Lai quán sát những suy nghĩ trong tâm bà-la-môn, liền bảo bà-la-môn: ‘Tương lai ông sẽ làm Phật Thích-ca Văn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác.’”

“Bấy giờ, bà-la-môn Siêu Thuật có người đồng học tên là Đàm-ma-lưu-chi đứng bên cạnh Như Lai, thấy Định Quang Như Lai truyền thọ ký cho bà-la-môn Siêu Thuật, lại dùng chân đạp lên tóc. Thấy vậy, liền nói như vậy: ‘Sa-môn đầu trọc này sao dám dẫm chân lên tóc của bà-la-môn thanh tịnh này? Đây là hành vi của phi nhân.’”

“Phật bảo các Tỳ-kheo: ‘Bà-la-môn Da-nhã-đạt lúc đó, há là người nào khác chăng? Chớ có nghĩ như vậy. Bởi vì Da-nhã-đạt lúc ấy nay chính là Bạch Tịnh Vương. Vị thượng tọa của tám vạn bốn ngàn bà-la-môn lúc đó, nay là Đề-bà-đạt-đâu. Bà-la-môn Siêu Thuật lúc đó, nay chính là Ta. Nữ bà-la-môn bán hoa lúc đó, nay chính là Cù-di.¹⁴ Từ chủ lúc ấy, nay chính là bà-la-môn Chấp Trọng.¹⁵ Đàm-ma-lưu-chi lúc đó miệng tuôn lời thô tục, nay chính là Đàm-ma-lưu-chi hiện nay. Song Đàm-ma-lưu-chi trong vô số kiếp lại thường làm súc sanh. Thọ thân

¹⁴ Cù-di 瞿夷, (Pāli: Gotamī). Đây chỉ Da-du-đà-la (Pāli: Yasodhāra).

¹⁵ Chấp Trọng Phạm chí 執杖梵志 (Pāli: Daṇḍapāṇī). Truyền thuyết phương Bắc nói ông là bố của Yasodhāra. Truyền thuyết Pāli, ông người họ Thích ở Kapilavatthu, em của Bà Mayā.

sau cùng là thân cá dài bảy trăm do-tuần trong đại dương. Từ đó mạng chung sanh đến chốn này, theo hầu thiện tri thức, thường gán gửi thiện tri thức, tập các pháp lành, các căn thông lợi. Vì nhân duyên này, nên [599c01] Ta nói lâu rồi mới đến chốn này.”

Đàm-ma-lưu-chi lại cũng tự trình bày:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn! Lâu rồi con mới đến nơi này.”

“Cho nên các Tỳ-kheo thường phải tu tập thân, khẩu, ý nghiệp. Nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ thuyết về sự có người như sư tử, có người như dê. Các người hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Người kia vì sao như sư tử? Ở đây, này Tỳ-kheo, hoặc có người được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọc cụ, thuốc men chữa bệnh. Người đó được rồi liền tự dùng, không khởi tâm nhiễm trước, cũng không có dục ý, không khởi các tưởng, hoàn toàn không có những niệm này, tự biết pháp

xuất yếu. Cho dù không được lợi dưỡng, không khởi loạn niệm, không tâm tăng giảm. Như sư tử chúa ăn thịt thú nhỏ. Lúc đó, vua loài thú cũng không nghĩ: ‘Cái này ngon, cái này không ngon;’ không khởi tâm đắm nhiễm, cũng không dục ý, không khởi các tưởng. Người này cũng lại như vậy. Nếu được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Người đó được rồi liền tự dùng, không khởi ý tưởng đắm trước, cho dù không được cũng không có các niệm tưởng.

“Lại có người nhận người cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, được rồi liền tự dùng, lại khởi tâm nhiễm trước, sinh tâm ái dục, không biết đạo xuất yếu. Giả sử không được, thì thường sinh niệm tưởng này. Nếu người đó được cúng dường, đối với các Tỳ-kheo, mà tự cống cao, hủy báng người khác: ‘Những y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, tọa cụ, thuốc trị bệnh mà ta có, các Tỳ-kheo kheo này không thể có được vậy.’ Cũng như trong đàn dê lớn, có một con dê rời đàn, thấy đồng phân lớn. Con dê này ăn phân no rồi, quay lại trong đàn dê, liền tự cống cao: ‘Ta có được ăn ngon, bây giờ dê này không thể ăn được.’ Ở đây cũng như vậy, nếu có một người được lợi dưỡng, y phục, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, khởi các loạn tưởng, sanh tâm nhiễm trước liền đối với các Tỳ-kheo, mà tự cống cao: ‘Ta có được [600a01] cúng dường, các Tỳ-kheo này không được cúng dường.’”

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học như sư tử chúa, chớ như con dê. Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

“Nếu có chúng sanh biết báo đáp, người này đáng kính, ân nhỏ còn không quên huống chi ân lớn. Cho dù người đó cách chốn này ngàn do tuần, trăm ngàn do tuần mà không là xa, cũng như gần Ta không khác. Vì sao vậy? Tỳ-kheo nên biết, vì ta thường khen ngợi người biết báo đáp.

“Có những chúng sanh không biết báo đáp, ân lớn còn quên huống chi ân nhỏ. Kẻ đó chẳng gần Ta. Ta chẳng gần kẻ đó. Giả sử khoác tảng-già-lê hầu hạ bên Ta, kẻ này cũng như xa. Vì sao vậy? Ta không bao giờ nói về người không báo đáp. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy nhớ báo đáp, chớ học không báo đáp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

“Nếu có người lười biếng, gieo trồng hành vi bất thiện, có sự tổn hại trong các sự. Nếu có người siêng năng không lười biếng, người này tối diệu, có tăng ích trong các thiện pháp. Vì sao vậy? Bồ-tát Di-lặc trải qua ba mươi kiếp, mới thành Phật Chí chân,

Đẳng chánh giác. Ta nhờ tâm đồng mãnh, sức tinh tấn, nên khiến Di-lặc ở sau. Hằng sa các Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác, ¹⁶ thời quá khứ, đều do đồng mãnh mà được thành Phật. Do phương tiện này, nên biết, lười biếng là khổ, tạo các hành ác, có tổn hại trong các sự. Nếu có tâm đồng mãnh tinh tấn mạnh, có tăng ích trong các công đức thiện. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tinh tấn, chớ có lười biếng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [600b01] Bảy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo a-lan-nhã nên tu hành hai pháp. Hai pháp gì? Đó là chỉ và quán.

“Nếu Tỳ-kheo a-lan-nhã đắc tịch tĩnh, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì thành tựu giới luật, không mất oai nghi, không phạm cấm hạnh, tạo các công đức.

“Nếu Tỳ-kheo a-lan-nhã lại được quán rồi, liền quán và biết như thật rằng, đây là khổ; quán biết như thật rằng đây là khổ tập, khổ diệt, khổ đạo xuất yếu. Người đó quán như vậy rồi, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, vô minh lậu, bèn được trí giải thoát, biết như thật rằng,

¹⁶ Phiên âm trong đề bản: Đa-tát-a-kiệt, A-la-ha, Tam-da-tam-phật 多薩阿竭. 阿羅訶. 三耶三佛.

sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh nữa.

“Chư Như Lai Chí chơn, Chánh đẳng Chánh giác* thời quá khứ, nhờ hai pháp này mà được thành tựu. Vì sao vậy? Như khi Bồ-tát ngồi dưới bóng thọ vương, trước tiên tư duy pháp chỉ và quán này. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát đã đắc chỉ rồi, bèn có thể hàng phục được các ma oán. Nếu Bồ-tát đạt được quán rồi, ngay sau đó liền đạt được ba đạt trí,¹⁷ thành Vô thượng Chí chân, Đẳng chánh giác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo a-lan-nhã nên tìm phương tiện hành hai pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo a-lan-nhã sống ở nơi nhàn tĩnh, không sống trong chúng, thì thường phải cung kính, phát tâm hoan hỷ. Nếu Tỳ-kheo a-lan-nhã sống ở nơi nhàn tĩnh, mà không có cung kính, không phát tâm hoan hỷ, thì dù ở trong chúng cũng bị người bàn tán rằng: ‘Vị ấy không biết pháp của a-lan-nhã. Sao gọi là Tỳ-kheo a-lan-nhã mà không có tâm cung kính, không phát hoan hỷ?’

¹⁷ Tam đạt trí 三達智, tức ba minh.

“Lại nữa Tỳ-kheo, Tỳ-kheo a-lan-nhã sống ở nơi nhàn tịnh, không ở trong chúng, thì thường phải tinh tấn, chớ có lười biếng, phải hiểu rõ yếu chỉ các pháp. Nếu Tỳ-kheo a-lan-nhã nào ở nơi nhàn tịnh, mà có tâm lười biếng, tạo các hành ác, kể đó ở trong chúng bị người bàn tán, ‘Tỳ-kheo a-lan-nhã này lười biếng không có tinh tấn.’ Cho nên, này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo a-lan-nhã ở nơi nhàn tịnh, không ở trong chúng, thường phải quyết chí phát tâm hoan hỷ, chớ có lười biếng và không có cung kính, niệm tưởng hành tinh tấn, ý không thay đổi, [600c01] sẽ thành tựu đầy đủ trong các thiện pháp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

“Có hai hạng người, không thể khéo nói thuyết ngữ. Hai hạng gì? Thuyết về tín cho người không có tín, việc này thật khó. Thuyết về thí cho người tham lam keo kiệt, đây cũng thật khó.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, thuyết về tín cho người không có tín, họ liền nổi sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Cũng như chó dữ thêm mũi lại bị thương, càng trở nên hung dữ. Các Tỳ-kheo, đây cũng như vậy, thuyết về tín cho người không có tín, họ liền nổi sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại.

“Lại Tỳ-kheo, thuyết về thí cho người tham lam keo kiệt, họ liền sanh sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Cũng như ung nhọt

chưa mùi, lại bị dao cắt, đau không chịu nổi. Đây cũng như vậy, thuyết về thí cho người tham lam keo kiệt, họ liền sanh sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có hai hạng người này khó thuyết pháp cho họ.

“Lại nữa Tỳ-kheo, có hai hạng người dễ thuyết pháp cho nghe. Sao gọi là hai? Thuyết tín cho người có tín; thuyết thí cho người không tham lam keo kiệt. Nay Tỳ-kheo, nếu thuyết tín cho người có tín, họ liền hoan hỷ, ý không hối tiếc. Như người mắc bệnh, nói cho thuốc trừ bệnh liền được bình phục. Đây cũng như vậy. Thuyết tín cho người có tín, họ liền hoan hỷ, tâm không thay đổi.

“Nếu lại thuyết thí cho người không tham lam keo kiệt, họ liền hoan hỷ, tâm không có tiếc. Cũng như có trai, gái xinh đẹp, thích tắm rửa mặt mày, tay chân, rồi lại có người mang hoa đẹp đến cho để tặng trượng nhan sắc; lại đem y phục, trang sức tốt đẹp tặng những người đó. Họ được vậy rồi, lòng càng hoan hỷ. Đây cũng như vậy. Thuyết thí cho người không tham lam keo kiệt, họ liền được hoan hỷ không có tâm tiếc.

“Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có hai hạng người này dễ thuyết pháp cho. Cho nên, nay các Tỳ-kheo, hãy học có tín, hãy học bố thí, chớ có xan tham.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [601a01] Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp bồ thí cho người phạm phu mà được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi. Sao gọi là hai pháp? Cúng dường cha mẹ. Đó là hai hạng người mà cúng dường đến thì được công đức lớn, thành quả báo lớn.

“Lại nữa, cúng dường một vị Bồ-tát nhất sanh bồ xứ, được công đức lớn, được quả báo lớn, được vị cam lộ, đến chỗ vô vi. Cho nên, các Tỳ-kheo, thường niệm hiếu thuận cúng dường cha mẹ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy .”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai người không thể báo ơn hết được, khuyến giáo làm điều thiện. Hai người đó là ai? Đó là cha mẹ.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người vai trái vác cha, vai phải vác mẹ, trải qua ngàn vạn năm, lo áo quần, cơm nước, giường nệm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, đại tiện, tiểu tiện ngay ở trên vai, vẫn chưa thể báo ơn hết được. Tỳ-kheo nên biết, cha mẹ ân trọng, bông bế, nuôi dưỡng, tùy lúc giữ gìn không lỡ thời tiết, xem như mặt trời, mặt trăng. Do phương tiện này mà biết ân

¹⁸ Tham chiếu Pāli, A II. 4. 2 (R i. 61).

này khó báo đáp. Cho nên, này các Tỳ-kheo, phải cúng dường cha mẹ, thường phải hiếu thuận, không lỡ thời tiết.¹⁹

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 12

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Bàn-đặc²⁰ bảo người em là Châu-lợi Bàn-đặc²¹:

“Nếu người không thể học thuộc giới, hãy trở về làm bạch y.”

Khi đó, Châu-lợi Bàn-đặc nghe những lời này, liền đi đến tinh xá Kỳ-hoàn, đứng ở ngoài cửa mà rơi lệ. Bấy giờ, Thế Tôn bằng thiên nhãn thanh tịnh, quán thấy Tỳ-kheo Châu-lợi Bàn-đặc này đứng ở ngoài cửa, than khóc không xiết. Thế Tôn từ trong tịnh thất đi ra giống như kinh hành, đến ngoài cửa tinh xá Kỳ-hoàn, bảo Châu-lợi Bàn-đặc:

“Tỳ-kheo, vì sao ở đây than khóc.”

Châu-lợi Bàn-đặc đáp:

¹⁹ Pāli, thêm chi tiết: Nếu cha mẹ bất tín, khuyên cho có tín. Cha mẹ phá giới, khuyên trì giới, v.v. Chỉ như vậy mới có thể báo ân.

²⁰ Bàn-đặc 槃特. Pāli: (Mahā)Panthaka; cf. A. I 14. 2 (R i. 24).

²¹ Châu-lợi Bàn-đặc 朱利槃特. Pāli: Cūla-Panthaka; cf. A. ibid. ; DhA. iv. 180f. Cf. Hán, *Hữu bộ tì-nại-da* 31 (Tiểu Lộ Biên, T23n1442, tr. 794c26); *Thiện kiến luật* 16 (T24n1462, tr. 782c14).

“Bạch Thế Tôn, con bị anh xua đuổi, nếu con không học thuộc giới được, thì trở về làm bạch [601b01] y, không nên sống ở đây. Cho nên, con than khóc.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, chớ ôm lòng lo sợ. Ta thành Vô thượng Đăng chánh giác, không phải do Bàn-đặc anh của người mà đắc đạo.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn cầm tay dẫn Châu-lợi Bàn-đặc về tịnh thất, chỉ chỗ bảo ngồi. Thế Tôn lại dạy cầm chổi quét:

“Người đọc thuộc chữ này, nó là chữ gì.”

Khi Châu-lợi Bàn-đặc học được chữ “quét” lại quên chữ “chổi”. Nếu học thuộc được chữ “chổi” lại quên chữ “quét”. Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc tụng hai chữ “chổi quét” này, qua mấy ngày. Song cái chổi quét này là để trừ sạch bụi bần. Châu-lợi Bàn-đặc lại nghĩ như vậy: “Trừ là gì? Bần là gì? Bần là tro, đất, sỏi, đá. Trừ là làm cho sạch.”

Lại nghĩ như vậy: “Thế Tôn vì sao đem việc này dạy cho ta. Nay ta phải tư duy nghĩa này.” Vì tư duy nghĩa này, lại nghĩ như vậy: “Nay trên thân ta cũng có bụi bần. Ta tự ví dụ. Sao là trừ? Sao là bần?” Ông lại nghĩ thêm: “Đỉnh kết là bần. Trí huệ là trừ. Nay ta có thể dùng chổi trí huệ quét đỉnh kết này.”

Rồi Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc tư duy năm thủ uẩn là thành, là hoại. Cái gọi là sắc này, sắc tập, sắc diệt; cái gọi là thọ²², tưởng, hành, thức này là thành, là bại. Sau khi tư duy năm thủ uẩn này, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, biết như thật rằng, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã

²² Nguyên bản: Thống,

xong, lại không còn tái sinh nữa, biết chúng như thật. Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc thành A-la-hán. Sau khi thành A-la-hán, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Nay con đã có trí, nay đã có huệ. Nay con đã hiểu được chổ quét.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, hiểu nó thế nào?”

Châu-lợi Bàn-đặc đáp:

“Trừ là huệ. Bản là dính kết.”

Thế Tôn nói:

“Lành thay, Tỳ-kheo, như những lời người nói, trừ là huệ. Bản là dính kết”.

Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc hướng về Thế Tôn mà nói kệ này:

*Nay đã tưng thuộc đủ
Như lời Phật đã dạy.
Trí huệ hay trừ kết
Không do hạnh nào khác.*

Đức Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, như những lời người nói, chỉ bằng trí huệ chứ không do [601c01] cái khác.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 13

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này, không thể mong đợi, cũng không đủ mến yêu, bị người đời vứt bỏ. Hai pháp gì? Oán ghét gặp nhau, điều này không thể mong đợi, cũng không đủ để mến yêu, bị người đời vứt bỏ. Ân ái biệt ly, không thể mong đợi cũng không đủ để yêu mến, bị người đời vứt bỏ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này bị người đời không ưa, không đáng mong đợi.

“Tỳ-kheo, lại có hai pháp không bị người đời bỏ. Hai pháp gì? Oán ghét xa lìa, được người đời ưa thích. Ân ái họp một chỗ, rất đáng yêu mến, được người đời ưa thích. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này, được người đời ưa thích. Nay Ta nói oán ghét gặp nhau, ân ái xa lìa này; lại nói oán ghét xa lìa, ân ái gặp nhau là có nghĩa gì, có duyên gì?”

Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn là chủ của các pháp. Cúi mong đức Thế Tôn vì chúng con mà giảng. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ cùng phụng hành.”

Thế Tôn bảo:

“Lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nói rõ cho các người. Nay các Tỳ-kheo, hai pháp này do ái nổi lên, do ái sanh ra, do ái mà thành, do ái trở dậy, phải học trừ ái này, đừng để sanh ra.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập các điều này như vậy.”

Sau khi các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.²³

²³ Bản Hán, hết quyển 11.

BA PHÁP

21. PHẨM TAM BẢO

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tự quy có ba đức. Những gì là ba? Đó là quy y Phật là đức thứ nhất; quy y Pháp là đức thứ hai; [602a01] quy y Tăng là đức thứ ba.¹

“Sao gọi là đức quy y Phật? Trong các loại chúng sanh hai chân, bốn chân, nhiều chân; hoặc có sắc, không sắc; hoặc có tướng, không tướng; cho đến trên trời Nê-duy-tiên,² trong đó, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng không ai có thể sánh bằng. Như từ bò được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được tô, từ tô được đề-hồ.³ Song ở trong đó đề-hồ lại tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây cũng như vậy, trong các loại những chúng sanh hai chân, bốn chân, nhiều chân; hoặc có sắc, không sắc; hoặc có tướng, không tướng; cho đến trên Nê-duy-tiên thiên, trong đó, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng, không ai có

¹ Tham chiếu Pāli, A IV 34 Aggappasadā (R ii. 34): bốn đức (tịnh tín) tối thượng: tịnh tín Phật (*buddhe pasannā*), tịnh tín Pháp là Thánh đạo tám chi (*ariye aṭṭhaṅgike magge pasannā*), tịnh tín Pháp ly dục (*virāge dhamme pasannā*), tịnh tín Tăng (*saṅghe pasannā*).

² Nê-duy-tiên 尼維先: phi tướng phi phi tướng. Pāli: *nevasaññināsaññino*, cf. A. ibid.

³ Nhũ 乳, lạc 酪, tô 酥, đề hồ 醍醐; 5 vị từ sữa, Pāli: *khīra*: sữa; *dadhi*: sữa đông (lạc), *navanīta*: bơ sống (sanh tô), *sappi*: bơ lỏng; *sappimaṇḍa*: bơ đặc (đề hồ).

thể sánh bằng. Những chúng sanh nào phụng thờ Phật, đó gọi là phụng thờ đức thứ nhất. Đã được đức thứ nhất, liền hưởng phước trời ngay trong loài người. Đây gọi là đức thứ nhất.

“Sao gọi là đức tự quy y Pháp? Các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận, Niết-bàn; trong các pháp đó, pháp Niết-bàn là tối tôn, tối thượng, không pháp nào có thể sánh bằng. Như từ bò được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được tô; từ tô được đề-hồ. Song trong đó đề-hồ lại là tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây cũng như vậy, các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận, Niết-bàn. Song ở trong các pháp đó, pháp Niết-bàn là tối tôn tối thượng, không pháp nào có thể sánh bằng. Chúng sanh nào phụng thờ Pháp, đó gọi là phụng thờ đức thứ nhất. Đã được đức thứ nhất, liền hưởng phước trời ở ngay trong loài người. Đây gọi là đức thứ nhất.

“Sao gọi là đức tự quy y Thánh chúng? Trong các đại chúng, đại tụ tập, trong các loại hữu hình, trong các chúng sanh, trong các chúng ấy, Chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không chúng nào có thể sánh bằng. Như từ bò được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được tô; từ tô được đề-hồ. Song trong đó đề-hồ lại là tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây cũng như vậy, trong các đại chúng, đại tụ tập, trong các loại hữu hình, trong các chúng sanh trong các chúng ấy, Chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không chúng nào có thể sánh bằng. Đó gọi là phụng thờ đức thứ nhất. Đã được đức thứ nhất, liền hưởng phước trời trong loài người. Đây gọi là đức thứ nhất.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

[602b01] *Thứ nhất tôn thờ Phật,*

*Tôi tôn không gì hơn.
Kể lại tôn thờ Pháp
Vô dục, không dính trước.
Kính phụng Chúng Hiền Thánh,
Là ruộng phước tốt nhất.
Người đó trí bậc nhất,
Thọ phước ở trước hết.⁴*

*Nếu ở trong trời người,
Thủ lãnh trong các chúng.
Ngồi trên chỗ vi diệu;
Tự nhiên thọ cam lồ;
Thân mặc y bảy báu;
Được người đời tôn kính.*

*Giới thành tựu bậc nhất;
Các căn không khuyết mất;
Cũng được biến trí huệ;
Dần đến niết-bàn giới.
Ai có ba quy này
Đến đạo cũng không khó.*

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁴ Pāli, *ibid.*, hưởng năm phước: tuổi thọ (*āyu*), nhan sắc (*vaṇṇa*), danh tiếng (*yaśo kitti*), an lạc (*sukkhā*), sức lực (*bala*).

“Có ba phước nghiệp này.⁵ Sao gọi là ba? Thí là phước nghiệp, bình đẳng là phước nghiệp, tư duy là phước nghiệp.

“Sao gọi thí là phước nghiệp? Nếu có một người mở lòng bố thí Sa-môn Bà-la-môn, người bần cùng, người cô độc, người lang thang; ai cần thức ăn cho thức ăn, cần nước uống cho nước uống, quần áo, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọc cụ, thuốc trị bệnh, hương hoa, ngủ nghỉ, tùy theo nhu cầu không gì luyến tiếc. Đây gọi là nghiệp phước bố thí.

“Sao gọi là bình đẳng⁶ là phước nghiệp? Nếu có một người không sát sanh, không trộm cắp, thường biết tầm quý, không nẩy tưởng ác. Cũng không trộm cắp, ưa ban thí cho người, không có tâm tham lam keo kiệt, lời nói hòa nhã không tổn thương lòng người. Cũng không gian dâm vợ người, tự tu phạm hạnh, tự đủ với sắc mình. Cũng không vọng ngữ, thường nghĩ chí thành, không lời dối trá, được người đời tôn kính, không có thêm bớt. Cũng không uống rượu, luôn biết tránh xa loạn động.

“Lại rải tâm từ trải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; tám phương trên dưới, trải khắp trong đó, vô lượng, vô hạn, không thể cùng, không thể tính kể; rải tâm từ này phủ khắp tất cả, mong cho được an ổn.

“Lại rải tâm bi, hỷ, xả* trải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; tám phương trên dưới, tất

⁵ Cf. *Trường* kinh 9: Chúng tập; *Tập dị* 5 (tr. 385c12), ba phước nghiệp sự: thí loại phước nghiệp sự 施類福業事, giới loại phước nghiệp sự 戒類福業事, tu loại phước nghiệp sự 修類福業事. Pāli: *tīṇi puñṇakiriyavatthūni-dānamayaṃ puñṇakiriyavatthu, sīlamayaṃ puñṇakiriyavatthu, bhāvanāmayam puñṇakiriyavatthu* (D 10, R. iii. 218).

⁶ Bình đẳng phước nghiệp 平等福業. Theo nội dung, nên hiểu là giới (Pāli: *sīla*).

khấp trong đó, vô lượng, vô hạn, [0602c01] không thể tính kể; rải tâm bi, hỷ, xả này tất khấp trong đó. Đó gọi là bình đẳng là phước nghiệp.

“Sao gọi tư duy⁷ là phước nghiệp? Ở đây, Tỳ-kheo tu hành niệm giác chi, y vô dục, y viễn ly,⁸ y diệt tận, y xuất yếu; tu trạch pháp giác chi, tu hỷ* giác chi, tu khinh an* giác chi, tu định giác chi, tu xả* giác chi; y vô dục, y viễn ly, y diệt tận, y xuất yếu. Đó gọi tư duy là phước nghiệp. Như vậy Tỳ-kheo, có ba phước nghiệp này.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Bồ thí và bình đẳng
Từ tâm, xả*, tư duy
Có ba xứ sở⁹ này
Được người trí gần gũi.
Đời này thọ báo kia,
Trên trời cũng như vậy.
Duyên có ba xứ này
Sanh thiên ắt không nghi.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện cầu ba xứ* này. Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

⁷ Tư duy 思惟, ở đây hiểu là tu tập (Pāli: *bhāvanā*).

⁸ Nguyên Hán: y vô quán 依無觀, nghĩa không rõ. Trên kia dịch là y quán 依觀. Xem Phẩm 12, kinh 2, cht. 35.

⁹ Xứ sở 處所, hay xứ 處. Tập dị, ibid.: sự; Pāli, ibid. *vatthu*, căn cứ, cơ sở.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba nhân duyên thức đến thọ thai.¹⁰ Những gì là ba? Ở đây, Tỳ-kheo, mẹ có dục ý, cha mẹ hội hợp ở một chỗ và cùng ngủ chung, nhưng thức bên ngoài chưa đến kịp lúc thì chẳng thành thai. Nếu thức muốn đến, nhưng cha mẹ không hội hợp một chỗ, chẳng thành thai. Nếu người mẹ không dục, dù cha mẹ hội hợp một chỗ, nhưng lúc đó dục ý của cha thanh mà mẹ thật không ân cần, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ cùng hợp một chỗ, dục ý của mẹ thanh mà cha thật không ân cần, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ cùng hợp một chỗ, cha mắc bệnh phong, mẹ mắc bệnh lãnh, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, mẹ bị bệnh phong, cha bị bệnh lãnh, chẳng thành thai. Nếu có khi cha mẹ hợp một chỗ, nhưng chỉ riêng thân cha thủy khí nhiều, mẹ không có chứng này, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, tướng cha có con, tướng mẹ không con, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ [603a01] cùng hợp một chỗ, tướng mẹ có con, tướng cha không con, chẳng thành thai. Nếu khi tướng cha mẹ đều không con, chẳng thành thai. Nếu có khi thân thức đến thai, mà cha đi vắng, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ đáng hợp một chỗ, nhưng mẹ đi xa, không có mặt, không có thai. Nếu có lúc cha mẹ đáng hợp một chỗ, nhưng

¹⁰ Tham chiếu Pāli, M 38 Mahā-taṇhāsāṅkhaya (R.i. 266) , do ba sự hòa hiệp mà có nhập thai (*tiṇṇam sannipātā gabbhassāvakkanti hoti*): cha mẹ giao hội (*mātāpitaro sannipatitā*), mẹ có kinh nguyệt (*mātā utunī hoti*), hương âm hiện diện (*gandhabbo paccupaṭṭhito hoti*). Xem *Ti-bà-sa 48* (tr. 24888c24).

Tăng nhất A-hàm

người cha gặp bệnh nặng, khi thần thức đến, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ đáng hợp một chỗ, thần thức có đến, song người mẹ mắc bệnh nặng, chẳng thành thai. Nếu có lúc cha mẹ nên hợp một chỗ, thần thức đến, nhưng cha mẹ đều mắc bệnh, chẳng thành thai.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu cha mẹ hợp ở một chỗ, cha mẹ không chứng tạt gì, thần thức đến, tướng cha mẹ đều có con, đây thành thai. Đó gọi là có ba nhân duyên thức đến thọ thai. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện đoạn dứt ba nhân duyên.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có chúng sanh muốn khởi từ tâm, có ý chí tín, vâng phục phụng sự cha mẹ, anh em, tông tộc, gia thất, bè bạn tri thức, nên an lập những người này trên ba xứ khiến không di động.¹¹ Những gì là ba? Khiến họ phát tâm hoan hỷ đối với Như Lai¹²,

¹¹ Tham chiếu, A III 75 Nivesaka (R. i. 222): khuyến khích (*samādapetabbā*), xác lập (*nivesetabbā*), an lập (*patiṭṭhāpetabbā*) những người mình yêu thương (*ve anukampeyyātha*) trong ba xứ (*tīsu thānesu*).

¹² Pāli, *ibid.*, *buddhe aveccappasāde*, Phật chứng tịnh, tin tâm bất hoại (bất động) ở nơi Phật.

tâm không di động rằng: ‘Ngài là Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn.’ Lại khiến họ phát tâm hoan hỷ nơi Chánh pháp¹³ rằng: ‘Pháp được Như Lai khéo nói, vô ngại, cực kỳ vi diệu, do đây mà thành quả; pháp như vậy được học và biết bởi người trí.’ Cũng khiến họ phát tâm hoan hỷ nơi Thánh chúng này¹⁴ rằng: ‘Thánh Chúng của Như Lai tất cả đều hòa hợp, không có lẫn lộn, thành tựu pháp, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát kiến huệ. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi tám hạng, mười hai Hiền Thánh.¹⁵ Đây là Thánh Chúng của Như Lai, đáng kính, đáng quý. Đây là ruộng phước vô lượng thế gian.’ Các Tỳ-kheo nào học ba xứ này sẽ thành tựu quả báo lớn.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, [603b01] hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

¹³ Pāli, *ibid.*, *dhamme aveccappasāde*, Pháp chúng tịnh, tín tâm bất hoại (bất động) nơi Pháp.

¹⁴ Pāli, *ibid.*, *saṅghe aveccappasāde*, Tăng chúng tịnh, tín tâm bất hoại (bất động) nơi Tăng.

¹⁵ Thập nhị Hiền Thánh 十二賢聖, chưa rõ cách tính này. Xem *Trung* kinh 127 (Phước điền): 18 bậc Thánh hữu học; cf. Pāli, A. II. 4.4.

¹⁶ Pāli, S. 6. 10 Kokālika (R. i. 149).

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ, Tỳ-kheo Cù-ba-li¹⁷ đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Rồi vị Tỳ-kheo kia bạch Phật:

“Những việc mà Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên này làm, thật là xấu xa, làm các ác hành.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Chớ nói những lời như vậy. Ông hãy phát tâm hoan hỷ đối với Như Lai. Những việc mà Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên làm đều là thuận thiện, không có việc nào xấu ác.”

Khi đó, Tỳ-kheo Cù-ba-li hai ba lần bạch Thế Tôn:

“Những điều đức Như Lai nói thật không hư vọng, song những việc Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên làm đều thật xấu ác, không có gốc rễ thiện.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này kẻ ngu si kia, người há không tin những gì Như Lai đã nói sao? Vì vậy mà người nói những việc Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên làm đều rất xấu ác. Nay ông tạo hành vi xấu ác này, sau không lâu sẽ nhận quả báo.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia ngay trên chỗ ngồi, thân mọc nhọt độc lớn bằng hạt cải, chuyển như hạt đậu lớn, dần dần bằng trái a-ma-lặc, gần bằng hồ đào, rồi bằng nắm tay, máu mủ tuôn ra, thân hoại mạng chung, sanh trong địa ngục Hoa sen.¹⁸

Khi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Cù-ba-li mạng chung, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Một lát sau, rời khỏi chỗ ngồi, bạch Thế Tôn:

¹⁷ Cù-ba-li 瞿波離. Pāli: Kokālika.

¹⁸ Liên hoa địa ngục 蓮華地獄. Pāli: Paduma-niraya.

“Tỳ-kheo Cù-ba-li bị sinh nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Người đó mạng chung, sinh trong địa ngục Hoa sen.”

Mục-liên bạch đức Thế Tôn:

“Nay con muốn đi đến địa ngục kia giáo hóa người này.”

Thế Tôn bảo:

“Mục-liên, không cần đến đó.”

Mục-liên lập lại bạch Thế Tôn lần nữa:

“Con muốn đến địa ngục kia giáo hóa người đó.”

Thế Tôn cũng im lặng không đáp. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ Xá-vệ biến mất, hiện đến trong địa ngục lớn Hoa sen. Ngay lúc đó, Tỳ-kheo Cù-ba-li thân thể bị lửa đốt, lại có hàng trăm con trâu cày trên lưỡi ông.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ngồi kiết già ở giữa không trung, búng ngón tay gọi Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo kia liền ngửa mặt hỏi:

“Ông là người nào?”

Mục-kiền-liên đáp:

“Cù-ba-li, tôi là đệ tử của đức Phật Thích-ca Văn, tên Mục-kiền-liên, họ Câu-lị-đà.”

Khi Tỳ-kheo thấy [603c01] Mục-liên, liền buông lời hung dữ như vậy: “Nay ta đọa ác thú này, còn không tránh khỏi ông ở trước mặt sao?” Nói như vậy rồi, ngay lúc đó có ngàn con trâu cày lên lưỡi ông. Mục-liên thấy vậy càng thêm sầu não, trong

Tăng nhất A-hàm

lòng nuôi tiếc, biến mất ở nơi đó, trở về Xá-vệ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, Mục-liên đem nhân đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

“Trước Ta đã nói với ông, không cần đến đó gặp người ác này.”

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ thế này:

*Phàm người sinh ra,
Búa ở trong miệng.
Sở dĩ chém thân,
Do lời ác kia.*

*Người dirt ta dirt,
Cả hai đều thiện.
Đã tạo hành ác,
Tắt đọa đường ác.*

*Đó là cực ác,
Có hết, không hết.
Ác đối Như Lai,
Tội này rất nặng.*

*Một vạn ba ngàn
Sáu một ngục Tro;
Chê Thánh rơi vào,
Do thân khẩu tạo.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên học ba pháp, thành tựu hạnh mình. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện, và ý nghĩ thiện.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu ba pháp, ở trong hiện pháp khéo được khoái lạc, đồng mãn tinh tấn hữu lậu dứt sạch.²⁰ Thế nào là ba? Ở đây, Tỳ-kheo, các căn tịch tịnh,²¹ ăn uống biết tiết độ, không bỏ kinh hành²².

“Tỳ-kheo, thế nào các căn tịch tịnh? Ở đây, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, không khởi tưởng đắm, không có thức niệm,²³ được sự thanh tịnh ở nơi nhãn căn; vì để giải thoát khỏi những cái ấy²⁴ nên luôn thủ hộ nhãn căn. Khi tai nghe tiếng, mũi người

¹⁹ Pāli, A III 16 Apanṇaka (R.i. 113).

²⁰ Pāli, *ibid.*, *bhikkhu apanṇakapaṭipadaṃ paṭipanno hoti, yoni cassa āradhā hoti āsavānaṃ khayāya*, tỳ kheo hành đạo vô hý luận, đó là căn nguyên dẫn đến diệt tận các lậu.

²¹ Pāli, *ibid.*, *indriyesu guttadvāro*, thủ hộ căn môn.

²² Hán: bất thất kinh hành 不失經行. Pāli: *jāgariyaṃ amuyutto*, tinh cần tinh giác.

²³ Pāli: *na nimittaggāhī hoti nānubyañjanaggāhī*, không nắm bắt tướng chung, không nắm bắt tướng riêng.

²⁴ Pāli: *ibid.*, *Yatvādhikaraṇaṃ cakkhundriyaṃ asaṃvutaṃ viharantaṃ abhiññādomanassā pāpakā akusalā dhammā anvāssaveyyuṃ tassa saṃvarāya paṭipajjati, rakkhati cakkhundriyaṃ, cakkhundriye saṃvaraṃ āpajjati*. Do những nhân tố nào mà tham ưu, và pháp ác, bất thiện chảy lọt vào, do nhãn căn không được thủ hộ; để phòng hộ nhân tố ấy, nên thủ hộ nhãn căn.

hương, lưỡi biết vị, thân biết mịn láng, ý biết pháp, không khởi tưởng đắm, không có thức niệm, được sự thanh tịnh ở nơi nhãn căn; vì để giải thoát khỏi những cái ấy nên luôn thủ hộ ý căn. Như vậy là Tỳ-kheo có các căn tịch tịnh.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ? Ở đây, Tỳ-kheo suy xét những đồ ăn thức uống từ đâu mà đến; ăn không vì để mập trắng, mà chỉ muốn duy trì [604a01] thân hình, bốn đại được nguyên vẹn: ‘Nay tôi phải trừ cảm thọ cũ,²⁵ khiến cảm thọ* mới không sanh, để thân đủ sức, được tu hành đạo, khiến cho phạm hạnh không dứt.’ Cũng như thân nam, nữ nổi lên nhọt độc, phải dùng cao mỡ bôi nhọt. Sở dĩ bôi nhọt là muốn chóng khỏi. Đây cũng như vậy, các Tỳ-kheo, ăn uống biết tiết độ. Ở đây, Tỳ-kheo suy xét đồ ăn thức uống từ đâu mà đến; ăn không vì để mập trắng, mà chỉ muốn duy trì thân hình, bốn đại được nguyên vẹn: ‘Nay tôi phải trừ cảm thọ* cũ, khiến cảm thọ* mới không sanh, để thân đủ sức, được tu hành đạo, khiến cho phạm hạnh không dứt.’ Cũng như xe cộ chở nặng, sở dĩ bôi mỡ trục là muốn đem vật nặng đến nơi. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, ăn uống biết tiết độ, suy xét những đồ ăn thức uống từ đâu đến, ăn không vì để mập trắng, mà chỉ muốn duy trì thân hình, bốn đại được nguyên vẹn: ‘Nay tôi phải trừ cảm thọ* cũ, khiến cảm thọ* mới không sanh, để thân đủ sức, được tu hành đạo, khiến cho phạm hạnh không dứt.’ Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ là như vậy.

“Sao gọi là Tỳ-kheo không bỏ kinh hành? Ở đây, Tỳ-kheo, đầu hôm cuối hôm luôn nhớ kinh hành không sai thời khóa, thường niệm tưởng buộc ý vào trong đạo phẩm. Nếu là ban ngày, hoặc

²⁵ Hán: cố thống 故痛. Pāli: *purāṇaṅca vedanaṃ*.

đi hoặc ngồi, tư duy diệu pháp, trừ khử ám cái.²⁶ Rồi lúc đầu hôm, hoặc đi hoặc ngồi, tư duy diệu pháp, trừ khử ám cái. Rồi vào giữa đêm nằm nghiêng bên phải, tư duy buộc ý vào nơi ánh sáng. Rồi đến cuối hôm thức dậy, hoặc đi, hoặc tư duy diệu pháp, trừ khử ám cái. Như vậy là Tỳ-kheo không bỏ kinh hành.

“Nếu có Tỳ-kheo nào mà các căn tịch tịnh, ăn uống biết tiết độ, không bỏ kinh hành, thường niệm buộc ý vào trong đạo phẩm, Tỳ-kheo này đạt được một trong hai quả²⁷, ở trong hiện pháp hoặc chứng chánh trí,²⁸ hoặc đắc A-na-hàm. Cũng như người đánh xe giỏi, ở trên đường bằng phẳng, đánh xe tứ mã không bị ngưng trệ, muốn đến nơi nào, chắc chắn được không nghi ngờ. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, các căn tịch tịnh, ăn uống biết tiết độ, không bỏ kinh hành, thường niệm buộc ý ở trong đạo phẩm, Tỳ-kheo này liền thành một trong hai quả, ở trong hiện pháp hoặc dứt sạch các lậu, hoặc đắc A-na-hàm²⁹.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

²⁶ Hán: ám cái 陰蓋, hay triền cái. Pāli: *āvaraṇīyehi dhammehi cittaṃ parisodheti*, làm thanh tịnh khỏi các pháp phú chướng.

²⁷ Hán: thành nhị quả 成二果; trong hiện tại đạt được hai quả: chánh trí A-la-hán, hoặc A-na-hàm. bản Hán sót. Đaoon dưới chỉ tiết đủ hơn.

²⁸ Câu này nhảy sót trong bản Hán. Xem cht, ngay trên.

²⁹ Xem các cht. 17 & 28 ngay trên.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thê tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba bệnh lớn. Những gì là [604b01] ba? Phong là bệnh lớn; đàm là bệnh lớn; lãnh là bệnh lớn. Các Tỳ-kheo, đó gọi là ba bệnh lớn. Lại có ba thứ thuốc hay. Những gì là ba? Nếu bệnh phong, tô³⁰ là thuốc hay, và tô dùng làm thức ăn. Nếu bệnh đàm, mật làm thuốc hay, và mật dùng làm thức ăn. Nếu bệnh lãnh, dầu³¹ là thuốc hay, và dầu dùng làm thức ăn. Tỳ-kheo, đó gọi là ba loại bệnh lớn này, có ba thứ thuốc này.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo cũng có ba loại bệnh lớn. Những gì là ba? Đó là tham dục, sân nhuế, ngu si. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba loại bệnh lớn này. Song, ba loại bệnh lớn này, lại có ba thứ thuốc hay. Những gì là ba? Nếu lúc tham dục khởi, thường trị bằng bất tịnh, và tư duy bất tịnh đạo. Nếu bệnh lớn là sân nhuế, thường trị bằng từ tâm, và tư duy từ tâm đạo. Nếu bệnh lớn là ngu si, thường trị bằng trí huệ, và duyên khởi đạo. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là ba loại bệnh lớn này, có ba thứ thuốc này. Cho nên Tỳ-kheo phải cầu phương tiện tìm ba loại thuốc này.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

³⁰ Tô 醎; gồm sanh tô (Pāli: *takka*) và thực tô (Pāli: *navanīta*). Xem cht. 3 kinh số 3 ở trên.

³¹ Du 油; thường là dầu mè (Pāli: *tela*).

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba hành vi ác. Những gì là ba? Đó là thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba hành vi ác này, phải tìm cầu phương tiện tu ba hành vi thiện. Những gì là ba? Nếu thân làm ác, phải tu hành vi thiện nơi thân. Miệng nói ác, phải tu hành vi thiện nơi miệng. Ý nghĩ ác, phải tu hành vi thiện nơi ý.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Giữ thân không hành ác;
Tu tập thân thiện hành.
Niệm xả thân ác hành;
Hãy học thân thiện hành.*

*Giữ miệng không hành ác;
Tu tập miệng hành thiện.
Niệm xả miệng nói ác
Hãy học miệng nói thiện.*

*Giữ ý không hành ác;
Tu tập ý nghĩ thiện.
Niệm xả ý hành ác;
Hãy học ý nghĩ thiện.*

*Lành thay, thân hành thiện!
Khẩu hành cũng như vậy
[604c01]Lành thay ý hành thiện!*

*Tất cả cũng như vậy.*³²

*Giữ khẩu ý thanh tịnh,
Thân không hành vi ác.
Ba nghiệp đạo³³ thanh tịnh,
Đường vô vi Đại Tiên.³⁴*

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy xả bỏ ba hành vi ác, tu ba hành vi thiện.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo, đến giờ, khoác y, cầm bát, vào thành khất thực. Lúc đó, các Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Chúng ta vào thành khất thực giờ này còn sớm. Giờ nên dẫn nhau đến chỗ

³² Cf. Pāli, Dh. 361. *kāyena saṃvaro sādhu, sādhu vācāya saṃvaro; manasā saṃvaro sādhu, sādhu sabbattha saṃvaro; sabbattha saṃvuto bhikkhu, sabbadukkhā pamuccati*, Lành thay, thân phòng hộ! Lành thay, ngữ phòng hộ! Lành thay, ý phòng hộ! Tỳ-kheo tất cả phòng hộ, giải thoát tất cả khổ.

³³ Tam hành tích; chỉ ba nghiệp đạo (Pāli: *kammāpatha*)

³⁴ Xem, kệ Thất Phật, *Tứ phân Tỳ-kheo giới bản* (T22n1429, tr. 1022c5). Cf. Pāli, Dh. 281 *vācānurakkhī manasā susaṃvuto, kāyena ca nākusalam kayirā ete tayo kammāpathe visodhaye, ārādhaye maggam isippaveditam*, thủ hộ ngôn ngữ, chế ngự ý; thân không hành bất thiện, ba nghiệp đạo này tịnh, đạt đến con đường mà đấng Đại Tiên (Phật) đã chỉ.

³⁵ Pāli, M 13 Mahādukkhakkhandhasuttaṃ (R.i. 83). Hán, Trung 99 (T1n26, tr. 584c8).

của phạm-chí ngoại đạo³⁶.” Rồi số đông các Tỳ-kheo đi đến chỗ phạm-chí dị học.³⁷ Sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi xuống một bên. Lúc đó ngoại đạo phạm-chí hỏi Sa-môn:

“Đạo sĩ Cù-đàm thường nói về dục luận,³⁸ sắc luận, thọ* luận, tưởng luận. Những luận như vậy có gì sai khác? Những gì chúng tôi luận cũng là những gì Sa-môn nói. Những gì Sa-môn nói cũng là những gì chúng tôi luận. Thuyết pháp giống như tôi thuyết pháp. Dạy dỗ giống như tôi dạy dỗ.”

Các Tỳ-kheo nghe những lời này xong, không nói đúng, cũng không nói sai, rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, vừa suy nghĩ, như vậy: “Chúng ta nên đem nghĩa này đến hỏi đức Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo sau khi ăn xong, đi đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó, các Tỳ-kheo đem nhân duyên đầu đuôi câu chuyện đã nghe từ chỗ Phạm-chí, bạch hết lên Thế Tôn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu phạm chí kia hỏi như vậy, các người nên đem nghĩa này hỏi lại họ: ‘Dục có vị ngọt gì, lại có tai họa gì phải lìa bỏ dục?³⁹ Sắc có vị ngọt gì, lại có tai họa gì phải lìa bỏ sắc? Thọ có vị ngọt gì, lại có tai họa gì phải lìa bỏ thọ?’ Nếu các người đem những lời này đáp lại câu hỏi của họ, các phạm chí ấy sẽ lặng im không trả lời được. Giả sử có nói, cũng không thể giải thích

³⁶ Ngoại đạo Phạm chí 外道梵志. Pāli: *aññatitthiya-paribbājaka*, ngoại đạo xuất gia, phở hành (du sĩ) dị học.

³⁷ Dị học Phạm chí 異學梵志, như ngoại đạo Phạm chí.

³⁸ Pāli, ibid., *kāmānaṃ pariññaṃ kāmānaṃ pariññaṃ*, thi thiết dục biến tri, chủ trương nhận thức để đoạn trừ các dục.

³⁹ Pāli, ibid., *kāmānaṃ assādo, ko ādīnavo, kim nissaraṇaṃ?* Dục có vị ngọt gì? Nguy hiểm gì? Xuất yếu gì?

nghĩa sâu xa này, mà còn tăng trưởng ngu hoặc, rơi vào ngõ cụt. Vì sao vậy? Vì chẳng phải cảnh giới của họ. Lại nữa, này Tỳ-kheo, Ma cùng Ma thiên, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, Sa-môn, Bà-la-môn, người và phi nhân, ai mà có thể hiểu nghĩa sâu này, trừ [605a01] Như Lai Đẳng chánh giác và Thánh chúng của Như Lai, hay những người thọ giáo của Ta, những người này thì không luận đến.⁴⁰

“Dục có vị ngọt gì? Đó chính là năm dục.⁴¹ Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt làm khởi nhãn thức, rất đáng yêu, đáng nhớ, được người đời ưa thích. Tiếng được nghe bởi, được người đời ưa, vị được nếm bởi lưỡi, mịn láng được xúc bởi thân, rất đáng yêu, đáng nhớ, được người đời ưa thích. Khổ, lạc phát sinh từ trong năm dục này, đó gọi là vị của dục.

“Dục có tai họa gì? Ở đây, một thiện gia nam tử học các kỹ thuật để tự kinh doanh cho mình; hoặc học làm ruộng, hoặc học thư số, hoặc học làm thuê, hoặc học toán số, hoặc học cân đối, hoặc học chạm khắc, hoặc học thông tin qua lại, hoặc học hầu hạ vua, thân không lánh nắng mưa, mệt nhọc cần khổ, không được tự do. Làm những việc khổ cay này để thu hoạch sản nghiệp. Đó là tai họa lớn của dục. Khổ não trong đời này do ân ái này, đều do tham dục. Nhưng thiện gia nam tử kia lại làm việc cực khổ vậy mà không được của cải, trong lòng sầu lo khổ não không thể tính kể, tự suy nghĩ rằng, ‘Ta làm công lao này, bày các phương kế, mà không được tiền của.’ Các trường hợp như vậy, nên nghĩ đến lià bỏ. Đó là nên lià bỏ dục.

⁴⁰ Hán: thử tức bất luận 此即不論; nghĩa không rõ, hoặc Hán đọc nhầm từ nguyên bản. Tham chiếu Pāli, ibid.: *ito vā pana sutvā*, hay những người đã nghe từ đây. Hình như Hán đọc là: *ito vā na sutvā*.

⁴¹ Ngũ dục. Pāli: *pañca kāmagaṇā*, năm dục công đức, năm chất liệu của dục.

“Lại nữa, khi thiện gia nam tử kia, hoặc khi bày phương kế vậy mà được tiền của. Do được tiền của nên tìm đủ mọi cách thích hợp để luôn tự giữ gìn, sợ vua chiếm đoạt, bị giặc cướp giết, bị nước cuốn trôi, bị lửa thiêu đốt. Lại nghĩ như vậy: ‘Ta muốn chôn giấu, nhưng sợ sau quên mất. Ta muốn xuất ra sinh lời lại sợ không thể giữ. Hay nhà sanh con xấu, tiêu phá tài sản của ta.’ Đại loại như vậy, dục là tai họa lớn, do bởi gốc dục này đưa đến tai biến này.

Lại nữa, thiện gia nam tử kia thường sanh tâm này, là muốn gìn giữ tài sản, sau đó vẫn bị quốc vương chiếm đoạt, bị giặc cướp giết, bị nước cuốn trôi, bị lửa thiêu đốt; những thứ chôn giấu cũng lại không thể giữ. Ngay khi muốn xuất vốn kiếm lời cũng thu không được. Ở nhà sanh con xấu, tiêu phá tài sản. Tiền vạn không thu được một. Trong lòng sầu ưu, khổ não, đấm ngực kêu la: ‘Tiền của ta có trước kia nay mất tất cả!’ Người ấy trở nên ngu hoặc, tâm ý thác loạn. Cho nên, gọi dục là tai họa lớn, do bởi gốc dục này không đến vô vi được.

“Lại nữa, do bởi gốc dục này, mà con người mặc giáp, cầm dao gậy, công phạt lẫn nhau. Chúng đánh nhau, hoặc ở trước bày voi, hoặc [605b02] ở trước bày ngựa, hoặc ở trước bộ binh, hoặc ở trước xa binh; cho ngựa đấu ngựa, cho voi đấu voi, cho xe đấu xe, cho bộ binh đấu bộ binh; hoặc chém nhau, bắn nhau, hoặc đâm nhau. Đại loại như vậy, dục là tai họa lớn, vì dục là nguồn gốc đưa đến tai biến này.

“Lại nữa, do bởi gốc dục này, mà con người mặc giáp, cầm gậy, hoặc ở cửa thành, hoặc ở trên thành, chém nhau, bắn nhau, hoặc dùng dao đâm, hoặc dùng bánh xe sắt nghiền đầu, hoặc tưới sắt nấu chảy, chịu đau đớn như vậy mà chết rất nhiều.

“Lại nữa, dục cũng không có thường, tất cả thay nhau biến đổi không ngừng. Không hiểu rõ dục này biến đổi vô thường, thì đây gọi dục là tai họa lớn.

“Sao phải lìa bỏ dục? Nếu ai hay tu hành trừ tham dục,⁴² đó gọi là bỏ dục.

“Các sa-môn, bà-la-môn mà không như thật biết tai họa lớn của dục, cũng lại không biết nguyên do xả ly dục; không biết sa-môn, oai nghi của sa-môn, không biết bà-la-môn, oai nghi của bà-la-môn, những người ấy chẳng phải là sa-môn, chẳng phải bà-la-môn, cũng lại không thể tự thân tác chứng mà tự an trú⁴³. Nghĩa là các sa-môn, bà-la-môn mà xét biết dục là tai họa lớn, xa lìa dục, như thật không hư dối, biết sa-môn có oai nghi của sa-môn, biết bà-la-môn có oai nghi của bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú*. Đó là lìa bỏ dục.

“Sao gọi là vị ngọt của sắc? Khi nó thấy con gái dòng sát-lợi, con gái dòng bà-la-môn, con gái dòng trưởng giả, tuổi mười bốn, mười lăm, mười sáu, không cao, không thấp, không mập, không ốm, không trắng, không đen, xinh đẹp vô song, hiếm có ở đời; vừa mới thấy nhan sắc ấy, nó liền khởi tưởng yêu thích. Đó gọi là vị của sắc.

“Sao gọi sắc là tai họa lớn? Lại nữa, sau nếu lại thấy người con gái kia, tuổi đã tám mươi, chín mươi, cho đến trăm tuổi, nhan sắc đổi khác, qua tuổi thiếu, tráng niên, răng rụng, tóc bạc, thân thể cẩu ghét, da dòn, mặt nhăn, lưng khòm, rên rỉ, thân như xe cũ, hình dáng run rẩy, chống gậy mà đi. Thế nào, các

⁴² Pāli, *ibid.*, *kiñca kāmānaṃ nissaraṇaṃ? yo kāmesu chandarāgavinayo chandarāgappahānaṃ*—, sự xuất yếu (thoát ly) của dục là gì? Chế ngự ham muốn, đoạn trừ ham muốn trong các dục vọng.

⁴³ Hán: tự du hý 自遊戲, hiểu là tự an trú (sống với).

Tỳ-kheo, sắc đẹp được thấy ban đầu, sau lại thấy đổi khác, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, ở đây nếu thấy người con gái kia thân mang trọng bệnh, nằm trên giường, đại tiểu tiện không thể đứng dậy. [605c01] Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp được thấy trước kia, nay trở nên bệnh này; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Các Tỳ-kheo, đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu lại thấy người con gái kia, thân hoại mạng chung, được đem đến gò mả. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp trước kia đã thấy, nay đã biến đổi; ở trong đó mà tưởng khổ lạc; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp rằng:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, nếu thấy người con gái kia, chết qua một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, cho đến bảy ngày; thân thể sinh chướng, rữa thối, tan rã, rơi vãi một nơi. Thế nào, Tỳ-kheo,

Tăng nhất A-hàm

sắc đẹp có trước kia, đến nay thay đổi đến như vậy; há chẳng phải là tai họa lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, nếu thấy người con gái kia, bị quạ, chim khách, kên kên, tranh nhau đến ăn thịt; hoặc bị beo, chó, sói, hổ, thấy mà ăn thịt; hoặc các loài trùng ngọ nguậy rất nhỏ, biết bò, bay, động đậy, thấy mà ăn thịt. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia vốn có, nay biến đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai họa lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, thân bị trùng quạ đã ăn nửa, ruột, dạ dày, thịt, máu, ô uế bất tịnh. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp mà trước kia cô ấy có, nay biến đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai họa lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, máu thịt đã hết, chỉ còn hài cốt liền nhau. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến nỗi như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, máu thịt đã hết, chỉ có gân quán ràng như bó củi. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến nỗi như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, hài cốt tan rã mỗi nơi, hoặc xương chân một chỗ, hoặc xương tay một chỗ, hoặc [606a01] xương đùi một chỗ, hoặc xương hông một chỗ, hoặc xương sườn một chỗ, hoặc xương bả vai một chỗ, hoặc xương cổ một chỗ, hoặc đầu lâu một chỗ. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

Tăng nhất A-hàm

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, xương cốt bạc trắng, hoặc giống sắc bồ câu. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai họa lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, hài cốt trải qua nhiều năm, hoặc bị mục nát, tan rã, giống như màu đất. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai họa lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, sắc này vô thường biến đổi, không được lâu dài, không được bền vững⁴⁴. Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Sao gọi sắc là xuất yếu⁴⁵? Nếu hay lia nơi bỏ sắc, trừ các loạn tưởng. Đó là lia bỏ nơi sắc.⁴⁶ Những sa-môn, bà-la-môn mà đắm trước sắc nơi sắc, không như thật biết tai họa lớn, cũng

⁴⁴ Đê bản: vô hữu lão ấu 無有老幼.

⁴⁵ Xuất yếu 出要; đoạn trên nói là xả ly. Cùng nghĩa. Pāli: *nissara*.

⁴⁶ Xem cht. 38 trên.

không biết xả ly, đó không phải là sa-môn, bà-la-môn; đối với sa-môn mà không biết oai nghi của sa-môn, đối với bà-la-môn mà không biết oai nghi của bà-la-môn, không thể tự thân tác chúng mà tự an trú*. Nghĩa là các sa-môn, bà-la-môn mà không đấm trước sắc ở nơi sắc; biết rõ sâu xa đại hoạn, biết xả ly, những người ấy ở nơi sa-môn mà biết oai nghi của sa-môn, ở nơi bà-la-môn biết oai nghi của bà-la-môn, tự thân tác chúng mà tự an trú*. Đó gọi là lia bỏ đối sắc.

“Sao gọi là vị của thọ*? Ở đây, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ lạc, biết rằng ta có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, biết rằng ta có cảm thọ khổ. Khi có cảm thọ không khổ không lạc, biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc. Khi có cảm thọ lạc vật dục,⁴⁷ biết rằng ta có cảm thọ lạc vật dục. Khi có cảm thọ khổ vật dục,* biết rằng ta có cảm thọ khổ do ăn. Khi có cảm thọ không khổ không lạc do ăn,* biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc do ăn. Khi có [6b01] cảm thọ khổ phi vật dục,⁴⁸ biết rằng ta có cảm thọ khổ phi vật dục *. Khi có cảm thọ lạc phi vật dục,* biết rằng ta có cảm thọ lạc không do ăn. Khi có cảm thọ không khổ không lạc phi vật dục,* biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc phi vật dục *.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ lạc, khi ấy không có cảm thọ khổ, cũng lại không có cảm thọ không khổ không lạc; bấy giờ ta chỉ có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, khi ấy không có cảm thọ lạc, cũng lại không có cảm thọ không khổ không lạc, chỉ có cảm thọ khổ.

⁴⁷ Hán: thực lạc thống 食樂痛; xem cht. 18, kinh 1 phẩm 12.

⁴⁸ Hán: bất thực khổ thống 不食苦痛; xem cht. 19, kinh 1 phẩm 12.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ không khổ không lạc, khi ấy không có cảm thọ lạc và cảm thọ khổ, mà chỉ có cảm thọ không khổ không lạc.

“Lại nữa, thọ* là pháp vô thường biến đổi. Vì biết thọ* là pháp vô thường biến đổi, cho nên gọi thọ là tai hoạn lớn.

“Sao gọi thọ là xuất yếu? Nếu hay xả ly thọ nơi thọ, trừ các loạn tướng.⁴⁹ Đó gọi là lia bỏ đối cảm giác. Những sa-môn, bà-la-môn nào mà đắm trước thọ nơi thọ, không biết tai hoạn lớn, cũng không lia bỏ, không như thật biết; những người ấy chẳng phải sa-môn, bà-la-môn. Ở nơi sa-môn không biết oai nghi của sa-môn. Ở nơi bà-la-môn không biết oai nghi của bà-la-môn. Không thể tự thân chứng, mà tự an trú*. Những sa-môn, bà-la-môn nào mà không đắm trước thọ nơi thọ, biết rõ sâu xa là tai hoạn lớn, hay biết xả ly, những người ấy ở nơi sa-môn mà biết oai nghi của sa-môn; ở nơi bà-la-môn mà biết oai nghi của bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú*. Đó gọi là xả ly thọ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có sa-môn, bà-la-môn nào không biết cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc; không như thật biết, nhưng lại giảng dạy người khác khiến thực hành. Điều này không xảy ra. Nếu có sa-môn, bà-la-môn nào có thể xả ly thọ, như thật biết, lại khuyên dạy người xả ly. Điều này có xảy ra. Đó gọi là xả ly nơi thọ.

“Các Tỳ-kheo, nay Ta đã nói về sự đắm trước dục, vị của dục, dục là tai hoạn lớn, lại có thể xả ly; cũng nói về đắm trước sắc, vị của sắc, sắc là tai hoạn lớn, có thể xả ly sắc. Đã nói về sự đắm trước thọ, vị của thọ, thọ là tai hoạn lớn, có thể xả ly thọ.

⁴⁹ Pāli, *ibid.*, *yo vedanāsu chandarāgavinayo, chandarāgappahānam*, chế ngự ham muốn, đoạn trừ ham muốn nơi các thọ.

“Những gì các Như Lai cần làm, những gì cần thi thiết, nay Ta đều đã chu tất. Các người hãy thường suy niệm ở dưới gốc cây, trong rừng vắng, thiền tọa tư duy, chớ có giải đãi. Đó là giáo sắc của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

[606c01]Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba thứ không chắc thật. Những gì là ba? Thân không chắc thật, mạng không chắc thật, tài không chắc thật. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là ba thứ không chắc thật.

“Ở đây, Tỳ-kheo, trong ba thứ không chắc thật, hãy phương tiện tìm cầu làm thành ba thứ chắc thật. Những gì là ba? Thân không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật. Mạng không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật. Tài không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật.

“Sao gọi là thân không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật? Nghĩa là khiêm nhường, cung kính, lễ bái, tùy lúc thăm hỏi. Đây là thân không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật.

“Sao gọi là mạng không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật? Ở đây, thiện nam tử, thiện nữ nhân suốt đời không sát sanh, không dùng dao gậy, thường biết tầm quý, có tâm từ bi, nghĩ khắp tất cả chúng sanh; suốt đời không trộm cắp, thường niệm bố thí, tâm không ý tưởng keo lẩn; suốt đời không dâm dật, cũng

không thông dâm vợ người; suốt đời không vọng ngữ, thường nghĩ đến chí thành không khi dối người đời; suốt đời không uống rượu, ý không tán loạn, giữ giới cấm của Phật. Đó gọi là mạng không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật.

“Sao gọi là tài không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật? Thiện nam tử, thiện nữ nhân thường niệm bố thí cho sa-môn, bà-la-môn, các hàng nghèo khó. Người cần ăn thì cho ăn, cần nước uống cho nước uống, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men chữa bệnh, nhà cửa thành quách, những thứ gì cần đều đem cho hết; tài sản không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật là như vậy.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có ba thứ không chắc thật này, tìm cầu nơi ba thứ chắc thật.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Biết thân không chắc thật;
Mạng cũng không kiên cố;
Tài sản, pháp suy mòn;
Người nên cầu chắc thật.
Thân người thật khó được;
Mạng cũng chẳng dài lâu;
Tài sản cũng hủy hoại
Hoan hỷ niệm bố thí.*

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Thứ nhất đức, phước nghiệp,
Ba nhân, ba an, sợ,
Ba đê, bệnh, ác hành,
Trừ khổ, không chắc thật.*

22. PHẨM BA CÚNG DƯỜNG

KINH SỐ 1

[607a01] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba người, xứng đáng được người đời cúng dường. Ba người ấy là ai? Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác, xứng đáng được người đời cúng dường. Đệ tử của đức Như Lai, A-la-hán lậu tận, xứng đáng được người đời cúng dường. Chuyển luân Thánh vương, xứng đáng được người đời cúng dường.

“Có nhân duyên gì mà Như Lai xứng đáng được người đời cúng dường? Như Lai điều phục những ai chưa được điều phục, hàng phục những ai chưa được hàng phục, độ những ai chưa được độ, giải thoát những ai chưa được giải thoát, khiến thành Niết-bàn những ai chưa bát-niết-bàn, cứu hộ những ai chưa được cứu hộ, làm con mắt cho những ai mù mắt. Như Lai là tối tôn đệ nhất, là ruộng phước tối tôn, đáng kính, đáng quý giữa Ma, hoặc Ma thiên, trời và người, làm đạo sư hướng dẫn loài người biết con đường chánh, thuyết đạo giáo cho những ai chưa biết đạo. Do nhân duyên này, Như Lai là xứng đáng được người đời cúng dường.

“Có nhân duyên gì mà đệ tử của Như Lai, A-la-hán lậu tận, xứng đáng được người đời cúng dường? Tỳ-kheo nên biết, A-la-hán lậu tận đã vượt qua được dòng sanh tử, không còn tái

Tăng nhất A-hàm

sinh, đã đắc pháp vô thượng; dâm, nộ, si vĩnh viễn diệt tận không còn, là ruộng phước của đời. Do nhân duyên này, A-la-hán lậu tận xứng đáng được người đời cúng dường.

“Lại nữa, do nhân duyên gì mà Chuyển luân Thánh vương xứng đáng được người đời cúng dường? Các Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân Thánh vương dùng pháp để trị hóa, trọn không sát sanh, lại dạy dỗ người khiến không sát sanh; tự mình không trộm cắp và cũng dạy người khác không trộm cắp; tự mình không dâm dật và dạy người khác không dâm dật; tự mình không nói vọng ngữ và dạy người khác không vọng ngữ; tự mình không nói hai lưỡi đầu loạn kia-đây, lại cũng dạy người khác khiến không nói hai lưỡi; tự mình không ganh ghét, sân, si, lại dạy người khác cũng không tập pháp này; tự hành theo chánh kiến và dạy người khác không hành theo tà kiến. Do nhân duyên này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng được người đời cúng dường.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo A-nan:

“Có ba thiện căn không thể cùng [607b01] tận, đưa dần đến Niết-bàn giới. Những gì là ba? Gieo trồng công đức ở nơi Như Lai, thiện căn này không thể cùng tận. Gieo trồng công đức ở nơi Chánh pháp, thiện căn này không thể cùng tận. Gieo trồng

công đức ở nơi Thánh chúng, thiện căn này không thể cùng tận. Nay A-nan, đó gọi là có ba thiện căn không cùng tận này, đưa đến Niết-bàn giới. Cho nên A-nan, hãy tìm cầu phương tiện để đạt được phước không thể cùng tận này.

“A-nan, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba thọ* này. Những gì là ba? Đó là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không khổ không lạc.⁵⁰

“Này các Tỳ-kheo, nên biết, cảm thọ lạc kia là sứ giả của ái dục. Cảm thọ khổ kia là sứ giả của sân nhuế sai khiến. Cảm thọ không khổ không lạc kia là sứ giả của si. Cho nên, này Tỳ-kheo, hãy học phương tiện tìm cầu diệt các sứ giả này. Vì vậy, các người hãy tự nhiệt hành, tự tu hành pháp cần phải tu hành, đặc pháp vô tỷ. Các Tỳ-kheo nên biết, sau khi Ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo nào tự niệm nhiệt hành tu hành pháp này, đặc pháp vô tỷ, người ấy chính là đệ nhất Thanh văn.

“Thế nào, Tỳ-kheo, hãy tự nhiệt hành, tự tu hành pháp cần phải tu hành, đặc pháp vô tỷ. Ở đây, Tỳ-kheo tự quán thân nơi nội thân, tự quán thân nơi ngoại thân, tự quán thân nơi ngoại thân

⁵⁰ Hán: tam thống 三痛, ba thọ hay cảm thọ. Cf. D 10 Saṅgīti (R.iii. 216): *tisso vedanā–sukhā vedanā, dukkhā vedanā, adukkhamasukhā vedanā*.

mà tự an trú*; quán nội thọ, quán ngoại thọ, quán nội ngoại thọ; quán nội tâm, quán ngoại tâm, quán nội ngoại tâm; quán nội pháp, quán ngoại pháp, quán nội ngoại pháp tự an trú*.

“Nhu vậy Tỳ-kheo, hãy tự nỗ lực tu hành pháp ấy, đắc pháp vô tỷ. Những Tỳ-kheo nào thực hành pháp này, người ấy là đệ tử bậc nhất ở trong hàng Thanh văn.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo:

“Có ba sự, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt.⁵¹ Những gì là ba? Một là nữ nhân, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt. Hai là chú thuật bà-la-môn, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt. Ba là nghiệp của tà kiến, [607c01] che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba sự này, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt.

⁵¹ Cf. A III 129 Paṭicchannasuttaṃ (R i. 182): *tīṇimāni paṭicchannāni āvahanti no vivaṭāni*, ba sự kiện này được che dấu thì có hiệu quả, chứ không phải hiển lộ.

“Lại có ba sự mà hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt.⁵² Những gì là ba? Mặt trời, mặt trăng, hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt. Pháp ngữ của Như Lai, hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba sự này mà hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nữ nhân cùng chú thuật,
Tà kiến hành bất thiện:
Đây ba pháp ở đời
Che dấu thì rất tốt.*

*Nhật, nguyệt chiếu khắp nơi;
Lời chánh pháp Như Lai:
Đây ba pháp ở đời
Hiện bày là đẹp nhất.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy hiển bày pháp Như Lai, chớ để che khuất.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁵² Cf. Pāli, *ibid.*, *tīṇimāṇi vivaṭāṇi virocanti, no paṭicchannāni*, ba sự kiện này được hiển lộ thì chiếu sáng, chứ không phải bị che dấu.

“Có ba tướng hữu vi của hữu vi. Những là ba? Biết nó sinh khởi; biết nó biến thiên; biết nó diệt tận.⁵³

“Sao gọi đó là biết nó sinh khởi? Biết nó sanh, nó lớn, thành hình năm uẩn, đạt đến các giới và xứ⁵⁴. Đó gọi là biết nó sinh khởi.

“Sao gọi là nó diệt tận? Nó chết, mạng đã qua, không tồn tại, vô thường, các uẩn tan hoại, dòng họ chia lìa, mạng căn cắt đứt. Đó gọi là biết diệt tận.

“Sao gọi là nó biến dịch? Răng rụng, tóc bạc, khí lực hao mòn, tuổi cao sức yếu, thân thể rã rời. Đó gọi là biệt pháp biết pháp biến dịch’.

“Tỳ-kheo, đó là ba tướng hữu vi của hữu vi. Nên biết ba tướng hữu vi của hữu vi này. Hãy khéo phân biệt.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

⁵³ Cf. A III 47 Saṅkhatalakkhaṇa (R i. 152): *tīṇimāni, saṅkhatassa saṅkhatalakkhaṇāni. katamāni tīṇi? uppādo paññāyati, vayo paññāyati, ʘhitassa aññathattaṃ paññāyati*. Cf. Dẫn bởi *Câu-xá 5* (tr. 27a17); *Tỳ-bà-sa 38* (tr. 198a11): 有為之起亦可了知。盡及住異亦可了知, sinh khởi của hữu vi cũng đã được biết; tận và trú dị cũng đã được biết.

⁵⁴ Hán: trì nhập 持入. Pāli: *dhātu, āyatana*.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người ngu có ba tướng, ba pháp không thể trông cậy.⁵⁵ Ba pháp gì? Ở đây, điều mà người ngu không nên tư duy mà cứ tư duy; điều không nên luận nói mà cứ luận thuyết; điều không nên hành mà cứ tu tập.

“Thế nào là người ngu tư niệm điều không nên tư duy? Ở đây, người ngu khởi ba hành của ý, rồi tư duy, ức niệm. Những gì là ba? [608a01] Người ngu khởi tâm ganh tị tài sản và nữ sắc nơi người khác, tâm nghĩ lời ác làm trôi dậy tâm ganh ghét, rằng ‘Mong những cái mà người ấy có thuộc về ta.’ Như vậy người ngu tư duy điều không nên tư duy.

“Thế nào là người ngu luận thuyết điều không nên luận thuyết? Ở đây, người ngu gây bốn tội lỗi nơi miệng. Những gì là bốn? Người ngu thường thích vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, gây đấu loạn giữa người này người kia. Người ngu bốn tội lỗi nơi miệng như vậy.

“Thế là người ngu tạo các hành vi ác? Ở đây, người ngu tạo hành vi ác bởi thân, thường nghĩ đến sát sanh, trộm cắp, dâm dật. Người ngu có hành vi xấu ác như vậy.

“Như vậy, Tỳ-kheo, người ngu có ba hành tích này, người ngu si tập hành ba sự này.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, người trí có ba sự cần được niệm tưởng tu hành. Những gì là ba? Ở đây, người trí tư duy điều đáng tư duy; luận thuyết điều đáng luận thuyết; hành thiện điều đáng tu hành thiện.

⁵⁵ Cf. A III 3 Cintīsuttaṃ (R.i. 102): *tīṇimāni bālassa bālalakkhaṇāni bālanimittāni bālāpadānāni*, có ba đặc tính ngu, ba dấu hiệu ngu, ba hành tích ngu của người ngu.

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào là người trí tư duy điều đáng tư duy? Ở đây, người trí tư duy ba hành vi của ý. Những gì là ba? Người trí không ganh ghét, oán giận, si mê; thường hành chánh kiến, thấy tài sản của người khác không sanh tưởng niệm. Như vậy, người trí tư duy điều đáng tư duy.

“Thế nào là người trí luận thuyết điều đáng luận thuyết? Ở đây, người trí thành tựu bốn hành vi bởi miệng. Những gì là bốn? Người trí không nói dối, cũng không dạy người khác nói dối, thấy người nói dối, ý không hoan hỷ. Đó gọi là người trí giữ gìn miệng mình. Lại nữa, người trí không nói thêu dệt, ác khẩu, tranh loạn kia đây, cũng không dạy người khiến nói thêu dệt, ác khẩu, gây đấu loạn giữa người này người kia. Như vậy, người trí thành tựu bốn hành vi bởi miệng.

“Thế nào là người trí thành tựu ba hành vi của thân? Ở đây, người trí tư duy thân hành không có điều gì xúc phạm; song người trí lại tự mình không sát sanh, cũng không dạy bảo người sát sanh, thấy người khác giết hại, tâm không hoan hỷ; tự mình không trộm cắp, không dạy bảo người trộm cắp, thấy người khác trộm cắp tâm không hoan hỷ; cũng không dâm dật, thấy nữ sắc của kẻ khác tâm không khởi tưởng, cũng không dạy bảo người khiến hành dâm dật. Nếu thấy người già thì xem như mẹ, người vừa như chị, người nhỏ như em, ý không cao thấp. Người trí đã thành tựu ba hành của thân như vậy.

“Đó gọi là những hành tích của người trí.

“Như vậy, này Tỳ-kheo, có ba tướng hữu vi này của hữu vi. [608b01] Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường xả ly ba tướng của người ngu. Chớ nên phé bỏ ba điều sở hành của người trí.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba pháp này, vì không được giác tri, không được thấy, không được nghe, nên trải qua sinh tử mà chưa từng nhìn ngắm; Ta và các người trước đây chưa từng thấy nghe. Những gì là ba? Đó là giới Hiền thánh, không thể giác tri, không thấy, không nghe, nên trải qua sinh tử mà chưa từng nhìn ngắm; Ta và các người trước đây chưa từng thấy nghe. Tam-muội Hiền thánh, trí huệ Hiền Thánh, không thể giác tri, không thấy, không nghe. Nay, như thân Ta, cùng với các người, thấy đều giác tri cấm giới Hiền thánh, tam-muội Hiền thánh, trí huệ Hiền thánh, thấy đều thành tựu, nên không còn tái sinh nữa, đã đoạn nguồn gốc sanh tử. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng tu hành ba pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba pháp rất đáng mến yêu mà người đời tham muốn. Ba pháp gì? Trẻ khỏe là pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn. Không bệnh là pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn. Tuổi thọ bệnh là pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn.

“Lại nữa Tỳ-kheo, tuy có ba pháp đáng mến yêu mà người đời tham đắm này, nhưng lại có ba pháp không đáng mến yêu mà người đời không tham muốn. Ba pháp gì? Tỳ-kheo nên biết, tuy có trẻ khỏe, nhưng ắt sẽ già, pháp không đáng mến yêu mà người đời không tham muốn. Tỳ-kheo nên biết, tuy có không bệnh, song tất sẽ bệnh, pháp không đáng mến yêu mà người đời không tham muốn. Tỳ-kheo nên biết, tuy có sống lâu, song tất sẽ chết, pháp không đáng mến yêu mà người đời không tham muốn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, tuy có trẻ khỏe, nhưng phải tìm cầu cái không già, đến Niết-bàn giới. Tuy có không bệnh, nhưng phải tìm cầu phương tiện để không có cái bệnh. Tuy có sống lâu, nhưng hãy [608c01] tìm cầu phương tiện để không bị chết.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Giống như mùa Xuân, trời mưa đá lớn. Cũng lại như vậy, nếu Như Lai không xuất hiện ở đời, chúng sanh sẽ rơi vào địa ngục. Bấy giờ người nữ vào địa ngục nhiều hơn đối người nam. Vì sao vậy? Tỳ-kheo nên biết, do ba sự nên các loài chúng sanh thân hoại mạng chung rơi vào ba đường dữ. Những gì là ba? Đó là tham dục, ngủ nghỉ, trạo cử⁵⁶. Bị ba sự này quán chặt tâm ý, thân hoại mạng chung rơi vào ba đường ác.

“Người nữ cả ngày tập hành ba pháp mà tự an trú*.⁵⁷ Ba pháp gì? Sáng sớm để cho tâm ganh tị quán chặt mình. Buổi trưa lại để cho ngủ nghỉ quán chặt mình. Buổi chiều để cho tâm tham dục quán chặt mình. Do nhân duyên này khiến người nữ kia thân hoại mạng chung sanh vào ba đường dữ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng tránh xa ba pháp này.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Ganh tị, ngủ, trạo cử;
Tham dục là pháp ác
Lôi người vào địa ngục,
Cuối cùng không giải thoát.*

*Vì vậy phải lìa bỏ
Ganh tị, ngủ, trạo cử.
Và cũng xả bỏ dục,
Đừng tạo hành ác kia.*

⁵⁶ Điệu hy, hay trạo cử, vọng động

⁵⁷ Cf. A III 127 (R.i. 281).

Tăng nhất A-hàm

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tránh xa sự ganh tị, không có tâm keo kiệt, thường hành huệ thí, không ham ngủ nghỉ, thường hành không nhiễm,⁵⁸ không đắm tham dục.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba pháp này, tập hành chúng, thân cận chúng, không hề biết chán đủ, lại cũng không thể đến chỗ tĩnh chi. Những gì là ba? Đó là tham dục, mà người nào tập pháp này, ban đầu không chán đủ. Hoặc lại có người tập uống rượu, ban đầu không chán đủ. Hoặc lại có người tập ngủ nghỉ, ban đầu không chán đủ. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có người tập ba pháp này, ban đầu không chán đủ, lại cũng không thể đến nơi diệt tận. Cho nên, Tỳ-kheo, thường phải liả bỏ ba pháp này, không gần gũi nó.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

⁵⁸ TNM: thường hành bất tịnh quán.

Kệ tóm tắt:

*Cúng dường, ba thiện căn,
Ba thọ, ba khuấy lộ,
Tướng, pháp, ba bất giác,
Mến yêu, xuân, không đui.⁵⁹*

⁵⁹ Bản Hán, hết quyển 12.

23. PHẨM ĐỊA CHỦ

KINH SỐ 1

[609a14] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bảo các quần thần:

“Các người hãy mau chỉnh bị xe có gắn lông chim.¹ Ta muốn đến chỗ đức Thế Tôn, lễ bái thăm hỏi.”

Tả hữu vâng lệnh vua, chỉnh bị xe có gắn lông chim* xong, liền tâu vua:

“Đã chỉnh bị xong, nay đã đến lúc.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền lên xe có gắn lông chim*, có vài nghìn người đi bộ và cỡi ngựa, vây quanh trước sau, ra khỏi nước Xá-vệ, đến tinh xá Kỳ-hoàn, đến chỗ đức Thế-tôn. Như phép của các vua, cỡi bỏ năm món nghi trượng, đó là: lọng, mũ, kiếm, giày và quạt vàng,² để hết một bên, vua đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết cho pháp thâm diệu cho vua, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe thuyết pháp, bạch Thế Tôn:

¹ Vũ bảo chi xa 羽寶之車, xem **cht. 38**, kinh 11, phẩm 19.

² Hán: kim phát 金拂, quạt lông cán bằng vàng.

“Cúi mong đức Thế Tôn nhận thỉnh cầu ba tháng³ của con, cùng Tỳ-kheo Tăng không ở nơi khác.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của vua Ba-tư-nặc. Khi vua Ba-tư-nặc thấy đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi lui đi.

Về đến thành Xá-vệ, vua ra lệnh các quần thần:

“Ta muốn cúng dường phạn thực cho Phật và Tỳ-kheo Tăng ba tháng, cung cấp những vật cần dùng, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, [609b01] các người cũng nên phát tâm hoan hỷ.”

Quần thần đáp:

“Xin vâng.”

Vua Ba-tư-nặc cho xây dựng đại giảng đường ở ngoài cửa cung, cực kỳ đẹp đẽ, treo lụa là, tràng phan, dù lọng, trỗi nhạc hát múa, không thể kể. Lập các hồ tắm, bày biện nhiều đèn dầu, dọn nhiều thức ăn, có đến trăm vị. Rồi vua Ba-tư-nặc liền đến bạch:

“Đã đến giờ, cúi xin đức Thế Tôn quang lâm đến nơi này.”

Bấy giờ Thế Tôn thấy đã đến giờ, đắp y cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo Tăng, vây quanh trước sau, vào thành Xá-vệ, đến chỗ giảng đường kia. Đến rồi, vào chỗ ngồi mà ngồi, và các Tỳ-kheo Tăng theo thứ tự cũng ngồi.

Khi đó, vua Ba-tư-nặc hướng dẫn các cung nhân, tự tay mang thức ăn, và cung cấp những thứ cần dùng, cho đến ba tháng mà không có gì thiếu hụt; cung cấp các thứ áo chần, cơm nước, giường chiếu, thuốc trị bệnh.

³ Tam nguyệt thỉnh 三月請, thỉnh cầu ba tháng an cư mùa mưa.

Tăng nhất A-hàm

Thấy Thế Tôn ăn xong, vua đem các thứ hoa rải lên Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng, rồi lấy ghế nhỏ ngồi ở trước Như Lai, bạch Thế Tôn:

“Con đã từng nghe từ Phật, do nhờ nhân duyên bố thí cho súc sanh ăn mà được phước gấp trăm; cho người phạm giới ăn được phước gấp ngàn; cho người trì giới ăn được phước gấp vạn; cho Tiên nhân đoan dục ăn được phước gấp ức; cho vị Tu-đà-hoàn hưởng ăn được phước không thể tính kể, huống lại là vị thành Tu-đà-hoàn ư? Huống chi là vị hướng Tu-đà-hàm, đắc quả Tu-đà-hàm, huống chi vị hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm, huống chi vị A-la-hán hướng, đắc A-la-hán quả, huống chi vị Bích-chi-phật hướng, đắc Bích-chi-phật quả, huống chi bậc hướng Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, huống chi bậc thành Phật và Tỳ-kheo Tăng, công đức phước báu đó không thể tính kể. Những việc làm công đức hiện tại của con, hôm nay đã xong.”

Thế Tôn bảo:

“Đại vương, chớ nói như vậy! Làm phước không nhằm chán, sao hôm nay lại nói đã làm xong? Vì sao như vậy? Vì sanh tử lâu dài không thể kể.

“Quá khứ lâu xa có vua tên là Địa Chủ, thống lãnh cõi Diêm-phù này. Vua đó có vị đại thần tên là Thiện Minh, ngay từ thiếu thời đã quanh quẩn bên vua không hề sợ khó. Sau đó, vua kia chia nửa cõi Diêm-phù cho vị đại thần đó trị. Khi đó, tiểu vương Thiên Minh tự xây thành quách, dọc mười hai do tuần, ngang bảy do tuần, đất đai phi nhiêu, Nhân dân đông đúc.

“Bấy giờ, thành đó tên là Viễn chiếu. Đệ nhất phu nhân của vua Thiện Minh tên là Nhật Nguyệt Quang, không cao, không thấp, [609c01] không mập, không gầy, không trắng, không đen,

nhan sắc xinh đẹp, hiếm có trên đời, miệng tỏa mùi hương hoa ưu-bát, thân thơm hương chiên-đàn. Một thời gian sau, bà mang thai. Vị phu nhân đó liền đến tâu vua rằng, ‘Nay thân thiếp có thai.’

“Vua nghe lời này, vui mừng hơn hờ, không thể kiềm được, liền sai kẻ hầu cận, bày biện giường chiếu cực kỳ khoái lạc. Phu nhân mang thai đủ ngày, sanh một nam nhi. Lúc đương sanh, đất cõi Diêm-phù hiện rực sáng màu vàng, tướng mạo xinh đẹp, đủ ba mươi hai tướng tốt, thân thể sắc vàng. Đại vương Thiện Minh thấy thái tử này, hoan hỷ phấn khởi, mừng rỡ khôn lường, liền triệu các thầy đạo sĩ bà-la-môn, tỵ bồng thái tử đến để họ xem tướng, ‘Nay ta đã sanh thái tử. Các khanh hãy xem tướng giúp ta, rồi đặt cho tên.’

“Khi đó, các thầy tướng vâng lệnh vua. Họ cùng bồng, xem xét tướng mạo, rồi cùng nhau tâu vua, ‘Thánh vương Thái tử đoan chánh vô song. Các căn đầy đủ. Có ba mươi hai tướng tốt. Nay Vương tử này, sẽ có hai đường hươg: Nếu ở nhà sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ bảy báu. Bảy báu gồm có: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là bảy báu. Vua sẽ có một ngàn người con, đồng mãnh cang cường, có thể dẹp quân địch, ở trong bốn biển này, không cần đao trượng mà tự nhiên khuất phục. Hoặc Vương tử này sẽ xuất gia học đạo, thành Vô thượng Chánh giác, danh đức vang xa, khắp cả thế giới. Ngay ngày sinh Vương tử này, ánh sáng chiếu xa, nay đặt tên Vương tử là Đăng Quang.’ Các thầy tướng sau khi đặt tên xong, họ rời chỗ ngồi mà đi.

“Nhà vua suốt ngày bồng thái tử, không hề rời mắt. Rồi vua xây cho vương tử này ba giảng đường thích hợp với ba mùa Thu, Đông và Hạ. Cung nhân thể nữ đầy cả trong cung. Sau đó để cho thái tử của ông ở đó vui chơi.

“Khi vương thái tử được hai mươi chín tuổi, bằng tín tâm kiên cố, xuất gia học đạo. Ngày xuất gia, ngày đêm đó thành Phật.

“Bấy giờ, khắp cõi Diêm-phù-đề đều nghe biết, thái tử của vua kia xuất gia học đạo, ngày ngày ấy thành Phật. Sáng sớm phụ vương nghe vương thái tử xuất gia học đạo, ngày đêm đó thành Phật. Vua liền nghĩ rằng: ‘Đêm qua ta nghe chư thiên trên không thấy đều ca tụng tốt lành. Đây tất là điềm lành, chứ không phải là tiếng vang xấu. Nay ta hãy đi [610a01] gặp gỡ.’

“Rồi vua dẫn bốn mươi ức nam nữ vây quanh, đi đến chỗ Như Lai Đấng Quang. Đến nơi, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bốn mươi ức người cũng làm lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó Như Lai lần lượt thuyết các đề tài vi diệu cho phụ vương và bốn mươi ức người. Các đề tài đó là luận về thí, luận về giới, luận về sanh thiên, dục là ô uế, là hữu lậu, là hạnh bất tịnh, xuất gia là con đường xuất yếu, đạt được quả báo thanh tịnh.

“Bấy giờ, Như Lai quán sát tâm ý của chúng sanh này, tâm tánh đã hòa dịu, bèn như pháp mà chư Phật Như Lai thường thuyết, nói về khổ, tập, diệt, đạo; Ngài cũng vì bốn mươi ức người mà nói rộng hết nghĩa này. Ngay trên chỗ ngồi, họ sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Khi đó, bốn mươi ức người bạch đức Đấng Quang Như Lai, ‘Chúng con muốn cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo.’

“Đại vương nên biết, bấy giờ, hết thấy bốn mươi ức người được xuất gia học đạo, ngay trong ngày đó thấy đều thành A-la-hán.

“Bấy giờ, đức Đấng Quang Như Lai dẫn bốn mươi ức người đều là bậc Vô trước,⁴ du hành trong nước này. Nhân dân trong nước cúng dường tứ sự, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, không thiếu hụt một thứ gì.

“Khi đó, Đại vương Địa Chủ nghe Đấng Quang thành vô thượng chánh chân, Đấng chánh giác, đang dẫn bốn mươi ức người đều là bậc Vô trước, du hành trong nước kia. Vua nghĩ, ‘Nay ta sai tín sứ đến thỉnh Như Lai sang du hóa ở đây. Nếu Ngài đến, bốn nguyện của ta thỏa mãn. Nếu không đến, ta đích thân đến lễ lạy, thăm hỏi.’ Vua liền sai một vị đại thần, ‘Ngươi đến đó, nhân danh ta đánh lễ sát chân, thăm hỏi Như Lai, đòi sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không? Hãy thưa: Vua Địa Chủ thăm hỏi Như Lai, đòi sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không? Cúi xin Thế Tôn chiếu cố chôn này.’

“Người đó vâng lệnh vua đi đến đất nước kia. Đến nơi, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, thưa như vậy: ‘Đại vương Địa Chủ lễ sát chân Như Lai. Lễ xong thăm hỏi đòi sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không? Cúi xin Thế Tôn chiếu cố nước này.’

“Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu ấy. Rồi Như Lai Đấng Quang dẫn đại chúng, lần lượt du hành trong dân gian, cùng với bốn mươi ức đại Tỳ-kheo, ở bất kỳ nơi nào cũng đều được cung kính, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, tọa cụ, thuốc men trị bệnh. Như Lai và đại chúng đi lần đến nước Địa Chủ.

“Đại vương Địa Chủ nghe Đấng Quang Như Lai đến nước mình, hiện đang ở trong vườn [610b01] Bà-la phía Bắc, dẫn

⁴ Vô trước 無著, dịch nghĩa từ A-la-hán.

bốn mươi ức đại Tỳ-kheo. Vua nghĩ, ‘Nay ta nên đích thân đến nghinh đón.’

“Khi đó, đại vương Địa Chủ cũng lại dẫn bốn mươi ức người đến chỗ đức Như Lai Đấng Quang. Đến nơi, vua đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bốn mươi ức người lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

“Bấy giờ, Như Lai Đấng Quang lần lượt trực tiếp nói các đề tài vi diệu cho vua cùng với bốn mươi ức người nghe. Ngài nói về thí, về giới, về sanh thiên, về dục là ô uế, là hữu lậu, là hạnh bất tịnh, xuất gia là con đường xuất yếu, đạt được quả báo thanh tịnh.

“Như Lai quán sát tâm ý của chúng sanh này, tâm tánh đã hòa dịu, bèn như pháp mà chur Phật Như Lai thường thuyết, nói về khổ, tập, diệt, đạo; Ngài cũng vì bốn mươi ức người mà nói rộng hết nghĩa này. Ngay trên chỗ ngồi, họ sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Khi đó bốn mươi ức người bạch Như Lai Đấng Quang rằng, ‘Chúng con có ý muốn cạo bảo râu tóc, xuất gia học đạo.’

“Đại vương nên biết, bấy giờ cả thầy bốn mươi ức người đều được xuất gia học đạo. Ngay ngày hôm ấy, họ thầy đều đắc đạo, thành A-la-hán. Khi đó quốc vương Địa Chủ từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt lễ sát chân Phật rồi thối lui ra về.

“Bấy giờ, Như Lai Đấng Quang dẫn tám mươi vạn ức người đều là A-la-hán, du hành trong nước. Nhân dân trong nước cúng dường tứ sự, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men chữa bệnh, cung cấp mọi thứ, không gì thiếu hụt.

“Thời gian sau, quốc vương Địa Chủ lại dẫn các quần thần đến chỗ đức Như Lai đó, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Khi đó, đức Như Lai Đấng Quang vì quốc vương kia thuyết pháp vi diệu. Quốc vương Địa Chủ bạch đức Như Lai rằng, ‘Cúi xin đức Thế Tôn cho con được suốt đời cúng dường Ngài và Tỳ-kheo Tăng, cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, sẽ không có gì thiếu hụt.’

‘Như Lai Đấng Quang im lặng nhận lời thỉnh cầu của vua kia. Khi vua thấy đức Phật im lặng nhận thỉnh, lại tiếp bạch Thế Tôn, ‘Nay con có điều cầu nguyện từ Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn chấp nhận.’ Thế Tôn bảo, ‘Pháp của Như Lai siêu quá nguyện này.’⁵ Vua bạch Thế Tôn, ‘Nguyện cầu của con hôm nay rất là tịnh diệu.’ Thế Tôn bảo, ‘Những điều nguyện cầu tịnh diệu ấy là gì?’ Vua bạch Thế Tôn, ‘Như ý của con, hôm nay chúng tăng ăn bằng bát này, ngày mai ăn dùng bát khác; hôm nay chúng tăng mặc y phục này, ngày mai mặc y phục khác; hôm nay chúng tăng ngồi tòa này, ngày mai ngồi tòa khác; hôm nay sai [610c01] người này đến hầu chúng tăng, ngày mai thay đổi người khác đến hầu chúng tăng. Những điều mà con cầu mong chính là như vậy.’ Như Lai Đấng Quang bảo, ‘Tùy ý nguyện của vua. Nay là lúc thích hợp.’

Đại vương Địa Chủ vui mừng hớn hở không thể tự chế, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi thôi lui, trở về cung.

“Về đến nơi, vua bảo các quần thần, ‘Nay ta phát tâm trọn đời cúng dường Như Lai Đấng Quang, Chí chân, Đấng chánh giác và chúng Tỳ-kheo, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Ta khuyên các khanh cũng nên giúp

⁵ Thành ngữ, định cú, trước khi Phật hứa khả điều thỉnh nguyện. Xem *Tứ phần 10* (T22n1428, tr. 629b1); *Thập tụng 27*, (tr. 195c17). Pāli, Vin. i. 292 *atikkantavārā kho ... thāgatā*, “Các đức Như Lai siêu quá các ước nguyện.” Nghĩa là, chỉ hứa khả những thỉnh nguyện như pháp.

ta lo việc cúng dường.’ Các đại thần đáp, ‘Nhu lời Đại vương dạy.’

“Cách thành không bao xa, trong vòng một do tuần, vua cho xây dựng giảng đường chạm trổ điêu khắc, năm màu rực rỡ, treo màn, tràng phan, dù lọng, trỗi nhạc hát múa, rưới hương trên đất, sửa sang hồ tắm, bày đủ thứ đèn đuốc, sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt, bày biện chỗ ngồi. Rồi đến cho biết đã đến giờ, bạch, ‘Bây giờ, đã đúng giờ, xin Thế Tôn chiếu cố.’

“Nhu Lai biết đã đến giờ, khoác y cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh, đi đến chỗ giảng đường. Mọi người ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Khi đại vương Địa Chủ thấy đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng ngồi xong, dẫn cung nhân nữ và các quan đại thần, tạt tay rót nước, bung sót nhiều đồ ăn thức uống, có đến trăm vị.

“Đại vương nên biết, khi ấy quốc vương Địa Chủ cúng dường Như Lai Đấng Quang và tám mươi ức vị A-la-hán trong vòng bảy vạn năm, chưa từng lười bỏ. Khi đức Như Lai đó giáo hóa khắp tất cả xong, bèn nhập Niết-bàn ở trong vô dư Niết-bàn giới.

“Khi đó, đại vương Địa Chủ dùng hàng trăm thứ hoa thơm cúng dường. Rồi ở các ngã tư đường dựng bốn tháp lớn. Mỗi tháp được làm bằng bảy báu, vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh; treo lụa, phướn, dù lọng. Tám mươi ức A-la-hán cũng lần lượt nhập Niết-bàn ở trong vô dư Niết-bàn giới. Bây giờ đại vương thân lấy xá-lợi của tám mươi ức vị đó, thấy đều xây tháp, treo lụa, phướn, dù lọng, cúng dường hoa thơm.

“Đại vương nên biết, bây giờ đại vương Địa Chủ lại cúng dường tháp Như Lai Đấng Quang và tám mươi ức A-la-hán.

Rồi trải qua bảy vạn năm, tùy thời cúng dường, đốt đèn, rải hoa, treo lụa, phan, cái.

“Đại vương nên biết, giáo pháp Như Lai Đấng Quang truyền lại bị diệt tận, sau đó vị vua này mới diệt độ.

“Đại vương Địa Chủ lúc bấy giờ há là ai khác chăng? Đừng nghĩ vậy, Vì sao? Đại vương Địa Chủ lúc bấy giờ chính là [611a01] thân Ta. Ta lúc bấy giờ, trong bảy vạn năm, đem các thứ y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, cúng dường Phật đó, không hề giảm thiếu. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, lại trong bảy vạn năm cúng dường hình tượng xá-lợi, thắp hương, đốt đèn, treo lụa, phướn, dù lọng, không thứ gì thiết hụt. Vào lúc bấy giờ, Ta đem công đức này cầu hưởng phước lành trong sanh tử, không cầu giải thoát.

“Đại vương nên biết, phước lành có được lúc bấy giờ, nay có còn lại gì chăng? Đừng nghĩ vậy! Như hôm nay Ta xem thấy sự giàu có kia không còn mây may nào như lông tóc. Vì sao vậy? Sanh tử triền miên không thể kể được, ở trong đó tất đã hưởng hết phước, không còn mây may nào như sợi tóc. Cho nên Đại vương đừng nói như vậy, ‘Phước lành mà ta làm hôm nay đã xong.’ Đại vương nên nói như vậy, ‘Những gì tôi đã làm bằng thân, miệng, ý hôm nay, hết thảy để cầu giải thoát, chứ không cầu hưởng phước nghiệp kia ở trong sanh tử. Như thế sẽ lâu dài được an ổn vô lượng.’”

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc trong lòng kinh sợ, toàn thân lông dựng đứng, thương khóc lẫn lộn, lấy tay gạt nước mắt, đánh lễ sát chân Thế Tôn, tạt trình bày tội trạng:

“Con như ngu si, như khờ dại, không hiểu biết gì hết. Cúi xin Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Nay con năm vốc gieo sát đất,

sửa đổi những lỗi lầm đã qua, không tái phạm những lời này nữa. Cúi mong đức Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con.”

Ba lần như vậy.

Đức Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, Đại vương! Nay ở trước Như Lai sám hối sự phi pháp của mình, đổi lỗi qua, tu sửa về sau. Nay Ta nhận sự sám hối lỗi của Vua. Chớ có tái phạm nữa.”

Bấy giờ ở trong đại chúng, có Tỳ-kheo-ni tên là Ca-chiên-diên, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, bạch đức Thế Tôn:

“Những gì Thế Tôn dạy hôm nay rất là vi diệu. Lại nữa, Thế Tôn bảo vua Ba-tu-nặc rằng, ‘Đại vương nên biết, những hành vi gì đã làm bằng thân, khẩu, ý là để cầu giải thoát, chớ đừng cầu hưởng phước nghiệp ở trong vòng sanh tử, như vậy sẽ lâu dài được an ổn vô lượng.’ Sự thật là như vậy. Vì con⁶ nhớ lại ba mươi một kiếp về trước đã từng dâng cơm cho Như Lai Thi-khí⁷, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, Minh hạnh túc⁸, Thiên thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, hiệu Phật Thế tôn, bấy giờ du hóa ở thế giới Dã mã.⁹

“Bấy giờ, đức Phật đó, đến giờ, đắp y cầm bát vào thành Dã mã khát thực. Trong thành có một [611b01] người làm thuê tên là Thuần Hắc. Khi người làm thuê kia thấy đức Như Lai cầm bát vào thành khát thực, liền nghĩ thầm, ‘Nay đức Như Lai vào

⁶ Tự xưng của Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên.

⁷ Đề bản: phạm Thức cật 飯式詰. TNM: hữu Thức khí 有式詰. Thường nói là Phật Thi-khí. Pāli: Sikhi-buddha. Nhưng ở đây có thể không hoàn toàn đồng nhất.

⁸ Nguyên Hán: Minh hạnh thành.

⁹ Dã mã thế giới 野馬世界. Skt. Marīcika-lokadhātu; cf. Div. 52.5.

thành, ắt cần ăn uống.’ Người ấy liền chạy vào nhà lấy thức ăn ra cúng cho Như Lai, và phát lời nguyện này: ‘Bằng công đức này, tôi sẽ khỏi đọa trong ba đường dữ. Mong cho tôi đời sau cũng gặp vị như Thánh tôn này, cũng sẽ mong Thánh tôn kia thuyết pháp cho tôi, để được giải thoát.’

“Thế Tôn và vua Ba-tu-nặc cũng biết điều này. Người làm thuê Thuần Hắc lúc bấy giờ há là ai khác chăng? Chớ có xem vậy! Vì sao? Người làm thuê Thuần Hắc lúc bấy giờ, chính là thân con. Con lúc đó cúng cơm cho Như Lai Thi-khí*, phát thệ nguyện này: ‘Bằng công đức này, tôi sẽ khỏi đọa trong ba đường dữ. Mong cho tôi đời sau cũng gặp vị như Thánh tôn này, cũng sẽ mong Thánh tôn kia thuyết pháp cho tôi, để được giải thoát.’ Con trong ba mươi một kiếp không đọa vào ba đường dữ, sanh trong trời người, cuối cùng hôm nay nhận thân phân này, gặp gỡ Thánh tôn được xuất gia học đạo, tận trừ hữu lậu, thành A-la-hán. Như những gì Thế Tôn thuyết rất là vi diệu.”

Rồi cô nói với vua Ba-tu-nặc:

“Những gì được làm bởi thân, khẩu, ý đều để cầu giải thoát, chẳng cầu hưởng phước nghiệp ở trong vòng sanh tử. Nếu khi tôi gặp Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào tỏ tâm ý hoan hỷ hướng đến Như Lai, tôi liền nghĩ như vậy: ‘Các hiền sĩ này dụng ý như không ái kính cung phụng Như Lai.’ Nếu tôi gặp bốn bộ chúng, liền đến bảo: ‘Này các bạn, cần vật gì? Y bát chăng? Ni-sư-đàn chăng? Ổng kim chăng? Bình nước rửa chăng? Và những thứ đồ dùng khác của sa-môn, tôi sẽ cung cấp hết.’ Tôi đã hứa vậy rồi, khát cầu khắp nơi. Nếu tôi được, thì đó là đại hạnh. Nếu không được, tôi đến Uất-đơn-việt, Cù-da-ni, Phất-vu-đài tìm kiếm cầu cho. Vì sao vậy? Vì đều do chúng bốn bộ này mà được đạo Niết-bàn.”

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ đức Thế Tôn quán sát tâm Tỳ-kheo ni Ca-chiên-diên này, liền bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy ai có tín tâm giải thoát như Tỳ-kheo ni Ca-chiên-diên này không?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Không thấy, bạch Thế Tôn.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Trong số Thanh văn của ta, người có tín giải thoát đệ nhất trong các Tỳ-kheo ni chính là Tỳ-kheo ni Ca-chiên-diên vậy.”¹⁰

Tỳ-kheo ni Ca-chiên-diên và vua Ba-tu-nặc sau khi nghe Phật thuyết pháp xong, hoan hỷ [611c] phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, tôn giả Bà-câu-lu¹¹ ở tại một eo núi chấp vá y cũ. Khi đó Thích Đề-hoàn Nhân từ xa thấy tôn giả Bà-câu-lu ở tại một eo núi, đang vá y cũ. Thấy vậy, ông nghĩ thầm: “Tôn giả Bà-câu-lu này đã thành A-la-hán, các trói buộc đã mở, sống lâu vô lượng, hằng tự hàng phục, tư duy vô thường, khổ, không, vô ngã, không vướng việc đời, lại cũng không thuyết pháp cho

¹⁰ Cf. A. I. 14. 5 (R. i. tr. 25): đệ nhất tín giải thoát (*saddhādhimuttānam*) trong các Tỳ-kheo-ni, là Sīṅgālakamātā. Truyền tiền của bà liên hệ đến Phật Liên Hoa Thượng (Padumuttara). Xem Phẩm 5 kinh 1.

¹¹ Bà-câu-lu 婆拘盧. Kinh 5 phẩm 4: Bà-câu-la 婆拘羅. Pāli: Bakkula (Bākula).

người khác, tịch lặng tự tu giống như dị học ngoại đạo. Không rõ tôn giả này có thể vì người khác thuyết pháp cho người khác hay là không kham nổi? Nay ta nên thử xem.”

Bấy giờ, Thiên đế Thích biến mất khỏi trời Tam thập tam, hiện đến núi Kỳ-xà-quật, đứng ở trước tôn giả Bà-câu-lư. Sau khi đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ này:

*Thuyết được người trí khen;
Vì sao không thuyết pháp?
Phá kết, được hạnh Thánh
Sao lại trụ lặng im.*

Tôn giả Bà-câu-lư đáp Thích Đề-hoàn Nhân bằng bài kệ này :

*Có Phật, Xá-lợi-phát
A-nan, Quân-đầu,¹² Bàn,¹³
Và cùng các Tôn trưởng,
Khéo hay nói pháp mẫu.*

Thích Đề-hoàn Nhân bạch tôn giả Bà-câu-lư:

“Căn của chúng sanh có nhiều loại khác nhau. Song ngài nên biết, Thế Tôn cũng nói chủng loại chúng sanh nhiều hơn bụi đất, vì sao tôn giả Bà-câu-lư không vì người khác mà thuyết pháp?”

Bà-câu-lư đáp:

“Chủng loại chúng sanh khó có thể hiểu biết. Thế giới có nhiều quốc độ không giống nhau, thấy đều chấp trước ngã sở, phi ngã

¹² Quân-đầu 均頭, có lẽ là Sa-di Quân-đầu, thị giả của ngài Xá-lợi-phát; xem kinh 9 phẩm 26. Pāli: Cunda Samañudesa.

¹³ Bàn, có lẽ chỉ Bàn-đặc 槃特. Xem kinh 6 phẩm 4. Pāli: Mahā-Panthaka.

Tăng nhất A-hàm

sở. Nay tôi sau khi quán sát nghĩa này, không thuyết pháp cho mọi người.”

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

“Xin ngài nói cho tôi nghe nghĩa của ngã sở, phi ngã sở.”

Tôn giả Bà-câu-lư nói:

“Ta, người, thọ mạng,¹⁴ hoặc nam, hoặc nữ, con người,¹⁵ các loại ấy thấy đều y nơi mạng này mà tồn tại. Nhưng, lại nữa, này Câu-dục, Thế Tôn cũng nói, ‘Tỳ-kheo nên biết, nên tự nỗ lực, không khởi tà pháp, cũng nên im lặng như Thánh hiền. Tôi sau khi quán [612a01] sát nghĩa này, bèn im lặng.’”

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân từ xa hướng về Thế Tôn chấp tay, nói kệ này:

*Quy mạng đáng Mười Lực,
Sáng tròn không mù che.
Vi khắp cả mọi người.
Người này thật kỳ lạ.*

Tôn giả Bà-câu-lư đáp:

“Tại sao Đề Thích nói như vậy, ‘Người này thật kỳ lạ?’”

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

“Tôi nhớ ngày xưa đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi lễ sát chân Thế Tôn rồi hỏi nghĩa này, ‘Loài trời, người, có tướng niệm gì?’ Bấy giờ Thế Tôn bảo tôi, ‘Thế giới này ngàn ấy loại, tất cả đều sai khác nhau, nguồn gốc không đồng.’ Tôi nghe những lời này rồi, liền đáp, ‘Thật vậy, Thế Tôn, đúng như những lời Thế

¹⁴ Ngã, nhân, thọ mạng 我人壽命: các từ chỉ tự ngã, tương đương Pāli: *attā* (tự ngã), *puggala* (nhân cách), *jīva* (sinh hồn).

¹⁵ Hán: sĩ phu 士夫. Pāli: *purusa*, khái niệm phổ quát về con người.

Tôn đã nói. Thế giới ngàn ấy loại, mỗi mỗi đều không đồng. Có thể chẳng, nếu thuyết pháp cho chúng sanh kia, thầy đều thọ trì và có người thành quả Thánh! Vì vậy nên tôi nói ‘Người này thật lạ kỳ!’ Song những gì tôn giả Bà-câu-lu nói đã nói, cũng lại như vậy, ‘Thế giới ngàn ấy loại, mỗi mỗi không đồng.’”

Rồi Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ thầm: “Tôn giả này có khả năng thuyết pháp cho người, chứ không phải không thể.” Rồi Thích Đề-hoàn Nhân từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì tôn giả Bà-câu-lu thuyết, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở bên bờ hồ Lô-thanh,¹⁷ nước Chiêm-bà.¹⁸

Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ¹⁹ sống một nơi vắng, tự tu gốc pháp, không bỏ mười hai pháp hạnh đầu-đà, đêm ngày kinh hành, không lia giáo lý ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Hoặc ngồi, hoặc đi, thường tu chánh pháp. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, thường tự cố gắng không bỏ một giây. Song tâm vẫn không được giải thoát khỏi dục, các pháp hữu lậu.

¹⁶ Tham chiếu, Pāli, A IV 55 Soṇa (R. iii. 375). Hán, *Trung* kinh 123; *Tạp* (Việt) kinh 256.

¹⁷ Lô-thanh trì. Pāli: Gaggara-pokkharanī, một ao sen ở Campā.

¹⁸ Chiêm-bà 占波. Pāli: Campā. Cf. Pāli, *ibid.* Phật trú tại Rājagaha, trên Gijjhakūṭa. Trung 29, Phật tại Xá-vệ.

¹⁹ Nhị Thập Úc Nhĩ 二十億耳. Truyện kể chi tiết, xem *Tứ phẩm 38* (T22n1428, 843b12 tt), nhân duyên Thủ-lung-na 守籠那. Pāli: Soṇa Klivisa.

Tăng nhất A-hàm

Lúc bấy giờ, chỗ mà Tôn giả Thập Nhị Úc Nhĩ kinh hành, máu từ bàn chân bị nát chảy đầy tràn cả lè đường, giống như chỗ mổ bò. Quạ, diều đến ăn máu. Song tâm vẫn không được giải thoát khỏi dục, các pháp hữu lậu. Rồi Tôn giả Nhị Thập Úc nghĩ thầm: “Trong những người đệ tử khổ hành tinh tấn của đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Và lại, gia nghiệp ta nhiều tiền của. Ta nên xả bỏ pháp phục, trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ.”

Bấy giờ, Thế Tôn từ xa biết được những gì Nhị Thập Úc Nhĩ suy nghĩ, liền [612b01] lướt qua hư không mà đi, đến chỗ Tôn giả kinh hành, trải tọa cụ mà ngồi. Khi đó, tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ đến trước chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ:

“Vừa rời người vì có gì mà nghĩ rằng, ‘Trong những người đệ tử khổ hành tinh tấn của đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Và lại, gia nghiệp ta nhiều tiền của. Ta nên xả bỏ pháp phục, trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm Sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ.’?”

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta hỏi lại người, người tùy đó trả lời Ta. Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, trước kia khi còn tại gia người giỏi khảy đàn chăng?”

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn. Trước kia khi còn tại gia con khảy đàn rất giỏi.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, nếu dây đàn căng quá thì âm hưởng không đều. Khi đó tiếng đàn nghe có hay không?”

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp :

“Thưa không, Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, nếu dây đàn lại chùng, khi đó tiếng đàn nghe có hay không?”

Nhị thập Úc Nhĩ đáp:

“Thưa không, Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, nếu dây đàn không căng không chùng, khi đó âm đàn nghe có hay không?”

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn. Nếu dây đàn không chùng, không căng, lúc ấy âm đàn nghe rất hay.”

Thế Tôn bảo:

“Ồ đây cũng như vậy. Quá tinh tấn, cũng bằng như trạo cử.²⁰ Nếu lười biếng, dây sẽ rơi vào tà kiến. Nếu có thể ở giữa, đó là hành bực thượng. Như vậy không lâu sẽ thành người vô lậu.”

²⁰ Nguyên Hán: Diệu hí 調戲.

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn sau khi thuyết pháp vi diệu cho Tỳ-kheo Nhị-thập-úc-nhĩ xong, trở về bên bờ hồ Lô-i âm.²¹

Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ suy nghĩ những gì Thế Tôn đã dạy bảo, ở nơi nhàn tịnh, liên tục không ngừng tu hành pháp đó, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến như thật biết rằng, ‘sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.’ Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ đã thành A-la-hán.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đệ tử siêng năng, đệ nhất khổ hạnh trong hàng Thanh văn của Ta chính là Nhị Thập Úc Nhĩ.”²²

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4²³

[612c1] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, ở trong thành Xá-vệ, trưởng giả Sa-đề²⁴ mắc bệnh, mạng chung. Nhưng trưởng giả đó không có con cái, nên mọi tài bảo đều nhập hết vào cung.

²¹ Lô-i âm 雷音, đầu kinh nói Lô-i thanh.

²² Xem trên, kinh 2, phẩm 4. Pāli, A I 14.2 (R. i. 23): *āraddhavīriyānaṃ yadidaṃ soṇo koḷiviso*.

²³ Tham chiếu Pāli, S. 3. 20 Aputtaka (R. i. 91). Hán, *Tap* (Việt) 1236.

²⁴ Đề bản: Bà-đề trưởng giả 婆提長者, phiên âm, nên đọc là *sa*. Pāli: Setṭhi-gahapati. *Tap* *ibid.*: trưởng giả tên Ma-ha-nam 摩訶男.

Bảy giờ, vua Ba-tu-nặc người dính đầy bụi bặm, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi vua:

“Đại vương, vì sao đi đến Ta với thân hình đầy bụi bặm?”

Vua Ba-tu-nặc bạch Thế Tôn:

“Trong thành Xá-vệ này có trưởng giả tên là Sa-đề, hôm nay mạng chung. Ông không có con cái. Con tự thân đến trung tâm tài sản, xử lý nhập cung. Riêng vàng ròng tám vạn cân, hướng chi những tạp vật khác. Nhưng trưởng giả kia ngày còn sống, ăn những đồ ăn rất là tệ dở, không ăn thứ ngon. Những y phục ông mặc thì cấu bẩn, không sạch. Con ngựa kéo xe cho ông thật gầy yếu.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Đại vương, như vua vừa nói. Phàm người tham lam keo kiệt được tiền của này không dám ăn, không cho cha mẹ, vợ con, tớ hầu, nô tỳ. Cũng lại không cho bằng hữu quen biết. Cũng không cho sa-môn, bà-la-môn và các tôn trưởng. Nếu người có trí có được tài bảo này, thì hay huệ thí, cứu giúp rộng rãi, tất cả không chút gì luyến tiếc, cung cấp sa-môn, bà-la-môn và các vị cao đức.”

Khi đó vua Ba-tu-nặc hỏi:

“Trưởng giả Sa-đề này mạng chung bị sanh vào chôn nào?”

Thế Tôn bảo:

Tăng nhất A-hàm

“Trưởng giả Sa-đề này mạng chung sẽ sanh vào trong đại địa ngục Thế khốc.²⁵ Vì sao vậy? Vì người này đoạn mất thiện căn, nên thân hoại mạng chung sanh vào trong địa ngục Thế khốc.”

Vua Ba-tu-nặc hỏi:

“Trưởng giả Sa-đề đoạn thiện căn sao?”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Đại vương, như vua đã nói, trưởng giả kia đã đoạn mất thiện căn. Song trưởng giả kia phước cũ đã hết không tạo lại cái mới.”

Vua Ba-tu-nặc hỏi:

“Trưởng giả kia còn sót lại phước nào không?”

Thế Tôn bảo:

“Không, Đại vương, không còn sót mảy may nào tồn tại. Như người nhà nông kia chỉ thu mà không trồng, nên sau lại bị khốn cùng, dần dà cho đến chết. Vì sao vậy? Vì chỉ tiêu dùng sản nghiệp cũ mà không tạo mới. Trưởng giả này cũng như thế, chỉ hưởng phước cũ lại không tạo của mới. Đêm nay, trưởng giả này sẽ vào trong địa ngục Thế khốc.”

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc, trong lòng lo sợ, lau nước mắt mà thưa:

“Trưởng giả này [612c] ngày trước đã tạo ra công đức phước nghiệp gì mà được sanh vào nhà giàu có, lại đã tạo ra gốc rễ bất thiện nào mà không hưởng được của cải cực giàu này, cũng không an trú trong ngũ dục?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo vua Ba-tu-nặc:

²⁵ Thế khốc địa ngục 涕哭地獄; cũng gọi là Đê khốc hay Khiếu hoán 叫喚. Xem Trường 19 (T1n1, tr. 121c6, 123c29). Pāli: Roruva, cf. S. i. 30.

“Vào quá khứ xa xưa, thời Phật Ca-diếp, trưởng giả này ở trong thành Xá-vệ, là con nhà nông. Sau khi đức Phật nhập diệt, có Bích-chi-phật xuất hiện ở đời, đến nhà của trưởng giả này. Khi trưởng giả này thấy Bích-chi-phật đứng ở trước cửa, liền nghĩ thầm: ‘Như Tôn giả này xuất hiện ở đời rất khó. Nay ta hãy đem đồ ăn thức uống đến bố thí người này.’

“Bấy giờ trưởng giả bố thí cho vị Bích-chi-phật kia. Vị Bích-chi-phật này ăn xong, liền bay lên hư không mà đi.

“Khi trưởng giả đó thấy vị Bích-chi-phật hiện thân tức, liền phát thệ nguyện như vậy: ‘Nguyện đem gốc thiện này, khiến cho đời đời sanh ở chỗ nào cũng không đọa vào ba đường dữ, thường nhiều của báu.’ Sau đó lại có tâm hối tiếc: ‘Những thức ăn vừa rồi đáng lẽ cho nô bộc chứ không cho đạo nhân đầu trọc này ăn.’ Trưởng giả nhà nông lúc đó há là người nào khác chăng? Chớ có nghĩ vậy. Trưởng giả nhà nông lúc đó, nay chính là trưởng giả Sa-đề này.

“Khi đó thí xong, phát thệ nguyện này, do công đức này, ông sinh ra nơi cũng không đọa đường dữ, thường nhiều của, lắm báu, sanh nhà phú quý, không thiếu thốn một thứ gì. Nhưng sau khi đã bố thí, lại sanh tâm hối, ‘Đáng lẽ ta cho nô bộc ăn, chứ không cho đạo nhân trọc đầu này ăn.’

“Vì do nguyên nhân này, nên ông không hưởng được của cực giàu này, cũng không thích sống trong năm dục. Tự mình không cúng dường, lại không cho cha mẹ, anh em, vợ con, tớ hầu, bạn bè quen biết; không bố thí cho sa-môn, bà-la-môn, các vị tôn trưởng. Chỉ hưởng nghiệp cũ mà không tạo cái mới. Đại vương, cho nên kẻ có trí được của cải này nên ban thí khắp, đừng có tiếc nuôi, rồi sẽ được của cải vô số. Đại vương, hãy học điển này như vậy.”

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc bạch Thế Tôn:

“Từ nay về sau, con sẽ bố thí khắp cho sa-môn, bà-la-môn, chúng bốn bộ. Nhưng các dị học ngoại đạo đến cầu thực, con không thể cho.”

Thế Tôn bảo:

“Đại vương, chớ nghĩ như vậy. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại. Nếu không ăn thì sẽ bị chết.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ như vậy:

[613a1] *Nên niệm bố thí khắp;
Mãi chẳng dứt tâm thí.
Ắt sẽ gặp Hiền thánh,
Độ nguồn sanh từ này.*

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc bạch Phật:

“Nay con lại càng rất hoan hỷ hưởng về Như Lai. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại.”

Khi đó, vua Ba-tu-nặc nói:

“Từ nay về sau con sẽ bố thí khắp, không có gì hối tiếc.”

Bấy giờ, sau khi Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho vua Ba-tu-nặc xong, vua từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi lui về.

Vua Ba-tu-nặc sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ tôn giả A-nan ở nơi nhàn tịnh, nghĩ thâm như vậy: “Thế gian có hương này chẳng, hương ngược gió, hương xuôi gió, hương vừa ngược vừa xuôi gió?”²⁷

Rồi tôn giả A-nan rời chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và ngồi qua một bên. Khi ấy tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Con ở nơi nhàn tịnh nghĩ thâm: Thế gian có hương này chẳng, hương ngược gió, hương xuôi gió, hương vừa ngược vừa xuôi gió?”

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo A-nan:

“Có diệu hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.”

A-nan bạch Thế Tôn:

“Đây là loại hương nào, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió?”

Thế Tôn bảo:

“Có loại hương này, mà hơi của nó là hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.”

²⁶ Tham chiếu Pāli, A III 79 Gandha (R. i. 225).

²⁷ Pāli, *ibid.*, ba loại hương này: hương của rễ (*mūlagandho*), hương của lõi (*sāragandho*), hương của hoa (*pupphagandho*), chỉ thơm theo chiều. Có hương nào ngược gió cũng thơm, vừa ngược vừa xuôi gió cũng thơm?

An-nan bạch Phật:

“Đó là những hương nào, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió?”

Thế Tôn bảo:

“Có ba loại hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.”

A-nan bạch:

“Ba loại đó là những gì?”

Thế Tôn bảo:

“Hương giới, hương văn, hương thí. Nay A-nan, có ba loại hương này, là hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió. Trong các loại hương thơm có được trong thế gian, ba loại hương này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, không thứ gì bì kịp. Cũng như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có tô, từ tô có đề-hồ, nhưng đề-hồ này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, [613c01] không thứ gì bì kịp. Ở đây cũng vậy, trong các loại hương thơm có được trong thế gian, ba loại hương này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, không thứ gì bì kịp.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Mộc mật và chiêm-đàn;

Ưu-bát và các hương;

Trong hết thấy hương này,

Hương giới là tối thắng.

Thành tựu được giới này,

Không dục, không bị nhiễm,

Chánh trí mà giải thoát.

Chỗ đi, Ma chẳng biết.

*Hương này tuy tuyệt diệu:
Là các hương đàn, mật.
Nhưng hương giới tối diệu,
Mười phương đều nghe biết.*

*Chiên-đàn tuy có hương,
Ư-bát và các hương;
Ở trong các hương này,
Hương vẫn là đệ nhất.*

*Chiên-đàn tuy có hương,
Ư-bát và các hương;
Ở trong các hương này,
Hương thí là đệ nhất.*

“Đó gọi là có ba loại hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió. Cho nên, này A-nan, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu ba hương này.

“Này A-nan, hãy học điều này như vậy.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại Ca-lan-đà, trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo.

Đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thành La-duyệt khát thực. Khi đó, Đề-bà-đạt-đâu cũng vào thành khát thực. Khi Đề-bà-đạt-đâu vào ngõ hẻm, Phật cũng đến đó. Nhưng Phật từ xa thấy Đề-bà-đạt-đâu tới, liền muốn đi lui lại. A-nan bạch Thế Tôn:

“Vi sao Thế Tôn muốn tránh đi hẻm này?”

Thế Tôn bảo:

“Đề-bà-đạt-đâu đang ở hẻm này, cho nên phải tránh đi.”

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn, há sợ Đề-bà-đạt-đâu sao?”

Thế Tôn bảo:

“Ta không sợ Đề-bà-đạt-đâu, nhưng người xấu này không nên gặp gỡ.”

A-nan bạch rằng:

“Nhưng, Thế Tôn, có thể khiến Đề-bà-đạt-đâu này đi phương khác.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ta trọn không tâm này,
Khiến kia đi phương khác.
[613c1] Nơi đó y gây nghiệp
Tự tại theo ý mình.”*

A-nan bạch Thế Tôn:

“Nhưng Đề-bà-đạt-đâu có lỗi đối với Như Lai.”

Thế Tôn bảo:

“Không nên gặp người ngu hoặc.”

Khi đó đức Thế Tôn quay sang A-nan mà nói kệ này:

*Không nên gặp người ngu;
Đừng a tòng người ngu;
Cũng đừng cùng thảo luận
Tranh luận chuyện thị phi.*

Khi đó, A-nan lại dùng kệ hỏi Thế Tôn:

*Người ngu khả năng gì?
Người ngu có lỗi gì?
Giả sử cùng ngôn luận,
Kết cuộc thất thố gì?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ này đáp:

*Người ngu tự gây nghiệp
Việc làm đều phi pháp.
Chánh kiến phản luật thường
Tà kiến ngày càng thêm.*

“Cho nên, này A-nan, chớ từng sự với ác tri thức. Vì sao vậy? Vì từng sự với người ngu, sẽ không có tín, không giới, không văn, không trí. Từng sự thiện tri thức càng tăng trưởng công đức, giới được thành tựu đầy đủ.

“Này A-nan, hãy học điều này như vậy.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại Ca-lan-đà, trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ vua A-xà-thế thường xuyên cung cấp cho Đề-bà-đạt-đâu năm trăm cỗ cơm. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đâu danh vang bốn phương, giới đức trọn vẹn, danh xưng đầy đủ, mới có thể khiến cho vua hằng ngày đến cúng dường.

Khi các Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đâu đã được lợi dưỡng này, họ đến bạch Thế Tôn:

“Nhân dân trong nước ca ngợi Đề-bà-đạt-đâu nổi tiếng khắp nơi, mới khiến cho vua A-xà-thế thường xuyên đến cúng dường.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo các người chớ ôm lòng ham muốn lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đâu này. Vì sao vậy? Vì Đề-bà-đạt-đâu là người ngu gây ra ba sự này, các hành vi của thân, miệng, ý, nhưng không hề kinh sợ, cũng không sợ hãi. Như Đề-bà-đạt-đâu hiện nay là người ngu nên tiêu hết các công đức thiện. Như bắt chó dữ mà đánh vào mũi nó, càng làm nó hung dữ thêm. Người ngu Đề-bà-đạt-đâu cũng như [614a] vậy, nhận lợi dưỡng này liền nổi lên cống cao. Cho nên, này các Tỳ-kheo, cũng đừng khởi lên ý tưởng đắm trước lợi dưỡng. Tỳ-kheo nào đắm trước lợi dưỡng thì không được ba pháp. Ba pháp gì? Đó là không thành tựu giới Hiền Thánh, tam-muội Hiền Thánh, trí huệ Hiền Thánh. Tỳ-kheo nào không đắm vào lợi dưỡng thì sẽ được ba pháp. Ba pháp gì? Đó là thành tựu giới Hiền Thánh, tam-muội Hiền Thánh, trí huệ Hiền Thánh. Nếu thành tựu được ba pháp này sẽ phát thiện tâm, không đắm vào lợi dưỡng.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy”.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba bất thiện căn này. Những gì là ba? Tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.²⁸ Tỳ-kheo nào có ba gốc rễ bất thiện này sẽ bị đọa vào ba đường dữ. Những gì là ba? Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như vậy, Tỳ-kheo, nếu người nào có ba gốc rễ bất thiện này thì sẽ có ba đường dữ.

“Tỳ-kheo nên biết, có thiện căn này. Những gì là ba? Vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn.²⁹ Tỳ-kheo, đó gọi là có thiện căn. Người nào có ba gốc thiện này, liền có hai nẻo lành, và Niết-bàn là ba. Những gì là hai nẻo lành? Đó là người và trời. Tỳ-kheo, đó gọi là ai có ba thiện này, sẽ sanh vào chỗ lành này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy lìa ba gốc rễ bất thiện, tu ba gốc rễ thiện.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

²⁸ Cf. *Tạp dị 3* (T26n1536, tr. 376b12). Pāli, A III 69 (R. i. 201): *tīṇimāni akusalamūlāni: lobho akusalamūlaṃ, doso, moho akusalamūlaṃ*.

²⁹ Cf. *Tạp dị 3* (T26n1536, tr. 376c21) Pāli, Ibid. (R.i. 203): *tīṇimāni, bhikkhave, kusalamūlāni: alobho kusalamūlaṃ, adoso kusalamūlaṃ, a-moho kusalamūlaṃ*.

Tăng nhất A-hàm

“Có ba tụ này. Những gì là ba? Đó là chánh tụ,³⁰ tà tụ, bất định tụ.³¹

“Sao gọi là chánh tụ*? Có chánh kiến³², chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là chánh tụ .

“Sao gọi là tà tụ? Nghĩa là có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Đó gọi là tà tụ.

“Sao gọi là bất định tụ? Nghĩa là có chẳng biết khổ, chẳng biết tập, chẳng biết tận, chẳng biết đạo, chẳng biết chánh [614c] tụ, chẳng biết tà tụ. Đó gọi là bất định tụ.

“Các Tỳ-kheo nên biết, lại có ba tụ. Những gì là ba? Nghĩa là có thiện tụ, chánh tụ, định tụ.

“Sao gọi là thiện tụ? Chính là ba thiện căn. Những thiện căn nào? Vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn. Đó gọi là thiện tụ.

“Sao gọi là chánh tụ? Chính là tám đạo phẩm của Hiền Thánh gồm: chánh kiến, chánh tri, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh định. Đó gọi là chánh tụ.

“Sao gọi là định tụ? Nghĩa là có biết khổ, biết tập, biết tận, biết đạo, biết thiện tụ, biết ác tụ³³, biết định tụ. Đó gọi là định tụ.

³⁰ Nguyên hán: đẳng tụ 等聚.

³¹ Cf. *Truong 8* (T1n1, tr. 50b18): Ba tụ: chánh định tụ 正定聚, tà định tụ 邪定聚, bất định tụ 不定聚; *Tập dị 4* (T26n1536, tr. 381a1). Cf. D 27 Saṅgīti (R.iii. 217): *tayo rāsī- micchattaniyato rāsī, sammattaniyato rāsī, aniyato rāsī*.

³² Đẳng kiến 等見. Trên kia, có chỗ nói là chánh kiến.

³³ Đề bản: ác thú 惡趣.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, ở trong ba tụ này, hãy tránh tà tụ và bất định tụ. Hãy phụng hành chánh tụ này.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba suy tầm này. Những gì là ba? Suy tầm dục tưởng, sân nhuế tưởng, sát hại tưởng.³⁴ Tỳ-kheo đó gọi là ba tưởng.

“Tỳ-kheo nên biết, nếu người suy tầm dục tưởng, khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục. Nếu suy tầm sân nhuế tưởng, khi mạng chung sẽ sanh trong loài súc sanh, thuộc vào các loài gà, chó; sinh trong các loài rắn, trùng. Nếu suy tầm hại tưởng, khi mạng chung sẽ sanh trong loài ngạ quỷ, thân hình bị thiêu đốt, đau khổ không thể kể được. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba suy tầm này, sẽ sinh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

“Lại có ba suy tầm.³⁵ Những gì là ba? Đó là tầm xuất ly, tầm không sát hại, tầm không sân nhuế.³⁶ Nếu người nào có tầm

³⁴ Nguyên Hán: quán tưởng 觀想. Cf. *Tập dị 3* (T26n1536, tr. 377a26): Ba bất thiện tầm 三不善尋: dục tầm 欲尋, nhuế tầm 恚尋, hại tầm 害尋. Cf. D 27 Saṅgīti (R.iii. 215): *tayo akusalavittakkā-kāma-vitakko, byāpādavittakko, vihiṃsā-vitakko*.

³⁵ Nguyên Hán: tưởng 想.

Tăng nhất A-hàm

xuất ly, khi mạng chung sẽ sanh trong loài người. Nếu người nào có tâm không sát hại, khi mạng chung sẽ sanh lên trời một cách tự nhiên. Nếu người nào có tâm không sân nhuế, khi mạng chung, đoạn trừ năm kết sử, ở nơi kia³⁷ nhập bát-niết-bàn. Tỳ-kheo đó gọi là ba tâm, hãy thường niệm tu hành. Hãy xa lìa ba ác tướng này.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Địa chủ, Bà-câu, Nhĩ,
Bà-đề, hương thuận nghịch
[615a1] Ngu, thế, ba bất thiện,
Ba tụ, quán sau cùng.*³⁸

³⁶ Cf. *Tập dị 3* (T26n1536, tr. 377b8): Ba thiện tâm 三善尋; xuất ly tâm 出離尋, vô nhuế tâm 無恚尋, vô hại tâm 無害尋. Pāli, *ibid.*, *tayo kusalavitakkā-nekkhamavitakko, abyāpādavitakko, avihimsā-vitakko.*

³⁷ Trong năm Tịnh cư thiên.

³⁸ Bản Hán, hết quyển 13.

24. PHẨM CAO TRÀNG

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Xưa, Thiên đế Thích bảo với Trời Tam thập tam rằng: ‘Các khanh khi vào trận chiến lớn, nếu ai có tâm kinh hãi lo sợ, thì các khanh hãy quay lại nhìn lá cờ rộng lớn của ta. Nếu ai thấy lá cờ của ta, liền hết sợ hãi. Nếu khanh nào không nhớ cờ của ta, hãy nhớ cờ của Y-sa Thiên vương,² vì ai nhớ cờ kia thì những sự sợ hãi đang có liền tự tiêu diệt. Nếu các khanh không nhớ cờ của ta và cờ của Y-sa Thiên vương, lúc đó nên nhớ cờ của Bà-lưu-na³ Thiên vương, vì nhớ cờ đó thì những sự sợ hãi đang có sẽ tự tiêu diệt.

“Nay Ta cũng lại bảo các người: Nếu có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào mà sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, bấy giờ nên niệm thân Ta, rằng ‘Đây là Như Lai Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc*, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, hiệu Phật Thế

¹ Pāli, S. 11. 3 Dhajaggasuttam (R i. 218).

² Y-sa Thiên vương 伊沙天王. Skt. Īsāna (Y-xá-na thiên), một trong Hộ thế Thiên vương của Mật giáo. Pāli: Īsāna, một trong các Thượng đẳng thần của các Bà-la-môn. Cf. D.i. 244.

³ Bà-lưu-na 婆留那. Skt.Varuṇa (Thủy thiên), một trong 12 chư thiên của Mật giáo, chủ quản các bộ quỷ thần. Pāli, ibid, đồng, được kể chung với Īsāna, Indra, Soma, Pajāpati, Brahmā.

Tăng nhất A-hàm

tôn xuất hiện ở đời.’ Giả sử có sự sợ hãi toàn thân lông dựng đứng, sợ hãi ấy liền tự tiêu diệt. Nếu ai không niệm Ta, lúc đó nên niệm Pháp, rằng ‘Pháp của Như Lai rất là vi diệu, được người trí học tập.’ Do niệm pháp mà mọi sợ hãi tự tiêu diệt. Nếu không niệm Ta, cũng không niệm Pháp, khi đó nên niệm Thánh Chúng, rằng ‘Thánh Chúng của Như Lai rất là hòa thuận, pháp tùy pháp thành tựu,⁴ giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí huệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến huệ thành tựu, gồm có bốn đôi tám bậc. Đó là Thánh chúng Như Lai, đáng kính, đáng thờ, là ruộng phước của thế gian.’ Đó gọi là Thánh chúng Như Lai. Bây giờ, nếu niệm Tăng rồi, mọi sợ hãi tự tiêu diệt.

“Tỳ-kheo nên biết, Thích Đề-hoàn Nhân còn có dâm, nộ, si. Song trời Tam thập tam niệm tưởng chủ mình mà hết sợ hãi, huống chi Như Lai không còn có tâm dục, nộ, si, nên niệm tưởng đến mà có sợ hãi sao? Nếu tỳ-kheo nào có sợ hãi, sợ hãi tự tiêu diệt. Cho nên, này các tỳ-kheo, hãy niệm tam tôn: Phật, Pháp và Thánh chúng.

“Này các tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

⁴ Pháp pháp thành tựu 法法成就, tức thành thành tựu pháp tùy pháp, sự hành trì pháp theo tuần tự của pháp. Pāli: *dharmānudhammapaṭipanna*.

Bấy giờ, trong nước Bạt-kỳ có con quỷ tên là Tỳ-sa,⁵ ở nước đó rất là hung bạo, giết dân vô số, thường mỗi ngày giết một người, hoặc ngày hai người, ba người, bốn người, năm người, mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người. Nước đó bấy giờ đầy dẫy các quỷ thần, La-sát. Lúc bấy giờ nhân dân nước Bạt-kỳ tụ hội lại, cùng bàn luận:

“Chúng ta có thể tránh nước này, sang nước khác, không cần ở đây.”

Bấy giờ, ác quỷ Tỳ-sa biết được ý nghĩ trong lòng những người dân kia, liền bảo nhân dân kia:

“Các ngươi chớ rời nơi này đến nước khác. Vì sao vậy? Cuối cùng không thoát tay ta. Mỗi ngày các ngươi mang một người tế ta, ta sẽ không quấy nhiễu các ngươi.”

Khi ấy, dân Bạt-kỳ hằng ngày bắt một người tế ác quỷ kia. Khi ác quỷ kia ăn thịt người rồi, lấy hài cốt ném vào nơi khác trong núi, nên hang suối trong núi kia đầy những xương.

Bấy giờ, có trưởng giả tên là Thiện Giác sống tại nơi đó, nhiều tiền lắm của, tiền chứa ngàn ức; la, lừa, lạc đà không thể tính hết; kim ngân, trân bảo, xa cừ, mã não, chơn châu, hồ phách cũng không thể kể. Trưởng giả kia có con trai nhỏ tên là Na-uru-la. Vì chỉ có một con trai, nên rất được yêu quý, thương nhớ chưa từng rời mắt. Theo kỳ hạn này, bấy giờ đến lượt đưa trẻ Na-uru-la phải tế quỷ. Bấy giờ, cha mẹ Na-uru-la tắm rửa đứa trẻ này và mặc y phục đẹp, dẫn đến nơi gò mả chỗ quỷ kia. Đến đó, rồi khóc lóc, kêu la không thể kể xiết, và nói như vậy:

⁵ Tỳ-sa 毘沙; quỷ Tỳ-xá-xà, ăn tinh khí của người. Skt. Piśāca. Thường đồng nhất với yakkha (dạ-xoa) trong văn học Pāli.

“Các thần và địa thần, hãy đều chứng minh cho. Chúng tôi chỉ có một đứa con này. Xin các thần sáng suốt hãy chứng minh cho. Hai mươi tám vị đại quý thần vương xin hãy gia hộ cho, khiến đừng bị tai ách. [615c1] Xin đánh lễ hết thầy Tứ thiên vương, xin thủ hộ đứa trẻ này khiến được cứu thoát. Cũng xin đánh lễ Thích Đề-hoàn Nhân, xin cứu mạng đứa trẻ này. Cũng lại đánh lễ Phạm Thiên vương, xin cứu thoát mạng này. Cũng xin đánh lễ chư quý thần hộ thế, để thoát ách này. Nay con cũng xin đánh lễ các vị A-la-hán lậu tận, đệ tử Như Lai để thoát ách này. Cũng lại đánh lễ các vị Bích-chi-phật vô sư, tự giác, để thoát ách này. Nay cũng tự đánh lễ Như Lai kia, hàng phục người chưa hàng phục, độ người chưa được độ, bảo hộ người chưa được bảo hộ, cứu thoát người chưa được cứu thoát, khiến bát-niết-bàn người chưa được bát-niết-bàn, cứu hộ cho người chưa được cứu hộ, làm mắt sáng cho người mù, làm đại y vương cho người bệnh. Đối với trời, rồng, quý thần, tất cả nhân dân, Ma và Ma thiên, Ngài là bậc tối tôn thượng, không ai có thể sánh bằng, đáng kính đáng quý, làm ruộng phước lành cho mọi người, không ai hơn Như Lai. Vậy, xin Như Lai hãy giám sát cho. Xin Như Lai hãy rọi đến lòng chí thành này.”

Cha mẹ Na-uru-la sau khi đưa đứa trẻ cho quý rồi, lui trở về.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bằng thiên nhãn thanh tịnh, lại bằng thiên nhĩ nghe thấu những lời này, cha mẹ của Na-uru-la khóc lóc van xin không thể kể xiết. Khi đó, đức Thế Tôn dùng thần túc lực đến chỗ ở của con quý dữ trong núi kia. Lúc ác quỷ kia đang tụ tập tại chỗ quý thần phía bắc Tuyết sơn, Thế Tôn vào tại trú xứ của quý mà ngồi, ngồi kiết già chánh thân, chánh ý.

Lúc đó, đứa trẻ Na-uru-la lần hồi đi đến chỗ trú xứ của quý kia. Từ xa, đứa trẻ Na-uru-la nhìn thấy Như Lai trú xứ của ác quỷ, ánh sáng rực rỡ, chánh thân chánh ý, buộc niệm ở trước, nhan

sắc đoan chánh ít có trên đời, các căn tịch tịnh, có nhiều công đức hàng phục các ma. Những công đức như vậy không thể kể xiết. Có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, như núi Tu-di vượt trên các đỉnh núi. Gương mặt Ngài như mặt trời, mặt trăng, cũng như ánh sáng của núi vàng chiếu xa. Thấy vậy rồi, nó sanh tâm hoan hỷ, hướng về Như Lai mà nghĩ như vậy: “Đây ắt không phải ác quỷ Tỳ-sa. Vì sao vậy? Vì nay ta thấy người này mà tâm rất hoan hỷ. Nếu người chính là ác quỷ thì cứ tùy ý mà ăn.”⁶

Lúc đó, đức Thế Tôn bảo:

“Na-uru-la, đúng như những lời người nói. Ta nay là Như Lai Chí chân, Đẳng chánh giác, đến cứu người và, hàng phục ác quỷ này.”

Na-uru-la nghe những lời này [616a1], vui mừng hơn hờ không thể tự chế, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó, Thế Tôn nói cho đũa bé nhiều đề tài vi diệu; luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên, dục là nơ ác, là hữu lậu, là hạnh bất tịnh, xuất gia là con đườn xuất yếu, trừ khử các loạn tưởng.

Khi đức Thế Tôn đã thấy tâm ý đũa trẻ Na-uru-la hoan hỷ, tánh ý nhu nhuyễn. Như Pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo, bấy giờ Thế Tôn cũng vì bé mà thuyết đủ. Bé liền ở trên chỗ ngồi sạch hết các trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Bé đã thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, tiếp nhận các pháp không có nghi ngờ, hiểu được lời dạy Như Lai, quy y Phật, Pháp, Thánh chúng và, thọ năm giới.

⁶ Truyện kể gần giống với truyện Hatthaka Ālavaka, Pāli, cf. AA. i. 212.

Tăng nhất A-hàm

Khi ấy, ác quỷ Tỳ-sa trở về đến trú xứ mình.⁷ Từ xa, ác quỷ trông thấy Thế Tôn đang ngồi đoan chánh tư duy, thân không lay động. Thấy vậy, nó nổi sân hận phần nộ, nổi mưa, sấm sét, hoặc mưa đao kiếm nhắm đến Như Lai; nhưng khi chưa rơi xuống đất liền biến thành hoa sen ưu-bát. Khi đó quỷ kia càng thêm thịnh nộ, làm mưa xuống các núi, sông, vách đá; nhưng khi mưa chưa rơi xuống đất liền biến thành vô số đồ ăn thức uống. Quỷ kia lại hoá làm con voi lớn, gầm thét nhắm đến chỗ Như Lai. Thế Tôn lại hóa làm sư tử chúa. Quỷ kia lại biến làm hình sư tử nhắm đến chỗ Như Lai. Thế Tôn biến làm một đám lửa lớn. Quỷ kia lại càng thịnh nộ, biến thành rồng lớn có bảy đầu. Thế Tôn biến làm kim xí điều lớn. Khi đó quỷ kia liền nghĩ thầm như vậy: “Nay những thần mà ta có, hiện đã trở hết rồi. Song không động đến lông áo của Sa-môn này. Nay ta nên đến hỏi ông ta nghĩa sâu này.”

Khi đó quỷ kia hỏi Thế Tôn:

“Nay ta muốn hỏi nghĩa sâu xa. Nếu không thể trả lời được, ta sẽ nắm hai chân ông quăng xuống biển nam.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Ác quỷ nên biết, Ta tự quán sát thấy không có trời và người, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc người, hoặc phi nhân nào có thể nắm hai chân Ta ném xuống biển nam. Nhưng nay ngươi muốn hỏi nghĩa thì có thể hỏi.”

Khi đó, ác quỷ hỏi:

“Sa-môn, những gì là hành cũ, những gì là hành mới, những gì là hành diệt?”

⁷ Nội dung gần với truyện kể Phật đến trú xứ của quỷ A-lạp 阿[月*葛], cf. *Tap*, kinh 1340.

Thế Tôn bảo:

“Ác quỷ nên biết, mắt là hành cũ, do duyên là những gì được làm từ trước mà sinh thọ⁸ thành hành. Tai, mũi, lưỡi⁹, thân, ý; đó là các hành cũ, do duyên là những gì được làm từ trước mà sinh thọ* [616b1] thành hành. Ác quỷ, đó gọi đây là các hành cũ.”

Quỷ Tỳ-sa hỏi:

“Sa-môn, những gì là hành mới?”

Thế Tôn bảo:

“Những gì được làm trong hiện tại, ba bởi thân, bốn bởi miệng, ba bởi ý. Ác quỷ, đó gọi là hành mới.”

Ác quỷ hỏi:

“Những gì là hành diệt?”

Thế Tôn bảo:

“Ác quỷ nên biết, hành cũ đã diệt tận không còn tái sinh; hành mới không được tạo tác; cái chấp thủ này vĩnh viễn không sanh, vĩnh viễn diệt tận không còn tàn dư. Đó gọi là hành diệt.”

Khi đó quỷ kia bạch Thế Tôn:

“Nay ta rất đói, tại sao cướp thức ăn của ta? Đứa trẻ này là thức ăn của ta. Sa-môn, trả đứa trẻ này lại cho ta!”

Thế Tôn bảo:

“Xưa kia, khi Ta chưa thành đạo, từng làm Bồ-tát, có chim bồ câu bay núp nơi Ta, Ta còn không tiếc thân mạng cứu nguy bồ

⁸ Nguyên bản: Thống.

⁹ Đề bản: khẩu □; chép nhầm.

Tăng nhất A-hàm

câu kia, hướng chi nay Ta đã thành Như Lai, há lại có thể bỏ đứa trẻ này cho người ăn thịt! Ác quỷ, nay người có dùng hết thần lực của người, Ta quyết không trao đứa trẻ này cho người. Thế nào, ác quỷ, thời Phật Ca-diếp người đã từng làm sa-môn tu trì phạm hạnh, sau lại phạm giới sanh làm ác quỷ này.”

Bấy giờ, ác quỷ nương vào oai thần của Phật, liền nhớ lại những việc đã làm đời trước. Ác quỷ bèn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và nói như vậy:

“Nay con là người ngu si không phân biệt chân nguy, mới sanh tâm này đối với Như Lai. Cúi xin Thế Tôn nhận sự sám hối của con.”

Như vậy ba, bốn lần.¹⁰

Thế Tôn bảo:

“Cho phép người hối lỗi, đừng tái phạm nữa.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì quỷ Tỳ-sa thuyết pháp vi diệu khiến sinh hoan hỷ. Sau đó, ác quỷ kia tự tay dâng lên Thế Tôn hàng ngàn lạng vàng, bạch Thế Tôn: “Nay con đem hang núi này cúng dường chiêu-đề Tăng, cúi xin đức Thế Tôn vì con mà thọ nhận nó và hàng ngàn lạng vàng này.”

Nó nói ba lần như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn liền tiếp nhận hang núi này, rồi nói kệ này:

*Thí vườn trái mát mẽ;
Làm cầu bắc ngang sông.
Hoặc giả làm thuyền lớn;
Cùng các đồ nuôi sống;
Ngày đêm không lười mỏi,*

¹⁰ Nguyên Hán: tam tứ. Lặp lại ba lần thôi, không có bốn. Hán chép dư.

*Được phước không thể lường.
Pháp nghĩa, giới thành tựu
Chết rồi được sanh Thiên.*

Khi đó, quý kia bạch Thế Tôn:

“Không biết Thế Tôn còn có gì chỉ dạy?”

Thế Tôn bảo:

“Nay người bỏ hình cũ của người, mặc ba y làm sa-môn, **[616c1]** vào thành Bạt-kỳ, đến bất kỳ nơi chốn nào, nói lời dạy này: ‘Các hiền nên biết, Như Lai xuất hiện ở đời, hàng phục người chưa được hàng phục, độ người chưa được độ, giải thoát người chưa được giải thoát, cứu hộ người chưa được cứu hộ, người mù làm mất sáng, ở giữa chư thiên, người đời, thiên long, quỷ thần, Ma hoặc Ma thiên, hoặc người, phi nhân, Ngài là bậc tối tôn thượng, không ai sánh bằng, đáng kính, đáng quý, làm ruộng phước lành cho loài người. Hôm nay, Ngài đã độ cậu bé Na-uru-la và hàng phục ác quỷ Tỳ-sa, các hiền có thể đến đó để được thọ giáo.’”

Đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Bấy giờ, quý Tỳ-sa làm Sa-môn, mặc ba pháp y, vào các đường hẻm trong làng, làm theo sự chỉ dạy này: “... Hôm nay, Ngài đã độ cậu bé Na-uru-la và hàng phục ác quỷ Tỳ-sa, các bạn có thể đến đó để được thọ giáo.”

Vào bấy giờ, nhân dân trong nước Bạc-kỳ sôi động. Lúc đó, trưởng giả Thiện Giác nghe những lời này rồi, vui mừng hơn hở, không thể tự chế, dẫn tám vạn bốn ngàn người dân đến chỗ đức Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một

bên. Khi ấy nhân dân trong thành Bạt-kỳ có người làm lễ sát chân Phật, hoặc có người đưa cao tay lên chào.

Khi tám vạn bốn ngàn người đã đến ngồi qua một bên, đức Thế Tôn lần lượt nói pháp vi diệu cho họ; luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là tai hoạ lớn.

Rồi đức Thế Tôn quán sát tâm tám vạn bốn ngàn người dân kia, ý đã hoan hỷ. Như Pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, khô, tập, tận, đạo, Ngài cũng thuyết pháp này cho tám vạn bốn ngàn người dân kia. Mọi người ngay trên chỗ ngồi sạch hết bụi trần, được mắt pháp trong sạch, như áo trắng tinh dễ nhuộm ra màu. Tám vạn bốn ngàn người dân này cũng vậy, rũ sạch bụi trần, được mắt pháp trong sạch, được pháp, thấy pháp, phân biệt các pháp, không có nghi ngờ, đạt không chỗ sợ, tự quy y tam tôn: Phật, Pháp, Thánh chúng và thọ năm giới.

Bấy giờ, trưởng giả cha của Na-ru-la bạch Thế Tôn:

“Cúi xin đức Thế Tôn nhận lời thỉnh của con.”

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Sau khi trưởng giả đó thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, lui trở về nhà. Sắp đặt các thứ đồ ăn thức uống, ngàn ấy hương vị. Sáng sớm tự báo đến giờ.

Khi ấy đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thành Bạt-kỳ, đi đến nhà trưởng giả, chỗ trên ngồi dọn sẵn.

[617a1] Khi trưởng giả thấy Thế Tôn đã ngồi an vị, bèn tự tay rót nước, châm sót vô số đồ ăn thức uống. Sau khi thấy Thế Tôn ăn xong, dùng nước rửa, ông lấy một chiếc ghế ngồi trước Như Lai, bạch Thế Tôn:

“Lành thay, Thế Tôn, nếu chúng bốn bộ cần y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngựa cù, thuốc men trị bệnh, đều đến nhà con lấy.”

Thế Tôn bảo:

“Được, Trưởng giả. Như lời ông nói.”

Thế Tôn liền nói pháp vi diệu cho trưởng giả. Thuyết pháp xong, Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Bấy giờ, trong khoảng như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thế Tôn biến khỏi Bất-kỳ trở về lại đến tinh xá Kỳ-hoàn tại Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Nếu chúng bốn bộ cần y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngựa cù, thuốc men trị bệnh, đến nhà trưởng giả cha Na-uru-la¹¹ lấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo các tỳ-kheo:

“Hiện nay, như Ta, đệ tử đứng đầu trong hàng ưu-bà-tắc không gì lẫn tiếc đó chính là cha của Na-uru-la.”

Các tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Ni-câu-loại¹², giữa những người họ Thích¹³, cùng với năm trăm đại tỳ-kheo.

¹¹ Na-uru-la phụ 那優羅父; có thể tương đương Pāli: Nakulapitā, đệ nhất thâm tín (*vissāsakānam*) trong các ưu-bà-tắc, nhưng chuyện kể hoàn toàn không giống ở đây. Cf. A. i. 26. AA. i. 216.

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ, có hàng ngàn người thuộc hào tộc của họ Thích đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, họ đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ những người họ Thích bạch Phật:

“Nay Ngài nên làm vua cai trị đất nước này, để dòng họ chúng ta không bị mục nát, không để ngôi Chuyển luân Thánh vương đến Ngài thì đoạn tuyệt. Nếu Thế Tôn không xuất gia, Ngài sẽ là Chuyển luân Thánh vương ở trong thiên hạ, thống lãnh bốn thiên hạ, có đủ ngàn người con. Dòng họ của chúng ta nổi danh khắp nơi, rằng Chuyển luân Thánh vương xuất hiện trong dòng họ Thích. Vì vậy, Thế Tôn, Ngài hãy làm vua cai trị, đừng để dòng vua dứt mất.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta chính là thân vua, gọi là Pháp vương. Vì sao vậy? Nay Ta hỏi các người. Thế nào, các vị họ Thích, nói rằng Chuyển luân Thánh vương là có đầy đủ thất bảo, ngàn người con trai đồng mãnh. Nay Ta, ở trong ba ngàn đại thiên sát-độ, là tối tôn thượng, không ai có thể sánh bằng, thành tựu bảo bảy giác chi, có vô số hàng ngàn người con là các Thanh văn hầu quanh.”

Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ngôi vị kia làm gì?
Được rồi, sau lại mất.
[617b1] Ngôi này tối tôn thắng,
Không tận cùng, khởi thủy.
Chiến thắng không thể đoạt:
Chiến thắng này tối thắng.*

¹² Ni-câu-lưu 尼拘留.

¹³ Thích-si 釋翅, xem kinh 10, phẩm 17.

*Phật có vô lượng hành,
Không dấu; ai thấy dấu?”*

“Cho nên, các vị Thích chủng hãy tìm phương tiện cai trị bằng chánh pháp.

“Các vị Thích chủng phải học những điều này như vậy.”

Các vị Thích chủng sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Khi đó có một tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ tỳ-kheo kia bạch Phật:

“Có sắc nào mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động? Có thọ*, tưởng, hành, thức mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động?”

Thế Tôn bảo:

“Này Tỳ-kheo, không có sắc nào mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động. Cũng không có thọ*, tưởng, hành, thức nào mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động.

“Tỳ-kheo, nếu có sắc này, thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian; người phạm hạnh không được phân biệt.¹⁵ Hoặc

¹⁴ Pāli, S. 22. 97 Nakhāsika (R. iii. 247).

Tăng nhất A-hàm

thọ, tướng, hành, thức tồn tại mãi ở thế gian không biến dịch; người phạm hạnh không được phân biệt. Cho nên, Tỳ-kheo, vì sắc (không thể phân biệt),¹⁵ không còn mãi ở thế gian, cho nên phạm hạnh mới được phân biệt để diệt tận gốc khổ. Cũng không có thọ*, tướng, hành, thức nào mà còn mãi ở thế gian, cho nên phạm hạnh mới được phân biệt để diệt tận gốc khổ.”

Bấy giờ đức Thế Tôn lấy một ít đất bỏ lên móng tay, rồi nói với tỳ-kheo kia:

“Sao, Tỳ-kheo, có thấy đất trên móng tay này không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Dạ vâng, Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật bảo tỳ-kheo:

“Nếu có sắc chỉ nhiều ngàn ấy mà thường hằng tồn tại ở thế gian; người phạm hạnh không được phân biệt được diệt tận khổ. Cho nên, Tỳ-kheo, vì không có sắc ngàn ấy mà thường tại nên có hành phạm hạnh để diệt tận gốc khổ.

“Sở dĩ như vậy, Tỳ-kheo nên biết, xưa ta từng làm Đại vương, thống lãnh bốn thiên hạ, dùng pháp để trị hóa, thống lãnh nhân dân, bảy báu đầy đủ. Bảy báu là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điền binh báu.

“Tỳ-kheo nên biết, vào lúc bấy giờ, khi Ta làm [617c1] Chuyển luân Thánh vương này, thống lãnh bốn thiên hạ, có

¹⁵ Tham chiếu Pāli, *ibid.*, *navidaṃ brahmacariyavāso paññāyetha sammā dukkhakkhayāya*, đời sống phạm hạnh này không được thiết lập cho mục đích chân chánh diệt khổ.

¹⁶ Bản Hán có thể chép dư, nên cho vào ngoặc.

tám vạn bốn ngàn voi thần, voi tên Bô-hô.¹⁷ Lại có tám vạn bốn ngàn xe có gắn lông chim,¹⁸ có xe dùng da sư tử phủ, có xe dùng da chó sói phủ, thầy đều treo tràng phan, lọng cao. Lại có tám vạn bốn ngàn đài cao rộng, giống như chỗ ở của Thiên Đế. Lại có tám vạn bốn ngàn giảng đường, giống như Pháp giảng đường.¹⁹ Lại có tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, giống như thiên nữ. Lại có tám vạn bốn ngàn tòa rộng lớn, thầy đều được cân bằng vàng, bạc, bảy báu. Lại có tám vạn bốn ngàn y phục, trang sức, đều là màu sắc đẹp mềm mại. Lại có tám vạn bốn ngàn đồ đựng thức ăn uống, bao nhiêu là hương vị khác nhau.

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ ta cỡi một con voi lớn, màu trắng tinh, miệng đẹp có sáu ngà, được trang sức bằng vàng, bạc, có thể bay đi, cũng có thể ẩn hình hoặc lớn hoặc nhỏ, voi tên Bô-hô.²⁰ Ta bấy giờ cỡi một con ngựa thần, lông đuôi màu son đỏ, khi đi thân không lắc, thân trang sức vàng bạc, có thể bay đi, cũng có thể ẩn hình, hay có thể biến lớn biến nhỏ. Ngựa tên Mao vương.²¹ Lúc bấy giờ, Ta sống tại một lầu đài trong số tám vạn bốn ngàn tòa lầu đài cao rộng. Lầu đài này tên là Tu-ni-ma,²² hoàn toàn làm bằng vàng. Bấy giờ Ta nghỉ đêm trong một giảng đường. Giảng đường tên là Pháp thuyết, hoàn toàn làm bằng vàng. Ta đi trên một chiếc xe có gắn lông chim.* Xe tên

¹⁷ Bô-hô 菩呼; xem *Trung*, kinh 61, 138: voi chua Vu-sa-hạ 于娑賀. Pāli: Uposatha-nāgarāja

¹⁸ Xem *cht. 38* kinh 11 phẩm 19.

¹⁹ Pháp giảng đường 法講堂. Pāli: Dhammapāsāda, cung điện Pháp; cf. D. ii 187.

²⁰ Bô-hô 菩呼. Pāli, *ibid.*, Uposatha

²¹ Mao vương 毛王. Xem *Trung*, kinh 61, 138: Mao mã vương [馬+毛] 馬王. Pāli, *ibid.*, Valāhaka, Vân mã vương.

²² Tu-ni-ma 須尼摩. Pāli, *ibid.*, Mahāvīyūhakūṭāgāra, lầu đài Đại trang nghiêm.

Tăng nhất A-hàm

là Tối thắng,²³ được làm toàn bằng vàng. Ta dẫn một ngọc nữ theo bên mình sai khiến cũng giống như chị em. Ta ngồi trên một tòa trong số tám vạn bốn ngàn tòa cao rộng, vàng bạc anh lạc không thể kể xiết. Ta mặc một bộ y phục mềm dịu giống như thiên y. Những thức Ta ăn có vị như cam lồ.

“Vào lúc Ta đang làm Chuyển luân Thánh vương, có tám vạn bốn ngàn voi thần, sáng nào cũng kéo tới ngoài cửa thành, gây hại rất nhiều, không thể kể xiết. Lúc đó Ta nghĩ thế này: ‘Tám vạn bốn ngàn voi thần này, sáng nào cũng đi tới ngoài cửa thành gây hại rất nhiều, không thể kể xiết. Nay trong ý ta muốn chia làm hai phần. Bốn vạn hai ngàn sáng nào cũng đến nghinh giá.’”

“Các tỳ-kheo, bây giờ Ta nghĩ thế này: ‘Xưa, Ta đã tạo phước gì, mà nay được oai lực này?’ Cho đến, Ta lại nghĩ: ‘Do ba nguyên nhân khiến ta được phước lành này. Những gì là ba? Đó là huệ thí, nhân từ và, tự [618a1] thủ hộ.’”

“Tỳ-kheo, hãy quán sát, các hành bấy giờ hoàn toàn bị diệt tận không còn tàn dư. Sống an trú trong với dục ý bấy giờ không nhàm chán. Nhưng lại nhàm chán giới luật Hiền thánh.

“Sao, tỳ-kheo, sắc này thường hay vô thường?”

Tỳ-kheo đáp:

“Vô thường, bạch Thế Tôn!”

“Nếu vô thường, là pháp biến đổi, nơi có nên sanh tâm này: ‘Cái này là của ta; ta là của cái này’²⁴ không?”

²³ Tối thắng 最勝. Pāli, ibid., Vejayantaratha.

²⁴ Thử thị ngã hứa, ngã thị dĩ sở 此是我許。我是彼所. Pāli, định cú: *netam mama, nesohamasmī, nameso attā'ti*, “Cái này không phải là của tôi. Tôi không phải là cái này. Cái này không phải là tự ngã của tôi.”

Đáp:

“Không, bạch Thế Tôn!”

“Thọ, tướng, hành, thức là thường hay vô thường?”

Tỳ-kheo đáp:

“Vô thường, bạch Thế Tôn!”

“Nếu là vô thường thì là pháp biến đổi, người có nên sanh tâm này: ‘Cái này là của ta; ta là của cái này’ không?”

Đáp:

“Không, bạch Thế Tôn!”

“Cho nên, này Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần; sắc này chẳng phải của ta, ta không phải của sắc này. Như vậy được giác tri²⁵ bởi người trí.²⁶ Những gì là thọ hoặc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc xa hoặc gần; thọ này cũng chẳng phải của ta, ta không phải của thọ này. Như vậy được giác tri bởi người trí.

“Tỳ-kheo, hãy quán như vậy: hàng Thanh văn nhằm tởm mắt, nhằm tởm sắc, nhằm tởm thức con mắt, cũng nhằm tởm khổ lạc phát sanh do duyên thức con mắt; cũng nhằm tởm tai, nhằm tởm thanh, nhằm tởm thức của tai, cũng nhằm tởm khổ lạc phát sanh do duyên thức của tai; cũng nhằm tởm mũi, lưỡi, thân, ý và pháp, cũng nhằm tởm khổ lạc phát sanh do duyên bởi ý. Đã nhằm tởm, được giải thoát. Đã giải thoát, được trí giải thoát,

²⁵ Để bản: học 學. Theo ngữ cảnh dưới, nên sửa lại là giác 覺.

²⁶ Pāli, định cú: *evametam yathābhūtam sammappaññāya passati*, vị ấy bằng chánh trí mà thấy như thực như vậy.

Tăng nhất A-hàm

biết như thực rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia được Thế Tôn chỉ dạy như vậy, ở nơi vắng vẻ, tự tu, tư duy, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, lia bỏ gia đình, tu vô thượng phạm hạnh, cho đến, như thực biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, biết như thật. Tỳ-kheo kia đã thành A-la-hán.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở dưới bóng cây đạo tràng, nước Ma-kiệt, lúc mới thành Phật.

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ như vậy: “Nay Ta đã được pháp thật sâu xa này, khó rõ, khó tường, khó hiểu, khó biết, rất là vi diệu, **[618b1]** được giác tri bởi bực trí. Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước nhất, để người đó rõ được pháp của Ta?”

Rồi Thế Tôn lại nghĩ: “A-la-lam,²⁷ với các căn đã thuần thực, đáng được độ trước. Và lại, ông ấy đang trông đợi Ta có Pháp.” Vừa nghĩ như vậy, tức thì giữa hư không có vị trời bạch Thế Tôn rằng:

“A-la-lam đã chết bảy ngày rồi.”

²⁷ La-lặc Ca-lam 羅勒迦藍. Pāli, Ālāra Kālāma; cf. Mahāvagga, Vin. i. 7. Hán, *Tứ phần 32* (T22n1428, tr. 787b06): A-lan Ca-lan 阿蘭迦蘭.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nghĩ: “Khổ thay, sao người ấy chưa nghe được Pháp của Ta mà đã chết rồi! Giả sử người ấy nếu nghe được pháp của Ta, tức thì giải thoát.”

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước để người này được giải thoát? Uất-đầu-lam-phất²⁸ đáng được độ trước. Hãy thuyết pháp cho ông ấy trước hết. Nghe ta thuyết pháp xong sẽ được giải thoát trước nhất.”

Khi Thế Tôn vừa nghĩ vậy, giữa hư không có vị trời nói rằng: “Ông ấy đã chết rồi, vào nửa đêm hôm qua.”

Khi đó Thế Tôn lại nghĩ rằng: “Uất-đầu-lam-phất này, khổ thay, sao chưa nghe được pháp của Ta mà đã chết mất rồi! Giả sử người ấy nếu nghe được pháp của Ta, tức thì giải thoát.”

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: “Ai nghe pháp của ta trước hết, được giải thoát?” Thế Tôn lại nghĩ: “Năm tỳ-kheo đã làm nhiều lợi ích cho Ta, vẫn theo sau Ta khi Ta mới sanh.” Rồi Thế Tôn lại nghĩ: “Năm Tỳ-kheo này hiện ở đâu?” Bèn dùng thiên nhãn quán sát, thấy năm tỳ-kheo này đang ở trong vườn Nai, trú xứ Tiên nhân, Ba-la-nại. “Nay Ta hãy đến đó thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo trước nhất. Nghe pháp ta rồi, họ sẽ được giải thoát.”

Bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày nhìn chăm chú vào cây đạo thọ, mắt không hề nháy.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ này:

*Chỗ Ta ngồi nay đây
Trải qua khổ sanh tử.
Năm chặt búa trí huệ
Chặt đứt rễ gai nhọn.*

²⁸ Uất-đầu Lam-phất 鬱頭藍弗. Pāli, *ibid.*, Uddaka-Rāmaputta.

*Thiên vương đến nơi đây.
Cùng các Ma, quyến thuộc.
Hàng phục bằng phương tiện,
Khiến đội mũ giải thoát.*

*Nay ở dưới cây này,
Ngồi trên tòa kim cương,
Chúng đấng huệ vô ngại,
Thành tựu nhất thiết trí.*

*Ta ngồi dưới cây này
Thấy rõ khổ sinh tử.
Đã dứt nguồn gốc tử
Già bệnh hẩn không còn.*

Thế Tôn sau khi nói kệ này, rời chỗ ngồi đứng dậy, đi về hướng [618c1] nước Ba-la-nại.

Lúc đó phạm chí Ưu-tỳ-già²⁹ từ xa thấy Thế Tôn, sắc sáng rực rỡ che khuất ánh mặt trời mặt trăng. Thấy vậy, ông bạch Thế Tôn:

“Cù-đàm, Sư chủ của ông hiện đang ở đâu? Ông nương theo ai xuất gia học đạo? Thường thích thuyết pháp nào để dạy? Ông từ đâu lại? Ông muốn đi đến đâu?”

Thế Tôn nhìn phạm chí kia mà nói kệ này:

*Ta thành A-la-hán,
Thế gian không ai bằng.³⁰
Trời cùng người thế gian
Nay Ta là tối thượng.
Ta cũng không thầy dạy,*

²⁹ Ưu-tỳ-già 優毘伽. Pāli, Upaka, đạo sư lỏa hình (ājīvaka).

³⁰ Tham chiếu Pāli, ibid., *sabbābhibhū sabbavidūhamasmī*, Ta, con người toàn thắng, hiểu biết tất cả.

*Cũng không ai bì kịp;
Độc tôn, không ai hơn;
Mát lạnh, không còn nóng.³¹*

*Ta đang chuyển pháp luân,
Đi đến nước Ca-thì.
Nay đem thuốc cam lồ
Mở mắt người mù kia.*

*Đất nước Ba-la-nại,
Vương thổ nước Ca-thì,³²
Trú xứ năm tỳ-kheo;
Ta sẽ thuyết diệu pháp,
Khiến họ sớm thành đạo,
Và được lậu tận thông,
Để trừ nguồn pháp ác.
Cho nên, Ta tối thắng.*

Khi đó phạm chí kia than, lắc đầu, khoanh tay, búng ngón tay, mỉm cười, rồi nhắm theo đường mà đi.

Khi Thế Tôn đến Ba-la-nại, năm tỳ-kheo từ xa thấy Thế Tôn đến. Thấy vậy, họ bảo nhau: “Đó là Sa-môn Cù-đàm, đang từ xa đến. Tánh tình đã tán loạn, tâm không chuyên tinh. Chúng ta đừng nói chuyện, cũng đừng đón tiếp, cũng đừng mời ngồi.” Rồi năm người nói kệ này:

*Người này không đáng kính,
Đừng gận gửi ân cần,
Cũng đừng có chào mừng
Và cũng đừng mời ngồi.*

³¹ Pāli, *ibid.*, *sūtibhūtosmi nibbuto*, ta đã mát mẻ (thanh lương), nguội lạnh (tịch diệt).

³² Ca-thì 加尸. Pāli: Kāsi, một trong 16 đại quốc, mà Bārāṇasi là thủ đô.

Tăng nhất A-hàm

Năm tỳ-kheo kia nói kệ rồi, cùng im lặng. Bảy giờ đức Thế Tôn đến chỗ năm tỳ-kheo, càng lúc càng gần, năm tỳ-kheo kia cũng từ từ đứng dậy nghinh tiếp. Người thì trải chỗ ngồi. Người thì lấy nước. Thế Tôn liền ngồi trước mặt họ, tư duy như vậy: “Những con người ngu si, cuối cùng không thể giữ trọn giao ước của mình.”

Bảy giờ năm tỳ-kheo gọi đức Thế Tôn bằng ‘bạn.’³³ Thế Tôn bảo năm tỳ-kheo:

“Các người chớ gọi bậc Vô thượng, Chí chân, Đẳng chánh giác là bạn[619a1] Vì sao vậy? Nay Ta đã thành Vô thượng, Chí chân, Đẳng chánh giác, đã được thiện cam lồ. Các người hãy chú tâm nghe pháp ngữ của Ta.”

Bảy giờ năm tỳ-kheo kia nói với Thế Tôn:

“Cù-đàm, xưa tu khổ hạnh còn không thể được pháp thượng nhân, huống chi hôm nay ý tình tán loạn mà nói đắc đạo ư?”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, năm người, các người đã từng nghe Ta vọng ngữ chưa?”

Năm tỳ-kheo đáp:

“Chưa, Cù-đàm!”

Thế Tôn bảo:

“Nhu Lai, Đẳng chánh giác, đã có được cam lồ. Các người hãy chú tâm nghe ta thuyết pháp.”

Khi đó đức Thế Tôn lại nghĩ thâm: “Nay Ta có thể hàng phục năm người này.” Rồi Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

³³ Khanh 卿, trong Hán dịch; *āvuso*, trong Pāli.

“Này năm tỳ-kheo, các người nên biết, có bốn chân lý này. Những gì là bốn? Đó là khổ đế, khổ tập đế, khổ tận đế, khổ xuất yếu đế.

“Thế nào là khổ đế? Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ưu bi não khổ, sầu ưu khổ, không thể kể hết. Oán ghét gặp nhau khổ, ân ái chia lìa khổ, không được những điều ham muốn cũng lại là khổ. Nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó gọi là khổ đế.

“Thế nào là khổ tập đế? Ái đưa đến tái sanh, tập hành không mệt mỏi, ý thường tham đắm.³⁴ Đó gọi là khổ tập đế.

“Thế nào là khổ tận đế? Ái kia diệt tận không dư tàn, cũng không tái sanh khởi. Đó gọi là khổ tận đế.

“Thế nào là khổ xuất yếu đế? Đó là tám phẩm đạo của Hiền Thánh³⁵, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

“Đó gọi là pháp tứ đế.

“Lại nữa, này năm Tỳ-kheo, pháp bốn thánh đế này, khổ đế làm phát sanh mắt, sanh trí, sanh minh, sanh giác, sanh quang, sanh huệ. Đó là pháp trước kia chưa từng được nghe. Lại nữa, khổ đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là khổ đế.

“Khổ tập đế làm phát sanh mắt, sanh trí, sanh minh, sanh giác, sanh quang, sanh huệ; là pháp trước đây chưa từng được nghe.

³⁴ Tham chiếu Pāli, *ibid.*, *tañhā ponobbhavikā, nandīrāgasahagatā, tatratatrābhinandinī, seyyathidaṃ-kāmatāñhā, bhavatañhā, vibhavatañhā*, ái đưa đến hữu đương lai, câu hữu với hỷ tham, thích thú sẽ ở đây, ở kia, tức là, ái, hữu ái, phi hữu ái.

³⁵ Nguyên Hán: Đẳng kiến, đẳng trí, đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng mạng, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định.

Tăng nhất A-hàm

Lại nữa, khổ tập đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là khổ tập đế.

“Khổ tận đế làm phát sanh mắt, sanh trí, sanh minh, sanh giác, sanh quang, sanh huệ; là pháp trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, khổ tận đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là khổ tận đế.

“Khổ xuất yếu đế làm phát sanh mắt, sanh trí, sanh minh, sanh giác, [619b01] sanh quang, sanh huệ; là pháp trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, khổ xuất yếu đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là khổ xuất yếu đế.

“Năm tỳ-kheo nên biết, bốn đế này được ba lần chuyển với mười hai hành. Ai không biết như thật, không thành Vô thượng Chánh chân, Đẳng chánh giác. Ta vì đã phân biệt bốn đế này, ba lần chuyển với mười hai hành, biết nó như thật, cho nên thành Vô thượng Chí chân, Đẳng chánh giác.”

Sau khi nghe thuyết pháp này, A-nhã Câu-lân dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Lúc đó đức Thế Tôn bảo A-nhã Câu-lân:

“Nay Ông đã đến với pháp, đã đắc pháp.”³⁶

Câu-lân đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn! Con đã đến với pháp, đã đắc pháp.”

³⁶ Hán dịch không hết ý nguyên lai có tên gọi “A-nhã.” Pāli, ibid. Phật nói: “Người đã hiểu (*aññāsi vata*), này Kiều-trần-như (*bho koṇḍañño*)”, do đó Trưởng lão Kiều-trần-như (Koṇḍañña) được gọi là “A-nhã Kiều-trần-như” (*aññāsikoṇḍañño: Aññāta-Koṇḍañña*)

Địa thần sau khi nghe nghe những lời như vậy, liền xướng rằng:

“Nay Như Lai tại nước Ba-la-nại đã chuyển pháp luân mà chư Thiên, người đời, Ma và Ma thiên, người cùng phi nhân, đều không chuyển được. Hôm nay Như Lai chuyển pháp luân này, A-nhã Câu-lân đã được pháp cam lồ.”

Khi đó, Tứ Thiên vương nghe địa thần xướng, lại chuyển lời tiếp xướng rằng:

“A-nhã Câu-lân đã đắc pháp vị cam lồ.”

Rồi trời Tam thập tam lại nghe từ Tứ Thiên vương. Diêm Thiên nghe từ Trời Tam thập tam, cho đến Đâu-suất thiên, lần lượt nghe tiếng, và cho đến Phạm thiên cũng nghe tiếng: “Như Lai tại nước Ba-la-nại đã chuyển pháp luân mà chư Thiên, người đời, Ma và Ma thiên, người cùng phi nhân, đều không chuyển được. Nay Như Lai chuyển pháp luân này.” Bấy giờ liền có tên gọi là A-nhã Câu-lân.

Rồi Thế Tôn bảo năm tỳ-kheo:

“Các người, hai người ở lại để được chỉ dạy; ba người đi khát thực. Ba người khát thực được rồi thì sáu người sẽ cùng ăn. Ba người ở lại để được chỉ dạy, hai người đi khát thực. Hai người khát thực được rồi thì sáu người cùng ăn.”

Bấy giờ, bằng sự giáo huấn này mà trở thành pháp vô sanh Niết-bàn, cũng thành không sanh, không bệnh, không già, không chết. Lúc đó cả thầy năm tỳ-kheo đều thành A-la-hán. Bấy giờ, ba ngàn đại thiên sát độ có năm vị A-la-hán, với Phật là sáu.

Rồi Thế Tôn bảo năm tỳ-kheo:

Tăng nhất A-hàm

“Tất cả các người cùng nhau đi khát thực trong nhân gian. Cẩn thận đừng đi một mình.³⁷ Còn những chúng sanh mà các căn thuần thực, những người đáng được độ. Nay Ta sẽ đến thôn Ưu-lưu-tì,³⁸ thuyết pháp tại đó.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn đi đến thôn xóm Ưu-lưu-tì. Khi đó bên dòng sông Liên-nhã³⁹ có Ca-diếp⁴⁰ [619c1] đang sinh sống tại đó. Ông biết thiên văn, địa lý; không gì không thông suốt. Toán số cây lá tất cả đều biết rõ. Ông dẫn năm trăm đệ tử thường ngày đi giáo hóa. Cách Ca-diếp không xa có thạch thất. Ở trong thạch thất, có rồng độc đang sống tại đó.

Thế Tôn đến chỗ Ca-diếp, nói với Ca-diếp:

“Tôi muốn ngủ nhờ trong thạch thất một đêm. Nếu ông đồng ý, tôi sẽ đến ở.”

Ca-diếp đáp rằng:

“Tôi không tiếc gì. Nhưng ở đó có một con rồng độc, sợ nó sẽ làm tổn hại đến ông.”

Thế Tôn bảo:

“Ca-diếp, đừng lo, rồng không hại Ta! Chỉ cần đồng ý, Ta ở đó một đêm.”

Ca-diếp đáp:

“Nếu ông muốn ở, tùy ý đến ở.”

³⁷ Hán: thận mạc độc hành 慎莫獨行. Pāli, ibid., *mā ekena dve agamittha*, hai người chớ đi theo một hướng.

³⁸ Ưu-lưu-tỳ 優留毘. Pāli: Uruvelā.

³⁹ Liên-nhã 連若, cũng nói là Ni-liên-thuyền. Pāli: Nerañjarā.

⁴⁰ Ưu-lưu-tỳ Ca-diếp 優羅毘迦葉, hay Uất-tỳ-la (Ưu-lâu-tần-loa) Ca-diếp. Pāli: Uruvelakassapa, đạo sĩ bện tóc (jaṭila).

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền vào thạch thất, trái chõ nằm mà nghỉ, kiết già phu tọa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm tại tiền. Lúc đó, rồng độc thấy Thế Tôn ngồi; nó liền phun lửa độc. Thế Tôn nhập từ tam-muội, xuất từ tam-muội, nhập diệm quang tam-muội.

Bấy giờ lửa của rồng và ánh sáng Phật cùng lúc phát sáng. Đêm đó Ca-diếp dậy quan sát tinh tú, thấy trong thạch thất có ánh sáng và lửa lớn. Thấy vậy, ông bảo các đệ tử:

“Sa-môn Cù-đàm này dung mạo xinh đẹp, nay bị con rồng này hại. Thật đáng thương tiếc. Trước đây, ta cũng đã có lời này, ở đó có rồng ác không thể nghỉ đêm!”

Lúc đó Ca-diếp bảo năm trăm đệ tử:

“Các người cầm bình nước và mang thang cao đến chữa lửa, để Sa-môn kia được thoát khỏi nạn này.”

Bấy giờ, Ca-diếp dẫn năm trăm đệ tử đến thạch thất để chữa lửa này. Người thì cầm nước rưới, người thì bắc thang. Nhưng không thể dập tắt được lửa, đều là do oai thần của Như Lai tạo nên.

Bấy giờ, Thế Tôn nhập từ tam-muội dần dần khiến cho con rồng kia không còn sân hận nữa. Lúc này tâm rồng ác kia tỏ ra sợ sệt, chạy qua chạy lại muốn thoát ra khỏi thạch thất, nhưng không ra khỏi thạch thất được. Khi đó con rồng ác kia, hướng đến Như Lai, chui vào bát Thế Tôn ở. Khi đó, Thế Tôn dùng tay phải xoa mình rồng ác, rồi nói kệ này:

*Rồng⁴¹ xuất thế khó có.
Rồng với rồng gặp nhau.
Rồng chớ nổi tâm hại.*

⁴¹ Đây chỉ Phật.

Rồng xuất thế, hó có..

*Quá khứ hằng sa số,
Chư Phật bát-niết-bàn;
Mà người chưa hề gặp
Đều do lửa sân hận.*

[620a1] *Tâm thiện hướng Như Lai,
Mau bỏ độc sân này.
Đã trừ độc sân nhuế,
Liên được sanh lên Trời.*⁴²

Bấy giờ, con rồng dữ kia thè lưỡi liếm tay Như Lai và nhìn kỹ mặt Như Lai. Sáng hôm sau, Thế Tôn mang rồng dữ đó đến gặp Ca-diếp và nói với Ca-diếp:

“Đây là con rồng dữ, thật hung bạo. Nay nó đã bị hàng phục.”

Khi Ca-diếp thấy được rồng dữ, trong lòng hoảng sợ, bạch Thế Tôn:

“Thôi, thôi, Sa-môn! Đừng bước tới, rồng sẽ gây hại!”

Thế Tôn bảo:

“Ca-diếp, đừng sợ! Nay Ta đã hàng phục nó rồi, sau này sẽ không gây hại nữa. Vì sao vậy? Vì rồng này đã được giáo hóa rồi.”

Bấy giờ, Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử khen ngợi:

“Việc chưa từng có! Thật là kỳ diệu! Sa-môn Cù-đàm này oai thần thật lớn, có thể hàng phục con rồng dữ này, khiến không nó làm ác. Tuy vậy, vẫn không bằng ta đặc đạo chơn⁴³.”

⁴² Bản Hán, hết quyển 14.

⁴³ Đạo chân 道真, đây chỉ quả vị A-la-hán, chỉ chung các bậc Thánh, không riêng Thánh giả trong Phật giáo. *Từ phần 32*: :Nhưng ông không bằng ta,

Bấy giờ Ca-diếp bạch Phật:

“Đại Sa-môn, hãy nhận lời thỉnh cầu chín mươi ngày của tôi. Những thứ cần dùng như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, tôi sẽ cung cấp hết thảy.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của Ca-diếp. Thế Tôn đem ròng thần này thả vào trong biển lớn. Ròng dữ kia tùy theo mạng sống dài ngắn, sau khi mạng chung sanh lên trời Tứ Thiên vương. Sau đó Như Lai trở về nghỉ tại thạch thất. Ca-diếp sắp đặt nhiều đồ ăn uống xong, đến bạch Thế Tôn:

“Đồ ăn thức uống đã chuẩn bị xong, xin mời đến thọ thực.”

Thế Tôn bảo:

“Ca-diếp về trước. Tôi sẽ đi ngay vậy.”

Sau khi Ca-diếp đi khỏi, Phật liền đến trên cõi Diêm-phù-đề, bên dưới cây diêm-phù, nhặt quả diêm-phù⁴⁴ rồi, trở về trước, ngồi trong thạch thất Ca-diếp.

Khi Ca-diếp về đã thấy Thế Tôn ở trong thạch thất, liền bạch Thế Tôn:

“Sa-môn từ đường nào đến thạch thất?”

Phật bảo Ca[620b1]-diếp:

“Sau khi Ông đi, tôi đến phía trên cõi Diêm-phù-đề, bên dưới cây diêm-phù, nhặt quả diêm-phù rồi trở về ngồi đây. Ca-diếp nên biết, quả này rất thơm ngon, hãy cầm lấy mà ăn.”

Ca-diếp đáp:

người đặc quả A-la-hán.” Mahāvagga, Vin. i. 24: *na tveva ca kho arahā yathā ahan ti*, “Nhưng ông chưa phải là vị A-la-hán như ta.”

⁴⁴ Diêm-phù quả 閻浮果, Skt. *jambu*, một loại đào đỏ.

Tăng nhất A-hàm

“Tôi không cần cái này. Sa-môn tự lấy ăn.”

Bấy giờ Ca-diếp lại nghĩ thầm như vậy: “Sa-môn này có thần túc siêu việt, có oai lực lớn, mới có thể đến phía trên cội Diêm-phù nhật trái ngon này. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc đạo chơn.”

Sau khi Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Sáng sớm Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

“Đã đến giờ ăn, mời đến thọ thực.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Ca-diếp vừa đi khỏi, Phật liền đến phía trên cội Diêm-phù, nhật trái a-ma-lặc⁴⁵ rồi trở về trước, ngồi trong thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

“Sa-môn từ đường nào đến chôn này?”

Phật trả bảo:

“Sau khi Ông đi, tôi đến trên cội Diêm-phù, nhật trái này lại, nó rất là thơm ngon, nếu cần thì lấy ăn!”

Ca-diếp đáp:

“Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy ăn.”

Khi đó Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn này rất có thần lực, có oai thần lớn. sau khi ta đi, đi lấy quả này về. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc đạo chơn.”

⁴⁵ A-ma-lặc quả 阿摩勒果. Skt. *āmaliḱa* / *āmalaka*: dư cam tử (tamarindus indica); thường dễ nhầm với am-ma-lặc (la), Skt. *āmra*, quả xoài.

Sau khi Thế Tôn ăn xong liền trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn mà nói rằng:

“Đã đến giờ cơm, xin mời đến thọ thực.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Sau khi Ca-diếp đi, Thế Tôn đến Bắc Uất-đan-viết lấy lúa tẻ chín tự nhiên,⁴⁶ rồi trở về trước thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Phật:

“Sa-môn từ đường nào đến ngồi đây?”

Thế Tôn bảo:

“Sau khi ông đi, tôi đến Uất-đan-viết gặt lấy lúa chín muộn tự nhiên rất là thơm ngon. Ca-diếp cần thì lấy mà ăn.”

Ca-diếp đáp:

“Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy mà ăn.”

Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn này có thần lực lớn, có oai thần lớn. Tuy nhiên vẫn không bằng ta đặc đạo chơn.”

Sau khi, Thế Tôn ăn xong thì về chỗ kia nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn nói:

“Đã đến giờ cơm, xin mời đến thọ thực.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

⁴⁶ Tự nhiên canh mễ 自然粳米. Pali: *akaṭṭhapākasāli*, lúa tự chín, không cần gieo trồng.

Tăng nhất A-hàm

Sau khi Ca-diếp đi, Thế Tôn đến Cù-da-ni [620c1] nhặt quả a-lê-lặc,⁴⁷ về trước vào thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Phật:

“Sa-môn từ đường nào đến ngồi đây?”

Phật bảo Ca-diếp:

“Sau khi Ông đi, tôi đến Cù-da-ni nhặt quả này lại rất thơm ngon. Ca-diếp cần thì lấy mà ăn.”

Ca-diếp đáp rằng:

“Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy mà ăn.”

Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn này có thần lực lớn, có oai thần lớn. Tuy nhiên vẫn không bằng ta đặc chơn đạo.”

Sau khi, Thế Tôn ăn xong thì về chỗ kia nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn bạch:

“Đã đến giờ cơm, xin mời đến thọ thực!”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Sau khi Ca-diếp đi, Thế Tôn đến Phát-vu-đài nhặt trái tỳ-hê-lặc⁴⁸ rồi, về trước ngồi trong thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Phật:

“Sa-môn từ đường nào đến ngồi đây?”

Phật bảo Ca-diếp:

⁴⁷ Ha-lê-lặc quả 呵梨勒果. Skt. *harītaki*, trái kha tử. *Ngũ phần 16*: rừng ha-lê-lặc 訶梨勒林, ngoài biên cõi Diêm-phù-đề.

⁴⁸ Tỳ-hê-lặc 毘醯勒. Skt. *vibhīṭaka*, tên khoa học: *Ternalia Belerica*, một loại dược thảo, quả xuyên luyện.

“Sau khi ông đi, tôi đến Phát-vu-đãi nhặt quả này rất thơm ngon. Ca-diếp cần thì lấy mà ăn.”

Ca-diếp đáp:

“Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy mà ăn.”

Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn này có thần lực lớn, có oai thần lớn. Tuy nhiên vẫn không bằng ta đắc đạo chơn.”

Thế Tôn ăn xong trở về chỗ kia nghỉ ngơi.

Lúc bấy giờ Ca-diếp đang chuẩn bị đại tể đàn. Năm trăm đệ tử cầm búa bửa củi. Tay nhắc búa lên nhưng búa không xuống. Lúc đó, Ca-diếp nghĩ thầm như vậy: “Đây chắc Sa-môn làm.” Khi đó Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

“Nay muốn bửa củi, vì sao búa không hạ xuống được?”

Thế Tôn bảo:

“Muốn cho búa hạ xuống được phải không?”

Đáp:

“Muốn hạ xuống.”

Búa liền hạ xuống. Lúc búa kia đã hạ xuống, lại không nhắc lên được. Ca-diếp lại bạch Phật:

“Búa sao không nhắc lên được?”

Thế Tôn bảo:

“Muốn cho búa lên chằng?”

Đáp:

“Muốn nhắc lên.”

Búa liền nhắc lên.

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ, đệ tử của Ca-diếp muốn nhen lửa, nhưng nhen không cháy. Ca-diếp lại nghĩ thâm như vậy: “Đây chắc Sa-môn Cù-đàm gây ra.”

Ca-diếp bạch Phật:

“Vì sao nhen lửa không cháy?”

Phật bảo Ca-diếp:

“Muốn lửa cháy phải không?”

Đáp:

“Muốn cho cháy.”

Lửa liền cháy. Sau đó muốn dập tắt, lửa lại không tắt. Ca-diếp bạch Phật:

“Sao lửa dập không tắt?”

Phật bảo Ca-diếp:

“Muốn cho lửa tắt phải không?”

Đáp:

“Muốn cho tắt.”

Lửa liền tắt ngay. Ca-diếp liền nghĩ thâm như vậy: “Sa-môn Cù-đàm này [621a1] diện mạo đoan chánh, hiếm có trong đời. Ngày mai ta có tế lễ lớn. Quốc vương, nhân dân tất cả đều tụ tập. Nếu họ thấy Sa-môn này, ta sẽ không còn được cúng dường. Sa-môn này ngày mai không đến sẽ là đại phúc.”

Thế Tôn biết những suy nghĩ trong lòng Ca-diếp. Sáng hôm sau, Phật đến Uất-đan-việt, lấy lúa chín muôn tự nhiên; đến Cù-da-ni lấy sữa; rồi đến ao A-nậu-đạt mà dùng. Trọn ngày ở chỗ đó, chiều tối về thạch thất nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn hỏi:

“Sa-môn, hôm qua sao không đến?”

Phật bảo Ca-diếp:

“Hôm qua ông đã nghĩ như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm này diện mạo đoan chánh, hiếm có trong đời. Ngày mai ta có tế lễ lớn. Nếu quốc vương, nhân dân thấy được Sa-môn này, sẽ cắt đứt cúng dường cho ta. Nếu ông ta không đến sẽ là đại phúc.’ Tôi biết được những suy nghĩ trong lòng của ông, mới đến Uất-đan-viết gặt lấy lúa chín muôn tự nhiên, đến Cù-da-ni lấy sữa; rồi đến bên ao A-nậu-đạt mà ăn. Trọn ngày ở chỗ đó, chiều tối về thạch thất nghỉ ngơi.”

Khi ấy Ca-diếp lại nghĩ thầm như vậy: “Đại Sa-môn này, có thần túc lớn, có thật oai thần. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc đạo chân.”

Thế Tôn ăn xong, trở về thạch thất nghỉ ngơi. Ngay đêm đó, Tứ Thiên vương đến chỗ Thế Tôn nghe kinh pháp. Tứ Thiên vương cũng có ánh sáng, Phật cũng phóng ánh sáng lớn, chiếu cả sơn động hoang dã kia tỏa sáng một màu. Đêm hôm đó Ca-diếp thấy được ánh sáng. Sáng hôm sau đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

“Đêm qua, ánh sáng gì chiếu sáng núi non hoang dã này?”

Thế Tôn bảo:

“Đêm qua Tứ Thiên vương đến chỗ tôi nghe Pháp. Đó là ánh sáng của Tứ Thiên Vương kia.”

Lúc đó Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn này rất có thần lực, mới khiến cho Tứ Thiên vương đến nghe kinh pháp. Tuy nhiên, thần lực này vẫn không bằng ta đắc đạo chân.”

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Nửa đêm, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Thế Tôn nghe pháp. Ánh sáng của Thiên Đế lại chiếu sáng núi đó. Ca-diếp kia đêm dậy ngắm sao, thấy ánh sáng này. Sáng hôm sau, Ca-diếp tới chỗ Thế Tôn, hỏi: “Cù-đàm, đêm qua có ánh sáng thật là đặc biệt. Vì sao có ánh sáng như vậy?”

Thế Tôn bảo:

“Đêm qua, Thiên đế [621b1] Thích đến đây nghe kinh. Cho nên có ánh sáng như vậy.”

Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn Cù-đàm này thật có thần lực, có oai thần lớn, mới có thể khiến cho Thiên Đế Thích đến nghe kinh pháp. Tuy vậy vẫn không bằng ta đắc đạo chân.”

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Nửa đêm Phạm Thiên vương phóng ánh sáng lớn chiếu xuống núi này, đến chỗ Thế Tôn nghe kinh pháp. Đêm đó Ca-diếp thức dậy, thấy ánh sáng. Sáng hôm sau đến chỗ Thế Tôn, hỏi:

“Đêm qua, ánh sáng chiếu sáng hơn ánh sáng của mặt trời mặt trăng. Có những nhân duyên gì mà có thứ ánh sáng này?”

Thế Tôn bảo:

“Ca-diếp nên biết, đêm qua, Đại Phạm Thiên vương đến chỗ Ta nghe kinh pháp.”

Lúc đó Ca-diếp lại nghĩ thầm như vậy: “Sa-môn Cù-đàm này rất có thần lực, mới khiến Tổ phụ của ta đến chỗ Sa-môn này mà nghe kinh pháp. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc đạo chân.”

Bấy giờ, Thế Tôn được y năm mảnh cũ rách,⁴⁹ muốn giặt dũ, nghĩ thầm: “Ta sẽ giặt y này ở chỗ nào?”

Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân biết được trong lòng Thế Tôn nghĩ gì, liền biến ra một hồ tắm, rồi bạch Thế Tôn: ‘Xin hãy đến đây giặt y.’

Thế Tôn lại nghĩ thầm: “Ta phải đứng chỗ nào để đạp giặt y này?”

Lúc đó, Tứ Thiên vương biết được trong lòng Thế Tôn nghĩ gì, liền nhắc một tảng đá vuông lớn đặt mé nước, rồi bạch Thế Tôn: “Xin hãy đứng chỗ này mà đạp y.”

Thế Tôn lại nghĩ: “Ta phơi y này ở chỗ nào?”

Lúc đó, Thần cây biết được trong lòng Thế Tôn nghĩ gì, liền làm oằn nhánh cây xuống, rồi bạch Thế Tôn: “Cúi xin Thế Tôn phơi y chỗ này.”

Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

“Chỗ này trước đây không có ao, nay có ao này? Trước không có cây, nay có cây này? Trước không có đá, nay có tảng đá này. Nguyên nhân gì mà có sự thay đổi này?”

Thế Tôn bảo:

“Đây là hôm qua Thiên đế Thích biết tôi muốn giặt y cho nên làm hồ tắm này. Tôi lại nghĩ: ‘Đứng chỗ nào để đạp giặt y này?’ Tứ Thiên vương biết tôi đang nghĩ gì, liền mang đá này đến. Tôi lại nghĩ: ‘Phơi y này ở chỗ nào?’ Thần cây biết tôi đang nghĩ gì, liền oằn nhánh cây này vậy.”

⁴⁹ Pāli, ibid. Thế Tôn lượm được y phần tảo (*samayena bhagavato paṃsukūlaṃ uppannaṃ hoti*).

Tăng nhất A-hàm

Lúc đó, Ca-diếp nghĩ như vậy: “Sa-môn Cù-đàm này tuy có thần lực những vẫn [621c1] không bằng ta đắc đạo chân.”

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Nửa đêm, có nhiều mây đen nổi lên, rồi đổ mưa lớn. Sông lớn Liên-nhã bị nước lũ ngập tràn.

Lúc đó, Ca-diếp nghĩ thầm: “Nước lũ tràn sông này, Sa-môn nhất định sẽ bị nước cuốn trôi. Nay ta ra xem thử.”

Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử đi ra bờ sông. Bấy giờ Thế Tôn đang đi trên nước, chân không bị dính nước. Khi đó Ca-diếp từ xa thấy Thế Tôn đi trên mặt nước. Ca-diếp thấy vậy, liền nghĩ: “Thật là kỳ diệu! Sa-môn Cù-đàm lại có thể đi trên mặt nước. Ta cũng có thể đi trên mặt nước, nhưng không thể khiến cho chân không dính nước mà thôi. Sa-môn này tuy thật có thần lực. Nhưng vẫn không bằng ta đắc đạo chân.”

Khi đó Thế Tôn bảo Ca-diếp:

“Ông không phải là A-la-hán, cũng không biết đạo A-la-hán. Ông còn chưa biết tên A-la-hán, huống chi là đắc đạo sao? Ông là người mù. Mắt không trông thấy gì hết. Như Lai đã biến hóa ngàn ấy sự, mà ông vẫn cứ nói ‘Không bằng ta đắc đạo chân.’ Ông vừa nói rằng: ‘Ta có thể đi trên mặt nước.’ Bấy giờ là lúc thích hợp. Có thể cùng đi trên mặt nước chăng? Ông nay hãy bỏ tâm tà kiến, đừng để phải chịu khổ não lâu dài như vậy.”

Khi Ca-diếp nghe Thế Tôn nói như vậy, liền đến trước, mặt đánh lễ sát chân: “Con xin hối lỗi, biết rõ sai trái xúc phạm Như Lai. Cúi xin nhận sự sám hối này.” Như vậy ba lần.

Thế Tôn bảo:

“Chấp nhận sự hối lỗi của ông, đã biết tội quá nhiều Như Lai.”

Lúc đó, Ca-diếp bảo năm trăm đệ tử:

“Các người, mỗi người hãy làm theo những gì mình thích. Ta nay tự quy y Sa-môn Cù-đàm.”

Khi ấy năm trăm đệ tử bạch Ca-diếp:

“Chúng con trước đây, lúc hàng phục rồng cũng có ý muốn quy Sa-môn Cù-đàm. Nếu thầy tự quy y Cù-đàm thì năm trăm đệ tử chúng con thầy đều tự quy y với Cù-đàm.”

Ca-diếp nói:

“Nay thật là thích hợp. Nhưng tâm ta lại chấp vào sự ngu si này, thấy ngàn ấy sự biến hóa mà tâm ý vẫn còn không tỏ, vẫn tự xưng ta được đạo chân chánh.”

Rồi Ca-diếp cùng với năm trăm đệ tử vây quanh trước sau đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con được làm Sa-môn, tu hạnh thanh tịnh.”

Theo pháp thường của chư Phật, nếu Phật nói ‘Thiện lai, Tỳ-kheo!’ Người ấy liền thành Sa-môn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo [622a1] Ca-diếp:

“Thiện lai, Tỳ-kheo! Pháp này vi diệu. Hãy khéo tu phạm hạnh.”⁵⁰

Ngay khi ấy, y phục đang mặc của Ca-diếp và năm trăm đệ tử thầy đều biến thành cà-sa, tóc trên đầu tự rụng, giống như cạo

⁵⁰ Pāli, inid., *etha bhikkhavo, svākkhāto dhammo, caratha brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāyā*, “Hãy đến đây, các Tỳ-kheo! Pháp đã được giảng thuyết hoàn hảo. Hãy tu hành Phạm hạnh để chân chánh diệt tận khổ.”

Tăng nhất A-hàm

tóc được bảy ngày. Rồi những dụng cụ học thuật và liên hệ đến chú thuật của Ca-diếp đều được ném xuống sông. Sau đó, năm trăm đệ tử bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho chúng con được làm Sa-môn!”

Thế Tôn bảo:

“Thiện lai, Tỳ-kheo!”

Tức thì, năm trăm đệ tử liền thành Sa-môn, thân mặc cà-sa, tóc trên đầu tự rụng.

Lúc bấy giờ, thuận dòng nước về hạ lưu có phạm-chí⁵¹ tên là Giang Ca-diếp⁵² sống ở bên sông. Khi Giang Ca-diếp thấy những dụng cụ chú thuật bị nước cuốn trôi, bèn nghĩ: ‘Ồi! Đại huynh của ta bị nước nhận chìm rồi!’

Giang Ca-diếp liền dẫn ba trăm đệ tử theo dòng sông lên thượng lưu, tìm thi hài của đại huynh. Từ xa, thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, thuyết pháp cho Đại Ca-diếp và năm trăm đệ tử, trước sau vây quanh. Thấy vậy, ông đến trước Ca-diếp mà nói: “Việc này há tốt đẹp sao? Trước kia làm thầy người. Nay làm đệ tử. Vì sao đại huynh làm đệ tử của Sa-môn?”

Ca-diếp đáp:

“Nơi này tuyệt diệu. Không nơi nào hơn.”

Lúc đó Ưu-tỳ Ca-diếp⁵³ quay sang Giang Ca-diếp mà nói kệ này:

*Thầy này trời người quý;
Nay ta thờ làm Thầy.*

⁵¹ Cũng đạo sỹ bện tóc (*jaṭila*), không phải Bà-la-môn.

⁵² Giang Ca-diếp 江迦葉, hay Na-đề Ca-diếp. Pāli: Nadikassapa.

⁵³ Ưu-tỳ Ca-diếp, tức Ưu-tỳ-la Ca-diếp.

*Chư Phật hiện thế gian,
Gặp được thật là khó.*

Lúc đó Giang Ca-diếp nghe danh hiệu Phật, lòng rất vui mừng hơn hờ khôn xiết, đến trước bạch Thế Tôn:

“Xin cho phép tu đạo!”

Thế Tôn bảo:

“Thiện lai, tỳ-kheo! Hãy khéo tu phạm hạnh để diệt tận khổ.”

Khi đó Giang Ca-diếp cùng ba trăm đệ tử liền thành Sa-môn, thân mặc cà-sa, tóc trên đầu tự rụng. Rồi Giang Ca-diếp cùng ba trăm đệ tử ném hết dụng cụ chú thuật xuống nước.

Bấy giờ thuận theo dòng nước cuối sông, có phạm-chí* tên là Già-di Ca-diếp⁵⁴ sống ở bên sông.⁵⁵ Từ xa, trông thấy dụng cụ chú thuật bị nước cuốn trôi, liền nghĩ: “Ta có hai người anh học đạo ở trên đó. Nay dụng cụ chú thuật bị nước cuốn hết. Hai đại Ca-diếp chắc bị nước hại.” Nghĩ rồi, liền dẫn hai trăm đệ tử theo sông lên thượng lưu, đến chỗ học thuật. Từ xa thấy hai anh đang làm sa-môn, liền nói: “Nơi này tốt đẹp chăng? Xưa là bực tôn kính của người, [622b1] nay làm đệ tử Sa-môn!”

Ca-diếp đáp:

“Nơi này rất tốt đẹp. Không nơi nào hơn.”

Già-di Ca-diếp suy nghĩ: “Hai anh của ta biết nhiều, học rộng. Nơi này chắc là mảnh đất tốt, mới khiến cho hai anh của ta vào học đạo. Nay ta cũng nên xin vào học đạo.”

Già-di Ca-diếp bèn đến trước, bạch Thế Tôn:

⁵⁴ Già-di Ca-diếp 伽夷迦葉. Pāli: Gayākassapa.

⁵⁵ Theo tên gọi, nên hiểu là ông này sống trên núi Già-da hay Tượng đầu sơn (Gaya).

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.”

Thế Tôn bảo:

“Thiện lai, tỳ-kheo! Hãy khéo tu phạm hạnh để diệt tận khổ.”

Già-di Ca-diếp tức thì trở thành Sa-môn, thân mặc cà-sa, tóc trên đầu tự rụng giống như cạo đầu được bảy ngày.

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ở dưới cây ni-câu-loại bên sông kia, sau khi thành Phật chưa bao lâu, đã có một ngàn đệ tử, đều là các bậc kỳ túc trưởng lão.

Lúc đó, Thế Tôn giáo hóa bằng ba sự.⁵⁶ Thế nào là ba? Đó là thần túc giáo hóa, ngôn giáo giáo hóa,⁵⁷ huấn hồi giáo hóa.

“Sao gọi là thần túc giáo hóa? Bấy giờ Thế Tôn hoặc biến ra nhiều hình rồi hợp lại một, hoặc hiện hoặc ẩn. Đi qua vách đá mà không gì chướng ngại. Hoặc ra khỏi mặt đất, hoặc nhập vào đất giống như xuống nước mà không bị trở ngại. Hoặc ngồi kiết-già đầy khắp giữa hư không như chim bay trên không chẳng bị ngăn cản. Cũng như núi lửa lớn, phun khói vô lượng. Như mặt trời mặt trăng kia có đại thần lực, có thần lực lớn không thể hạn lượng, mà có thể dùng tay với đến. Thân cao cho đến Phạm thiên. Thế Tôn hiện thần túc như vậy.

⁵⁶ Tam sự giáo hóa 三事教化; cf. *Tứ phần 33* (T22n1428, tr. 797a13): thần túc giáo hóa 神足教化, ức niệm giáo hóa 憶念教化, thuyết pháp giáo hóa 說法教化. Đây chỉ ba thị đạo; Cf. *Tập dị 6* (T26n1536, tr. 389b17), ba thị đạo 三示導: thần biến thị đạo 神變示導, ký tâm thị đạo 記心示導, giáo giới thị đạo 教誠示導. Xem *Trường A-hàm 16*, kinh 24 «Kiên cố» (Đại 1, tr. 101c8), có ba thần túc: thần túc thần túc, quán sát tha tâm thần túc, giáo giới thần túc. Pāli: *tīṇi pāṭihāriyāni– iddhipāṭihāriyaṃ, ādesanāpāṭihāriyaṃ, anusāsanīpāṭihāriyaṃ*.

⁵⁷ Ngôn giáo hóa 言教教化, từ này có thể Hán dịch sai. Xem cht. 56 ngay trên và tiếp theo dưới.

“Sao gọi là ngôn giáo giáo hóa?⁵⁸ Bây giờ Thế Tôn dạy các tỳ-kheo nên xả điều này, nên giữ điều này; nên gần điều này, nên xa điều này; nên nhớ điều này, nên trừ điều này; nên quán điều này, nên không quán điều này.⁵⁹

“Sao gọi là nên tu điều này, không tu điều này? Hãy tu bảy giác chi, diệt ba kết. Sao là nên quán, không nên quán? Hãy quán ba kết, và ba thiện của sa-môn, đó là lạc do xuất yếu, lạc do không nhuế, lạc do không nộ.⁶⁰ Sao gọi là không quán? Đó là ba khổ của sa-môn. Những gì là ba? Dục quán, nhuế quán, nộ quán.⁶¹ Sao gọi là niệm, sao gọi là không niệm? Bây giờ, nên niệm khổ đế, nên niệm tập đế, nên niệm tận đế, nên niệm đạo đế; chớ niệm tà đế, thường kiến,⁶² vô thường kiến; biên kiến, vô biên kiến; mạng khác thân khác;⁶³ chẳng phải mạng chẳng phải thân,⁶⁴ Như Lai mạng chung, Như Lai không mạng

⁵⁸ Ngôn giáo giáo hóa 言教教化. Huyền Trang, *ibid.*,: ký tâm thị đạo. Pāli, *ibid.*, *ādesanā-pāṭihāriya*. Có thể Hán dịch hiểu Pl. *ādesana* (Skt. *ādeśana*) là “thuyết giáo” thay vì “ký thuyết” từ đó có nghĩa “ký tâm” tức nói lên ý nghĩ của người khác đang nghĩ.

⁵⁹ Đoạn Hán dịch này có thể sai. Đây là đọc được ý người khác đang nghĩ như vậy, chứ không phải bảo họ nên làm hay nên nghĩ như vậy.

⁶⁰ Đây muốn nói ba thiện tâm (Pāli: *tayo kusalavitakkā*): xuất ly, vô nhuế, vô hại. Cf. *Tập dị 3* (T26n1536, tr. 377a26).

⁶¹ Đây muốn nói ba bất thiện tâm (Pāli: *tayo akusalavitakkā*): tham dục, sân nhuế, não hại; Cf. *Tập dị 3* (T26n1536, tr. 377a26).

⁶² Thường, vô thường, v.v.: từ đây xuống, là 14 vấn đề thuộc trí vấn, hay vô ký thuyết; những câu hỏi Phật không trả lời. Hán dịch đưa vào đây, có sự gượng ép, không phù hợp.

⁶³ Bi mạng bi thân 彼命彼身, nên hiểu mạng (ngã hay linh hồn) và thân là dị biệt.

⁶⁴ Phi mạng phi thân 非命非身, nên hiểu: mạng và thân không phải là một.

chung, vừa hữu chung vừa vô chung; cũng chẳng hữu chung cũng chẳng vô chung.⁶⁵ Đừng niệm như vậy.⁶⁶

“Sao gọi là huấn hồi giáo [622c1] hóa? Lại nữa, hãy đi như vậy, không nên đi như vậy; nên đến như vậy, không nên đến như vậy; nên im lặng như vậy, nên nói năng như vậy; phải thọ trì y như vậy, không được thọ trì y như vậy; nên vào thôn như vậy, không nên vào thôn như vậy. Đây gọi là huấn hồi giáo giới.”

Lúc đức Thế Tôn bằng ba sự này giáo hóa một ngàn tỳ-kheo, những tỳ-kheo đó nhận được sự giáo hóa của Phật xong, trở thành một ngàn A-la-hán.

Khi ấy Thế Tôn thấy một ngàn tỳ-kheo đã đắc A-la-hán. Bấy giờ cõi Diêm-phù-đề có một ngàn A-la-hán cùng năm tỳ-kheo và Phật là sáu, Ngài quay ngòai hướng về Ca-tỳ-la-vệ.

Lúc đó, Ưu-tỳ Ca-diếp suy nghĩ như vậy: “Vì sao Thế Tôn ngòai quay lại hướng về Ca-tỳ-la-vệ?” Rồi Ưu-tỳ Ca-diếp liền đến trước, quỳ thẳng bạch Thế Tôn:

“Chẳng hiểu tại sao Như Lai ngòai quay hướng về Ca-tỳ-la-vệ?”

Thế Tôn bảo:

“Như Lai ở đời cần làm năm việc. Sao gọi là năm? Một là chuyển pháp luân; hai là thuyết pháp cho cha; ba là thuyết pháp

⁶⁵ Như Lai mạng chung 如來命終...; Hán dịch không chính xác. Nên hiểu: Như Lai sau khi chết tồn tại hay không tồn tại. Xem *Trung* kinh 221 Tiển dụ (T1n26, tr. 804b4). Pāli, M 63 Cūḷa-Mālukyasuttam (R. i. 1426): *hoti tathāgato param marañā'tipi, na hoti tathāgato param marañā'tipi, ...*

⁶⁶ Nguyên đoạn này có thể không có trong nguyên văn Phạn, nhưng do dịch giả hiểu nhầm từ *ādeśana* là thuyết pháp, thay vì đọc ý nghĩ của người khác, thành ra là thuyết pháp, cho nên diễn giải thêm như vậy. Xem *Trường* kinh 24 (Kiên cố).

cho mẹ; bốn là dẫn dắt phàm phu lập hạnh Bồ-tát; năm là thọ ký riêng cho Bồ-tát. Nay Ca-diếp, đó gọi là Như Lai xuất hiện ở đời cần làm năm việc như vậy.”

Ưu-tỳ Ca-diếp bèn nghĩ: “Như Lai vì nhớ thân tộc xứ sở nên quay hướng đó ngồi vậy.”

Khi đó năm tỳ-kheo lần hồi đi đến bờ sông Ni-liên.⁶⁷ Đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Lúc đó Tôn giả Ưu-đà-da⁶⁸ xa thấy Thế Tôn ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ. Thấy vậy liền nghĩ rằng: “Nhất định Thế Tôn muốn trở về Ca-tỳ-la-vệ để thăm thân quyến.” Ưu-đà-da liền tới trước quỳ thẳng bạch Thế Tôn:

“Nay con kham nhận có điều muốn hỏi, xin được giải bày.”

Thế Tôn bảo:

“Muốn hỏi gì thì cứ hỏi.”

Ưu-đà-da bạch Thế Tôn:

“Xem ý Như Lai muốn trở về Ca-tỳ-la-vệ?”

“Thật vậy, như lời ông nói. Ưu-đà-da, nên biết, ông hãy tới chỗ Bạch Tịnh Vương⁶⁹ trước. Ta sẽ đến sau. Vì sao vậy? Vì phải báo cho chúng tộc sát-lợi biết tin trước, rồi sau Như Lai mới tới. Người đến bẩm với Vua rằng, bảy ngày sau Như Lai sẽ về thăm Vua.”

⁶⁷ Ni-liên 尼連, tức trên kia âm là Liên-nhã.

⁶⁸ Ưu-đà-da 優陀耶. Hán dịch có nhay sót nên truyện kể thiếu mạch lạc. *Phật bản hành 51* (T3n190, tr. 889c18): Khi hay tin Thái tử thành Phật, vua Tịnh Phạn sai Ưu-đà-di 憂陀夷, con trai của Quốc sư đi thỉnh Phật về thăm quê. Pāli: Kāḷudāyī, AA. i. 302 ff.

⁶⁹ Bạch Tịnh Vương 白淨王; đoạn dưới dịch là Chân Tịnh Vương 眞淨王. Quen gọi là Tịnh Phạn Vương. Pāli: Suddhodana.

Ưu-đà-da đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ Ưu-đà-da từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục lễ [623a1] sát chân Thế Tôn, rồi biến mất khỏi Thế Tôn, hiện đến Ca-tỳ-la-vệ, tới chỗ của Chân Tịnh vương,⁷⁰ đến rồi đứng ở phía trước vua.

Khi Chân Tịnh vương đang ở trên đại điện, ngồi cùng với các thể nữ, lúc ấy Ưu-đà-da đang bay ở trên không. Rồi Chân Tịnh vương thấy Ưu-đà-da tay mang bình bát, cầm trượng, đang đứng trước mặt. Thấy vậy, trong lòng lo sợ mà nói rằng:

“Đây là người nào? Là người, hay phi nhân; trời, hay quỷ, dạ-xoa, la-sát, thiên long, quỷ thần?”

Lúc đó Chân Tịnh vương hỏi Ưu-đà-da:

“Ngươi là người nào?”

Lại nói với Ưu-đà-da bằng bài kệ này:

*Là trời, hay là quỷ,
Hay càn-thát-bà chăng?
Ông nay tên là gì?
Hiện tại ta muốn biết.*

Lúc bấy giờ Ưu-đà-da lại dùng kệ này đáp vua:

*Tôi cũng chẳng là trời,
Chẳng phải càn-thát-bà.
Ở nước Ca-tỳ này,
Người đất nước Đại vương.
Xưa phá mười tám ức
Quân Ba-tuần xấu ác:*

⁷⁰ Xem cht. 19 trên.

*Thích-ca Văn, Thầy tôi.
Tôi đệ tử của Ngài.*

Chân Tịnh Vương lại dùng kệ này hỏi Ưu-đà-da:

*Ai phá mười tám ức
Quân Ba-tuần xấu ác?
Thích-ca Văn là ai
Nay Ông lại ca ngợi?*

Ưu-đà-da lại nói kệ này:

*Lúc Như Lai mới sanh
Trời đất rung động khắp.
Thệ nguyện quyết làm xong,
Nên gọi hiệu Tất-đạt.*

*Người thắng mười tám ức
Quân Ba-tuần xấu ác,
Người tên Thích-ca Văn.
Ngày nay thành Phật đạo.*

*Người kia con họ Thích,
Đệ tử thứ Cù-đàm;
Hôm nay làm Sa-môn,
Vốn tên Ưu-đà-da.*

Chân Tịnh vương nghe những lời này rồi, trong lòng vui mừng không thể tự kiềm được, hỏi Ưu-đà-da rằng:

“Thế nào Ưu-đà-da, Thái tử Tất-đạt nay vẫn còn sống sao?”

Ưu-đà-da đáp:

“Thích-ca Văn Phật nay đang hiện tại.”

Vua hỏi:

“Nay đã thành Phật rồi sao?”

Tăng nhất A-hàm

Ưu-đà-da đáp:

“Nay đã thành [623b1] Phật.”

Vua lại hỏi:

“Hôm nay Như Lai đang ở đâu?”

Ưu-đà-da đáp rằng:

“Như Lai hiện đang ở dưới cây ni-câu-loại tại nước Ma-kiệt.”

Rồi vua lại hỏi:

“Những người đệ tử theo hầu là những ai?”

Ưu-đà-da đáp:

“Hàng ức chư Thiên cùng một ngàn tỳ-kheo và Tứ Thiên Vương thường ở hai bên.”

Lúc đó vua hỏi:

“Mặc những loại y phục như nào?”

Ưu-đà-da đáp:

“Y Như Lai mặc được gọi là ca-sa.”

Rồi vua hỏi:

“Ăn những loại thức ăn nào?”

Ưu-đà-da đáp:

“Thân Như Lai dùng pháp làm thức ăn.”

Vua lại hỏi:

“Thế nào Ưu-đà-da, có thể gặp Như Lai được không?”

Ưu-đà-da đáp:

“Vua đừng sầu lo, sau bảy ngày Như Lai sẽ vào thành.”

Bấy giờ Vua rất vui mừng không kiềm chế được, tự tay rót nước cúng dường Ưu-đà-da. Rồi Chân Tịnh Vương đánh trống lớn, lệnh cho nhân dân cả nước sửa bằng đường lộ, dọn dẹp sạch sẽ, rưới dầu thơm trên đất, treo lụa tràng phan, bảo cái, thổi các kỹ nhạc không thể tính kể. Lại ra lệnh trong nước những người đuì, điếc, ngọng, câm đều không được xuất hiện, bảy ngày sau Tát-đạt sẽ vào thành. Sau khi Chân Tịnh Vương nghe Phật sẽ vào thành, trong bảy ngày cũng không ngủ nghỉ.

Bấy giờ đã đến ngày thứ bảy, Thế Tôn nghĩ thầm: “Nay Ta nên dùng sức thần túc đi đến nước Ca-tỳ-la-vệ.” Rồi Thế Tôn dẫn các tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến nước Ca-tỳ-la-vệ. Đến nơi, Ngài vào vườn Tát-lư⁷¹ ở phía bắc thành.

Bấy giờ đó vua Chân Tịnh nghe Thế Tôn đã đến Ca-tỳ-la-vệ, ở trong vườn Tát-lư phía bắc thành. Vua bèn dẫn những người họ Thích đến chỗ Thế Tôn. Lúc đó Thế Tôn nghĩ thầm: “Nếu Vua Chân Tịnh tự thân hành đến đây, điều này không thích hợp cho Ta. Nay Ta phải đi gặp Vua. Vì sao vậy? Ân cha mẹ rất nặng, tình dưỡng dục sâu dày. Rồi Thế Tôn dẫn các tỳ-kheo đến cửa thành, bay lên hư không, cách đất bảy nhẫn. Vua Chân Tịnh thấy Thế Tôn đoan chánh không gì bằng, hiêm có trên đời, các căn tịch tịnh, không có các vọng niệm, thân có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm, liền phát tâm hoan hỷ, tức liền đánh lễ sát chân mà nói:

“Tôi Vua dòng sát-lị, tên là Chân Tịnh Vương.”

Thế Tôn bảo:

⁷¹ Tát-lư viên 薩盧園.

[623c1] “Chúc Đại vương hưởng thọ vô cùng. Đại vương hãy dùng chánh pháp cai trị giáo hóa, đừng dùng tà pháp. Đại vương nên biết, những ai dùng chánh pháp để cai trị giáo hóa, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi thiện, ở trên trời.”

Rồi Thế Tôn từ trên không trung đi vào trong cung vua Chân Tịnh. Đến nơi, ngồi lên chỗ dọn sẵn.

Khi vua thấy Thế Tôn ngồi yên ổn, tự tay châm nước, phục vụ vô số đồ ăn uống. Khi Thế Tôn ăn xong, đã dùng nước rửa rồi, vua lấy một cái ghế nhỏ, ngồi nghe pháp.

Bấy giờ đức Thế Tôn thuận tự thuyết nghĩa vi diệu cho vua Chân Tịnh; luận về thí, luận về giới, luận về sanh thiên, dục là hạnh bất tịnh, xuất yếu là an lạc.⁷²

Bấy giờ đức Thế Tôn thấy tâm ý vua đã giải khai. Như Pháp mà chư Phật thường thuyết; Phật giảng thuyết tường tận cho vua nghe, về khổ, tập, tận, đạo. Khi đó vua Chân Tịnh liền ngay trên chỗ ngồi, sạch hết các trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Thế Tôn sau khi thuyết pháp cho vua nghe xong, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Lúc đó vua Chân Tịnh tập họp toàn bộ dòng họ Thích lại và nói:

“Các sa-môn⁷³ đều có mặt mày xấu xí. Dòng sát-lị mà dẫn theo chúng bà-la-môn như vậy là không thích hợp. Dòng họ Thích sát-lị phải có chúng sát-lị, vậy thì mới tốt đẹp.”

Các người họ Thích đáp:

⁷² Xuất yếu vi lạc 出要爲樂; các đoạn trên kia dịch là *xuất gia vi yếu*.

⁷³ Đây chỉ các tỳ kheo đi theo Phật.

“Thật vậy, Đại vương! Như Đại vương dạy, dòng sát-lị phải có chúng sát-lị, như vậy mới tuyệt.”

Bấy giờ vua bỏ cáo trong nước, những gia đình có anh em hai người thì bắt một người phải hành đạo. Ai không như vậy thì sẽ bị xử phạt nặng. Khi trong dòng họ Thích nghe vua ra lệnh, “Gia đình có hai người là anh em thì bắt một người phải hành đạo, ai không theo mệnh lệnh sẽ xử phạt nặng”, bấy giờ Thích Đề-bà-đạt-đâu nói với Thích A-nan rằng:

“Nay vua Chân Tịnh ra lệnh, ai có hai người anh em, thì phải phân một người hành đạo. Nay người nên xuất gia học đạo. Ta phải ở nhà giữ gìn gia nghiệp.”

Lúc đó Thích A-nan vui mừng hơn hờ nói:

“Như lời anh dạy”.

Lúc đó Thích Nan-đà⁷⁴ nói với Thích A-na-luật rằng:

“Vua Chân Tịnh ra lệnh rằng ai có hai người anh em, thì phải phân một người hành đạo, ai không như vậy thì sẽ bị xử phạt nặng. Nay người xuất gia, ta sẽ ở nhà”.

Thích A-na-luật nghe được những lời như vậy rồi, vui mừng hơn hờ, không thể kiềm chế, đáp lại:

“Thật vậy, như lời anh nói.”

Lúc đó vua Chân Tịnh dẫn Thích Học Tịnh, Thích Thúc Tịnh, Thích Cam Lộ⁷⁵ đến chỗ Thế Tôn. Vua ngự giá bằng xe tứ mã,

⁷⁴ Các tài liệu khác đều nói Ma-ha-nam, chứ không phải Nan-đà, là anh em với A-na-luật. Xem *Tứ phần*, tr. 590b.

⁷⁵ Những người em của Vua Tịnh Phạn (Pl. Suddhodana): Học Tịnh 斛淨 (Pl. Dhotodana), Thúc Tịnh 叔淨 (Sukkodana), Cam Lộ 甘露 (Pl. Amitodana).

Tăng nhất A-hàm

xe màu trắng, lọng màu trắng, ngựa kéo xe màu trắng. [624a1] Vị họ Thích thứ hai đi bằng xe màu xanh, lọng màu xanh, ngựa kéo xe màu xanh. Vị họ Thích thứ ba đi bằng xe màu vàng, lọng màu vàng, ngựa kéo xe màu vàng. Vị họ Thích thứ tư đi bằng xe màu đỏ, lọng màu đỏ, ngựa kéo xe màu đỏ. Cũng có những người họ Thích khác đi bằng voi, bằng ngựa, thầy đều tập hợp đến.

Thế Tôn từ xa thấy vua Chân Tịnh dẫn dòng họ Thích đến, bèn bảo các tỳ-kheo:

“Các ông xem chúng họ Thích này, và xem những người theo vua Chân Tịnh. Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam khi ra dạo vườn cảnh cũng như vậy, không có gì khác.”

Khi đó A-nan đi voi lớn màu trắng, áo màu trắng, lọng màu trắng. Thấy vậy, Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các ông thấy Thích A-nan này, đi voi trắng, áo trắng chưa?”

Các tỳ-kheo đáp:

“Dạ vâng, Thế Tôn, chúng con đã thấy.”

Phật bảo các tỳ-kheo:

“Người này sẽ xuất gia học đạo, trở thành đa văn đệ nhất, chịu hầu hạ gần gũi Ta. Các ông thấy A-na-luật này không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ vâng, chúng con thấy.”

Phật bảo các tỳ-kheo:

“Người này sẽ xuất gia học đạo, trở thành thiên nhãn đệ nhất.”

Khi ấy Vua Chân Tịnh, bốn anh em cả thầy, cùng A-nan-đà, đều đi bộ tới trước, cởi bỏ năm loại nghi trượng, đến chỗ Thế

Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ vua Chân Tịnh bạch Thế Tôn:

“Đêm hôm qua tôi sanh ý niệm như vậy: ‘Chúng sát-lị không nên dẫn chúng bà-la-môn, mà dẫn chúng sát-lị, như vậy là thích hợp. Tôi liền ra lệnh trong nước, nhà nào có hai người anh em, một người phải xuất gia học đạo. Cúi xin Thế Tôn cho phép họ xuất gia học đạo.’”

Thế Tôn đáp:

“Lành thay, Đại vương! Trời người được nhiều lợi ích, được an vui. Vì sao vậy? Thiện tri thức này là ruộng phước tốt. Ta cũng nhờ thiện tri thức mà thoát được sanh, lão, bệnh, tử này.”

Khi đó chúng họ Thích được xuất gia.⁷⁶ Rồi Vua Chân Tịnh bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn dạy dỗ những vị tân tỳ-kheo này cũng như dạy dỗ Ưu-đà-da. Vì sao vậy? Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực. Xin Tỳ-kheo Ưu-đà-da được ở lại trong cung giáo hóa, khiến cho các loài chúng sanh được an ổn lâu dài. Vì sao vậy? Vì tỳ-kheo này rất có thần lực. Lần đầu tôi gặp tỳ-kheo Ưu-đà-da liền phát tâm hoan hỷ, tôi liền khởi nghĩ như vậy: ‘Đệ tử còn có thần lực huống chi Như Lai kia lại không có thần lực này?’”

Thế Tôn đáp:

“Thật vậy, [624b01] Đại vương, như lời đại vương dạy, Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực, có oai đức lớn.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

⁷⁶ *Tứ phần*, trrr. 591a: tám vương tử họ Thích và ngài thợ cạo Ưu-ba-li cùng xuất gia một lần: A-na-luật, Bạt-đề, Nan-đề, Kim-tỳ-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, A-nan-đà, Đề-bà-đạt-đà. Pāli, Vin. ii. tr. 182: tám vương tử: Bhaddiya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimila, Devadatta.

Tăng nhất A-hàm

“Các tỳ-kheo, đệ tử đứng đầu việc hiểu rộng biết nhiều mà Quốc vương nghĩ đến chính là Tỳ-kheo A-nhã Câu-lân. Có thể khuyến hóa nhân dân chính là Tỳ-kheo Ưu-đà-da. Có trí mau lẹ chính là Tỳ-kheo Ma-ha-nam. thường thích phi hành chính là Tỳ-kheo Tu-bà-huru. Đi lại trên không chính là Tỳ-kheo Bà-phá. Có nhiều đệ tử, là Tỳ-kheo Ưu-tỳ Ca-diếp. Ý đặc quán Không, là tỳ-kheo Giang Ca-diếp. Ý đặc chỉ quán chính, Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp⁷⁷.”

Bấy giờ Thế Tôn giảng rộng pháp vi diệu cho vua Chân Tịnh nghe. Vua nghe pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi lui ra về.

Các tỳ-kheo cùng Vua Chân Tịnh sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Trong mười lăm ngày, có ba pháp trai⁷⁸. Những gì là ba? Ngày mồng tám, ngày mười bốn và, ngày mười lăm.⁷⁹ Tỳ-kheo nên biết, hoặc có khi vào ngày trai ngày mồng tám, Tứ thiên vương sai các vị phụ thần xem xét thế gian, có những ai làm lành, làm ác; những chúng sanh nào từ hiếu với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng; những chúng sanh nào vui thích bố thí, tu giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, diễn rộng nghĩa kinh, trì

⁷⁷ Tượng Ca-diếp 象迦葉, tức trên kia dịch âm là Già-di Ca-diếp.

⁷⁸ Trai pháp. Pāli: *uposatha*. Tham chiếu, A III 36, 70 (R . 142, 207).

⁷⁹ Nếu tính thánh 30 ngày, phải kể thêm: ngày 23, 29 và 30.

bát quan trai; thấy đều phân biệt đầy đủ. Hay nếu không có chúng sanh nào hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng sư trưởng, lúc đó phụ thân bạch Tứ thiên vương, ‘Hiện tại thế gian này không có chúng sanh hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, đạo sĩ, hành bốn vô lượng tâm,⁸⁰ thương xót chúng sanh.’ Tứ thiên vương sau khi nghe rồi, trong lòng [624c01] sầu ưu, buồn bã, không vui. Bấy giờ, Tứ thiên vương đi đến giảng đường Tập thiện pháp⁸¹ trên trời Đao-lợi,⁸² đem nhân duyên này trình bày hết cho Đế Thích, ‘Thiên Đế nên biết, hiện nay thế gian này không có chúng sanh nào hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng.’ Bấy giờ, Đế Thích, trời Tam thập tam, nghe những lời này rồi, trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui, vì chúng chur Thiên sẽ giảm, chúng A-tu-la sẽ tăng.

“Hoặc giả, lại có khi chúng sanh thế gian có người hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng; thọ trì bát quan trai, tu đức thanh tịnh, không phạm mây may vào giới cấm lớn. Bấy giờ sứ giả sẽ vui mừng phấn khởi, không tự chế được, bạch Tứ thiên vương, ‘Hiện nay, thế gian này, có nhiều chúng sanh hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng.’ Thiên vương nghe rồi rất lấy làm vui mừng, liền đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đem nhân duyên này bạch Đế Thích, ‘Thiên Đế nên biết, hiện nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng.’ Bấy giờ, Đế Thích, trời Tam thập tam, thấy đều vui mừng, không tự chế được, vì chúng chur Thiên sẽ tăng trưởng, chúng

⁸⁰ Bốn đẳng tâm.

⁸¹ Tập thiện pháp giảng đường 集善法講堂. Pāli, Sudhamma-sabhā, hội trường của chư thiên Tam thập tam.

⁸² Đao-lợi, dịch âm mà tiếp theo dưới dịch nghĩa là Tam thập tam.

A-tu-la sẽ tổn giảm. Mọi đánh khảo địa ngục tự nhiên đình chỉ, khổ độc không thi hành.

“Nếu là ngày mười bốn, ngày trai. Thái tử được sai xuống quan sát thiên hạ, dò xét nhân dân thi hành thiện ác; có chúng sanh tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng; có ưa thích bố thí thọ trì bát quan trai, đóng bít lục tinh, phòng chế ngũ dục hay không? Nếu không có chúng sanh nào tu theo chánh pháp, hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, bấy giờ Thái tử bạch Tứ thiên vương. Tứ thiên vương nghe rồi, trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui; đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ Thiên Đế, ‘Đại vương nên biết, hiện nay thế gian này không có chúng sanh nào hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng tôn trưởng.’ Bấy giờ, Thiên Đế, Tam thập tam, thấy đều trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui, vì chúng chur Thiên sẽ giảm, chúng A-tu-la sẽ tăng.

“Hoặc giả, lại có khi, có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng, thọ trì bát quan trai, bấy giờ, thái tử vui mừng phấn khởi, không thể tự kiềm được liền đến bạch Tứ thiên vương, ‘Đại vương nên biết, hiện nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha [625a01] mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng các tôn trưởng.’ Tứ thiên vương sau khi nghe những lời này rất lấy làm vui mừng, liền đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ cho Thiên Đế, ‘Thánh vương nên biết, hiện nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng các tôn trưởng, thọ trì tam tự qui, từ tâm, can gián, thành tín, không dối trá.’ Lúc bấy giờ, Thiên Đế, Tứ thiên vương cùng Trời Tam thập tam đều mừng vui, không thể tự kiềm được, vì chúng chur Thiên sẽ tăng ích, chúng A-tu-la sẽ tổn giảm.

“Tỳ-kheo nên biết, ngày mười lăm, thời thuyết giới,⁸³ đích thân Tứ thiên vương xuống xem xét khắp thiên hạ, dò xét người dân, những chúng sanh nào hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn cùng các tôn trưởng, ưa thích bố thí, trì bát quan trai, trai pháp của Như Lai. Nếu không có chúng sanh nào hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng, bấy giờ Tứ thiên vương, trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui, đến chỗ Đế Thích, đem nhân duyên này bạch đầy đủ với Thiên Đế, ‘Đại vương nên biết, hiện nay trong thế gian này, không có chúng sanh nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng các tôn trưởng.’ Thích Đề-hoàn Nhân, trời Tam thập tam, thấy đều trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui, vì chúng chur Thiên sẽ giảm, chúng A-tu-la sẽ tăng trưởng.

“Hoặc giả, vào lúc ấy nếu có chúng sanh hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng các tôn trưởng, thọ trì bát quan trai, bấy giờ Tứ thiên vương lại vui mừng phấn khởi, không thể tự chế được, liền đến chỗ Đế Thích đem nhân duyên này bạch đầy đủ với Thiên Đế, ‘Đại vương nên biết, hiện nay trong thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng các tôn trưởng.’ Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân, trời Tam thập tam, cùng Tứ thiên vương đều mừng vui, phấn khởi, không thể tự kiềm được, vì chúng chur Thiên sẽ tăng ích, chúng A-tu-la sẽ tổn giảm.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Ngày mười lăm, trì pháp bát quan trai như thế nào?”

Các tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

⁸³ Ngày bố-tát, Tăng thuyết giới, tức tụng giới Ba-la-đề-mộc-xoa.

“Nhu Lai là vua các pháp, là ấn của các pháp. Nguyên xin Thế Tôn nên vì các tỳ-kheo mà giảng rộng nghĩa này. Các tỳ-kheo nghe xong sẽ phụng hành.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ! Ta sẽ phân biệt nói đầy đủ cho các người nghe.

“Ở đây, này Tỳ-kheo, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào vào ngày mười bốn, mười lăm trong tháng, là ngày trì trai thuyết giới, đến [625b01] giữa bốn bộ chúng⁸⁴ mà nói như vậy, ‘Hôm nay là ngày trai, tôi muốn trì pháp bát quan trai.’⁸⁵ Nguyên xin Tôn giả vì con mà thuyết giới.’ Bấy giờ chúng bốn bộ nên dạy cho người đó pháp bát quan trai. Trước hết nên bảo người đó nói như vậy, ‘Này thiện nam tử, hãy tự xưng tên họ.’ Người kia đã xưng tên họ rồi, nên trao cho pháp bát quan trai. Bấy giờ, vị giáo thọ nên dạy người trước đó nói như vậy: ‘Nay con vẫn giữ trai pháp của Như Lai cho đến sáng sớm ngày mai, tu giới thanh tịnh, trừ bỏ pháp ác. Nếu thân làm ác, miệng thốt ra lời ác, ý sanh niệm ác; thân ba, miệng bốn, ý ba; các điều ác đã làm, sẽ làm, hoặc vì tham dục mà tạo, hoặc vì sân nhuế mà tạo, hoặc vì ngu si mà tạo, hoặc vì hào tộc mà tạo, hoặc vì nhân ác tri thức mà tạo, hoặc thân này, thân sau vô số thân, hoặc không hiểu Phật, không hiểu Pháp, hoặc gây đấu loạn giữa các Tỳ-kheo Tăng, hoặc sát hại cha mẹ, chur tôn sư trưởng; nay con sám hối, không tự che dấu. Nương giới, nương

⁸⁴ Chúng bốn bộ 四部眾 thường chỉ gồm tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Nhưng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di không truyền trai giới tám chi được. Hán văn nói theo quán tính.

⁸⁵ Bát quan trai pháp 八關齋法; hay bát chi trai, bát chi cận trụ. Cf. *Trung 55*, kinh 202 (T1n26, tr. 770b24): Thánh bát chi trai 聖八支齋. Pāli: *aṭṭhaṅga-samannāgata-uposatha*.

pháp mà thành tựu giới hạnh của mình, thọ trì pháp bát quan trai của Như Lai.

“Những gì là pháp bát quan trai? Thọ trì tâm, như Chơn nhân,⁸⁶ trọn đời không sát,⁸⁷ không có tâm hại, có tâm từ đối với chúng sanh; nay con tên là ... trì trai cho đến sáng sớm ngày mai không sát, không có tâm hại, có tâm từ đối với tất cả chúng sanh.

“Như A-la-hán không có tà niệm,⁸⁸ trọn đời không trộm cắp, ham thích bố thí. Nay con tên là... trì trai cho đến sáng sớm ngày mai⁸⁹ không trộm cắp, từ nay đến ngày mai.

“Thọ trì tâm, như Chân nhân trọn đời⁹⁰ không dâm dật,⁹¹ không có tà niệm, thường tu phạm hạnh, thân thể thơm khiết; con⁹² hôm nay trì giới không dâm, cũng không nghĩ đến vợ mình, lại cũng không nghĩ tưởng đến người nữ khác, cho đến sáng sớm ngày mai, không xúc phạm.

⁸⁶ Chơn nhơn 真人, đây chỉ A-la-hán. Văn thọ tám chi trai, xem Trung 55, dẫn trên.

⁸⁷ Văn thọ trai giới tám chi, Pāli, cf. A III 70 (R.i. 211): *yāvajīvaṃ arahanto pāṇātipātāṃ pahāya (...)* *ahampajja imaṅca rattim imaṅca divasaṃ pāṇātipātāṃ pahāya (...)*, như A-la-hán trọn đời đoạn trừ sát sanh (...) tôi nay cũng một ngày một đêm đoạn trừ sát sanh (...).

⁸⁸ Hán: vô hữu tà niệm 無有邪念, nghi chép dư.

⁸⁹ Bản Hán: tận hình thọ 盡形壽, trọn đời. Hán chép nhầm. Theo văn chuẩn, nên sửa lại.

⁹⁰ Bản Hán: ngã kim tận hình thọ 我今; chép dư 2 chữ *ngã kim*. Theo văn chuẩn, nên lược bỏ.

⁹¹ Văn chuẩn Pāli: *Yāvajīvaṃ arahanto abrahmacariyaṃ pahāya brahmacārī ārācārī (...)*, như A-la-hán trọn đời đoạn trừ phi phạm hạnh, hành phạm hạnh (...).

⁹² Hán không có; nên thêm vào cho đúng quy tắc văn thọ giới.

“Nhu A-la-hán suốt đời không nói dối, luôn biết thành thật, không dối người; con* từ nay đến ngày mai không nói dối. Con từ nay trở về sau⁹³ không nói dối nữa.

“Nhu A-la-hán trọn đời⁹⁴ không uống rượu, tâm ý không loạn, thọ trì cấm giới của Phật không điều nào xúc phạm; nay con cũng như vậy, từ nay cho đến sáng mai không uống rượu, thọ trì giới cấm của Phật không xúc phạm.

“Nhu A-la-hán trọn đời không hoại trai pháp,⁹⁵ hằng [625c01] ăn đúng thời, ăn ít biết đủ, không đắm trước mùi vị, nay con cũng như vậy, nguyện (trọn đời)⁹⁶ không hoại trai pháp, hằng ăn đúng thời, ăn ít biết đủ, không đắm trước mùi vị. Từ ngày nay đến sáng mai không xúc phạm.

“Nhu A-la-hán (trọn đời)* hằng không ngồi trên giường cao rộng. (Giường cao rộng là giường vàng, bạc, ngà voi, hoặc giường sừng tòa của Phật, tòa của Bích-chi-phật, tòa của A-la-hán, tòa của các tông sư. A-la-hán không ngồi trên tám loại tòa này);⁹⁷ con cũng không phạm ngồi vào chỗ ngồi này.⁹⁸

⁹³ Ý tưởng này không chuẩn xác đối với văn thọ giới tám chi. Đề nghị lược bỏ.

⁹⁴ Hán không có, theo văn chuẩn nên thêm vào.

⁹⁵ Ý nói: không ăn sau Ngọ. Văn chuẩn Pāli: *Yāvajīvaṃ arahanto ekabhikkhā rattiparatā viratā vikālabhojanā* (...), Như A-la-hán trọn đời chỉ ăn một bữa, không ăn đêm, không ăn phi thời (...)

⁹⁶ Hán: tận hình thọ 盡形壽, Hán dịch hoàn toàn sai, nên cho vào ngoặc. Trai giới tám chi chỉ thọ trì một ngày một đêm.

⁹⁷ Đoạn này nghi là phụ chú giải thích giới điều của người dịch, hay người truyền tụng, chứ không phải chính văn thọ giới, nên cho vào ngoặc. Văn đoạn này cũng thiếu lời nguyện “một ngày một đêm.” Đề nghị thêm vào. Tham chiếu văn thọ Hán, *Trung 55*, đã dẫn.

⁹⁸ Dịch ý. Đề bản: ngã diệc thượng tọa bất phạm thử tọa 我亦上坐不犯此坐 “Tôi cũng thượng tọa không phạm chỗ ngồi này” (?). Có sai sót trong tả bản này, nên các bản khác có sửa lại. TNM: bỏ 2 chữ “ngã diệc 我亦”. Bản

“Nhu A-la-hán (trộn đời) không đeo hương hoa, trang điểm phấn sáp; nay con cũng như vậy, nguyện một ngày một đêm⁹⁹ không đeo hương hoa, phấn sáp tốt đẹp.¹⁰⁰”

“Nay con tên là ... lia tám việc này, nguyện trì pháp bát quan trai, không đọa vào ba đường dữ; nhờ công đức này mà không vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và tám nạn; thường được thiện tri thức, không từng sự ác tri thức; thường được sinh vào nhà cha mẹ tốt lành, không sinh vào nơi biên địa không Phật pháp, không sinh lên trời Trường thọ, không làm nô tỳ cho người, không làm Phạm thiên, không làm thân Đế Thích, cũng không làm Chuyển luân Thánh vương; thường sinh trước Phật, tự mình thấy Phật, tự mình nghe pháp khiến các căn không loạn. Nếu con thề nguyện hướng đến ba thừa tu hành, thì mong sẽ chóng thành đạo quả.’”

“Tỳ-kheo nên biết, nếu có ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào trì pháp bát quan trai này, thiện nam tử, thiện nữ nhân đó sẽ hướng đến ba đường, hoặc sinh vào cõi người, hoặc sinh lên trời, hoặc bát-niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này.

*Không sát, cũng không trộm,
Không dâm, không nói dối,
Tránh rượu, xa hương hoa,
Người đấm vị phạm trai,
Ca múa cùng xướng hát,
Học La-hán, tránh xa.*

Thánh: thượng tọa ngã diệc 上坐 我亦. Nhưng cũng không làm cho văn sang rõ hơn.

⁹⁹ Nguyên Hán: *tận hình thọ*; không đúng văn chuẩn, đề sửa lại như trên.

¹⁰⁰ Điều học này còn thiếu phân nữa: không ca, múa, xướng hát, và cố ý đi xem nghe. Xem thêm Pāli, và *Trung 55* đã dẫn trên.

*Nay trì bát quan trai,
Ngày đêm không quên mất.*

*Không có khổ sinh tử,
Không kỳ hạn luân hồi;
Chớ tập cùng ân ái,
Cũng chớ hội oán tắng.*

*Nguyện diệt khổ năm uẩn,
Các bệnh não sinh tử.
Niết-bàn không các hoạn,
Nay Ta tự quay về.*

“Cho nên, này tỳ-kheo, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, muốn trì bát quan trai, lìa các khổ, được chỗ lành; muốn diệt tận các lậu [626a01], vào thành Niết-bàn, phải tìm cầu phương tiện thành tựu pháp bát quan trai này. Vì sao vậy? Vinh vị ở cõi người không đủ làm cao quý, mà khoái lạc trên trời thì không thể kể xiết. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn cầu phước vô thượng, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu pháp bát quan trai này. Nay Ta răn dạy lại các người, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào thành tựu bát quan trai, mà muốn cầu sinh lên cõi trời Tứ thiên vương, cũng sẽ đạt được nguyện này. Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện. Vì vậy nên Ta nói nghĩa này. Vinh vị cõi người không đủ làm cao quý. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, trì bát quan trai, thân hoại mạng chung sẽ sinh cõi lành, trên trời, hoặc sinh Diễm thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, trọn không hư dối. Vì sao vậy? Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện.

“Các tỳ-kheo, nay Ta nhắc lại cho các người, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trì bát quan trai, cũng thành tựu sở nguyện của mình sẽ sinh về các cõi trời Dục giới, sinh về các

cõi trời Sắc giới. Vì sao như vậy? Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện.

“Lại nữa, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trì bát quan trai mà muốn sinh về các cõi trời Vô sắc, cũng được kết quả như sở nguyện kia .

“Tỳ-kheo nên biết, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trì bát quan trai, muốn sinh vào nhà bốn chủng tánh, lại cũng được sinh.

“Lại, thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trì bát quan trai, muốn cầu làm thiên tử một phương, thiên tử hai phương, ba phương, bốn phương thì cũng được như sở nguyện kia. Muốn cầu làm Chuyển luân Thánh vương cũng được như sở nguyện kia. Vì sao vậy? Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn cầu thành Thanh văn, Duyên giác, Phật thừa, ắt sẽ thành tựu sở nguyện. Nay Ta thành Phật là nhờ trì giới kia. Năm giới, mười thiện, không nguyện nào là không được.

“Các tỳ-kheo, nếu muốn thành đạo kia, hãy học điều này.”

Bấy giờ các tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7¹⁰¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ.

¹⁰¹ Bản Hán, TNM bắt đầu quyển 16.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Có ba sự hiện tiền,¹⁰² khi ấy thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Những gì là ba? Tín hiện tiền, khi ấy thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Tài¹⁰³ hiện tiền, khi ấy thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Nếu [626b01] trì phạm hạnh hiện tiền,¹⁰⁴ khi ấy thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có ba sự hiện tiền thì được phước vô lượng.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tín, tài, phạm khó được,
Người thọ, người trì giới;
Biết ba sự này rồi,
Người trí tùy thời thí.
Luôn luôn được an ổn,
Chư thiên thường nâng đỡ;
Nơi đó tự an trú
Ngũ dục không đủ chán.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, hãy tìm cầu phương tiện để thành tựu ba pháp này. Này các tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy”.

Các tỳ-kheo sau khi nghe như Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁰² A. III. 46 (tr.150): *tiṇṇaṃ sammukhībhāvā*.

¹⁰³ Tài 財. Pāli: *deyyadhammaṃ*, hiện vật bố thí.

¹⁰⁴ Đề bản: trì phạm hạnh 持梵行. TNM: trì phạm hạnh nhân, người trì phạm hạnh 持梵行人. Pāli: *dakkhiṇeyyāṇṇi sammukhībhāvā*, sự hiện diện của những vị xứng đáng cúng dường.

KINH SỐ 8¹⁰⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cù-su-la,¹⁰⁶ thành Câu-thâm¹⁰⁷. Bấy giờ, tỳ-kheo Câu-thâm thường ưa tranh tụng, phạm các ác hành. Mỗi khi đối diện bàn cãi, hoặc có lúc dùng dao gậy gia hại nhau.¹⁰⁸ Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, đức Thế Tôn đến chỗ các tỳ-kheo kia. Đến nơi đó, Thế Tôn bảo các tỳ-kheo kia:

“Này các tỳ-kheo, cần thận chớ tranh tụng, chớ nói chuyện thị phi, mà nên cùng hòa hợp nhau. Cùng một thầy học, đồng nhất như nước với sữa, tại sao lại tranh tụng?”

Bấy giờ tỳ-kheo Câu-thâm bạch Thế Tôn rằng:

“Cúi xin Thế Tôn chớ lo việc này. Chúng con sẽ tự tư duy về lý này. Theo như lỗi lầm này, chúng con tự biết tội của nó.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, các người vì dòng họ Vua mà hành đạo, vì sợ hãi mà hành đạo, hay vì đời sống thiếu thốn mà hành đạo?”

Các tỳ-kheo đáp:

“Không phải vậy, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

¹⁰⁵ Tham chiếu Pāli, M. 48 Kosambiyasuttaṃ (R.i. 320ff); Hán, *Trung*, kinh 72 (T1n26, tr. 532c9)

¹⁰⁶ Cù-su-la viên 瞿師羅園. Pāli: Ghositārāma.

¹⁰⁷ Câu-thâm 拘深; bản khác: Câu-thiểm-di. Pāli: Kosambi.

¹⁰⁸ Xem *Tứ phần 43*: vấn đề Câu-thiểm-di 拘睒彌捷度 (T22n1428, tr. 879b23); *Thập tụng 30*: trường hợp Câu-xá-di 俱舍彌法 (T23n1435, tr. 214a20). Pāli, Mahāvagga, Vin. i. 337.

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào tỳ-kheo, các người há chẳng phải vì muốn lia sinh tử, cầu đạo vô vi, nên hành đạo đó sao? Song thân năm uẩn thật không thể bảo toàn.”

Các tỳ-kheo đáp:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn, như lời dạy của Thế Tôn. Chúng con là những thiện gia nam tử xuất gia học đạo là vì lý do cầu đạo vô vi, diệt thân năm uẩn, nên học đạo.”

Thế Tôn bảo:

“Các tỳ-kheo, không nên hành đạo mà lại đi đấu tranh, đâm đá lẫn nhau, gặp mặt nhau là buông lời thị phi, xấu ác với nhau. Các người cần phải thành tựu hạnh này. Cùng đồng một pháp, cùng theo một thầy, cũng nên thực hành sáu pháp tôn trọng¹⁰⁹ này, cũng nên thực hành thân, khẩu, ý hành này, cũng nên thực hiện việc cúng dường¹¹⁰ các vị phạm hạnh.”

Các tỳ-kheo [626c01] đáp rằng:

“Đây là việc của chúng con, không đáng cho Thế Tôn lo lắng việc này.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các tỳ-kheo Câu-thâm:

“Thế nào, những người ngu, các người không tin những lời của Như Lai sao mà nói Như Lai chớ lo việc này? Các người sẽ tự nhận báo ứng về tà kiến này.”

¹⁰⁹ Lục chủng chi pháp 六種之法。Để bản chép nhầm trọng 重 thành chủng 種。Nên sửa lại là lục trọng pháp 六重法。Cũng thường nói là pháp lục hòa。Pāli, M.i. 322: “*chayime, bhikkhave, dhammā sārāṇiyā piyakaraṇā garukaraṇā saṅgahāya avivādāya sāmaggīyā ekībhāvāya samvattanti*, “Này các Tỳ-kheo, có sáu pháp này, cần ghi nhớ, khiến thành thân yêu, tác thành sự tôn kính, đưa đến đoàn kết, không tranh tụng, hòa hợp, nhất trí.”

¹¹⁰ Cúng dường, đây hiểu là tôn kính.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo các tỳ-kheo kia rằng:

“Về quá khứ xa xưa, trong thành Xá-vệ này, có Vua tên là Trường Thọ,¹¹¹ thông minh trí tuệ, không việc gì không biết. Tuy thiện nghệ về môn đao kiếm nhưng lại thiếu bảo vật, các kho không đầy, tài sản sa sút, binh bốn bộ lại cũng không nhiều, thuộc hạ quần thần phò tá lại cũng ít oi.

“Vào lúc bấy giờ, nước Ba-la-nại, có vua tên là Phạm-ma-đạt,¹¹² dũng mãnh kiên cường, không đâu không hàng phục. Tiền của bầy báu đều đầy kho. Binh bốn bộ lại cũng không thiếu. Quần thần phò tá đầy đủ. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt nghĩ thầm: ‘Vua Trường Thọ này không có quần thần phò tá, lại thiếu của cải, không có trân báu. Nay ta có thể đến chinh phạt nước này.’

“Rồi vua Phạm-ma-đạt liền hưng binh đến chinh phạt nước kia. Vua Trường Thọ nghe việc hưng binh chinh phạt nước mình liền thiết lập phương kế: ‘Nay tuy ta không có của cải bầy báu, thuộc hạ quần thần phò tá, binh bốn bộ. Vua kia tuy có nhiều binh chúng. Hôm nay theo sức một mình ta cũng đủ để tiêu diệt trăm nghìn binh chúng kia. Nhưng sát hại chúng sanh vô số kẻ, không thể vì vinh quang một đời mà tạo tội muôn đời. Nay ta có thể ra khỏi thành này, lánh tại nước khác để không xảy ra đấu tranh.’

¹¹¹ Trường Thọ vương 長壽王. *Trung* kinh 72. Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la 拘娑羅國王. Pāli, Mahāvagga, Vin, i. 342: Dīghīti, vua nước Kosala. Chuyện cũng được kể trong Jātaka 428.

¹¹² Phạm-ma-đạt 梵摩達. *Trung*, ibid., Phạm-ma-đạt-đa 梵摩達哆, vua nước Da-xá 加赦國王 (Pāli: nước Kāsi). Pāli, ibid. Brahmadata, vua nước Kāsi, trị vì tại Bārāṇasī.

“Bấy giờ vua Trường Thọ không nói với quần thần, đem Đệ nhất phu phân, cùng một người nữa, ra khỏi thành Xá-vệ, vào trong núi sâu. Lúc này quần thần phò tá, nhân dân trong thành Xá-vệ, vì không thấy vua Trường Thọ, liền sai tín sứ đến chỗ vua Phạm-ma-đạt nói như vậy: ‘Cúi xin đại vương đến đất nước này. Hiện tại vua Trường Thọ không biết ở đâu.’ Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt đến nước Ca-thi cai trị. Vua Trường Thọ có hai phu phân, đều mang thai sắp đến ngày sinh. Khi ấy phu phân nằm mộng thấy sinh giữa đô thị. Lại thấy, vào lúc mặt trời mới mọc, binh bốn bộ tay cầm đao năm thước đứng vây quanh. Chỉ sinh một mình, không người giúp đỡ. Thấy vậy, bà giật mình thức giấc, đem nhân duyên này tâu với vua Trường Thọ. Vua bảo phu phân rằng, ‘Chúng ta [627a01] nay đang ở trong rừng sâu này, vì đâu mà bảo là sinh tại giữa đô thị trong thành Xá-vệ? Nay phu phân mà sắp sinh thì phải sinh như **na**.’

“Lúc ấy phu phân nói. ‘Nếu tôi không được sinh như vậy, thì chắc tôi phải chết.’

“Khi vua Trường Thọ nghe những lời này, ngay trong đêm đó đổi y phục, không đem theo người nào, đi vào thành Xá-vệ. Vua Trường Thọ có một đại thần tên là Thiện Hoa,¹¹³ vốn rất thương mến nhau. Ông này nhân có chút việc ra khỏi thành, gặp vua Trường Thọ đang đi vào thành. Đại thần nhìn sững vua, liền bỏ đi, than thở rơi lệ, rồi cứ theo đường mà đi. Vua Trường Thọ đuổi theo đại thần kia, đến chỗ vắng nói rằng: ‘Xin cẩn thận chớ nói ra.’

¹¹³ Thiện Hoa 善華. *Trung*, ibid., Phạm chí Quốc sư của vua Phạm-ma-đạt-đa. Pāli, ibid. Bà-la-môn tư tế (Purohita-brāhmaṇa) của vua Brahmadatta, bạn cũ của Dīghīti.

Đại thần đáp. ‘Sẽ theo như lời dạy của Đại vương. Không hiểu Minh vương có điều chi dạy bảo không.’

“Vua Trường Thọ nói, ‘Nếu ông nhớ ơn xưa của ta thì nên đền trả.’

“Đại thần đáp, ‘Đại vương có ra lệnh, thần sẽ lo liệu xong.’

“Vua Trường Thọ nói, ‘Đêm qua, Phu nhân của ta nằm mộng thấy sinh giữa đô thị, lại có binh bốn bộ vây quanh; sinh ra một nam nhi rất là xinh đẹp. Nếu như không sinh theo mộng thì trong vòng bảy ngày sẽ chết.’

“Đại thần đáp, ‘Thần có thể lo việc này, theo như lời dạy của vua.’

“Nói lời này xong, mỗi người đi mỗi đường.

“Sau đó, đại thần liền đến chỗ vua Phạm-ma-đạt, tâu như vậy, ‘Trong vòng bảy ngày, ý tôi muốn xem qua quân lính tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh của đại vương, để biết là nhiều ít.’ Vua Phạm-ma-đạt liền ra lệnh cho tả hữu, ‘Hãy hối thúc binh chúng theo lời Thiện Hoa.’

“Khi ấy, trong vòng bảy ngày, đại thần Thiện Hoa tụ tập binh chúng tại giữa đô thị Xá-vệ. Trong vòng bảy ngày phu phân kia đến ở giữa đô thị. Khi đại thần Thiện Hoa từ xa nhìn thấy phu phân lại liền nói, ‘Hãy đến đây, Hiền nữ. Nay là lúc thích hợp.’ Phu nhân sau khi thấy binh lính bốn bộ rồi, lòng sinh hoan hỷ, sai người hầu cho giăng bức màn lớn. Khi mặt trời vừa lên phu phân sinh hạ một nam nhi, đẹp đẽ vô song hiếm có trên đời. Khi phu phân ôm đứa bé trở lại trong núi, vua Trường Thọ từ xa nhìn thấy phu phân ôm đứa bé đến, liền bảo, ‘Mong con sống lâu dài, thọ mạng vô cùng.’

“Phu nhân thưa vua, ‘Xin vua đặt tên cho.’

“Vua liền đặt tên Trường Sanh.¹¹⁴

“Khi [627b01] Thái tử Trường Sanh lên tám tuổi, phụ vương Trường Thọ có chút việc vào thành Xá-vệ. Bảy giờ có quan kiếp-tỷ¹¹⁵ ngày xưa của vua Trường Thọ thấy vua vào thành, liền ngắm kỹ mãi từ đầu đến chân. Thấy rồi, vội đến chỗ vua Phạm-ma-đạt thưa rằng, ‘Đại vương, thật là buồn lung. Vua Trường Thọ hiện nay đang ở tại thành này.’

“Bảy giờ, nhà vua nổi giận, sai kẻ tả hữu vội vã tìm bắt vua Trường Thọ. Lúc bảy giờ các đại thần tả hữu dẫn kiếp-tỷ này theo, tìm kiếm khắp đông tây. Khi kiếp-tỷ từ xa trông thấy vua Trường Thọ, liền chỉ và báo đại thần, ‘Đây là vua Trường Thọ.’ Họ liền đến bắt, dẫn tới chỗ vua Phạm-ma-đạt. Đến nơi, tâu rằng, ‘Đại vương, người này chính là vua Trường Thọ.’

“Nhân dân trong nước, tất cả đều nghe biết vua Trường Thọ đã bị bắt. Bảy giờ phu phân cũng lại nghe vua Trường Thọ đã bị Phạm-ma-đạt bắt được, bà nghĩ, ‘Nay ta còn sống để làm gì? Thà cùng chết với Đại vương một lúc.’ Phu nhân liền dẫn thái tử vào thành Xá-vệ. Phu nhân bảo thái tử rằng, ‘Nay con hãy tìm chỗ sống.’

“Thái tử Trường Sanh nghe xong, im lặng không nói. Phu nhân đi thẳng đến chỗ vua Phạm-ma-đạt. Vua từ xa nhìn thấy bà đến vui mừng phấn khởi, không tự chế được, liền bảo đại thần đem phu phân này cùng vua Trường Thọ đến ngã tư đường phân thành bốn đoạn. Các đại thần vâng theo lệnh vua, đem vua Trường Thọ và phu phân trôi ngược dẫn quanh thành Xá-vệ cho muôn dân thấy. Bảy giờ, nhân dân không ai là không đau

¹¹⁴ Trường Sanh 長生. Pāli: Dghāvu.

¹¹⁵ Kiếp-tỷ 劫比. Pāli: *kappaka*, người hót tóc. đọc đúng là kiếp-bắc劫北. Xem kinh 4 phẩm 50.

lòng. Lúc đó thái tử Trường Sanh ở trong đám đông thấy cha mẹ bị đem đến chợ để giết, vẻ mặt không đổi.

“Vua Trường Thọ quay lại bảo Trường Sanh rằng, ‘Con đừng nhìn dài, cũng đừng chớ nhìn ngắn¹¹⁶.’

“Sau đó nói bài kệ này:

*Oán oán không dùng nghĩ,
Pháp này có từ xưa.
Không oán mới thắng oán,
Pháp này luôn bất hủ.¹¹⁷*

“Bấy giờ các đại thần bảo nhau rằng, ‘Vua Trường Thọ này mê loạn quá mức rồi. Thái tử Trường Sanh là người nào mà ở trước chúng ta nói kệ này?’ Lúc ấy, vua Trường Thọ bảo quần thần rằng, ‘Ta không mê loạn. Ở đây, chỉ có người trí mới hiểu lời ta. Chư hiền nên biết, chỉ dùng sức một người như ta đủ để có thể phá tan trăm vạn người này. Nhưng ta lại nghĩ như vậy: Những chúng [27c01] sanh bị chết này khó mà tính số. Không thể vì một thân ta mà chịu tội nhiều đời. ‘*Oán oán không dùng nghĩ, Pháp này có từ xưa; Không oán mới thắng oán, Pháp này luôn bất hủ.*’

“Rồi quần thần kia đem vua Trường Thọ, và phu phân đến ngã tư đường phân làm bốn đoạn rồi, sau bỏ về nhà. Lúc đó thái tử Trường Sanh chờ cho đến chiều, gom góp cây cỏ, hỏa táng cha mẹ xong rồi đi.

“Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt ở trên lầu cao, từ xa trông thấy một đứa bé hỏa táng vua Trường Thọ và phu phân. Thấy vậy sai kẻ

¹¹⁶ Được hiểu là không nhìn xa cũng không nhìn gần; nghĩa là chớ trông đợi báo thù. Pāli: *mā kho tvam, tāta dīghāvu, dīgham passa, mā rassam*.

¹¹⁷ Pāli, Dhṛp. 5.

tả hữu rằng, ‘Đây ắt là thân quyến của vua Trường Thọ. Các người hãy nhanh chóng bắt về đây.’

“Các thân dân liền đến chỗ đó. Chưa đến kịp thì cậu bé đã chạy mất rồi. Bấy giờ thái tử Trường Sanh nghĩ thầm: ‘Vua Phạm-ma-đạt này giết cha mẹ ta, lại ở trong nước ta. Nay ta phải báo oán cho cha mẹ ta.’ Thái tử liền tìm đến chỗ người dạy đàn. Đến nơi đó, nói như vậy, ‘Nay con muốn học đàn.’ Thầy dạy đàn hỏi, ‘Con họ gì? Cha mẹ ở đâu?’ Cậu bé đáp, ‘Con không còn cha mẹ. Con vốn ở trong thành Xá-vệ này. Cha mẹ đã mất sớm.’ Thầy dạy đàn bảo, ‘Con muốn học thì học.’

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ thái tử Trường Sanh học đàn, học ca, học hát kịch. Thái tử Trường Sanh vốn có tố chất thông minh, nên chưa qua mấy ngày mà đã có thể đàn, ca, hát kịch. Không thứ gì không biết.

“Sau đó, thái tử Trường Sanh ôm đàn đến chỗ vua Phạm-ma-đạt. Khi vắng người, ở trong chuồng voi, cậu một mình đàn và cất tiếng ca trong veo. Lúc ấy vua Phạm-ma-đạt đang ngồi trên lầu cao nghe tiếng đàn ca, liền hỏi kẻ tả hữu rằng, ‘Người nào ở trong chuồng voi, đàn ca vui thú một mình vậy?’ Kẻ tả hữu tâu, ‘Ở trong thành Xá-vệ này, có một cậu bé thường đàn ca vui thú một mình.’ Vua bèn bảo quân hầu rằng, ‘Người hãy khiến cậu bé này đến chơi tại đây. Ta muốn gặp nó.’ Người được sai kia vâng lời dạy của vua, đến gọi cậu bé này đến chỗ vua.

“Vua Phạm-ma-đạt hỏi cậu bé, ‘Đêm hôm qua người đàn ở trong chuồng voi phải không?’ Tâu, ‘Thật vậy, Đại vương.’

“Phạm-ma-đạt hỏi, ‘Nay người có thể ở bên cạnh ta, đánh đàn, ca, múa. Ta sẽ cung cấp quần áo, đồ ăn thức uống.’

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ, thái tử Trường Sanh ở trước [628a01] Phạm-ma-đạt đánh đàn, ca, múa, rất là tuyệt diệu. Khi vua Phạm-ma-đạt nghe tiếng đàn này, trong lòng vô cùng hoan hỷ, liền bảo thái tử Trường Sanh, ‘Hãy giữ kho bảo vật của ta.’

“Thái tử Trường Sanh chấp hành lệnh của vua, chưa từng bị thất thoát; hằng tùy thuận ý vua, cười trước nói sau, luôn nhường ý vua. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt lại ra lệnh rằng, ‘Lành thay, lành thay! Hiện tại người là người rất thông minh. Nay ta cho người vào nội cung, coi sóc mọi thứ, được không?’

Khi thái tử Trường Sanh ở trong nội cung, đem tiếng đàn dạy cho các cung nữ, lại cũng dạy cỡi voi, cỡi ngựa, các kỹ thuật, không việc gì không biết.

“Bấy giờ, ý vua Phạm-ma-đạt muốn xuất du, dạo xem vườn rừng, cùng vui thú, liền sai thái tử Trường Sanh nhanh chóng sửa soạn xe có gắn lông chim. Thái tử Trường Sanh vâng lệnh vua, lo chuẩn bị xe có gắn lông chim, trải thảm lên voi, thặng yên cương bằng vàng bạc xong, trở lại tâu vua, ‘Đã sửa soạn xe xong, xin vua nên biết đã đến giờ.’

“Vua Phạm-ma-đạt đi xe có gắn lông chim, sai Trường Sanh điều khiển, cùng đem theo binh chúng bốn bộ. Lúc này, thái tử Trường Sanh điều khiển xe dẫn đường, luôn luôn cách ly quân chúng.

“Vua Phạm-ma-đạt hỏi thái tử Trường Sanh, ‘Hiện tại binh lính ở đâu?’

Trường Sanh tâu, ‘Thần cũng không biết quân lính ở đâu.’

“Vua bảo, ‘Hãy dừng lại một chút. Người ta mỗi một vô cùng; muốn dừng nghỉ một chút.’

“Thái tử Trường Sanh liền cho dừng lại để vua nghỉ ngơi trong chốc lát khi quân lính chưa đến.

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ vua Phạm-ma-đạt gồi đầu trên đầu gối thái tử Trường Sanh ngủ say. Thái tử Trường Sanh thấy vua đang ngủ, liền nghĩ: ‘Vua này là kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay mà không báo oán thì lúc nào sẽ báo? Bấy giờ ta phải dứt mạng hấn.’ Thái tử Trường Sanh tay phải rút kiếm, tay trái tóm tóc vua; nhưng lại nghĩ thầm: ‘Lúc cha ta sắp lâm chung đã bảo ta rằng: Trường Sanh nên biết, đừng nhìn dài, cũng đừng nhìn ngắn. Còn nói bài kệ này:

*Oán oán không dừng nghỉ,
Pháp này có từ xưa;
Không oán mới thắng oán,
Pháp này luôn bất hủ.*

“‘Nay ta nên bỏ oán này.’ Rồi tra kiếm vào vỏ. Ba phen như vậy, lại tự [628b01] nghĩ: ‘Vua này là kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay mà không báo oán thì lúc nào sẽ báo? Nay đúng là lúc ta phải dứt mạng hấn, mới gọi là báo oán.’ Rồi lại nhớ đến: ‘Trường Sanh, con đừng nhìn dài, cũng đừng nhìn ngắn. Phụ vương có những lời dạy này:

*Oán oán không dừng nghỉ,
Pháp này có từ xưa;
Không oán mới thắng oán,
Pháp này luôn bất hủ.*

“‘Nay ta hãy bỏ oán này.’ Liền tra kiếm vào vỏ. Trong khi ấy vua Phạm-ma-đạt lại mộng thấy con trai vua Trường Thọ là thái tử Trường Sanh muốn bắt mình giết, vì vậy nên kinh sợ

thức giấc. Thái tử Trường Sanh thưa, ‘Đại vương! Vì sao nỗi kinh sợ đến như vậy?’

“Phạm-ma-đạt nói, ‘Lúc ngủ ta mộng thấy con trai vua Trường Thọ là thái tử Trường Sanh rút kiếm muốn bắt ta giết. Cho nên ta kinh sợ!’ Bây giờ, thái tử Trường Sanh nghĩ thầm: ‘Hiện tại vua này đã biết ta là thái tử Trường Sanh.’ Tay phải vội rút kiếm, tay trái tóm tóc mà nói vua rằng, ‘Hiện tại, tôi chính là thái tử Trường Sanh con trai của vua Trường Thọ. Song vua là kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay không báo oán thì đợi lúc nào?’

“Vua Phạm-ma-đạt liền quay qua Trường Sanh mà nói rằng, ‘Nay mạng của ta ở trong tay ngươi, xin được toàn mạng!’

“Trường Sanh đáp, ‘Tôi có thể cho vua sống. Nhưng vua không để tôi toàn mạng!’

“Vua trả lời Trường Sanh, ‘Xin tha mạng. Ta không bao giờ giết ngươi.’

“Bấy giờ Thái tử Trường Sanh cùng vua thề rằng, ‘Cả hai cùng tha mạng cho nhau, không bao giờ hại nhau.’

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Thái tử Trường Sanh liền tha mạng sống cho vua. Lúc đó vua Phạm-ma-đạt bảo Thái tử Trường Sanh rằng, ‘Xin Thái tử cùng tôi trở lại chuẩn bị xe lông chim để trở về nước.’

“Bấy giờ, Thái tử liền chuẩn bị xe lông chim, cả hai cùng ngồi trên xe về đến thành Xá-vệ. Vua Phạm-ma-đạt liền tập họp quần thần nói rằng, ‘Nếu các khanh gặp con trai vua Trường Thọ, sẽ làm gì?’

“Trong đó, hoặc có đại thần tâu rằng, ‘Sẽ chặt chân tay.’ Hoặc có vị tâu, ‘Sẽ phân thân làm ba đoạn.’ Hoặc có vị tâu, ‘Sẽ bắt giết đi.’

“Lúc đó Thái tử Trường Sanh ngồi bên cạnh vua, chánh thân, chánh ý suy nghĩ về những lời nói này. Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt đích thân tự tay [628c01] nắm lấy tay Thái tử nói với mọi người rằng, ‘Đây là Thái tử Trường Sanh. Con trai vua Trường Thọ, chính là người này. Các khanh không được nói lại những lời như vậy. Vì sao vậy? Vì Thái tử Trường Sanh đã tha mạng sống cho ta. Ta cũng tha mạng sống cho người này.’

“Quần thần sau khi nghe những lời này, khen là chưa từng có. Thái tử con vua này thật là kỳ đặc, đối với oán mà có thể không báo oán.

“Lúc đó vua Phạm-ma-đạt hỏi Trường sanh, ‘Đáng ra người bắt ta giết. Nhưng tại sao lại tha không giết? Có nhân duyên gì? Nay xin được nghe.’

“Trường Sanh đáp, ‘Đại vương khéo lắng nghe! Khi phụ vương tôi sắp lâm chung, dặn lại rằng: Nay con chớ nhìn dài, cũng chớ nhìn ngắn. Lại dặn những lời này:

*Oán oán chẳng dùng nghi;
Từ xưa có pháp này.
Không oán hay thắng oán;
Pháp này luôn bất tử.*

“Các đại thần khi nghe những lời này của phụ vương tôi, đều bảo với nhau rằng: Vua này mê loạn nên nói lung tung. Vậy chớ Trường Sanh là người nào? Vua Trường Thọ đáp: Các khanh nên biết, trong đây có người trí sẽ rõ những lời này. Khi nhớ lại những lời này của phụ vương, cho nên tôi tha cho vua toàn mạng.’

“Vua Phạm-ma-đạt sau khi nghe những lời này rồi, lấy làm lạ lòng và khen là chưa từng có ai có thể giữ lời dạy dỗ của người cha quá cố không để trái phạm.

“Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt nói Thái tử rằng, ‘Ý nghĩa của những lời ông nói hôm nay, ta vẫn chưa hiểu. Nay hãy nói cho ta nghĩa của chúng để ta được thông suốt.’

“Thái tử Trường Sanh đáp, ‘Đại vương khéo lắng nghe! Tôi sẽ nói. Vua Phạm-ma-đạt bắt vua Trường Thọ giết. Nếu có quần thần rất thân tín nào của vua Trường Thọ bắt vua giết, thì lại có quần thần phò tá của vua Phạm-đạt-ma cũng sẽ bắt quần thần phò tá của vua Trường Thọ mà giết. Đó gọi là oan oán không bao giờ dứt tuyệt. Muốn đoạn tuyệt oán này chỉ có người không báo oán. Vì tôi đã xét nghĩa này nên không giết vua.’

Vua Phạm-đạt-ma nghe những lời này xong, nghĩ vị vương tử này rất là thông minh, mới có thể quảng diễn được nghĩa này, nên lòng rất vui mừng hơn hờ không tự chế được.

“Lúc ấy vua Phạm-đạt-ma liền hướng về vương tử sám hối tội lỗi của mình là đã bắt giết vua Trường Thọ. Sau đó cỡi lấy mũ mình đội cho Trường Sanh, rồi gả con gái và giao nước Xá-vệ cùng nhân dân lại cho Trường Sanh thống lĩnh. Vua trở về cai trị Ba-la-nại. [629a01]

“Tỳ-kheo nên biết, các nhà vua thời thượng cổ đã có pháp thường này. Tuy có sự tranh giành đất nước như vậy, nhưng vẫn còn nhẫn nhịn nhau chứ không làm tổn hại nhau. Huống chi các người là Tỳ-kheo, vì lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, xả bỏ lòng tham dục, sân nhuế, ngu si, nay lại tranh khắc nhau, không hòa thuận nhau, không ai nhịn nhau, không chịu hối cải. Nay các Tỳ-kheo, căn cứ vào nhân duyên này mà biết rằng

Tăng nhất A-hàm

tranh cãi chẳng phải là điều nên làm. Cùng một thầy học, như nước với sữa, chớ tranh tụng nhau.”

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói bài kệ này:

*Không tranh, cũng không cãi;
Tâm từ thương tất cả.
Tất cả không ưu hoạn:
Điều chư Phật ngợi khen.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, cần phải tu hạnh nhẫn nhục. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ Tỳ-kheo Câu-thâm bạch đức Thế Tôn:

“Nguyện xin Thế Tôn chớ lo việc này. Chúng con sẽ tự phân giải sự việc này. Thế Tôn tuy có dạy những lời này. Nhưng sự việc không phải vậy.”

Thế rồi, Thế Tôn liền bỏ đi đến nước Bạt-kỳ.

Bấy giờ,¹¹⁸ trong nước Bạt-kỳ có ba thiện gia nam tử là A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la.¹¹⁹ Các vị thiện gia nam tử này cùng giao ước với nhau: “Nếu ai ra đi khát thực, vị còn lại sau phải rưới nước,¹²⁰ quét đất sạch sẽ, không sót việc gì. Vị đi khát thực về sẽ chia phần cho ăn. Đủ chia thì tốt, không đủ tùy ý ăn phần mình. Cơm còn dư, đổ vào đồ đựng, rồi bỏ đó mà đi. Nếu vị

¹¹⁸ Từ đây trở xuống, tương đương Pāli, M. 128 Upakkilesasuttam (R.iii. 155ff).

¹¹⁹ A-na-luật 阿那律 (Anuruddha), Nan-đề 難提 (Nandiya), Kim-tỳ-la 金毘羅 (Kimbila), ba vương tử họ Thích. Pāli, ibid., ba vị này ở trong vườn Nai Pāvāṃsa (Migadāya), vương quốc Cetiya. *Trung* kinh 72, đã dẫn, nói ba vị này đang trú tại rừng Ban-ba-man-xà tự 般那蔓闍寺林.

¹²⁰ Hán: hậu trụ giả 後住者. Nhưng Hán dịch này không rõ, hoặc có nhầm lẫn. Các Tỳ-kheo sang sớm phải đi khát thực. *Trung* kinh 72, và M 128 đều nói việc phân công này chỉ sau khi khát thực về. Ai về trước, ai về sau, phải làm gì.

nào khát thực về sau cùng, đủ ăn thì tốt, không đủ thì lấy cơm trong đồ đựng kia rồi bỏ vào bát mình mà ăn nhưng phải tự đổ vào bát mình. Sau đó xách bình nước đặt một nơi. Mỗi ngày phải quét sạch nhà cửa, rồi tìm nơi vắng vẻ chánh thân chánh ý buộc niệm trước mặt tư duy diệu pháp. Họ tự tuyệt đối im lặng, không nói chuyện với nhau.”

Bảy giờ, Tôn giả A-na-luật tư duy dục bất tịnh tướng¹²¹, có niệm, khinh an và hỷ¹²² mà vào sơ thiền. Lúc đó, Nan-đề và Kim-tỳ-la biết trong tâm niệm của A-na-luật, nên cũng tư duy dục bất tịnh tướng, có niệm, khinh an và hỷ* mà vào sơ thiền. Nếu tôn giả A-na-luật tư duy nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, bảy giờ tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng tư duy nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Nếu Tôn giả [629b01] A-na-luật tư duy không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng lại tư duy không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Nếu tôn giả A-na-luật tư duy diệt tận định,¹²³ bảy giờ tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng lại tư duy diệt tận định. Như các pháp này, các hiền giả cũng tư duy như vậy.

Bảy giờ, Thế Tôn đến vườn Sư tử,¹²⁴ lúc đó người giữ vườn¹²⁵ từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền thưa:

¹²¹ Dục bất tịnh tướng 欲不淨想; quán tưởng dục là bất tịnh. Chính xác, đây hiểu là tu bất tịnh tướng (Pāli: *asubhasaññā*). Nhưng theo *Trung* kinh 72, M 128, tôn giả này tu quang minh tướng (*obhāsa*). Có sự liên hệ gì giữa *asubha* (Skt. *aśubha*) và *obhāsa* (Skt. *avabhāsa*)?

¹²² Niệm thị hỷ an 念恃喜安.

¹²³ Chỉ tiết này có thể Hán dịch diễn thêm.

¹²⁴ Sư tử quốc 師子國. Có lẽ là tên khu vườn chứ không phải tên nước. Theo ngữ cảnh dưới, nên hiểu đây là một khu vườn. Có lẽ *viên* chép nhầm là *quốc*. Xem cht. dưới. Pāli: *Sīha* (Skt. *Siṃha*)? Không thấy trong danh sách các nước đương thời Phật. Hoặc có liên hệ phát âm nào giữa *Migadāya*

Tăng nhất A-hàm

“Sa-môn chớ vào trong vườn! Vì sao vậy? Vì trong vườn này có ba vị thiện gia nam tử tên là A-na-luật, Nan-đề và, Kim-tỳ-la. Hãy cẩn thận chớ quấy nhiễu họ.”

Lúc đó, tôn giả A-na-luật bằng thiên nhĩ thông¹²⁶ nghe người giữ vườn nói với Thế Tôn như vậy, không để Ngài vào vườn*, Tôn giả A-na-luật liền ra bảo người giữ cửa¹²⁷ rằng:

“Chớ ngăn! Nay Thế Tôn đến đây, là muốn đến thăm chỗ này.”

Sau đó tôn giả A-na-luật liền vào báo Kim-tỳ-la:

“Đi nhanh, Thế Tôn hiện đang ở ngoài cửa vườn.”

Bấy giờ ba tôn giả liền rời khỏi tam-muội,¹²⁸ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Mỗi vị tỳ thưa:

“Lành thay, Thế Tôn đã đến!”

Tôn giả A-na-luật đón lấy bình bát Thế Tôn. Tôn giả Nan-đề trải chỗ ngồi. Tôn giả Kim-tỳ-la lấy nước cho Thế Tôn rửa chân.

Bấy giờ Thế Tôn bảo tôn giả A-na-luật:

“Ba người ở đây hòa hợp không có trái ý nhau? Khất thực có như ý không?”

A-na-luật thưa:

(Skt. *Mṛgadāya*), khu vườn họ đang ở, với *Migarājā* (Skt. *Mṣgarājā*), từ khác chỉ Sư tử?

¹²⁵ Để bản: thủ quốc nhơn 守國人. TNM: thủ viên nhơn 守國人.

¹²⁶ Chi tiết thêm do Hán dịch.

¹²⁷ Thủ môn nhơn 守門人. Có lẽ là người giữ vườn như trên.

¹²⁸ Hán: tụng tam-muội khởi 從三昧起. Có lẽ nguyên là nói “từ chỗ thiền tọa đứng dậy.” Người chép kinh hiểu nhầm chỗ thiền tọa với thiền định (tam-muội). Pāli thường gặp: *paṭisallānā vuṭṭhito*. Hán cũng thường dịch: tụng thiền định giác.

“Thật vậy, bạch Thế Tôn, khát thực không gì khó nhọc. Vì sao vậy? Vì khi con tư duy sơ thiền, bảy giờ Nan-đề, Kim-tỳ-la cũng tư duy sơ thiền. Nếu con tư duy nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, diệt tận định, lúc đó Nan-đề, Kim-tỳ-la cũng tư duy nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, diệt tận định. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con tư duy về pháp này.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, A-na-luật! Vào lúc ấy các người có đạt được pháp thượng nhân không?”

A-na-luật thưa:

“Thật vậy, thưa thế tôn, chúng con đạt được pháp thượng nhân.”

Thế Tôn bảo:

“Pháp thượng nhân là gì?”

A-na-luật thưa:

“Có pháp vi diệu này vượt lên trên pháp thượng nhân. Nếu chúng con lại rải tâm từ trải đầy khắp một phương; hai phương, ba phương, bốn phương cũng lại như vậy; bốn phía, trên dưới cũng lại như vậy; trong tất cả, mỗi mỗi đều rải tâm từ trải đầy khắp trong đó, vô số, vô hạn, không thể tính hết, mà tự an trú*. Lại rải tâm bi, tâm hỷ, tâm hộ (xả) đầy khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, và bốn phía, trên dưới mà tự an trú cũng lại như vậy. Đó gọi là, bạch Thế Tôn, chúng con đạt thêm được pháp thượng nhân nữa.”

Bảy giờ, tôn giả Nan-đề, Kim-tỳ-la nói với A-na-luật:

“Có bao giờ chúng tôi đến tôn giả để hỏi nghĩa này đâu, mà hôm nay trước Thế Tôn lại tự nói như vậy?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Các Hiền giả cũng chưa bao giờ đến tôi để hỏi nghĩa này. Nhưng chư thiên đã đến chỗ tôi mà nói nghĩa này, cho nên ở trước Thế Tôn tôi nói nghĩa này vậy. Lại nữa, lâu nay tôi biết tâm ý của các Hiền giả, là các Hiền giả đã đạt được tam-muội này, nên ở trước Thế Tôn tôi nói những lời này.”

Trong lúc thuyết pháp này, đại tướng Trường Thọ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi đại tướng Trường Thọ¹²⁹ bạch Thế Tôn:

“Hôm nay có phải Thế Tôn vì các Tỳ-kheo này mà thuyết pháp?”

Lúc ấy Thế Tôn đem nhân duyên này kể lại cho đại tướng Trường Thọ. Đại tướng bạch Thế Tôn:

“Đại quốc Bạt-kỳ sớm được lợi lớn, vì có ba thiện gia nam tử A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la này du hóa.”

Thế Tôn bảo:

“Đại tướng, thật vậy, như lời ông nói. Đại quốc Bạt-kỳ được thiện lợi. Hãy không nói đại quốc Bạt-kỳ, mà đại quốc Ma-kiệt cũng được thiện lợi mới có ba vị thiện gia nam tử này. Nếu mọi người dân trong đại quốc Ma-kiệt này mà nhớ đến ba thiện gia nam tử này, sẽ được an ổn lâu dài. Đại tướng nên biết, nếu huyện ấp, thành quách nào có ba vị thiện gia nam tử này ở trong những thành quách đó, mọi người dân sẽ được an ổn lâu dài. Nhà nào sinh ra ba vị thiện gia nam tử này cũng được lợi

¹²⁹ Trường Thọ Đại tướng 長壽大將 (?).

lớn, vì đã sinh ra người được tôn quý nhất này. Cha mẹ năm đời thân tộc của họ, nếu nhớ đến ba người này thì cũng được lợi lớn. Nếu trời, rồng, quỷ, thần nhớ đến ba thiện gia nam tử này, thì cũng được lợi lớn. Nếu có người nào khen ngợi bậc A-la-hán thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Nếu có người nào khen ngợi người không tham dục, không ngu si, không sân nhuế thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Nếu có người nào khen ngợi người có ruộng phước này thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Như Ta ở trong ba A-tăng-kỳ kiếp thực hành cần khổ thành vô thượng đạo, khiến ba người này thành tựu nghĩa pháp này. Cho nên Đại tướng đối với ba thiện gia nam tử này nên khởi lòng hoan hỷ. Đại tướng, hãy học điều này như vậy.”

Đại tướng sau khi nghe những gì Thế Tôn dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Có ba kết sử trói buộc chúng sanh khiến không thể từ bờ này đến bờ kia được. Những gì là ba? Là thân tà, giới đạo, nghi.”¹³⁰

“Thế nào gọi là kết bởi thân tà? Chấp thân có ngã, nảy sinh tưởng về tôi ta, có tưởng về chúng sanh, có mạng, có thọ, có nhân, có sĩ phu, có duyên, có trước. Đó gọi là kết bởi thân tà.

¹³⁰ Thân tà, giới đạo, nghi 身邪, 戒盜, 疑. Cf. *Trung I* (T1n26, tr. 424b28): “Thân kiến 身見, giới thủ 戒取, nghi 疑, ba kết đoạn tận, đặc Tu-đà-hoàn.” *Tỳ-bà-sa 46* (T27n1545, tr. 237c5), ba kết: hữu thân kiến 有身見, giới cấm thủ 戒禁取, nghi 疑. Pāli, cf. D 33 Saṅgīti (R.iii. 216): *tīṇi samyojanāni-sakkāyadiṭṭhi, vicikicchā, sīlabbataparāmāso*.

“Thế nào là kết bởi nghi? Có ngã chãng? Vô ngã chãng? Có sinh chãng? Không sinh chãng? Có ngã, nhân, thọ mạng, chãng? Không ngã, nhân, thọ mạng chãng? Có phụ mẫu chãng? Không phụ mẫu chãng? Có đời này, đời sau chãng? Không đời này, đời sau chãng? Có sa-môn, bà-la-môn chãng? Không sa-môn, bà-la-môn chãng? Đời có A-la-hán chãng? Đời không A-la-hán chãng? Có người chứng đắc chãng? Không người chứng đắc chãng? Đó gọi là kết bởi nghi.

“Thế nào là kết bởi giới đạo? Ta do giới này mà sinh vào gia đình giòng họ lớn, sinh nhà trưởng giả, sinh nhà bà-la-môn, hoặc sinh lên trời, hay trong các thần. Đó gọi là kết của giới đạo.

“Như vậy, này Tỳ-kheo, có ba kết này trói buộc chúng sanh, khiến không thể từ bờ này đến bờ kia. Giống như hai con bò cùng một ách tất không rời nhau.¹³¹ Chúng sanh này cũng lại như vậy, bị ba kết trói chặt không thể từ bờ này đến bờ kia được.

“Thế nào là bờ này, thế nào là bờ kia? Bờ này chính là thân tà; bờ kia chính là thân tà bị diệt. Này Tỳ-kheo, đó gọi là ba kết trói buộc chúng sanh, không thể từ bờ này đến bờ kia. Cho nên, này các Tỳ-kheo, cần phải tìm cách tiêu diệt ba kết này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹³¹ Định nghĩa từ Pl. *saṃyojana* (=Skt.), do *yuga*: cách ách, và động từ *yuñjati*: buộc vào ách.

KINH SỐ 10¹³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Có ba tam-muội này. Những gì là ba? Là Không tam-muội, Vô tướng tam-muội, Vô nguyện tam-muội.¹³³

“Thế nào là Không tam-muội? Không là quán tất cả các pháp đều là không hư. Đó gọi là không tam-muội.

“Thế nào là vô tướng tam-muội? Vô tướng là đối với tất cả các pháp tất cả đều không tướng niệm gì, cũng không có gì được thấy. Đó gọi là vô tướng tam-muội.

“Thế nào là vô nguyện tam-muội? Vô nguyện là đối với tất cả các pháp cũng không mong cầu. Đó gọi là vô nguyện tam-muội.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, ai không đạt được ba tam-muội này thì ở lâu nơi sinh tử, không thể tự giác ngộ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đạt được tam-muội này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹³² Tham chiếu Pāli, A III 163 (R.i. 299).

¹³³ Không, vô nguyện, vô tướng 空 無願 無想. Pāli, A. ibid.: *rāgassa, abhiññāya tayo dhammā bhāvetabbā. suññato samādhī, animitto samādhī, appaṇihito samādhī*— để biết rõ tham, hay tu ba pháp: Không tam-muội, Vô tướng tam-muội, Vô nguyện tam-muội. Cf. *Câu-xá* 28 (T29n1558, tr. 149c13), có ba đẳng tri (=tam-muội): không 空, vô nguyện 無願, vô tướng 無相.

Tăng nhất A-hàm

Kệ tóm tắt:

*Tràng, Tỳ-sa, pháp vương,
Cù-mặc, thần túc hóa;
Trai giới, hiện tại tiền,
Trường Thọ, kết, tam-muội.*¹³⁴

¹³⁴ Bản Hán, hết quyển 16.

BỐN PHÁP

25. PHẨM TỨ ĐẾ

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Nên tu tập pháp bốn đế. Những gì là bốn? Thứ nhất là Khổ đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Thứ hai là Khổ tập đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Thứ ba là Khổ tận đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Thứ tư là Khổ xuất yếu đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận.

“Thế nào là Khổ đế? Khổ đế, là khổ bởi sanh, khổ bởi già, khổ bởi bệnh, khổ bởi chết, khổ bởi buồn lo phiền não, khổ bởi oán ghét gặp nhau, khổ bởi ân ái bị chia lìa, khổ bởi những gì cầu mà không được, nói tóm lại là khổ bởi năm thủ uẩn². Đó gọi là sự thật về khổ.

“Thế nào là Khổ tập đế? Tập đế, là ái tương ưng với dục, tâm thường nhiễm đắm. Đó gọi là khổ tập đế.

“Thế nào là Khổ tận đế? Tận đế, là dục ái bị diệt tận không còn tàn dư, không tái sanh khởi. Đó gọi là Khổ tận đế.

¹ Tham chiếu Pāli, S. 56. 21 Vijjā (R. v. 431).

² Ngũ thịnh âm 五盛陰, tức năm thủ uẩn (Pāli: *pañca-upādānakkhandha*).

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào là Khổ xuất yếu đế? Khổ xuất yếu, là tám phẩm đạo Hiền thánh. Nghĩa là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh tam-muội. Đó gọi là Khổ xuất yếu đế.

“Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn đế này là thật hữu, không hư dối, là điều mà Thế Tôn nói, cho nên gọi là đế. Trong các loài chúng sanh hai chân, bốn chân ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hữu tướng, vô tướng, Như Lai là tối thượng, đã thành tựu bốn đế này, nên gọi là bốn đế.

“Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, có bốn đế mà do không giác tri nên sống chết xoay vần mãi trong năm nẻo. Nay Ta do đạt được bốn đế này, từ bờ này đến bờ kia, thành tựu [631b01] nghĩa này, đoạn trừ cội gốc sinh tử, như thực biết rằng không còn tái sinh nữa.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nay có pháp bốn đế,
Nếu không như thật biết,
Luân hồi trong sinh tử,
Quyết không được giải thoát.*

*Như nay có tứ đế,
Đã giác, đã hiểu rõ,
Nên đoạn gốc sinh tử,
Cũng không còn tái sinh.*

“Nếu có chúng bốn bộ nào không được đế này, không giác, không tri, sẽ đọa vào năm nẻo. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn đế này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn pháp này, lợi ích nhiều cho mọi người. Những gì là bốn? Pháp thứ nhất là nên gần gũi thiện tri thức. Thứ hai là nên nghe pháp. Thứ ba là nên biết pháp. Thứ tư là nên phân minh pháp và pháp tướng.³ Đó gọi là, này Tỳ-kheo có bốn pháp này, lợi ích nhiều cho mọi người.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn pháp này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, khi ấy có bốn pháp vị tăng hữu⁵ xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Các loài chúng sanh này bị nhiều đắm nhiễm. Nếu khi nói pháp không đắm nhiễm,

³ Cf. *Tập dị 6* (T26n1536, tr. 393a11), *Pháp uẩn 2* (T26n1537, tr. 458b26), bốn Dự lưu chi 預流支: thân cận thiện sỹ 親近善士, thính văn chánh pháp 聽聞正法, như lý tác ý 如理作意, pháp tùy pháp hành 法隨法行. Pāli, D 33 Saṅgīti (R.iii. 227): *cattāri sotāpattiyaṅgāni– sappurisasamsevo, saddhammassa-vanaṃ, yonisomanasikāro, dhammānudhammapaṭipatti*.

⁴ Tham chiếu Pāli, A IV 127 Adbhūtaḍḍhammā (R.ii. 131).

⁵ Vị tăng hữu pháp. Pāli 未曾有法: *adbhūtaḍḍhamma*.

chúng cũng vâng lãnh, niệm tưởng tu hành, tâm không xa lìa. Đó là pháp vị tăng hữu thứ nhất xuất hiện ở đời, nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, có bốn pháp vị tăng hữu này xuất hiện ở đời.

“Lại nữa, A-nan, chúng sanh này luôn luôn chuyển không dừng trong năm nẻo. Giả sử Ta muốn nói pháp, chúng cũng vâng lãnh, tâm không xa lìa. Nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, có pháp vị tăng hữu thứ hai này xuất hiện ở đời.

“Lại nữa, A-nan, chúng sanh này thường ôm lòng kiêu mạn, không rời đầu mỗi tâm. Giả sử Ta nói pháp, chúng cũng vâng lãnh, tâm không xa [631c01] lìa. Nay A-nan, chúng sanh này thường ôm lòng kiêu mạn, không bỏ chốc lát nào. Giả sử khi Ta nói pháp, chúng cũng vâng lãnh. Đó gọi là pháp chưa từng có thứ ba xuất hiện ở đời.

“Lại nữa, A-nan, chúng sanh này bị vô minh che kín. Giả sử khi Ta nói pháp minh, chúng cũng vâng lãnh mà không quên mất. Lại nữa, này A-nan, nếu khi Ta nói pháp minh, vô minh này, mà tâm ý chúng nhu hòa luôn thích tu hành; đó gọi là, này A-nan, khi Như Lai xuất ở đời, có pháp vị tăng hữu thứ tư này xuất hiện ở đời.

“Nếu lúc Như Lai⁶ đang hiện tại, khi ấy có bốn pháp vị tăng hữu này xuất hiện ở đời. Cho nên, này A-nan, hãy phát tâm hoan hỷ hướng về Như Lai. A-nan, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁶ Trong bản: Đa-tát-a-kiệt . 多薩阿竭 .

KINH SỐ 4⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về gánh nặng, cũng sẽ nói về người mang gánh nặng, cũng sẽ nói về nhân duyên của gánh nặng, và cũng sẽ nói về sự buông gánh nặng.⁸ Các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ. Nay Ta sẽ nói.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy như vậy. Thế Tôn bảo:

“Thế nào là gánh nặng? Đó là năm thủ uẩn. Những gì là năm? Sắc, thọ*, tướng, hành, thức ấm. Đó gọi là gánh nặng.

“Thế nào là người mang gánh? Người mang gánh, đó là thân người, tự gì, tên gì, sinh như vậy, thức ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy, tuổi thọ ngắn dài như vậy. Đó gọi là người mang gánh.

“Thế nào là nhân duyên của gánh nặng⁹? Nhân duyên của gánh nặng, đó là nhân duyên bởi ái trước câu hữu với dục, tâm không xa lìa.¹⁰ Đó gọi là nhân duyên gánh.

⁷ Tham chiếu Pāli, S.22. 22 Bhāra (R. iii. 25).

⁸ Dẫn bởi *Câu-xá 30* (T29n1558, tr. 155a27): trọng đảm 重擔 (Pāli: *bhāra*), hà trọng đảm 荷重擔 (Pāli: *bhārahāra*), xả trọng đảm 捨重擔 (Pāli: *bhāranikkhepana*).

⁹ Pāli: *bhāranidāna*.

¹⁰ Pāli, định cú: *yāyaṃ taṇhā ponobhaviḱā nandīrāgasahagatā tatratatrābhinandinī seyyathidaṃ– kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā*, ái đương lai hữu, câu hữu với hỷ tham, mong ước ta sẽ ở đây, ta sẽ ở kia, tức là, dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào là buông gánh nặng? Ái kia đã khiến bị diệt tận không còn tàn dư, đã trừ, đã nhổ ra. Đó gọi là buông gánh nặng.

“Nhu vậy, Tỳ-kheo, nay Ta đã nói về gánh nặng, đã nói về nhân duyên của gánh nặng, đã nói về người mang gánh nặng, đã nói về buông gánh nặng. Những gì Như Lai cần làm, nay Ta đã làm xong. Hãy ở dưới cây, chỗ nhàn tịnh, ngồi ngoài trời, hằng niệm toạ thiền, chớ có buông lung.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Hãy niệm bỏ gánh nặng,
Chớ tạo gánh mới nữa.
[631c29] Gánh là bệnh thế gian,
Buông gánh, lạc đệ nhất.*

*Ái kết cũng đã trừ,
Phi pháp hành cũng xả;
Vĩnh viễn xa ly đây,
Không còn tái sinh nữa.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện buông xả gánh nặng. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại sinh. Những là bốn? Sinh từ trứng, sinh từ thai, sinh từ âm, sinh từ hóa.¹¹

“Thế nào là sinh từ trứng? Sinh ra từ trứng, các loại như gà, chim, quạ, bồ câu, không tước, rắn, cá, kiến; thảy đều là sinh từ trứng. Đó gọi là sinh từ trứng.

“Thế nào là sinh từ thai? Người cùng súc sinh, đến loài vật hai chân. Đó gọi là sinh từ thai.

“Thế nào là sinh từ nhân duyên¹²? Những con trùng được sinh từ trong thịt rữa, trùng trong nhà xí, trùng trong thây chết; thảy đều được gọi là sinh từ nhân duyên.

“Thế nào là sinh từ hóa? Đó là các loại trời, địa ngục, nga quỷ, hoặc người, hoặc súc sanh. Đó gọi là sinh từ hóa.

“Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn loại sinh này. Các Tỳ-kheo lia bỏ bốn loại sinh này, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu pháp bốn đế. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên ở Ca-lan-đa, trong vườn Trúc, thành La-duyệt.

¹¹ Cf. M 12 Mahā-Sīhanādasuttaṃ (R.i. 73): *catasso yoniyo: aṇḍajā yoni, jalābujā yoni, samsedajā yoni, opapātikā yoni*.

¹² Nhân duyên sinh 因緣生. Tức thấp sinh kể trên.

¹³ Tham chiếu Pāli, M. 5 Anaṅgaṇasuttaṃ (R. i. 24); Hán, *Trung 22* kinh 87 (T1n26, tr. 566a13).

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có bốn hạng người này. Những gì là bốn? Thứ nhất, người có kết tiềm phục; bên trong có kết mà không biết như thật có.¹⁴ Hoặc người có kết tiềm phục; bên trong có kết mà biết như thật có. Hay người không có kết sử tiềm phục; bên trong không có kết mà không biết như thật là không có. Hoặc người không có kết sử tiềm phục; bên trong không kết mà biết như thật là không có.

“Các Hiền giả nên biết, hạng người thứ nhất có kết tiềm phục; bên trong có kết mà không biết; trong hai người có kết này, người này rất thấp hèn. Người thứ hai có kết tiềm phục; bên trong có kết mà biết như thật [632b01] có, người này thật là tối ưu. Người thứ ba không có kết tiềm phục; bên trong không có kết mà không biết như thật; trong hai người không có kết, người này rất là thấp hèn. Người thứ tư không có kết sử tiềm phục; bên trong không kết mà biết như thật; trong người không có kết, thì người này là thật là đệ nhất.

«Các Hiền giả, nên biết, thế gian có bốn hạng người này.»

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi Xá-lợi-phất:

«Vi lý do gì người cùng có kết tiềm phục, mà một người thì thấp hèn, một người thì tối ưu? Lại vì lý do gì, hai người không kết tiềm phục này, một người thì thấp hèn, một người thì tối ưu?»

Xá-lợi-phất đáp:

«Người có kết tiềm phục, không biết như thật bên trong có kết, người kia nghĩ thâm, ‘ta đang có tướng tịnh.’ Người ấy tư duy

¹⁴ Pāli, *ibid.*, *sāṅgaṇova* (...) *ajjhataṃ aṅgaṇan'ti yathābhūtaṃ nappajānāti*, có ô uế, nhưng không như thực biết rằng ta bên trong có ô uế.

có tướng tịnh. Lúc đang có tướng tịnh, tâm dục khởi. Khi tâm dục khởi, người ấy mạng chung với tâm tham dục, sân nhuế, ngu si. Người ấy đã không tìm cầu phương tiện diệt tâm dục này, mà mạng chung với tâm sân nhuế, ngu si.

“Mục-liên nên biết, giống như có người đến chợ mua được đồ đồng, bụi bám bám bản, rất là bất tịnh. Người kia không tùy thời chịu lau chùi, không tùy thời rửa sạch, đồ đồng kia càng ngày càng thêm ó bản, rất là bất tịnh. Người thứ nhất này cũng như vậy, cái bản bám theo, bên trong có kết mà không biết như thật. Người kia nghĩ thầm: ‘Ta sẽ tư duy tướng tịnh.’¹⁵ Khi tư duy tướng tịnh, tâm dục sinh. Khi tâm dục sinh, không tìm cầu phương tiện diệt tâm dục này, người ấy mạng chung với tâm tham dục, sân nhuế, ngu si.

“Người thứ hai kia có kết tiềm phục, mà biết như thật bên trong có kết. Người ấy nghĩ: ‘Nay ta sẽ xả bỏ tướng tịnh, tư duy tướng bất tịnh.’ Người kia xả bỏ tướng tịnh, tư duy tướng bất tịnh. Khi tư duy tướng bất tịnh, tâm dục không sinh, tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, thành tựu những gì chưa thành tựu, bèn không còn tham dục, sân nhuế, ngu si. Người ấy mạng chung mà không có kết.

“Giống như có người từ trong chợ mua được đồ đồng dính bám bụi bản. Người kia tùy thời lau chùi, tẩy rửa sạch sẽ. Người này cũng như vậy, có kết tiềm phục, mà biết như thật bên trong có kết. Người này liền bỏ tướng tịnh, tư duy tướng bất tịnh. Khi tư duy tướng bất tịnh, người ấy tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, [632b29] tác chứng những gì chưa tác chứng. Người này mạng

¹⁵ Pāli: *subhanimittam manasi karissati*, nó sẽ tác ý đến dấu hiệu tinh sạch.

Tăng nhất A-hàm

chung với tâm không dục, không sân nhuế, không ngu si. Đây Mục-liên, đó gọi là có hai hạng người có kết tiềm phục này, một người hèn hạ, một người tối ưu.”

Mục-liên nói:

“Lại vì lý do gì khiến hai hạng người không có kết tiềm phục này, một người hèn hạ, một người lại tối ưu?”

Xá-lợi-phất nói:

“Hạng người thứ ba không có kết tiềm phục kia, mà không biết như thật bên trong không có kết. Người ấy không tự tư duy rằng: ‘Ta tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng.’ Người kia mạng cung với tâm bị trói buộc bởi dục, sân nhuế, ngu si.

“Giống như có người đến chợ mua đồ đồng không¹⁶ bị dính bụi bẩn, nhưng không tùy thời lau chùi, cũng không tùy thời tẩy rửa. Người thứ ba này cũng như vậy, không có kết tiềm phục, mà không biết như thật bên trong không kết, cũng không học điều này: ‘Ta nên tìm cầu phương tiện diệt trừ các kết này.’ Người ấy mạng chung với tâm tham dục, sân nhuế, ngu si.

“Hạng người thứ tư không câu hữu với kết, mà biết như thật bên trong không kết. Người kia tự tư duy tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng. Người kia mạng chung mà không có kết này.

“Giống như có người đến chợ mua được đồ đồng tốt, rất là tinh sạch, lại thêm tùy thời chăm sóc lau rửa đồ này. Bây giờ, đồ kia

¹⁶ Để bản nhảy sót. Tham chiếu Pāli, ibid.; Trung 22, dẫn trên.

lại càng sạch đẹp. Người thứ tư này lại cũng như vậy, không có kết tiêm phục, biết như thật bên trong không kết. Người kia tự tư duy tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng. Người kia thân hoại mạng chung không có kết sử tham dục, sân nhuế, ngu si. Đây Mục-liên, đó gọi là có hai hạng người này, không có kết tiêm phục, (mà biết nó như thật bên trong không kết,) ¹⁷ nhưng một người thì cao quý, một người thì hèn hạ.”

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên hỏi Xá-lợi-phất:

“Vì sao gọi là kết ¹⁸?”

Xá-lợi-phất nói:

“Mục-liên, nên biết, pháp ác bất thiện, khởi các tà kiến, đó gọi là kết. ¹⁹

“Hoặc lại có người nghĩ như vậy, ‘Mong Như Lai hỏi nghĩa ta trước, sau đó mới nói pháp cho các Tỳ-kheo. Chứ Như Lai không hỏi nghĩa Tỳ-kheo khác, mà nói pháp cho các Tỳ-kheo.’ Nhưng lại có lúc Thế Tôn nói với Tỳ-kheo khác mà thuyết pháp, chứ không nói với Tỳ-kheo kia. (Người ấy bèn nghĩ) ²⁰ [633a01] ‘Như Lai thuyết pháp. Nhưng Như Lai không nói với ta mà lại thuyết pháp cho các Tỳ-kheo.’ Do vậy, hoặc có bất

¹⁷ Câu này nghi để bản chép dư, nên cho vào ngoặc.

¹⁸ Kết 結; đây hiểu là “bản”; Trung 22 nói là 蘊穢. Pāli nói là *aṅgaṇa* (vết bản).

¹⁹ Cf. Trung 22: “Vô lượng pháp ác bất thiện phát sinh từ dục, đó gọi là 蘊.” Pāli: *pāpakāṇaṃ akusalāṇaṃ icchāvacarāṇaṃ adhivacanāṃ yadidaṃ aṅgaṇaṃ* ‘ti, ác, bất thiện, cảnh giới của dục, là những từ đồng nghĩa của cấu bản.

²⁰ Trong ngoặc, không có trong Hán dịch, nhưng được thêm vào cho rõ nghĩa.

thiện, hoặc có tham dục. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.²¹

“Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Mong khi vào thôn khát thực ta thường đi phía trước các Tỳ-kheo. Chớ để Tỳ-kheo khác đi phía trước các Tỳ-kheo khi vào thôn khát thực.’ Nhưng có lúc Tỳ-kheo khác đi phía trước khi vào thôn khát thực, không để Tỳ-kheo kia đi phía trước các Tỳ-kheo khi vào thôn khát thực. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:) ‘Ta không đi phía trước Tỳ-kheo khi vào thôn khát thực.’ Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Mục-liên, nên biết, hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Mong ta ngồi phía trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước; chớ để Tỳ-kheo khác ngồi trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước.’ Nhưng lại có Tỳ-kheo khác ngồi phía trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước, không để Tỳ-kheo kia ngồi trước các Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:) ‘Ta không ngồi phía trước Tỳ-kheo; không nhận nước trước, không được thức ăn trước.’ Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Mong khi ăn xong, ta nói pháp cho đàn việt. Chớ để Tỳ-kheo khác nói pháp cho đàn việt sau khi ăn xong.’ Nhưng có lúc Tỳ-kheo khác nói pháp cho đàn việt sau khi ăn xong, chứ không để cho Tỳ-kheo kia nói pháp cho đàn việt sau khi ăn xong. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:) “Ta không được thuyết pháp cho đàn việt sau khi ăn xong.’ Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

²¹ Cf. *Trung 22*, *ibid.*: “Vị ấy liền sinh ác tâm. Khi tâm sinh ác và tâm sinh dục, thấy đều bất thiện.” Cf *Plia*, *ibid.*, *so kupito hoti appatīto. kopo yo ca appaccayo—ubhayametam aṅgaṇam*, vị ấy phẫn nộ và bất mãn. Phẫn nộ và bất mãn, cả hai đều ô uế.

“Hoặc lại có lúc, Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Mong ta đến nói pháp cho trưởng giả, bà-la-môn ở trong vườn.’²² Chớ để cho Tỳ-kheo khác đến nói pháp cho trưởng giả, bà-la-môn ở trong vườn. Nhưng có lúc Tỳ-kheo khác đến trong vườn nói pháp cho trưởng giả, bà-la-môn, không để Tỳ-kheo ấy đến trong vườn nói pháp cho trưởng giả, bà-la-môn. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:) ‘Ta không đến trong vườn nói pháp cho trưởng giả, bà-la-môn.’ Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Nay ta phạm giới. Cầu mong các Tỳ-kheo không biết ta phạm giới.’ Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo kia phạm giới, mà các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo này phạm giới. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều [633b01] bất thiện.

“Hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Nay ta phạm giới. Chớ để Tỳ-kheo khác nói rằng ta phạm giới.’ Nhưng lại có lúc, Tỳ-kheo ấy phạm giới, Tỳ-kheo khác nói Tỳ-kheo ấy phạm giới. (Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng:) ‘Các Tỳ-kheo khác nói ta phạm giới.’ Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo kia nghĩ như vậy: ‘Nay ta phạm giới. Mong Tỳ-kheo thanh tịnh nói với ta; không để Tỳ-kheo không thanh tịnh nói với ta.’²³ Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo không thanh tịnh nói Tỳ-kheo kia rằng Tỳ-kheo kia phạm giới. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

²² Viên 園, tức trong tăng già lam, hay tăng viện. Pāli: *ārāma*.

²³ Hán dịch có sự nhầm lẫn. Tỳ-kheo không thanh tịnh không được nói tội Tỳ-kheo khác. Cf. Vin.i. 170. Tham chiếu, Trung 22: “Ta phạm giới, mong người hơn ta chỉ tội, chứ không phải người không bằng ta chỉ tội.” Pāli: *sappaṭipuggalo maṃ codeyya, no appaṭipuggalo ’ti*.

“Hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Nay ta phạm giới, nếu có Tỳ-kheo nào nói với ta, nên ở nơi khuất kín, không ở giữa đại chúng.’ Nhưng lại có lúc, Tỳ-kheo kia phạm giới, bị nói tội ở giữa đại chúng, không ở nơi khuất kín. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

«Mục-liên, nên biết, gốc của các pháp này khởi dậy các hành vi này, gọi là kết sử.

“Mục-liên, lại nên biết, những ai trong chúng bốn bộ mà phạm các hành vi, mọi người đều nghe, đều biết phạm, tuy người đó có nói rằng tôi hành a-lan-nhã, sống ở nơi nhàn tịnh, và ngay dù có khoác y năm mảnh, thường hành khát thực không lựa giàu nghèo, đi không thô tháo, qua lại, đi dừng, nằm ngồi, động tịnh, nói năng, im lặng. Nhưng Tỳ-kheo ấy lại nghĩ như vậy: ‘Mong Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-tur, các vị phạm hạnh luôn đến cung kính cúng dường ta.’ Tỳ-kheo ấy tuy có nghĩ vậy, song cũng không được chúng bốn bộ tùy thời cung kính cúng dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia có ác, bất thiện hành chưa được trừ, mà mọi người đều thấy, đều nghe, đều niệm, đều biết. Giống như người có đồ đồng thật sạch sẽ; lại đựng đầy đồ bất tịnh trong bình đồng, rồi dùng đồ khác phủ lên rồi mang đi vào quốc giới. Mọi người thấy hỏi người kia rằng: ‘Anh mang vật gì vậy? Chúng tôi muốn được thấy qua.’ Khi ấy mọi người vốn đã đói kém, kêu lên rằng: ‘Ồ! Đây là đồ ăn thức uống ngon.’ Rồi họ mở nắp đậy ra, mọi người đều trông thấy đồ bất tịnh. Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Tuy có hành a-lan-nhã, tùy thời khát thực, mặc y năm mảnh, chánh thân chánh ý, buộc niệm ở trước. Người ấy tuy có ý nghĩ này: ‘Mong sao các vị phạm hạnh tùy thời đến cung kính cúng dường.’ Nhưng [633c01] các vị phạm hạnh lại không tùy thời cung kính cúng

dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia có pháp ác, bất thiện, kết sử, mà chưa diệt tận.

«Mục-liên, nên biết, những Tỳ-kheo nào không có pháp ác, bất thiện; kết sử đã diệt tận, mà mọi người đều thấy, đều nghe, đều niệm, đều biết; vị ấy dù sống bên thành ấp cũng vẫn là người trì pháp. Hoặc được người thỉnh mời, hoặc nhận được sự cúng dường của các gia chủ. Nhưng Tỳ-kheo ấy không có tướng tham dục này. Khi ấy chúng bốn bộ và các đồng phạm hạnh đều đến cúng dường. Vì sao? Vì hành vi của Tỳ-kheo kia thanh tịnh, mà mọi người đều thấy, đều nghe, đều niệm, đều biết.

“Giống như người có bình đồng tốt, đựng đầy đồ ăn thức uống, mùi vị rất thơm, lại lấy nắp đậy lên, rồi mang đi vào quốc giới. Mọi người thấy, hỏi người kia rằng: ‘Đây là vật gì? Chúng tôi muốn được xem qua.’ Rồi sau đó mở ra xem, thấy đồ ăn thức uống, cùng lấy ăn. Ở đây cũng như vậy, Tỳ-kheo được thấy, được nghe, được niệm, được biết, tuy đi ở bên thành ấp nhận sự cúng dường của gia chủ, nhưng không nghĩ: ‘Mong sao các đồng phạm hạnh đến cúng dường.’ Tuy vậy, các đồng phạm hạnh đều đến cung kính cúng dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia có ác bất thiện hành đã được tận trừ. Cho nên, Mục-liên do các hành này, nên gọi là kết sử.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên khen:

“Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Sự việc như vậy. Xưa kia tôi trú tại Ca-lan-đà, trong Trúc lâm, thành La-duyệt này; đến giờ, tôi khoác y ôm bát vào thành La-duyệt khát thực, đến nhà thợ làm xe kia, đứng im lặng ở ngoài cửa. Lúc ấy, người thợ kia tay cầm búa đẽo gỗ. Bấy giờ lại có người thợ già, có chút việc đến nhà người thợ này. Khi người thợ kia đang sửa bản gỗ thì người thợ già này nảy sinh ý nghĩ: ‘Người thợ trẻ đẽo gỗ này như ý ta chăng?’ Nay ta phải xem qua. Lúc ấy, những chỗ

không vừa ý người thợ kia đã được người thợ này đẽo hết. Người thợ già kia rất lấy làm hoan hỷ, nghĩ rằng: «Hay thay, hay thay! Bạn đẽo gỗ thật là vừa ý ta.» Ở đây cũng như vậy, các Tỳ-kheo mà tâm không nhu hòa, bỏ hạnh Sa-môn, ôm lòng gian nguy, không theo pháp Sa-môn, tánh hạnh thô tháo, không biết tầm quý, mặt trở chịu nhục mà làm hành vi thấp hèn, không có dũng mãnh, hoặc hay quên lãng nhiều, không nhớ những gì đã làm, tâm ý không định, hành động [634a01] nhằm lẫn, các căn không định; nhưng vị ấy nay được Tôn giả Xá-lợi-phất phát quán sát tánh hạnh mà sửa chữa.

«Có nhiều vị thiện gia nam tử, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, rất cung kính giới, không bỏ pháp Sa-môn Hiền thánh, không có huyền nguy, không hành thô tháo, tâm ý nhu hòa, nói luôn nở nụ cười, không tổn thương ý người, tâm thường nhất định, không có thị phi, các căn không loạn; những vị ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, liền tự vâng lãnh, cũng không để quên sót.

“Giống như, hoặc có người nam hay người nữ nào xinh đẹp vô song, tự tắm gội, mặc y phục mới, dùng hương thoa người. Lại có người đem hoa ưu-bát đến tặng cho. Người kia được hoa, liền đội lên đầu, vui mừng hơn hở không tự chế được. Ở đây cũng lại như vậy, nếu có vị thiện gia nam tử nào, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, đối với giới cung kính, không để mất pháp Sa-môn, không có huyền nguy, không hành thô tháo, tâm ý nhu hòa, nói luôn nở nụ cười, không tổn thương ý người, tâm thường nhất định, không có thị phi, các căn không loạn. Người ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói những lời này rồi, lòng thật vui mừng không tự chế được, mà vâng lãnh lời dạy này. Như vậy, Ngài nói giáo pháp này cho các vị thiện gia nam tử.»

Các Hiền giả mỗi người sau khi nghe những gì đã được nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Có bốn loại trái này.²⁴ Những gì là bốn? Hoặc có trái sống mà tựa chín, hoặc có trái chín mà tựa sống, hoặc có trái chín mà tựa chín, hoặc có trái sống mà tựa sống. Đó là, này Tỳ-kheo thế gian có bốn loại trái này. Cũng lại như vậy, thế gian có bốn hạng người này. Thế nào là bốn? Hoặc có người sống mà giống chín, hoặc có người chín mà giống sống, hoặc có người chín mà giống chín, hoặc có người sống mà giống sống.

«Thế nào là người sống mà giống chín? Hoặc có người qua lại, đi bước không hành thô tháo. Mắt nhìn ngó phải thuận theo pháp giáo. Đắp y, mang bát cũng lại theo pháp. Bước đi, nhìn xuống đất, không liếc nhìn hai bên. Nhưng lại phạm giới, không theo chánh hạnh; thật chẳng phải sa-môn mà giống sa-nôm; không hành phạm hạnh mà tự nói hành phạm hạnh; bại hoại Chánh pháp; là loại mà rễ đã mục. Người này [634b01] gọi là sống mà giống chín.²⁵

²⁴ Cf. A IV 105 Ambasuttam (R.ii. 106): Có bốn loại xoài (*amba*: am-ma-lặc).

²⁵ Pāli, *ibid.* “Hạng người tới lui, cúi ngược, co duỗi, v.v., thấy đều đoạn chánh, nhưng không như thực biết đây là khô, đây là tập, v.v. : sống mà có màu sắc như trái chín.”

«Thế nào là người chín mà giống sống? Hoặc có Tỳ-kheo tánh hạnh có vẻ quê mùa, nhìn ngó không ngay, cũng không đi đúng theo pháp, hay liếc ngó hai bên. Nhưng lại tinh tấn nghe nhiều, tu hành pháp thiện, thường giữ giới luật, không mất oai nghi, thấy điều phi pháp tí ti liền ôm lòng sợ hãi. Người này gọi là chín mà giống sống.

«Thế nào là người sống mà giống sống? Hoặc có Tỳ-kheo không giữ giới cấm, không biết lễ tiết bước đi, cũng lại không biết ra vào đi lại, cũng lại không biết đắp y, mang bát, các căn thác loạn, tâm đắm trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Người ấy phạm giới cấm, không hành Chánh pháp, không là sa-môn mà giống sa-môn, không hành phạm hạnh mà giống phạm hạnh; là người mà rễ đã mục không thể cứu chữa. Người này gọi là sống mà giống sống.

«Thế nào là người chín mà giống chín? Hoặc có Tỳ-kheo giữ gìn giới cấm, ra vào, đi bước, không mất thời tiết, nhìn ngó không mất oai nghi, lại rất tinh tấn tu hành pháp thiện, mọi oai nghi lễ tiết đều thành tựu, thấy điều phi pháp tí ti liền ôm lòng sợ hãi hướng chi là to lớn. Người này gọi là chín mà giống chín.

«Này Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có (bốn) hạng người như bốn loại trái này. Hãy học người quả chín. Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Hôm nay, không trung có gió lốc xoáy. Nếu như có con chim nào lại bay đến đó, như ô thước, hồng hộc, gặp gió này thì đầu, nã, lông cánh, mỗi thứ mỗi nơi. Ở đây, một Tỳ-kheo cũng lại như vậy, bỏ giới cấm rồi sống đời bạch y. Khi ấy, sáu vật tùy thân như ba y, bình bát, ống đựng kim, v.v., thuộc mỗi thứ ở mỗi nơi, giống như gió lốc xoáy thổi chết chim kia. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành phạm hạnh. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Sau khi nghe những gì đức Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Tỳ-kheo nên biết, có bốn loại chim này. Những gì là bốn? Hoặc có chim tiếng hót hay mà hình thì xấu. Hoặc có chim hình [634c01] đẹp, mà tiếng hót thì dở. Hoặc có chim tiếng hót dở mà hình cũng xấu. Hoặc có chim hình đẹp, tiếng hót cũng hay.

«Thế nào là chim có tiếng hót hay mà hình thì xấu? Đó là chim câu-sí-la.²⁶ Chim này tiếng hay mà hình thì xấu.

«Thế nào là chim hình đẹp mà tiếng hót dở? Đó là chim chí.²⁷ Chim này có hình đẹp mà tiếng hót dở.

²⁶ Câu-sí-la 拘翅羅. Chưa rõ chim gì. Skt. (Pāli): *kokila*, chim cuốc.

Tăng nhất A-hàm

«Thế nào là chim có tiếng hót dở mà hình thì đẹp? Đó là chim cú. Chim này có tiếng hót dở hình cũng xấu.

«Lại có chim gì tiếng hót hay hình cũng đẹp? Đó là chim công. Chim này có tiếng hót hay hình cũng đẹp.

«Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn loại chim này, mà mọi người đều biết. Ở đây cũng vậy, thế gian cũng có bốn hạng người như chim, mà mọi người đều biết.

«Những gì là bốn? Ở đây, hoặc có Tỳ-kheo nhan sắc đoan chánh, ra vào đi lại, đắp y mang bát, co duỗi, cúi ngược, oai nghi thành tựu, nhưng lại không thể đọc tụng được những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện; không thể vâng lãnh giáo pháp, cũng lại không thể khéo đọc tụng. Đó là người này có hình đẹp mà tiếng không hay.

«Lại có những người nào mà tiếng hay nhưng hình xấu? Hoặc có Tỳ-kheo, ra vào, đi lại, co duỗi, cúi ngược, đắp y mang bát, mà không thành tựu oai nghi; nhưng hằng thích nói rộng. Người ấy lại siêng năng trì giới, nghe pháp, có khả năng biết những điều học, nghe nhiều những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện, nghĩa lý sâu xa, tu phạm hạnh đầy đủ. Hơn nữa, đối pháp kia, khéo thọ trì, khéo đọc tụng. Người này gọi là có tiếng hay mà hình xấu.

«Lại có những người nào có tiếng dở mà hình cũng xấu? Hoặc có người phạm giới, không siêng năng, không nghe nhiều, những gì đã nghe liền quên. Cần phải đầy đủ phạm hạnh ở trong pháp này, nhưng người không vâng lãnh. Người này gọi là tiếng dở mà hình cũng xấu.

²⁷ Chí điều 鶯鳥; một loại điều hâu, chim dữ.

«Lại có những người nào có tiếng hay, hình cũng đẹp? Hoặc có Tỳ-kheo tướng mạo đoan chánh, ra vào, đi lại, đắp y, mang bát, không nhìn ngó hai bên; rồi lại siêng năng tu hành thiện pháp, giới luật đầy đủ, thấy điều phi pháp nhỏ còn luôn ôm lòng sợ hãi huống nữa là lớn, cũng lại nghe nhiều, ghi nhận không quên; lại tu hành tốt đẹp những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện. Người ấy khéo thọ trì, đọc tụng pháp như vậy. Pháp như vậy khéo đọc tụng. Người này gọi là tiếng hay thân cũng đẹp.

«Đó gọi là thế gian có bốn hạng người này ở đời, mà mọi người đều biết. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học tiếng hay, hình cũng đẹp. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Sau khi nghe những gì đức Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Có bốn loại mây.²⁸ Những gì là bốn? Hoặc có mây, sấm mà không mưa. Hoặc có mây, mưa mà không sấm. Hoặc có mây, vừa mưa vừa sấm. Hoặc có mây cũng không mưa cũng không sấm. Đó gọi là bốn loại mây.

«Thế gian có bốn hạng người giống như mây. Những gì là bốn hạng người? Hoặc có Tỳ-kheo sấm mà không mưa. Hoặc có

²⁸ Cf. A IV 102 Dutiyavalāhakasuttaṃ (R.ii. 103).

Tỳ-kheo mưa mà không sấm. Hoặc có Tỳ-kheo cũng không mưa cũng không sấm. Hoặc có Tỳ-kheo cũng mưa cũng sấm.

«Thế nào là Tỳ-kheo sấm mà không mưa? Hoặc có Tỳ-kheo lớn tiếng tập tụng Khế kinh, Kỳ dạ, Thọ quyết, Kệ, Bồn mặt, Nhân duyên, Dĩ thuyết, Sanh kinh, Tụng, Phương đẳng, Vị tăng hữu pháp, Thí dụ; những pháp như vậy khéo đọc tụng, không mất nghĩa nó, nhưng không rộng nói pháp cho người khác. Người này gọi là sấm mà không mưa.²⁹

«Thế nào là Tỳ-kheo mưa mà không sấm? Hoặc có Tỳ-kheo có tướng mạo đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tới dừng đều biết tất cả, tu tất cả pháp thiện không mảy may để mất; song không nghe nhiều, cũng không lớn tiếng đọc tụng, lại không tu hành Khế kinh, Kỳ dạ, Thọ quyết, Kệ, Bồn mặt, Nhân duyên, Thí dụ, Sanh kinh, Phương đẳng, Vị tăng hữu pháp, song theo người khác vâng lãnh cũng không quên mất, thích cùng theo với thiện tri thức. Nhưng cũng thích nói pháp cho người khác. Người này gọi là mưa mà không sấm.³⁰

«Thế nào là Tỳ-kheo cũng không mưa cũng lại không sấm? Hoặc có người tướng mạo không đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tiến dừng tất cả đều thiếu sót, không tu các pháp thiện, mà lại không nghe nhiều, cũng không lớn tiếng đọc tụng, lại không tu hành Khế kinh cho đến Phương đẳng, cũng lại không vì người khác nói pháp. Người này gọi là cũng không mưa cũng không sấm.

²⁹ Pāli, *ibid.* “Thông suốt Khế kinh (*sutta*), Ứng tụng (*geyya*), v.v., nhưng không như thực biết đây là khổ, đây là tập, v.v.: sấm mà không mưa”

³⁰ Pāli, *ibid.*, “Không thông suốt Khế kinh, Ứng tụng, v.v., nhưng như thực biết đây là khổ, đây là tập, v.v.: mưa mà không sấm.”

«Thế nào là Tỳ-kheo cũng mưa cũng sấm? Hoặc có người tướng mạo đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tiến dừng biết rõ tất cả, ưa thích học vấn, những gì đã nhận không quên, cũng thích nói pháp cho người khác. Khuyến khích người khác khiến họ vâng lãnh. Người này gọi là cũng sấm cũng mưa.

«Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn hạng người này. Cho nên, Tỳ-kheo hãy học điều này.»

Sau khi nghe những gì đức Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Đế, nhiều ích, A-nan,
Gánh nặng, bốn sanh, kết;
Bốn quả, gió lốc xoáy,
Bốn chim, sấm sau cùng.³¹*

³¹ Bản Hán, hết quyển 17.

26. PHẨM BỐN Ý ĐOẠN

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Giống như núi sông, vách đá, trăm cỏ, ngũ cốc, đều nương trên đất mà được tăng trưởng lớn mạnh. Vì vậy, đất này là tối tôn tối thượng. Ở đây cũng vậy, các pháp đạo phẩm thiện, trụ trên đất không phóng dật, khiến các pháp thiện được tăng trưởng lớn mạnh. Tỳ-kheo không phóng dật tu bốn chánh đoạn,¹ tu tập nhiều bốn chánh đoạn. Những gì là bốn? Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tỳ ác chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến không cho sanh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sanh². Pháp tỳ ác đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến diệt³, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp thiện chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên.

¹ Tứ ý đoạn 四意斷 . Cf. *Tập dị 6* (T26n1536, tr. 391c06): Tứ chánh đoạn giả 四正斷者. *Pháp uẩn 3* (T26n1537, tr. 467c24): Tứ chánh thắng 四正勝 . *Đại trí độ 19* (T25n1509, tr. 197b20): Tứ chánh cần 四正懃. Pāli, D 33 Saṅgīti (R. iii. 221): *cattāro sammappadhānā*. Skt. *samyak-prahāna/samyak-pradhāna*.

² Nguyên Hán: Linh diệt 令滅. Có sự nhầm lẫn. Nên sửa lại, vì đây đối với pháp chưa sanh.

³ Nguyên Hán: Linh bất sanh 令不生. Có sự chép nhầm. Nên sửa lại.

«Tỳ-kheo, tu bốn chánh đoạn như vậy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bốn chánh đoạn. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Tỳ-kheo nên biết, có nhiều túc tán quốc vương⁴ và các đại vương cùng đến phụ cận Chuyển luân Thánh vương. Đối với họ, Chuyển luân Thánh vương là tối tôn tối thượng. Ở đây cũng vậy, trong các thiện của ba mươi bảy pháp đạo phẩm, pháp không phóng dật là tối đệ nhất. Không phóng dật, Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn, tu nhiều bốn chánh đoạn? Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tỳ ác chưa sanh, tìm cầu [635c01] phương tiện khiến không cho sanh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sanh*. Pháp tỳ ác đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến diệt*, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp thiện chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên. Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn như vậy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁴ Túc tán quốc vương 粟散國王. Chỉ các Tiểu vương, chư hầu. Skt. *koṭa-rāja*, lãnh chúa tại một địa phương (Skt. *pradeśa-rāja*).

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Trong những ánh sáng tinh tú, ánh sáng mặt trăng là tối thượng đệ nhất. Ở đây cũng như vậy, trong những công đức thiện của ba mươi bảy pháp đạo phẩm, hành không phóng dật là đệ nhất tối tôn tối quý. Không phóng dật, Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn, tu nhiều bốn chánh đoạn. Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tỳ ác chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến không cho sanh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sanh*. Pháp tỳ ác đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến diệt*, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp thiện chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên. Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn như vậy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Trong các loại hoa như hoa chiêm bặc,⁵ hoa tu-ma-na⁶ trên chư thiên giữa loài người, hoa bà-sur⁷ là tối đệ nhất. Ở đây cũng lại như vậy, trong những công đức thiện của ba mươi bảy pháp đạo phẩm, hành không phóng dật là đệ nhất tối tôn tối quý. Không phóng dật, Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn, tu nhiều bốn chánh đoạn? Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tỳ ác chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến không cho sanh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sanh*. Pháp tỳ ác đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến diệt*, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp [636a01] thiện chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên. Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn như vậy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc thăng xe lông chim ra khỏi thành Xá-vệ đến tinh xá Kỳ-hoàn muốn hầu Thế Tôn. Theo pháp thường, các vua có năm thứ nghi trượng. Vua bỏ hết

⁵ Chiêm-bặc 瞻蔔. Skt (Pāli). *campaka*, một loại hoa vàng, hoàng hoa, kim sắc hoa.

⁶ Tu-ma-na 須摩那. Skt. (Pāli) *sumanas* (*sumanā*): tổ hương, hảo ý hương.

⁷ Bà-sur 婆師. Skt. *vārṣika* (Pāli: *vassika*), ha gian hoa, hạ sinh hoa, một hoa nở mùa hè.

⁸ Pāli, S 3. 21 Puggalasutta (R.i. 93). Hán, No 127 Tứ nhân kinh.

sang một bên, đến trước Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo vua:

«Đại vương nên biết, thế gian có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Hoặc có người trước tối sau sáng. Hoặc có người trước sáng sau tối. Hoặc có người trước tối sau tối. Hoặc có người trước sáng sau sáng.⁹

«Thế nào là người trước tối sau sáng? Ở đây, hoặc có người sinh vào nhà ti tiện, như dòng Chiên-đà-la, dòng hàng thịt,¹⁰ dòng thợ thuyền, hoặc sinh nhà dâm dật, hoặc không mắt, hoặc không chân tay, hoặc thường gót chân trần,¹¹ hoặc các căn thác loạn. Nhưng thân, miệng hành pháp thiện, ý nghĩ pháp thiện. Người này gặp sa-môn, bà-la-môn, các bậc trưởng giả, thường niệm lễ bái, không mất thời tiết, đứng dậy nghinh đón, đứng dậy tiễn đưa, trước cười sau nói, tùy thời cung cấp. Hoặc có lúc, gặp người ăn xin, hay sa-môn, bà-la-môn, người đi đường, người nghèo thiếu, nếu có tiền của thì đem giúp cho họ. Nếu không có của cải, người đó đến nhà trưởng giả cầu xin giúp đỡ cho. Hoặc gặp người khác giúp đỡ liền sinh lòng hoan hỷ hơn hở không tự chế. Người thân hành pháp thiện, miệng tu pháp thiện, ý nghĩ pháp thiện, thân hoại mạng chung sẽ sinh cõi thiện, trên trời. Giống như có người từ đất lên giường, từ giường lên ngựa, từ ngựa cỡi voi, từ voi vào giảng đường. Do vậy, nay Ta nói, người này trước tối sau sáng. Đại vương, như vậy, người này gọi là trước tối sau sáng.

⁹ Pāli, *ibid.*, *tamotamaparāyano*, *tamojotiparāyano*, *jotitamaparāyano*, *jotijotiparāyano*, từ bóng tối đi đến bóng tối, từ bóng tối đi đến ánh sáng, từ ánh sáng đi đến bóng tối, từ sáng đi đến sáng.

¹⁰ Đạm nhân 噉人, nghĩa đen, “ăn thịt người (?)” Có lẽ chỉ người bán thịt. No 127: Khôi khoái gia 魁膾家.

¹¹ Hán: Lỏa tiền 裸跣.

«Thế nào là người trước sáng sau tối? Ở đây, hoặc có người sinh vào gia tộc lớn, hoặc dòng sát-lợi, dòng trưởng giả,¹² dòng bà-la-môn, nhiều cửa, nhiều báu vật vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly, tôi tứ, nô tì không thể kể hết; voi, ngựa, heo, dê, tất cả đầy đủ. Tướng mạo người này xinh đẹp như màu hoa đào, nhưng người này lại thường ôm lòng tà kiến, tương ưng với biên kiến, có kiến chấp như vậy: «Không có bố thí, không có thọ nhận, không có vật cúng thí cho tiền nhân,¹³ cũng không có quả báo thiện ác, cũng không có đời này đời sau, cũng không có người đấng đạo, đời không A-la-hán đáng thờ kính, đời này đời sau có thể tác chứng.»¹⁴ Nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn, họ liền nổi sân hận, không lòng cung kính. Nếu thấy người khác bố thí, lòng họ không vui vẻ; những tạo tác của thân, miệng, ý không quân bình.¹⁵ Do tạo các hành vi phi pháp, người này thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Giống như có người từ giảng đường xuống voi, từ voi xuống ngựa, từ ngựa xuống giường, từ giường xuống đất. Vì thế, nên Ta nói người này như vậy Đại vương, nghĩa là người này trước sáng sau tối.

«Thế nào là người từ tối đến tối? Có người sinh nhà ti tiện, hoặc nhà Chiên-đà-la, hoặc nhà hàng thịt, hoặc nhà cùng cực thấp hèn. Người này đã sinh vào đây, có khi các căn át không đủ, tướng mạo xấu xí, mà người này lại thường ôm tà kiến, có kiến chấp như vậy: «Không có đời này, đời sau, không Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không người đấng đạo, cũng không A-la-hán

¹² Trưởng giả chủng 長者種, đây chỉ đẳng cấp thứ ba, phê-xá hay cư sĩ.

¹³ Hán diễn ý thay vì dịch từ tương đương Pāli: *huta*: phẩm vật hiến tế; xem D. i. 55, thuyết đoạn diệt (*uccheda*) của Ajitakesakambala.

¹⁴ Thuyết của Ajitakesakambala, D. 2 Samaññaphala (R.i. 55).

¹⁵ Hán: Bất bình quân 不平均; đoạn dưới: bất bình đẳng 不平等. Nên hiểu là “Không chân chánh.”

đáng thờ kính, cũng không đời này đời sau có tác chứng.) Nếu gặp sa-môn, bà-la-môn, họ liền nổi sân hận, không lòng cung kính. Nếu thấy người đến bố thí, lòng không vui vẻ, những tác hành của thân, miệng, ý không bình đẳng, phỉ báng thánh nhân, huỷ nhục Tam tôn¹⁶. Người đó đã không giúp tự mình bố thí, thấy người khác bố thí, lòng rất sân hận. Vì đã tạo hành sân nhuế, nên thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Giống như người từ tối đến tối, từ lửa bùng đến lửa bùng, bỏ trí tới ngu. Do vậy mà nói, người này có thể gọi là trước tối sau tối. Đại vương nên biết, cho nên gọi người này là từ tối đến tối.

«Thế nào là người từ sáng đến sáng? Hoặc có người sinh vào nhà vọng tộc, hoặc dòng sát-lợi, hoặc nhà quốc vương, hoặc nhà đại thần, nhiều cửa, lắm vật báu không thể kể hết, mà người kia tướng mạo lại xinh đẹp như màu hoa đào, người này thường có chánh kiến, tâm không thác loạn. Người ấy có những chánh kiến này: <Có thí, có phước, có người nhận, có báo quả thiện ác, có đời này đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn.> Và lại, người này, nếu gặp sa-môn, bà-la-môn khởi lòng cung kính, vui hiện nhan sắc. Tự thân thường thích bố thí, lại cũng khuyên người khiến thực hành bố thí. Nếu ngày nào bố thí thì lòng thường hớn hở không kiềm chế được. Họ thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, nên thân hoại mạng chung sinh về cõi thiện. Giống như có người từ giảng đường đến giảng đường, từ cung đến cung. Do vậy mà nói, nay Ta nói người này từ sáng đến sáng. Đại vương, đó là thế gian có bốn hạng người này.»

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Vua nên biết, người nghèo

¹⁶ Tam tôn 三尊, tức Tam bảo.

*Có tín, thích bố thí;
Gặp Sa-môn, Bà-la,
Cùng những người đáng thí;
Thường đứng dậy đón, tiếp;
Lại khuyên bảo chánh kiến;
Lúc thí, thật vui mừng;
Không trái điều người xin.
Người kia là bạn tốt,
Quyết không làm hạnh ác,
Thường thích hành chánh kiến,
Hay nghĩ cầu pháp thiện.
Đại vương như người kia,
Lúc chết, nơi sinh về,
Quyết sinh trời Đâu-suất.
Trước tối mà sau sáng.*

*Như người hết sức giàu,
Không tín, hay sân hận,
Lòng tham lam, khiếp nhược,
Tà kiến mà không đổi;
Gặp sa-môn, bà-la-môn,
Cùng những người ăn xin,
Thường chửi mắng, nhiếc móc;
Tà kiến, nói không có;
Thấy thí, nổi sân giận;
Không muốn có người thí;
Người kia hành rất tệ,
Tạo mọi nguồn gốc ác.
Những người kia như vậy,
Đến khi mạng sắp chết,
Sẽ sinh vào địa ngục:
Trước sáng mà sau tối.*

*Như có người bản thiện,
Không tín, hay sân hận;*

Tạo mọi hành bất thiện;
Tà kiến không chánh tín;
Nếu gặp vị sa-môn,
Cùng người đáng thừa sự,
[637a0]Mà luôn khinh huỷ họ;
Xan tham không tín tâm;
Lúc cho mà không vui;
Thấy người cho cũng vậy.
Hành vi người kia làm,
Không dẫn đến an vui.
Những hạng người như vậy,
Cho đến khi mạng chung
Sinh vào trong địa ngục:
Trước tối sau cũng tối.

Như người rất có của;
Có tín, thích bố thí,
Chánh kiến, không niệm quý,
Thường thích cầu pháp thiện.
Nếu thấy các đạo sĩ,
Những người đáng bố thí,
Đứng dậy cung kính đón,
Học tập theo chánh kiến,
Khi cho thật hoà vui,
Thường niệm tưởng bình đẳng;
Bố thí không tiếc lân,
Không trái với lòng người.
Người ấy sống¹⁷ lương thiện,
Không tạo mọi phi pháp.
Nên biết người như vậy,
Đến khi mạng sắp chết
Quyết sinh chỗ tốt lành:

¹⁷ Hán: thọ mạng 受命; được hiểu là “chánh mạng”, sống bằng nghề nghiệp lương thiện.

Trước sáng mà sau sáng.

«Cho nên Đại vương, hãy học trước sáng mà sau sáng, chớ nên học trước sáng mà sau tối. Đại vương, nên học điều này như vậy.»

Sau khi vua Ba-tư-nặc đã nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả A-nan đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Sau đó không lâu lại lấy hai tay sờ chân Như Lai, rồi dùng miệng hôn lên chân Như Lai, mà nói như vậy:

«Thân thể của đấng Thiên Tôn vì sao thế này? Thân nhân quá vậy! Thân Như Lai không như xưa.»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, A-nan, như những gì ông nói. Nay thân Như Lai, da thịt đã nhăn, thân thể hiện tại không như xưa. Sở dĩ như vậy là vì, phàm có thân thể là bị bệnh thúc ép. Đáng bệnh, chúng sanh bị bệnh vây khốn; đáng chết, chúng sanh bị chết bức bách. Nay Như Lai tuổi đã suy vi, đã hơn 80.»

A-nan nghe những lời này, buồn khóc nghẹn ngào không tự nén được lời liền nói lời này:

«Than ôi! Sự già đã đến đây rồi!»

Bấy giờ, đã đến giờ, Thế Tôn khoác y mang bát vào thành Xá-vệ khát [637b01] thực. Thế Tôn đi khát thực, lần hồi đến cung vua Ba-tư-nặc. Trong lúc đó, trước cửa của vua Ba-tư-nặc có

Tặng nhất A-hàm

vài mươi chiếc xe hư cũ bị bỏ một bên. Tôn giả A-nan thấy những cỗ xe bị vất ở một bên như vậy, liền bạch Thế Tôn:

«Đây là những chiếc xe của vua Ba-tu-nặc. Ngày xưa, lúc mới làm thật là tinh xảo, nhưng ngày nay trông chúng cũng như màu gạch đá.»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, A-nan, như những gì ngươi đã nói. Những chiếc xe như đang được thấy đây, xưa kia thật là tinh xảo, làm bằng vàng bạc. Ngày nay đã hư hỏng, không thể dùng được nữa. Vật bên ngoài còn hư hoại như vậy, huống chi là bên trong.»

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ôi! Già, bệnh, chết này,
Hoại người sắc cực thịnh.
Lúc đầu tâm hoan lạc,
Nay bị chết bức bách.*

*Dù tuổi thọ trăm năm
Đều qui về cái chết.
Không ai thoát khổ này;
Hết thấy về đường này.*

*Những gì có trong thân,
Bị chết rượt đuổi đi.
Bốn đại ở bên ngoài
Đều quay về gốc không.*

*Cho nên cầu không chết,
Chỉ có về Niết-bàn;
Nơi không chết không sinh
Đều không các hành này.*

Bấy giờ, Thế Tôn liền tới chỗ vua Ba-tu-nặc. Vua Ba-tu-nặc bày biện đồ ăn thức uống cúng dường Thế Tôn. Thấy Thế Tôn

đã ăn xong, vua liền lấy một ghế nhỏ ngồi trước Như Lai, bạch Thế Tôn:

«Sao vậy, Thế Tôn, hình thể của chư Phật đều là kim cương, mà cũng phải chịu già, bệnh, chết sao?»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, Đại vương, như lời Đại vương. Như Lai cũng phải có sinh, già, bệnh, chết. Nay Ta cũng là người, cha tên Chân Tịnh, mẹ tên Ma-da, thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương.»

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Phật hiện giữa loài người,
Cha tên là Chân Tịnh,
Mẹ tên Cực Thanh Diệu,
Dòng sát-lợi quyền quý.*

*Đường chết thật là khôn
Đều không xét tôn ti.
Chư Phật còn không khỏi,
Huống chi lại phạm phu.*

[637c01]Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này cho vua Ba-tư-nặc:

*Tể tự: tể lửa nhất;
Thi thơ: tụng tối tôn;
Nhân gian: vua là quý;
Các sông: biển là đầu;
Các sao: trăng trên hết;
Ánh sáng: mặt trời nhất.
Tám phương, trên, dưới, giữa
Nơi thế giới vận hành,
Trời cùng người thế gian:
Như Lai là tối tôn
Muốn cầu phước lộc kia*

*Hãy cúng dường Tam-Phật.*¹⁸

Thế Tôn nói kệ này rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, trở về tinh xá Kỳ-hoàn, đến chỗ ngồi mà ngồi.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Có bốn pháp được người thế gian ái kính. Thế nào là bốn? Tuổi trẻ tráng niên được người thế gian ái kính; không có bệnh đau được người ái kính; tuổi thọ được người ái kính; ân ái tụ hợp được người ái kính. Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp được mọi người thế gian ái kính.

«Lại nữa Tỳ-kheo, lại có bốn pháp không được người thế gian ái kính. Thế nào là bốn? Tỳ-kheo nên biết, tuổi trẻ tráng niên đến lúc già bệnh, người đời không thích; người không bệnh sau lại mắc bệnh, người đời không thích; được tuổi thọ mà sau lại mạng chung, người đời không thích; ân ái hội hợp sau lại chia lìa. Đó là những điều người đời không thích. Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp cùng đời xoay chuyển. Chư thiên, người đời cho đến Chuyển luân Thánh vương, chư Phật, Thế Tôn cùng có pháp này. Tỳ-kheo, đó là thế gian có bốn pháp này cùng đời xoay chuyển. Nếu không biết bốn pháp này, phải chịu lưu chuyển trong sinh tử, xoay tròn trong năm đường. Thế nào là bốn? Giới Thánh hiền, tam muội Thánh hiền, trí tuệ Thánh hiền, giải thoát Thánh hiền. Tỳ-kheo, đó là có bốn pháp này mà ai không giác tri, thì phải thụ nhận bốn pháp trên. Nay Ta cùng các người nhờ giác tri bốn pháp Thánh hiền này mà đoạn gốc sinh tử không còn tái sinh đời sau. Như nay thân thể Như Lai suy già, phải chịu báo suy hao này. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu Niết-bàn vĩnh tịch này, không sinh, không già, không

¹⁸ Tam-Phật 三佛, phiên âm, Pāli = Skt. Sambuddha.

bệnh, không chết; ân ái biệt ly, thường niệm tưởng biến dịch vô thường. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, [638a01] hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra lệnh quan phụ tá sửa soạn xe lông chim. Vua muốn ra xem đất, giảng đường, ngoài thành Xá-vệ. Trong lúc đó, mẹ vua¹⁹ Ba-tư-nặc vừa qua đời. Bà sống đến một trăm tuổi, rất là suy yếu, vua rất tôn kính nhớ thương chưa từng rời mắt. Lúc đó, bên cạnh vua Ba-tư-nặc có đại thần tên Bất-xà-mật, tài cao cái thế, được mọi người tôn trọng. Đại thần suy nghĩ: “Mẹ của vua Ba-tư-nặc này vừa đúng tuổi trăm, hôm nay mạng chung. Nếu nghe được vua rất lo sầu, quên ăn bỏ uống mà bị bệnh nặng. Nay ta phải tìm cách nào khiến vua không lo sầu cũng không bị bệnh.”

Bấy giờ, đại thần chuẩn bị năm trăm voi trắng, năm trăm ngựa tốt; lại cách đặt năm trăm lính bộ, năm trăm kỹ nữ, năm trăm lão mẫu, năm trăm bà-la-môn, và có năm trăm sa-môn; lại chuẩn bị năm trăm bộ y phục, năm trăm thứ trân bảo làm cỗ quan tài lớn đẹp cho người chết, vẽ vờ thật là tinh xảo; treo phướn lọng, thổi kỹ nhạc, không thể kể hết được, rồi đưa ra khỏi thành Xá-vệ. Lúc đó, vì có chút việc, vua Ba-tư-nặc trở vào lại trong thành. Từ xa, vua nhìn thấy có người chết, hỏi tả hữu:

¹⁹ Cf. *Tạp* (Việt) 1031: Tô mẫu (bà nội). Pāli, S. 3 22: *ayyakā*.

Tăng nhất A-hàm

«Đây là ai mà cúng dường đến thế?»

Bất-xà-mật tâu:

«Trong thành Xá-vệ này có mẹ Trưởng giả vô thường. Đó là vật dụng của họ.»

Vua lại hỏi:

«Những voi, ngựa, xe cộ này lại dùng để làm gì?»

Đại thần tâu:

«Năm trăm lão mẫu này, dùng để dâng lên vua Diêm-la để chuộc mạng.»

Vua liền cười và nói:

«Đây là cách của người ngu. Mạng cũng khó mà giữ, làm sao có thể đổi được? Như có người rơi vào miệng cá ma-kiệt, muốn mong thoát ra lại thật khó được. Ở đây cũng vậy, đã rơi vào chỗ vua Diêm-la, muốn cầu ra khỏi thì thật khó có thể được.»

«Năm trăm kỹ nữ này cũng dùng để chuộc mạng.»

Vua bảo:

«Điều này cũng khó được.»

Đại thần tâu:

«Nếu những kỹ nữ này không thể được, thì sẽ dùng cách khác để chuộc.»

Vua bảo:

«Điều này cũng khó được.»

Đại thần tâu:

«Nếu điều này không thể được, thì phải dùng năm trăm trâu bảo để chuộc.»

Vua bảo:

«Điều này cũng khó [638b01] được.»

Đại thần tâu:

«Nếu điều này không thể được, thì dùng năm trăm y phục để chuộc.»

Vua bảo:

«Điều này cũng khó được.»

Đại thần tâu:

«Nếu y phục này không thể được, thì phải dùng chú thuật của năm trăm bà-ma-môn này làm chú thuật để lấy lại.»

Vua bảo:

«Điều này cũng khó được.»

Đại thần tâu:

«Nếu năm trăm bà-la-môn này không thể được, thì lại phải đem những vị sa-môn tài cao thuyết pháp này để chuộc.»

Vua bảo:

«Điều này cũng không thể được.»

Đại thần tâu:

«Nếu thuyết pháp không thể được, thì sẽ tập hợp binh chúng gây trận đánh lớn để chiếm lại.»

Lúc này, vua Ba-tư-nặc cười lớn mà nói:

Tăng nhất A-hàm

«Đây là cách của người ngu, vì đã rơi vào miệng cá ma-kiệt, thì quyết không thoát được.»

Vua nói tiếp:

«Ngươi nên biết, có gì sinh mà không chết ư?»

Đại thần tâu:

«Điều này thật không thể được.»

Vua bảo:

«Thật không thể được, chư Phật cũng dạy: «Phàm có sinh thì có chết, mạng cũng khó được.»»

Lúc đó, Bất-xà-mật quỳ tâu vua:

«Cho nên, Đại vương chớ quá sầu lo. Tất cả chúng sanh đều qui về cái chết.»

Vua bảo:

«Sao ta phải sầu lo?»

Đại thần tâu vua:

«Vua nên biết, hôm nay, mẹ Đại vương đã mất.»

Cho nên, vua Ba-tư-nặc nghe những lời này xong, thở dài tám chín lần, rồi bảo đại thần:

«Lành thay, như những gì ông nói, là hay biết dùng phương tiện khéo léo.»

Sau đó, vua Ba-tư-nặc trở vào thành, sắm sửa các thứ hương hoa cúng dường vong mẫu. Cúng dường vong mẫu xong, liền trở lại xe, đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi:

«Đại vương, vì sao người dính đầy bụi bặm?»

Vua bạch Thế Tôn:

«Mẹ con qua đời, vừa đưa ra ngoài thành. Nay con đến chỗ Thế Tôn để hỏi lý do ấy. Lúc còn sống, mẹ con trì giới tinh tấn, thường tu pháp thiện, tuổi vừa một trăm, nay đã qua đời, nên đến chỗ Thế Tôn. Nếu con phải đem voi để mua mạng được, con cũng sẽ dùng voi để mua. Nếu phải dùng ngựa để chuộc mạng được, con cũng sẽ dùng ngựa để chuộc. Nếu phải dùng xe cộ để chuộc mạng được, con sẽ dùng xe cộ để chuộc. Nếu phải dùng vàng bạc trân bảo để chuộc được, con cũng sẽ dùng vàng bạc trân bảo để chuộc. Nếu phải dùng nô bộc, tôi tớ, thành quách, đất nước để chuộc mạng được, thì con cũng sẽ dùng nô bộc, tôi tớ, thành quách, đất nước để chuộc. Nếu phải dùng nhân dân đất nước Ca-thi²⁰ để [638c01] chuộc mạng được, con cũng sẽ dùng nhân dân đất nước Ca-thi để chuộc, không để cho mạng mẹ con mất»

Thế Tôn bảo:

«Đại vương, chớ quá lo sầu, vì tất cả chúng sanh đều qui về cái chết. Tất cả mọi pháp đều biến dịch. Cho nên, nếu muốn không biến dịch, quyết không có việc này. Đại vương nên biết, pháp của thân người giống như nắm tuyết, tất sẽ tan chảy. Cũng như nắm đất, rồi cũng vỡ vụn, không thể giữ lâu; Cũng như quáng nắng,²¹ huyễn hoá, hư nguy không thật; cũng như nắm tay không, dùng để gạt con nít. Cho nên, Đại vương, chớ mang sầu lo, trồng cây vào thân này. Đại vương nên biết, có bốn điều rất sợ hãi này, sẽ mang đến thân này không thể ngăn che được, cũng không thể dùng ngôn ngữ, chú thuật, thuốc men, phù thư để có thể trừ khử. Những gì là bốn? Một là già làm bại hoại

²⁰ Ca-thi 加尸. Pāli: Kāsi, thời Phật, thuộc quyền cai trị của vua Ba-tư-nặc.

²¹ Hán: dã mã 野馬.

tráng niên khiến không nhan sắc. Hai là bệnh làm bại hoại hết người không bệnh. Ba là chết làm bại hoại hết mạng căn. Bốn là vật hữu thường trở về vô thường.

«Đại vương, có bốn pháp này không thể ngăn che được, không dùng sức để hàng phục. Đại vương nên biết, giống như bốn hướng có bốn núi lớn, từ bốn hướng dồn ép đến chúng sanh, chẳng phải sức để loại bỏ. Cho nên, này Đại vương, chẳng phải vật kiên cố, không thể nương tựa. Do đó, Đại vương nên dùng pháp để cai trị, chớ nên dùng phi pháp. Vua cũng không còn bao lâu sẽ đến biển sinh tử. Vua cũng nên biết những người dùng pháp để cai trị, thân hoại mạng chung sẽ sinh về nơi thiện, trên trời. Nếu người nào dùng phi pháp để cai trị, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục. Cho nên, này Đại vương, nên dùng pháp để cai trị, chớ nên dùng phi pháp. Đại vương, hãy học điều này như vậy.»

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc, bạch Thế Tôn:

«Pháp này có tên là gì? Nên phụng hành thế nào?»

Thế Tôn bảo:

«Pháp này tên là trừ sầu ưu.»

Vua bạch Phật:

«Thật vậy, Thế Tôn, sở dĩ như vậy, vì con nghe pháp này rồi, mọi sầu lo có được hôm nay đã trừ. Thế Tôn, việc đất nước bề bộn, con muốn trở về cung.»

Thế Tôn bảo:

«Nên biết đúng thời.»

Vua Ba-tu-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi lui đi.

Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

[639a01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Nay Ta không những chỉ tối tôn trong hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, mà còn tối tôn đến cả trong loài người. Nay có bốn pháp mà Ta, ở giữa chúng bốn bộ, chư thiên và loài người, tự mình giác tri, tự thân tác chứng. Những gì là bốn? Một là, tất cả các hành đều vô thường, mà Ta, ở giữa chúng bốn bộ, chư thiên và loài người, tự mình giác tri, tự thân tác chứng. Hai là, tất cả các hành khổ. Ba là tất cả các hành vô ngã. Bốn là Niết-bàn tịch tĩnh, mà Ta, ở giữa chúng bốn bộ, chư thiên và loài người, tự mình giác tri, tự thân tác chứng. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bốn pháp mà Ta, ở giữa chúng bốn bộ, chư thiên và loài người, tự mình giác tri, tự thân tác chứng.»

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Lúc ấy, Thế Tôn muốn đến thành La-duyệt hạ an cư. Xá-lợi-phất cũng muốn đến thành La-duyệt hạ an cư, và một nghìn hai trăm năm mươi đệ tử đều muốn thành La-duyệt hạ an cư. Nhưng Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên hạ an cư xong sẽ nhập Niết-bàn.

Tăng nhất A-hàm

Sau khi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... đến Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyệt, hạ an cư xong. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

«Nay một nghìn hai trăm năm mươi đệ tử vì các ông mà hạ an cư nơi này. Nhưng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sắp diệt độ. Thế nào, Xá-lợi-phất, thầy có thể vì các Tỳ-kheo nói diệu pháp không? Ta nay đau lưng, muốn nghỉ một chút»

Xá-lợi-phất thưa:

«Kính vâng, Thế Tôn!»

Bấy giờ, Thế Tôn tự mình gập tăng-già-lê²², nằm nghiêng hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau, để tâm nơi ánh sáng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

«Lúc tôi mới thọ giới, trải qua nửa tháng, chứng đắc bốn biện tài, tự thân tác chứng, đầy đủ nghĩa lý.²³ Nay tôi sẽ phân biệt nói rõ ý nghĩa cho các thầy biết, phân biệt rõ ràng. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!»

Các Tỳ-kheo thưa:

«Thưa vâng!»

Các Tỳ-kheo vâng theo lời của Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất hỏi:

«Những gì là bốn biện tài tôi đã chứng được? Đó là nghĩa biện, tôi do đây mà chứng được;²⁴ là pháp biện,²⁵ tôi do đây mà

²² Tăng-ca-lợi 僧迦利, tức y tăng-già-lê.

²³ Bốn biện tài 四辯才, cũng nói là bốn vô ngại biện hay bốn vô ngại giải. Pāli: Cf. A IV 172 Vibhattisuttam (R. ii. 160).

²⁴ Nghĩa biện 義辯, hay nghĩa vô ngại giải. Pāli, ibid. *atthapaṭisambhidā sacchikatā odhiso byañjanaso*, do từng trường hợp, y theo văn, tôi tác chứng nghĩa vô ngại giải.

²⁵ Pháp biện 法辯. Pāli: *dhammapaṭisambhidā*.

chứng được; là ứng biện,²⁶ tôi do đây mà chứng được; là tự biện,²⁷ (tôi do đây mà chứng được).²⁸

“Nay tôi sẽ phân biệt rộng nghĩa của chúng. Nếu chúng bốn bộ có ai hồ nghi, bây giờ có thể hỏi tôi nghĩa của chúng. Nếu các Hiền giả đối với bốn thiên mà có ai hồ nghi, hoặc các Hiền giả đối với bốn vô lượng tâm* mà có ai hồ nghi có thể hỏi, nay tôi sẽ nói. Nếu các Hiền giả đối với bốn chánh đoạn mà có ai hồ nghi có thể hỏi tôi về nghĩa, nay tôi sẽ nói; hoặc đối với bốn thân tức, bốn niệm xứ*, bốn đế mà có ai hồ nghi, nên đến hỏi tôi về nghĩa, nay tôi sẽ nói. Nay nếu không ai hỏi, sau có hỏi cũng vô ích. Nay cũng nên hỏi tôi về những pháp sâu xa, cùng những sở của Thế Tôn Vô sở trước, Đẳng chánh giác, tôi sẽ nói cho. Nếu không hỏi, sau chớ có hỏi.»

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đã đến giờ, đáp y, cầm bát vào thành La-duyet khát thực. Các phạm-chí chấp trượng²⁹ từ xa trông thấy Mục-liên đến, bảo nhau rằng: “Đây là một trong những đệ tử Sa-môn Cù-dàm, không ai hơn người này. Chúng ta cùng nhau bao vây đánh chết đi.” Các phạm-chí kia liền bao vây, dùng gạch đá đánh chết rồi bỏ đi. Thịt xương thân thể không nơi nào không nát hết, đau đớn khổ não quá không thể kể được. Khi Đại Mục-kiền-liên nghĩ thầm: “Các phạm-chí này vây ta, đánh xương thịt nát như rồi bỏ ta mà đi. Nay thân thể ta

²⁶ Ứng biện 應辯, tức từ vô ngại giải. Pāli: *iruttipaṭṭisambhidā*, giải thích từ nguyên thông suốt.

²⁷ Tự biện 自辯, hay biện (tài) vô ngại giải. Pāli: *paṭibhānapaṭṭisambhidā*.

²⁸ Trong ngoặc, nhảy sót trong đề bản, nên thêm vào cho đủ văn.

²⁹ Chấp trượng phạm chí 執杖梵志, nhóm ngoại đạo cầm gậy. *Tỳ-nại-da tạp sự 18* (T24n1451, tr. 287a26): Nhóm ngoại đạo tà mạng, cầm gậy và bện tóc, đón đường đánh chết Mục-kiền-liên. *Tỳ-nại-da 2* (T24n1464, tr. 857c27): nhóm phạm chí chấp trượng, cầm gậy có hình như đầu người. Truyền thuyết Pāli, Ngài bị giết bởi nhóm Nigantha.

không nơi nào không bị đánh, vô cùng đau nhức, lại không còn khí lực sao trở về Trúc viên được. Nay ta có thể dùng thần túc trở về tinh xá.” Rồi Mục-liên liền dùng thần túc trở về tinh xá, đến chỗ Xá-lợi-phất, ngồi xuống một bên. Tôn giả đại Mục-kiền-liên nói với Xá-lợi-phất:

«Các phạm-chí chấp trượng này vây tôi đánh xương thịt nát hết, thân thể đau nhức thật không thể chịu được. Nay tôi muốn vào Niết-bàn nên đến từ giả thầy.»

Xá-lợi-phất nói:

«Trong đệ tử Thế Tôn, thầy thần túc đệ nhất, có đại oai lực. Sao không dùng thần túc mà tránh?»

Mục-liên đáp:

«Hành vi mà tôi đã làm trước kia thật là sâu nặng, khi đòi hỏi phải thọ báo thì quyết không thể tránh. Không phải ẩn trong hư không mà có thể tránh được báo ứng này. Hôm nay, thân thể tôi thật là đau nhức, nên đến từ giả thầy để nhập Niết-bàn.»

[639c01] Xá-lợi-phất nói:

«Những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào mà tu bốn thần túc, phần nhiều diễn rộng nghĩa của nó, theo ý người đó muốn, trụ lại một kiếp hay hơn một kiếp, cho đến không diệt độ. Vì sao thầy không trụ, mà diệt độ?»

Mục-kiền-liên nói:

«Thật vậy, Xá-lợi-phất, Như Lai dạy, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào tu bốn thần túc, muốn sống thọ trải qua nhiều kiếp, cũng có thể được. Nếu Như Lai chỉ trụ một kiếp, tôi cũng trụ vậy. Nhưng hiện tại Thế Tôn không còn bao lâu sẽ nhập Bát-niết-bàn. Thọ mạng các loài chúng sanh rất ngắn. Lại nữa, tôi không

nữ khi nhìn Thế Tôn vào Bát-niết-bàn. Bây giờ thân thể tôi thật là đau đớn, nên tôi muốn nhập Bát-niết-bàn.»

Bây giờ, Xá-lợi-phất nói Mục-liên:

«Nay thầy chờ một chút, tôi sẽ diệt độ trước.»

Mục-liên im lặng không đáp. Lúc đó Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

«Nay con muốn diệt độ. Cúi xin cho phép.»

Lúc đó, Thế Tôn im lặng không đáp. Xá-lợi-phất ba lần bạch Thế Tôn:

«Nay là lúc thích hợp, con muốn nhập Bát-niết-bàn.»

Bây giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

«Tại sao, nay thầy không trụ một kiếp hay hơn một kiếp?»

Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

«Tự thân con nghe, tự thân vâng lãnh lời của Thế Tôn, rằng thọ mạng các loài chúng sanh rất ngắn, thọ nhất bất quá trăm năm. Vì thọ mạng chúng sanh ngắn nên tuổi thọ Như Lai cũng ngắn. Nếu tuổi thọ Như Lai sẽ một kiếp, tuổi thọ của con cũng sẽ một kiếp.»

Thế Tôn bảo:

«Nhu lời Xá-lợi-phất, vì mạng chúng sanh ngắn, nên thọ mạng của Như Lai cũng ngắn. Nhưng điều này cũng lại không thể luận bàn. Sở dĩ như vậy là vì, a-tăng-kỳ kiếp lâu xa về trước, có Phật tên Thiện Niệm Thế Nguyện Như Lai, Chí Cchơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Tuổi thọ con người vào lúc bấy giờ là tám vạn năm, không có ai chết yếu giữa chừng. Đức Như Lai

Thiện Niệm Thệ Nguyên kia ngay lúc thành Phật, liền hôm đó hoá làm vô lượng Phật, an lập vô lượng chúng sanh hành theo ba thừa, có người trụ vào địa vị bất thối chuyển; lại an lập vô lượng chúng sanh nơi bốn chủng tánh; lại an lập vô lượng chúng sanh vào cung Tứ thiên vương, Diêm thiên, Đâu-suất thiên, Hoá tự tại thiên, Tha hoá tự tại thiên, Phạm-ca-di thiên, Dục thiên, Sắc thiên, Vô sắc thiên, và cũng ngày hôm đó ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà nhập Bát-niết-bàn. [640a01]. Nhưng nay, Xá-lợi-phất nói vì tuổi chúng sanh ngắn nên thọ mạng Như Lai cũng ngắn.

«Thế nào, Xá-lợi-phất, thầy nói rằng ‘Như Lai trụ một kiếp hay hơn một kiếp, con cũng trụ một kiếp hay hơn một kiếp.’ Nhưng chúng sanh lại không thể biết thọ mạng Như Lai ngắn hay dài. Xá-lợi-phất nên biết, Như Lai có bốn sự không thể nghĩ bàn, chẳng phải điều mà Tiểu thừa có thể biết. Thế nào là bốn? Thế giới không thể nghĩ bàn; chúng sanh không thể nghĩ bàn; long cung không thể nghĩ bàn; cảnh giới Phật độ không thể nghĩ bàn. Nay Xá-lợi-phất, đó gọi là có bốn việc không thể nghĩ bàn.»

Xá-lợi-phất thưa:

«Thật vậy, Thế Tôn! Có bốn sự không thể nghĩ bàn: thế giới, chúng sanh, long cung, Phật độ, thật không thể nghĩ bàn. Nhưng trong một thời gian dài con nghĩ rằng Phật Thích-ca Văn cuối cùng không trụ một kiếp. Lại nữa, chư thiên đến chỗ con, bảo con rằng: ‘Phật Thích-ca Văn không ở đời lâu dài, khi tuổi vào tám mươi.’ Vậy nay, Thế Tôn không còn bao lâu sẽ nhập Niết-bàn. Nay con không cam nhìn Thế Tôn nhập Bát-niết-bàn. Và lại, chính con nghe từ Như Lai dạy rằng: ‘Các đệ tử thượng túc của chư Phật quá khứ, tương lai, hiện tại đều nhập Bát-niết-bàn trước, sau đó Phật mới nhập Bát-niết-bàn, và đệ tử cuối cùng cũng nhập Bát-niết-bàn trước, sau đó không lâu

Thế Tôn sẽ diệt độ.’ Nguyên xin Thế Tôn cho phép con diệt độ.»

Thế Tôn bảo:

«Nếu thời gian thích hợp.»

Xá-lợi-phất liền ngồi trước Như Lai, chánh thân, chánh ý, buộc niệm ở trước mà vào sơ thiền. Từ sơ thiền khởi, lại vào nhị thiền. Từ nhị thiền khởi, lại vào tam thiền. Từ tam thiền khởi, lại vào tứ thiền. Từ tứ thiền khởi, lại vào không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Từ hữu tướng vô tướng khởi, vào diệt tận định. Từ diệt tận định khởi, vào phi tướng phi phi tướng xứ. Từ phi tướng phi phi tướng xứ khởi, vào vô sở hữu xứ, thức xứ, không xứ. Từ không xứ khởi, vào đệ tứ thiền. Từ đệ tứ thiền khởi, vào đệ tam thiền. Từ đệ tam thiền khởi, vào đệ nhị thiền. Từ đệ nhị thiền khởi, vào sơ thiền. Từ sơ thiền khởi, vào đệ nhị thiền. Từ đệ nhị thiền khởi, vào đệ tam thiền. Từ đệ tam thiền khởi, vào đệ tứ thiền. Khi Tôn già Xá-lợi-phất từ tứ thiền khởi, bảo các Tỳ-kheo:

«Đây gọi là định sư tử phần tấn.»

Lúc này, các Tỳ-kheo khen ngợi rằng:

«Chưa từng có, thật là kỳ [640b01] diệu. Tôn già Xá-lợi-phất nhập định nhanh chóng như vậy!»

Bấy giờ, Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn, rồi lui đi. Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo đi theo sau Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất quay lại bảo:

«Chư Hiền, các vị muốn đi đâu?»

Các Tỳ-kheo đáp:

«Chúng tôi muốn được cúng dường xá-lợi Tôn già.»

Xá-lợi-phất bảo:

«Thôi, thôi, các Hiền giả! Vậy gọi là cúng dường rồi. Tôi đã có Sa-di đủ để cúng dường rồi. Các vị hãy về lại chỗ mình, tư duy hoá đạo, khéo tu phạm hạnh, hết sạch khổ nạn. Như Lai ra đời rất khó gặp được. Thật lâu mới hiện, giống như hoa Ưu-đàm-bát thật lâu mới nở. Như Lai cũng lại như vậy, ức kiếp mới hiện ra. Thân người cũng lại khó được. Có tí thành tựu lại cũng khó được. Muốn mong xuất gia học pháp Như Lai cũng lại khó được. Muốn cho tất cả các hành không diệt tận, điều này cũng khó được. Hãy diệt tận ái dục, không còn dư tàn, Niết-bàn diệt tận.

“Nay có bốn pháp mà Như Lai đã nói. Những gì là bốn? Tất cả các hành vô thường, đó gọi là pháp thứ nhất mà Như Lai đã nói. Tất cả các hành là khổ, đó gọi là pháp thứ hai mà Như Lai đã nói. Tất cả các hành vô ngã, đó gọi là pháp thứ ba mà Như Lai đã nói. Niết-bàn là vĩnh tịch, đó gọi là pháp thứ tư mà Như Lai đã nói.

«Này các Hiền giả, đó gọi là bốn pháp mà Như Lai đã nói.»

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đều cùng rơi lệ:

«Xá-lợi-phất, nay sao diệt độ nhanh như vậy!»

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

«Thôi, thôi, các Hiền giả chớ lo sầu. Pháp biến dịch mà muốn khiến không biến dịch, thì việc này không thể. Núi Tu-di còn có biến đổi vô thường, huống là cái thân hạt cải. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất mà thoát khỏi tai hoạn này sao? Thân kim cương của Như Lai không bao lâu cũng sẽ nhập Bát-niết-bàn, huống chi là thân tôi. Vậy các thầy hãy tu hành pháp này thì sẽ được hết khổ.»

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất về đến tinh xá, đến rồi thu cất y bát, ra khỏi Trúc viên trở về nơi sinh quán. Tôn giả Xá-lợi-phất khát thực lần hồi đến nước Ma-sầu.³⁰ Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất về sống tại Ma-sầu nơi Ngài đã sinh ra, thân mang bệnh tật thật là đau nhức. Khi ấy, chỉ có Sa-di Quân-đầu³¹ hầu hạ, trông nom dọn dẹp các thứ bất tịnh, đem lại sạch sẽ. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân biết tâm niệm Xá-lợi-phất, khoanh khắc giống như co duỗi cánh tay của lực sĩ, biến mất khỏi trời Tam thập tam, xuất hiện trong tinh xá Xá-lợi-phất. Đến nơi, đánh lễ sát chân, rồi dùng hai tay sờ chân Xá-lợi-phất, tự xưng tên họ mà nói rằng:

«Tôi là Đế Thích, vua của Trời.»

Xá-lợi-phất nói:

«Vui sướng thay, cầu mong Thiên Đế thọ mạng vô cùng!»

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

«Nay tôi muốn cúng dường xá-lợi Tôn giả.³²»

Xá-lợi-phất nói:

«Thôi, thôi, Thiên Đế! Vậy là cúng dường rồi. Cầu mong chư thiên thanh tịnh, A-tu-la, rồng, quỷ cùng chúng chư thiên cũng vậy.³³ Nay tôi đã có Sa-di, đủ để sai khiến.»

³⁰ Ma-sầu 摩瘦. Cf. *Tây vực ký* 4 (T51n2087, tr. 890a28): Mạt-thố-la 秣菟羅, tại đó có tháp thờ di thân của Xá-lợi-phất. Phiên âm của Mathurā hay Madhurā (Skt., Pāli đồng).

³¹ Quân-đầu Sa-di 均頭沙彌. Pāli: Cunda Samañuddesa. Cf. S. 47. 13 Cundasuttam (R.v. 161)

³² Đề bản: Cúng dường Tôn giả xá-lợi 供養尊者舍利. Hoặc nói đủ là “Cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất.” Ý Đế Thích muốn phục vụ nuôi bệnh ngài Xá-lợi-phất.

³³ Không thể phục vụ người bệnh, vì dơ bẩn.

Thích Đề-hoàn Nhân lần thứ ba bạch Xá-lợi-phất:

«Nay tôi muốn tạo phước nghiệp, chớ làm trái nguyện. Nay muốn cúng dường xá-lợi Tôn giả.»

Xá-lợi-phất im lặng không trả lời. Thích Đề-hoàn Nhân đích thân đổ phần, không từ hiềm khổ. Ngay đêm hôm đó Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn. Bảy giờ, mặt đất này chấn động sáu cách, có âm vang lớn. Chư thiên mưa hoa, trỗi lên kỹ nhạc. Chư thiên đầy khắp hư không. Chư thiên thần diệu cũng rải hoa câu-mâu-đầu, hoặc dùng hương bột chiên-đàn rải lên trên. Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất đã diệt độ, chư thiên ở giữa hư không đều bi thương, khóc lóc không kiềm chế được. Cũng lại như vậy, bảy giờ, Dục thiên, Sắc thiên, Vô sắc thiên ở giữa hư không, tất cả đều rơi lệ giống như mưa phùn, hoà xướng mùa xuân: “Nay Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn sao mà chóng thế!”

Bảy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân gom góp tất cả các loại hương mà thiêu thân Tôn giả Xá-lợi-phất; cúng dường các thứ xông, thân nhật xá-lợi, cùng y bát trao lại Sa-di Quân-đầu và bảo:

«Đây là xá-lợi cùng y bát của Thầy Ông. Hãy đem dâng Thế Tôn. Đến nơi, đem nhân duyên này bạch đầy đủ Thế Tôn. Nếu Ngài có dạy điều gì thì cứ theo đó mà làm theo.»

Quân-đầu đáp:

«Thật vậy, Câu-dục.»

Sa-di Quân-đầu mang y bát cùng xá-lợi đến chỗ A-nan, bạch A-nan:

«Thầy con đã diệt độ. Nay mang y bát cùng xá-lợi đến dâng lên Thế Tôn.» Sau khi thấy, A-nan liền rơi lệ và nói:

«Ông với ta [641a01] cùng đến chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này cùng bạch lên Thế Tôn. Nếu Thế Tôn dạy điều gì thì chúng ta sẽ làm theo vậy.»

Quân-đầu đáp:

«Thưa vâng, Tôn giả.»

Rồi A-nan dẫn Sa-di Quân-đầu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

«Sa-di Quân-đầu này đến chỗ con, thưa con rằng: ‘Thầy con đã diệt độ. Nay đem y bát dâng lên Như Lai.’ Hôm nay tâm ý con phiền não, tánh chí hoang mang, không còn biết gì. Nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn, con thương tâm buồn bã.»

Thế Tôn bảo:

«Thế nào, A-nan, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn với thân giới ư?»

A-nan thưa:

«Chẳng phải vậy, Thế Tôn.»

Thế Tôn bảo:

«Thế nào, A-nan, diệt độ với thân định, thân tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát sở kiến sao?»³⁴

A-nan bạch Phật:

«Tỳ-kheo Xá-lợi-phất không diệt độ với giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát sở kiến thân. Nhưng Tỳ-

³⁴ Cf. S 47 *ibid.* : Xá-lợi-phất y trên giới uẩn (*sīlakkhandham vā ādāya*), hay y trên định uẩn (*samādhikkhandham vā ādāya*), tuệ uẩn (*paññākkhandham*), giải thoát uẩn (*vimuttikkhandham*), giải thoát trí kiến uẩn (*vimuttiñāṇadassanakkhandham*) mà nhập Niết-bàn (*parinibbuto*)?

kheo Xá-lợi-phất thường hay giáo hoá, thuyết pháp không biết chán, và giáo giới cho các Tỳ-kheo cũng không biết chán. Nay con nhớ ân sâu quá nhiều này của Xá-lợi-phất, cho nên ưu sầu vậy.»

Thế Tôn bảo:

«Thôi, thôi, A-nan! Chớ ôm lòng sầu ưu. Vật không thường, muốn còn mãi, việc này không thể. Phạm có sinh thì có chết. Thế nào, A-nan, chư Phật quá khứ đều chẳng phải diệt độ sao? Giống như cây đèn, dầu hết thì tắt. Như từ Bảo Tạng Định Quang đến nay, bảy Phật cùng các đệ tử đều chẳng phải nhập Bát-niết-bàn sao? Cũng vậy, Bích-chi-phật như Thẩm Đế, Cao Xung, Viễn Văn, Ni-sa, Ưu-ni-bát-sa, Già-la, Ưu-bát-già-la,³⁵ các Bích-chi-phật nơi đây đều chẳng phải đã diệt độ sao? Thánh vương đầu tiên của đại quốc tên là Thiện Duyệt Ma-ha-đề-bà thuộc hiền kiếp, cũng như Chuyển luân Thánh vương hiện tại, há chẳng phải đều nhập Bát-niết-bàn sao?»

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tất cả hành vô thường.
Có sinh tất có chết.
Không sinh thì không diệt;
Diệt này tối đệ nhất.³⁶ *³⁷*

Thế Tôn bảo A-nan:

«Nay ngươi mang xá lợi của Xá-lợi-phất lại phải không?»

³⁵ Danh sách các Bích-chi-phật, xem phẩm 38 kinh 7 dưới. Pāli, cf. M 116 Isigili (R.iii. 68): Ariṭṭho; Upariṭṭho; Tagarasikhī; Yasassī; Sudassano; Piyadassī; Gandhāro; Piṇḍolo; Upāsabho; Nīto; Tatho, Sutavā; Bhāvitatto.

³⁶ Pāli, D 16 Mahāparinibbānasuttaṃ (R.ii. 157): *aniccā vata saṅkhārā, uppādavaya-dhammino; uppajjitvā nirujjhanti, tesam vūpasamo sukho.*

³⁷ Bản Hán, hết quyển 18.

A-nan thưa:

«Thật vậy, Thế Tôn!»

Bấy giờ, A-nan trao xá-lợi đến tay Thế Tôn. Thế Tôn tay cầm xá-lợi rồi bảo các Tỳ-kheo:

«Đây là xá-lợi của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, bậc trí tuệ, thông minh, tài cao trí lớn, ngần này loại trí: trí không thể cùng, trí không bờ đáy, có trí nhanh nhạy, có trí nhẹ nhàng, có trí sắc bén, có trí thật sâu, có trí thâm sát.³⁸ Đó là người ít muốn, biết đủ, thích nơi nhàn tịnh, ý chí đồng mãnh, việc làm không loạn, tâm không khiếm nhược, thường nhẫn nhục, trừ bỏ pháp ác, thể tánh nhu hoà, không thích tranh tụng, thường tu tinh tấn, hành tam-muội, tập trí tuệ, niệm giải thoát, tu hành thân tri kiến giải thoát.

«Tỳ-kheo nên biết, giống như đại thọ mà không có cành. Nay trong Tăng Tỳ-kheo, Như Lai là đại thọ. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã diệt độ, Ta giống như cây không cành. Nếu Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đi đến địa phương nào, địa phương đó gặp được đại hạnh, nói rằng ‘Xá-lợi-phất nghỉ lại ở địa phương này.’ Sở dĩ như vậy là vì, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường hay luận đàm cùng với các đệ học ngoại đạo, không ai mà không bị hàng phục.»

Đại Mục-kiền-liên sau khi nghe Xá-lợi-phất diệt độ, liền dùng thần túc đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi Đại Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

«Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, nay đã diệt độ. Nay con cũng muốn từ giã Thế Tôn để diệt độ.»

³⁸ Các loại trí của Xá-lợi-phất, cf. Pāli, S 8.7 Pavāraṇāsuttaṃ (R.i. 191): *paṇḍīto* (bác huệ), *mahāpaṇḍīto* (đại huệ), *puṭhupaṇḍīto* (quảng huệ), *hāsaṇḍīto* (tật huệ), *javanapaṇḍīto* (tiếp huệ), *tikkhapaṇḍīto* (lợi huệ), *niḍḍhikapaṇḍīto* (quyết trạch huệ).

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không trả lời. Như vậy, tôn giả lại bạch Thế Tôn lần thứ ba:

«Con muốn diệt độ.»

Bấy giờ, Thế Tôn cũng lại im lặng không trả lời. Mục-liên thấy Thế Tôn im lặng không trả lời, liền lễ sát chân Thế Tôn rồi lui đi, về đến tinh xá thâu cát y bát, ra khỏi thành La-duyệt, tự về nơi [641c01] sinh quán. Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo theo sau Tôn giả Mục-liên đến thôn Ma-sầu. Khi trú tại đây, Mục-liên mang trọng bệnh.

Bấy giờ, Mục-liên tự thân trải toà giữa đất trống mà ngồi, nhập sơ thiền. Từ sơ thiền khởi, nhập đệ nhị thiền. Từ đệ nhị thiền khởi, nhập đệ tam thiền. Từ đệ tam thiền khởi, nhập đệ tứ thiền. Từ tứ thiền khởi, nhập không xứ. Từ không xứ khởi, nhập thức xứ. Từ thức xứ khởi, nhập vô sở hữu xứ. Từ vô sở hữu xứ khởi, nhập phi tướng phi phi tướng xứ. Từ phi tướng phi phi tướng xứ khởi, nhập tam-muội hoả quang. Từ tam-muội hoả quang khởi, nhập tam-muội thuỷ quang. Từ tam-muội thuỷ quang khởi, nhập định diệt tận.

Từ định diệt tận khởi, nhập tam-muội thuỷ quang. Từ tam-muội thuỷ quang khởi, nhập tam-muội hảo quang. Từ tam-muội hảo quang khởi, nhập định hữu tướng vô tướng. Từ định hữu tướng vô tướng khởi, nhập vô sở hữu xứ. Từ vô sở hữu xứ khởi, nhập thức xứ, không xứ, tứ thiền, tam thiền, nhị thiền, sơ thiền.

Từ sơ thiền khởi, bay lên giữa hư không, ngồi nằm, kinh hành. Thân trên ra lửa, thân dưới ra nước; hoặc thân trên ra nước, thân dưới ra lửa, tạo ra mười tám cách biến hoá thần túc. Sau đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuống lại chỗ cũ ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, buộc niệm ở trước. Lại nhập sơ thiền. Từ

sơ thiên khởi, nhập đệ nhị thiên. Từ đệ nhị thiên khởi, nhập đệ tam thiên. Từ đệ tam thiên khởi, nhập đệ tứ thiên. Từ tứ thiên khởi, nhập không xứ. Từ không xứ khởi, nhập thức xứ. Từ thức xứ khởi, nhập vô sở hữu xứ. Từ vô sở hữu xứ khởi, nhập phi tướng phi phi tướng xứ. Từ phi tướng phi phi tướng xứ khởi, nhập tam-muội hoả quang. Từ tam-muội hoả quang khởi, nhập tam-muội thuỷ quang. Từ tam-muội thuỷ quang khởi, nhập định diệt tận.

Từ định diệt tận khởi, nhập thuỷ quang, hoả quang, phi tướng phi phi tướng xứ, vô sở hữu xứ, thức xứ, không xứ, tứ thiên, tam thiên, nhị thiên, sơ thiên.

Lại từ sơ thiên khởi, nhập đệ nhị thiên. Từ đệ nhị thiên khởi, nhập đệ tam thiên. Từ đệ tam thiên khởi, nhập đệ tứ thiên. Từ tứ thiên khởi, và diệt độ ngay lúc đó.

Khi Đại Mục-liên diệt độ, lúc này mặt đất chấn động rất mạnh. Chư thiên cùng bảo nhau hiện xuống, hầu thăm Đại Mục-liên, mang [642a01] các thứ đến cúng dường Tôn đức, hoặc các loại hương hoa đến cúng dường. Chư thiên giữa hư không trỗi kỹ nhạc, gảy đàn, ca múa đề cúng dường lên Tôn giả Mục-liên-liên.

Sau khi Tôn giả đại Mục-liên-liên đã diệt độ rồi, lúc ấy khoảng một do tuần trong thôn Na-la-đà³⁹ đầy kín chư thiên trong đó. Khi ấy, lại có nhiều Tỳ-kheo mang các thứ hương hoa rải lên thi thể Tôn giả Mục-liên-liên.

Bấy giờ, Thế Tôn từ thành La-duyet tuần tự khát thực, dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hoá nhân gian, đi đến thôn Na-la-đà cùng với

³⁹ Na-la-đà thôn 那羅陀村. Pāli: Nālaka, một ngôi làng Bà-la-môn gần Vương xá, sinh quán của Xá-lợi-phất. Theo truyền thống Pāli, sinh quán Mục-liên-liên tại Kolita, cũng ngôi làng gần Vương xá.

năm trăm Tỳ-kheo. Khi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên diệt độ chưa bao lâu, bấy giờ Thế Tôn ngồi im lặng nơi đất trống, quan sát các Tỳ-kheo. Sau khi im lặng quán sát các Tỳ-kheo xong, Thế Tôn rồi bảo các Tỳ-kheo:

«Nay Ta quán sát trong chúng này có sự mất mát quá lớn. Sở dĩ vậy là vì trong chúng này nay không có Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Nếu địa phương nào Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến, địa phương đó không trở thành trống rỗng, mà nghe rằng, ‘Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên nay ở địa phương này.’ Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên có thể hàng phục ngoại đạo ở đây.»

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Những gì chư Phật đã làm thì thật là kỳ diệu, có hai đệ tử trí tuệ, thần túc này nhập Bát-niết-bàn; nhưng Như Lai không có sầu ưu. Ngay dù hằng sa Như Lai quá khứ, cũng có đệ tử trí tuệ, thần túc này, và ngay đến chư Phật xuất hiện ở tương lai, cũng sẽ có đệ tử trí tuệ, thần túc này.

«Tỳ-kheo nên biết, thế gian có hai thí nghiệp. Thế nào là hai? Tài thí, pháp thí. Tỳ-kheo, nên biết, nếu luận về tài thí, hãy tìm cầu từ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Nếu muốn cầu pháp, hãy tìm cầu từ nơi Ta. Sở dĩ như vậy là vì, nay Như Lai, Ta không có tài thí. Hôm nay, các người có thể cúng dường xá-lợi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.»

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

«Chúng con cúng dường xá-lợi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên như thế nào?»

Thế Tôn bảo:

«Nên gom góp các loại hương hoa, ở ngã tư đường dựng lên bốn tháp. Sở dĩ như vậy là vì nếu có dựng chùa tháp,⁴⁰ phải là bốn hạng người này mới đáng dựng tháp. Thế nào là bốn? Là Chuyển luân Thánh vương xứng đáng được dựng tháp, A-la-hán lậu tận xứng đáng được tháp, Bích-chi-phật [642b01] xứng đáng được tháp, và Như Lai xứng đáng được tháp.»

Lúc này, A-nan bạch Thế Tôn:

«Vi nhân duyên gì Như Lai đáng dựng tháp? Lại vi nhân duyên gì Bích-chi-phật, A-la-hán lậu tận, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng được dựng tháp?»

Thế Tôn bảo:

«Nay các người, nên biết, Chuyển luân Thánh vương tự hành thập thiện, tu mười công đức; cũng lại khuyên dạy người hành thập thiện, công đức. Thế nào là mười? Tự mình không sát sinh, lại khuyên bảo người khác không sát sinh. Tự mình không trộm cắp, lại dạy người khác khiến không trộm cắp. Tự mình không dâm dật, lại dạy người khác khiến không dâm dật. Tự mình không nói dối, lại dạy người khác khiến không nói dối. Tự mình không ỷ ngữ, lại dạy người khác khiến không ỷ ngữ. Tự mình không ganh ghét, lại dạy người khác khiến không ganh ghét. Tự mình không tranh tụng, lại dạy người khác khiến không tranh tụng. Tự mình chánh ý, lại dạy người khác khiến ý không loạn. Tự mình chánh kiến, lại dạy người khác khiến hành chánh kiến.

«Tỳ-kheo, nên biết, Chuyển luân Thánh vương có mười công đức này, cho nên đáng cho dựng tháp.»

A-nan bạch Thế Tôn:

⁴⁰ Hán: Tự-thâu-bà 寺偷婆. Skt. *sūpa* (Pāli: *thūpa*).

Tăng nhất A-hàm

«Lại vì nhân duyên gì đệ tử Như Lai xứng đáng được dựng tháp?»

Thế Tôn bảo:

«A-nan nên biết, A-la-hán lậu tận, không còn tái sinh nữa, sạch như vàng trời, ba độc, năm sử vĩnh viễn không còn hiện khởi nữa. Vì nhân duyên này đệ tử Như Lai đáng được dựng tháp.»

A-nan bạch Phật:

«Vi nhân duyên gì Bích-chi-phật đáng được dựng tháp?»

Thế Tôn bảo:

«Các Bích-chi-phật không thầy mà tự ngộ, đoạn trừ các kết sử, không còn tái sinh nữa, cho nên đáng được dựng tháp.»

A-nan bạch Thế Tôn:

«Lại vì nhân duyên gì Như Lai đáng cho dựng tháp?»

Thế Tôn bảo:

«A-nan, ở đây Như Lai có mười lực, bốn vô sở úy, hàng phục những ai chưa được hàng phục, độ những ai chưa được độ, khiến chúng đắc những ai chưa đắc đạo, khiến Bát-niết-bàn những ai chưa được Bát-niết-bàn; mọi người khi gặp, trong lòng cực kỳ hoan hỷ.

«Đó gọi là, này A-nan, Như Lai đáng được dựng tháp. Đó gọi là Như Lai đáng được dựng tháp.»

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [642c01] Bấy giờ, Tôn giả Bà-ca-lê⁴¹ thân mắc bệnh nặng, nằm trên đại tiêu tiện, ý muốn cầm dao tự sát, nhưng không có sức để có thể tự ngồi dậy. Tôn giả Bà-ca-lê bảo thị giả:

«Ông hãy mang đao đến. Ta muốn tự sát. Sở dĩ như vậy là vì như trong hàng đệ tử của Phật Thích-ca Vãng hôm nay, người có tín giải thoát không ai vượt hơn ta. Nhưng hôm nay ta tâm không giải thoát khỏi hữu lậu. Sở dĩ như vậy là vì như đệ tử của Như Lai khi gặp phải khổ não, cũng lại tìm dao tự sát. Nay ta với mạng sống này mà không thể từ bờ này đến bờ kia.» Bấy giờ, đệ tử của Bà-ca-lê vì xuất gia chưa lâu, chưa biết đời này đời sau, không biết từ bờ này đến bờ bên kia, cũng lại không biết chết đây sinh kia, nên liền trao dao cho. Lúc Bà-ca-lê tay cầm đao rồi, với tín kiên cố, cầm dao tự đâm.

Bà-ca-lê vừa cầm dao tự đâm, suy nghĩ: <Trong hàng đệ tử của Phật Thích-ca Vãng, ai đã làm những việc phi pháp, sẽ mắc lợi ác, chẳng được lợi thiện. Ở trong pháp Như Lai, đã không được thủ chứng mà lại mạng chung!> Bấy giờ, Tôn giả Bà-ca-lê liền tư duy về năm thủ uẩn: đây là sắc, đây là tập khởi của sắc; đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ*, tướng, hành, thức; đây là tập khởi của, tướng, hành, thức; đây là sự diệt tận của thọ*, tướng, hành, thức. Ông tư duy thuần thực năm thủ uẩn này. Các pháp có sinh đều là pháp tử. Biết vậy rồi, tâm liền được giải thoát khỏi hữu lậu. Bấy giờ, Tôn giả Bà-ca-lê nhập Niết-bàn trong vô dư Niết-bàn giới.

⁴¹ Bà-ca-lê 婆迦梨. Pāli: Vakkali. Cf, S.22. 87 Vakkalisuttaṃ (R. iii. 119). Hán. *Tap* (Việt) kinh 1279: Bạt-ca-lê跋迦梨.

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn bằng thiên nhĩ, nghe Tôn giả Bà-ca-lê đòi cầm đao tự sát. Thế Tôn bảo A-nan:

«Hãy tập họp các Tỳ-kheo tại thành Xá-vệ lại một chỗ. Ta muốn dạy bảo.»

Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy, tập họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ tập,⁴² rồi trở về bạch lại Thế Tôn:

«Nay Tỳ-kheo đã vân tập về một chỗ.»

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau đến tinh xá Tỳ-kheo Bà-ca-lê kia. Trong lúc đó, tỳ ma Ba-tuần muốn biết được thần thức Tôn giả Bà-ca-lê đang ở tại chỗ nào: tại loài người hay phi nhân, trời, rồng, quỷ thần, càn-đạp-hoà, A-tu-la, ca-lưu-la, ma-huru-lặc, dạ-xoa? Nay thần thức này cuối cùng đang ở đâu, sinh nơi nào mà [643a01] không thấy. Nó tìm kiếm khắp mọi nơi, bốn phía đông, tây, nam, bắc, trên dưới, đều không biết chỗ của thần thức. Lúc bấy giờ, thân thể ma Ba-tuần rất là mỏi mệt, mà vẫn chẳng biết ở đâu.

Khi Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau đến tinh xá kia, bấy giờ, Thế Tôn quan sát, thấy ma Ba-tuần muốn biết thần thức đang ở đâu. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Các người nghe trong tinh xá này có tiếng lớn không? Lại có ánh sáng quái dị nữa?»

Các Tỳ-kheo thưa:

«Thật vậy, Thế Tôn, chúng con đã thấy.»

Thế Tôn bảo:

⁴² Phổ Tập giảng đường 普集講堂: Hội trường của các Tỳ-kheo trong mỗi tinh xá. Cũng gọi là càn hành đường, hay **thị giảng đường**. Pāli: *upaṭṭhāna-sālā*.

«Đó là tỳ ma Ba-tuần này, muốn được biết thần thức của Bà-ca-lê đang ở đâu.»

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

«Cúi xin Thế Tôn cho biết thần thức Tỳ-kheo Bà-ca-lê đang ở đâu?»

Thế Tôn bảo:

«Thần thức Tỳ-kheo Bà-ca-lê không còn trụ vào bất cứ đâu. Thiện gia nam tử kia đã Bát-niết-bàn. Hãy ghi nhận như vậy.»⁴³

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

«Tỳ-kheo Bà-ca-lê này đã đắc bốn đế này khi nào?»

Thế Tôn bảo:

«Đã đắc bốn đế này trong ngày hôm nay.»

A-nan bạch Phật:

«Tỳ-kheo này vốn là người phàm, đã mang bệnh từ lâu.»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, A-nan, như những lời người nói. Nhưng Tỳ-kheo này chịu khổ rất lâu. Trong các đệ tử của Phật Thích-ca Văn có tín giải thoát thì người này là tối thắng, nhưng vì tâm chưa được giải thoát khỏi hữu lậu, nên suy nghĩ: «Nay ta muốn cầm dao tự đâm mình.» Trong lúc Tỳ-kheo này sắp tự đâm mình, liền tư duy đến công đức Như Lai. Ngày bỏ tuổi thọ, tư duy năm thủ uẩn: đây là sắc tập; đây là sắc diệt tận. Khi Tỳ-kheo

⁴³ Pāli, *ibid.*, *appatitthitena ca viññāṇena vakkali kulaputto parinibbuto*, thức của Vakkali vô trụ mà nhập Niết-bàn.

Tăng nhất A-hàm

này tư duy như vậy, các pháp tập khởi đều được diệt tận, Tỷ-kheo này Bát-niết-bàn.»

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Pháp thuộc bốn chánh đoạn,
Bốn ám, pháp già suy,
A-di, pháp bản diệt,
Xá-lợi, Bà-ca-lê.*

27. PHẨM ĐẲNG THỨ BỐN ĐẾ

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Các Tỳ-kheo, pháp mà Ta thường nói, đó là bốn đế; bằng vô số phương tiện mà quán sát pháp này, phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người. Những gì là bốn? Đây là pháp khổ [643b01] đế. Ta bằng vô số phương tiện mà quán sát pháp này, phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người. Bằng vô số phương tiện diễn nói Tập, Tận, Đạo đế mà quán sát pháp này, phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người.

«Tỳ-kheo các người, hãy thân cận Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, và thừa sự cúng dường. Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất kia dùng vô số phương tiện mà diễn thuyết bốn đế, quảng diễn cho mọi người. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người, cho các chúng sanh và chúng bốn bộ, khi ấy có nhiều chúng sanh không thể kể đã sạch hết mọi trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

«Tỳ-kheo các người, hãy thân cận Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, và thừa sự cúng dường. Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là cha mẹ sinh ra chúng sanh. Đã được sanh, rồi người dưỡng cho lớn khôn là Tỳ-kheo Mục-kiền-liên. Sở dĩ

¹ Tham chiếu Pāli, M141 Saccavibhaṅgasuttaṃ (R. iii. 247). Hán, *Trung 7* kinh 31(T1n26, tr. 467a28).

Tăng nhất A-hàm

như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã vì mọi người nói pháp yếu, thành tựu bốn đế; Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã vì mọi người nói pháp yếu, thành tựu đệ nhất nghĩa, và thành tựu hành vô lậu. Vì vậy các người hãy thân cận Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.»

Thế Tôn, sau khi nói những lời này, trở về tịnh thất. Sau khi Thế Tôn đi chưa lâu, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

«Ở đây, có ai đắc pháp bốn đế, người đó nhanh chóng được lợi thiện. Những gì là bốn? Đây là khổ đế, mà ý nghĩa được quảng diễn bằng nhiều phương tiện.

«Thế nào là khổ đế? Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, buồn lo thương xót khổ, oán gặp nhau khổ, ân ái chia lìa khổ, cầu mà không đạt được là khổ. Nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó gọi là khổ đế.

«Thế nào là khổ tập đế? Đó là ái kết.

«Thế nào là tận đế? Tận đế là ái dục kết diệt tận không còn dư tàn. Đó gọi là tận đế.

«Thế nào là đạo đế? Đó là tám đạo phẩm Hiền thánh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh tinh tấn, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là đạo đế. Chúng sanh này vì có được lợi thiện nên mới được nghe pháp bốn đế này.»

Trong lúc Tôn giả Xá-lợi-phất đang nói pháp này, vô lượng chúng sanh không thể kể hết, khi nghe pháp này, sạch hết mọi trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

“Chúng ta cũng vì được lợi thiện, nên Thế Tôn nói pháp cho chúng ta, đặt chúng ta vào chỗ phúc địa. Cho nên chúng bốn bộ hãy tìm cầu phương tiện hành bốn đế này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các [643c01] Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ. Khi ấy, số đông các Tỳ-kheo này suy nghĩ: «Chúng ta đi khát thực, trời còn sớm quá. Chúng ta hãy đi đến thôn dị học ngoại đạo để cùng luận nghị.» Rồi các Tỳ-kheo liền đi đến trong thôn ngoại đạo; đến nơi, sau khi cùng nhau hỏi thăm, các vị rời ngồi qua một bên.

Bấy giờ, các dị học hỏi đạo nhân rằng:

«Sa-môn Cù-đàm nói pháp này cho đệ tử: «Tỳ-kheo các ngươi, tất cả phải học pháp này, tất cả phải hiểu rõ. Đã hiểu rõ rồi, nên cùng nhau phụng hành.» Chúng tôi cũng vậy, nói pháp này cho đệ tử: «Các ngươi tất cả phải học pháp này, tất cả phải hiểu rõ. Đã hiểu rõ rồi, nên cùng nhau phụng hành.» Sa-môn Cù-đàm cùng chúng tôi có những gì sai khác, có gì hơn kém nào? Nghĩa là Sa-môn nói pháp, ta cũng nói pháp. Sa-môn dạy bảo ta cũng dạy bảo!»

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời này, không nói đúng, cũng không nói sai, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Rồi các Tỳ-

² Tham chiếu Pāli, M 11 Cūḷa-Sīhanādasuttaṃ (R. i. 63). Hán, *Trung 26* kinh 103 (T1n26, tr. 590b5).

kheo tự bảo nhau rằng: «Chúng ta hãy đem nghĩa này đến bạch Thế Tôn.»

Các Tỳ-kheo sau khi vào thành Xá-vệ khát thực, ăn xong thu cát y bát, lấy ni-su-đàn vắt lên vai trái, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch hết lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Nếu ngoại đạo kia hỏi vậy, các người nên đem lời này đáp họ: «Có một cứu cánh, hay có nhiều cứu cánh?»³ Hoặc phạm-chí kia mà nói một cách bình đẳng,⁴ họ phải nói: «Một cứu cánh, chứ không phải nhiều cứu cánh.»

«Cứu cánh ấy⁵ là cứu cánh liên hệ dục, hay là cứu cánh không dục?⁶ Cứu cánh kia, phải nói⁷ là cứu cánh vô dục.

«Lại hỏi, cứu cánh của ấy, là cứu cánh liên hệ sân hay là cứu cánh không sân? Phải nói cứu cánh là cứu cánh không sân; chứ không phải cứu cánh liên hệ sân.

«Thế nào, cứu cánh ấy liên hệ si, hay cứu cánh không si? Phải nói, cứu cánh ấy là cứu cánh không si.

«Thế nào, cứu cánh ấy là gì, là cứu cánh liên hệ ái, hay cứu cánh không ái?⁸ Cứu cánh ấy, phải nói là cứu cánh không ái.

³ Pāli, *ibid.*, *ekā niṭṭhā, udāhu puthu niṭṭhā 'ti?*

⁴ Bình đẳng thuyết; được hiểu là “trả lời chân chánh, hay chánh xác.” Pāli: *sammā byākaramānā.*

⁵ Hán: Bỉ cứu cánh 彼究竟, được hiểu là “cứu cánh là một ấy.”

⁶ Pāli: *sā niṭṭhā sarāgassa udāhu vītarāgassā 'ti?* Đó là cứu cánh cho người có tham, hay cho người ly tham?

⁷ Pāli: *sammā byākaramānā*, trả lời chân chánh.

⁸ Pāli: *sā niṭṭhā satanḥassa udāhu vītanḥassā 'ti*, đó là cứu cánh cho người có khát ái, hay cho người không còn khát ái?

«Thế nào, cứu cánh ấy [644a1] là cứu cánh có chấp thủ hay cứu cánh không có chấp thủ?⁹ Cứu cánh ấy là cứu cánh không chấp thủ.

«Thế nào, cứu cánh ấy là cho người trí hay là người chẳng phải trí? Đó là cứu cánh của người trí.

«Cứu cánh ấy là cứu cánh của người phần nộ, hay cứu cánh của người không phần nộ?¹⁰ Cứu cánh ấy, phải nói là cứu cánh của người không phần nộ.

«Này Tỳ-kheo, có hai loại kiến này. Hai loại kiến ấy là gì? Kiến chấp hữu và kiến chấp vô.¹¹ Những sa-môn, bà-la-môn nào do không biết gốc ngọn của hai kiến này nên có tâm dục, có tâm sân nhuế, có tâm ngu si, có tâm ái, có tâm chấp thủ¹². Họ là những kẻ vô tri. Họ có tâm phần nộ,¹³ không tương ưng với hành.¹⁴ Người kia không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não, chua, cay, muôn mối khổ không thoát được.

«Những sa-môn, bà-la-môn nào biết điều đó như thật, họ không có tâm sân nhuế, ngu si, hằng tương ưng với hành, nên

⁹ Thọ 受, đây nên hiểu là chấp thủ. Pāli: *sā niṭṭhā sa-upādānassa udāhu anupādānassā'ti*? Đó là cứu cánh cho người có chấp thủ, hay cho người không còn chấp thủ?

¹⁰ Hán: Nộ giả sở cứu cánh 怒者所究竟; nên hiểu là không bắt mẫn với hoàn cảnh. Pāli: *sā niṭṭhā anuruddhappaṭiviruddhassa udāhu ananuruddha-appaṭiviruddhassā'ti*? Đó là cứu cánh cho người thuận từng (lạc quan) hay người vi nghịch (bi quan), hay không thuận từng, không vi nghịch?

¹¹ Hữu kiến, vô kiến 有見無見. Pāli: *bhavadiṭṭhi vibhavadiṭṭhi*.

¹² Thọ 受, đây hiểu là chấp thủ. Pāli: *upādāna*.

¹³ Xem **cht. 17** trên; cuối cùng trong các trả lời về cứu cánh đoạn trên. Pāli: te anuruddhappaṭiviruddhā, họ là những người có lạc quan, có bi quan.

¹⁴ Bất dữ hành tương ưng 不與行相應. Pāli: te papañcāāmā, họ là những người ưa hý luận.

thoát khỏi được sanh, già, bệnh, chết. Nay nói về nguồn gốc của khổ như vậy.

«Tỳ-kheo, có diệu pháp này, đó gọi là pháp bình đẳng. Những ai không hành pháp bình đẳng thì đọa vào năm kiến.

«Nay sẽ nói về bốn thủ.¹⁵ Bốn thủ ấy? Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Đó gọi là bốn thủ. Nếu có sa-môn, bà-la-môn nào biết hết tên của dục thủ; tuy họ biết tên của dục thủ, nhưng lại không phải người tương ưng.¹⁶ Họ biết phân biệt hết tên của các thủ, nhưng chỉ phân biệt được tên của dục thủ trước, mà không phân biệt được tên của kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Sở dĩ như vậy là vì những sa-môn, bà-la-môn kia không có khả năng phân biệt được tên của ba thủ này.¹⁷

«Cho nên, hoặc có sa-môn, phân biệt được hết các thủ, nhưng họ chỉ phân biệt được dục thủ và kiến thủ, chứ không phân biệt được giới thủ và ngã thủ. Sở dĩ như vậy là vì những Sa-môn, Bà-la-môn kia không thể phân biệt được hai thọ này.

«Hoặc khiến Sa-môn, Bà-la-môn có thể phân biệt hết các thủ, nhưng lại cũng không đầy đủ. Họ có thể phân biệt được dục thủ, kiến thủ và giới thủ còn không phân biệt được ngã thủ. Sở dĩ như vậy là vì những sa-môn, bà-la-môn kia không thể phân biệt được ngã thủ.

¹⁵ Tứ thọ 四受. Pāli: *cattārimāni pādānāni: kāmupādānaṃ, dīṭṭhupādānaṃ, silabbatupādānaṃ, attavādu-pādāna*, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ, ngã luận thủ.

¹⁶ Pāli: “Một số Sa-môn Bà-la-môn tự tuyên bố (*paṭijānamānā*) là chủ trương biến tri tất cả dục thủ (*kāmupādānapariññāvādā*) nhưng họ không chỉ thị ra được (*paññapenti*) sự biến tri tất cả thủ một cách chân chánh.”

¹⁷ Cf. Trung 26, ibid. “Họ thì thiết (=chủ trương) đoạn dục thọ (=dục thủ), nhưng không thì thiết đoạn ba thọ kia. Vì họ không biết ba trường hợp này một cách như chơn.”

«Cho nên, có những sa-môn, bà-la-môn tuy phân biệt hết các thủ, nhưng lại không đầy đủ. Đây gọi là bốn thủ. Chúng có những nghĩa gì? Làm sao phân biệt? Bốn thọ là do ái sinh. Như [644b01] vậy, Tỳ-kheo có diệu pháp này cần được phân biệt. Nếu ai không hành các thủ này, ở đây không được gọi là bình đẳng. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa của các pháp khó tỏ, khó bày. Nghĩa phi pháp như vậy không phải là những lời dạy của Tam-da-tam-Phật.¹⁸

«Tỳ-kheo, nên biết, Như Lai hay phân biệt hết tất cả các thủ. Vì hay phân biệt tất cả các thủ nên cùng tương ưng, và hay phân biệt dục thủ, kiến thủ, ngã thủ, giới thủ. Cho nên khi Như Lai phân biệt tất cả các thủ, thì cùng tương ưng với pháp không chống trái nhau.

«Bốn thủ này do gì sinh? Bốn thủ này do ái mà sinh, do ái mà lớn, và thành tựu thủ này. Đối với ai mà các thủ không khởi, vì các thủ không khởi, nên người ấy không có sự sợ hãi. Do không có sự sợ hãi nên Bất-niết-bàn, biết rõ như thật rằng, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau.

«Như vậy, Tỳ-kheo, có diệu pháp này, như thật mà biết, thành tựu đầy đủ các pháp, căn bản của pháp hành. Sở dĩ như vậy là vì pháp kia thật là vi diệu, được chư Phật tuyên thuyết, cho nên đối với các hành không có sự thiếu sót.

«Tỳ-kheo, ở trong đây¹⁹ có đệ nhất Sa-môn, đệ nhị Sa-môn, đệ tam Sa-môn, đệ tứ Sa-môn, không có Sa-môn nào nữa vượt

¹⁸ Tam-da-tam-phật 三耶三佛, Pāli: *sammāsambuddha* (Skt. *samyak-sambuddha*), Phật Chánh đẳng Chánh giác.

¹⁹ Ư thị 於是, ở đây, chỉ ở trong Phật pháp.

khỏi trên đây, thù thắng hơn đây.²⁰ Hãy rống tiếng rống sư tử như vậy»

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc²² đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi trưởng giả:

«Thế nào, Trưởng giả, nhà ông thường hay bố thí phải không?»

Trưởng giả bạch Phật:

«Nhà con nghèo²³ mà thường hành bố thí. Nhưng đồ ăn thô dở, không đồng như thường.»

Thế Tôn bảo:

«Nếu khi bố thí, dù ngon hay dở, dù nhiều hay ít, mà không dụng tâm ý, lại không phát nguyện, và không có tín tâm; do hành báo này mà sinh nơi nào nơi ấy không có được thức ăn

²⁰ Cf. *Trung 26*: Thử hữu (...) thử ngoại cánh vô Sa-môn 此有 ... 此外更無沙門, chỉ trong đây (trong Phật pháp), ngoài đây ra (ngoài Phật pháp) không có Sa-môn (...). Pāli: *idheva samaṇo, suññā parappa-vādā samaṇebhi aññehī'ti*, chính nơi đây mới có Sa-môn (đệ nhất... đệ tứ). Các giáo thuyết khác trống không, không có Sa-môn.

²¹ Tham chiếu Pāli, A. IX. 20 Velāma (R. iv. 392). Hán, *Trung 39* kinh 125 (T1n26, tr. 677a8).

²² A-na-bân-đề 阿那邠邸.

²³ Bấy giờ, gia sản Cấp Cô Độc bị khánh kiệt. Cf. Sớ giải Pháp cú, DhA. iii. 11.

ngon, không có được ý ham cầu lạc, cũng không có được ý ham cầu mặc y phục đẹp, cũng không có được ham cầu nghiệp nông tốt đẹp, tâm cũng không có được ham cầu trong ngũ dục. Giả sử, có được tô tớt, kẻ chạy tin, chúng cũng không chịu vâng lời. Sở dĩ như vậy là vì do trong lúc bố thí không dụng tâm, nên thọ nhận [644c01] báo này.

“Này Trưởng giả, nếu khi bố thí, dù ngon hay dở, dù nhiều hay ít, hãy chí thành dụng tâm, chớ có thêm bớt, xây dựng cầu đồ đòi sau, mà sinh nơi nào, nơi ấy có đồ ăn thức uống tự nhiên, bảy loại tài sản đầy đủ, tâm hằng có được hoan lạc trong ngũ dục. Giả sử có tô tớt, kẻ chạy tin, chúng hằng vâng lời. Sở dĩ như vậy là vì trong lúc bố thí mà phát tâm hoan hỷ.

«Trưởng giả nên biết, thời quá khứ xa xưa có phạm chí tên Tỳ-la-ma²⁴ nhiều của báu, trân châu, hổ phách, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu li, lòng ham thích bố thí. Khi bố thí, ông đem tám vạn bốn nghìn bát bạc đựng đầy vàng vụn, lại đem tám vạn bốn nghìn bát vàng đựng đầy bạc vụn, để bố thí như vậy.

«Lại đem tám vạn bốn nghìn cái bình rửa bằng vàng bạc ra bố thí. Lại đem tám vạn bốn nghìn con bò đều dùng vàng bạc bịt sừng, để bố thí như vậy. Lại đem tám vạn bốn nghìn ngọc nữ bố thí với y phục được mặc. Lại đem tám vạn bốn nghìn ngoại cụ đều được phủ lên bằng thảm đệm có thêu thùa văn vẽ mà bố thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn áo xiêm mà bố thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn voi lớn,²⁵ thầy đều được trang sức bằng các thứ vàng bạc, mà bố thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn con ngựa, thầy đều được đóng yên cương bằng vàng bạc, mà bố thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn cỗ xe mà bố thí. Ông bố thí lớn như vậy.

²⁴ Tỳ-la-ma 毘羅摩, Pāli: Velāma.

²⁵ Hán: Long tượng 龍象.

“Lại bố thí tám vạn bốn ngàn phòng xá. Ông lại bố thí ở trong bốn cõi thành; những ai cần thức ăn thì cho thức ăn; cần áo thì cho áo; cần chăn, màn, ẩm thực, giường chõng, đồ trải nằm, thuốc trị bệnh các thứ. Thấy đều cung cấp hết.

«Trưởng giả nên biết, tuy Tỳ-la-ma này làm việc bố thí như vậy, nhưng không bằng dựng một phòng xá đem bố thí chiêu-đề Tăng.²⁶ Phước này không thể kể hết. Giả sử người ấy bố thí như vậy, cùng lập phòng xá để bố thí chiêu-đề Tăng, cũng không bằng tự thân thọ ba quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Phước này không thể kể hết. Giả sử người ấy bố thí như vậy, cùng tạo phòng xá, lại thọ tam tự quy, dù có phước này, vẫn không bằng thọ trì năm giới. Giả sử người ấy bố thí, cùng tạo phòng xá, thọ tam tự quy và, thọ trì năm giới, dù có phước này, nhưng vẫn không bằng chỉ trong khoảnh khắc khảy móng tay mà có từ tâm đối với chúng sanh. Phước này, công đức không thể kể hết. Giả sử người ấy bố thí như vậy, tạo phòng xá, thọ tam tự quy, [645a01] vâng giữ năm giới, cùng khoảnh khắc khảy móng tay mà có từ tâm đối với chúng sanh, dù có phước này, vẫn không bằng trong chốc lát mà khởi tưởng thế gian không khả lạc. Phước này, công đức không thể lường được. Song, những công đức người kia đã làm, Ta chứng minh hết. Tạo dựng Tăng phòng, Ta cũng biết phước này. Thọ ba tự quy, Ta cũng biết phước này. Thọ trì năm giới, Ta cũng biết phước này. Trong khoảnh khắc bằng khảy móng tay mà có từ tâm đối với chúng sanh, Ta cũng biết phước này. Trong chốc lát mà khởi tưởng thế gian không khả lạc, Ta cũng biết phước này.»

«Bấy giờ, bà-la-môn kia đã tạo đại thí như vậy, há phải là ai khác ư? Chớ tưởng như vậy. Sở dĩ như vậy là vì, người chủ thí

²⁶ Chiêu-đề Tăng 招提僧; Tăng du hành bốn phương, không trú xứ nhất định. Pāli: *catuddisā-saṅgha*.

bấy giờ chính là thân Ta vậy.

«Trưởng giả nên biết, quá khứ lâu xa Ta đã tạo ra công đức, tin tâm không dứt, không khởi tưởng đấm trước. Cho nên, này Trưởng giả, nếu khi muốn bố thí dù nhiều hay ít, dù ngon hay dở, nên hoan hỷ bố thí, chớ có khởi tưởng đấm trước. Hãy tự tay bố thí, chớ sai người khác. Phát nguyện cầu báo, sau cầu thọ phước. Trưởng giả nên biết, được phước vô cùng.

«Này Trưởng giả, hãy học điều này như vậy.»

Trưởng giả sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Khi mặt trời vừa lên, mọi người cùng nhau làm ruộng, trăm chim hót vang, trẻ thơ la khóc. Tỳ-kheo nên biết, nay Ta lấy đây làm thí dụ, hãy hiểu nghĩa của nó. Nghĩa này phải hiểu làm sao? Khi mặt trời mới mọc, đây dụ Như Lai ra đời. Người dân khắp nơi cùng làm ruộng, đây dụ cho đàn-việt thí chủ tùy thời cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Trăm chim hót vang, đây dụ cho Pháp sư cao đức, có thể vì chúng bốn bộ mà thuyết pháp vi diệu. Trẻ thơ khóc la, đây dụ cho tặc ma Ba -tuần.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, như mặt trời mới mọc, Như Lai ra đời trừ bỏ bóng tối, không nơi nào là không chiếu sáng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc đến chỗ Như Lai, đánh lễ sát chân, rồi [645b01] ngồi qua một bên. Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc bạch Thế tôn:

“Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu bao nhiêu pháp để hành đàn ba-la-mật, đầy đủ sáu ba-la-mật, nhanh chóng thành Đạo²⁷ Vô thượng Chánh chơn?”

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

“Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành bốn pháp bốn, đầy đủ sáu ba-la-mật, sẽ nhanh chóng thành Vô Thượng Chánh Chơn Đẳng Chánh Giác. Sao gọi là bốn? Ở đây Bồ-tát huệ thí từ Phật, Bích-chi-phật xuống cho đến người phàm thấy đều bình đẳng không lựa chọn người, thường nghĩ vậy: ‘Tất cả do ăn mà tồn tại, không ăn thì tiêu vong.’ Đó gọi là Bồ-tát thành tựu pháp thứ nhất này, đầy đủ sáu độ.

“Lại nữa, Bồ-tát khi bố thí đầu, mắt, tủy não, nước, của, vợ con, vui vẻ bố thí không sinh tưởng đắm trước. Như người đáng chết, đến khi chết thì sống lại, vui mừng hơn hở không tự kềm chế được. Bấy giờ, Bồ-tát phát tâm vui thích cũng lại như vậy; bố thí thế nguyền không sinh tưởng đắm trước.

²⁷ Đạo, dịch từ *bodhi* (bồ-đề).

“Lại nữa, Di-lặc, Bồ-tát lúc bố thí khắp đến tất cả, không tự vì mình, mà vì để thành Đạo Vô thượng Chánh chơn. Đó gọi là thành tựu ba pháp này đầy đủ sáu độ.

“Lại nữa, Di-lặc, Bồ-tát Ma-ha-tát lúc bố thí tự tư duy, ‘Trong các loài chúng sanh, Bồ-tát là đứng đầu trên hết, đầy đủ sáu độ liễu đạt gốc của các pháp. Vì sao vậy? Vì các căn tịch tĩnh, tư duy cấm giới, không khởi sân nhuế, tu hành tâm từ, đồng mãnh tinh tấn, tăng trưởng pháp thiện, trừ pháp bất thiện, thường hằng nhất tâm, ý không tán loạn, đầy đủ pháp môn biện tài, hoàn toàn không vượt thứ lớp, khiến cho các thí này đầy đủ sáu độ, thành tựu đàn ba-la-mật. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nào hành bốn pháp này, nhanh chóng thành tựu Vô thượng Chánh chơn Đẳng chánh giác. Cho nên, này Di-lặc, Bồ-tát Ma-ha-tát lúc muốn bố thí, nên phát thệ nguyện đầy đủ các hạnh này.

“Này Di-lặc, hãy học điều này như vậy.”

Di-lặc sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhu Lai ra đời có bốn vô sở úy.²⁹ Như Lai được bốn vô sở úy này, nên không bị dính trước bất cứ điều gì trên thế gian, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử, chuyên Phạm luân³⁰. Sao

²⁸ Tham chiếu Pāli, A IV 8 Vesārajjasutta (R. ii. 9).

²⁹ Bốn vô sở úy 四無所畏. Pāli: *cattārimāni tathāgatassa vesārajjāni*, bốn điều tự tin của Như Lai. Cf. *Câu-xá 27* (T29n1558, tr. 140c17).

³⁰ Phạm luân 梵輪. Pāli: *brahmacakka*.

gọi là bốn? Nay Ta đã thành tựu pháp này, cho dù ở trong đại chúng hoặc sa-môn, bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên cho đến loài bọ bay, cựa quậy, nói rằng Ta không thành tựu pháp này, không có trường hợp này. Ở trong đó Ta đắc vô sở úy. Đó là vô sở úy thứ nhất.³¹

“Nhu hôm nay, Ta các lậu đã diệt tận, không còn tái sinh nữa. Nếu có sa-môn, bà-la-môn, chúng sanh nào, ở trong đại chúng nói rằng Ta các lậu chưa diệt tận, không có trường hợp này. Đó gọi là vô sở úy thứ hai.³²

“Nay Ta đã lia pháp si ám, mà muốn khiến trở lại pháp si ám,³³ hoàn toàn không có việc này. Nếu lại có Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên, chúng sanh nào, ở trong đại chúng nói Ta đã trở lại pháp si ám, việc này không đúng. Đó gọi là vô sở úy thứ ba của Như Lai.³⁴

“Pháp xuất yếu của các bậc Hiền thánh để sạch hết bờ khổ mà muốn nói đó không là xuất yếu, hoàn toàn không có việc này. Nếu có sa-môn, bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên, chúng sanh nào, ở trong đại chúng nói, Như Lai chưa tận cùng biên tế khổ,

³¹ Cf. *Câu-xá*, dẫn trên: Chánh đẳng giác vô úy 正等覺無畏, Skt. *sarva-dharmābhisambodhi-vaiśāradya*, tự tin, không do dự, khi tuyên bố tự thân chúng giác tất cả các pháp.

³² Cf, *Câu-xá*, *ibid.*, lậu vĩnh tận vô úy 漏永盡無畏, Skt. *sarvāsrava-kṣaya-jñāna-vaiśāradya*, tự tin, khi tuyên bố tự thân biết rõ tất cả các đã diệt tận.

³³ Pāli: *antarāyikā dhammā vuttā*, những pháp được nói là chướng ngại. Bản Hán có thể đọc Skt. *andharakāra-dharmā* (Pāli: *andhakāra-dhammā*): Pháp u ám, thay vì Skt. *anatarāyika-dharmā* (Pāli: *antarāyika-dhammā*): Pháp chướng ngại.

³⁴ *Câu-xá*, *ibid.*, thuyết chướng pháp vô úy 說障法無畏. Skt. *anatarāyikadharmānyathātva-niścita-vyākaraṇa-vaiśāradya*, tự tin khi tuyên bố xác nhận quyết định không thay đổi những gì là pháp chướng ngại đạo.

không có trường hợp này. Đó gọi là vô sở úy thứ tư của Như Lai.³⁵

“Như vậy, này Tỳ-kheo, với bốn vô sở úy, Như Lai ở trong đại chúng có thể rống tiếng rống sư tử, chuyển bánh Phạm luân. Cho nên, này Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn vô sở úy.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có có bốn hạng người thông minh, dũng mãnh, thông suốt xưa nay, thành tựu pháp tùy pháp.³⁷ Sao gọi là bốn? Tỳ-kheo đa văn thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là đệ nhất. Tỳ-kheo-ni đa văn, thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là tối đệ nhất*.³⁸ Ưu-bà-tắc đa văn, thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là đệ nhất*. Ưu-bà-di đa văn, thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là đệ nhất*.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn hạng người ở trong đại chúng thật là đệ nhất.”

³⁵ Câu-xá, *ibid.*, thuyết xuất đạo vô úy 說出道無畏. Skt. *sarvasampad-adhigamāya nairyāṇikapratipat-tathāva-vaiśāradya*, tự tin khi tuyên bố không thể đổi khác con đường hành trì dẫn đến chứng đắc.

³⁶ Tham chiếu Pāli, A IV 7 Sobhanasutta (R. ii. 8).

³⁷ Pháp pháp thành tựu.

³⁸ Pāli: *Saṅghaṃ sobhenti*, những người ấy làm sáng chói Tăng.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Dũng mạnh, không sợ hãi,³⁹
Đa văn, hay thuyết pháp⁴⁰,
Trong chúng là sư tử
Hay trừ pháp khiếp nhược.*

*Tỳ-kheo, thành tựu giới;
Tỳ-kheo-ni đa văn;
[646a01]Ưu-bà-tắc có tín;
Ưu-bà-di cũng vậy;*

Trong chúng là đệ nhất.
Hoặc hay hòa thuận chúng.
Muốn biết được nghĩa này,
Như lúc trời mới mọc.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học thông suốt việc xưa nay, thành tựu pháp tùy pháp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại chim cánh vàng⁴¹. Những gì là bốn? Có chim cánh vàng sinh bằng trứng, có chim cánh vàng sinh bằng thai,

³⁹ Vô sở úy 無所畏; Pāli: *Visārada*, tự tin, không do dự.

⁴⁰ Thuyết pháp 說法. Pāli: *Dhammadhara*, trì pháp.

⁴¹ Kim sí điểu 金翅鳥. Pāli: *Garuḷa* (Skt. *garuḍa*). Xem *Trương 19*, kinh Thế ký, phẩm Long điểu.

có chim cánh vàng sinh do ẩm, có chim cánh vàng sinh do biển hóa. Đó là bốn loại chim cánh vàng.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, có bốn loài rồng. Những gì là bốn? Có rồng sinh bằng trứng, có rồng sinh bằng thai, có rồng sinh do ẩm thấp, có rồng sinh do biển hóa. Này Tỳ-kheo! Đó gọi là bốn loài rồng.

“Tỳ-kheo nên biết, khi chim cánh vàng sinh bằng trứng kia muốn ăn rồng, nó phải lên trên cây thiết xoa⁴² tự lao mình xuống biển. Nhưng nước biển kia ngang dọc hai mươi tám vạn dặm, dưới có bốn loại cung rồng. Có rồng loại trứng, có rồng loại thai, có rồng loại ẩm thấp, có rồng loại biển hóa. Khi ấy loài chim cánh vàng loại trứng dùng cánh lớn quạt nước rẽ hai bên, bắt loại rồng trứng ăn, nếu gặp phải loài rồng bằng thai, thân chim cánh vàng sẽ bị chết ngay. Bây giờ, chim cánh vàng quạt nước bắt rồng, nước còn chưa hoàn lại, nó đã trở lên trên cây thiết xoa.

“Tỳ-kheo nên biết, khi chim cánh vàng sinh bằng thai muốn ăn rồng, nó phải lên trên cây thiết xoa, tự lao mình xuống biển. Nhưng nước biển kia ngang dọc hai mươi tám vạn dặm. Nó quạt nước, xuống đến gặp loài rồng thai, nếu gặp loài rồng trứng cũng có thể bắt chúng, ngâm đem ra khỏi nước biển. Nếu gặp loài rồng sinh ẩm thấp, thân chim chết ngay.

“Tỳ-kheo nên biết, khi chim cánh vàng sinh do ẩm thấp muốn ăn rồng, nó lên trên cây thiết xoa, tự lao mình xuống biển. Nếu nó gặp loài rồng sinh bằng trứng, rồng sinh bằng thai, rồng sinh do ẩm thấp, đều có thể bắt chúng. Nếu gặp phải rồng hóa sinh, thân chim chết ngay.

⁴² Thiết xoa thọ 鐵叉樹. *Trường* ibid., Cú-la thiêm-ma-la. Pāli: *simbala* (Skt. *śimbala*).

Tăng nhất A-hàm

“Này Tỳ-kheo, khi chim cánh vàng do hóa sinh muốn ăn rồng, nó lên trên cây thiết xoa, tự lao mình xuống biển. Nhưng nước biển kia ngang dọc hai mươi tám vạn dặm. Nó quạt nước xuống, đến gặp phải rồng trứng, rồng thai, [646b01] rồng âm thấp, rồng hóa sinh, đều có thể bắt chúng. Khi nước biển chưa hoàn lại, đã trở lên trên cây thiết xoa.

“Tỳ-kheo nên biết, khi Long vương đang thừa sự Phật, chim cánh vàng không thể ăn thịt được. Vì sao vậy? Như Lai thường hành bốn vô lượng tâm*, vì vậy cho nên chim không thể ăn rồng. Sao gọi là bốn vô lượng tâm? Là Như Lai thường hành tâm từ, thường hành tâm bi, thường hành tâm hỷ, thường hành tâm xả*. Này Tỳ-kheo, đó gọi là Như Lai thường có bốn vô lượng tâm này; có gân sức mạnh, dũng mãnh lớn, không thể ngăn và hoại được. Vì vậy, nên chim cánh vàng không thể ăn rồng. Cho nên các Tỳ-kheo phải hành tâm tứ vô lượng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu lúc thiện tri thức bố thí, có bốn sự công đức. Sao gọi là bốn? Biết thời mà bố thí chứ không phải không biết thời. Tự tay huệ thí không sai người khác. Bố thí thường trong sạch, chẳng phải không trong sạch. Bố thí thật vi diệu, không có vẩn đục. Thiện tri thức khi bố thí có bốn công đức này. Cho nên,

này các Tỳ-kheo, thiện nam tử, thiện nữ nhân lúc bố thí nên đủ bốn công đức này. Do đủ công đức này, được phước nghiệp lớn, được sự tịch diệt của cam lồ. Nhưng phước đức này không thể đo lường, nên nói sẽ có ngàn phước nghiệp như vậy mà hư không không thể dung chứa hết. Giống như nước biển không thể đong để nói là một hộc, nửa hộc, một lè⁴³, nửa lè. Nhưng phước nghiệp này không thể trần thuật đầy đủ. Như vậy, thiện nam tử, thiện nữ nhân đã tạo ra những công đức không thể kể, được phước nghiệp lớn, được cam lồ tịch diệt, nên nói sẽ có ngàn ấy phước đức như vậy. Cho nên, này Tỳ-kheo, thiện nam tử, thiện nữ nhân nên đủ bốn công đức này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có bốn hạng người đáng kính, đáng quý, là ruộng phước thế gian. Sao gọi là bốn? Là tùy tín hành⁴⁴, [646c01] tùy pháp pháp,⁴⁵ thân chứng,⁴⁶ kiến đáo⁴⁷.

⁴³ Mười lè là một thung.

⁴⁴ Nguyên Hán: trì tín 持信. Tùy tín hành 隨信行, thấp nhất trong bảy bậc Thánh của Thanh văn. Cf. *Tập dị 16* (T26n1536, tr. 435b15): Thất bồ-đặc-già-la 七補特伽羅. Pāli: *saddhānusārī*; cf. M. 70 Kīṭāgirisutta (M. i. 479)

“Sao gọi là người tùy tín hành? Hoặc có một người lãnh thọ sự giáo giới của người khác, có tín tâm chí thiết, ý không nghi nan; có tín tâm nơi Như Lai Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiên thể, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, hiệu là Phật Thế Tôn, cũng có tín nơi lời dạy của Như Lai, cũng có tín nơi lời dạy của đồng phạm hạnh⁴⁸; hằng có tín nơi lời người khác, không tùy theo trí của mình. Đó gọi là người tri tín.

“Sao gọi là người tùy pháp hành? Ở đây, có người phân biệt ở nơi pháp, không tin người khác; quán sát pháp rằng, ‘Có chăng? Không chăng? Thật chăng? Hư chăng?’ Rồi người ấy nghĩ thầm: ‘Đây là lời Như Lai, đây là lời đồng phạm hạnh*.’ Vì biết đây là pháp ngữ của Như Lai, người ấy liền phụng trì. Nếu là những lời của ngoại đạo, người ấy xa lìa. Đó gọi là người tùy pháp pháp.

“Sao gọi là người thân chứng? Ở đây, có người tự thân tác chứng, cũng không tin người khác, cũng không tin lời Như Lai và, những ngôn giáo của các Tôn túc đã dạy lại cũng chẳng tin,

⁴⁵ Nguyên Hán: phụng pháp 奉法; tùy pháp hành 隨法行, hàng thứ hai từ thấp trong 7 bảy bậc Thánh Thanh văn; cf. *Tập dị*, ibid. Pāli: *dharmānusāri*, cf. Kīṭgiri, ibid.

⁴⁶ Thân chứng 身證; hàng thứ năm từ dưới, nhảy hàng ba và tư. Trong liệt kê này, Hán dịch nhảy sót hàng thứ ba: tín thắng giải (Pāli: *saddhāvimutto*). cf. *Tập dị*, ibid. Pāli, ibid., *kāyasakkhi*.

⁴⁷ Kiến đáo 見到; hay kiến chí 見至, hàng thứ tư, Hán dịch thứ tự nghịch đảo. Cf. *Tập dị*, ibid. Pāli, ibid., *ditṭhippatto*

⁴⁸ Phạm chí ngữ 梵志語, ở đây nên hiểu là lời của các đồng phạm hạnh (Pāli: *sabrahmacārī*), tức những bạn đồng tu.

chỉ theo tính mình mà chứng nhập.⁴⁹ Đó gọi là người thân chứng.

“Sao gọi là người kiến đáo? Ở đây, có người đoạn ba kết, thành pháp bất thối chuyển Tu-đà-hoàn. Người ấy có kiến giải này: ‘Có bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, có đời sau, có cha, có mẹ, có A-la-hán v.v.’ Người ấy vâng lời dạy, tin vào tự thân tác chứng mà tự chứng nhập.⁵⁰

Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn hạng người này. Hãy niệm trừ ba hạng người đầu. Hãy niệm tu pháp thân chứng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁵¹

⁴⁹ Cf. *Tập dị*, ibid., “Đã tự thân tác chứng nơi tám giải thoát, nhưng chưa được huệ giải thoát, đó gọi là Thân chứng.” Tức vị A-na-hàm khi chứng đắc diệt tận định, được gọi là vị Thân chứng.

⁵⁰ Cg. *Tập dị*, ibid: “Hạng tùy pháp hành, khi chứng đắc đạo loại trí, xả địa vị tùy pháp hành, trở thành Kiến chí.”

⁵¹ Bản Hán, hết quyển 19.

28. PHẨM THANH VĂN

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại Ca-lan-đà, trong vườn Trúc, thành La-duyệt, [647a01] cùng năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, bốn Đại Thanh văn, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Tân-đầu-lô, cùng họp một chỗ, nói như vậy: “Chúng ta cùng xem trong thành La-duyệt này ai là người không tạo công đức cúng dường Phật, Pháp, Thánh chúng? Do bởi không có tín, chúng ta hãy khuyến khích họ tin pháp của Như Lai.”

Bấy giờ, có trưởng giả tên Bạt-đề, nhiều của báu không thể kể hết, vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã nã, chân châu, hồ phách, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, kẻ hầu người hạ đều đầy đủ; nhưng lại xan tham không chịu bố thí. Đối với Phật, Pháp, chúng Tăng ông không có mây may điều thiện, không có chí tín; phước cũ đã hết, lại không tạo phước mới. Ông thường ôm lòng tà kiến, cho rằng không có thí, không có phước, cũng không người nhận, cũng không có báo của thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, và người đấng A-la-hán, lại cũng không có người thù chúng.

“Nhà trưởng giả kia có bảy lớp cửa. Cửa nào cũng có người giữ không cho ăn xin đến. Lại cũng dùng lưới sắt phủ giữa sân, vì sợ có chim bay vào trong sân.

Tăng nhất A-hàm

Trưởng giả có người chị gái¹ tên là Nan-đà, cũng lại keo lẩn không chịu huệ thí, không trồng cội rễ công đức; phước cũ đã hưởng hết, mà phước mới không được tạo thêm. Cũng ôm lòng tà kiến, rằng không có thí, không có phước, cũng không người nhận, cũng không có báo của thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, và người đấng A-la-hán, lại cũng không có người thù chúng.

Cửa nhà Nan-đà cũng có bảy lớp, cũng có người giữ cửa, không cho những người ăn xin đến; cũng lại dùng lưới sắt phủ lên không cho chim bay vào trong nhà.

“Hôm nay, chúng ta hãy làm cho Mẹ Nan-đà² chí tín Phật, Pháp, chúng Tăng.”

Sáng sớm hôm đó, trưởng giả Bạt-đề ăn bánh. Tôn giả A-na-luật, bấy giờ đã đến giờ, khoác y, cầm bát, rồi từ dưới đất trong nhà trưởng giả vọt lên, đưa bát cho trưởng giả. Ông trưởng giả rất buồn trong lòng, trao cho A-na-luật một ít bánh. Khi A-na-luật được bánh rồi, trở về chỗ mình. Bấy giờ, trưởng giả liền nổi thịnh nộ, nói với người giữ cửa rằng:

«Ta đã có lệnh, không được cho người vào trong cửa. Tại sao lại cho người vào?»

Người giữ cửa thưa:

«Cửa nẻo kiên cố, không biết Đạo sĩ này từ đâu vào?»

Trưởng giả khi ấy im lặng không nói. [647b01] Khi trưởng giả đã ăn bánh xong, tiếp ăn cá thịt. Tôn giả Đại Ca-diếp khoác y, cầm bát, đến nhà trưởng giả, từ dưới đất vọt lên, đưa bát cho

¹ Đề bản: Tỷ 姊. TNM: Muội.

² Nan-đà Mẫu 難陀母.

Trưởng giả. Trưởng giả lòng rất sầu ưu, trao cho Ngài một tí cá thịt. Ca-diếp được thịt, liền biến mất, trở về chỗ mình. Lúc này, Trưởng giả lại càng giận, bảo người giữ cửa rằng:

«Trước ta đã ra lệnh, không cho người vào trong nhà. Tại sao lại cho hai sa-môn vào nhà khát thực?»

Người giữ cửa thưa:

«Chúng tôi chẳng thấy sa-môn này lại từ ngõ nào mà vào? »

Trưởng giả bảo:

«Sa-môn đầu trọc này giỏi làm trò huyền thuật, mê hoặc người đời. Không có chánh hạnh gì!»

Bấy giờ, vợ Trưởng giả ngồi cách đó không xa. Người vợ trưởng giả này là em gái trưởng giả Chất-đa,³ cưới từ Ma-su-san⁴ về. Lúc đó, người vợ bảo Trưởng giả:

«Hãy giữ miệng mình, chớ nói những lời này, rằng ‘Sa-môn học huyền thuật.’ Sở dĩ như vậy là vì các Sa-môn này có oai thần lớn. Họ mà đến nhà trưởng giả là có nhiều lợi ích. Trưởng giả có biết Tỳ-kheo trước là ai không?»

Trưởng giả đáp:

«Tôi không biết.»

Người vợ nói:

«Trưởng giả có nghe con vua Học Tịnh, nước Ca-tỳ-la-vệ, tên A-na-luật, lúc đang sinh mặt đất chấn động sáu cách. Cách

³ Chất-da Trưởng giả 質多長者. Pāli: Citta-gahapati, người ở Macchikāsaṇḍa.

⁴ Ma-su-san 摩師山; phiên âm. Để bản hiểu nhầm san [山] là tên núi, thay vì từ phiên âm, nên chép “Ma-su san trung.” Pāli: Macchikāsaṇḍa, một thị trấn ở Kāsi.

Tăng nhất A-hàm

chung quanh nhà trong vòng một do tuần, mở quý tự nhiên xuất hiện không?»

Trưởng giả đáp:

«Tôi có nghe A-na-luật, song chưa gặp ông ấy»

Người vợ bảo Trưởng giả:

«Vị con nhà hào tộc này lia bỏ gia cư, đã xuất gia học đạo, tu hành phạm hạnh, đắc đạo A-la-hán, là thiên nhãn đệ nhất không có ai vượt qua. Chính Như Lai cũng nói: <Thiên nhãn đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, chính là Tỳ-kheo A-na-luật.> Tiếp đến, Ông có biết vị Tỳ-kheo thứ hai vào đây khát thực không?»

Trưởng giả đáp:

«Tôi không biết.»

Người vợ Trưởng giả bảo:

«Trưởng giả có nghe Đại Bà-la-môn tên Ca-tỳ-la⁵ trong thành La-duyet này, nhiều của báu không thể kể hết, có chín trăm chín mươi chín con bò cày ruộng không?»

Trưởng giả đáp:

«Chính tôi đã thấy bà-la-môn này.»

Người vợ Trưởng giả bảo:

«Trưởng giả, ông có nghe con của bà-la-môn kia tên là Tỳ-ba-la-da-đàn-na,⁶ thân màu vàng, vợ tên là Bà-đà,⁷ là người đặc

⁵ Ca-tỳ-la 迦毘羅. Pāli: Kapila, tên người Bà-la-môn, thân phụ ngài Đại Ca-diếp.

⁶ Tỳ-ba-la-da-đàn-na 比波羅耶檀那. Pāli: Pippālī, tên của Đại Ca-diếp.

⁷ Bà-đà 婆陀. Pāli: Bhaddhā Kāpilāni.

biệt nhất trong phái nữ. Dù có đem vàng tử ma đến trước cô, thì cũng giống như đen so với trắng không?»

Trưởng giả đáp:

«Tôi có [647c01] nghe có con bà-la-môn này, tên là Tỷ-ba-la-da-đàn-na, nhưng lại chưa gặp.»

Người vợ Trưởng giả nói:

«Chính là vị Tỳ-kheo vừa đến sau đó. Bản thân ông đã bỏ báu ngọc nữ này, xuất gia học đạo, nay đắc A-la-hán, thường hành đầu đà. Người có đầy đủ các pháp hạnh đầu đà, không ai vượt hơn Tôn giả Ca-diếp. Thế Tôn cũng nói: ‘Tỳ-kheo hạnh đầu đà đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta chính là Đại Ca-diếp.’ Hôm nay Trưởng giả được rất nhiều thiện lợi, mới khiến các vị Hiền thánh đến nơi này khát thực. Tôi đã quán sát ý nghĩa này, nên bảo ông khéo giữ miệng mình, chớ huỷ báng bậc Hiền thánh cho rằng: ‘Làm trò huyễn hoá.’ Các vị đệ tử đức Thích-ca này đều có thần đức.»

Trong lúc đang nói lời này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đắp y, cầm bát, bay qua hư không đến nhà Trưởng giả, làm vỡ lòng lưới sắt, rồi ngồi kiết già ở giữa hư không. Trưởng giả Bạt-đề lúc này thấy Mục-kiền-liên ngồi ở giữa hư không, liền sợ hãi mà nói:

«Ngài là trời chăng?»

Mục-liên đáp:

«Ta chẳng phải trời.»

Trưởng giả hỏi:

«Ngài là Càn-thát-bà chăng?»

Tăng nhất A-hàm

Mục-liên đáp:

«Ta chẳng phải Càn-thát-bà.»

Trưởng giả hỏi:

«Ngươi là quỷ chằng?»

Mục-liên đáp:

«Ta chẳng phải quỷ.»

Trưởng giả hỏi:

«Ngươi là quỷ la-sát ăn thịt người chằng?»

Mục-liên đáp:

«Ta cũng chẳng phải là quỷ la-sát ăn thịt người.»

Bấy giờ, trưởng giả Bạt-đề liền nói kệ này:

*Là trời, càn-thát-bà,
La-sát, quỷ thần chằng?
Lại nói chằng phải trời,
La-sát, hay quỷ thần;
Chằng giống càn-thát-bà.
Chỗ đang sống là đâu?
Hiện ông tên là gì?
Nay tôi muốn được biết.*

Bấy giờ, Mục-liên lại dùng kệ đáp:

*Chằng trời, càn-thát-bà,
Chằng loài quỷ la-sát.
Ba đời được giải thoát;
Nay ta là thân người.
Thầy ta Thích-ca Vãn,
Có thể hàng phục ma;*

*Thành tựu đạo vô thượng.
Ta tên Đại Mục-liên.*

Trưởng giả Bạt-đề nói với Mục-liên rằng:

«Tỳ-kheo có dạy bảo điều gì không?»

Mục-liên đáp:

«Nay tôi muốn nói pháp cho ông nghe. Hãy khéo suy niệm kỹ.»

Khi ấy [648a01] trưởng giả lại nghĩ: “Các Đạo sĩ này lúc nào cũng dính đến sự ăn uống. Nay mà muốn luận bàn, chính là muốn luận bàn về ăn uống. Nếu đòi ăn nơi ta, ta sẽ nói ‘không’.” Nhưng lại nghĩ thêm: “Ít nhiều gì nay ta cũng nghe thử người này nói cái gì.”

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm Trưởng giả, liền nói kệ này:

*Như Lai nói hai thí:
Pháp thí và tài thí.
Nay sẽ nói pháp thí
Chuyên tâm nhất ý nghe.*

Khi trưởng giả nghe, sẽ nói về pháp thí, tâm liền hoan hỷ, nói với Mục-liên rằng:

«Mong Ngài diễn nói. Tôi nghe sẽ hiểu.»

Mục-liên đáp:

«Trưởng giả nên biết, Như Lai nói về năm sự đại thí, suốt đời hãy niệm mà tu hành.»

Trưởng giả lại nghĩ: “Vừa rồi Mục-liên muốn nói về hành pháp thí, nay lại nói có năm sự đại thí.”

Tăng nhất A-hàm

Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm của Trưởng giả, lại bảo Trưởng giả rằng:

«Nhu Lai nói có hai đại thí, là pháp thí và, tài thí. Nay tôi sẽ nói về pháp thí, không nói tài thí.»

Trưởng giả nói:

«Cái gì là năm sự đại thí?»

Mục-liên đáp:

«Một là không được sát sinh, đây gọi là đại thí, Trưởng giả nên tu hành suốt đời. Hai là không trộm cắp, gọi là đại thí, nên tu hành suốt đời. Không dâm, không nói dối, không uống rượu, nên tu hành suốt đời.

«Này Trưởng giả, đó gọi là có năm đại thí này nên niệm mà tu hành.»

Trưởng giả Bạt-đề nghe những lời này xong, lòng rất hoan hỷ mà nghĩ thầm: “Những điều Phật Thích-ca Văn nói rất là vi diệu. Nay những điều hiền nói, chẳng cần đến bảo vật. Như hôm nay, ta không kham sát sinh. Điều này có thể phụng hành được. Hơn nữa, trong nhà ta của báu thật nhiều, quyết không trộm cắp, và đây cũng là việc làm của ta. Lại, trong nhà ta có đàn bà rất đẹp, quyết không dâm vợ người, đây cũng là việc làm của ta. Và lại, ta không phải là người thích nói dối, huống chi tự mình nói dối, đây cũng là việc làm của ta. Như hôm nay, ý ta không nghĩ đến rượu, huống chi tự mình uống, đây cũng là việc làm của ta.” Rồi thì, Trưởng giả thưa Mục-liên rằng:

«Năm thí này, tôi có thể làm theo.»

Khi ấy, trong lòng trưởng giả suy nghĩ: “Nay ta có thể mời Mục-liên này dùng cơm.” Trưởng giả ngược đầu lên thưa Mục-liên rằng:

«Mời Ngài khuất thân hạ cố xuống đây ngồi!»

Mục-liên theo lời, ngồi xuống.

Trưởng giả Bạt-đề tự thân dọn các thứ đồ ăn thức uống cho Mục-liên. Mục-liên ăn xong, dùng nước rửa. Trưởng giả nghĩ: “Ta có thể đem một tấm gạ dâng lên Mục-liên.” Sau đó, ông vào trong kho lựa lấy tấm trắng; muốn lấy loại xấu, nhưng lại gặp loại tốt. Tìm rồi lại bỏ, mà lựa lại tấm khác, lại vẫn tốt như vậy, bỏ đó rồi lại lấy đó.

Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm Trưởng giả, liền nói kệ này:

*Thí cùng tâm tranh đấu,
Phước này Thánh hiền bỏ.
Khi thí thời chẳng tranh.
Đúng thời tùy tâm thí.*

Bảy giờ, Trưởng giả liền nghĩ: “Nay Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm ta.” Liền đem đệm trắng dâng lên Mục-liên. Mục-liên liền chú nguyện:

*Quán sát thí đệ nhất;
Biết có bậc Hiền thánh,
Là tối thượng trong thí.
Ruộng tốt sinh hạt chắc.*

Khi Mục-liên chú nguyện xong, nhận đệm trắng ấy, khiến Trưởng giả được phước vô cùng. Lúc ấy, Trưởng giả liền ngồi qua một bên. Mục-liên lần lượt vì ông nói pháp với các đề tài vi diệu. Các đề tài ấy luận về bố thí, luận về tri giới, luận về

Tăng nhất A-hàm

sinh thiên, dục là tướng bất tịnh, giải thoát là an vui. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn đã nói, là khổ, tập, tận, đạo; Mục-liên bấy giờ cũng vì ông nói hết. Từ trên chỗ ngồi ông được mắt pháp thanh tịnh. Như áo trắng tinh dễ nhuộm màu. Ở đây, trưởng giả Bạt-đề cũng lại như vậy, từ trên chỗ ngồi được mắt pháp thanh tịnh. Ông đã đắc pháp, thấy pháp, không còn hồ nghi nữa. Ông thọ trì năm giới, tự quay về Phật, Pháp, và Thánh chúng.

Mục-liên sau khi thấy Trưởng giả được mắt pháp thanh tịnh, liền nói kệ này:

*Kinh mà Như Lai thuyết,
Nguồn gốc tất đầy đủ.
Mắt tịnh, không tì vết,
Không nghi, không do dự.*

Khi ấy, trưởng giả thưa Mục-liên:

«Từ nay về sau, Ngài cùng chúng bốn bộ thường nhận lời thỉnh cầu cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, trị bệnh không chút luyến tiếc của con.»

Mục-liên sau khi nói pháp cho trưởng giả xong, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Còn các đại Thanh văn, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Tân-đầu-lô rằng:

«Chúng tôi đã độ [648c01] trưởng giả Bạt-đề. Nay thầy có thể đến hàng phục lão bà Nan-đà kia.»

Tân-đầu-lô đáp:

«Việc này thật hay.»

Bấy giờ, lão bà Nan-đà đang tự mình làm bánh sữa. Đã đến giờ, Tôn giả Tân-đầu-lô đắp y, cầm bát, vào thành La-duyệt khát thực, tuần tự đến nhà lão bà Nan-đà. Ngài từ trong lòng đất

hiện ra, tay cầm bát đưa đến lão bà Nan-đà xin ăn. Khi lão mẫu thấy Tân-đầu-lô, trong lòng nổi giận, nói những lời hung dữ:

«Tỳ-kheo nên biết, dù mắt ông có lòi ra, tôi cũng không bao giờ cho ông ăn.»

Tân-đầu-lô liền nhập định, khiến hai mắt lòi ra. Khi đó lão bà Nan-đà lại càng nổi giận hơn, lại nói dữ:

«Dù Sa-môn có treo ngược giữa hư không, ta quyết cũng không cho ông ăn!»

Tôn giả Tân-đầu-lô lại dùng định lực, treo ngược giữa hư không. Khi đó lão bà Nan-đà lại càng nổi giận hơn lên, nói dữ:

«Dù toàn thân Sa-môn có bốc khói, ta quyết cũng không cho ông ăn!»

Tôn giả Tân-đầu-lô, lại dùng định lực, khiến toàn thân bốc khói. Lão bà thấy vậy lại càng thêm phần nộ hơn, nói:

«Dù toàn thân Sa-môn có bốc cháy, ta quyết cũng không cho ông ăn!»

Tân-đầu-lô liền dùng tam-muội, khiến toàn thân thể bốc cháy. Lão bà thấy vậy lại nói:

«Dù toàn thân Sa-môn có ra nước, ta quyết cũng không cho ông ăn!»

Tân-đầu-lô lại dùng định lực, khiến toàn thân đều ra nước. Lão bà thấy vậy, lại nói:

«Dù sa-môn chết ở trước ta, ta quyết cũng không cho ông ăn!»

Tôn giả Tân-đầu-lô liền nhập diệt tận định không còn hơi thở ra vào, chết trước mặt lão mẫu. Khi đó lão bà vì không thấy hơi thở ra vào nữa nên đâm ra sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, rồi nghĩ thầm: “Sa-môn con dòng họ Thích này được nhiều người

Tăng nhất A-hàm

biết đến, được Quốc vương kính trọng. Nếu họ nghe biết ông chết tại nhà ta, chắc ta sẽ gặp quan sự, sợ rằng không thoát khỏi.” Bà liền nói:

«Sa-môn sống trở lại đi! Ta sẽ cho Sa-môn ăn.»

Tân-đầu-lô tức thì ra khỏi tam-muội. Lúc đó, lão bà Nan-đà nghĩ thầm: “Cái bánh này lớn quá. Hãy làm lại cái nhỏ để cho ông.” Lão bà lấy một ít bột gạo làm bánh, bánh bèn lớn hơn. Lão bà thấy vậy, lại nghĩ: “Bánh này lớn quá! Phải làm nhỏ lại.” Nhưng bánh vẫn lớn. “Thôi, [649a01] lấy cái làm trước tiên đem cho.” Bà liền lấy cái làm trước tiên, nhưng những cái bánh đó đều lại dính vào nhau. Lão bà lúc này nói với Tân-đầu-lô rằng:

«Ông cần ăn thì tự lấy, có sao lại quấy nhiễu nhau vậy?»

Tân-đầu-lô đáp:

«Đại tử nên biết, tôi không cần ăn. Chỉ cần muốn nói với lão bà thôi!»

Lão bà Nan-đà nói:

«Tỳ-kheo, dạy bảo điều gì?»

Tân-đầu-lô nói:

«Lão bà nên biết, nay đem bánh này đến chỗ Thế Tôn. Nếu Thế Tôn có dạy bảo điều chi, thì chúng ta sẽ cùng làm theo.»

Lão bà đáp:

«Việc này thật là thú vị!»

Lúc này, lão bà tự mình mang bánh này theo sau Tôn giả Tân-đầu-lô đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, Tôn giả đánh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Tân-đầu-lô bạch Thế Tôn:

«Lão bà Nan-đà này, là chị của Trưởng giả Nan-đề, tham lam ăn một mình không chịu thí người. Cúi xin Thế Tôn vì bà mà nói pháp để phát khởi chí tín, tâm được khai mở.»

Thế Tôn bảo lão bà Nan-đà:

«Nay bà đem bánh cúng cho Như Lai và Tăng Tỳ-kheo.»

Lão bà Nan-đà liền đem bánh dâng lên Như Lai cùng Tăng Tỳ-kheo khác. Song, bánh vẫn còn dư. Lão bà Nan-đà bạch Thế Tôn:

«Số bánh vẫn còn dư.»

Thế Tôn bảo:

«Cúng lần nữa cho Phật và, Tỳ-kheo Tăng.»

Lão bà Nan-đà vâng theo lời dạy của Phật, đem bánh này cúng lần nữa cho Phật cùng Tỳ-kheo Tăng. Cuối cùng, bánh đó vẫn còn. Phật bảo lão bà Nan-đà:

«Nay, lão bà nên đem bánh này cúng cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Nhưng số bánh đó vẫn còn. Thế Tôn bảo:

«Hãy đem số bánh này bố thí cho những người nghèo khổ.

Song số bánh đó vẫn còn. Thế Tôn bảo:

«Hãy đem số bánh này bỏ nơi đất sạch, hay đặt vào trong nước cực sạch. Sở dĩ như vậy là vì Ta chưa bao giờ thấy Sa-môn, Bà-la-môn, trời cùng con người nào có thể tiêu được bánh này, trừ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác.»

Bà thưa:

«Thưa vâng, Thế Tôn.»

Lão bà Nan-đà đem bánh này thả vào trong nước sạch, tức thì lửa bùng lên. Lão bà Nan-đà thấy vậy, lòng đầy sợ hãi. Bà đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn thứ tự nói pháp cho bà nghe. Ngài nói về bố thí, về trì giới, về sinh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là ô uế, xuất gia là giải thoát. Bấy giờ, Thế Tôn biết lão bà Nan-đà tâm ý đã khai [649b01] mở. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường nói, là khổ, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn vì lão bà Nan-đà nói hết. Lão bà ngay trên chỗ ngồi được mắt pháp thanh tịnh. Giống như tấm thảm trắng dễ được nhuộm màu, ở đây lại cũng như vậy. Lão bà bấy giờ đã sạch hết trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Bà đã đắc pháp, thành tựu pháp, không còn hồ nghi, đã vượt qua do dự, được vô sở úy, mà thừa sự Tam bảo, thọ trì năm giới.

Bấy giờ, Thế Tôn vì bà nói pháp lại, khiến bà phát lòng hoan hỷ. Nan-đà khi ấy bạch Thế Tôn:

«Từ nay về sau, chúng bốn bộ hãy đến nhà con nhận cúng dường. Từ nay về sau con sẽ luôn luôn bố thí, tu các công đức, phụng thờ Hiền thánh.»

Sau đó, bà từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật, rồi lui đi.

Trưởng giả Bạt-đề và lão mẫu Nan-đà có người em tên Ưu-bà-ca-ni, lúc còn thơ ấu chơi thân với vua A-xà-thế, cả hai rất quý mến nhau. Bấy giờ, trưởng giả Ưu-bà-ca-ni đang làm ruộng, nghe anh Bạt-đề và chị Nan-đà đã được Như Lai giáo hóa. Nghe vậy, ông vui mừng hơn hờ không thể tự kiềm, trong cả bảy ngày không ngủ nghỉ và ăn uống được. Sau khi công việc ruộng đồng đã làm xong, ông trở về thành La-duyet. Giữa đường, ông nghĩ thầm: “Nay, trước tiên ta nên đến chỗ Thế

Tôn, sau đó mới về nhà.” Trưởng giả đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Trưởng giả bạch Thế Tôn:

«Anh Bạt-đề cùng chị Nan-đà con đã được Như Lai giáo hóa rồi sao?»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, Trưởng giả. Nay Bạt-đề và Nan-đà đã thấy bốn đế, tu các pháp thiện.»

Trưởng giả Ưu-bà-ca-ni bạch Thế Tôn:

«Gia đình chúng con rất được đại lợi.»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, trưởng giả, như những lời ông nói, cha mẹ ông nay rất được đại lợi, đã gieo phước đời sau.»

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho trưởng giả. Trưởng giả nghe xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi lui ra. Ông đi về đến chỗ vua A-xà-thế, ngồi một bên.

Vua hỏi trưởng giả:

«Anh và chị ông đã được Như Lai giáo hóa rồi chăng?»

Tâu:

«Thật vậy, Đại vương.»

Vua nghe lời này vui mừng hơn hở không tự chế được, liền gióng chuông trống ra lệnh trong thành: “Từ nay trở về sau, những nhà thờ Phật khỏi phải bị nộp thuế. Những người phụng sự Phật [649c01] đến thì được nghinh đón, đi thì được đưa tiễn. Sở dĩ như vậy là vì họ là anh em đạo pháp của ta.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế cho xuất các thứ đồ ăn thức uống đem cho trưởng giả. Trưởng giả liền nghĩ thầm: “Ta chưa bao giờ nghe Thế Tôn dạy phạm pháp Ưu-bà-tắc là nên ăn những thứ đồ ăn nào? Nên uống những thứ nước nào? Nay, trước ta nên đến chỗ Thế Tôn, hỏi nghĩa này, sau đó mới ăn.” Trưởng giả bèn bảo một người thân cận:

«Người đi đến chỗ Thế Tôn. Đến rồi đánh lễ sát chân, đem những lời của ta bạch lên Thế Tôn: Trưởng giả Ưu-bà-ni-ca bạch Thế Tôn, phạm pháp của Hiền giả trì bao nhiêu giới? Lại phạm bao nhiêu giới chẳng phải là Ưu-bà-tắc? Nên ăn thức ăn nào, uống nước uống nào?»

Người kia vâng lời trưởng giả, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Rồi người kia đem tên trưởng giả bạch Thế Tôn:

«Phạm pháp Ưu-bà-tắc, nên giữ bao nhiêu giới? Phạm bao nhiêu giới chẳng phải là Ưu-bà-tắc? Lại nên ăn thức ăn nào? Uống nước uống nào?»

Thế Tôn bảo:

«Nay ông nên biết, ăn có hai loại, đáng thân cận, và không đáng thân cận. Thế nào là hai? Nếu thân cận thức ăn mà pháp bất thiện khởi lên làm pháp thiện tổn giảm, thức ăn này không thể thân cận. Nếu lúc được thức ăn mà pháp thiện tăng ích, pháp bất thiện tổn giảm, thức ăn này đáng thân cận.

«Nước cũng có hai loại. Nếu lúc được nước uống mà pháp bất thiện khởi làm pháp thiện tổn giảm, đây chẳng thể thân cận. Nếu lúc được nước uống mà pháp bất thiện bị tổn giảm, pháp thiện có tăng ích, đây có thể thân cận.

«Phàm pháp Ưu-bà-tắc, giới cấm có năm. Trong đó có thể giữ một giới, hai giới, ba giới, bốn giới cho đến năm giới; thấy đều phải giữ. Nên hỏi lại ba lần, người có thể giữ thì khiến cho họ giữ. Nếu Ưu-bà-tắc nào phạm vào một giới rồi, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục. Nếu Ưu-bà-tắc nào vâng giữ chỉ một giới, sẽ được sinh về cõi lành, trên trời, hưởng chi là giữ hai, ba, bốn, năm giới.»

Người kia sau khi nhận lãnh những lời dạy từ Phật rồi, đánh lễ sát chân Phật và lui đi. Người kia đi chưa xa, bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, cho phép trao năm giới và ba tự quy cho Ưu-bà-tắc. Nếu Tỳ-kheo nào khi muốn trao giới cho Thanh tín nam nữ, dạy họ để trống cánh tay, chấp tay, bảo xưng tên họ, nguyện quy y Phật. Pháp, chúng Tăng ba lần. Sau khi bảo xưng tên họ quy y Phật, Pháp, chúng Tăng rồi, lại tự xưng: ‘Nay con đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Như Phật Thích-ca Văn lần đầu tiên đã cho năm trăm khách buôn thọ ba tự quy, con nguyện suốt đời không giết, không trộm, không dâm, không dối, không uống rượu.’ Nếu ai giữ một giới thì còn lại bốn giới; nếu giữ hai giới thì còn lại ba giới; nếu giữ ba giới thì còn lại hai giới; nếu giữ bốn giới thì còn lại một giới; nếu giữa năm giới, đó là người giữ đầy đủ.»

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁸

Tôi nghe như vậy:

⁸ Tham chiếu Pāli, A IV 50 Upakkilesasutta (R. ii. 53).

Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

«Mặt trời, mặt trăng, bị bốn sự che khuất⁹ khiến không phóng ra được ánh sáng. Thế nào là bốn? Một là mây, hai là bụi gió, ba là khói, bốn là A-tu-la,¹⁰ khiến mặt trời, mặt trăng bị che khuất, không phóng ánh sáng được. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là mặt trời, mặt trăng bị bốn sự che khuất này, khiến không phóng ánh sáng lớn được. Ở đây cũng vậy, Tỳ-kheo có bốn kết sử¹¹ che kín tâm người không khai mở được. Thế nào là bốn? Một là dục kết, che lấp tâm người không khai mở được, hai là sân nhuế, ba là ngu si, bốn là lợi dưỡng, che khuất tâm người không khai mở được.¹²

«Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn kết này che khuất tâm người không khai mở được, hãy tìm cầu phương tiện tiêu diệt liền bốn kết này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

KINH SỐ 3¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở cạnh miếu A-la-tỳ¹⁴. Bấy giờ, trời rất là lạnh, cây cối xác xơ, trơ trụi. Khi ấy, con trai của Thủ trưởng

⁹ Pāli: *cattārome candimasūriyānaṃ upakkilesā*, bốn sự che mờ (upakkilesa: sự làm hoen ố, ô nhiễm, tùy phiền não) của mặt trời, mặt trăng.

¹⁰ Pāli: Rāhu asurinda.

¹¹ Pāli: *cattāro upakkilesā*, bốn tùy phiền não (=sự làm hoen ố).

¹² Pāli, *ibid.*, bốn ô nhiễm: uống rượu (*suram pivanti*), tập hành dâm dục (*methunaṃ dhammaṃ patisevanti*), thọ dụng vàng bạc (*jātarūparajataṃ sādīyanti*, sống bằng tà mạng (*micchājīvena jīvanti*)).

¹³ Tham chiếu Pāli, A III 24 Hatthakasutta (R.i. 137).

giả, người A-la-bà,¹⁵ ra khỏi thị trấn ấy, đi bách bộ bên ngoài, dần dần đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, ông đánh lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Con Trưởng giả kia bạch Thế Tôn:

«Trong đêm hôm qua không rõ Thế Tôn ngủ có được ngon không?»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, Đồng tử, Ta ngủ thật ngon.»

Con trưởng giả bạch Phật:

«Hôm nay trời lạnh quá, muôn vật xác xơ, trợ trụ. Song, Thế Tôn lại dùng đệm cỏ để ngồi, mặc y áo rất là mỏng manh. Sao Thế Tôn nói là: <Ta ngủ thật ngon được?»

Thế Tôn bảo:

«Đồng tử lắng nghe! Nay Ta hỏi lại, ngươi cứ theo đó mà trả lời. Giống như nhà Trưởng giả được che kín chắc chắn, phòng ốc không có [50b01] gió bụi. Trong nhà đó có giường được trải thảm, nệm, đệm lông, mọi thứ đầy đủ. Có bốn ngọc nữ nhan sắc xinh đẹp, mặt như hoa đào hiếm có trên đời, nhìn không biết chán. Đèn đốt sáng trưng. Vậy trưởng giả kia lại¹⁶ có ngủ ngon được không?»

Con trưởng giả thưa:

«Thật vậy, Thế Tôn! Có giường tốt thì sẽ ngủ ngon được.»

Thế Tôn bảo:

¹⁴ A-la-tỳ từ 阿羅毘祠. Pāli: Ālavī, thị trấn cách Xá-vệ 30 di-tuần, tại đó có miếu thờ Aggāva.

¹⁵ Thủ A-la-bà trưởng giả 手阿羅婆長者. Pāli: Hatthaka Ālavaka.

¹⁶ Đê bản: khiếp 怯. Có thể khoái 快, bị chép nhầm.

Tăng nhất A-hàm

«Thế nào con trai của trưởng giả? Nếu khi người kia đang ngủ ngon, mà có ý dục nổi lên, duyên bởi ý dục này, có không ngủ được phải không?»

Con trưởng giả thưa:

«Thật vậy, Thế Tôn! Nếu người kia ý dục nổi lên sẽ không ngủ được.»

Thế Tôn bảo:

«Nhu ý dục người kia đang mạnh, trong khi Như Lai diệt tận không còn dư tàn, gốc rễ không sinh trở lại, không trở lên lại nữa. Thế nào, con trai của trưởng giả, nếu người mà tâm sân nhuế, ngu si khởi lên, há ngủ ngon được sao?»

Đồng tử thưa:

«Không ngủ ngon được. Sở dĩ như vậy là vì do tâm có ba độc.»

Thế Tôn bảo:

«Như Lai nay không còn các tâm này, diệt tận không còn dư tàn, cũng không còn gốc rễ. Đồng tử nên biết, nay Ta sẽ nói về bốn loại chỗ ngồi. Những gì là bốn? Có chỗ ngồi thấp, có chỗ ngồi chư Thiên, có chỗ ngồi Phạm thiên, có chỗ ngồi Phật.

«Đồng tử nên biết, chỗ ngồi thấp là toà của Chuyển luân Thánh vương. Chỗ ngồi chư Thiên là toà của Thích Đề-hoàn Nhân. Chỗ ngồi Phạm thiên là chỗ ngồi của Phạm thiên vương. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn đế.

«Chỗ ngồi thấp là chỗ ngồi hương Tu-đà-hoàn. Chỗ ngồi chư Thiên là chỗ ngồi đắc Tu-đà-hoàn. Chỗ ngồi Phạm thiên là chỗ ngồi hương Tu-đà-hàm. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn niệm xứ.

«Chỗ ngồi tháp là chỗ ngồi đắc Tu-đà-hàm. Chỗ ngồi Thiên là chỗ ngồi hương A-na-hàm. Chỗ ngồi Phạm là chỗ ngồi đắc A-na-hàm. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn vô lượng tâm.

«Chỗ ngồi tháp là chỗ ngồi dục giới. Chỗ ngồi Thiên là chỗ ngồi sắc giới. Chỗ ngồi Phạm là chỗ ngồi vô sắc giới. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn thần túc.

«Cho nên, Đồng tử, nên biết, Như Lai do ngồi chỗ ngồi bốn thần túc nên được ngủ ngon. Ở đó, không khởi dâm, nộ, si. Đã không khởi tâm ba độc này, bèn ở trong vô dư Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn, biết như thật rằng, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau. Cho nên, này con trai của trưởng giả, khi Ta quán sát ý nghĩa này xong, nên nói Như Lai được ngủ ngon.»

[650c02] Bấy giờ, con T trưởng giả liền nói kệ này:

*Gặp nhau đã lâu ngày,
bà-la-môn Bát-niết-bàn.¹⁷
Nhờ nương sức Như Lai,
Mắt sáng¹⁸ mà diệt độ.¹⁹
Toà tháp và toà Thiên
Toà Phạm, cùng toà Phật;
Như Lai phân biệt rõ,
Cho nên được ngủ ngon.
Tự quy Nhân Trung Tôn
Cũng quy Nhân Trung Thượng
Nay con chưa thể biết
Là nương những Thiền nào?*

¹⁷ Pāli: *Sabbadā ve sukham seti, brāhmaṇo parinibbuto*, đáng Bà-la-môn đã hoàn toàn tịch diệt, ngủ an lạc trong mọi thời

¹⁸ Để bản: Minh miên 明眠. Có thể minh nhãn 明眼, chép nhầm.

¹⁹ Cf. Pāli: *Upasanto sukham seti*, tịch tĩnh, ngủ an lạc.

Con trai của trưởng giả đọc những lời này xong, Thế Tôn bằng lòng ấn khả. Bấy giờ, con Trưởng giả nghĩ thầm: “Thế Tôn đã bằng lòng ấn khả. Ta rất là vui mừng, không thể tự chế được.” Bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi lui đi.

Đồng tử kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn từ tịnh thất ra, đi xuống núi Linh thúu cùng với bà-la-môn Lộc Đầu,²⁰ lần hồi du hành đến bãi tha ma đáng sợ.²¹

Khi ấy, Thế Tôn cầm đầu lâu một người chết trao cho bà-la-môn và nói:

«Ông bà-la-môn, ông giỏi xem tinh tú, lại kiêm cả y dược, có thể trị mọi thứ bệnh, hiểu rõ tất cả các định hướng tái sinh, và cũng còn có thể biết nhân duyên người chết. Nay Ta hỏi ông, đây là đầu lâu của người nào? Là nam hay là nữ? Do bệnh gì mà qua đời?»

²⁰ Lộc Đầu phạm chí; có thể đồng nhất Pāli Migasira, Trưởng lão A-la-hán, nguyên người Bà-la-môn, sau xuất gia ngoại đạo (*pabbājika*), cuối cùng theo Phật. Ông có biệt tài gõ vào đầu lâu mà biết người chết sinh về đâu.

²¹ Có lẽ Pāli, Sītavana (Hàn lâm), thường được mô tả là *bhayabherava-sītavana*, khu rừng lạnh đầy sợ hãi kinh khiếp.

Bà-la-môn liền cầm lấy đầu lâu, xoay qua xoay lại quan sát, lại dùng tay gõ vào nó, và bạch Thế Tôn:

«Đây là đầu lâu của người nam, chẳng phải người nữ.»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, bà-la-môn, như lời ông đã nói. Đây là người nam, chẳng phải người nữ.»

Thế Tôn hỏi:

«Do đâu qua đời?»

Bà-la-môn lại dùng tay gõ vào nó. Bạch Thế Tôn:

«Đây do nhiều bệnh tập hợp. Trăm đốt xương đau buốt quá mà chết.»

Thế Tôn bảo:

«Phải trị bằng phương thuốc nào?»

Bà-la-môn Lộc Đầu bạch Phật:

«Phải dùng quả ha-lê-lặc²² hoà chung với mật, sau đó cho uống, bệnh này sẽ lành.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, như những lời ông nói, nếu người này được thuốc này, đã không qua đời. Nay người này lúc mạng chung, sinh về nơi nào?»

Bà-la-môn nghe rồi, lại cầm đầu lâu gõ, [651a01] và bạch Thế Tôn:

²² Ha-lê-lặc 呵梨勒; Pāli: *harīṭaka*, *harīṭakī* (Skt. đồng), kha từ 柯子.

Tăng nhất A-hàm

«Người này mạng chung sinh về ba đường dữ, chẳng sinh về nơi lành.»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, bà-la-môn, như những lời ông nói, sinh vào ba đường dữ, không sinh về nơi lành.»

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa, trao cho bà-la-môn.
Hỏi bà-la-môn:

«Đây là người nào? Là nam hay nữ?»

Lúc này bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Đầu lâu này là thân người nữ.»

Thế Tôn bảo:

«Do bệnh tật gì mà mạng chung?»

Lúc này, bà-la-môn Lộc Đầu lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Người nữ này mạng chung khi còn mang thai.»

Thế Tôn bảo:

«Người nữ này do đâu mà mạng chung?»

Bà-la-môn bạch Phật:

«Người nữ này do sinh con chưa đầy tháng nên qua đời.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, lành thay, bà-la-môn, như những lời ông đã nói. Và lại, người nữ mang thai kia nên trị bằng phương thuốc gì?»

Bà-la-môn bạch Phật:

«Như người bệnh này, phải cần tô đề hồ để uống thì khỏi.»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, thật vậy, như những gì ông đã nói. Nay người nữ này sau khi mạng chung sinh về nơi nào?»

Bà-la-môn bạch Phật:

«Người nữ này sau khi mạng chung sinh vào trong súc sanh.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, lành thay, bà-la-môn, như những gì ông đã nói.»

Rồi Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa trao cho bà-la-môn, và hỏi bà-la-môn:

«Là nam hay nữ?»

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Đầu lâu này là thân người nam.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Do tật bệnh gì mà mạng chung?»

bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Người này mạng chung do vì ăn uống ngộ độc, bị thổ tả mà mạng chung.»

Thế Tôn bảo:

«Bệnh này dùng trị bằng phương thuốc?»

bà-la-môn bạch Phật:

«Nhịn ăn trong vòng ba ngày, trừ khỏi được liền.»

Thế Tôn bảo:

Tăng nhất A-hàm

«Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Người này sau khi mạng chung sinh về nơi nào?»

Lúc này, bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Người này mạng chung sinh vào trong nga quý. Sở dĩ như vậy là vì ý chỉ tưởng đến nước.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói.»

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa, trao cho bà-la-môn, hỏi bà-la-môn:

«Là nam hay là nữ?»

Phạm chí lúc này dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Đầu lâu này là [651b01] thân của người nữ.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Người này mạng chung do bệnh tật gì?»

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Lúc đang sinh thì mạng chung.»

Thế Tôn bảo:

«Tại sao lúc đang sinh thì mạng chung?»

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Thân người nữ này khí lực hư, cạn kiệt, lại đói quá nên mạng chung.»

Thế Tôn bảo:

«Người này mạng chung sinh về nơi nào?»

Lúc này, bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Người này mạng chung sinh vào loài người.»

Thế Tôn bảo:

«Phàm người chết đói mà muốn sinh nơi lành, việc này không đúng. Phải sinh vào ba đường dữ mới hợp lý.»

Lúc này, bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Người nữ này trì giới hoàn hảo mà mạng chung.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Thân người nữ kia trì giới hoàn hảo đến khi mạng chung. Sở dĩ như vậy là vì phàm có người nam người nữ nào mà trì cấm giới hoàn toàn thì lúc mạng chung sẽ về hai đường, hoặc lên trời hay là loài người.»

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm đầu lâu nữa trao cho bà-la-môn, hỏi:

«Nam hay là nữ?»

Lúc này, bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Đầu lâu này là thân nam tử.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Người này do bệnh tật gì khiến phải mạng chung?»

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Người này không bệnh, bị người hại khiến mạng chung.»

Thế Tôn bảo:

Tăng nhất A-hàm

«Lành thay, lành thay, như những lời ông đã nói, bị người hại khiến mạng chung.»

Thế Tôn bảo:

«Người này mạng chung sẽ sinh nơi nào?»

Lúc này, bà-la-môn dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Người này mạng chung sinh lên trời, xứ thiện.»

Thế Tôn bảo:

«Như những lời ông đã nói, lời bàn trước, bàn sau mâu thuẫn nhau.»

bà-la-môn bạch Phật:

«Căn bản do duyên gì mà mâu thuẫn nhau?»

Thế Tôn bảo:

«Những người nam, nữ mà bị người hại khiến mạng chung, đều sinh hết về ba đường dữ. Sao ông nói là sinh về xứ thiện, lên trời?»

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Vi người này vâng giữ năm giới kiêm hành thập thiện, nên đến khi mạng chung sinh lên trời, xứ thiện.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, lành thay, như [651c01] những lời ông đã nói. Người giữ giới, không xúc phạm, sẽ sinh lên trời, xứ thiện.»

Thế Tôn lại bảo:

«Người này đã trì mấy giới mà mạng chung?»

Bấy giờ, bà-la-môn một lòng chuyên chú không nghĩ gì khác, dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Trì một giới chẳng? Chẳng phải. Hai, ba, bốn, năm giới chẳng? Chẳng phải. Người này trì pháp bát quan trai mà mạng chung.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, lành thay, như những lời ông đã nói. Trì bát quan trai mà mạng chung.»

Bấy giờ, trong cảnh giới phương Đông, tại phía nam núi Phổ hương, phương Đông, có Tỳ-kheo Ưu-đà-diên nhập Niết-bàn trong vô dư Niết-bàn giới. Khi ấy, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, Thế Tôn đến lấy đầu lâu kia, đem về trao cho bà-la-môn, và hỏi bà-la-môn:

«Là nam hay nữ?»

Lúc này, bà-la-môn lại cùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

«Tôi xem đầu lâu này, nguồn gốc của nó chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ. Sở dĩ như vậy là vì tôi quán đầu lâu này cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy đoạn, cũng chẳng thấy xoay vần qua lại. Sở dĩ như vậy là vì quan sát tám phương, trên dưới đều không âm vọng. Nay tôi chưa rõ đầu lâu của người này là ai?»²³

Thế Tôn bảo:

«Thôi, thôi, bà-la-môn, rút lại, ôÔng không biết là đầu lâu của ai. Ông nên biết, đầu lâu này không đầu không cuối, cũng không sinh tử, cũng không đi về đâu trong tám phương, trên dưới. Đây chính là đầu lâu của A-la-hán, Tỳ-kheo Ưu-đà-diên

²³ Xem, ThaA, ii. 52, chuyện Mgasira.

Tăng nhất A-hàm

đã nhập Niết-bàn trong vô dư Niết-bàn giới, trong cảnh giới phương Đông, tại phía nam núi Phổ hương.»

Sau khi bà-la-môn nghe những lời này xong, khen chưa từng có, liền bạch Thế Tôn:

«Nay tôi quan sát loài trùng kiến này từ nơi nào đến, đều biết tất cả. Nghe tiếng vọng của chim thú mà có thể phân biệt rõ ràng: đây là con đực, đây là con cái. Nhưng tôi quan sát vị A-la-hán này, hoàn toàn không thấy gì, không thấy chỗ đến, cũng không thấy chỗ đi. Chánh pháp Như Lai thật là kỳ diệu. Sở dĩ như vậy là vì gốc của các pháp phát xuất từ cửa miệng của Như Lai, còn A-la-hán phát xuất từ gốc của kinh pháp.»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, bà-la-môn, như những gì ông đã nói. Gốc của các pháp phát xuất từ miệng Như Lai. Ngay đến chư Thiên, người đời, Ma hoặc Ma thiên, quyết không biết được chỗ đến của A-la-hán.»

Bấy giờ, bà-la-môn đánh lễ sát chân, và bạch Thế Tôn:

«Tôi có thể biết hết nơi thu hưởng của chín mươi sáu loại đạo. [652a01] Thấy đều biết tất cả. Nhưng chỗ thú hưởng của pháp của Như Lai, không thể phân biệt được. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được vào đạo.»

Thế Tôn bảo:

«Lành thay, bà-la-môn, hãy tu phạm hạnh, cũng sẽ không có người nào biết được chỗ thu hưởng của ông.»

Khi ấy, bà-la-môn được xuất gia học đạo, ở chỗ vắng vẻ tư duy thuật đạo, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y, cho đến như thực biết rằng, sinh tử đã hết, phạm

hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau. Lúc đó, bà-la-môn thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Lộc Đầu bạch Thế Tôn:

«Nay con đã biết pháp tu hành của A-la-hán.»

Thế Tôn bảo:

«Ông biết thế nào về hành của A-la-hán?»

Lộc Đầu bạch Phật:

«Nay có bốn giới. Những là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Như Lai, đó gọi là có bốn giới này. Khi một người mạng chung, đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió.»

Thế Tôn bảo:

«Thế nào, Tỳ-kheo, nay có bao nhiêu giới?»

Lộc Đầu bạch Phật:

«SỰ thực có bốn giới. Nhưng nghĩa có tám giới.»

Thế Tôn bảo:

«Thế nào là bốn giới, mà nghĩa có tám giới?»

Lộc Đầu bạch Phật:

«Nay có bốn giới. Những gì là bốn giới? Đất, nước, lửa, gió. Đó gọi là bốn giới. Thế nào là nghĩa có tám giới? Đất có hai loại: đất trong và đất ngoài. Sao gọi đại chủng đất bên trong ? Đó là tóc, lông, móng, răng, thân thể, da bọc ngoài, gân cốt, tuỷ não, ruột, bao tử, gan, mật, tỳ thận. Đó gọi là đại chủng đất trong. Thế nào là đại chủng đất bên ngoài? Đó là những gì

Tăng nhất A-hàm

cứng chắc. Đó gọi là đại chủng đất bên ngoài. Đây gọi là hai đại chủng đất.

«Sao gọi đại chủng nước? Đại chủng nước có hai: đại chủng nước bên trong, đại chủng nước bên ngoài. Đại chủng nước bên trong là đờm dãi, nước mắt, nước tiểu, máu, tuỷ. Đó gọi là đại chủng nước bên ngoài. Còn các vật mềm ướt bên ngoài. Đó gọi là đại chủng nước bên ngoài. Đây gọi là hai đại chủng nước.

«Sao gọi đại chủng lửa? Đại chủng lửa có hai: đại chủng lửa bên trong, đại chủng lửa bên. Sao gọi là lửa trong? Là sự tiêu hóa tất cả những vật được ăn, không còn dư sót. Đó gọi là lửa bên trong. Sao gọi là lửa bên ngoài? Những vật giữ hơi nóng, vật ở bên ngoài. Đó gọi là loại lửa ngoài.

«Tại sao gọi là đại chủng gió? Đại chủng gió có hai: gió trong và gió ngoài. Gió trong là gì? Đó là gió trong môi, [652b01] gió mắt, gió đầu, gió thổi ra, gió thổi vào, gió trong tất cả các khớp tay, chân. Đó gọi là gió trong. Sao gọi là gió ngoài? Đó là vật khiến lay động nhẹ, nhanh chóng. Đó gọi là gió ngoài. Bạch Thế Tôn, đó gọi là có hai loại. Sự thật có bốn, mà số có tám.

«Nhu vậy, Thế Tôn, con quán sát nghĩa này, rằng con người khi mạng chung, bốn đại chủng ấy trở về gốc của chúng.»

Thế Tôn bảo:

«Pháp vô thường cũng không cùng chung với pháp thường. Sở dĩ như vậy là vì đại chủng đất có hai, hoặc trong hoặc ngoài. Bây giờ, đất trong là pháp vô thường, là pháp biến dịch, còn đại chủng đất ngoài thường trụ không biến đổi.²⁴ Đó gọi là đất có hai loại không tương ưng với thường và vô thường. Còn ba

²⁴ Câu này nên tồn nghi trong Hán dịch.

đại kia cũng lại như vậy, giữa thường và vô thường không tương ưng nhau.

«Cho nên, này Lộc Đầu, tuy có tám loại, kỳ thật chỉ có bốn. Lộc Đầu, hãy học điều này như vậy.»

Lộc Đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

«Nay có bốn đại nghĩa được quảng diễn.²⁶ Những là bốn? Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Đó gọi là bốn.²⁷

«Tỳ-kheo nên biết, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Đông²⁸ đến, tụng kinh trì pháp, phụng hành cấm giới. Vị ấy nói rằng: ‘Tôi có thể tụng kinh trì pháp, vâng giữ cấm giới, học rộng nghe nhiều.’ Giả sử, Tỳ-kheo kia có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng.²⁹ Hãy cùng Tỳ-kheo kia thảo luận, chiếu theo pháp mà cùng thảo bàn. Thế nào

²⁵ Tham chiếu Pāli, A IV 180 Mahāpadesasutta (R.ii. 167).

²⁶ Cf. Pāli: *cattārome mahāpadese*, bốn đại xứ (địa phương, khu vực). Hán dịch là *desanā* (Skt. *deśanā*): Giáo thuyết, pháp thuyết.

²⁷ Bốn đại nghĩa: Kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Hán dịch có sự nhầm lẫn. Theo nội dung đoạn sau, đây là bốn y cứ để thẩm sát trong bốn trường hợp khi nào điều được nói là do chính Phật nói.

²⁸ Pāli: *desa* (Skt. *deśa*), trong truyền bản Pāli được hiểu hiểu theo nghĩa bóng: 1. Pháp nghe từ chính Thế Tôn nói, 2. Nghe từ một Thượng tọa Trưởng lão trong Tăng nói, 3. Nghe từ nhiều tỳ kheo trưởng lão nói, 4. Nghe từ một tỳ kheo nào đó. Trong truyền bản Hán dịch này, được hiểu là phương hướng, tức bốn phương đông, tây, nam bắc.

²⁹ Oali, *ibid.*, “Không hoan hỷ cũng không mạ lỵ (*neva abhinanditabbam nappaṭikkositabbam*).

là y chiếu theo cùng thảo bàn? Y chiếu theo pháp mà luận, đó là bốn đại luận được quảng diễn này. Tức là Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Nên cùng với Tỳ-kheo kia phân biệt pháp được nói bởi Khế kinh, được hiển hiện trong Luật. Giả sử khi tìm trong Khế kinh được nói, trong Luật được hiển hiện, trong pháp được phân biệt; nếu những điều được hiển hiện ấy tương ứng với Khế kinh, tương ứng với Luật và Pháp, khi ấy bèn thọ trì. Nếu không tương ứng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, thì nên trả lời người kia như vậy: ‘Này bạn, nên biết đây chẳng phải là những lời dạy của Như Lai. Mà những lời bạn nói, chẳng phải gốc của chánh kinh. Sở dĩ như vậy là vì nay tôi thấy nó không tương ứng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm.’ Vì không tương ứng nên phải hỏi về sự hành trì giới. Nếu không tương ứng với giới hạnh, [652c01] nên nói với người kia: ‘Đây chẳng phải là tạng của Như Lai!’ Hãy lập tức đuổi đi. Đây gọi là gốc của nghĩa đại nghĩa được quảng diễn thứ nhất.

«Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Nam đến nói rằng: <Tôi có thể tụng Kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng, nghe nhiều.> Giả sử Tỳ-kheo ấy có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng. Nên cùng với Tỳ-kheo kia luận nghĩa. Giả sử những điều Tỳ-kheo kia nói mà không tương ứng với nghĩa, thì nên đuổi đi. Nếu tương ứng với nghĩa, thì nên bảo người kia rằng: <Đây là nghĩa được nói, nhưng không phải gốc chánh kinh.> Khi ấy, nên chọn lấy nghĩa đó, chứ đừng nhận gốc chánh kinh. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa là căn nguyên để hiểu kinh. Đây gọi là gốc của đại nghĩa được diễn thứ hai.

«Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Tây đến (nói rằng: ‘Tôi) tụng Kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng, nghe nhiều.’ Nên nói với Tỳ-kheo kia về Khế kinh, Luật,

A-tỳ-đàm. Nhưng Tỳ-kheo kia chỉ hiểu vị,³⁰ chứ không hiểu nghĩa, nên bảo Tỳ-kheo kia rằng: ‘Chúng tôi không rõ những lời này có phải là những lời được thuyết bởi Như Lai hay không’ Giả sử khi thuyết Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm chỉ hiểu vị, chứ không hiểu nghĩa. Tuy nghe những gì Tỳ-kheo kia nói, nhưng cũng chưa đủ để khen tốt, cũng chưa đủ để nói là dở. Lại phải đem giới hạnh để hỏi. Nếu cùng tương ưng, thì nệm mà chấp nhận. Sở dĩ như vậy là vì giới hạnh cùng tương ưng với vị, nhưng nghĩa thì không thể rõ. Đây gọi là nghĩa diễn giải thứ ba.

«Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Bắc đến, tụng kinh, trì pháp, phụng hành cấm giới, (nói rằng:) ‘Các Hiền giả có nghi vấn, hãy đến hỏi nghĩa, tôi sẽ nói cho.’ Nếu Tỳ-kheo kia có nói gì cũng chưa đủ để chấp nhận ngay, chưa đủ để phúng tụng. Nhưng nên hướng về Tỳ-kheo kia hỏi về Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Nếu cùng tương ưng, thì nên hỏi nghĩa. Nếu lại tương ưng cùng nghĩa, thì nên khen ngợi Tỳ-kheo kia rằng: ‘Lành thay, lành thay, Hiền giả, đây chính là nghĩa Như Lai đã nói, không nhầm lẫn, tất cả đều cùng tương ưng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới.’

«Hãy theo pháp mà cúng dường, tiếp đãi Tỳ-kheo kia. Sở dĩ như vậy là vì Như Lai cung kính pháp, nên ai cung kính pháp, tức là cung kính Ta. Ai quán thấy pháp, người ấy quán thấy Ta. Ai có pháp, người ấy có Ta. Đã có pháp thì có Tỳ-kheo Tăng. Có pháp thì [653a01] có chúng bốn bộ. Có pháp thì có bốn chủng tánh ở đời. Sở dĩ như vậy là vì do có pháp ở đời, nên

³⁰ Vị 味. Đây chi văn từ. Pāli: *vyañjana*.

Tăng nhất A-hàm

trong Hiền kiếp có Đại Oai Vương³¹ ra đời, từ đó về sau có liền bốn chủng tánh ở đời.

«Nếu pháp có ở đời, liền có bốn chủng tánh ở đời: sát-lợi, bà-la-môn, công nhân, dòng cư sĩ. Nếu pháp có ở đời thì, liền có ngôi vị Chuyển luân Thánh vương không dứt. Nếu pháp có ở đời, liền có Tứ Thiên Vương, Đẩu-suất thiên, Diễm thiên, Hoá tự tại thiên, Tha hoá tự tại thiên xuất hiện ở đời. Nếu pháp có ở đời, liền có Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Vô sắc giới thiên hiện ở đời. Nếu pháp có ở đời, liền có quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật, Phật thừa hiện ở đời. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy khéo cung kính pháp. Hãy tùy thời cúng dường cung cấp mọi thứ cần dùng cho Tỳ-kheo kia. Nên nói với Tỳ-kheo kia rằng: «Lành thay! lành thay! Như những gì thầy đã nói. Những lời nói hôm nay thật là những lời nói của Như Lai.

«Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn đại nghĩa diễn quảng diễn này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tri tâm nắm giữ ý thực hành bốn sự này, chớ để mất sót. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc, vào buổi sáng sớm, tập

³¹ Đại Oai vương 大威王; TNM: Đại Thịnh vương 大盛王. Có lẽ tương đương Pāli Mahāsammato được nói đến trong Aggaññasutta, D. iii. 80. Xem *Trường*, kinh 5 (Tiểu duyên); *Trung* kinh 154 (Bà-la-nà-đường).

hợp bốn binh chủng, cỡi xe gấn lông chim* đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi đại vương:

«Đại vương từ đâu đến mà trên người dính đầy bụi bặm vậy? Có duyên sự gì mà tập hợp bốn binh chủng?»

Vua Ba-tu-nặc bạch Thế Tôn:

«Nay, nước nhà này có giặc lớn nổi lên. Nửa đêm qua, con đem binh bắt được, nên thân thể mệt mỏi, muốn trở về cung. Nhưng giữa đường lại nghĩ thầm: <Trước tiên ta nên đến chỗ Như Lai, rồi sau đó mới về cung.> Vì sự việc này mà ngủ nghỉ không yên. Nay nhờ có công lao dẹp giặc, lòng vui mừng hơn hở không tự chế được, cho nên đến đánh lễ thăm hầu Như Lai. Nếu ngay đêm qua, con không hưng binh ngay thì không bắt được giặc.»

Thế Tôn bảo:

«Thật vậy, Đại vương, như những gì vua nói. Vua nên biết rằng, có bốn căn duyên sự việc, [653b01] trước khổ sau vui. Những gì là bốn? Sáng thức dậy sớm; trước khổ sau vui. Hoặc dùng dầu, tô, trước khổ sau vui. Hoặc lúc dùng thuốc, trước khổ mà sau vui. Gia nghiệp, cưới gã, trước khổ sau vui. Đại vương, đó gọi là có bốn căn duyên sự việc này, trước khổ sau vui.»

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc bạch Thế Tôn:

«Những gì Thế Tôn nói thật là hợp lý, có bốn căn duyên sự việc trước khổ sau vui này. Sở dĩ như vậy là vì như ngày hôm nay, con quán sát bốn sự này như nhìn hạt châu trên tay, đều có nghĩa trước khổ sau vui.»

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Ba-tu-nặc nói pháp vi diệu, khiến phát lòng hoan hỷ. Sau khi nghe pháp rồi, vua bạch Thế Tôn:

«Việc nước đã đoan, con muốn trở về cung.»

Thế Tôn bảo:

«Nên biết đúng lúc.»

Vua Ba-tư-nặc từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui đi. Vua đi chưa lâu Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Nay có bốn căn duyên sự này, trước khổ sau vui. Thế nào là bốn? Tu tập phạm hạnh, trước khổ sau vui. Tập tụng văn kinh, trước khổ sau vui. Tọa thiền nghĩ niệm định, trước khổ sau vui. Đếm hơi thở ra vào, trước khổ sau vui. Tỳ-kheo, đó gọi là hành bốn sự này trước khổ sau vui.

«Nếu có Tỳ-kheo nào hành pháp trước khổ sau vui này, quyết sẽ được ứng quả báo vui Sa-môn sau này. Thế nào là bốn? Tỳ-kheo siêng thực hành pháp này, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, có hỷ do viễn ly sanh, tâm nhập sơ thiền.³² Đó gọi là đạt được lạc trú³³ thứ nhất của Sa-môn.

«Lại nữa, không tầm không tứ,³⁴ nội tâm định tĩnh, chuyên tinh nhất ý, không tứ, có hỷ lạc do định sanh, nhập nhị thiền.³⁵ Đó gọi là lạc trú thứ hai của Sa-môn.

«Lại nữa, ly hỷ, an trú xả, hằng tự giác tri, thân có tri giác lạc, điều mà các hiền thánh nói là xả, niệm, an trú lạc nhập tam thiền. Đó gọi là được lạc trú thứ ba của Sa-môn.

³² Nguyên Hán: vô dục ác pháp, niệm trì hỷ an, du ưu nhị thiền 無欲惡法。念持喜安遊心初禪。 Về bốn thiền, đoạn dịch Việt đã dính nhiều chỗ sai sót trong bản Hán, xem chđ. 42 và tiếp, phẩm 12, kinh số 1.

³³ Bốn thiền được gọi là bốn hiện pháp lạc trú.

³⁴ Nguyên trong bản: *hữu giác hữu quán*, tức hữu tầm hữu tứ; nhưng nhị thiền không có tầm và tứ (giác quán). Hán chép nhảy một phủ định từ.

³⁵

«Lại nữa, lạc khổ diệt, ưu và hỷ từ trước đã trừ, không lạc không khổ, xả, niệm thanh tịnh, tâm nhập tứ thiền. Đó gọi là có bốn lạc trú của Sa-môn này.

«Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào thực hành trước khổ này, sau được bốn báo vui của Sa-môn, đoạn ba lưới kết, thành Tu-đà-hoàn, được pháp thối chuyển, nhất định hướng đến diệt độ.

«Lại nữa, Tỳ-kheo, ba kết này đã đoạn; dâm, giận, si [653c01] mỏng đi, thành Tư-đà-hàm, trở lại đời này một lần, tất hết biên tế khổ.

«Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào dứt năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, nhập Bát-niết-bàn ở nơi kia,³⁶ không trở lại thế gian này.

«Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo mà hữu lậu đã diệt tận, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng, tự an trú, tự biết như thật rằng, <sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau.> Đó là Tỳ-kheo kia tu pháp trước khổ này, sau được lạc bốn quả Sa-môn.

«Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu sự trước khổ sau vui này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³⁶ A-na-hàm nhập Niết-bàn trên một trong năm Tịnh cư thiên.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xa-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

«Có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Có hạng Sa-môn tợ hoa hoàng lam,³⁷ có hạng Sa-môn tợ hoa bàn-đà-lợi,³⁸ có hạng Sa-môn tợ nhu nhuyễn,³⁹ có hạng Sa-môn nhu nhuyễn trong nhu nhuyễn.⁴⁰

«Thế nào gọi Sa-môn kia như hoa hoàng lam? Ở đây có một hạng người diệt trừ ba kết sử, thành Tu-đà-hoàn, được pháp không thối chuyển, quyết định đến Niết-bàn,⁴¹ nhưng chậm nhất là phải trải qua bảy lần chết, bảy lần tái sinh. Hoặc thành bậc gia gia,⁴² nhất chủng,⁴³ giống như hoa hoàng lam sáng ngất, chiều lớn. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, ba kết diệt tận, thành Tu-đà-hoàn, được pháp không thối chuyển, ắt đến Niết-bàn, chậm nhất cho đến qua bảy lần chết, bảy lần tái sinh. Nếu tìm cầu phương tiện, có ý đồng mãnh, hoặc thành gia gia, hoặc

³⁷ Hoàng lâm hoa 黃藍花. Pāli: (*samaṇa*)*macala* (?). Từ điển PTS không thấy từ này. Macala cũng là tên một tụ lạc tại Magadha. Cf. A IV 88, bản dịch Hoa văn (Nam truyền) đọc là *samaṇam-acalam*, “bất động Sa-môn.” Sớ giải: đây chỉ vị Tu-đà-hoàn an trụ vững trong Thánh giáo (*sāsane laddhappatiṭṭhattā*).

³⁸ Bàn-đà-lợi 邠陀利. Pāli: *puṇḍrīka*, sen trắng.

³⁹ Tợ nhu nhuyễn Sa-môn 似柔軟沙門. Pāli: *samaṇapaduma*, Sa-môn sen hồng.

⁴⁰ Pāli: *samaṇesu samaṇasukhumālo*, Sa-môn nhu hòa trong các Sa-môn.

⁴¹ Pāli: *niyato sambodhiparāyaṇo*, quyết định hướng đến Chánh giác.

⁴² Gia gia 家家; (Skt. *kulaṃkula*), hạng Tu-đà-hoàn quả hướng đến Tu-đà-hàm, tái sinh Dục giới tối đa ba lần, rồi nhập Niết-bàn.

⁴³ Nhất chủng 一種 (Skt. *ekabījika*), hoặc nhất gián (Skt. *ekavīcika*), hạng Bất-hoàn hướng, còn một lần tái sinh Dục giới.

thành nhất chủng, rồi vào đạo tích. Đó gọi là Sa-môn như hoa hoàng lam.

«Thế nào gọi Sa-môn kia là như hoa phân-đà-lợi? Ở đây có một hạng người ba kết đã diệt; dâm, nộ, si mỏng, thành Tư-đà-hàm, trở lại đời này, dứt hết bờ khổ. Nếu người hơi chậm, trở lại đời này lần nữa, rồi dứt hết bờ khổ. Nếu đồng mãnh, thì ngay trong đời này dứt hết bờ khổ. Giống như hoa phân-đà-lợi sớm bóc, chiều úa tàn. Đó gọi là Sa-môn như hoa phân-đà-lợi.

«Thế nào là Sa-môn kia nhu nhuyễn? Hoặc có một hạng người đoạn năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, rồi nơi trên kia mà nhập Bát-niết-bàn, không trở lại đời này. Đó gọi là Sa-môn nhu nhuyễn.

«Thế nào là Sa-môn kia nhu nhuyễn trong nhu nhuyễn? Hoặc có [654a01] một hạng người diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng, tự du hí, biết như thật rằng, <Sinh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau.> Đó gọi là Sa-môn nhu nhuyễn trong nhu nhuyễn.

«Đây gọi là Tỳ-kheo có bốn hạng người này xuất hiện ở đời. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện làm Sa-môn nhu nhuyễn trong nhu nhuyễn.

«Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.»

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

Kệ tóm tắt:

*Tu-đà, Tu-ma-quân
Tân-đầu-lô, uế, thủ,
Lộc Đầu, nghĩa diễn rộng,*

Tăng nhất A-hàm

*Sau vui, kinh như nhiên.*⁴⁴

⁴⁴ Bản Hán, hết quyển 20.

29. PHẨM KHỔ LẠC

KINH SỐ 1

Nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Nay có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn? Hoặc có người trước khổ, sau vui; hoặc có người trước vui sau khổ; hoặc có người trước khổ sau khổ; hoặc có người trước vui, sau vui.

«Thế nào là người trước khổ sau vui? Hoặc có một người sinh nhà ti tiện, hoặc dòng sát nhân⁴⁵, hoặc giới thợ thuyền, hoặc sinh nhà tà đạo, cùng các giới bần khổ khác, áo cơm không đủ. Tuy họ sinh vào những nhà đó, nhưng người kia lại không có tà kiến, thấy rằng ‘Có bố thí, có người nhận, có đời này, có đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn, có cha, có mẹ, đời có A-la-hán, người lãnh thọ giáo pháp, cũng có quả báo thiện ác.’ Nếu thấy có nhà nào rất giàu, thì họ biết đó nhờ báo đức bố thí, báo không phóng dật ngày xưa. Hoặc họ lại thấy nhà không áo cơm, biết những người này không tạo đức bố thí thường gặp bần tiện. ‘Nay ta lại gặp bần tiện, không có áo cơm, đều do ngày xưa không tạo phước, mê hoặc người đời, hành pháp phóng dật. Duyên báo ác hạnh này, nay gặp nghèo hèn áo cơm không đủ.’ Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn tu pháp thiện, người ấy liền hướng về sám hối, sửa đổi những việc làm xưa. Nếu có của dư,

⁴⁵ Sát nhân chủng 殺人種; đây chỉ lớp tiện dân chiên-đà-la (Pāli, Skt. *caṇḍāla*), phần lớn làm nghề giết chó, được xem là hung dữ. Các nghề nghiệp hạ tiện, xem kinh số 5, phẩm 26.

đem chia cho người. Người này sau khi qua đời sinh về xứ thiện, lên trời. Nếu sinh cõi người thì lắm tiền nhiều của báu, không thiếu hụt. Hạng người này gọi là trước khổ sau vui.

«Hạng người nào trước vui sau khổ? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà hào tộc, hoặc dòng sát-lợi, hoặc dòng trưởng giả, hoặc nhà dòng họ lớn; hoặc sinh vào các nhà giàu sang, áo cơm đầy đủ. Nhưng người đó thường ôm lòng tà kiến tương ưng cùng biên kiến. Họ thấy như vậy, ‘Không có bố thí, không có người nhận, cũng không có báo đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không có [655b01] A-la-hán, cũng không có người tác chứng, lại cũng không có báo thiện ác.’ Người đó có những tà kiến như vậy. Khi thấy nhà giàu sang, họ nghĩ, ‘Người này lâu nay vẫn có của báu này; người nam đã lâu vẫn là người nam, người nữ đã lâu vẫn là người nữ, súc sanh đã lâu vẫn là súc sanh.’ Người ấy không thích bố thí, không giữ giới luật. Khi thấy sa-môn, bà-la-môn vâng giữ giới, người này nổi sân nhuế nghĩ, ‘Người ấy hư nguy, nơi nào sẽ có phước báo ứng?’ Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu được làm người thì sinh vào nhà bần cùng, không có áo cơm, thân thể lỗ lổ, cơm áo thiếu thốn. Hạng người này gọi là trước vui sau khổ.

«Hạng người nào trước khổ sau khổ? Ở đây, có người sinh vào gia đình bần tiện, hoặc dòng sát nhân*, hoặc giới thợ thuyền; hoặc sinh vào những gia đình hạ liệt, không có áo cơm. Nhưng người này thân ôm tà kiến, cùng tương ưng với biên kiến, nên họ thấy như vậy, ‘Không bố thí, không có người nhận, cũng không có báo thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không A-la-hán.’ Người ấy không thích bố thí, không vâng giữ giới. Khi thấy sa-môn, bà-la-môn, người ấy liền nổi sân nhuế đối với các bậc Hiền thánh. Người này thấy người nghèo

thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy người giàu thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy cha, xưa đã là cha; thấy mẹ, xưa đã là mẹ. Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu sinh cõi người thì rất là nghèo hèn, áo cơm không đủ. Hạng người này gọi là trước khổ sau khổ.

«Thế nào là hạng người trước vui sau vui? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà giàu sang, hoặc dòng sát-lợi, hoặc dòng bà-la-môn, hoặc sinh vào dòng quốc vương, hoặc sinh dòng trưởng giả, cùng sinh vào gia đình lắm tiền nhiều của. Nơi sinh ra không bị thiếu hụt. Người này sinh vào những nhà như vậy, nhưng người này lại có chánh kiến không có tà kiến. Họ có cái thấy này: ‘Có bố thí, có người nhận, có đời này đời sau, đời có sa-môn, bà-la-môn, cũng có báo thiện ác, có cha có mẹ, đời có A-la-hán.’ Người này khi thấy gia đình giàu sang lắm tiền nhiều của, liền nghĩ thầm, ‘Người này có được là nhờ ngày xưa bố thí.’ Hoặc lại thấy nhà nghèo hèn thì nghĩ, ‘Người này trước kia do không bố thí. Nay ta nên tùy thời bố thí, [655c01] chớ để sau này sinh nhà nghèo hèn.’ Vì vậy nên người này thường thích bố thí cho người. Người này nếu thấy sa-môn đạo sĩ thì tùy thời thăm hỏi sức khỏe, cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh; thấy đều bố thí hết. Nếu sau khi mạng chung tất sinh xứ thiện lên trời. Nếu cõi người tất sinh vào nhà giàu sang, lắm tiền nhiều của. Hạng người này gọi là trước vui sau vui.»

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

«Con thấy chúng sanh đời này trước khổ sau vui; hoặc ở đời này có chúng sanh trước vui sau khổ; hoặc ở đời này có chúng sanh trước khổ sau khổ; hoặc có chúng sanh trước vui sau vui.»

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

Tăng nhất A-hàm

«Có nhân duyên này, khiến loài chúng sanh trước khổ sau vui; lại cũng có chúng sanh này trước vui sau khổ; lại cũng có chúng sanh này trước khổ sau khổ; lại cũng có chúng sanh này trước vui sau vui.»

Tỳ-kheo bạch Phật:

«Lại vì nhân duyên gì trước vui sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau vui? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước vui sau vui?»

Thế Tôn bảo:

«Tỳ-kheo nên biết, nếu người sống trăm tuổi. Giả sử đúng mười lần mười như vậy, người ấy sống thọ hết đông, hạ, xuân, thu. Nay Tỳ-kheo, người ấy trong một trăm năm tạo các công đức, rồi một trăm năm tạo các ác nghiệp, tạo các tà kiến. Một thời gian sau, người ấy mùa đông được vui, mùa hạ chịu khổ. Nếu trăm năm công đức đầy đủ chưa từng bị thiếu; rồi ở trong vòng trăm năm nữa, người ấy tạo các tà kiến, tạo hạnh bất thiện; nó trước chịu tội kia, sau thọ phước nọ.

“Nếu lúc nhỏ làm phước, lúc lớn gây tội, thì đời sau lúc nhỏ hưởng phước, lúc lớn chịu tội.

“Nếu lúc nhỏ tạo tội, lớn lên cũng tạo tội, thì người ấy khi đời sau trước khổ sau cũng khổ.

“Nếu lại lúc nhỏ tạo các công đức, bố thí phân-đàn,⁴⁶ (lớn lên cũng tạo các công đức cũng bố thí phân-đàn)⁴⁷, thì đời sau người ấy trước vui sau cũng vui.

⁴⁶ Phân-đàn bố thí 分檀布施; có lẽ phiên âm, Pāli: *pinḍa-dāyaka*, người bố thí vật thực. Đoạn tiếp, TNM: bố thí phần đoạn, cùng ý nghĩa.

⁴⁷ Trong ngoặc, câu này để bản nhảy sót. Đây y theo TNM thêm vào.

“Này chư Tỳ-kheo, đó gọi là vì nhân duyên này trước khổ mà sau vui, cũng do nhân duyên này trước vui mà sau khổ, cũng do nhân duyên này trước khổ sau cũng khổ, cũng do nhân duyên này trước vui sau cũng vui.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Quả vậy,⁴⁸ bạch Thế Tôn, nếu có chúng sanh nào muốn trước vui mà [656a1] sau cũng vui thì nên hành bố thí để cầu trước vui sau cũng vui.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Tỳ-kheo, như những lời ông nói. Nếu có chúng sanh nào muốn thành tựu Niết-bàn, và đạo A-la-hán cho đến Phật quả thì ở trong đó phải hành bố thí, tạo công đức.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Hoặc có người thân vui tâm không vui; hoặc có người tâm vui thân không vui; hoặc có người tâm cũng không vui, thân cũng không vui; hoặc có người thân cũng vui tâm cũng vui.

⁴⁸ Để bản: Duy nguyện 唯願. TNM: duy nhiên 唯.

“Những người nào thân vui tâm không vui? Ở đây, người phạm phu tạo phước, đối với bốn sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, không gì thiếu thốn; nhưng không thoát các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng lại không thoát khỏi trong ác thú. Đây gọi là người thân vui tâm không vui.

“Những người nào tâm vui thân không vui? Chỉ những vị A-la-hán không tạo công đức. Ở đây, trong bốn sự cúng dường, tự mình không thể tự lo xong, không bao giờ có được. Chỉ thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Giống như Tỳ-kheo La-hán Duy Dụ.⁴⁹ Đó gọi là người này tâm vui thân không vui.

“Những người nào thân cũng không vui, tâm cũng không vui? Là người phạm phu không tạo công đức, không thể có được bốn sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, lại không thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó gọi là người này thân cũng không vui, tâm cũng không vui.

“Những người nào thân cũng vui, tâm cũng vui? Chỉ cho các A-la-hán tạo công đức, bốn sự cúng dường không gì thiếu thốn như y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, thuốc men trị bệnh. Lại thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó chính là Tỳ-kheo Thi-ba-la⁵⁰.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn hạng người này. Cho nên Tỳ-kheo nên cầu phương tiện, như Tỳ-kheo Thi-ba-la.

⁴⁹ La-hán Duy Dụ 羅漢唯喻; chưa rõ.

⁵⁰ Thi-ba-la 尸波羅. Đồng nhất với Pāli, Sīvalī, được Phật tuyên bố là đệ nhất lợi đặc cúng dường (*aggam lābhīnam*), cf. A.i. 24.

“Các Tỳ-kheo hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ.

[656a29] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về bốn phước của Phạm thiên.⁵¹ Sao gọi là bốn? Thiện nam tử, thiện nữ nhân nơi chưa dựng tháp⁵², ở nơi đó mà xây tháp. Đó gọi là phước thứ nhất của Phạm thiên. Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân tu sửa chùa cũ. Đó gọi là phước thứ hai của Phạm thiên. Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân tạo sự hòa hợp Thánh chúng. Đó gọi là phước thứ ba của Phạm thiên. Lại nữa, khi Như Lai⁵³ sắp chuyển pháp luân, chư thiên, người đời khuyến thỉnh chuyển pháp luân. Đó gọi là phước thứ tư của Phạm thiên. Đó gọi là bốn phước của Phạm thiên.”

Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Phước của Phạm thiên rốt ráo là nhiều hay ít?”

Thế Tôn bảo:

⁵¹ Tứ phạm chi phước 四梵之福; đoạn dưới có khi nói: Phạm thiên chi phước 梵天之福, có khi nói thọ phạm chi phước 受梵之福. Có thể tương đương Pāli, *brahmadeyya*, tặng vật của Phạm thiên, được hiểu là tặng vật cao thượng nhất.

⁵² Nguyên Hán dịch: Thâu-bà 偷婆, Skt. *stūpa* (Pāli: *thūpa*).

⁵³ Nguyên trong bản: Đa-tát-a-kiệt.

“Lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, nay Ta sẽ nói.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng.”

Thế Tôn bảo:

“Cõi Diêm-phù-đề⁵⁴ từ Đông Tây, bảy ngàn do tuần, Nam Bắc hai vạn một ngàn do tuần, địa hình giống như chiếc xe. Ở trong đó, công đức có được của chúng sanh cũng bằng công đức của một vị Chuyển luân Thánh vương.

“Lại có cõi tên Cù-da-ni dọc ngang ba mươi hai vạn dặm, địa hình như nửa mặt trăng. Các Tỳ-kheo nên biết, công đức của nhân dân trong cõi Diêm-phù-đề và một Chuyển luân Thánh vương so với người ở đó thì chỉ bằng phước của một người thôi.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, Phất-vu-đãi dọc ngang ba mươi sáu vạn dặm, địa hình vuông vức. Nếu tính phước của hai cõi Diêm-phù-đề và Cù-da-ni thì không bằng phước của một người cõi Phất-vu-đãi này.

“Tỳ-kheo nên biết, Uất-đơn-viết, dọc ngang bốn mươi vạn dặm, địa hình giống như mặt trăng tròn. Nếu tính phước của nhân dân trong ba cõi trên thì cũng không bằng phước của một người ở cõi Uất-đơn-viết.

“Tỳ-kheo nên biết, nếu tính phước của nhân dân bốn thiên hạ, không bằng đức của Tứ thiên vương. Nếu tính phước nhân dân bốn thiên hạ cùng cõi Tứ thiên vương thì cũng không bằng phước của cõi Tam thập tam thiên. Nếu tính phước của bốn thiên hạ, Tứ thiên vương, cùng Tam thập tam thiên, cũng

⁵⁴ Nguyên Hán dịch: Diêm-phù-lý-địa 閻浮里地, phiên âm Skt. Jambudvīpa (Jambudīpa).

không bằng phước của một vị Thích Đề-hoàn Nhân. Nếu tính phước của bốn thiên hạ, Tứ thiên vương, Tam thập tam cùng Thích Đề-hoàn Nhân, cũng không bằng phước một Diễm thiên. Nếu tính phước bốn thiên hạ, Tứ thiên vương, Tam thập tam, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Diễm thiên thì cũng không bằng phước trời Đâu-suất. Nếu tính phước bốn thiên hạ ... cho đến phước trời Đâu-suất thì cũng không bằng phước trời Hóa tự tại. [656c01] Nếu tính phước bốn thiên hạ, cho đến trời Hóa tự tại cũng chẳng bằng phước trời Tha hóa tự tại. Nếu tính phước từ bốn thiên hạ cho đến cõi trời Tha hóa tự tại cũng chẳng bằng phước đức của Phạm thiên vương.

“Tỳ-kheo nên biết, phước của Phạm thiên như vậy. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào cầu phước đó, theo đây mà suy lường. Cho nên, này Tỳ-kheo, muốn cầu phước Phạm thiên, nên tìm cầu phương tiện để thành tựu công đức này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh có bốn loại thức ăn nuôi lớn chúng sanh.⁵⁵ Những gì là bốn? Đó là đoàn thực, hoặc lớn hay nhỏ; xúc thực⁵⁶, niệm thực và thức thực. Đây là bốn loại thức ăn.

“Sao gọi là đoàn thực? Đoàn thực là như những thức ăn của người hiện nay, vật để đưa vào miệng có thể ăn. Đó gọi là đoàn thực.

“Sao gọi là xúc thực*? Xúc thực là chỉ cho y phục, lọng dù, hương hoa, sười lửa, dầu thơm hay sự tụ hội với phụ nữ, và những thứ khác được xúc chạm⁵⁷ bởi thân thể. Đó gọi là xúc thực.

“Sao gọi là niệm thực? Tất cả những niệm tưởng, những gì được niệm tưởng, được tư duy trong ý, những gì được nói bởi miệng, hoặc được xúc bởi thân, cùng những pháp được ghi nhớ. Đó gọi là niệm thực.

“Sao gọi là thức thực? Những gì được niệm tưởng bởi thức, được nhận biết bởi ý, từ Phạm thiên làm đầu cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng, dùng thức làm thức ăn. Đó gọi là thức thực.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn loại thức ăn này. Chúng sanh do bốn loại thức ăn này mà lưu chuyển trong sanh tử, từ đời

⁵⁵ Xem *Trường 8*, kinh 9 Chúng tập (T1n1, tr. 50c2): Bốn loại thức ăn 四種食: Đoàn thực 搏食, xúc thực 觸食, niệm thực 念食, thức thực 識食. *Tập dị 8* (tr. 400b2): Đoàn thực hoặc thô hoặc tế 段食或麤或細; xúc thực 觸食; ý tư thực 意思食; thức thực 識食. Pāli, D 33 Saṅgīti (R. iii. 228): *cattāro āhārā— kabaḷikāro āhāro oḷāriko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, manosañcetanā tatiyā, viññāṇaṃ catutthaṃ*.

⁵⁶ Nguyên Hán dịch: Cảnh lạc thực 更樂食. Được hiểu là những thứ tạo ra sự thoải mái cho xúc giác.

⁵⁷ Nguyên Hán dịch: Cảnh lạc 更樂.

này sang đời khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy xả ly bốn loại thức ăn này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại biện tài.⁵⁸ Những gì là bốn? Đó là nghĩa biện, pháp biện, từ biện và ứng biện.

“Sao gọi là nghĩa biện? Nghĩa biện là những điều nói ra của người này hay người kia, hoặc những điều nói ra từ trời, rồng, quỷ thần, [657a01] đều có thể phân biệt ý nghĩa của chúng. Đó gọi là nghĩa biện.

“Sao gọi là pháp biện? Mười hai bộ kinh mà Như Lai nói ra bao gồm: Khế kinh, Kỳ dạ, Phúng tụng, Nhân duyên, Thọ ký, Thí dụ, Bốn sanh, Bốn sự, Tụ thuyết, Phương đẳng, Hiệp tập, Vị tăng hữu, cùng các pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu,

⁵⁸ Tứ biện 四辯. Xem trên, kinh 9 phẩm 26: Bốn biện tài. Cf. *Câu-xá* 27 (T29n1558, tr. 142a22): bốn vô ngại giải (Skt. *catasrah pratisamvidah*), 1. pháp vô ngại giải 法無礙解 (*dharmapratisamvid*); 2. nghĩa vô ngại giải 義無礙解 (*artha-p.*); 3. từ vô ngại giải 詞無礙解 (*nirukti-p.*); 4. biện vô ngại giải 辯無礙解 (*pratibhāna-p.*).

pháp vô lậu, các pháp ấy thật không thể biến hoại, được tổng trì. Đó gọi là pháp biện.

“Sao gọi là từ biện?⁵⁹ Như ở trước chúng sanh, lời nói dài hay ngắn,⁶⁰ lời nói nam hay nữ,⁶¹ lời Phật, lời bà-la-môn, thiên long, quỷ thần; những lời được nói bởi A-tu-la, Ca-luru-la, Chân-đà-la nói cho họ;⁶² tùy theo căn nguyên của họ mà vì họ thuyết pháp. Đó gọi là từ biện.

“Sao gọi là ứng biện? Trong lúc thuyết pháp không có khiếm nhược, không có sợ hãi, hay khiến cho chúng bốn bộ hòa vui. Đó gọi là ứng biện.

“Nay Ta sẽ bảo các người, phải như ông Ma-ha Câu-hy-la.⁶³ Vì sao vậy? Vì Câu-hy-la có đủ bốn biện tài này, hay vì chúng bốn bộ mà rộng phân biệt giảng nói. Như hôm nay, Ta thấy trong các chúng, được bốn biện tài không có ai hơn được Câu-hy-la, như Như Lai có được bốn biện tài này. Nay các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn biện tài này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁵⁹ Từ biện: Từ nguyên luận hay ngữ pháp luận. Cf. Pāli, Vin. ii. 139: có hai Tỳ-kheo, Yamelu và Tekula, cho nhiều tỷ kheo thuộc giai cấp thấp, đọc sai lời Phật về mặt ngữ pháp (*te sakāya niruttiyā buddha-vacanam dūsenti*), họ không phân biệt đọc âm dài, âm ngắn, giống đực, giống cái, nên muốn chuẩn hóa lời Phật theo đúng ngữ pháp cho các Tỳ-kheo. Nhưng Phật không cho phép.

⁶⁰ Hán: Trường đoản chi ngữ 長短之語; các từ ngữ có âm dài, âm ngắn.

⁶¹ Nam ngữ, ngữ nữ 男語女語: Danh từ giống đực, giống cái.

⁶² Chỉ ngữ pháp khác nhau giữa các chủng loại, các địa phương, và giai cấp.

⁶³ Ma-ha-câu-hy-la 摩訶拘絺羅. Pāli: Mahā-Koṭṭhika, được Phật khen là đệ nhất vô ngại giải (*paṭisambhidāpattānam*, A.i. 24). Xem trên, kinh 3 phẩm 4.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn sự trọn không thể nghĩ bàn. Những gì là bốn? Chúng sanh không thể nghĩ bàn, thế giới không thể nghĩ bàn, quốc độ của loài rồng không thể nghĩ bàn và, cảnh giới Phật không thể nghĩ bàn.⁶⁴ Vì sao vậy? Vì không do nơi này đưa đến tận diệt Niết-bàn.

“Vì sao chúng sanh không thể nghĩ bàn? Các chúng sanh này từ đâu đến? Đi về đâu? Lại từ đâu sinh khởi? Chết ở đây sẽ sinh về đâu? Chúng sanh không thể nghĩ bàn là như vậy.

“Vì sao thế giới không thể nghĩ bàn? Những người có tà kiến hoặc cho rằng thế giới đoạn diệt, thế giới chẳng đoạn diệt; thế giới hữu biên, thế giới vô biên; mạng tức là thân, mạng chẳng phải là thân; thế giới này do Phạm thiên tạo ra, hay các đại qui thân tạo ra?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

[657b01] *Phạm Thiên tạo nhân dân?*

Qui thân tạo thế gian?

Hay thế gian tạo ra quý?

Lời này ai sẽ định?

Bị dục sân trói buộc,

Cả ba đều đồng đẳng.

⁶⁴ Cf. A IV 77 Acinteyyasutta (R. ii. 80), bốn điều bất khả tư nghị (*acinteyyāni*): 1. cảnh giới Phật của chư Phật (*buddhānaṃ buddhavisayo*), 2. cảnh giới thiên của những người tu thiên (*jhāyissa jhānavisayo*), 3. dị thực của nghiệp (*kammavipāko*), 4. tư duy về thế giới (*lokacintā*).

*Tâm không được tự tại,
Thế tục có tai biến.*

“Này Tỳ-kheo, thế gian không thể nghĩ bàn là như vậy.

“Vì sao cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn? Mưa này là từ miệng rồng phun ra hay sao? Vì sao vậy? Vì những hạt nước mưa chẳng phải từ miệng rồng phun ra vậy. Vậy thì từ mắt, tai, mũi của rồng mà ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì hạt nước mưa không phải là từ mắt, tai, mũi của rồng phun ra mà chỉ là những gì được niệm tưởng trong ý rồng. Nếu niệm ác, cũng mưa; hay niệm thiện, cũng mưa. Do bản hành mà tạo mưa này. Sở dĩ như vậy, nay trong bụng núi Tu-di lại có trời tên là Đại Lực, biết được những ý nghĩ của tâm chúng sanh, cũng có thể tạo mưa. Nhưng mưa không ra từ miệng trời kia, hay ra từ mắt, tai, mũi mà đều do trời kia có thần lực nên có thể làm mưa. Cũng vậy, Tỳ-kheo, cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn.

“Vì sao cảnh giới Phật quốc không thể nghĩ bàn? Thân Như Lai là do cha mẹ tạo ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai hấp thụ các khí trời, thanh tịnh không cấu uế. Là do người tạo ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì vượt qua hành động con người. Thân Như Lai là thân Trời⁶⁵ chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai không thể tạo tác, chẳng phải chỗ chur thiên với tới. Thọ mạng Như Lai là ngắn chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì Như Lai có bốn thần túc. Như Lai là trường thọ chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì Như Lai xoay vần cùng khắp thế gian, cùng tương ưng với các phương tiện thiện xảo,

⁶⁵ Đề bản: Đại thân 大身.

nên thân của Như Lai không thể suy lường, không thể nói cao nói thấp, âm thanh cũng không thể định chuẩn Phạm âm Như Lai. Trí tuệ biện tài của Như Lai không thể nghĩ bàn, chẳng phải là chỗ nhân dân sánh bằng. Cảnh giới của Phật không thể nghĩ bàn như vậy.

‘Như vậy, Tỳ-kheo, có bốn trường hợp này không thể nghĩ bàn, chẳng phải là chỗ người thường nghĩ bàn. Nhưng bốn sự này không có gốc rễ thiện, cũng chẳng do đây mà được tu phạm hạnh, không đưa đến được chốn an chỉ,⁶⁶ [657c01] cho đến không đạt đến chỗ Niết-bàn. Chỉ khiến người tâm cuồng mê, ý thác loạn, khởi các nghi kết. Vì sao vậy?

Các Tỳ-kheo nên biết, thưở quá khứ lâu xa, trong thành Xá-vệ này có một người bình thường suy nghĩ như vậy, ‘Nay ta phải tư duy về thế giới.’ Rồi người kia ra khỏi thành Xá-vệ, ở cạnh một hồ sen, ngồi kiết già tư duy về thế giới: ‘Thế giới này thành thế nào? Hoại thế nào? Ai tạo thế giới này? Chúng sanh này từ đâu đến? Từ đâu xuất hiện? Sinh lúc nào?’ Khi người kia đang trầm tư, ngay lúc đó nó thấy trong ao nước có bốn binh chủng ra vào, nó nghĩ thầm, ‘Nay ta tâm cuồng mê, ý thác loạn, điều mà thế gian không có, nay ta thấy có.’ Người kia bèn trở vào thành Xá-vệ, đi trong một ngõ đường nói rằng, ‘Các hiền giả nên biết, điều mà thế giới là không nay tôi thấy có.’

‘Bấy giờ, số đông người hỏi người kia, ‘Điều mà thế giới không có nay ông thấy nó, là thế nào?’ Người kia trả lời mọi người: ‘Vừa qua, để tư duy rằng thế giới sinh từ đâu, tôi ra khỏi thành Xá-vệ, ở bên ao sen, trầm tư rằng thế giới từ đâu đến? Ai tạo ra thế giới này? Các loài chúng sanh này từ đâu đến? Do ai

⁶⁶ Huru ticc xú 休息處; cung dịch là *tô ticc xú* 蘇息處, sự phục hồi hơi thở bình thường; chỉ trạng thái an ổn của A-la-hán. Pāli: *assāṇīya-dhamma*.

đã sanh ra? Khi mệnh chung, sẽ sanh về chỗ nào? Lúc tôi đang suy nghĩ, ngay lúc đó tôi thấy trong ao nước có bốn binh chủng ra vào. Điều mà thế giới không có nay tôi thấy có.’

“Khi ấy, mọi người bảo người kia, ‘Nhu ông thì thật cuồng ngu. Trong ao nước làm sao có thể có bốn binh chủng. Những người cuồng mê trong thế gian, ông là tối thượng.’

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, Ta đã từng quán sát nghĩa này rồi cho nên bảo các người vậy. Vì sao vậy? Vì đây chẳng là công đức của gốc thiện, không khiến tu phạm hạnh được, cũng lại dẫn đến được Niết-bàn xứ. Nhưng suy gẫm điều này, thời khiến con người tâm cuồng, ý thác loạn. Song, các Tỳ-kheo nên biết, người kia thật đã thấy bốn binh chủng. Vì sao vậy? Vì xưa kia chư Thiên và A-tu-la đánh nhau. Lúc đang đánh nhau, chư Thiên đắc thắng, A-tu-la thua trận. Khi ấy, A-tu-la cảm thấy lo sợ, nên hóa thân cực nhỏ chui vào lỗ ngó sen, mắt Phật mới thấy được, ngoài ra chẳng có ai khác thấy đến.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tư duy bốn đế. Vì sao vậy? Vì [658a01] bốn đế này có nghĩa, có lý, khiến tu phạm hạnh được, hành pháp Sa-môn, đến được Niết-bàn. Vì vậy, các Tỳ-kheo, hãy xả ly các pháp của thế gian này, nên tìm cầu phương tiện tư duy bốn đế.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

“Có bốn thứ thần túc.⁶⁷ Sao gọi là bốn? Đó là tự tại tam-muội hành tận thần túc, tâm tam-muội hành tận thần túc, tinh tấn tam-muội hành tận thần túc và, giới tam-muội hành tận thần túc.

“Sao gọi là tự tại tam-muội hành tận thần túc⁶⁸? Nghĩa là những ai có tam-muội mà tự tại đối với những gì ý muốn, tâm ưa thích, khiến thân thể nhẹ nhàng, có thể ẩn thân cực nhỏ. Đó gọi là thần túc thứ nhất.

“Sao gọi là tâm tam-muội hành tận thần túc⁶⁹? Nghĩa là tâm biết pháp phổ biến khắp mười phương, vách đá đều vượt qua không gì trở ngại. Đó gọi là tâm tam-muội hành tận thần túc.

“Sao gọi là tinh tấn tam-muội hành tận thần túc⁷⁰? Nghĩa là tam-muội này không có lười mỏi, cũng không sợ hãi, có ý dũng mãnh. Đó gọi là tinh tấn tam-muội hành tận thần túc.

⁶⁷ Bốn thần túc 四神足. Cf. *Trường 8* kh 9: Chúng tập (T1n1, tr. 50c17): Tư duy dục định diệt hành thành tựu 思惟欲定滅行成就; tinh tấn định 精進定; ý định 意定; tư duy định 思惟定. *Pháp uẩn 4* (T26n1537, tr. 471c13).

⁶⁸ Tự tại tam-muội hành tận thần túc 自在三昧行盡神足. *Pháp uẩn*, ibid: Dục tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 欲三摩地勝行成就神足. Pāli, D 33 Saṅgīti (R. iii. 221): *chandasaṃādhīpadhāna-*

⁶⁹ Tâm tam-muội hành tận thần túc 心三昧行盡神足. *Pháp uẩn*, ibid: Tâm tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 心三摩地勝行成就神足 Pāli, ibid., *cittasaṃādhīpadhānaṅkharasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti.*

⁷⁰ Tinh tấn tam-muội hành tận thần túc 精進三昧行盡神足. *Pháp uẩn*,: Cần tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 勤三摩地勝行成就神足. Pāli, ibid., 3. *vīriyasamādhīpadhānaṅkharasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti.*

“Sao gọi là giới tam-muội hành tận thần túc⁷¹? Những ai có tam-muội này biết những ý nghĩ trong tâm chúng sanh, lúc sanh lúc diệt, thấy đều biết cả; có tâm dục hay không có tâm dục, có tâm sân nhuế hay không có tâm sân nhuế, có tâm ngu si hay không có tâm ngu si, có tâm ganh ghét hay không có tâm ganh ghét, có tâm loạn hay không tâm loạn, có tâm hẹp hòi hay không có tâm hẹp hòi, có tâm rộng lớn hay không có tâm rộng lớn, có tâm hạn lượng hay không tâm hạn lượng, có tâm định hay không tâm định, có tâm giải thoát hay không tâm giải thoát, tất cả đều biết rõ. Đó gọi là giới tam-muội hành tận thần túc.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, có bốn loại thần túc, nếu muốn biết những ý nghĩ trong tâm của tất cả chúng sanh, hãy tu hành bốn thần túc này.

“Các Tỳ-kheo hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁷¹ Giới tam-muội hành tận thần túc 誠三昧行盡神足. *Pháp uẩn*, ibid.: Quán tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 觀三摩地勝行成就神足. Pāli, ibid., *vīmaṃsāsamādhīpadhāna-saṅkhārasamānāgatam iddhipādam bhāveti*.

“Có bốn pháp sinh khởi ái.⁷² Khi Tỳ-kheo sinh khởi ái, nó liền khởi. Sao gọi là bốn? Tỳ-kheo do duyên y phục [658b01] nên có ái sinh khởi; do khát thực nên có ái sinh khởi; do chỗ nằm ngồi nên có ái sinh khởi; do thuốc men nên có ái sinh khởi. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp này sinh khởi ái, có chỗ nhiễm đắm.

“Nếu trong đây Tỳ-kheo đắm trước y phục, Ta không nói người này. Vì sao vậy? Vì khi chưa được y, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

“Ở đó Tỳ-kheo đắm trước thức ăn, Ta cũng không nói người này. Vì sao vậy? Vì khi chưa khát thực được, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

“Ở đó Tỳ-kheo đắm trước chỗ nằm ngồi, Ta cũng không nói người này. Vì sao vậy? Vì khi chưa được giường chiếu, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

“Ở đó Tỳ-kheo đắm trước thuốc men, Ta cũng không nói người này. Vì sao vậy? Vì khi chưa được thuốc men, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

“Tỳ-kheo nên biết, nay Ta sẽ nói hai việc về y phục: đáng thân cận, và không nên thân cận.

“Sao gọi là đáng thân cận? Sao gọi là không nên thân? Nếu khi được y phục, vì quá ái trước y phục nên khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu khi được y phục mà khởi thiện pháp, tâm không ái trước; đây nên thân cận. Nếu khi khát thực mà khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu lúc khát thực khởi pháp thiện; đây nên thân cận. Nếu được giường nằm, chỗ ngồi, mà khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu

⁷² Bốn pháp ái khởi 四起愛之法. Cf. Pāli, A IV Taṇhuppādasutta (R. ii. 10).

Tăng nhất A-hàm

được giường nằm, chỗ ngồi, mà khởi pháp thiện; đây cũng nên thân cận. Đối với thuốc men cũng như vậy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên thân cận pháp thiện, trừ bỏ pháp ác.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy, để cho muốn khiến đàn-việt thí chủ kia được công đức, hưởng phước vô cùng, được cam lồ tịch diệt.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Y phục để bố thí,
Thức ăn, chỗ nằm ngồi,
Trong đó chớ khởi ái,
Chẳng sanh các thế giới.*

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có bốn con sông lớn, nước từ ao A-nậu-đạt chảy ra.⁷³ Những gì là bốn? Đó là Hằng-già,⁷⁴ Tân-đầu⁷⁵, Bà-xoa⁷⁶ và Tư-đà⁷⁷. Nước Hằng-già kia phát nguyên từ cửa khẩu Nguu đầu,⁷⁸ chảy về hướng Đông. Sông Tân-đầu [658c01] phát

⁷³ Xem *Trường 18*, kinh Thế ký, phẩm Diêm-phù-đề.

⁷⁴ Hằng già 恒伽. Skt. Gaṅgā.

⁷⁵ Tân-đầu 新頭. Skt. Shintu (Pāli: Shindu).

⁷⁶ Bà-xoa 婆叉. Skt. Vakṣu.

⁷⁷ Tư-đà 私陀. Skt. Sitā.

⁷⁸ Nguu đầu khẩu 牛頭口. Pāli: Usabhamukha.

nguyên từ cửa khẩu Sư tử,⁷⁹ chảy về hướng Nam. Sông Tư-đà phát nguyên từ cửa Tượng khẩu,⁸⁰ chảy về hướng Tây. Sông Bà-xoa phát nguyên từ cửa Mã khẩu,⁸¹ chảy về hướng Bắc. Bây giờ, nước của bốn con sông lớn sau khi chảy quanh ao A-nậu-đạt, rồi sông Hằng-già chảy vào biển Đông, sông Tân-đầu chảy vào biển Nam, sông Bà-xoa chảy vào biển Tây, sông Tư-đà chảy vào biển Bắc. Sau khi bốn con sông lớn này chảy vào biển rồi, không còn tên gọi trước nữa mà chỉ gọi chung là biển.

“Ồ đây cũng vậy, có bốn chủng tánh. Bốn chủng tánh ấy là gì? Đó là sát- lợi, bà-la-môn, trưởng giả và cư sĩ. Ở chỗ Như Lai, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thì, không còn dòng họ cũ nữa mà chỉ gọi là Sa-môn đệ tử Thích-ca. Vì sao vậy? Vì chúng Như Lai cũng như biển lớn, bốn đế cũng như bốn sông lớn, diệt trừ kết sử khiến vào thành Niết-bàn vô úy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, những ai trong bốn chủng tộc, cạo bỏ râu tóc, với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, họ sẽ diệt tên họ trước kia, tự gọi là đệ tử Thích-ca. Vì sao vậy? Vì nay Ta chính là con của họ Thích-ca, từ dòng họ Thích xuất gia, học đạo.

“Các Tỳ-kheo nên biết, muốn nói về ý nghĩa của con đẻ, phải gọi là Sa-môn con nhà họ Thích. Vì sao vậy? Vì sinh đều từ Ta sinh ra, từ pháp mà khởi, từ pháp mà thành.⁸² Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện để được làm con nhà họ Thích.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

⁷⁹ Sư tử khẩu 師子口. Pāli: Sīhamukha.

⁸⁰ Tượng khẩu 象口. Pāli: Hatthimukha.

⁸¹ Mã khẩu 馬口. Pāli: Asamukha.

⁸² Nghĩa là được hóa sanh từ pháp.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại tâm. Những gì là bốn? Đó là từ, bi, hỷ, xả. Vì sao được gọi là Phạm trụ⁸³?

“Các Tỳ-kheo nên biết, có Phạm, Đại Phạm tên là Thiên,⁸⁴ không ai ngang bằng, không có ai trên hơn, thống lãnh ngàn quốc giới, cung điện nơi đây gọi là Phạm trụ.

“Tỳ-kheo, thế lực mà bốn Phạm trụ này có được, là có thể quan sát hàng nghìn quốc giới này, cho nên được gọi là Phạm trụ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào muốn vượt qua các trời Dục giới mà lên địa vị vô dục, chúng bốn bộ kia nên tìm cầu phương tiện thành tựu bốn Phạm trụ này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁸⁵

⁸³ Nguyên Hán: Phạm đường 梵堂. Thường nói là Phạm trú. Pāli: Brahnavihāra.

⁸⁴ Thiên 千: một nghìn Pāli: Sahampati (Skt. Sahāmpati), Chúa của thế giới Saha (Skt. Sahā-loka: thế giới Ta-bà hay Sa-bà); cũng thường gọi là Thế giới chủ, Ở đây, Hán dịch hiểu Sahā (Skt.) là *sahasra* (Pāli: *sahasa*): Số một nghìn.

⁸⁵ Bản Hán, hết quyển 21.

30. PHẨM TU-ĐÀ

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại núi Ba-sa,¹ nước Ma-kiệt cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn ra ngoài tịnh thất kinh hành. Lúc đó, Sa-di Tu-đà² kinh hành theo sau Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn quay lại hỏi Sa-di:

“Nay Ta muốn hỏi nghĩa người. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!”

Sa-di Tu-đà đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Có sắc thường và sắc vô thường, chúng là một nghĩa hay là nhiều nghĩa?”

Sa-di Tu-đà bạch Phật:

“Có sắc thường và sắc vô thường, nghĩa này nhiều, chẳng phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì sắc thường ở trong và sắc vô thường ở ngoài, vì vậy cho nên nghĩa chúng có nhiều, chẳng phải là một.”

Thế Tôn bảo:

¹ Ba-sa sơn 波沙山.

² Tu-đà 須陀. Skt. Sodayin; xem cht. 5 dưới.

Tăng nhất A-hàm

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những lời người đã khéo nói nghĩa này. Sắc thường, sắc vô thường, nghĩa này nhiều, không phải một nghĩa. Thế nào, Tu-đà, nghĩa hữu lậu, nghĩa vô lậu, là một nghĩa hay nhiều nghĩa?”

Sa-di Tu-đà thưa:

“Nghĩa hữu lậu, nghĩa vô lậu, là nhiều, không phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa hữu lậu là kết sử sinh tử, nghĩa vô lậu là pháp Niết-bàn. Vì vậy cho nên nghĩa có nhiều, không phải một nghĩa.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những gì người đã nói. Hữu lậu là sinh tử, vô lậu là Niết-bàn.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Pháp tụ, pháp tán, là một nghĩa hay là nhiều nghĩa?”

Sa-di Tu-đà bạch Phật rằng:

“Sắc của pháp tụ, sắc của pháp tán, [659b01] nghĩa này là nhiều, không phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì sắc của pháp tụ là thân tứ đại; sắc của pháp tán là khổ tận đế. Vì vậy nên nói nghĩa có nhiều, không phải một nghĩa.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những gì người đã nói. Sắc của pháp tụ, sắc của pháp tán có nhiều nghĩa, không phải một nghĩa.

“Thế nào, Tu-đà, nghĩa thủ³, nghĩa uẩn là một nghĩa hay có nhiều nghĩa?”

Sa-di Tu-đà bạch Phật rằng:

“Nghĩa của thủ cùng uẩn có nhiều, không phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì thủ thì vô hình không thể thấy; uẩn thì có sắc có thể thấy. Vì vậy cho nên có nhiều nghĩa, không phải một nghĩa.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những gì người đã nói. Nghĩa của thủ, của uẩn; có nhiều nghĩa, chẳng phải một.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Có tự, không có tự⁴, có nhiều nghĩa không phải một nghĩa.

Sa-di bạch Phật:

“Hữu tự, vô tự có nhiều nghĩa, chẳng phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì có tự là kết sinh tử, không có tự là Niết-bàn. Cho nên nói có nhiều nghĩa, chẳng phải một nghĩa.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những gì người đã nói. Có tự là sinh tử, không có tự là Niết-bàn.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Thế nào, Tu-đà, vì sao nói có tự là sinh tử, không có tự là Niết-bàn?”

³ Thọ, tức thủ hay chấp thủ. Pāli *upādāna*.

⁴ Hữu tự, vô tự 有字無字; chưa rõ. Có lẽ Skt. *sa-akṣaya* (*sa-akkhaya*): hữu tận nhưng Hán đọc là *sa-akṣara*: hữu tự.

Sa-di bạch Phật:

“Có tự thì có sinh có tử, có tận cùng, có khởi thủy. Không có tự thì không sinh không tử, không tận cùng, không khởi thủy.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những gì người đã nói. Có tự là pháp sinh tử; không có tự là pháp Niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Sa-di tiếp:

“Người khéo nói những lời này. Nay Ta cho phép người làm đại Tỳ-kheo⁵.”

Bấy giờ, Thế Tôn trở về giảng đường Phổ tập bảo các Tỳ-kheo:

“Đất nước Ma-kiệt rất được thiện lợi, nên khiến Sa-di Tu-đà đến đất nước này. Ai đem y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh cúng dường cũng sẽ được thiện lợi. Cha mẹ sinh ra ông cũng được thiện lợi, vì đã sinh ra Tỳ-kheo Tu-đà này. Nếu Tỳ-kheo Tu-đà sinh vào gia đình nào, gia đình đó được đại hạnh này. Nay Ta bảo các Tỳ-kheo, hãy học như Tỳ-kheo Tu-đà. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Tu-đà này rất là thông minh, thuyết pháp thông suốt, cũng không khiếp nhục. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học như Tỳ-kheo Tu-đà. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁵ Cf. *Câu-xá 14* (T29n1558, tr. 74c1): Tô-đà-di 蘇陀夷, đặc giới cụ túc do khéo trả lời. *Câu-xá luận ký 14* (T41n1821, tr. 222b25), và *Câu-xá luận số 14* (T41n1822, tr. 643c23) đều nói, sa-di Tô-đà-di mới 7 tuổi đặc giới cụ túc, do khéo trả lời. Phật hỏi Tô-đà-di: “Nhà người ở đâu?” Tô-đà-di đáp: “Ba cõi không nhà.” Skt. Sodāyin (Kosa-bhāṣya). Không tìm thấy đồng nhất trong văn hệ Pāli.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại Ca-lan-đà, [659b29] trong Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp cho vô số chúng vây quanh trước sau. Khi ấy, có một trưởng lão Tỳ-kheo ở trong chúng này duỗi chân về phía Thế Tôn mà ngủ. Sa-di Tu-ma-na bấy giờ mới lên tám, ngồi kết già, chú niệm trước mắt, cách Thế Tôn không xa. Bấy giờ, Thế Tôn đưa mắt nhìn trưởng lão Tỳ-kheo đang duỗi chân mà ngủ; lại nhìn Sa-di ngồi thẳng tư duy. Thế Tôn sau khi thấy vậy, liền nói kệ này:

*Được gọi là Trưởng lão
Chưa hẳn do râu tóc.
Tuổi tác dù đã lớn,
Không khỏi làm việc ngu.*

*Ai có pháp kiến đế,
Không gây hại sinh linh,
Xả các hành ô uế,
Đó gọi là Trưởng lão.*

*Nay Ta gọi Trưởng lão,
Không vì xuất gia trước.
Ai có nghiệp gốc thiện,
Phân biệt nơi chánh hành;*

*Dù tuổi trẻ ấu niên,
Các căn không thủng, sứt,
Đó mới gọi trưởng lão,
Phân biệt hành chánh pháp.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Trưởng lão duỗi chân mà ngủ không?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng con đều thấy.”

Thế Tôn bảo:

“Trưởng lão Tỳ-kheo này trong vòng năm trăm năm thường làm thân rồng. Nay mà mạng chung cũng sẽ sinh vào trong loài rồng. Sở dĩ như vậy là vì không có lòng cung kính đối với Phật, Pháp và Thánh chúng, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào loài rồng. Các người có thấy Sa-di Tu-ma-na tuổi vừa lên tám, ngồi thẳng tư duy, cách Ta không xa không?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Sa-di này, ngay sau đây bảy ngày sẽ đạt được bốn thần túc, cùng đắc pháp bốn đế, được tự tại trong bốn thiên, khéo tu bốn chánh đoạn. Sở dĩ như vậy là vì Sa-di Tu-ma-na này có lòng cung kính đối với Phật, Pháp và Thánh chúng. Vì vậy cho nên, các Tỳ-kheo hãy luôn luôn siêng năng cung kính Phật, Pháp và Thánh chúng. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

[660a01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có Trưởng giả tên Cấp Cô Độc⁶ lắm tiền nhiều của, vàng bạc, trân bảo, xa-cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu li, voi ngựa, trâu dê, nô tì, tôi tớ không thể kể hết. Lúc ấy, trong thành Mãn phú⁷ có Trưởng giả tên Mãn Tài⁸ cũng lắm tiền nhiều của, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu li, voi ngựa, trâu dê, nô tì, tôi tớ không thể đếm hết. Thuở nhỏ, ông là bạn cũ tốt của Cấp Cô Độc, yêu kính nhau, chưa từng quên nhau. Trưởng giả Cấp Cô Độc thường xuyên có mấy nghìn vạn hàng hóa trân quý để mua bán trong thành Mãn phú kia, nhờ trưởng giả Mãn Tài quản lý, kinh doanh. Trưởng giả Mãn Tài cũng có mấy nghìn vạn hàng hóa trân quý để mua bán tại trong thành Xá-vệ, nhờ trưởng giả Cấp Cô Độc quản lý, kinh doanh.

Bấy giờ, Cấp Cô Độc có người con gái tên là Tu-ma-đề,⁹ nhan sắc xinh đẹp như màu hoa đào, hiếm có trên đời. Trưởng giả Mãn Tài có một ít việc đến thành Xá-vệ, đến nhà trưởng giả Cấp Cô Độc. Đến nơi, ông ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Khi ấy, cô gái Tu-ma-đề từ trong phòng riêng ra. Trước tiên, cô quỳ lạy cha mẹ, sau quỳ lạy trưởng giả Mãn Tài, rồi về phòng riêng lại.

Trưởng giả Mãn Tài sau khi thấy con gái Tu-ma-đề nhan sắc xinh đẹp, như màu hoa đào hiếm có trên đời, bèn hỏi trưởng giả Cấp Cô Độc:

⁶ A-na-bân-đề.

⁷ Mãn phú 滿富, xem cht. 8 dưới.

⁸ Mãn Tài 滿財. No 130: Trưởng giả Mô-thi-la 謨尸羅, thành Phước tăng 福增. No 129 nói ông này là quốc vương của Nan quốc 難國王, tên là Phân-pha-đàn 分陴檀. Cf. Dvy. 402, tên thành phố này là Puṇḍavardhana (Mãn phú), mà No 130 đọc là Puṇyavardhana (Phước tăng).

⁹ Tu-ma-đề 修摩提. No 130: Thiên Vô Độc 善無毒. No 129: Tam-ma-kiệt 三摩竭. Dvy. 402, cô này tên là Sumāgadhā. Pāli: Cūḷa-Subhaddhā.

Tặng nhất A-hàm

“Đây là con gái nhà ai?”

Cấp Cô Độc đáp:

“Cô gái vừa rồi là con đẻ của tôi.”

Trưởng giả Mãn Tài nói:

“Tôi có đứa con trai nhỏ chưa có hôn ước. Cô có thể làm dâu nhà tôi được không?”

Trưởng giả Cấp Cô Độc liền đáp:

“Việc này không nên.”

Trưởng giả Mãn Tài nói:

“Vi lẽ gì mà việc này không nên? Vì giòng họ hay vì của cải?”

Trưởng giả Cấp Cô Độc đáp:

“Giòng họ, của cải, đều tương xứng. Nhưng việc ông thờ phụng thần linh không giống với tôi. Con gái tôi thờ Phật, đệ tử Thích-ca. Còn các ông thờ dị học ngoại đạo. Vì vậy cho nên không theo ý ông được.”

Trưởng giả Mãn Tài nói:

“Việc thờ phụng của chúng tôi, chúng tôi sẽ tế tự riêng. Việc thờ ai của con gái ngài, cô ấy sẽ tế cúng dường riêng.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc đáp:

“Con gái tôi nếu phải gả cho nhà ông, tài bảo [660b01] bỏ ra không thể kể xiết. Trưởng giả phải bỏ ra tài bảo không thể kể hết.”

Trưởng giả Mãn Tài nói:

“Nay ông đòi bao nhiêu tài bảo?”

Trưởng giả Cấp Cô Độc đáp:

“Nay tôi cần sáu vạn lượng vàng.”

Trưởng giả Mãn Tài liền trao ngay cho sáu vạn lượng vàng. Trưởng giả Cấp Cô Độc lại nghĩ thầm: “Ta đã tìm cách từ khước trước, nhưng vẫn không thể ngăn cản được.” Ông nói với Trưởng giả kia rằng:

“Nếu tôi gả con gái, tôi phải đi hỏi Phật. Nếu Thế Tôn có dạy bảo điều gì, tôi sẽ làm theo.”

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc lấy có công việc cần đi một lát. Ông ra khỏi cửa, đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn.¹⁰

“Con gái Tu-ma-đề của con được trưởng giả Mãn Tài trong thành Mãn phú cầu hôn. Con có nên gả hay không nên gả?”

Thế Tôn bảo:

“Nếu con gái Tu-ma-đề về nước kia, sẽ mang lại nhiều lợi ích, độ thoát nhân dân không thể kể hết.”

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc nghĩ thầm: “Thế Tôn đã dùng trí phương tiện bảo nên gả sang nước kia.” Rồi ông đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, và cáo lui. Về đến nhà, ông sai bày biện các loại đồ ăn thức uống ngon ngọt thết đãi trưởng giả Mãn Tài.

Trưởng giả Mãn Tài nói:

¹⁰ Truyền thuyết Pāli. Sớ giải Dhp. iii. 465, nói ông là phú hộ Ugga ở thị trấn Ugganagara. Sớ giải A. IV 24 Kāḷakārāmasutta, sớ giải nói, ông này là Kāḷaka ở Sāketa.

Tăng nhất A-hàm

“Tôi đâu cần sự ăn uống này. Nhưng ông có gả con gái cho con tôi?”

Trưởng giả Cấp Cô Độc nói:

“Đã muốn vậy, tôi thuận theo ý ông. Mười lăm ngày sau bảo con trai ông đến đây.”

Nói những lời như vậy xong, cáo lui từ giả.

Bấy giờ, Trưởng giả Mãn Tài sửa soạn đầy đủ những vật cần thiết, đi xe lông chim đến trong khoảng tám mươi do tuần¹¹. Trưởng giả Cấp Cô Độc lại trang điểm cho con gái mình, tắm gội xông hương, đánh xe lông chim đưa con gái đi đón con trai trưởng giả Mãn Tài. Giữa đường họ gặp nhau. Khi trưởng giả Mãn Tài nhận được cô gái, ông liền đưa về trong thành Mãn phú.

Bấy giờ, nhân dân trong thành Mãn phú có ra hạn chế: “Trong thành này, nếu có người nữ nào đem gả cho người nước khác thì sẽ chịu hình phạt nặng. Nếu lại đến nước khác hỏi vợ đem vào nước thì cũng chịu hình phạt nặng.” Trong nước ấy có sáu nghìn bà-la-môn. Người trong nước đều tuân theo hạn chế này. Có điều lệ: “Nếu ai phạm luật thì phải đãi cơm cho sáu nghìn bà-la-môn.”

Bấy giờ, trưởng giả Mãn Tài tự biết mình đã phạm luật, nên đãi cơm cho sáu nghìn bà-la-môn. Song, món ăn của các bà-la-môn đều dùng thịt heo, canh thịt heo và [660c01] rượu được chưng lại. Y phục của các bà-la-môn thì hoặc bằng giạ trắng, hoặc bằng lông thú. Nhưng theo pháp của các bà-la-môn, khi vào nước thì phải lấy y vắt lên vai phải, để lộ nửa thân.

¹¹ Do-diên.

Bấy giờ, Trưởng giả bạch:

“Đã đến giờ, cơm nước đã đủ.”

Khi ấy, sáu nghìn bà-la-môn đều vắt xiêm y một bên, để lộ nửa thân, vào nhà Trưởng giả. Trưởng giả thấy các bà-la-môn đến, ông bò trên đầu gối đến rước đón, và làm lễ cung kính. Bà-la-môn lớn nhất đưa tay khen tốt, ôm cổ trưởng giả, rồi đến chỗ ngồi. Các bà-la-môn khác tùy theo thứ lớp mà ngồi.

Sau khi sáu nghìn bà-la-môn đã định chỗ ngồi xong, trưởng giả bảo cô Tu-ma-đề rằng:

“Con hãy sửa soạn ra làm lễ thầy chúng ta.”

Cô Tu-ma-đề thưa:

“Thôi, thôi, Đại gia! Con không thể làm lễ những vị khỏa thân được.”

Trưởng giả nói:

“Đây không phải là những vị khỏa thân, không biết xấu hổ. Nhưng những y phục mặc này là pháp phục của họ.”

Cô Tu-ma-đề thưa:

“Đây là những người không biết hổ thẹn, tất cả đều để lộ thân hình ra bên ngoài. Có dùng pháp phục gì đâu. Xin Trưởng giả nghe con. Thế Tôn cũng nói có hai nhân duyên của sự mà người đời quý là có tâm, có quý. Nếu không có hai sự này, năm thân: cha, mẹ, anh, em, giòng họ, thầy đều không phân biệt người trên, kẻ dưới. Nếu như vậy cũng đồng như các loài gà, chó, heo, dê, lừa, loa, đều không có tôn ti. Do có hai pháp này ở thế gian nên biết có tôn ti trật tự. Nhưng những người này bỏ hai pháp này, giống như cùng loại với gà, chó, heo, dê, lừa, loa. Thật tình con không thể làm lễ họ được.”

Tăng nhất A-hàm

Chồng Tu-ma-đề bảo vợ:

“Nay cô hãy đứng lên làm lễ thầy chúng ta. Những vị này đều là Trời mà tôi phụng sự.”

Cô Tu-ma-đề đáp:

“Hãy thôi đi công tử. Tôi không thể làm lễ những người lỏa hình không biết hổ thẹn này. Nay tôi là người làm lễ lừa, chó sao!”

Người lại chồng nói:

“Thôi, thôi, quý nữ, chớ nói vậy. Hãy giữ miệng cô, chớ có xúc phạm. Họ cũng chẳng phải lừa, lại chẳng phải dối gạt, nhưng những thứ họ đang mặc chính là pháp y.”

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề rơi lệ khóc lóc, nhan sắc biến đổi, và nói như vậy:

“Cha mẹ năm thân của tôi đã chịu hủy hoại thân hình, phân thân năm đoạn¹² mà chết, nhất định không rơi vào tà kiến này.”

Lúc đó, sáu nghìn bà-la-môn, đồng lớn tiếng nói:

“Thôi, thôi, Trưởng giả! [661a01] Có gì khiến con tiện tì này mắng chửi như vậy? Nếu có thỉnh mời, đúng giờ hãy bày biện đồ ăn thức uống ra đi!”

Trưởng giả cùng chồng Tu-ma-đề bấy giờ bày biện thịt heo, canh thịt heo, rượu chung lại, khiến sáu nghìn bà-la-môn đều ăn đầy đủ. Các bà-la-môn ăn xong, bàn luận chút ít, rồi đứng lên ra về.

¹² Để bản: ngũ khắc 五刻. TNM: Ngũ ngoan. Hình phạt chặt 2 tay, 2 chân và chém đầu.

Khi ấy, trưởng giả Mãn Tài ở trên lầu cao, phiến oán sâu hận, ngồi tư duy một mình: “Nay ta đem cô gái này về liền bị phá nhà, không khác nào làm nhục nhà cửa ta.” Trong lúc đó, có bà-la-môn tên Tu-bạt, đã đạt ngũ thông và đắc tứ thiên. Trưởng giả Mãn Tài tỏ ra quý trọng. bà-la-môn Tu-bạt nghĩ thầm: “Ta cùng trưởng giả xa nhau đã lâu ngày, nay hãy ghé thăm.” Bà-la-môn vào thành Mãn Phú đến nhà Trưởng giả, hỏi người giữa cửa rằng:

“Trưởng giả nay đang làm gì?”

Người giữa cửa đáp:

“Trưởng giả ở trên lầu, đang rất sầu ưu. Rất không thể nói chuyện.”

Bà-la-môn bèn đi tắt lên trên lầu, gặp trưởng giả. Bà-la-môn hỏi trưởng giả:

“Cớ gì mà ông sầu ưu đến như vậy? Không phải bị huyện quan, trộm cướp, tai biến nước lửa gây ra chăng? Cũng không phải trong nhà không hòa thuận chăng?”

Trưởng giả đáp:

“Không có tai biến huyện quan, trộm cướp. Nhưng trong gia đình có chút chuyện nhỏ không như ý.”

Bà-la-môn hỏi:

“Mong được nghe câu chuyện ấy, và do bởi duyên cớ gì.”

Trưởng giả đáp:

“Hôm qua, tôi cưới vợ cho con trai, lại phạm luật nước, thân tộc bị nhục. Có mời các thầy đến nhà, bảo vợ con trai ra làm lễ mà nó không vâng lời.”

Tăng nhất A-hàm

Bà-la-môn Tu-bạt nói:

“Cưới hỏi gần xa, nhà cô này ở nước nào?”

Trưởng giả đáp:

“Cô này là con gái của trưởng giả Cấp Cô Độc trong thành Xá-vệ.”

Khi bà-la-môn Tu-bạt nghe những lời này rồi, ngạc nhiên kinh dị, hai tay bịt tai nói rằng:

“Ồi chao! Trưởng giả! Quá kỳ lạ! Chuyện hiếm có! Cô này vẫn còn sống, không tự sát, không gieo mình xuống lâu, thì thật là may lớn. Vì sao vậy? Vì Thầy mà cô này phụng thờ đều là người phạm hạnh. Hôm nay mà còn sống thì thật là chuyện lạ!”

Trưởng giả nói:

“Tôi nghe những lời của ngài lại muốn phì cười. Vì sao vậy? Ngài là đệ học ngoại đạo, tại sao khen ngợi hạnh của Sa-môn dòng họ Thích? Thầy của cô này phụng thờ có oai đức gì? Có thần biến gì?”

bà-la-môn đáp:

“Trưởng giả! Muốn nghe thần đức của Thầy cô này chẳng? Nay tôi sẽ kể sơ nguồn gốc này.”

Trưởng giả nói:

“Mong được nghe [661b01] nói về điều đó.”

bà-la-môn nói:

“Trước kia, khi sống tại bắc Tuyết sơn, tôi đi khát thực trong nhân gian. Được thức ăn rồi, tôi bay đến suối A-nậu-đạt. Lúc trời, rông, quỷ thần ở đó từ xa thấy tôi đến, đều cầm đao kiếm đến chỗ tôi cùng bảo tôi rằng: ‘Tiên sĩ Tu-bạt, chớ đến bên suối

này, chớ làm bản suối này. Nếu không nghe lời ta, ta lấy ngay mạng sống của ông.’

“Tôi nghe những lời này, liền đi khỏi suối này không xa mà ăn. Trưởng giả nên biết, Thầy cô này phụng thờ có người đệ tử nhỏ nhất tên là sa-di Quân-đầu.¹³ Sa-di này cũng đến bắc Tuyết sơn này khát thực, bay đến suối A-nậu-đạt, tay cầm y người chết ở nghĩa trang dính đầy máu nhơ. Khi ấy, đại thần A-nậu-đạt, trời, rồng, quỷ thần, đều đứng dậy tiến lên cung kính nghinh đón thăm hỏi: Xin chào thầy của loài người. Ngài có thể ngồi đây. Sa-di Quân-đầu đến bên suối nước.

“Lại nữa, trưởng giả, chính giữa suối nước hiện có cái bàn vàng ròng. Sa-di Quân-đầu lấy y người chết này ngâm vào trong nước, sau đó ngồi ăn. Ăn xong, rửa bát, rồi ngồi kiết già ở trên bàn vàng, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mặt, nhập vào sơ thiền. Từ sơ thiền xuất, nhập vào nhị thiền. Từ nhị thiền xuất, nhập vào tam thiền. Từ tam thiền xuất, nhập vào tứ thiền. Từ tứ thiền xuất, nhập vào không xứ. Từ không xứ xuất, nhập vào thức xứ. Từ thức xứ xuất, nhập vào vô sở hữu xứ. Từ vô sở hữu xứ xuất, nhập vào phi tưởng phi phi tưởng xứ. Từ phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập vào diệt tận định. Từ diệt tận định xuất, nhập vào điểm quang tam-muội. Từ điểm quang tam-muội xuất, nhập vào thủy khí tam-muội. Từ thủy khí tam-muội xuất, nhập vào điểm quang tam-muội. Kế đó, lại nhập vào diệt tận định, lại nhập vào phi tưởng phi phi tưởng xứ tam-muội, lại nhập vô sở hữu xứ tam-muội, lại nhập thức xứ tam-muội, lại nhập không xứ tam-muội, lại nhập tứ thiền, lại nhập tam thiền, lại nhập nhị thiền, lại nhập sơ thiền. Từ sơ thiền xuất mà giặt y người chết. Lúc ấy, trời, rồng, quỷ thần hoặc giúp vò

¹³ Quân-đầu sa-di. Xem cht 31 kinh 9 phẩm 26.

Tăng nhất A-hàm

đạp y, hoặc lấy nước, hay lấy nước uống. Giặt y xong, đem phơi nơi chỗ trống. Sau khi thu xếp y xong, Sa-di kia liền bay lên không trung, trở về chỗ ở.

“Trưởng giả nên biết, lúc đó tôi chỉ từ xa [661c01] nhìn thấy chứ không được gần. Thầy của cô này phụng sự, mà đệ tử nhỏ nhất còn có thần lực này, huống chi là những vị đại đệ tử, làm sao ai có thể sánh bằng? Huống chi vị Thầy kia là Như Lai Chí chơn, Chánh đẳng Chánh giác, ai có thể sánh kịp? Xét nghĩa này xong, nên tôi nói: Thật là kỳ lạ, cô này có thể không tự sát, không đứt mạng căn!”

Lúc đó, trưởng giả nói với bà-la-môn rằng:

“Chúng tôi có thể gặp được Thầy của cô ta phụng thờ chăng?”

Bà-la-môn đáp:

“Có thể hỏi lại cô ấy.”

Trưởng giả bèn hỏi cô Tu-ma-đề:

“Nay ta muốn được gặp Thầy mà con phụng thờ. Con có thể thỉnh về đây được không?”

Sau khi nghe xong, cô vui mừng hơn hở, không tự chế được, liền nói:

“Xin chuẩn bị đồ ăn thức uống đầy đủ. Ngày mai, Như Lai sẽ đến đây cùng với Tăng Tỳ-kheo.”

Trưởng giả bảo:

“Nay con tự mời, ta không biết cách.”

Bấy giờ, con gái trưởng giả tắm gội thân thể, tay bung lò hương lên trên lầu cao, chấp tay hướng về Như Lai mà bạch:

“Nguyện xin Thế Tôn, đấng Vô năng kiến đánh,¹⁴ mong quán sát rõ nơi này. Nhưng Thế Tôn không việc gì không biết, không việc gì không xét. Nay con đang ở chỗ nguy khốn này, cúi xin Thế Tôn quán sát rõ cho.”

Rồi cô tán thán bằng bài kệ này:

*Con mắt Phật quán sát,
Thấy khắp nơi thế gian.
Hàng phục quý, thân vương;
Hàng phục quý tử mẫu.*

*Như quỷ ăn người kia,
Lấy ngón tay làm chuỗi;
Sau lại muốn hại mẹ
Nhưng bị Phật hàng phục.*

*Lại nơi thành La-duyệt,
Voi dữ muốn đến hại,
Thấy Phật, tự qui phục.
Chư thiên khen lành thay!*

*Lại đến nước Mã-đề,
Gặp long vương hung ác;
Thấy lục sĩ Mật-tích,
Long vương tự qui phục.*

*Biến hóa kẻ không hết,
Đều đưa vào đạo chánh.
Nay con lại gặp nguy
Cúi xin Phật đoái hoài.*

*Bấy giờ hương như mây,
Lơ lửng giữa hư không,
Xâm nhập khắp Kỳ-hoàn,*

¹⁴ Vô năng kiến đánh còn gọi là Vô kiến đánh tướng, 1 trong 80 tùy hình hảo, vẻ đẹp của Phật.

Hiện ở trước Như Lai.

Chư Thích giữa hư không

Vui mừng mà làm lễ.

[662a01] *Lại thấy hương trước mặt,*

Tu-ma-đề thỉnh cầu.

Mưa xuống nhiều loại hoa,

Không làm sao kể hết.

Trần khắp rìng Kỳ-hoàn,

Như Lai cười phóng quang.

Bấy giờ, A-nan thấy trong Kỳ-hoàn có mùi hương vi diệu, bèn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. A-nan bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn, đây là loại hương gì mà lan khắp trong tinh xá Kỳ-hoàn?”

Thế Tôn bảo:

“Hương này là do sứ giả của Phật mang điều thỉnh cầu của cô Tu-ma-đề trong thành Mãn phú. Nay người hãy gọi các Tỳ-kheo họp hết một chỗ mà bốc xá-la¹⁵ và ra lệnh này: ‘Các Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận, đặc thân túc hãy nhận thẻ. Sáng ngày mai hãy đến trong thành Mãn phú nhận lời thỉnh của Tu-ma-đề.’”

A-nan bạch Phật:

“Kính vâng Thế Tôn!”

A-nan nhận vâng lời Thế Tôn, họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ hội, nói:

¹⁵ Phát thẻ nhận phân đi phó trai. Pāli: *Salākā*.

“Các vị nào đắc đạo A-la-hán thì hãy lấy thẻ. Ngày mai đến nhận thỉnh cầu của Tu-ma-đề.”

Ngay lúc đó, một Thượng tọa trong chúng Tăng, tên là Quân-đầu-ba-hán¹⁶ đắc Tu-đà-hoàn, kết sử chưa diệt tận, không được thần túc. Thượng tọa này nghĩ thầm: ‘Nay trong đại chúng, ta là hàng Thượng tọa lớn, mà kết sử lại chưa dứt, chưa được thần túc. Ngày mai, ta không được đến trong thành Mãn phú thọ thực. Song, trong chúng của Như Lai, vị Sa-di hạ tọa nhỏ nhất tên là Quân-đầu, người có thần túc, có đại oai lực, được đến đó thọ thỉnh. Nay ta cũng nên đến kia thọ thỉnh.’”

Bấy giờ, Thượng tọa dùng tâm thanh tịnh, nơi địa vị hữu học mà nhận thẻ. Lúc đó, Thế Tôn, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy Quân-đầu-ba-hán đang tại địa vị hữu học mà nhận thẻ tức thì đạt được được vô học, Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

“Trong đệ tử của Ta, người nhận thẻ đệ nhất chính là Tỳ-kheo Quân-đầu-ba-hán vậy.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo thần túc: Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ly-việt, Tu-bồ-đề, Ưu-tỳ Ca-diếp, Ma-ha Ca-thất¹⁷-na, Tôn giả La-hầu-la, Châu-lợi Bàn-đặc, cùng Sa-di Quân-đầu, các vị dùng thần túc đến trong thành kia trước.

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Lúc ấy, người giúp việc của Tăng tên là Càn-trà, sáng sớm hôm sau thân vác chõ lớn bay trên không trung đến thành kia. Lúc đó, Trưởng giả này cùng dân chúng lên trên lầu cao muốn xem

¹⁶ Quân-đầu-ba-hán 君頭波漢, trên kia phiên âm là Quân-đầu-bà-mạc. Xem kinh 3 phẩm 4, cht 26.

¹⁷ Đê bản: thất. Bản Tống: Tthuật.

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn, từ xa nhìn thấy người giúp việc của Tăng thân vác chõ đến. Trưởng giả bèn nói với cô gái bằng bài kệ này:

*Người áo trắng, tóc,
Thân hiện như gió cuốn,
Mình trần, nhanh như gió.
Thầy con đó, phải chăng?*

Cô đáp lại bằng bài kệ:

*Chẳng phải đệ tử Phật.
Người giúp việc của Phật.
Đủ ngũ thông, ba đường.
Người này tên Càn-trà.*

Bấy giờ, người giúp việc là Càn-trà nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà Trưởng giả.

Cũng lúc đó Sa-di Quân-đầu hóa làm năm trăm cây hoa có đủ màu sắc, thảy đều nở rộ, màu sắc rất đẹp, như hoa sen ưu-bát. Những loại hoa như vậy không thể kể hết, tất cả đều được mang đến thành kia. Khi Trưởng giả từ xa nhìn thấy Sa-di đến, lại dùng kệ này để hỏi:

*Ngần ấy loại bông hoa,
Đều ở trong hư không;
Lại có người thân túc:
Có phải thầy con không?*

Bấy giờ, cô lại dùng kệ đáp:

*Trước, Tu-bạt có nói,
Vị Sa-di trên suối.
Đó chính là người này.
Thầy là Xá-lợi-phất.*

Sa-di Quân-đầu khi ấy nhiều quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả. Cũng lúc đó, Tôn giả Bàn-đặc hóa làm năm trăm

con bò; lông phủ toàn xanh, ngòai kiết già trên lưng bò, đến thành kia. Khi Trưởng giả từ xa nhìn thấy Tôn giả đến, lại dùng kệ này để hỏi cô:

*Các đàn bò lớn này,
Lông phủ toàn màu xanh.
Ngòai một mình trên lưng:
Đây là Thầy con chăng?*

Cô lại dùng kệ đáp:

*Hay hóa nghìn Tỳ-kheo
Tại trong vườn Kỳ-vực;
Tâm thân rất là sáng.
Đây gọi là Bàn-đặc.*

Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc khi ấy nhiều quanh thành kia ba vòng, rồi đến nhà Trưởng giả.

Cũng lúc đó, La-hầu-la lại hóa làm năm trăm khổng tước đủ các loại màu sắc, [662c01] ngòai kiết già ở trên, đến thành kia. Trưởng giả trông thấy rồi, lại dùng kệ này để hỏi cô:

*Năm trăm khổng tước này
Màu sắc nó thật đẹp.
Như đại tướng quân kia,
Đây là Thầy con chăng?*

Thì cô dùng kệ này đáp:

*Cấm giới Như Lai lập,
Tất cả đều không phạm;
Vị ấy nghiêm trì giới,
Là La-hầu-la, con Phật.*

La-hầu-la khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà Trưởng giả.

Tăng nhất A-hàm

Cũng lúc đó, Tôn giả Ca-thất-na hóa làm năm trăm chim cánh vàng cực kỳ dũng mãnh, ngồi kiết già ở trên, đến thành kia. Sau khi Trưởng giả từ xa trông thấy rồi, lại dùng kệ này để hỏi cô:

*Năm trăm chim cánh vàng,
Cực kỳ là dũng mãnh;
Ngồi trên, không sợ hãi:
Đây là Thầy con chăng?*

Thời cô dùng kệ đáp:

*Hay hành thờ ra vào
Tâm luân chuyển hành thiện
Sức tuệ thật dũng mãnh
Đó là Ca-thất-na.*

Tôn giả Ca-thất-na khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà Trưởng giả.

Cũng lúc đó, Ưu-tỳ Ca-diếp hóa làm năm trăm con rồng, thảy đều có bảy đầu, ngồi kiết già ở trên, đến thành kia. Trưởng giả từ xa trông thấy rồi, lại dùng kệ này hỏi cô:

*Nay rồng bảy đầu này,
Tướng mạo thật đáng sợ.
Người đến nhiều vô kể.
Đây là Thầy con chăng?*

Thời cô đáp:

*Thường có nghìn đệ tử,
Thần túc hóa Tỳ-sa.¹⁸
Ngài Ưu-tỳ Ca-diếp
Chính thật là người này.*

¹⁸ Tỳ-sa, vua Bình-sa (Tần-bà-sa-la; Pāli: Bimbisāra).

Ưu-tỳ Ca-diếp khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà Trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Tu-bồ-đề hóa làm núi lưu ly, rồi vào trong ngôi kiết già, đến thành kia. Sau khi Trưởng giả từ xa trông thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

*Núi này thật là đẹp,
Làm toàn màu lưu ly.
[663a01]Hiện ngôi ở trong hang,
Đây là Thầy con chăng?*

Thời cô lại dùng kệ này đáp:

*Vốn do báo bố thí,
Nay được công đức này.
Đã thành ruộng phước tốt
Tu-bồ-đề, tỏ Không.*

Tu-bồ-đề khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên lại hóa làm năm trăm con thiên nga, màu trắng tinh, đến thành kia. Sau khi trưởng giả từ xa trông thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

*Nay năm trăm thiên nga,
Màu sắc đều trắng tinh,
Đầy khắp trong hư không:
Đây là Thầy con chăng?*

Thời cô lại dùng kệ này đáp:

*Phân biệt nghĩa văn cú,
Những điều được Kinh thuyết;
Lại giảng tụ kết sử:
Đó là Ca-chiên-diên.*

Tăng nhất A-hàm

Tôn giả đại Ca-chiên-diên khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Ly-việt hóa làm năm trăm con hổ, ngồi ở trên mà đến thành kia. Trưởng giả thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

*Nay, năm trăm hổ này
Toàn lông thật mượt đẹp
Có người ngồi ở trên:
Đây là thầy con chăng?*

Thời cô lại dùng kệ này đáp:

*Trước ở tại Kỳ-hoàn,
Sáu năm không di động;
Tôi đệ nhất tọa thiền:
Đó gọi là Ly-việt.*

Tôn giả Ly-việt khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà Trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả A-na-luật hóa làm năm trăm sư tử rất là dũng mãnh, ngồi ở trên, đến thành kia. Sau khi Trưởng giả thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

*Năm trăm sư tử này
Dũng mãnh thật đáng sợ,
Người ngồi ở trên đó:
Đây là Thầy con chăng?*

Thời cô lại dùng kệ này đáp:

*Lúc sinh, động trời đất;
Từ đất hiện trên bảo;
Mắt trong sạch không như
A-na-luật, em Phật.*

A-na-luật khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà Trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả [663b01] Đại Ca-diếp hóa làm năm trăm tuần mã, lông đuôi đều đỏ, được trang sức vàng bạc, ngồi ở trên, và làm cơn mưa hoa trời, đi đến thành kia. Trưởng giả từ xa trông thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

*Ngựa vàng, lông đuôi đỏ,
Số chúng có năm trăm,
Đó là vua Chuyển luân:
Đây là Thầy con chăng?*

Cô lại dùng kệ đáp:

*Hành đầu đà đệ nhất,
Hay thương kẻ bần cùng;
Như Lai nương nả tòa:
Đó là Đại Ca-diếp.*

Đại Ca-diếp khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà Trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hóa làm năm trăm voi trắng, đều có sáu ngà, trang điểm vàng bạc, bảy chỗ bằng phẳng, ngồi ở trên mà đến, rồi phóng ánh sáng lớn đầy khắp thế giới, đến giữa hư không, tại thành kia, xướng kỹ nhạc vô số kệ, mưa rơi các thứ tạp hoa, lại treo phướn lọng giữa hư không, thật là kỳ diệu. Sau khi Trưởng giả từ xa thấy rồi, dùng kệ hỏi cô:

*Voi trắng có sáu ngà,
Ngồi trên như Thiên vương;
Nay nghe tiếng kỹ nhạc;
Chính Thích-ca Văn chăng?*

Thời cô dùng kệ đáp:

*Ở trên núi lớn kia,
Hàng phục rộng Nan-đà,
Vị thần túc đệ nhất,
Gọi là Đại Mục-liên.
Thầy con vẫn chưa lại.
Đây là chúng đệ tử.
Nay Thánh sư sẽ đến,
Ánh sáng chiếu mọi nơi.*

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, đến nhà Trưởng giả.

Cũng lúc ấy, Thế Tôn biết đã đến giờ, khoác tăng-già-lê, bay trên hư không cách đất bảy nhẫn. Bên phải Như Lai là Tôn giả A-nhã-câu-lân, bên trái Như Lai là Tôn giả Xá-lợi-phất. Khi ấy, Tôn giả A-nan nương vào oai thần Phật, tay cầm phất tử ở phía sau Như Lai. Một nghìn hai trăm đệ tử vây quanh trước sau, Như Lai ở giữa các đệ tử có thần túc như: A-nhã-câu-lân hóa làm Nguyệt Thiên tử. Xá-lợi-phất hóa làm Nhật Thiên tử. [663c01] Các Tỳ-kheo có thần túc khác, hoặc hóa làm Thích Đề-hoàn Nhân, hoặc hóa làm Phạm thiên, hoặc có vị hóa làm Đề-đâu-lợi-tra, Tỳ-lưu-lặc, Tỳ-lưu-bác-xoa, hoặc hóa làm hình Tỳ-sa-môn lãnh đạo các quỷ thần, hoặc hóa làm hình Chuyển luân Thánh vương, hoặc có vị nhập hòa quang tam-muội, hoặc có vị nhập thủy tinh tam-muội, hoặc có vị phóng quang, hoặc có vị phun khói, tạo ra các thứ thần túc. Lúc này, bên phải Như Lai Phạm Thiên vương, bên trái Như Lai Thích Đề-hoàn Nhân tay cầm phất tử, phía sau Như Lai lực sĩ Kim cang Mật Tích tay cầm chày kim cương, phía trên Như Lai ở giữa hư không Tỳ-sa-môn Thiên vương tay cầm lọng bảy báu, vì sợ có bụi bặm bám thân Như Lai. Cùng lúc này, Bà-giá-tuần tay cầm đàn lưu ly tán thán công đức Như Lai. Các thiên thần tất cả đều ở

giữa hư không xướng lên nghìn vạn thứ kỹ nhạc, mưa tuôn các thứ hoa trời rải lên Như Lai.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc, trưởng giả Cấp Cô Độc và nhân dân trong thành Xá-vệ, đều thấy Như Lai ở giữa hư không cách mặt đất bảy nhân. Thấy vậy, tất cả vui mừng hơn hờ, không tự chế được. Lúc ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc liền nói kệ này:

*Như Lai thật thần diệu,
Thương dân như con đờ.
Vui thay! Tu-ma-đề,
Sẽ nhận pháp Như Lai.*

Lúc bấy giờ, vua Ba-tu-nặc cùng trưởng giả Cấp Cô Độc rải các thứ danh hương và các thứ hoa.

Thế Tôn dẫn theo các chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, cùng các thiên, thần không thể kể, tựa như phượng hoàng, ở giữa hư không, đi đến thành kia.

Bấy giờ, Ban-giá-tuần¹⁹ dùng kệ tán thán Phật:

*Kết sinh đã diệt tận,
Ý niệm không tán loạn,
Không bụi như ngăn ngại
Mà vào đất nước kia.*

*Tâm tính thật trong sạch,
Đoạn ác niệm tà ma,
Công đức như biển lớn,
Nay vào đất nước kia.*

*Tướng mạo thật đặc thù,
Các sử không tái khởi
Vì kia không tự xử,*

¹⁹ Ban-giá-tuần, Ngũ kế nhạc thần, một căn-thất-bà, thần âm nhạc của Đế Thích. Pāli: Pañcasikha.

Nay vào đất nước kia.

*Đã vượt bốn giòng sâu,
Thoát khỏi sinh, già, chết;
Để đoạn gốc các hữu,
Nay vào đất nước kia.*

[664a01] Lúc ấy, tTrưởng giả Mãn Tài nhìn thấy Thế Tôn từ xa đi lại, các căn Thế Tôn tịch tĩnh ít có, sạch như vàng ròng của trời; có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp biểu hiện ngoài thân; giống như núi Tu-di vượt trên các núi, cũng như khối vàng toả ánh sáng lớn. Khi ấy, Ttrưởng giả dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

*Đây là ánh mặt trời?
Vẻ này chưa từng thấy.
Nghìn vạn ức tia sáng,
Chưa dám nhìn thẳng lâu.*

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề quỳ gối chấp tay hướng về Như Lai, dùng kệ này đáp Trưởng giả:

*Mặt trời, phi mặt trời,
Mà phóng nghìn thứ sáng,
Vì tất cả chúng sanh:
Đó chính là Thầy con.*

*Thầy đều ngợi Như Lai
Như trước đã có nói.
Nay sẽ được quả lớn
Lại siêng cúng dường hơn.*

Trưởng giả Mãn Tài khi ấy quỳ gối phải sát đất, lại dùng kệ khen Như Lai:

*Tự qui đấng Mười Lực,
Thế sắc vàng viên quang;*

*Được trời người kính khen.
Nay con tự quy y.*

*Ngài là đáng Nhật Vương;
Như trăng sáng giữa sao,
Để độ người chưa độ.
Nay con tự quy y.*

*Ngài như tượng Thiên Đế,
Như tâm từ phạm hạnh,
Tự thoát, thoát chúng sanh.
Nay con tự quy y.*

*Tối tôn giữa trời người,
Trên vua các quỷ thần,
Hàng phục các ngoại đạo,
Nay con tự quy y.*

Bấy giờ, cô Tu-ma-đê quỳ gối chấp tay, tán thán Thế Tôn:

*Tự hàng, hàng phục người;
Tự chánh, lại chánh người;
Tự độ, độ người dân;
Đã giải, lại giải người.
Tự tịnh, khiến người tịnh,
Tự soi, soi quần sinh.
Không ai không được độ;
Dẹp đấu loạn, không tranh.
An trụ cực tịnh khiết;
Tâm ý không lay động.
[664b01] Mười Lực thương xót đời:
Con kính lễ lần nữa.*

“Ngài có tâm từ, bi, hỷ, xả,* đầy đủ Không, Vô tướng, Vô
nguyện.²⁰ Ở trong cõi dục là tối tôn đệ nhất. Trên tất cả trời.

²⁰ Để bản: Không, Vô tướng, Nguyện; có nhảy sót.

Bảy thánh tài đầy đủ. Các hàng trời, người, đáng Tự nhiên,²¹ hàng Phạm sanh,²² cũng không ai bằng, cũng không thể giống tướng mạo. Nay con tự quy y.”

Khi ấy, sáu nghìn bà-la-môn thấy Thế Tôn tạo ra mọi thần biến như thế, mọi người tự bảo nhau: “Chúng ta nên rời nước này dời đến nước khác. Sa-môn Cù-đàm này đã hàng phục nhân dân trong nước này.” Sáu nghìn bà-la-môn lúc đó liền đi ra khỏi nước, không trở lại nước này nữa. Giống như sư tử vua loài thú ra khỏi sơn cốc, nhìn quanh bốn hướng, rồi rống lên ba tiếng mới đi tìm mồi. Các loài thú đều tìm đường bỏ chạy mà không biết chạy đi đâu, bay tìm chỗ nấp kín. Hoặc ngay đến voi có thần lực nghe tiếng sư tử, chúng cũng tìm đường bỏ chạy không thể tự yên. Vì sao vậy? Vì Sư tử, vua loài thú thật có oai thần. Ở đây cũng vậy, sáu nghìn bà-la-môn kia nghe tiếng Thế Tôn, thấy đều bỏ chạy, không tự yên được. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm có oai lực lớn.

Bấy giờ, Thế Tôn xả thần túc, đi bình thường, vào trong thành Mãn Phú. Khi chân Thế Tôn vừa đạp lên ngưỡng cửa, ngay đó trời đất chấn động mạnh. Các chư thiên, tôn thần rải hoa cúng dường. Nhân dân khi thấy dung nhan Thế Tôn các căn tịch tĩnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp hiển hiện, họ liền nói kệ này:

*Lưỡng túc tôn vi diệu;
Bà-la-môn không dám đưng.
Vô có thờ bà-la-môn,
Mất đáng Nhân trung tôn.*

²¹ Tự nhiên 自然, Skt. *svayambhū*, từ khác chỉ Phạm thiên (Brahman), tự sinh. Skt.

²² Phạm sanh 梵生, Skt. Brahmasa, được sinh bởi Brahman, chỉ hàng chư thiên thượng đẳng.

Thế Tôn khi đến nhà Trưởng giả, tới chỗ ngồi mà ngồi. Bấy giờ, nhân dân nước kia thật là đông đảo. Nhà trưởng giả lúc ấy có tám vạn bốn nghìn người dân, tất cả đều vân tập, để nhìn Thế Tôn cùng chúng Tăng, khiến nhà cửa của nhà Trưởng giả muốn sụp đổ. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ: “Nhân dân ở đây ắt có gây thiệt hại. Ta nên dùng thần túc khiến cho nhân dân cả nước thấy thân Ta cùng Tăng Tỳ-kheo.”

Rồi Thế Tôn liền hoá nhà cửa trưởng giả thành sắc lưu ly, trong ngoài thấy nhau, giống như xem châu trong bàn tay. Khi ấy, cô Tu-ma-đề đến trước Thế Tôn, đánh lễ sát chân, buồn vui lẫn lộn, liền nói [664c02] kệ này:

*Đáng Nhất thiết trí trọn đủ,
Độ tận tất cả pháp,
Đã đoạn kết dục ái;
Nay con tự quy y.*

*Thà cho cha mẹ con,
Huỷ hoại đôi mắt con;
Chớ để con đến đây,
Trong ngũ nghịch, tà kiến.*

*Xưa tạo duyên ác nào,
Nên bị đến nơi này?
Như chim vào lưới bẫy.
Nguyện dứt kết nghi này.*

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ đáp cô rằng:

*Nay con chớ lo sầu,
Định tĩnh tự mở ý.
Cũng đừng khởi tưởng chấp.
Nay Như Lai sẽ giảng.*

*Con vốn không do tội
Mà khiến phải đến đây.*

*Vì quả báo thế nguyện
Muốn độ chúng sanh này.*

*Nay hãy nhỏ gốc rễ,
Không đọa ba đường ác.
Hàng nghìn loài chúng sanh
Con sẽ được độ trước.*

*Ngày nay hãy trừ sạch,
Khiến mắt trí tỏ sáng;
Khiến cho loài trời người,
Thấy con như xem châu.*

Cô Tu-ma-đề nghe những lời này xong, vui mừng hớn hở không kể xiết được.

Bấy giờ, trưởng giả đem người hầu của mình theo cung cấp đồ ăn thức uống, những món ngon ngọt. Thấy Thế Tôn ăn xong, đã dùng nước rửa, ông bèn lấy một ghế nhỏ ngồi trước Như Lai, cùng các người tùy tùng và tám vạn bốn nghìn chúng đều lần lượt ngồi, hoặc có người tự xưng tên họ mà ngồi. Thế Tôn lần lượt nói các đề tài vi diệu cho trưởng giả và tám vạn bốn nghìn nhân dân kia. Các đề tài luận về giới, luận về thí, luận về sinh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu ô uế, xuất gia là con đường xuất yếu.

Thế Tôn khi thấy trưởng giả và cô Tu-ma-đề cùng tám vạn bốn nghìn nhân dân tâm ý khai mở, nên các pháp khổ, tập, diệt, đạo mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết; Thế Tôn đều thuyết cả cho chúng sanh ở đây. Mọi người ngay trên chỗ ngồi mà sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Giống như vải cực trắng sạch để nhuộm màu. Ở đây cũng như vậy, trưởng giả Mãn Tài, cô Tu-ma-đề và tám vạn bốn nghìn nhân dân sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, không còn hồ nghi,

được không sợ hãi, thấy đều tự quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới. Bây giờ, cô Tu-ma-đề ở trước Phật nói kệ này:

*Như Lai tai trong suốt,
Nghe con gặp khổ này,
Giáng thân đến đây rồi,
Mọi người được pháp nhĩn.*

Thế Tôn nói pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, trở về trú xứ. Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Cô Tu-ma-đề vốn đã tạo nhân duyên gì mà sinh trong nhà phú quý? Lại tạo nhân duyên gì mà rơi vào nhà tà kiến này? Lại tạo công đức lành nào, nay được pháp nhĩn thanh tịnh? Lại tạo công đức nào khiến tám vạn bốn nghìn người đều được pháp nhĩn thanh tịnh?”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này, có Phật Ca-diếp, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế tôn. Ngài ở tại nước Ba-la-nại, đi du hoá nơi này, cùng chúng hai vạn đại Tỳ-kheo.

Bây giờ, có vua tên Ai Mẫn, có con gái tên Tu-ma-na. Cô này rất có tâm cung kính hướng về Như Lai Ca-diếp, vâng giữ giới cấm, thường thích bố thí, và cúng dường bốn việc. Thế nào là bốn? Một là bố thí, hai là ái kính, ba là lợi người, bốn là đồng lợi.²³

Cô ở chỗ Như Lai Ca-diếp mà tụng Pháp cú. Ở trên lầu cao, lớn tiếng tụng tập, phát nguyện rộng lớn này: “Con hằng có

²³ Bốn nhiếp sự: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

pháp bốn nhiếp thọ²⁴ này; lại ở trước Như Lai mà tụng Pháp cú. Trong đó nếu có chút phước nào, cầu cho con sinh vào chỗ nào, không rơi vào ba đường dữ, cũng không rơi vào nhà nghèo; đời vị lai cũng sẽ lại gặp bậc tối tôn như vậy. Khiến cho con chẳng chuyển đổi thân nữ mà được pháp nhãn thanh tịnh.” Nhân dân trong thành sau khi nghe vương nữ thệ nguyện như vậy đều cùng tụ tập đến chỗ vương nữ, nói:

“Hôm nay, Vương nữ rất là chí tín, tạo các công đức, bốn sự²⁵ không thiếu: Bố thí, kiêm ái, lợi người, đồng lợi. Lại phát thệ nguyện, mong đời sau gặp bậc như vậy, thuyết pháp cho nghe để được pháp nhãn thanh tịnh. Hôm nay, Vương nữ đã phát thệ nguyện, cùng với nhân dân cả nước chúng tôi đồng thời được độ.”

Bấy giờ, Vương nữ đáp:

“Tôi đem công đức này cùng thí đến các [665b01] người. Nếu gặp Như Lai thuyết pháp, sẽ cùng lúc được độ.

“Tỳ-kheo, các người há có nghi sao? Chớ quán sát vậy. Vua Ai Mẫn lúc ấy, nay chính là trưởng giả Tu-đạt. Vương nữ lúc ấy, nay chính là Tu-ma-đề. Nhân dân trong nước lúc ấy, nay chính là tám vạn bốn nghìn chúng. Do thệ nguyện kia, nay gặp thân Ta, nghe pháp đặc đạo; cùng nhân dân kia đều được pháp nhãn thanh tịnh. Hãy ghi nhớ phụng hành ý nghĩa này. Vì sao vậy? Vì bốn sự này là ruộng phước tốt nhất. Nếu có Tỳ-kheo nào thân cận bốn sự, liền được bốn đế. Nên cầu phương tiện thành tựu pháp bốn sự. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

²⁴ Tứ thọ chi pháp 四受之法, được hiểu là bốn pháp nhiếp thọ, tức bốn nhiếp pháp hay nhiếp sự. Pāli: *cattāri saṃgahavatthūni*.

²⁵ Tứ sự 四事, cũng tức bốn nhiếp sự. Xem cht. trên.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.²⁶

²⁶ Bản Hán, hết quyển 22.

31. PHẨM TĂNG THƯỢNG

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Sanh Lậu bà-la-môn đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi thăm nhau rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Sống trong rừng, ở trong hang, thật là khổ thay! Sống một mình, đi đứng một mình, dụng tâm thật khó!”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, bà-la-môn, như những gì ông nói. Sống trong rừng, ở trong hang, thật là khổ thay! Sống một mình, đi đứng một mình, dụng tâm thật khó! Vì sao vậy? Ngày xưa, lúc Ta chưa thành Phật đạo, hành hạnh Bồ-tát, Ta thường nghĩ: ‘Sống trong rừng, ở trong hang, thật là khổ thay! Sống một mình, đi đứng một mình, dụng tâm thật khó!’”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Đối với các thiện gia nam tử với tín tâm kiên cố xuất gia học đạo, Sa-môn Cù-đàm là tối thượng thủ, đem lại nhiều lợi ích, [665c01] làm người dẫn đường cho đám bằng hữu ấy.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, bà-la-môn, như những gì ông nói. Có những thiện gia nam tử, với tín tâm kiên cố, Ta là tối thượng thủ, đem lại nhiều lợi ích, làm người dẫn đường cho đám bằng hữu ấy. Nếu

¹ Tham chiếu Pāli, M. 4 Bhayabherava (R.i. 16).

thấy Ta, họ đều khởi lòng hổ thẹn, đến trong núi khe, sống trong động vắng vẻ.

“Bấy giờ, Ta nghĩ thâm, các Sa-môn, Bà-la-môn có thân hành bất tịnh, mà gàn gỏi, sống chỗ vắng vẻ không người, do thân hành bất tịnh, thì ở đó chỉ luống nhọc công, chẳng phải hành chân thật, mà là pháp ác, bất thiện, sự kinh sợ. Nhưng nay, Ta với thân hành không phải bất tịnh, gàn gỏi, sống nơi vắng vẻ. Với những gì là thân hành bất tịnh, do gàn gỏi, sống nơi vắng vẻ, những điều ấy không có nơi Ta. Vì sao vậy? Nay, Ta thân hành thanh tịnh. Trong những vị A-la-hán,² do thân hành thanh tịnh, ưa ở nơi hang vắng, Ta là tối thượng thủ. Cũng vậy, bà-la-môn, Ta tự quán thân, thấy sở hành thanh tịnh nên ưa ở nơi vắng vẻ, lại càng vui thích.

“Bấy giờ, Ta nghĩ thâm, những Sa-môn, Bà-la-môn nào với ý hành không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, mà gàn gỏi, sống nơi vắng vẻ không người; họ tuy có hạnh này nhưng vẫn không phải chân chánh; do đó, họ đều đầy đủ pháp ác bất thiện,³ điều này Ta không có. Vì sao vậy? Vì nay những việc làm của thân, miệng, ý, mạng Ta đều thanh tịnh.

“Có những Sa-môn, Bà-la-môn thân, miệng, ý, mạng đều thanh tịnh, ưa ở nơi vắng vẻ thanh tịnh, điều này thì Ta có. Vì sao vậy? Vì nay những sở hành bởi thân, miệng, ý, mạng, của Ta thanh tịnh. Trong những A-la-hán do thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh, nên ưa ở nơi thanh vắng, Ta là tối thượng thủ. Như

² Pāli, ibid., *ye hi vo ariyā parisuddhakāyakammantā*, những vị Thánh mà thân hành thanh tịnh.

³ Hán dịch đoạn này thiếu: “Sự kinh sợ” được nói ở đoạn trên. Pāli, ibid., : *te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayaḥheravaṃ avhāyanti*, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy làm nổi lên sự kinh sợ khiếp đảm, bất thiện.

vậy, bà-la-môn, khi Ta có thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh, khi ấy lại càng ưa thích sống nơi vắng vẻ.

“Bấy giờ, Ta nghĩ thầm, Sa-môn, Bà-la-môn có nhiều điều phải sợ hãi kinh khiếp khi sống ở nơi nhàn vắng; đó là pháp ác bất thiện, sự sợ hãi kinh khiếp. Nhưng nay, Ta không có bất cứ sự sợ hãi nào khi sống nơi vắng vẻ không người. Trong các Sa-môn, Bà-la-môn có tâm sợ hãi kinh khiếp khi sống ở chỗ vắng vẻ, trong số đó không có Ta. Vì sao vậy? Vì nay Ta không có bất cứ sự sợ hãi nào ở nơi vắng vẻ mà tự an trú. Ta không ở trong số những người có tâm sợ hãi kinh khiếp khi sống ở nơi vắng vẻ. Vì sao vậy? Vì nay Ta đã lìa khổ hoạn, không đồng với họ. Như vậy, bà-la-môn, Ta quán sát ý nghĩa này rồi, không có sợ hãi, lại càng thêm vui thích.

“Những Sa-môn, Bà-la-môn nào mà khen mình, chê người, tuy sống ở chỗ vắng vẻ vẫn có tướng bất tịnh.⁴ Nhưng Ta, này bà-la-môn, Ta không chê bai người khác, [666a01] cũng không tự khen mình. Những ai tự khen mình lại chê bai người khác, Ta không phải người đó. Vì sao vậy? Vì nay Ta không có mạn. Trong các Hiền thánh không có mạn, Ta là tối thượng thủ. Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn⁵.

“Những Sa-môn⁶ nào ham cầu lợi dưỡng, không hề biết đủ. Nhưng hôm nay, Ta không ham cầu lợi dưỡng. Vì sao vậy? Vì nay Ta không cầu có nhiều hơn người, và cũng tự biết đủ. Trong những người biết đủ, Ta là thượng thủ. Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại vui thích hơn.

⁴ Hán lược bỏ, theo văn mạch trên: (...) cho đến, “sợ hãi kinh khiếp.”

⁵ Hán lược bỏ ý: Không sợ hãi khiếp đảm.

⁶ Hán dịch lược bỏ: Sa-môn, Bà-la-môn.

“Những Sa-môn, Bà-la-môn nào ôm lòng biếng nhác, không chuyên cần tinh tấn, mà gàn gỏi nơi vắng, Ta không phải người đó. Vì sao vậy? Vì nay Ta có tâm đồng mãnh, nên trong đó không lười mệt. Trong các Hiền thánh có tâm đồng mãnh, Ta là tối thượng thủ. Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn.

“Bấy giờ, Ta lại nghĩ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào hay nhiều quên lãng, mà sống ở nơi vắng vẻ; tuy có hạnh này vẫn có pháp ác bất thiện⁷. Nhưng nay Ta không có những điều quên lãng. Lại này bà-la-môn, Ta không có trong số những người hay quên lãng. Trong các Hiền thánh không hay quên lãng, Ta là tối thượng thủ. Nay Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn.

“Bấy giờ, Ta lại nghĩ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào mà ý loạn, không định; những người ấy liền có pháp ác bất thiện, cùng chung với hành ác. Nhưng nay Ta ý không hề loạn, thường như nhất tâm. Ta không có trong số những người có tâm ý loạn, bất định. Vì sao thế? Vì Ta thường nhất tâm. Trong các Hiền thánh có tâm chuyên nhất, định tĩnh, Ta là tối thượng thủ. Nay Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn khi sống ở nơi vắng vẻ.

“Bấy giờ, Ta lại nghĩ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào mà ngu si, tầm tối cũng như bầy dê, người ấy liền có pháp ác bất thiện. Ta không phải người đó. Nhưng nay Ta thường có trí tuệ, không có chỗ ngu si, sống ở nơi vắng. Những hành như vậy, có ở nơi Ta. Nay Ta thành tựu trí tuệ. Trong các Hiền thánh thành tựu trí tuệ, Ta là tối thượng thủ. Nay Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn khi sống ở nơi vắng vẻ.

⁷ Hán lược bỏ: Sợ hãi khiếp đảm.

“Khi Ta sống ở nơi vắng vẻ, lúc đó, giả sử cây cối gãy đổ, chim thú chạy bay, bấy giờ Ta nghĩ thầm: ‘Đây là khu rừng đáng kinh sợ.’ Rồi lại nghĩ thầm, ‘Nếu có điều kinh sợ xảy đến, Ta sẽ tìm cầu phương tiện khiến nó không xảy đến nữa.’ Khi Ta đi kinh hành, nếu có sự kinh sợ xảy đến, lúc này, Ta cũng không ngồi, nằm; chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, sau đó mới ngồi, nằm. Khi Ta đứng, nếu sự kinh sợ xảy đến, lúc ấy Ta không kinh hành, cũng không ngồi xuống, chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, sau đó mới ngồi. Khi Ta ngồi, nếu sự kinh sợ xảy đến, lúc ấy Ta không kinh hành, chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, rồi sau mới ngồi. Khi Ta nằm, nếu sự kinh sợ xảy đến, lúc ấy, Ta không kinh hành, cũng không ngồi, chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, sau đó mới ngồi.

“Bà-la-môn nên biết, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không hiểu đạo lý ban ngày với ban đêm, nay Ta nói người ấy rất ngu si.⁸ Nhưng Ta, này bà-la-môn, hiểu đạo lý ở trong ban ngày và ban đêm, thêm có tâm dũng mãnh, cũng không hư vọng, ý không thác loạn, hằng chuyên nhất tâm, không tưởng tham dục, có tầm có tứ, có hỷ lạc do viễn ly sanh,⁹ nhập sơ thiền. Đó là, này bà-la-môn, tâm thứ nhất Ta sống an lạc trong hiện pháp.¹⁰

“Trừ tầm và tứ, nội tâm tịch tĩnh, chuyên nhất ý, không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sinh, chứng nhập và an trú nhị

⁸ Pāli, *ibid.*, những Sa-môn, Bà-la-môn tưởng ban ngày như là ban đêm (*rattimyeva samānaṃ divāti sañjānanti*), ta nói họ sống trong si ám (*sammohavihārasmiṃ*). Những người này, để không kinh sợ, ngày mà tưởng tượng là đêm; đêm mà tưởng tượng là ngày.

⁹ Niệm trì hỷ lạc 念持喜樂. Văn chuẩn về bốn thiền, xem kinh 1, phẩm 12, và các ch. 42 tt.

¹⁰ Sơ thiền: Hiện pháp lạc trú thứ nhất.

thiền, nhập nhị thiền. Đó là, này bà-la-môn, Ta tâm thứ hai sống an lạc trong hiện pháp.¹¹

“Ta ly hỷ, an trú xả, hằng tự giác tri, thân có tri giác lạc, điều mà các hiền thánh nói là xả, niệm, an trú lạc, nhập tam thiền. Đó là, này bà-la-môn, tâm thứ ba sống an lạc trong hiện pháp.¹²

“Lại nữa, khổ, lạc đã trừ, ưu và hỷ từ trước đã trừ, không lạc không khổ, xả, niệm thanh tịnh, nhập tứ thiền. Đó là, này bà-la-môn, tâm tăng thượng thứ tư mà Ta tự giác tri, tâm ý an trú.

“Khi Ta đang sống ở nơi vắng vẻ, có bốn tâm tăng thượng này, Ta do tâm tam-muội này, thanh tịnh không tỳ vết, cũng không kết sử, được không sợ hãi, tự biết túc mạng một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, nghìn đời, kiếp thành hoại đều phân biệt hết. Ta từng sinh chỗ nọ, tên gì, họ gì, ăn thức ăn như thế, chịu khổ vui như thế, v.v.. Từ đó Ta chết mà sinh nơi này, chết đây sinh kia, nhân duyên gốc ngọn đều rõ ràng hết.

“Bà-la-môn nên biết, vào đầu hôm Ta đắc được [666c01] minh thứ nhất, trừ vô minh, không u tối nữa, tâm ưa sống nơi vắng vẻ mà tự giác tri.

“Lại nữa, với tâm tam-muội không tỳ vết, không kết sử, tâm ý tại định, được không sợ hãi mà biết chúng sanh người sinh, người chết. Ta lại dùng thiên nhãn quán chúng sanh người sinh, người chết, sắc lành sắc dữ, cõi lành, đường dữ, hoặc tốt, hoặc xấu, tùy hạnh thiện ác đều phân biệt hết. Có các chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Hiền thánh,

¹¹ Nhị thiền: Hiện pháp lạc trú thứ hai.

¹² Tam thiền: Hiện pháp lạc trú thứ ba.

hằng ôm tà kiến, tương ưng với tà kiến, khi thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục. Có các chúng sanh thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, không phỉ báng Hiền thánh, hằng tu chánh kiến, tương ưng với chánh kiến, khi thân hoại mạng chung sinh đường lành lên trời. Ta lại dùng thiên nhãn thanh tịnh không tỳ vết quán chúng sanh người sinh, người chết, sắc lành, sắc dữ, đường lành, đường ác, hoặc tốt hay xấu, các hạnh bản Ta đều biết rõ.

“Bà-la-môn nên biết, vào lúc giữa đêm, Ta được minh thứ hai, không còn tăm tối, tự giác tri, vui sống ở nơi vắng vẻ.

“Ta, lại với tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, cũng không kết sử, tâm ý được định, được không sợ hãi, được tâm diệt tận lậu, cũng biết như thật không hư dối, rằng ‘Đây là khổ.’” Ngay khi ấy, Ta được tâm này, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; sau khi giải thoát, liền được trí giải thoát, biết như thật rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh, như thật mà biết.

“Đó là, này bà-la-môn, Ta cuối đêm được minh thứ ba, không u tối nữa.

“Thế nào, này bà-la-môn, có tâm này chẳng, Như Lai có tâm dục, tâm sân hận, tâm ngu si chưa dứt, khi sống ở nơi vắng vẻ? Này bà-la-môn, chớ xem như thế. Vì sao thế? Vì ngày nay Như Lai vĩnh viễn diệt trừ các lậu, hằng ưa sống nơi thanh vắng, không sống giữa người đời. Hôm nay, Ta khi quán sát hai ý nghĩa này, thích sống nơi vắng vẻ. Thế nào là hai? Tự mình sống ở nơi vắng vẻ, và độ hết chúng sanh không thể tính kể.”¹³

¹³ Pāli, *ibid.*: Sống tại núi rừng thanh vắng (*araññavanapathāni*), vì hai mục đích (*dve athavase*): tự mình sống an lạc ngay trong hiện tại, hiện pháp lạc

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lộ bạch Phật:

“Ngài đã vì thương xót chúng sanh, độ cho tất cả.”

Rồi bà-la-môn lại bạch Phật:

“Thôi, thôi, Thế Tôn! Những điều được nói đã quá nhiều. Ví như người gù được thẳng, người mê được đường, người mù được mắt, trong tối thấy sáng. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện, vì con mà thuyết pháp. [667a01] Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay về sau con thọ trì ngũ giới, không sát sanh nữa, làm Ưu-bà-tắc.”

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lộ nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở vườn Cù-sur, ở Câu-thâm, nơi bốn đức Phật đời quá khứ đã ở.

Bấy giờ, vua Ưu-điền¹⁴ cùng phu nhân Xá-di¹⁵ và năm trăm cô gái muốn đến vườn dạo chơi ngắm cảnh. Ngay khi ấy, trong thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo nghĩ: ‘Ta xa Thế Tôn đã lâu, muốn đến lễ bái thăm hỏi.’

Đến giờ, Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; ăn xong thu xếp y bát, toạ cụ. Ông lại dùng thần túc bay lên hư

trú (*attano diṭṭhadhammasukhavihāraṃ*), và vì thương tưởng chúng sanh trong tương lai (*pacchimañca janataṃ anukampamāno*).

¹⁴ Ưu-điền 優填; Pāli: Udena, quốc vương nước Kosambī (Hán dịch Câu-thâm).

¹⁵ Xá-di phu nhân 舍彌夫人. Pāli: Sāmāvatī.

không, đến nước Câu-thâm.¹⁶ Tỳ-kheo ấy xả thần túc, đi vào rừng, đến một chỗ vắng, ngồi kiết già tĩnh toạ, chánh thân, chánh ý, buộc niệm ở trước. Khi ấy, phu nhân Xá-di dẫn năm trăm cô gái đến rừng này. Phu nhân Xá-di từ xa trông thấy Tỳ-kheo dùng thần túc đến ngồi dưới bóng cây, liền đến trước Tỳ-kheo cúi lạy rồi chấp tay đứng trước, năm trăm cô gái đều cúi lạy và chấp tay đứng vây quanh.

Lúc ấy, vua Ưu-điền từ xa trông thấy năm trăm cô gái chấp tay đứng vây quanh Tỳ-kheo này, liền nghĩ: “Trong đây chắc có bầy nai, hoặc có các loài thú, chắc chắn không nghi.” Vua liền cỡi ngựa chạy mau đến đám phụ nữ. Phu nhân Xá-di xa thấy vua đến liền nghĩ: “Vua Ưu-điền cực kỳ hung ác, có thể hại Tỳ-kheo này.” Phu nhân bèn đưa tay mặt lên đầu vua:

“Đại vương nên biết, đây là Tỳ-kheo, chớ có kinh sợ.”

Vua liền xuống ngựa, bỏ cung, đến chỗ Tỳ-kheo, bảo Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo, thuyết pháp cho ta nghe!”

Tỳ-kheo ấy đưa mắt trông vua, im lặng không nói.

Vua lại bảo Tỳ-kheo:

“Mau thuyết pháp cho ta!”

Tỳ-kheo lại đưa mắt nhìn vua, im lặng không nói.

Vua lại nghĩ: “Nay ta hãy hỏi những sự việc ở trong thiên. Nếu thuyết cho ta, ta sẽ cúng dường, trọn đời thí cho y phục, [667b01] thức ăn uống, giường chõng, thuốc thang trị bệnh. Nếu chẳng thuyết cho ta, ta sẽ giết.” Vua lại bảo Tỳ-kheo:

¹⁶ Để bản: Câu-thâm viên 拘深園, chép nhầm. Nên sửa lại là Câu-thâm quốc.

“Tỳ-kheo, thuyết pháp cho ta!”

Tỳ-kheo kia vẫn im lặng không đáp.

Bấy giờ, thọ thần biết tâm vua, liền hoá ra một bầy nai ở đàng xa, muốn làm loạn tai mắt của vua khiến khởi nghĩ chuyện khác. Khi ấy, vua thấy nai liền nghĩ: “Ta hãy bỏ Sa-môn này. Sa-môn rốt cuộc đi đâu cho khỏi.”

Vua liền cỡi ngựa đi bắn bầy nai. Phu nhân bèn thưa:

“Nay Tỳ-kheo đến đâu?”

Tỳ-kheo nói:

“Tôi muốn đến trú xứ của bốn Phật, đến gặp Thế Tôn.”

Phu nhân bạch:

“Tỳ-kheo, nay đã đúng lúc. Ngài mau đi đến đó, đừng ở đây nữa, sẽ bị vua hại thì tội vua rất nặng.”

Tỳ-kheo ấy liền đứng lên xếp y bát bay lên hư không đi về phương xa. Phu nhân thấy Tỳ-kheo bay cao trên hư không, bèn gọi vua nói:

“Kính mong Đại vương, xem Tỳ-kheo này có đại thần túc. Ngay ở hư không vọt lên, ẩn mất tự tại. Nay Tỳ-kheo ấy còn có sức này, huống Phật Thích-ca Văn mà có thể bì kịp sao?”

Tỳ-kheo ấy đến vườn Cù-sư, xả thần túc, bằng pháp bình thường đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo:

“Thế nào, Tỳ-kheo, nhập hạ ở thành Xá-vệ có nhọc nhằn chăng? Tuỳ thời khát thực có mệt mỏi không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Con ở thành Xá-vệ không có gì mệt mỏi.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hôm nay có sao đến đây?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con cốt đến hầu thăm sức khỏe Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Nay người thấy Ta và trụ xứ của bốn đức Phật thời quá khứ đây chăng? Nay người thoát khỏi tay vua, rất là đại kỳ! Sao người không thuyết pháp cho vua? Lại nữa, vua Ưu-điền nói: ‘Nay Tỳ-kheo hãy thuyết pháp cho ta. Nay có sao ông không thuyết pháp cho ta?’ Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho vua, vua Ưu-điền sẽ rất hoan hỷ. Đã hoan hỷ, vua sẽ suốt đời cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Vì vua muốn hỏi những sự việc ở trong thiên nên con không đáp nghĩa này.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo! Tỳ-kheo sao không nói cho vua nghe những sự việc [667c0] ở trong thiên?”

Tỳ-kheo đáp:

“Vua Ưu-điền dùng thiên này làm gốc; ôm lòng hung bạo, không có tâm từ, sát hại chúng sanh vô kể, tương ưng với dục, ba độc lừng lẫy, chìm trong vực sâu, không thấy Chánh pháp, tập hoặc vô tri, nhóm đủ các ác, hành động kiêu mạn, ý thế lực vua, tham đắm tài bảo, khinh mạn người đời, mù không có mắt. Người này dùng thiên làm gì? Phàm pháp thiên định là pháp vi

điều trong các pháp, khó thể giác tri, không có hình tướng, chẳng phải đem tâm lường được. Đây chẳng chỗ người thường đến được, chỉ người trí mới biết. Vì những cứ này nên con không thuyết pháp cho vua.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Nếu y cũ rách cần phải giặt mới sạch. Dục tâm cực thịnh cần nên quán tưởng bất tịnh, sau đó bèn trừ được. Nếu sân giận thịnh thì dùng tâm từ trừ đi. U ám ngu si thì dùng pháp mười hai duyên sau đó trừ hết. Nay Tỳ-kheo, cứ sao không thuyết pháp cho vua Ưu-điền? Nếu thuyết pháp, vua sẽ hết sức hoan hỷ. Ngay dù lửa cực mạnh vẫn có thể diệt được, huống nữa là người?”

Tỳ-kheo kia im lặng chẳng nói. Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nhu Lai xử thế rất đặc biệt. Dù trời, rồng, quý thần, càn-thát-bà, ai hỏi nghĩa Như Lai, Ta sẽ thuyết cho họ. Giả sử quốc vương đại thần, nhân dân hỏi nghĩa Như Lai, Ta cũng sẽ thuyết cho họ. Nếu dòng sát- lợi, bốn chủng tánh, đến hỏi nghĩa, Ta cũng sẽ thuyết pháp cho. Vì sao thế? Vì hôm nay, Như Lai được bốn vô sở úy, thuyết pháp không có khiếp nhục; cũng được bốn thiên, trong đó tự tại, kiêm đắc bốn thần túc chẳng thể tính kể, hành bốn vô lượng tâm. Thế nên, Như Lai thuyết pháp không có khiếp nhục. La-hán, Bích-chi-phật không có thể kịp được. Thế nên, Như Lai thuyết pháp không khó. Nay, các Tỳ-kheo, các người hãy tìm phương tiện hành bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này. Vì sao Thế? Nếu Tỳ-kheo vì chúng sanh, thiện tri thức được gặp, và tất cả cha mẹ, tri thức, thân thuộc đều nhân lấy bốn sự dạy khiến họ biết pháp. Thế nào là bốn? Nên cung kính Phật là bậc Như Lai, Chí chơn Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc,

Tăng nhất A-hàm

Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, Phật Thế tôn, độ người vô lượng.

“Hãy nên cầu pháp, tu hành [668a01] pháp chính chân, trừ bỏ hành ứ ác. Đây là điều mà bậc trí giả tu hành.

“Hãy tìm cầu phương tiện cúng dường chúng Tăng. Chúng của Như Lai thường hoà hợp nhau không có tranh tụng, pháp tùy pháp thành tựu, giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Đó là bốn đôi, tám bậc, mười hai hiền sĩ. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng tôn đáng quý, là ruộng phước vô thượng của Thế gian.

“Lại nên khuyến trợ khiến hành pháp luật Hiền Thánh, không nhiễm ô, tịch tĩnh vô vi. Nếu có Tỳ-kheo nào muốn hành đạo, nên hành đủ pháp bốn sự¹⁷ này. Vì sao thế? Vì pháp cúng dường Tam bảo, tối tôn, tối thượng không ai sánh kịp. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn hành tích của sự¹⁸. Thế nào là bốn? Có hành tích lạc mà sở hành ngu hoặc;¹⁹ đây là hành tích thứ nhất. Có hành tích

¹⁷ Bốn sự nói trên, tức bốn bất hoại tín, bất động tín, hay bốn chứng tịnh. Pāli: *avecca-pasāda*.

¹⁸ Bốn sự hành tích 四事行跡; bốn thông hành 四通行, xem *Pháp uẩn 3* (T26n1537, tr. 465a23): khổ trì thông hành 苦遲通行, khổ túc thông hành

lạc mà sở hành nhanh chóng; có hành tích khổ mà sở hành ngu hoặc; có hành tích khổ mà sở hành nhanh chóng.

“Thế nào gọi là lạc hành tích, sở hành ngu hoặc? Hoặc có một người tham dục, sân giận, ngu si lừng lẫy, sở hành rất khổ không tương ưng với gốc của hạnh. Người ấy năm căn ngu tối không được lanh lợi. Thế nào là năm? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Nếu đem ý ngu để cầu tam-muội dứt hữu lậu, đấy gọi là lạc hành tích, độn căn đắc đạo.

“Thế nào gọi là hành tích lạc, sở hành nhanh chóng? Hoặc có một người không dục, không dâm, hằng tự giảm bớt tham dục không ân cần; sân hận, ngu si rất giảm thiểu. Năm căn lanh lợi, không buông lung. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn; đó là năm căn. Có được năm căn, thành tựu tam-muội, diệt tận hữu lậu thành vô lậu. Đó gọi là bằng lợi căn mà hành nơi đạo tích.

“Thế nào gọi là hành tích khổ, sở hành ngu hoặc? Hoặc có một người lòng dâm quá nhiều; sân giận, ngu si lừng lẫy. Người ấy sống với pháp này mà dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu. Đó gọi là khổ hành tích độn căn.

“Thế nào gọi là hành tích lạc, sở hành nhanh chóng? Hoặc có một người ít dục, ít dâm, không sân hận, cũng không khởi tưởng hành ba việc này. Lúc ấy, năm căn này không thiếu sót. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn,

苦速通行, lạc trì thông hành 樂遲通行, lạc tốc thông hành 樂速通行. Pāli, D 33 Saṅgīti (R.iii. 229): *Catasso paṭipadā- dukkhā paṭipadā dandhābhiññā, dukkhā paṭipadā khippābhiññā, sukhā paṭipadā dandhābhiññā, sukhā paṭipadā khippābhiññā*, bốn sự hành trì: hành trì khổ chứng trí chậm, hành trì; hành trì khổ, chứng trí nhanh; hành trì lạc, chứng trí chậm; hành trì lạc, chứng trí nhanh.

¹⁹ Ngu hoặc, ở đây được hiểu là chậm lụt.

tuệ căn; đó là năm. Người ấy bằng pháp này mà được tam-muội, dứt hữu lậu thành vô lậu. Đó gọi là khổ hành lợi căn.

“Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn hành tích này. Hãy tìm cầu phương tiện bỏ ba hành tích trước, vâng hành một hành sau. Vì có sao? Vì với khổ hành tích, khó đắc tam-muội. Khi đã đắc, liền thành đạo, tồn tại lâu ở đời. Vì sao thế? Chẳng thể đem lạc cầu lạc, do khổ mà sau mới thành đạo. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường dùng phương tiện thành tựu hành tích này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở thành La-duyệt, trong khu Ca-lan-đà, Trúc viên, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, bốn bà-la-môn cùng đắc ngũ thông, tu hành pháp lành, ở chung một chỗ, bàn luận với nhau rằng: “Lúc thần chết đến, chẳng tránh người mạnh khoẻ. Mỗi người hãy ẩn nấp khiến thần chết không biết chỗ đến.”

Sau đó, một bà-la-môn bay lên không trung, muốn được khỏi chết; nhưng tránh chẳng khỏi, mà chết ở không trung. Vị bà-la-môn thứ hai lặn xuống đáy biển lớn, muốn được khỏi chết, nhưng chết ở đó. Bà-la-môn thứ ba muốn khỏi chết, chui vào lòng núi Tu-di và chết trong đó. Bà-la-môn thứ tư chui xuống đất, đến biên tế kim cang, muốn được thoát chết, lại chết ở đó.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn xem thấy bốn bà-la-môn, mỗi người đều tránh chết mà thầy đều chết. Thế Tôn liền nói kệ:

Không phải hư không, biển,

*Không phải vào hang đá,
Không có địa phương nào,
Thoát khỏi không bị chết.²⁰*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở đây, này Tỳ-kheo, có bốn vị bà-la-môn, tụ tập một nơi, muốn được khỏi chết. Mỗi người quay tìm chỗ chạy mà không [668c01] khỏi chết. Một người ở hư không, một người vào biển lớn, một người vào lòng núi, một người xuống đất, đồng chết hết. Thế nên, các Tỳ-kheo, muốn được khỏi chết, nên tư duy bốn pháp bốn.²¹ Thế nào là bốn?”

“Tất cả hành vô thường; đó là pháp bốn thứ nhất, hãy niệm tưởng tu hành. Tất cả hành là khổ, đó là pháp bốn thứ hai, hãy nên tư duy. Tất cả pháp vô ngã; đây là pháp bốn thứ ba, hãy nên tư duy. Niết-bàn là diệt tận; đây là pháp bốn thứ tư, hãy nên cùng tư duy. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy cùng tư duy bốn pháp này. Vì sao thế? Vì sẽ thoát sanh, già, bệnh, chết, sầu lo não khổ. Đây là nguồn của khổ. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

²⁰ Dh. 128: *na antalikkhe na samuddamajjhe, na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa, na vijjatī so jagatippadeso, yatthaṭṭhitāṃ nappasaheyya maccu.*

²¹ Tứ pháp bốn 四法本, tức bốn pháp ẩn.

“Trời Tam thập tam có bốn vườn cảnh để ngắm. Chư thiên ở đó vui chơi hưởng vui ngũ dục. Bốn vườn gì? Vườn cảnh Nan-đà-bàn-na,²² vườn cảnh Tô sáp,²³ vườn cảnh Trú dạ,²⁴ vườn cảnh Tạp chủng.²⁵

“Trong bốn vườn có bốn ao tắm, ao tắm rất mát, ao tắm hương thơm, ao tắm nhẹ nhàng, ao tắm trong suốt. Thế nào là bốn? Ao tắm Nan-đà,²⁶ ao tắm Nan-đà đánh, ao tắm Tô-ma;²⁷ ao tắm Hoan duyệt.²⁸ Tỳ-kheo nên biết, trong bốn vườn có bốn ao tắm này khiến người thân thể thơm sạch, không có bụi bặm.

“Vi sao gọi là vườn Nan-đà-bàn-na? Nếu Trời Tam thập tam vào vườn Nan-đà-bàn-na, tâm tánh sẽ vui vẻ không dừng được; ở đó vui chơi, nên gọi là vườn Nan-đà-bàn-na.

“Vi sao gọi là vườn Tô sáp? Nếu Trời Tam thập tam vào trong vườn này, thân thể sẽ hết sức thô. Ví như mùa đông lấy hương bôi lên thân, thân hết sức thô, chẳng như lúc thường. Vì thế nên gọi là vườn Tô sáp.

Sao gọi là vườn Trú dạ? Khi Trời Tam thập tam vào trong vườn này, nhan sắc chư Thiên sẽ khác nhau, tạo bao nhiêu hình thể, ví như phụ nữ mặc các loại áo xiêm, chẳng giống lúc

²² Nan-đàn-ba-na 難檀槃那. Skt. (Pāli đồng): Nandana-vana. Xem *Trường 20*, kinh 30, phẩm Đào-lợi.

²³ Tô sáp 麤澀. Skt. Pārūṣya. (Pāli: Phārusa, Phārusaka). Xem *Trường 20*, dẫn trên.

²⁴ Trú dạ 晝夜. Theo giải thích đoạn sau, rõ ràng Hán dịch từ này sai. Skt. Caitrarati (Pāli: Cittalatā-vana; Cf. J.i. 204). Xem *Trường 20*, dẫn trên: Hoa lạc viên 畫樂園.

²⁵ Tạp chủng 雜種. Skt. Miśraka (Pāli: Missaka). Xem *Trường 20*, dẫn trên.

²⁶ Nan-đà dục trì 難陀浴池. Pāli: Nandā-pokkharāṇī, cf. J. 204. 205.

²⁷ Tô-ma 蘇摩.

²⁸ Hoan duyệt 歡悅.

thường. Đây cũng như thế. Nếu Trời Tam thập tam vào trong vườn sẽ trở thành các hình sắc không giống lúc thường. Vì thế nên gọi là vườn Trú dạ.

“Vi sao gọi là vườn Tạt chủng? Bảy giờ, các vị trời tôn quý nhất, và trời bậc trung và trời bậc thấp, khi vào trong vườn này đều trở thành giống nhau. Nếu là trời thấp nhất thì không được vào ba vườn kia. Ví như vườn của Chuyển luân Thánh vương vào, các vua khác không được vào vườn tắm rửa. Còn nhân dân chỉ có thể đứng xa nhìn. Đây cũng như thế, nếu chỗ Trời thần cao nhất vào tắm rửa, các Trời nhỏ khác không được vào. Thế nên, gọi là vườn Tạt chủng.²⁹

“Vi sao gọi là ao tắm Nan-đà? Nếu Trời Tam thập tam vào trong vườn này, lòng sẽ rất vui vẻ. Thế nên gọi là ao tắm Nan-đà.

“Vi sao gọi là ao tắm Nan-đà đánh? Nếu Trời Tam thập tam vào trong vườn này, từng cặp hai người nắm tay chà trên đỉnh đầu mà tắm. Ngay trong Thiên nữ cũng làm như thế. Do đó gọi là ao tắm Nan-đà đánh.

“Vi sao gọi là ao tắm Tô-ma? Nếu Trời Tam thập tam vào trong ao tắm này, bảy giờ, nhan mạo chư Thiên đều giống như người, không có đa dạng. Thế nên gọi ao tắm Tô-ma.

“Vi sao gọi là ao tắm Hoan duyệt? Nếu Trời Tam thập tam vào trong ao này sẽ đều không có lòng kiêu mạn cao thấp, tâm dâm giảm bớt, bảy giờ đồng nhất tâm mà tắm. Thế nên gọi là ao tắm Hoan duyệt.

“Đó là, này Tỳ-kheo, có nhân duyên này, có tên này.

²⁹ Văn Hán dịch đoạn này mâu thuẫn nhau. Nên hiểu, chỉ vườn Tạt chủng, chư thiên bình đẳng vào được hết. Ba vườn kia, tùy theo bậc lớn nhỏ.

“Nay trong Chánh pháp của Như Lai cũng lại như thế. Có tên bốn vườn. Thế nào là bốn? Vườn Từ, vườn Bi, vườn Hỷ, vườn Xả*. Đó là, Tỳ-kheo, trong chánh pháp Như Lai có bốn vườn này.

“Tại sao gọi là vườn Từ? Tỳ-kheo nên biết, do vườn Từ này mà sinh lên trời Phạm thiên; từ cõi trời Phạm thiên đó chết đi, sinh trong nhà hào quý, nhiều tiền lắm của, hằng có vui ngũ dục, an trú chưa từng rời mắt. Thế nên gọi là vườn Từ.

“Vì sao gọi là vườn Bi? Tỳ-kheo nên biết, nếu hay thân cận tâm bi giải thoát thì sinh cõi trời Phạm Quang Âm. Nếu sinh trở lại trong [69b01] loài người thì sinh nhà tôn quý, không có sân giận, cũng nhiều tiền lắm của. Vì thế nên gọi là vườn Bi.

“Vì sao gọi là vườn Hỷ? Nếu người hay thân cận vườn Hỷ thì sinh trời Quang âm. Nếu sinh trở lại trong loài người thì sinh nhà Quốc vương, lòng thường hoan hỷ. Vì thế nên gọi là vườn Hỷ.

“Vì sao gọi là vườn Xả*? Nếu người thân cận vườn xả thì sẽ sinh trời Vô tướng, thọ bốn vạn tám nghìn kiếp. Nếu lại sinh trong loài người thì sinh nhà ở chốn trung ương, cũng không sân hận, hằng xả³⁰ tất cả hành phi pháp. Vì thế nên gọi là vườn Xả.

“Tỳ-kheo nên biết, trong Chánh pháp Như Lai có bốn vườn này khiến các Thanh văn được dạo chơi trong ấy. Trong bốn vườn này của Như Lai có bốn hồ tắm để hàng Thanh văn của Ta tắm rửa, dạo chơi trong ấy, dứt hết hữu lậu thành tựu vô lậu, không còn trần cấu. Những gì là bốn? Hồ có tắm, có tứ; hồ tắm không

³⁰ Hán: Hộ, nghĩa không rõ bằng xả.

tâm, không tứ; hồ tẩm xả* niệm;³¹ hồ tẩm không khổ, không lạc.³²

Thế nào là hồ tẩm có tâm có tứ? Tỳ-kheo đắc sơ thiền, ở trong các pháp hằng có tâm tứ, tư duy pháp trừ bỏ kết sử triền cái, vĩnh viễn không còn dư tàn. Thế nên gọi có tâm có tứ.

Thế nào là hồ tẩm không tâm không tứ? Tỳ-kheo đắc nhị thiền, diệt có tâm có tứ, lấy thiền làm thức ăn. Vì thế gọi là không tâm không tứ.

Thế nào gọi là hồ tẩm xả* niệm? Tỳ-kheo đắc tam thiền³³, diệt có tâm có tứ; không tâm, không tứ, hằng xả* niệm tam thiền. Vì thế gọi là hồ tẩm xả niệm.

Thế nào gọi là hồ tẩm không khổ không lạc? Tỳ-kheo đắc tứ thiền³⁴, cũng không niệm lạc, cũng chẳng niệm khổ; cũng không niệm pháp quá khứ, vị lai, chỉ dụng tâm ở trong pháp hiện tại, thế nên gọi là hồ tẩm không khổ không lạc.

“Do vậy, này các Tỳ-kheo, trong Chánh pháp của Như Lai có bốn hồ tẩm này, để hàng Thanh Văn của Ta ở trong ấy tẩm rửa, diệt hai mươi một kết, qua biển sinh tử, vào thành Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu muốn qua biển sinh tử này, hãy tìm cầu phương tiện diệt hai mươi một kết, vào thành Niết-bàn. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy [669c01] học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

³¹ Hán kê ngược; đây là thiền thứ tư: xả niệm thanh tịnh địa. Xem cht. tiếp theo

³² Hán kê ngược thứ tự: đây là thiền thứ ba, ly hỷ diệu lạc địa. Xem cht. ngay trên.

³³ Xem cht. 30 trên.

³⁴ Xem cht. 31 trên.

KINH SỐ 6³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ví như bốn con rắn độc lớn hết sức hung bạo được bỏ chung trong một cái hộp. Nếu có người từ bốn phương đến, muốn sống, không muốn chết, muốn tìm vui không tìm khổ, chẳng ngu chẳng tối, tâm ý không rối loạn, không bị trói buộc, khi ấy, nếu vua hay đại thần của vua gọi người này bảo, ‘Nay có bốn con rắn độc lớn, hết sức hung bạo. Ông nên tùy thời nuôi nấng, tắm rửa chúng cho sạch; tùy thời cho ăn uống, đừng để thiếu thốn. Nay là lúc thích hợp, hãy đi mà làm đi!’

“Người kia trong lòng sợ hãi không dám tới thẳng trước, bèn bỏ chạy mà không biết chạy đường nào. Người kia lại được bảo rằng, ‘Nay ta sai năm người cầm đao kiếm theo sau ông. Nếu họ bắt được sẽ dứt mạng ông. Không được chậm trễ.’

“Người kia sợ bốn con rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, bèn phóng chạy tứ tung, không cần biết chạy đi đâu. Người kia lại được bảo rằng: ‘Nay ta lại sai sáu oan gia theo sau ông. Ai bắt được ông sẽ dứt mạng ông. Muốn làm gì hãy làm cho kịp thời!’

“Người kia sợ bốn con rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, lại sợ sáu oan gia, liền phóng chạy khắp nơi. Người kia khi thấy cái xóm hoang, muốn vào trong đó mà núp; nó gặp một căn nhà trống, gặp tường vách đổ, không có gì chắc chắn; nó thấy một cái ghe trống, hoàn toàn không có gì. Khi ấy có

³⁵ Tham chiếu Pāli, S 55 197 Āsivisopama (R.iv. 172).

người thân hữu với nó, muốn giúp đỡ nó cho khỏi nạn, liền bảo, ‘Xóm vắng này có nhiều giặc cướp, muốn làm gì thì cứ tùy ý.’

“Người kia đã sợ bốn rấn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, lại sợ oan gia, lại sợ cái xóm vắng, liền phóng chạy khắp nơi. Người ấy nhắm phía trước, thấy có con sông lớn, vừa sâu vừa rộng, cũng không có người và cầu đò để có thể qua được bờ kia, mà chỗ người ấy đứng lại nhiều giặc cướp hung ác. Lúc đó, người ấy nghĩ, ‘Sông này rất sâu rộng, nhiều giặc cướp, làm sao qua được bờ kia? Nay ta nên gom góp cây cối, cỏ rác làm bè, nung vào bè này mà [670a01] từ bờ bên đây qua đến bờ bên kia.’ Người ấy liền gom cây cỏ làm bè, rồi qua được bờ kia, chí không di động.

“Các Tỳ-kheo nên biết, nay ta lấy ví dụ, nên khéo suy nghĩ. Nói nghĩa này là có nghĩa gì?

“Bốn rấn độc là bốn đại. Những gì là bốn đại? Đó là đất, nước, gió, lửa. Đó là bốn đại.

“Năm người cầm kiếm tức năm thủ uẩn. Những gì là năm? Đó là sắc uẩn, thọ* uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

“Sáu oan gia là ái dục.

“Xóm vắng là sáu xứ bên trong.³⁶ Thế nào là sáu? Đó là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Nếu người có trí tuệ, khi quán mắt, thấy thấy đều trống không, không chỗ gì, hư dối, vắng lặng, không bền chắc. Khi quán tai, mũi, miệng, thân, ý, thấy đều trống không, đều rỗng lặng, cũng không bền chắc.

“Nước là bốn bộc lưu. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, vô minh bộc lưu, kiến bộc lưu.

³⁶ Nội lục nhập 內六入, tức sáu nội xứ.

“Bè lớn là tám đạo phẩm của Hiền Thánh. Thế nào là tám? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh tinh tấn, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, chánh định. Đó là tám đạo phẩm Hiền thánh.

“Muốn vượt qua nước là sức tinh tấn với phương tiện khéo léo. Bờ này là thân kiến.³⁷ Bờ kia là diệt thân kiến. Bờ này là quốc giới của vua A-xà-thế. Bờ kia là quốc giới của vua Tỳ-sa. Bờ này là quốc giới của Ba-tuần. Bờ kia là quốc giới của Như Lai.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Lúc ấy trong thành Xá-vệ, có một Ưu-bà-tắc vừa mạng chung và lại sinh trong nhà đại trưởng giả tại thành Xá-vệ. Vị phu phân lớn nhất mang thai. Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh không tỳ vết để xem; thấy Ưu-bà-tắc này sinh trong nhà trưởng giả giàu nhất thành Xá-vệ. Ngay ngày đó lại có bà-la-môn thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục. Thế Tôn cũng dùng thiên nhãn xem thấy. Cũng ngay ngày đó, trưởng giả Cấp Cô Độc mạng chung, sinh cõi thiện, lên trời. Thế Tôn cũng dùng thiên nhãn xem thấy. Ngay ngày hôm đó, cũng có một Tỳ-kheo [670b01] chứng nhập Niết-bàn, Thế Tôn cũng bằng thiên nhãn mà nhìn thấy.

Bấy giờ, Thế Tôn thấy bốn việc này rồi, liền nói kệ này:

³⁷ Thân tà 身邪, tức hữu thân kiến.

*Nếu người thọ bào thai,
Hành ác vào địa ngục;
Người lành sinh lên trời.
Vô lậu nhập Niết-bàn.*

*Nay người hiền thọ thai.
Bà-la-môn vào địa ngục.
Tu-đạt sinh lên trời.
Tỳ-kheo thì diệt độ.*

Bấy giờ, Thế Tôn rời tĩnh thất, đến giảng đường Phổ tập mà ngồi. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có bốn việc mà nếu người tu hành theo thì khi thân hoại mạng chung sẽ được sinh trong loài người. Thế nào là bốn? Người mà thân, miệng, ý và mạng thanh tịnh không tỳ vết, lúc mạng chung sẽ được sinh trong loài người.

“Này Tỳ-kheo, lại có bốn pháp mà ai tập hành, người đó sẽ vào trong địa ngục. Thế nào là bốn? Thân, miệng, ý, và mạng không thanh tịnh. Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn pháp này mà ai thân cận thì khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, lại có bốn pháp mà nếu ai tu tập hành theo thì sẽ sinh cõi lành, lên trời. Thế nào là bốn? Bồ thí, nhân ái, lợi người, đồng lợi.³⁸ Đó là, này Tỳ-kheo, ai hành pháp này, khi thân hoại mạng chung sẽ sinh cõi lành, lên trời.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, lại có bốn pháp nếu ai tập hành theo, khi thân hoại mạng chung, diệt tận hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh nữa. Thế nào là bốn? Thiên có tâm có tứ; thiên không tâm, không tứ;

³⁸ Bốn nhiếp sự: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

Tăng nhất A-hàm

xả* niệm; thiên khổ lạc diệt.³⁹ Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn pháp này, nếu ai tu tập thực hành theo đó thì sẽ diệt tận hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh nữa.

“Thế nên, này các Tỳ-kheo, thiện gia nam tử trong bốn bộ chúng, muốn sinh trong loài người, hãy tìm cầu phương tiện hành thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh. Nếu muốn được sinh lên cõi trời, cũng hãy tìm cầu phương tiện hành bốn ân huệ.⁴⁰ Nếu muốn được hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, cũng hãy tìm cầu phương tiện hành bốn thiên. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo [670c01] nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ngoài thành Tỳ-xá-ly, trong một khu rừng. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa, lúc Ta chưa thành đạo, lúc ấy, Ta sống trong núi Đại úy.⁴² Nếu ai có lòng dục hay không lòng dục mà vào trong núi này, taòn thân lông dựng ngược. Lại gặp lúc quá nóng nực, sóng nắng tung hoành, Ta cỡi trần mà ngồi, ban đêm thì vào rừng sâu. Lúc trời quá lạnh, gió mưa dồn dập thì ban ngày Ta

³⁹ Xem cht. 30 * 31, kinh số 5 phẩm 31.

⁴⁰ Bốn nhiếp sự.

⁴¹ Tham chiếu Pāli, M 12 Mahāsīhanādasutta (R. i. 68).

⁴² Đại úy sơn. Pāli, ibid. tr. 79: *aññataraṃ bhīṃsanakaṃ vanasaṇḍaṃ*, vào một khu rừng rậm hải hùng; không phải danh từ riêng.

vào trong rừng, ban đêm ngủ ngoài trời. Bấy giờ, Ta hay tụng một bài kệ mà xưa chưa từng nghe, chưa từng thấy:

*Lạnh lẽo, đêm nghỉ
Trong núi Đại úy;
Thân thể cõi trần:
Ta đã thệ nguyện.*⁴³

“Hoặc Ta đến gò mả để lấy áo người chết che mình. Bấy giờ, có người xóm Ân-trá⁴⁴ đến lượm nhánh cây đâm vào tai Ta hay thọc vào mũi Ta. Có người khạc nhổ, có người đi tiểu hoặc lấy đất bôi lên mình Ta. Nhưng Ta trọn không nghĩ gì về họ. Lúc ấy, Ta có tâm xả này.

“Bấy giờ, tại chỗ chuồng bò, nếu thấy phân bê, Ta liền lấy ăn. Nếu không có phân bê, Ta liền ăn phân bò. Khi ăn món này, Ta nghĩ: ‘Nay ăn để làm gì? Hãy nhìn trọn ngày.’ Lúc Ta nghĩ vậy, chư thiên đến chỗ Ta bảo, ‘Nay Ngài chớ nhìn ăn nữa. Nếu Ngài nhìn, tôi sẽ đem cam lồ, tinh khí giúp Ngài sống.’ Ta lại nghĩ: ‘Đã nhìn ăn sao lại để chư thiên đem cam lồ cho Ta? Đó là sự dối trá.’ Rồi Ta lại nghĩ: ‘Nay Ta có thể ăn các thứ mè, gạo bỏ dư.’ Bấy giờ, mỗi ngày Ta ăn một hạt mè, một hạt gạo, thân hình liệt nhược, xương cốt dính nhau. Trên đỉnh đầu mọc mụn nhọt, da thịt rơi rớt. Ví như trái bầu khô vỡ, không lành lặn, đầu Ta lúc ấy cũng thế, trên đỉnh mọc nhọt, da thịt rơi rớt, do không ăn. Cũng như tinh tú hiện trong giếng sâu; lúc ấy, mắt Ta cũng thế, đều vì không ăn. Ví như xe cũ [671a01] hư nát, thân Ta cũng thế, tất cả đều hư hỏng không thể theo ý mình. Cũng như dấu chân lạc đà, hai xương cùng của Ta cũng thế.

⁴³ Pāli, *ibid.*, *esanāpasuto munī”ti.*, ân sỹ (mâu-ni) với ước nguyện nhiệt thành.

⁴⁴ Ân-tra thôn nhon. Pāli, *ibid.* *gāmaṇḍala*, bọm mục đồng. Nhưng Hán đọc là *Aṇḍalaḡāma*, đảo âm vận.

Nếu khi Ta lấy tay đè bụng, liền đụng xương sống. Nếu lúc đè xương sống, liền đụng da bụng. Thân thể ốm yếu đều vì không ăn. Bây giờ, Ta đã dùng một hạt mè, một hạt gạo làm thức ăn mà trọn vô ích, chẳng được pháp thượng tôn. Nếu muốn đại, tiểu tiện, Ta liền té xuống đất, không tự đứng lên được.

“Bây giờ, chư thiên trông thấy liền nói, ‘Sa-môn Cù-đàm đã diệt độ!’ Lại có chư thiên nói, ‘Sa-môn này chưa chết, nay ắt phải chết.’ Có chư thiên lại nói, ‘Sa-môn này không phải chết! Sa-môn này thực là A-la-hán. Pháp La-hán thường có khổ hành này.’”

“Bây giờ, Ta còn thần thức, biết được chuyện bên ngoài. Ta lại nghĩ: ‘Nay lại nhập vào thiền không hơi thở.’ Và Ta liền nhập vào thiền không hơi thở, đếm hơi thở ra vào. Ta do đếm hơi thở ra vào, giác biết có hơi từ lỗ tai ra. Khi ấy, tiếng gió như tiếng sấm. Ta lại nghĩ: ‘Nay Ta ngậm miệng, bịt tai cho hơi thở không ra.’ Hơi thở vì không ra được, khi đó hơi thở theo chân và tay mà ra. Giả sử khi hơi không ra từ tai, mũi, miệng, bây giờ, bên trong như tiếng sấm rền. Ta cũng thế, khi ấy thần thức vẫn còn chuyển theo thân.

Ta lại nghĩ: ‘Ta hãy nhập lại thiền nín thở.’ Khi ấy, Ta phong bế hết các lỗ thở. Ta vì phong bế các hơi thở ra vào, đầu trán liền đau nhức như có người lấy dùi mà dùi đầu. Ta cũng vậy, đầu đau rất khổ sở.

“Bây giờ, Ta vẫn còn thần thức. Ta lại nghĩ: ‘Nay Ta nên ngồi [671b01] thiền, dứt hơi thở, không cho hơi thở ra vào.’ Khi ấy, Ta liền bít hơi thở ra vào. Các hơi thở dồn xuống bụng. Lúc hơi thở chuyển động hết sức nhỏ nhiệm, như đồ tể cầm đao giết bò, Ta cũng vậy, hết sức đau đớn. Cũng như một người yếu đuối bị hai người mạnh khỏe nắm lấy đem nướng trên lửa, đau đớn

chịu không nổi. Ta cũng vậy, khổ đau này không thể trình bày đầy đủ.

“Bấy giờ, Ta vẫn có thân thức. Ngày ngày Ta ngồi thiền, thân thể không có màu sắc giống người. Có người trông thấy nói, ‘Sa-môn này có màu da quá đen.’ Có người thấy nói, ‘Sa-môn này có da như màu chàm.’⁴⁵

“Tỳ-kheo, nên biết, trong sáu năm tu hành khổ hạnh này mà chẳng được phép thượng tôn, bấy giờ, Ta nghĩ: ‘Nay Ta nên ăn mỗi ngày một trái cây.’ Ta liền ăn một trái. Khi Ta ăn ngày một trái, thân hình yếu đuối, không thể tự đi đứng, như một trăm hai mươi tuổi, đốt xương rời rạc, chẳng thể nâng đỡ. Tỳ-kheo nên biết, một quả khi ấy bằng một trái táo nhỏ bây giờ. Bấy giờ, Ta lại nghĩ: ‘Đây chẳng phải căn bản Ta thành đạo. Hẳn phải có con đường khác.’

“Ta lại nghĩ: ‘Ta nhớ lại ngày xưa ở dưới gốc cây của Phụ vương, không dâm, không dục,⁴⁶ trừ bỏ pháp ác bất thiện, nhập sơ thiền. Không tầm không tứ, nhập nhị thiền.⁴⁷ Xả⁴⁸ niệm thanh tịnh, không có các tướng, nhập tam thiền.⁴⁹ Không khổ lạc, xả niệm thanh tịnh,⁵⁰ nhập tứ thiền. Có thể đây là đạo. Nay Ta nên tìm đạo này.’

“Trong sáu năm, Ta cầu đạo cần khổ mà không thành tựu, hoặc nằm trên gai góc, hoặc nằm trên ván đóng đinh sắc, hoặc treo

⁴⁵ Đề bản: tợ chung 似終, như người chết. TNM: tợ lục, như màu xanh lục.

⁴⁶ Vô dâm vô dục, trạng thái ly dục của sơ thiền; Hán dịch điệp từ.

⁴⁷ Hán dịch có thể khoa đại. Bấy giờ thái tử Tá-đạt-đa chỉ có thể chứng đắc sơ thiền thôi.

⁴⁸ Đề bản nháy sót.

⁴⁹ Xem cht. 30 & 31 kinh 5 phẩm 31.

⁵⁰ Trong bản Hán: ý niệm thanh tịnh. Bản Hán này lẫn lộn thiền thứ ba và thứ tư.

Tăng nhất A-hàm

thân thể cách xa mặt đất, hai chân ở trên, đầu chúc xuống, hoặc tréo chân, ngồi chồm hổm, hoặc để râu tóc dài không hề cạo hót, hoặc ngày phơi lửa thiêu đốt, hoặc thời tiết đông lạnh ngồi trên băng, thân thể chìm trong nước, hoặc lặng lẽ không nói, hoặc có lúc một ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày ăn một bữa, hoặc ba ngày một bữa, hoặc bốn ngày một bữa, cho đến bảy ngày một bữa, hoặc ăn rau trái, hoặc ăn lúa mè, hoặc ăn rễ cỏ, hoặc ăn trái cây, hoặc ăn hương hoa, hoặc ăn các thứ quả, củ. Có lúc ở trần, có lúc mặc y rách nát, hoặc đắp y bằng cỏ gấu, hay đắp y lông da, có lúc lấy tóc người che thân, có lúc để tóc dài, có lúc lấy tóc người khác đội thêm.

“Nhu thế Tỳ-kheo, khi xưa Ta khổ hạnh đến như vậy mà chẳng thu hoạch được căn bản của bốn pháp. Thế nào là bốn? Nghĩa là giới luật Hiền thánh khó tỏ, khó biết; trí tuệ Hiền thánh khó tỏ, khó biết; giải thoát Hiền Thánh, khó tỏ, khó biết; tam-muội Hiền thánh⁵¹ khó tỏ, khó biết. Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn pháp này. Xưa Ta khổ hạnh chẳng được cốt yếu này.

“Bấy giờ, Ta lại nghĩ, ‘Nay Ta cần phải [671cb01] tìm cầu được đạo vô thượng. Thế nào là đạo vô thượng? Đó là hướng về bốn pháp này: Giới luật Hiền thánh, tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh, giải thoát Hiền thánh.’

“Rồi Ta lại nghĩ, ‘Chẳng thể đem thân ốm yếu này mà cầu đạo thượng tôn. Ta nên ăn chút ít để được khí tinh vi, nuôi nâng thân thể, khí lực mạnh mẽ. Sau đó mới tu hành đắc đạo.’

“Ngay khi Ta ăn chút ít, được khí tinh vi, năm Tỳ-kheo bỏ Ta mà đi, ‘Sa-môn Cù-đàm này tánh hạnh thác loạn, bỏ chân pháp theo nghiệp tà.’

⁵¹ Đoạn hán này kể đạo ngược thứ tự: giới, định, tuệ, giải thoát. Xem tiếp đoạn kế chánh văn.

“Lúc đó, Ta từ chỗ ngồi đứng dậy, kinh hành theo hướng đông. Ta lại nghĩ, ‘Chỗ thành đạo của hăng sa chur Phật đời quá khứ là ở đâu?’ Ngay khi ấy, phía trên Ta, có thiên thần đứng giữa hư không, nói với Ta rằng, ‘Hiền sỹ, nên biết, hăng sa chur Phật quá khứ ngồi dưới bóng mát cây đạo thọ mà thành Phật.’ Rồi Ta lại nghĩ, ‘Ngồi chỗ nào mà được thành Phật?’ Chur thiên lại bảo Ta, ‘Quá khứ hăng sa chur Phật ngồi trên đệm cỏ, rồi sau đó mới thành Phật.’”

“Khi ấy, cách Ta không xa, có bà-la-môn Cát Tường cắt cỏ một bên. Ta liền đến đó hỏi, ‘Ông là ai? Tên gì? Có họ gì?’ Bà-la-môn đáp, ‘Tôi tên Cát Tường,⁵² họ Phát tinh.’⁵³”

“Ta bảo người ấy, ‘Lành thay, lành thay! Tên họ như thế rất hiếm có trên đời. Họ tên không dối mới thành hiệu này. Cầu mong cho ông đời hiện tại tốt lành, không điều gì bất lợi, trừ sạch sanh, già, bệnh, chết. Ông họ Phát tinh, thật phù hợp với Ta. Nay Ta muốn xin ít cỏ.’ Cát Tường hỏi, ‘Củ-đàm dùng cỏ để làm gì?’ Ta đáp Cát Tường, ‘Ta muốn trải dưới cây Thọ vương để cầu bốn pháp. Thế nào là bốn? Đó là giới luật Hiền thánh, tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh, giải thoát Hiền thánh.’”

“Tỳ-kheo nên biết, bây giờ Cát Tường tự thân đem cỏ trải dưới cây Thọ vương. Rồi Ta ngồi lên, chính thân, chính ý, ngồi kiết già, buộc niệm ở trước. Bây giờ, tâm ý Ta cởi bỏ tham dục, trừ các ác pháp, có tầm có tứ, nhập sơ thiền. Trừ diệt có tầm có tứ,

⁵² Cát Tường 吉祥, tên người cắt cỏ theo Pāli: Sotthiya.

⁵³ Phát tinh 弗星, sao Phát, Skt. Puṣya(nakṣatra), sao Quỷ trong 28 tú; khoảng tháng 6 dương lịch. *Trường A-hàm*, phần kết: Phật thành đạo vào tháng Phát tinh.

tâm nhập nhị thiên, tam thiên; xả* niệm thanh tịnh, ưu hỷ trừ sạch, tâm nhập tứ thiên⁵⁴.

“Bấy giờ, Ta với tâm thanh tịnh, [672a01] trừ các kiết sử, đắc vô sở úy, tự biết túc mạng biến đổi vô số. Ta liền tự nhớ việc vô số đời, hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn, năm đời, mười đời, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm đời, nghìn đời, trăm nghìn, vạn đời; kiếp thành kiếp hoại, vô số kiếp thành, vô số kiếp hoại, vô số kiếp thành hoại. Ta từng chết đây, sinh kia; từ kia mạng chung đến sinh nơi này; nguồn gốc nhân duyên gốc ngọn. Ta nhớ việc vô số đời như thế.

“Ta lại bằng thiên nhãn thanh tịnh, không tỳ vết, quán chúng sanh, kẻ sinh, người chết, cõi lành sắc lành, cõi ác sắc ác, hoặc đẹp hay xấu tùy hành nghiệp từ trước, Ta thấy đều biết rõ. Hoặc có chúng sanh do thân, miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, tạo gốc nghiệp tà, tương ưng với tà kiến, thân hoại mạng chung, sinh trong địa ngục. Hoặc có chúng sanh do thân, miệng, ý hành thiện không phỉ báng Hiền thánh, tương ưng với chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh ở nhân gian. Đó là chúng sanh mà thân, miệng, ý không có tà nghiệp.

“Ta do tâm tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh, liền thành vô thượng Chánh chơn.

“Này các Tỳ-kheo, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn rõ biết các nẻo⁵⁵, nhưng những nẻo đường này, vốn ngày xưa Ta chưa có đường nào chẳng đi, chỉ trừ chưa hề một lần sinh lên trời Tịnh cư vì ở đó không còn tái sinh trở lại cõi này. Hoặc với một số

⁵⁴ Để bản, nhảy sót tam thiên. Xem kinh 1, phẩm 12; kinh 5 phẩm 31.

⁵⁵ Chư thú, các nẻo đường tái sinh.

Sa-môn, Bà-la-môn, đó là chỗ đáng tái sinh nhưng Ta chẳng sinh, vì không thích hợp. Vì đã sinh lên trời Tịnh cư thì không còn trở lại thế gian này nữa.

“Các người đã đạt được giới luật Hiền thánh, Ta cũng đạt được. Các người đạt được tam-muội Hiền thánh, Ta cũng đạt được. Các người đạt được giải thoát Hiền thánh, Ta cũng đạt được. Các người đạt được giải thoát tri kiến Hiền thánh, Ta cũng đạt được. Ta đã cắt đứt gốc rễ bào thai, sinh tử đã hết hẳn, không còn tái sinh.

“Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy cầu phương tiện thành tựu bốn pháp. Vì sao thế? Vì nếu Tỳ-kheo nào được bốn pháp này thì thành đạo không khó. Như ngày nay, Ta thành Đạo vô thượng Chánh chơn đều do bốn pháp này mà được thành quả. Như thế, các Tỳ-kheo, [672b01] hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Quá khứ lâu xa, Trời Tam thập tam là Thích Đề-hoàn Nhân cùng các ngọc nữ đến vườn Nan-đà-bàn-na dạo chơi. Có một vị trời làm kệ:

*Không thấy vườn Nan-đàn,
Thì chẳng biết có vui.
Các chỗ chư thiên ở,
Không đâu hơn nơi này.*

Bấy giờ, có vị trời khác bảo vị trời ấy rằng:

“Ông không có trí, không biết phân biệt chánh lý. Vật ưu khổ mà ngược lại cho là vui. Vật không bền chắc mà nói là bền. Vật vô thường nói ngược là thường. Vật không lõi chắc lại nói lõi chắc. Vì sao thế? Ông há không nghe Như Lai nói kệ sao?

*Tất cả hành vô thường.
Có sanh tất có chết.
Chẳng sanh thì không chết;
Diệt này là vui nhất.*

“Đã có nghĩa này, lại có kệ này. Sao ông nói cõi này vui nhất? Nay ông nên biết, Như Lai cũng nói pháp bốn bực lưu. Nếu chúng sanh chìm trong những dòng lũ này, trọn chẳng đắc đạo. Những gì là bốn? Nghĩa là dục bực lưu, hữu bực lưu, kiến bực lưu, vô minh bực lưu.

“Thế nào gọi là dục bực lưu? Đó là năm dục. Những gì là năm? Mắt thấy sắc khởi thức tưởng của mắt; tai nghe tiếng khởi thức tưởng của tai, mũi ngửi mùi khởi thức tưởng của mũi, lưỡi nếm vị khởi thức tưởng lưỡi, thân biết xúc chạm khởi thức tưởng thân. Đó gọi là dục bực lưu.

“Thế nào là hữu bực lưu? Đó là ba hữu. Thế nào là ba? Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Đó là hữu bực lưu.

“Thế nào gọi là kiến bực lưu? Chấp thế gian là thường, vô thường; thế gian là hữu biên, vô biên; có thân, có mạng; chẳng phải thân, chẳng phải mạng; Như Lai có chết, Như Lai không chết, hoặc Như Lai vừa chết Như Lai không chết, không phải Như Lai vừa chết cũng không phải Như Lai không chết. Đó gọi là kiến bực lưu.

“Thế nào là [72c01] vô minh bực lưu? Vô minh là không biết, không tin, không thấy; tâm ý tham dục, hằng mong cầu và có ngũ cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thù miên cái, trạo cử cái,

nghi cái. Lại chẳng biết khổ, chẳng biết tập, chẳng biết diệt, chẳng biết đạo. Đó gọi là vô minh bực lưu.

“Thiên tử nên biết, Như Lai nói bốn dòng lũ này. Nếu có ai chìm vào đây thì chẳng thể đắc đạo.

“Bấy giờ, vị trời kia nghe lời này xong, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ trời Tam thập tam biến mất, đi đến chỗ Ta, cúi lạy rồi đứng một bên. Trời ấy bạch với Ta:

“Lành thay, Thế Tôn, khéo nói nghĩa này: Như Lai đã nói bốn dòng lũ. Nếu phàm phu chẳng nghe bốn dòng lũ này thì chẳng được bốn an lạc. Thế nào là bốn? Đó là lạc do an chi,⁵⁶ lạc chánh giác, lạc của Sa-môn, lạc Niết-bàn. Nếu phàm phu chẳng biết bốn dòng lũ này thì chẳng được bốn an lạc này.

Nói vậy xong, Ta lại bảo:

“Thật vậy, Thiên tử, như lời ông nói, nếu không biết được bốn dòng này thì không biết được bốn an lạc này.

“Rồi Ta tuần tự nói các đề tài cho vị trời kia, đề tài về thí, đề tài về giới, đề tài về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, xuất yếu là an lạc.

“Bấy giờ, vị trời ấy đã phát tâm hoan hỷ, Ta liền diễn nói rộng về pháp bốn dòng lũ và nói về bốn an lạc. Khi ấy, vị trời kia chuyên tâm nhất ý tư duy pháp này, sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Nay Ta cũng nói bốn pháp, bốn lạc này, để được pháp bốn đề. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

⁵⁶ Phục tức 伏息, hay tô tức 蘇息, sự điều phục hơi thở; chi trạng thái an ổn của A-la-hán. Pāli: *Assānīya-dhamma*.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu tướng vô thường, nên quảng bá tướng vô thường. Đã tu tướng vô thường, quảng bá tướng vô thường thì đoạn ái dục giới, ái sắc giới, ái vô sắc giới, đoạn tận vô minh, đoạn tận kiêu mạn. Ví như đốt cháy cây cỏ, tất cả đều dập tắt hết. Đây cũng vậy, nếu tu tướng vô thường thì đoạn trừ hết tất cả kết sử. Vì sao thế?

“Ngày xưa rất lâu, có một thiên tử đem năm trăm ngọc nữ, theo nhau kẻ trước người sau, đến dạo chơi trong vườn Nan-đàn-bàn-na, chơi đùa dần dần đến dưới cây Ca-ni, [673a01] hưởng thú ngũ dục. Rồi thiên tử kia leo lên cây chơi, hái hoa, tâm ý rối loạn, rơi xuống cây mà chết. Ông sinh trong nhà Trưởng giả lớn trong thành Xá-vệ này. Bấy giờ, năm trăm ngọc nữ đấm ngực kêu gào không ngớt. Ta dùng thiên nhãn trông thấy thiên tử chết sinh trong nhà đại trưởng giả, trong thành Xá-vệ. Qua tám chín tháng sinh một bé trai xinh đẹp vô song, như màu hoa đào. Con trưởng giả dần dần khôn lớn. Cha mẹ liền tìm vợ cho nó. Cưới vợ chưa bao lâu, nó lại chết, sanh trong biển lớn làm thân rồng. Bấy giờ, trong nhà trưởng giả kia, cả nhà đều kêu khóc đau đớn rất thương tâm. Rồng ấy lại bị chim cánh vàng ăn thịt, chết sinh trong địa ngục, Bấy giờ, các long nữ lại thiết tha thương nhớ vô tả.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Trời kia lúc hái hoa,
Tâm ý loạn không an,
Như nước trôi thôn xóm,*

Tất chìm không vớt được.

*Bấy giờ chúng ngọc nữ,
Vây quanh mà khóc lóc,
Mặt mày rất xinh đẹp,
Yêu hoa mà mạng chung.*

*Loài người cũng than khóc,
Mất khúc ruột của ta.
Vừa bụng lại mạng chung.
Bị vô thường tan hoại.*

*Long nữ theo sau tìm,
Các rồng đều tụ tập,
Bảy đầu thật dũng mãnh;
Bị chim cánh vàng hại.*

*Chư thiên cũng ưu sầu.
Loài người cũng như thế.
Long nữ cũng sầu ưu.
Địa ngục chịu đau khổ.*

*Diệu pháp bốn đế này
Mà chẳng biết như thật.
Có sinh thì có chết,
Chẳng thoát biển sông dài.*

*Thế nên hãy khởi tưởng,
Tu các pháp thanh tịnh;
Tất sẽ lìa khổ não;
Lại chẳng bị tái sinh.*

“Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nên tu hành tướng vô thường, quảng bá tướng vô thường, sẽ đoạn dục ái, sắc ái, vô sắc ái, cũng đoạn kiêu mạn, đoạn tận vô minh không dư tàn. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11

[673b01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đệ tử Tôn giả Mục-liên và đệ tử Tôn giả A-nan, hai người nói chuyện:

“Hai chúng ta đồng tụng kinh xem ai hay hơn!”

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo nghe hai người thảo luận, bèn đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, rồi ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Nay có hai người bàn luận: ‘Hai chúng ta cùng tụng kinh xem ai hay!’”

Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi đi gọi hai Tỳ-kheo ấy đến đây.”

Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn!”

Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đến hai người kia bảo họ:

“Thế Tôn cho gọi hai ông.”

Hai người nghe Tỳ-kheo nói, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo hai người:

“Các người ngu si! Các người thực có nói: ‘Chúng ta cùng tụng kinh xem ai hay hơn’ không?”

Hai người đáp:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Các người có nghe Ta nói pháp này: ‘Hãy cạnh tranh với nhau chắng?’ Pháp như thế đâu khác bà-la-môn?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Con chẳng nghe Như Lai nói pháp này.”

Thế Tôn bảo:

“Ta do không thuyết pháp này cho Tỳ-kheo, vì vậy mà các người tranh hơn thua chắng? Nhưng Pháp mà Ta thuyết hôm nay là muốn có người được hàng phục, có người được giáo hoá. Tỳ-kheo nào lúc thọ lãnh pháp, hãy nhớ suy nghĩ bốn duyên, xem có tương ưng với Khế kinh, A-tỳ-đàm, Luật không? Nếu tương ưng, hãy nhớ vâng làm.”

Bây giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Tụng nhiều việc vô ích;
Pháp này chẳng phải hay,
Như đi đếm số bò,
Chẳng thiết yếu Sa-môn.⁵⁷*

*Nếu tụng tập chút ít,
Nhưng thực hành theo pháp;
Pháp này là trên hết,
Đáng gọi pháp Sa-môn.⁵⁸*

*Tuy tụng đến nghìn chương,
Không nghĩa đâu ích gì?
Chẳng bằng tụng một câu
Nghe xong đắc đạo được.⁵⁹*

Tuy tụng đến nghìn lời

⁵⁷ Cf. Dhp. 19.

⁵⁸ Cf. Dhp. 20.

⁵⁹ Cf. Dhp. 101.

*Không nghĩa đâu ích gì?
Chẳng bằng tụng một nghĩa
Nghe xong đắc đạo được.⁶⁰*

*Dấu tại bãi chiến trường,
Thắng nghìn nghìn quân địch;
Tự thắng mình tốt hơn:
Chiến thắng thật tối thượng.⁶¹*

“Thế nên, này các Tỳ-kheo, từ nay về sau chớ nên tranh tụng, chớ có tâm hơn thua. Vì sao thế? Hãy nghĩ hàng phục tất cả mọi người. Nếu Tỳ-kheo có tâm hơn thua, tâm tranh tụng nhau mà cùng cạnh tranh thì phải lấy pháp luật mà trị. Tỳ-kheo, vì thế hãy tự tu hành.”

Hai Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy Thế Tôn sám hối:

“Từ nay về sau, chúng con không làm vậy nữa. Cúi xin Thế Tôn nhận lời con hối lỗi.” Thế Tôn bảo:

“Trong đại pháp, các người đã chịu sửa lỗi, tự biết có tâm cạnh tranh. Ta nhận sự hối lỗi của các người. Các Tỳ-kheo, chớ nên thế nữa. Như thế, các Tỳ-kheo hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Tăng thượng, toạ, hành tịch,
Vô tình, vườn quán, hồ,
Vô lậu, vô tức, thiên,
Bốn lạc, không tranh tụng.⁶²*

⁶⁰ Cf. Dhp. 100.

⁶¹ Cf. Dhp. 103.

⁶² Bản Hán, hết quyển 23.

NĂM PHÁP

32. PHẨM THIỆN TỰ

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay, Ta sẽ nói về tុ thiện, các ngươi hãy suy nghĩ kỹ”.

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Sao gọi pháp ấy là tុ thiện? Đó là năm căn. Thế nào là năm căn? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm căn này. Nếu có Tỳ-kheo nào tu hành năm căn, liền thành Tu-đà-hoàn được pháp bất thối chuyển, ắt thành đạo chí thượng. Tu hành thêm nữa sẽ thành tុ Tu-đà-hàm, tái sinh đời này một lần rồi dứt sạch mé khổ kia. Tiến tới đạo này nữa, sẽ thành tុ A-na-hàm, không còn tái sinh đời này, liền nhập Bát-niết-bàn. Chuyển tiến tu hành, diệt tận hữu lậu, [674a01] thành tុ vô lậu tâm giải thoát, huệ giải thoát, tុ thân tác chứng, mà tុ an trú, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa.”

“Gọi là tុ thiện, chính là năm căn. Vì sao vậy? Vì đây là tុ lớn nhất, là vi diệu trong các tុ. Nếu ai không hành pháp này thì

không thành tựu Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác. Nếu ai đạt được năm căn này liền có bốn quả, đạo ba thừa. Nói về tu thiện, năm căn này là trên hết.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về tu bất thiện, các người hãy suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sao gọi chúng là tu bất thiện²? Đó là năm triền cái.³ Sao gọi là năm? Là tham dục, sân hận, thùy miên, trạo cử, nghi. Đó gọi là năm triền cái. Ai muốn biết tu bất thiện, thì đây gọi là năm triền cái. Vì sao vậy? Các Tỳ-kheo nên biết, vì nếu có năm triền cái, liền có phần súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Các pháp

¹ Tương đương Pāli, A V 52 Akusalarāsisutta (R. iii. 64).

² Bất thiện tụ 不善聚. Pāli: *akusalarāsi*.

³ Ngũ cái 五蓋: Tham dục cái 貪欲蓋, sân nhuế cái 瞋恚蓋, thùy miên cái 睡眠蓋, điệu hý cái 調戲蓋, nghi cái 疑蓋. Pāli, *ibid.*, *pañca nīvaraṇā: kāmaccandanīvaraṇaṃ, byāpādanīvaraṇaṃ, thinamiddhanīvaraṇaṃ, uddhaccakukkuccanīvaraṇaṃ, vicikicchānīvaraṇaṃ.*

bất thiện đều do đây phát sanh. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ các triền cái là tham dục, sân hận, thùy miên, điều hối, nghi. Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Sau khi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thừa sự, lay Phật có năm công đức. Những gì là năm? Một là xinh đẹp, hai là tiếng hay, ba là lắm tiền nhiều của, bốn là sanh nhà trưởng giả, năm là chết sanh lên trời, các cõi lành. Vì sao vậy? Vì Như Lai không ai sánh bằng. Như Lai có tín, có giới, có vãng, có tuệ, có sắc thiện thành tựu, cho nên thành tựu năm công đức.

“Lại nữa, vì nhân duyên gì lay Phật mà được xinh đẹp? Chính do [674b01] vì thấy hình ảnh Phật mà phát tâm hoan hỷ, vì lý do này nên được xinh đẹp.

“Lại, vì nhân duyên gì được âm thanh hay? Nhờ thấy hình ảnh Như Lai, đã tự xưng hiệu niệm ba lần, ‘Nam mô Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác.’ Vì lý do này nên được âm thanh hay.

“Lại, vì nhân duyên gì mà được lắm tiền nhiều của? Do thấy Như Lai mà bố thí lớn, rải hoa, đốt đèn và thí những vật khác. Vì nhân duyên này được nhiều của báu.

“Lại, vì nhân duyên gì sanh nhà trưởng giả? Khi thấy thân Như Lai, tâm không đắm nhiễm, gối phải quỳ sát đất, chấp tay chí tâm lay Phật, do nhân duyên này sanh nhà trưởng giả.

“Lại, vì nhân duyên gì thân hoại mạng chung sanh lên trời, cõi lành? Theo thường pháp của chư Phật Thế Tôn, những chúng sanh nào đem năm duyên sự lạ Như Lai liền sanh lên trời, cõi lành.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm nhân duyên này, lạ Phật có năm công đức. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn lạ Phật, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu năm công đức này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Giống như căn nhà có hai cửa đối nhau, có người đứng ở trong, lại có người đứng ở trên quan sát bên dưới, người ra vào, đi lại đều biết thấy tất cả. Cũng như vậy, Ta bằng thiên nhãn nhìn các loại chúng sanh, sanh ra, chết đi, vào cõi lành, cõi ác, sắc lành, sắc ác, hoặc tốt, hoặc xấu, tùy theo hành vi được gieo trồng; thấy đều biết tất cả.

“Lại, nếu có chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không phi báng Hiền Thánh, hành chánh kiến tương ưng

⁴ Tham chiếu Pāli, M 130 Devadūta (R. iii. 178). Hán, *Trung 12*, kinh 64 Thiên sứ.

với chánh kiến,⁵ khi chết sanh lên trời, cõi lành. Đó gọi là chúng sanh làm thiện.

“Lại, nếu có chúng sanh hành pháp thiện này, không làm hành vi ác, khi chết sanh lại trong loài người.

“Lại, nếu có chúng sanh mà thân, miệng, ý làm ác, tạo hành vi bất thiện, sau khi chết sanh trong ngục quỷ.

“Hoặc lại có chúng sanh mà thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền Thánh, tương ứng với tà kiến, sau khi chết sanh trong súc sanh.

“Hoặc lại có chúng sanh mà thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền [674c01] Thánh, sau khi chết sanh vào địa ngục. Khi ấy, ngục tốt dẫn tội nhân này đến trình Diêm-la vương và nói: ‘Đại vương nên biết, người này đời trước có thân, ý tạo ác, làm các ác hành, đã sanh vào địa ngục này. Đại vương nên xử, nên trị người này về tội gì?’

“Khi ấy Diêm vương liền lần lượt hỏi riêng tội kia của người ấy, bảo người ấy, ‘Thế nào, người nam, đời trước lúc ngươi mang thân người, há không thấy người khi sanh, được làm thân người, lúc ở thai rất là nguy khốn, đau đớn thật khó ở, rồi lớn lên phải nuôi dưỡng, bú mớm, tắm rửa thân thể hay sao?’

“Tội nhân đáp, ‘Thật có thấy, Đại vương.’

“Diêm vương nói, ‘Thế nào, người nam, ngươi không tự biết yếu hành của pháp sinh hay sao?’⁶ Vậy theo pháp thân, khẩu, ý mà tu các đường lành sao?’

⁵ Nguyên Hán: Đẳng kiến.

⁶ Pāli, *ibid.*, *ahampi khomhi jātidhammo, jātim anatīto*, ta chịu quy luật của sự sanh, không vượt qua được sự sanh. Ở đây, Hán dịch có thể nhảy sót. Diêm vương hỏi về Thiên sứ thứ nhất.

Tăng nhất A-hàm

“Tội nhân đáp, ‘Thật vậy, Đại vương, như Đại vương dạy. Tôi chỉ vì ngu si, không phân biệt được hành vi thiện.’

“Diêm vương nói, ‘Như lời người nói, việc này không khác. Ta cũng biết những việc người không làm bởi thân, miệng, ý. Hôm nay sẽ xét người về tội được làm do phóng dật; chẳng phải cha mẹ làm, cũng chẳng phải là những việc làm của vua hay đại thần. Xưa người tự tạo tội, nay tự nhận báo.’

Sau khi hỏi tội kia xong, Diêm vương ra lệnh trị tội.

“Đến lượt thiên sứ thứ hai hỏi⁷ người kia, ‘Trước đây, khi người làm người, há không thấy người già, thân thể rất yếu, đi lại khó khăn, áo quần dơ bẩn, tiến dưng run rẩy, hơi thở hào hển, không còn tâm trẻ khỏe?’

“Lúc ấy, tội nhân đáp, ‘Thưa vâng, Đại vương, tôi đã từng thấy.’

“Diêm vương bảo, ‘Người đáng lẽ phải tự biết, nay ta cũng có pháp già nua⁸ này. Vì chán ghét tuổi già nên phải tu hành vi thiện?’

“Tội nhân đáp, ‘Thật vậy, Đại vương! Nhưng lúc ấy tôi thật không tin.’

“Diêm vương bảo:

“Ta thật biết rõ những việc mà người không làm bởi thân, miệng, ý. Nay sẽ trị tội người để sau này không tái phạm. Những việc ác người đã làm, chẳng phải do cha mẹ làm, cũng

⁷ Hán dịch có thể nhảy sót. Cf. Pāli, ibid, và *Trung 12* kinh 64: Diêm vương hỏi tội nhân, ‘Người có thấy Thiên sứ thứ hai không?’

⁸ Hán: Hình lão chi pháp 形老之法. Pāli: *jāradhamma*, quy luật của tuổi già.

chẳng phải do vua, đại thần, nhân dân tạo ra. Nay ngươi tự tạo tội ấy, hãy tự nhận báo.’

“Diêm vương sau khi chỉ ra cho thấy Thiên sứ thứ hai, lại đem Thiên sứ thứ ba ra hỏi người kia, ‘Trước đây, khi ngươi làm thân người, há không thấy có người bệnh nằm trên phân, nước tiểu, không thể tự đứng dậy hay sao?’

“Tội nhân đáp, ‘Thưa vâng, đại vương, tôi thật [675a01] có thấy.’

“Diêm vương hỏi, ‘Thế nào, người nam, ngươi há không tự biết, ta cũng sẽ có bệnh này, sẽ không thoát tai họa này sao?’

“Tội nhân đáp, ‘Thật vậy, thưa Đại vương! Tôi thật sự không thấy.’”

“Diêm vương nói, ‘Ta cũng biết, ngươi ngu si không hiểu. Nay ta sẽ trị tội ngươi để sau không còn tái phạm. Tội đã làm này chẳng phải cha, chẳng phải mẹ làm, cũng chẳng phải là những việc tạo tác của quốc vương, đại thần.’

“Diêm-la vương sau khi chỉ ra cho thấy Thiên sứ này rồi, lại hỏi người kia về Thiên sứ thứ tư, ‘Thế nào, người nam, ngươi có thấy thân như cây khô, hơi thở dứt, lửa nóng không còn, tình tưởng không còn, năm thân vây quanh khóc lóc không?’

“Tội nhân đáp, ‘Thưa vâng, Đại vương, tôi đã thấy.’”

“Diêm vương nói, ‘Vì sao ngươi không nghĩ rằng, ta cũng sẽ không thoát cái chết này?’

“Tội nhân đáp:

“Thật vậy, Đại vương, tôi thật không tỏ ngộ.’”

Tăng nhất A-hàm

“Diêm vương nói, ‘Ta cũng tin là ông không tổ ngộ pháp này. Nay sẽ trị ngươi, để sau này không tái phạm. Tội bất thiện này chẳng phải cha, chẳng phải mẹ tạo, cũng chẳng phải quốc vương, đại thần, nhân dân chỗ tạo ra. Xưa ngươi tự tạo, nay tự chịu tội.’”

“Diêm-la vương nói với người kia về Thiên sứ thứ năm, ‘Trước đây, khi làm người, người không thấy có kẻ trộm đào tường, phá nhà, lấy của báu người khác, hoặc dùng lửa đốt, hoặc ẩn phục đường cái. Nếu bị vua bắt được thì bị chặt tay chân, hoặc bị giết, hoặc bị giam vào lao ngục, hoặc trói ngược mang đến chợ, hoặc sai vác cát đá, hoặc bị treo ngược, hoặc dùng tên bắn, hoặc rót nước đồng sôi lên người, hoặc dùng lửa nướng, hoặc lột da rồi bắt ăn, hoặc mổ bụng lấy cỏ nhét vào, hoặc bỏ vào nước sôi nấu, hoặc dùng đao chặt, bánh xe cán đầu, hoặc cho voi chà chết, hoặc treo cổ cho chết, hay không?’”

“Tội nhân đáp, ‘Tôi thật có thấy.’”

“Diêm vương nói, ‘Vì sao ông ăn trộm đồ người? Trong lòng đã biết có hình phạt ấy, sao còn phạm?’”

“Tội nhân đáp, ‘Thưa vâng, Đại vương, tôi thật ngu muội.’”

“Diêm vương nói:

“Ta cũng tin lời ông, nay sẽ trị tội ông, để sau không tái phạm. Tội này chẳng phải do cha mẹ tạo, cũng chẳng phải vua quan, nhân dân chỗ tạo mà do tự tạo tội này rồi tự chịu báo.’”

“Sau khi hỏi tội xong, Diêm vương liền sai ngục tốt, ‘Mau đem giam người này vào ngục.’”

“Khi ấy, ngục tốt vâng [675b01] lệnh của vua, đem tội nhân này giam vào ngục. Bên trái địa ngục, lửa cháy dữ dội. Thành quách bằng sắt, đất cũng bằng sắt. Có bốn cửa thành là nơi cực

hôi thối, giống như phân tiêu nhìn thật nhớp nhơ. Núi đao, rừng kiếm, vây quanh bốn phía. Lại có lồng sắt chụp bên trên.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bốn vách bốn cửa thành,
Dài rộng thật là chắc.
Lồng sắt che phủ kín,
Không cơ hội thoát ra.

Khi ấy trên đất sắt
Lửa cháy thật dữ dội.
Tường vuông trăm do tuần,
Rỗng suốt chỉ một màu.
Chính giữa có bốn trụ;
Trông thật là đáng sợ.
Trên là rừng cây kiếm,
Nơi đậu quạ mổ sắt.
Chỗ hôi thật khó ngửi;
Trông đến dựng lông tóc.
Đủ khí cụ ghê rợn.
Ngăn thành mười sáu lớp⁹.*

“Tỳ-kheo nên biết, lúc này ngục tốt dùng đủ mọi thứ khổ đau đánh đập người này. Tội nhân kia khi đặt chân vào ngục, máu thịt văng hết, chỉ còn bộ xương. Khi ấy, ngục tốt đem tội nhân này, dùng búa bện chặt thân nó, đau khổ không kể, muốn chết không được, chỉ đến khi hết tội nó mới thoát được. Những tội mà nó đã tạo ra ở nhân gian, chỉ khi phải trừ sạch, sau đó mới ra được.

“Lúc ấy, ngục tốt kia bắt tội nhân này leo lên, leo xuống rừng đao kiếm. Khi tội nhân ở trên cây, nó bị quạ mổ sắt mổ ăn;

⁹ Mỗi ngục lớn có 16 ngục nhỏ chung quanh. Xem *Trường 19*, kinh Khởi thế, phẩm Địa ngục.

hoặc mổ đầu lấy não ăn. Hoặc lấy tay chân, đập vào xương lấy tủy, mà tội vẫn chưa hết. Khi tội hết, nó mới được thoát ra.

“Lúc ấy, ngục tốt đem tội nhân kia bắt ngồi ôm cột đồng nóng. Do đời trước ưa dâm dật nên đưa đến tội này. Nó bị tội theo đuổi, không thoát được.

“Lúc này, ngục tốt rút gân từ gót chân cho đến cổ, kéo về phía trước, hoặc cho xe chở tới, hoặc lui, không được tự do. Ở đây, chịu khổ không thể nào tính kể. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

“Lúc này, ngục tốt bắt tội nhân kia đặt lên núi lửa, xua đuổi chạy lên, chạy xuống, cho đến khi chín nhừ hết, sau đó mới cho ra. [675c01] Lúc bấy giờ, do bởi nhân duyên này, tội nhân muốn chết cũng không chết được. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

“Khi ấy, ngục tốt lại bắt tội nhân, rút lưỡi ném ra sau lưng. Ở đây, chịu khổ không thể nào kể xiết, muốn chết không được.

“Lúc này, ngục tốt bắt tội nhân đặt lên núi đao; hoặc chặt chân, hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

“Lúc này, ngục tốt lại dùng lá sắt nóng lớn phủ lên thân tội nhân như cho mặc áo lúc còn sống. Lúc ấy khổ đau độc hại khó chịu, đều do nhân tham dục nên đưa đến tội này.

“Lúc này, ngục tốt lại bắt tội nhân làm tội năm thứ¹⁰, xua đuổi khiến nằm xuống, rồi lấy đinh sắt đóng vào tay nó, chân nó, lại dùng một cây đinh đóng vào tim. Ở đó, nó chịu khổ đau thật không thể nói. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

¹⁰ Hán: ngũ chủng tác dịch. Pāli, ibid. *pañcavidhabandhanam*, ngũ chủng phược, trói năm chỗ: đóng đinh 2 tay, 2 chân, và tim.

“Lúc này, ngục tốt lại bắt tội nhân chống ngược thân, đưa vào trong vạc. Khi ấy, phần dưới thân đều chín rục hết; hoặc trở lên phần trên cũng lại đều chín rục; cho đến bốn bên cũng chín rục hết, đau đớn khổ độc không thể tính hết, nổi cũng rục, không nổi cũng rục. Giống như nồi lớn mà nấu đậu nhỏ, có lớp ở trên hay ở dưới. Tội nhân này cũng lại như vậy, nổi cũng rục, không nổi cũng rục. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

“Tỳ-kheo nên biết, sau một thời gian dài trải qua nhiều năm trong địa ngục này, cửa đông mới mở. Khi ấy, tội nhân lại chạy đến cửa, cửa tự nhiên đóng. Lúc đó, những người kia đều ngã xuống đất. Ở đó, khổ sở không thể nói hết, chúng oán trách lẫn nhau, ‘Do các người mà ta không được ra cửa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người ngu thường vui thích
Như ở trời Quang âm.
Người trí thường lo nghĩ,
Giống như tù trong ngục.*

“Sau khi trải qua trong đại địa ngục trăm ngàn vạn năm, cửa bắc lại mở. Lúc ấy, tội nhân lại chạy về cửa bắc. Cửa liền đóng lại. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra. Tội nhân kia trải qua hàng trăm vạn năm mới lại được thoát. Những tội đã tạo ra trong khi làm người, cốt phải trừ cho hết.

“Lúc này, ngục tốt lại bắt tội nhân, dùng búa sắt chém thân tội nhân, trải qua bao nhiêu [676a01] tội như vậy, khiến cho sửa đổi. Chỉ khi nào tội khổ hết hẳn, sau đó mới được ra.

“Tỳ-kheo nên biết, sau một thời gian, cửa phía đông lại mở một lần nữa. Lúc ấy, những chúng sanh kia chạy đến cửa đông thì cửa tự đóng lại, không ra được. Nếu ra được, bên ngoài có núi

lớn mà nó phải chạy đến. Khi nó vào trong núi, bị hai núi ép lại, giống như ép dầu mè. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết. Chỉ khi nào hết khổ, sau đó mới được ra.

“Bấy giờ, tội nhân chuyển dịch được tới trước, lại gặp địa ngục Tro nóng,¹¹ ngang dọc hàng ngàn vạn do tuần. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết, cốt phải hoàn tất nguồn tội kia, sau đó mới được ra.

“Kế đến, lại chuyển tới trước nữa, có địa ngục Dao đâm.¹² Khi tội nhân vào trong địa ngục đao kiếm này, chợt có gió mạnh nổi lên phá nát gân cốt thân thể tội nhân. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

“Lại nữa, có địa ngục Tro nóng lớn.¹³ Khi tội nhân vào trong địa ngục tro nóng lớn này, thân thể tan rã, chịu khổ vô cùng. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

“Khi tội nhân tuy thoát khỏi địa ngục tro rất nóng này, nhưng lại gặp địa ngục Đao kiếm,¹⁴ ngang dọc hàng ngàn vạn dặm. Khi tội nhân vào trong địa ngục đao kiếm này, ở đó, chịu khổ không thể kể hết. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

“Lại nữa, có địa ngục Phân sôi¹⁵ trong đó có trùng nhỏ, ăn vào tận xương tủy người này. Tuy ra được địa ngục này, nhưng lại gặp ngay ngục tốt. Lúc này, ngục tốt hỏi tội nhân, ‘Các ông muốn đến đâu? Từ đâu lại?’ Tội nhân đáp, ‘Chúng tôi không biết từ chỗ nào lại. Cũng lại không biết phải đến chỗ nào. Nhưng hiện nay, chúng tôi đang đói khổ cùng, muốn được

¹¹ Nhiệt hôi địa ngục 熱灰地獄.

¹² Đao thích địa ngục 刀刺地獄.

¹³ Đại nhiệt hôi địa ngục 大熱灰地獄.

¹⁴ Đao kiếm địa ngục 刀劍地獄.

¹⁵ Phất thi địa ngục 沸屎地獄.

ăn.’ Ngục tốt đáp, ‘Chúng tôi sẽ cho ăn.’ Khi ấy, ngục tốt bắt tội nhân nằm ngửa, lấy viên sắt nóng lớn bắt tội nhân nuốt. Thiêu đốt, khiến tội nhân chịu khổ không thể kể hết. Lúc đó, viên sắt nóng từ miệng xuống qua ruột, dạ dày chín hết, chịu khổ khó lường. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

“Song những tội nhân này không kham chịu những thống khổ này, nên trở lại các địa ngục Phân nóng, Địa ngục Dao kiếm, địa ngục Tro nóng lớn. Khi chúng trở lại những địa ngục như vậy, lúc bấy giờ những chúng sanh kia không kham chịu nổi khổ, bèn quay [676b01] đầu lại, đến trong địa ngục Phân nóng. Lúc ấy, ngục tốt bảo những chúng sanh kia, ‘Các ông muốn đi đâu? Từ đâu đến?’ Tội nhân đáp, ‘Chúng tôi không thể biết từ đâu đến. Nay lại cũng không biết phải đi đâu.’ Ngục tốt hỏi, ‘Nay cần gì?’ Tội nhân đáp, ‘Chúng tôi rất khát, muốn cần uống nước.’ Khi ấy, ngục tốt bắt tội nhân nằm ngửa, rót đồng sôi vào miệng khiến cho chảy xuống. Ở đó, chịu tội không thể kể hết, cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

“Bấy giờ, tội nhân kia không chịu nổi khổ này, nên trở về địa ngục Phân sôi, địa ngục Rừng kiếm, địa ngục Tro nóng rồi trở vào đại địa ngục.

“Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy tội nhân thống khổ khó có thể kể hết. Nếu tội nhân kia mắt thấy sắc, tâm không ưa thích. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết mịn nhẵn, ý biết pháp, cũng đều phát sanh sân nhuế.¹⁶ Vì sao vậy? Vì xưa không tạo báo hạnh lành mà thường tạo nghiệp ác, nên đưa đến tội này.

¹⁶ Đoạn này mô tả địa ngục có tên là Sáu Xúc xứ, nhưng bản Hán không dịch rõ hết ý. Xem *Trung*, kinh 131 (Hàng ma); *Tạp* (Việt) kinh 212. Pāli: *Chaphassāyatānika* (M. i. 337).

Tăng nhất A-hàm

“Lúc ấy, Diêm vương bảo tội nhân kia, ‘Các ngươi không được thiện lợi. Xưa kia ở nhân gian, hưởng phước nhân gian, mà thân, miệng, ý hành không tương ưng, cũng không bố thí, nhân ái, lợi người, đặng lợi,¹⁷ vì vậy nên nay chịu nỗi khổ này. Hành vi ác này chẳng phải do cha mẹ tạo, cũng không phải quốc vương, đại thần tạo ra. Có các chúng sanh thân, miệng, ý thanh tịnh không có nhiễm ô giống như trời Quang âm. Có các chúng sanh tạo các hạnh ác, giống như trong địa ngục; thân, miệng, ý các ông bất tịnh nên đưa đến tội này.’

“Các Tỳ-kheo nên biết, Diêm-la vương liền nói, ‘Ngày nào tôi sẽ thoát nạn khổ này, được sanh trong loài người, được làm thân người, mong được xuất gia cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo.’

“Diêm-la vương còn nghĩ vậy, hưởng chi các ngươi, nay được thân người, được làm Sa-môn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường hãy niệm thực hành thân, miệng, ý hành đừng cho thiếu sót. Hãy trừ năm kết sử, tu hành năm căn. Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật cùng chúng Tỳ-kheo năm trăm vị, ở trong vườn Lộc Mẫu, khu vườn phía đông,¹⁹ nước Xá-vệ.

¹⁷ Bốn nhiếp sự.

¹⁸ Tham chiếu Pāli, S 8.7 Pavāraṇā (R. i. 190). Hán, *Trung 29*, kinh 121 Thịnh thịnh.

Bây giờ, tháng bảy, [676c01] ngày mười lăm, Thế Tôn trải tòa ngồi giữa khoảng đất trống, các Tỳ-kheo trước sau vây quanh. Phật bảo A-nan:

“Nay, nơi đất trống, người mau đánh kiền chùy. Vì sao vậy? Vì ngày rằm tháng bảy là ngày thọ tuế.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan gồi phải quỳ sát đất, chấp tay, liền nói kệ này:

*Đấng Tịnh Nhân vô thượng,
Thông suốt tất cả việc;
Trí huệ không đả nhiễm:
Thọ tuế, nghĩa là gì?*

Bây giờ, Thế Tôn liền dùng kệ đáp A-nan:

*Thọ tuế, ba nghiệp tịnh;
Việc làm thân, miệng, ý.
Hai Tỳ-kheo đối nhau,
Tự trình chỗ sai trái.
Lại tự xưng tên chữ”
‘Hôm nay Chúng thọ tuế,
Tôi cũng ý tịnh, thọ.
Cúi xin chỉ lỗi tôi.’*

Bây giờ, A-nan lại dùng kệ hỏi nghĩa này:

*Hằng sa Phật quá khứ,
Bích-chi và Thanh văn;
Đây là pháp chư Phật,
Hay chỉ Thích-ca Văn?*

Bây giờ, Phật lại dùng kệ đáp A-nan:

¹⁹ Đông uyển Lộc Mẫu viên 東苑鹿母園. Pāli: một tòa nhà do bà Visakhā dựng gọi là Migāramātupāsāda (Lộc Tử Mẫu giảng đường), ở Pubbārāma, khu vườn phía đông thành Xá-vệ.

*Hằng sa Phật quá khứ,
Đệ tử tâm thanh tịnh.
Đều là pháp chư Phật
Chẳng riêng Thích-ca Văn.*

*Bích-chi không pháp này;
Không tuổi, không đệ tử;
Một mình không bạn bè;
Không nói pháp cho người.*

*Phật Thế Tôn vị lai,
Hằng sa không thể tính,
Lại cũng thọ tuổi này;
Như pháp Cô-đàm nay.*

Sau khi nghe những lời này rồi, Tôn giả A-nan vui mừng hơn hở, không tự dừng được, liền lên giảng đường, tay cầm kiền chùy nói:

“Hôm nay, tôi đánh trống đưa tin của Như Lai, các chúng đệ tử Như Lai đều phải tập họp hết.”

Tôn giả lại nói kệ này:

*Hàng phục sức ma oán;
Trừ sạch kết không còn;
Đất trống, đánh kiền chùy:
Tỳ-kheo nghe hãy họp.*

*Những người muốn nghe pháp,
Vượt qua biển sanh tử,
Nghe âm vi diệu này,
Hãy tập họp về đây.*

[677a01] Sau khi đánh kiền chùy xong, Tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một phía, bạch Thế Tôn:

“Đã đến giờ, cúi xin Thế Tôn chỉ dạy những gì?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Ngươi hãy ngồi theo thứ lớp. Như Lai tự biết thời.”

Thế Tôn ngồi xuống đệm cỏ, bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả các ngươi hãy ngồi hết xuống đệm cỏ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo đều ngồi xuống đệm cỏ. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng quán sát các Tỳ-kheo, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Ta nay muốn thọ tuế. Đối với mọi người, Ta không có lỗi gì chẳng? Thân, miệng, ý cũng không có phạm chẳng?”

Như Lai nói những lời này xong, các Tỳ-kheo im lặng không đáp. Bấy giờ, Ngài hỏi các Tỳ-kheo lại lần thứ ba:

“Hôm nay, Ta muốn thọ tuế. Song đối với mọi người, Ta không có lỗi gì chẳng?”

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, chắp tay bạch Thế Tôn:

“Các chúng Tỳ-kheo quán sát, Như Lai không có lỗi nơi thân, miệng, ý. Vì sao vậy? Thế Tôn đã độ cho người chưa được độ, đã giải thoát cho người chưa giải thoát, khiến Bát Niết-bàn cho người chưa Bát Niết-bàn, đã cứu giúp cho người chưa được cứu giúp, làm con mắt cho người mù, vì người bệnh làm đại y vương, là đấng Độc tôn trong ba cõi, không ai sánh bằng, là đấng Tối tôn thượng, khiến phát đạo tâm cho người chưa phát đạo tâm. Mọi người chưa tỉnh, Thế Tôn khiến lay tỉnh; người chưa nghe, khiến cho nghe; vì người mê mà tạo đường tắt, luôn

Tăng nhất A-hàm

đưa về Chánh pháp. Vì những duyên sự này, Như Lai không có lỗi đối với mọi người, cũng không có lỗi nơi thân miệng ý.”

Rồi Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn tiếp:

“Nay con hướng về Như Lai, tự phát lồ. Không biết đối với Như Lai cùng Tăng Tỳ-kheo, con có lỗi gì không?”

Thế Tôn bảo:

“Này Xá-lợi-phất, nay những việc làm thân, miệng, ý của người hoàn toàn đúng hạnh. Vì sao vậy? Người có trí huệ không ai sánh kịp, trí huệ biết các chủng loại, trí huệ vô lượng, trí vô biên, trí không gì bằng, trí bén nhạy, trí nhanh nhẹn, trí sâu xa, trí bình đẳng, ít muốn, biết đủ, thích nơi vắng, có nhiều phương tiện,²⁰ niệm không tán loạn, đạt tam-muội tổng trì, đầy đủ căn nguyên, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến huệ, dũng mãnh, hay nhẫn, lời nói không ác, không làm điều phi pháp, tâm tánh điều hòa thứ lớp, không làm sơ suất. Giống như thái tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, sẽ nói [677b01] ngôi vua, chuyển vận bánh xe pháp. Xá-lợi-phất cũng vậy, chuyển vận bánh xe pháp vô thượng, mà chư thiên, loài người, rồng, quỷ, ma và thiên ma đều không thể chuyển. Nay lời người nói ra thường như nghĩa pháp, chưa từng trái lý.”

Khi ấy, Xá-lợi-phất bạch với Phật:

“Năm trăm Tỳ-kheo này đều đáng thọ tuế. Năm trăm người này đối với Như Lai đều không có lỗi gì chăng?”

Thế Tôn nói:

²⁰ Nhiều phương tiện, đây hiểu là nhiều tinh tấn.

“Cũng không có gì phải trách, các hành vi bởi thân, miệng, ý của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao vậy? Đây Xá-lợi-phất, đại chúng trong đây rất là thanh tịnh, không có tỳ vết. Nay người thấp nhất trong chúng này, cũng đắc đạo Tu-đà-hoàn, nhất định tiến đến pháp bất thối chuyển. Vì vậy Ta không thể chê trách họ.”

Khi ấy, Đa-kỳ-xa²¹ rời khỏi chỗ ngồi đến trước Thế Tôn đánh lễ sát đất rồi bạch Thế Tôn: “Con có điều muốn nói.”

Thế Tôn bảo: “Muốn nói gì thì hãy nói đi.”

Đa-kỳ-xa liền ca ngợi Phật và chúng Tăng ngay trước mặt đức Phật bằng bài kệ sau:

*Vào ngày rằm thanh tịnh,
Họp năm trăm Tỳ-kheo,
Đã giải thoát các kết,
Không ái, không tái sanh.*

*Vua Chuyển luân Đại Thánh
Được quân thân vây quanh,
Đi khắp các thế giới,
Trên trời và thế gian.*

*Đại tướng tôn quý nhất,
Đạo sư dẫn dắt người.
Đệ tử vui đi theo,
Đủ ba đạt sáu thông,*

*Là con Phật chơn chánh,
Không có chút bụi dơ,
Cắt bỏ sạch ái dục:
Nay con xin quy y.*

²¹ Đa-kỳ-xa 多耆奢. Pāli: Vaṅḡsa. Trên kia, kinh 3 phẩm 4, âm là Bằng-kỳ-xá.

Khi ấy, đức Thế Tôn ẩn khả những lời của Đa-kỳ-xa. Đa-kỳ-xa thấy Như Lai ẩn khả lời mình nói, nên vui mừng phấn khởi, đứng dậy lễ Phật, rồi trở lại chỗ ngồi.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Đệ tử nói kệ đứng đầu trong hàng Thanh văn chính là Tỳ-kheo Đa-kỳ-xa. Nói lời không có gì đáng nghi ngờ chính là Tỳ-kheo Đa-kỳ-xa.”²²

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại khu Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, trên trời Tam thập Tam [677c01] có một thiên tử từ thân hình xuất hiện năm điềm báo hiệu sắp chết. Những gì là năm? Một là vòng hoa trên đầu bị héo. Hai là y phục bụi bẩn. Ba là nách đổ mồ hôi. Bốn là không vui chỗ ngồi của mình. Năm là ngọc nữ phản bội. Thiên tử ấy buồn rầu khổ não, đấm ngực than thở. Nghe vị thiên ấy buồn rầu khổ não, đấm ngực than thở, Thích Đề-hoàn Nhân liền sai một thiên tử đến chỗ ấy xem, âm thanh gì mà từ đó vang đến đây.

Thiên tử ấy trả lời: “Thiên tử nên biết, hôm nay có một thiên tử sắp mạng chung, có năm điềm báo hiệu sắp chết. Một là vòng hoa trên đầu bị héo. Hai là y phục bụi bẩn. Ba là nách đổ mồ hôi. Bốn là không vui chỗ ngồi của mình. Năm là ngọc nữ phản bội.

²² Xem kinh 3 phẩm 4 trên.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ vị thiên sắp lâm chung, nói với vị ấy rằng:

“Vì sao hôm nay ông buồn rầu khổ não đến như vậy?”

Thiên tử đáp: “Thưa Tôn giả Nhân-đề, làm sao không buồn rầu khổ não được khi tôi sắp chết rồi. Có năm điềm báo hiệu sắp chết. Một là vòng hoa trên đầu bị héo. Hai là y phục bụi bẩn. Ba là nách đổ mồ hôi. Bốn là không vui chỗ ngồi của mình. Năm là ngọc nữ phản bội. Nay cung điện bảy báu này sẽ mất hết. Năm trăm ngọc nữ cũng sẽ tan tác như sao. Món cam lộ mà tôi ăn không còn mùi vị.”

Đề-hoàn Nhân nói với thiên tử ấy:

“Ông há không nghe Như Lai nói kệ sao?”

*Các hành là vô thường.
Có sinh ắt có chết.
Không sinh thì không chết.
Diệt này là vui nhất.*

“Vì sao nay ông buồn lo đến như vậy? Tất cả hành là vật vô thường, muốn cho có thường thì điều này không thể.”

Thiên tử đáp:

“Thế nào, Thiên đế, tôi không sầu ưu sao được? Nay tôi mang thân trời thanh tịnh không vết nhơ, ánh sáng như mặt trời mặt trăng chiếu khắp mọi nơi, mà bỏ thân này rồi, sẽ sanh vào bụng heo trong thành La-duyệt, sống thường ăn phân, chết thì bị dao mổ xẻ.”

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bảo thiên tử kia:

“Nay ông nên tự quy y Phật, Pháp, chúng Tăng. Có thể khi ấy không đọa vào ba đường dữ.”

Thiên tử đáp:

“Há quy y Tam bảo mà không đọa vào ba đường dữ sao?”

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

“Thật vậy, Thiên tử. Ai quy y Tam tôn, không bao giờ rơi vào ba đường dữ.”

Như Lai cũng nói kệ này:

[678a01]*Những ai quy y Phật,
Không đọa ba đường dữ.
Lậu tận, nơi trời người,
Rồi sẽ đến Niết bàn.*

Thiên tử kia hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

“Nay Như Lai đang ở đâu?”

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

“Như Lai hiện đang ở tại Ca-lan-đà, trong Trúc viên, thành La-duyệt, nước Ma-kiệt-đà cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.”

Thiên tử nói:

“Nay tôi không còn đủ sức đến đó hầu thăm Như Lai nữa.”

Thích Đề-hoàn Nhân bảo:

“Thiên tử nên biết, hãy quỳ gối phải sát đất, chấp tay hướng về phương dưới mà nói rằng: ‘Cúi xin Thế Tôn xem xét đến cho. Nay con sắp cùng đường. Xin thương xót cho. Nay con tự quy y Tam tôn, Như Lai Vô sở trước.’”

Bấy giờ, Thiên tử kia theo lời Thích Đề-hoàn Nhân, quỳ xuống, hướng xuống phương dưới, tự xưng tên họ, tự quy y Phật, Pháp, Tăng, nguyện suốt đời làm người Phật tử chơn chánh, chẳng

màng thiên tử. Cho đến ba lần nói những lời này. Như vậy rồi, không còn đọa vào thai heo, mà sẽ sanh vào nhà trưởng giả.

Thiên tử kia sau khi thấy nhân duyên này rồi, quay về Thích Đề-hoàn Nhân mà nói kệ này:

*Duyên lành chẳng phải dữ,
Vi pháp chẳng vì của.
Dẫn dắt theo đường chánh
Điều này Thế Tôn khen.*

*Nhờ Ngài không đọa ác,
Thai heo, nhân thật khó.
Sẽ sanh nhà trưởng giả,
Nhờ đó sẽ gặp Phật.*

Khi ấy, Thiên tử tùy theo tuổi thọ ngắn dài, sau đó sinh vào nhà trưởng giả trong thành La-duyệt. Lúc đó, vợ trưởng giả tự biết mình có thai, gần đủ mười tháng, sanh ra một nam nhi, xinh đẹp vô song, hiếm có trên đời. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân khi đã biết cậu bé vừa lên mười tuổi, nhiều lần đến bảo:

“Ngươi hãy nhớ lại nhân duyên đã làm trước kia, tự nói rằng: ‘Tôi sẽ nhờ đó thấy Phật.’ Nay thật đã đúng lúc. Nên gặp Thế Tôn. Nếu không đến, sau tất sẽ hối hận.”

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ đắp y mang bát vào thành La-duyệt khát thực, dần dần đến nhà trưởng giả kia, đứng yên lặng ngoài cửa.

Khi con trưởng giả thấy Xá-lợi-phất đắp y mang bát dung mạo khác thường, liền đến trước Xá-lợi-phất thưa rằng:

“Ngài là ai? [678b01] Đệ tử của ai? Đang hành pháp gì?”

Xá-lợi-phất nói:

Tăng nhất A-hàm

“Thầy ta xuất thân dòng họ Thích, ở trong đó mà xuất gia học đạo. Thầy được gọi là Như Lai Chí chơn, Đẳng chánh giác. Ta thường theo vị ấy thọ pháp.”

Khi ấy, cậu bé liền hướng về Xá-lợi-phất mà nói kệ này:

*Tôn giả nay đứng im,
Ôm bát, tướng mạo nghiêm;
Nay muốn xin những gì?
Cùng đứng với ai đó?*

Xá-lợi-phất dùng kệ đáp lại:

*Nay ta không xin của;
Cũng chẳng xin cơm áo.
Vì cậu nên đến đây.
Xét kỹ, nghe ta nói!*

*Nhớ lời xưa cậu nói,
Lúc phát thệ trên trời:
'Cõi người sẽ gặp Phật.'
Nên đến báo cùng cậu.*

*Khó gặp Phật ra đời.
Nghe Pháp thuyết cũng vậy.
Thân người khó thể được ;
Giống như hoa ưu đàm.*

*Cậu hãy đi theo tôi,
Cùng đến hầu Như Lai.
Phật sẽ nói cho cậu
Đường chính đến cõi lành.*

Sau khi nghe Xá-lợi-phất nói, cậu liền đi đến chỗ cha mẹ, lạy sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, con trưởng giả bạch cha mẹ rằng:

“Cúi xin cha mẹ cho phép con đến chỗ Thế Tôn thừa sự, đánh lễ, thăm hỏi sức khỏe.”

Cha mẹ đáp:

“Nay là lúc thích hợp.”

Khi ấy, con trưởng giả sắm sửa hương hoa cùng một tấm lụa trắng tốt, rồi theo Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

“Đây là con trưởng giả đang sống trong thành La-duyệt này, không biết đến Tam bảo. Cúi xin Thế Tôn khéo vì cậu mà thuyết pháp khiến được độ thoát.”

Khi ấy, con trưởng giả thấy Thế Tôn uy dung đoan chánh, các căn tịch tịnh, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp hiển hiện ngoài thân, cũng như núi Tu di vương; mặt như mặt trời, mặt trăng, nhìn mãi không chán, liền đến trước lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Rồi con trưởng giả rải hương hoa lên thân Như Lai, lại đem tấm lụa trắng mới dâng cho Như Lai, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một phía.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp cho cậu. Ngài nói các đề tài về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, xuất gia là thiết yếu. Khi Thế Tôn biết [678c01] cậu bé đã tâm mở ý thông, như pháp thường mà chư Phật Thế Tôn nói, là khô, tập, diệt, đạo; bấy giờ, Thế Tôn cũng vì con trưởng giả kia mà nói hết. Lúc đó, ngay trên chỗ ngồi, con trưởng giả dứt sạch trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh, không còn trần cấu.

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ, con trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con được xuất gia làm Sa-môn.”

Thế Tôn bảo:

“Phàm người làm đạo, chưa từ biệt cha mẹ thì không được làm Sa-môn.”

Lúc ấy, con trưởng giả bạch Thế Tôn:

“Con sẽ xin cha mẹ cho phép.”

Thế Tôn bảo:

“Nay là lúc thích hợp.”

Bấy giờ, con trưởng giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân lui đi. Trở về đến nhà, cậu thưa với cha mẹ rằng:

“Cúi xin cho phép con được làm Sa-môn!”

Cha mẹ đáp:

“Hiện tại chúng ta chỉ có một mình con. Trong nhà sinh nghiệp lại nhiều tiền của. Hành pháp Sa-môn thật là không dễ!”

Con trưởng giả thưa:

“Như Lai xuất thế ức kiếp mới có, thật không thể gặp. Thật lâu mới xuất hiện. Như hoa ru-đàm-bát, thật lâu mới có; cũng vậy, Như Lai ức kiếp mới xuất hiện.”

Lúc này, cha mẹ của con trưởng giả cùng than thở nhau nói rằng:

“Nay đã đúng lúc, con cứ tùy nghi.”

Lúc ấy, con trưởng giả lạy sát chân, rồi từ biệt ra đi. Đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, con trưởng giả kia bạch Thế Tôn:

“Cha mẹ con đã cho phép. Cúi xin Thế Tôn cho phép con hành đạo.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phát:

“Ông hãy độ con trưởng giả này cho làm Sa-môn.”

Xá-lợi-phát đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Xá-lợi-phát vâng theo lời Phật dạy, độ cho cậu bé làm Sa-di, hằng ngày dạy dỗ. Sa-di kia ở tại nơi vắng vẻ, tự khắc phục, tu tập, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu phạm hạnh vô thượng, là vì muốn được lìa khổ. Lúc ấy, Sa-di thành A-la-hán. Rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Nay con đã thấy Phật, nghe pháp, không có nghi ngờ gì nữa.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông như thế nào là thấy Phật, nghe Pháp, không có nghi ngờ gì nữa?”

Sa-di bạch Phật:

“Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ là vô ngã. Vô ngã tức là không. Không là chẳng phải có, chẳng phải không có, cũng không có ngã. Như vậy là điều được [679a01] người trí giác tri. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ là vô ngã. Vô ngã tức là không. Không là chẳng phải có, chẳng phải không có, cũng không có ngã. Như vậy là

điều được người trí giác tri. Năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải có, nhiều điều khổ não, không thể chữa trị, thường ở chỗ hôi hám, không thể giữ lâu, tất quán không có ngã. Hôm nay, con quan sát Pháp này, liền thấy Như Lai.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay Sa-di! Ta tức thì cho phép ông làm Sa-môn đó.”

Sa-di kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Na-la-đà²⁴ ở trong vườn trúc của một trưởng giả,²⁵ nước Ba-la-lê.²⁶ Bấy giờ, đệ nhất phu nhân²⁷ vua Văn-trà²⁸ qua đời. Bà rất được vua yêu kính, luôn luôn nhớ tưởng trong lòng. Lúc đó, có một người đến chỗ vua tâu rằng:

“Đại vương nên biết, nay Đệ nhất phu nhân đã qua đời.”

Lúc vua nghe phu nhân vô thường, trong lòng sầu ưu, bảo người vừa đến rằng:

“Ngươi mau chóng khiêng tử thi phu nhân tẩm trong dầu mè cho ta thấy.”

²³ Tham chiếu Pāli, A V 50 Nāradasutta (R.iii. 57)

²⁴ Na-la-đà 那羅陀.

²⁵ Trưởng giả Trúc Lâm 長者竹林. Xem cht. dưới.

²⁶ Ba-la-lê quốc 波羅梨國. Pāli, trú tại Pāṭaliputta, trong già-lam Kukkuṭārāma.

²⁷ Pāli/Vương phi Bhaddā.

²⁸ Văn-trà vương 文茶王. Pāli, Muṇḍa.

Lúc đó, người kia vâng lệnh vua, liền đem xác phu nhân tẩm trong dầu mè.

Sau khi nghe phu phân mắt, vua trong lòng sầu não cực kỳ, không ăn uống, không trị theo vương pháp, không xử lý việc triều đình. Khi ấy, tá hữu có một người tên Thiện Niệm,²⁹ thường cầm kiếm hầu đại vương. Ông tâu đại vương:

“Đại vương nên biết, trong nước này có Sa-môn tên là Na-la-đà đã đắc A-la-hán, có thần túc lớn, hiểu rộng, biết nhiều, không việc gì không rành rẽ, biện tài dũng tuệ, nói chuyện thường hàm tiếu. Xin vua hãy đi đến đó nghe vị ấy thuyết Pháp. Nếu vua nghe Pháp, sẽ không còn ưu sầu khổ não nữa.”

Vua đáp:

“Lành thay, lành thay, khanh khéo nói những lời này. Thiện Niệm, nay khanh đến đó báo trước Sa-môn kia. Vì sao vậy? Vì phạm Chuyển luân Thánh vương muốn đến chỗ nào thì phải sai người đi trước. Nếu không sai người báo trước mà đến, điều này không thể.”

Thiện Niệm đáp:

“Tuân lệnh đại vương.”

Rồi ông tuân lệnh của vua, đi vào trong vườn trúc trưởng giả, đến chỗ Na-la-đà. Đến nơi, ông đánh lễ sát chân ngài, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, Thiện Niệm bạch Tôn giả Na-la-đà:

“Ngài biết cho, Phu nhân đại vương đã qua đời. Nhân khổ não này, vua không ăn, không uống, cũng lại không trị vương pháp, không xử quốc sự. Nay vua muốn đến hầu thăm [79b01] Tôn

²⁹ Thiện Niệm 善念. Pāli: Piyaka, quan Thủ khổ (Kosāraḅkha).

nhan. Cúi xin Ngài khéo vì vua mà thuyết pháp, khiến vua không còn sầu khổ.”

Na-la-đà nói:

“Muốn đến thì nay là lúc thích hợp.”

Thiện Niệm nghe dạy rồi, liền đánh lễ sát chân mà lui đi. Về đến chỗ vua, ông tâu rằng:

“Tôi đã báo cho Sa-môn rồi, xin Vua biết cho.”

Vua liền sai Thiện Niệm:

“Hãy nhanh chuẩn bị xe gắn lông chim*. Nay ta muốn tương kiến cùng Sa-môn.”

Thiện Niệm liền chuẩn bị xe gắn lông chim*. Rồi đến trước tâu vua:

“Xe đã chuẩn bị xong, Vua biết cho, đã đúng giờ.”

Bấy giờ, vua lên xe gắn lông chim* ra khỏi thành, đến chỗ Na-la-đà, đi bộ vào trong vườn trúc trưởng giả. Theo phép Nhân vương, vua phải cỡi năm thứ nghi trượng bỏ sang một bên, rồi đến chỗ Na-la-đà, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, Na-la-đà nói với vua:

“Đại vương nên biết, đừng vì pháp mộng huyễn khởi sầu ưu, đừng vì pháp bọt nổi cùng vốc tuyết mà khởi sầu ưu, lại cũng không thể vì tướng pháp như hoa mà khởi sầu ưu. Vì sao vậy? Nay có năm việc thật không thể được, đó là những điều Như Lai đã nói. Những gì là năm? Phàm vật phải tận, muốn cho không tận, điều này không thể được. Phàm vật phải diệt, muốn cho không diệt, điều này không thể được. Phàm pháp phải già, muốn cho không già, điều này không thể được. Lại nữa, phàm

pháp phải bệnh, muốn cho không bệnh, điều này không thể được. Lại nữa, phạm pháp phải chết, muốn cho không chết, điều này không thể được. Nay Đại vương, đó gọi là có năm việc thật không thể được này, đó là những điều Như Lai đã nói.”

Bấy giờ, Na-la-đà liền nói kệ này:

*Không phải do sầu lo,
Mà được phước lành này.
Nếu trong lòng sầu ưu,
Bị ngoại cảnh chi phối.*

*Nếu như người có trí
Quyết không tư duy vậy,
Nên ngoại địch phải sầu,
Vì không chi phối được.*

*Dủ oai nghi lễ tiết;
Ham thí không tâm tiếc;
Nên cầu phương tiện này,
Khiến được lợi lớn kia.*

*Giả sử không thể được,
Ta và những người ấy
Không sầu cũng không hoạn:
Hành báo biết thế nào?*

“Đại vương nên biết, vật phải bị mất, nó sẽ mất. Khi nó đã mất, khiến cho sầu [679c01] ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: ‘Người yêu của ta ngày nay đã mất.’ Đó gọi là cái gì phải bị mất, thì nó mất, ở đó mà khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Nay Đại vương, đó gọi là gai sầu thứ nhất đâm dính tâm ý. Người phạm phu có pháp này, không biết xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

“Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có học, đối với vật phải bị mất, khi nó mất, vị ấy không khởi sầu ưu khổ não, mà sẽ học điều này: ‘Nay cái mà ta bị mất, chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu ưu, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, đưa đến mạng chung.’ Bây giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

“Lại nữa Đại vương, vật phải bị diệt, nó sẽ diệt. Khi nó đã diệt, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: ‘Vật ta yêu hôm nay đã diệt.’ Đó gọi là vật phải bị diệt, thì nó diệt, ở đó mà khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Nay Đại vương, đó gọi là gai sầu thứ hai đâm dính tâm ý thứ hai. Người phạm phu có pháp này, không biết xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

“Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có học, đối với vật phải bị diệt, khi nó diệt, vị ấy không khởi sầu ưu khổ não, mà sẽ học điều này: ‘Nay cái mà ta bị diệt, chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung.’ Bây giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

“Lại nữa Đại vương, vật phải bị già, nó sẽ già. Khi nó đã già, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: ‘Vật ta yêu hôm nay đã già.’ Đó gọi là phải bị già, thì nó già, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Nay Đại vương!

Đó gọi là gai sấu thứ ba đâm dính tâm ý. Người phạm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

“Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có học, đối với vật phải bị già, nó liền già, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: ‘Nay cái mà ta [680a01] bị già chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung.’ Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

“Lại nữa Đại vương, vật phải bị bệnh, nó sẽ bệnh. Khi nó đã bệnh, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. ‘Vật ta yêu hôm nay đã bệnh.’ Đó gọi là vật phải bị bệnh thì nó bệnh, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Nay đại vương! Đó gọi là gai sấu thứ hai đâm dính tâm ý. Người phạm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

“Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có học, đối với vật phải bị bệnh, nó liền bệnh, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: ‘Nay cái mà ta bị bệnh chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung.’ Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

“Lại nữa Đại vương, vật phải bị chết, nó sẽ chết. Khi nó đã chết, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: ‘Vật ta yêu hôm nay đã chết.’ Đó gọi là vật phải bị chết, nó liền chết, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Nay Đại vương! Đó gọi là gai sầu thứ năm tâm ý. Người phạm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

“Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có học, đối với vật phải bị chết, nó liền chết, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: ‘Nay cái mà ta bị chết chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung.’ Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

Lúc ấy, Đại vương bạch Tôn giả Na-la-đà:

“Đó gọi là pháp gì và nên phụng hành thế nào?”

Na-la-đà nói:

“Kinh này gọi là trừ mối hoạn ưu sầu, nên ghi nhớ phụng hành.”

Thời Đại vương nói:

“Đúng như [680b01] lời Ngài nói, trừ bỏ sầu ưu. Vì sao vậy? Vì sau khi nghe pháp này rồi, những gì là sầu khổ nơi tôi, hôm nay đã được trừ hẳn. Nếu Tôn giả có điều gì chỉ dạy, mong hãy thường vào cung, tôi sẽ cung cấp cho, khiến cho đất nước nhân dân hưởng mãi phước không cùng. Cúi xin Tôn giả diễn rộng pháp này còn mãi mãi ở Thế gian, cho chúng bốn bộ được an ổn lâu dài. Nay, con xin quy y Tôn giả Na-la-đà.”

Na-la-đà nói:

“Đại vương, chớ quy y tôi, hãy quy y nơi Phật.”

Khi ấy vua hỏi:

“Nay Phật ở nơi nào?”

Na-la-đà nói:

“Đại vương nên biết, vua nước Ca-tỳ-la-vệ, xuất xứ từ họ Thích, thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương; Vua này có con tên là Tất-đạt, xuất gia học đạo, nay tự thành Phật hiệu Thích-ca Văn. Hãy tự quy y với vị ấy.”

Đại vương lại hỏi:

“Nay Phật ở phương nào?”

Na-la-đà nói:

“Như Lai đã nhập Niết-bàn.”

Đại vương nói:

“Như Lai diệt độ sao nhanh chóng vậy! Nếu Ngài còn tại thế, dù trải qua hàng ngàn vạn do tuần, tôi cũng sẽ đến hầu thăm.”

Rồi vua rời chỗ ngồi đứng dậy, quì gối chấp tay thưa rằng:

“Con tự quy y Như Lai, Pháp, Tăng Tỳ-kheo, trọn đời cho phép con làm ưu-bà-tắc, không sát sanh. Vì việc nước đa đoan, giờ con muốn trở về cung.”

Na-la-đà nói:

“Nay đã đúng lúc”

Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu quanh ba vòng, rồi ra đi.

Vua Văn-trà sau khi nghe những gì Na-la-đà dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người bệnh tật mà thành tựu năm pháp thì không lúc nào lành bệnh được, thường nằm liệt giường chiếu. Những gì là năm? Hoặc khi người bệnh không chọn đồ ăn thức uống, không tùy thời ăn, không thân cận y dược, nhiều ưu, ưa sân, không khởi lòng từ đối với người nuôi bệnh. Tỳ-kheo, đó gọi là người bệnh tật thành tựu năm pháp này, không lúc nào lành bệnh được.

“Nếu lại có bệnh nhân nào thành tựu năm pháp thì sẽ được bệnh mau lành. Những gì là năm? Hoặc khi bệnh nhân chọn lựa thức ăn, tùy thời ăn, thân cận y dược, trong lòng không sầu ưu, hằng khởi tâm từ đối với người nuôi bệnh. Tỳ-kheo, đó gọi là bệnh nhân thành tựu năm pháp này liền được lành bệnh.

“Như vậy, Tỳ-kheo, năm pháp trước hãy niệm lia bỏ. Năm pháp sau nên cùng phụng hành.

[680c01]“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³⁰ Tham chiếu Pāli, A V 123 Upaṭṭhākasutta (R iii. 143).

KINH SỐ 9³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu người nào nuôi bệnh thành tựu năm pháp thì bệnh nhân không được chóng khỏi, thường nằm liệt giường. Những gì là năm? Lúc đó, người nuôi bệnh không phân biệt thuốc hay, biếng nhác không tâm dưng mãnh, thường ưa sân hận cũng ham ngủ nghỉ, chỉ tham ăn nên nuôi bệnh nhân không đúng pháp cung dưỡng, không cùng người bệnh chuyện trò trao đổi. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là người nuôi bệnh nào thành tựu năm pháp này thì bệnh nhân không được chóng khỏi.

“Lại này Tỳ-kheo! Nếu người nuôi bệnh nào thành tựu năm pháp thì bệnh liền mau lành, không nằm liệt giường. Sao gọi là năm? Lúc đó, người nuôi bệnh phân biệt thuốc hay; cũng không biếng nhác, thức trước ngủ sau; thường thích nói chuyện, ít ngủ nghỉ; dùng pháp cung dưỡng, không ham ăn uống; chịu khó vì bệnh Nhân mà nói pháp. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là người nuôi bệnh thành tựu năm pháp này thì bệnh nhân được chóng khỏi.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, lúc nuôi bệnh nhân phải bỏ năm pháp trước, thành tựu năm pháp sau.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Sau khi, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³¹ Tham chiếu Pāli, A V 124 Dutīya-upaṭṭhākasutta (R iii. 144).

KINH SỐ 10³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú trong rừng Di-hầu³³ tại Tỳ-xá-ly cùng năm trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, Đại tướng Sư Tử³⁴ đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, Phật bảo Sư Tử :

“Thế nào, trong nhà ông thường có bố thí không?”

Sư Tử bạch Phật:

“Con thường ở ngoài bốn cửa thành và trong thành phố, tùy thời mà bố thí không cho thiếu sót. Ai cần ăn, cung cấp thức ăn. Y phục, hương hoa, xe ngựa, toạ cụ, tùy theo chỗ cần dùng của họ, con đều khiến cung cấp cho họ.”

Phật bảo Sư Tử :

“Lành thay, lành thay, ông có thể bố thí mà không ôm lòng tưởng tiếc. Đàn-việt thí chủ tùy thời bố thí có năm công đức. Những gì là năm? Lúc đó, đàn việt thí chủ được tiếng đồn vang khắp, mọi người khen ngợi rằng: ‘Tại thôn làng kia có đàn-việt thí chủ thường ưa tiếp đón sa-môn, bà-la-môn, tùy theo nhu cầu mà cung cấp, không để thiếu sót. Nay Sư Tử, đó gọi là công đức thứ nhất mà đàn-việt thí chủ thu được.

“Lại nữa, này [681a01] Sư Tử, khi đàn-việt thí chủ đến trong chúng sa-môn, sát-lợi, bà-la-môn, trưởng giả, trong ôm lòng hổ thẹn, cũng không có điều sợ hãi. Giống như sư tử, vua loài thú,

³² Tham chiếu Pāli, A V 34 Sīhasenāpatisutta (R.iii. 38).

³³ Di hầu lâm 獼猴林. Các nơi khác thường nói là Di hầu trì. Xem *Trung*, kinh 18 (Sư tử).

³⁴ Sư Tử Đại tướng 師子大將. Pāli: Sīhasenapati. Xem *Trung*, kinh 18 (Sư Tử); A. VIII. 12. Sīha.

ở giữa bày nài, không hề sợ nạn. Nay Sư Tử, đó gọi là công đức thứ hai mà đàn-việt thí chủ thu được.

“Lại nữa, nay Sư Tử, đàn-việt thí chủ được mọi người kính ngưỡng, người thấy vui mừng như con thấy cha, ngắm nhìn không chán. Nay Sư Tử, đó gọi là phước đức thứ ba mà đàn-việt thí chủ thu được.

“Lại nữa, nay Sư Tử, đàn-việt thí chủ sau khi mạng chung sẽ sinh hai nơi: Hoặc sinh lên trời, hoặc sinh trong loài người. Ở trời được trời kính trọng; ở người được người tôn quý. Nay Sư Tử, đó gọi là phước đức thứ tư mà đàn-việt thí chủ thu được.

“Lại nữa, nay Sư Tử, đàn-việt thí chủ, trí huệ xa vời vượt lên mọi người, hiện thân diệt tận lậu, không tái sinh đời sau. Nay Sư Tử, đó gọi là phước đức thứ năm mà đàn-việt thí chủ thu được.

“Phàm người bố thí có năm đức, thường đi theo bên mình.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tâm ưa thích bố thí,
Thành công đức đầy đủ;
Trong chúng không nghi nan,
Cũng không hề sợ hãi.*

*Người trí hãy bố thí,
Tâm đầu không hối tiếc.
Tại trời Tam thập Tam,
Ngọc nữ sẽ vây quanh.*

“Vi vậy, Sư Tử nên biết, đàn-việt thí chủ sinh hai chỗ lành, hiện thân hết lậu, đến chỗ vô vi.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thí là lương đời sau,

*Đưa đến chỗ rốt ráo.
Thiện thân thường theo hộ;
Cũng khiến cho hoan hỷ.*

“Vi sao vậy? Sư Tử nên biết, vì khi bố thí thường hiện lòng hoan hỷ, thân tâm kiên cố, nên các công đức lành đều đầy đủ, được tam-muội, ý cũng không tán loạn, biết như thật. Thế nào là biết như thật? Đây là khổ, tập, khổ diệt, khổ xuất ly, thấy đều biết như thật. Cho nên, này Sư Tử, hãy tìm cầu phương tiện tùy thời bố thí. Nếu muốn đắc đạo Thanh Văn, Bích-chi-phật thì thấy đều như ý. Này Sư Tử, hãy học điều này như vậy.”

Sư Tử sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [681b1] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Khi đàn-việt thí chủ huệ thí, được năm sự công đức.³⁶ Những gì là năm? Một là thí mạng,³⁷ hai là thí sắc, ba là thí an lạc, bốn là thí sức, năm là thí biện tài³⁸. Đó gọi là năm.

“Lại nữa, đàn-việt thí chủ lúc thí mạng là muốn được trường thọ, lúc thí sắc là muốn được xinh đẹp, lúc thí an lạc là muốn được không bệnh, lúc thí sức là muốn không ai hơn, lúc thí biện tài là muốn được biện tài vô thượng chơn chánh.

³⁵ Tham chiếu Pāli, A V 37 Bhojanasutta (R.iii. 41).

³⁶ Tham chiếu Pāli, ibid., khi thí (*dāyaka*) cho bữa ăn, là mang đến cho người nhận (*paṭiggahaka*) năm điều.

³⁷ Thí mạng 施命. Pāli: *Āyum deti*, ban cho tuổi thọ.

³⁸ Thí biện tài. Pāli: *paṭibhānam deti*, ban cho sự sáng suốt.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, đó gọi là khi đàn-việt thí chủ bố thí, có năm sự công đức này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thí mạng, sắc, và an,
Sức, biện tài, năm thứ;
Đủ năm công đức này,
Sau hưởng phước vô cùng.*

*Người trí nên bố thí,
Trừ bỏ lòng tham dục;
Thân này có danh dự,
Sinh trời cũng lại vậy.*

“Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn được năm công đức này, hãy làm năm việc này.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 12³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí đúng thời⁴⁰ có năm sự. Những gì là năm? Một là thí cho khách xa đến. Hai là thí cho người đi xa. Ba là thí cho người bệnh. Bốn là thí cho lúc thiếu. Năm là thí lúc mới thu hoạch

³⁹ Tham chiếu Pāli, A V 36 Kāladānasutta (R. iii. 41).

⁴⁰ Ứng thời thí 應時施. Pāli: *Kāladāna*.

cây trái, ngũ cốc trước tiên, cúng dường cho người trì giới tinh tấn, sau đó tự dùng. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là thí đúng thời có năm sự này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người trí thí đúng thời
Tín tâm không dứt mất.
Ở đây chóng hưởng vui;
Sanh thiên đủ các đức.*

*Tùy thời niệm bố thí,
Thọ phước như tiếng vang.
Vĩnh viễn không thiếu thốn,
Nơi sinh thường giàu sang.*

*Thí là đủ các hành,
Đạt đến vị vô thượng.
Thí nhiều không khởi tưởng,
Hoan hỷ càng tăng trưởng.*

*Trong tâm sanh niệm này,
Ý loạn tuyệt không còn.
Cảm nhận thân an lạc,
Tâm liền được giải thoát.*

*Cho nên người có trí,
Không kể nam hay nữ,
Hãy hành năm thí này;
Không mất phương tiện nghi.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào, muốn hành năm sự này thì, nên thí tùy thời.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Thiện, bất thiện, lễ Phật,
Thiên sứ, tuế, ngũ đoan,
Văn-trà, thân, nuôi bệnh,
Năm thí, tùy thời thí.⁴¹*

⁴¹ Bản Hán, hết quyển 24.

33. PHẨM NĂM VUA

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua năm nước lớn, đứng đầu là Ba-tư-nặc, nhóm họp ở trong lạc viên, bàn luận với nhau những điều sau đây. Năm vua gồm những ai? Vua Ba-tư-nặc,² vua Tỳ-Sa,³ vua Ưu-điền,⁴ vua Ác Sanh⁵ và vua Ưu-đà-diên.⁶

Khi ấy, năm vua nhóm họp lại một chỗ bàn luận những điều này:

“Chư Hiền nên biết, Như Lai nói về năm dục⁷ này. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt khả ái, khả niệm, được người đời mong muốn. Tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi

¹ S 3. 2.2. Pañcarājasutta (R. i. 79).

² Ba-tư-nặc, Pāli: Pasenadi 波斯匿, vua nước Kosala (Câu-tát-la).

³ Tỳ-sa 毘沙, chưa rõ; có lẽ là Bình-sa (Pāli: Bimbisāra). Xem kinh 3, phẩm 6.

⁴ Ưu-điền 優填. Pāli: Udena, vua nước Kosambī (Kiền-thường-di).

⁵ Ác Sanh 惡生; có lẽ Pāli Caṇḍappajjota (nhưng Hán dịch đọc là Caṇḍappajāta), vua nước Ujjenī (uru-thiền). Nhưng xem kinh 5, phẩm 36, cht. 16.

⁶ Ưu-đà-diên và Ưu-điền thường là phiên âm từ cùng một từ (Skt. Udayana; Pāli: Udena). Ở đây không rõ hai nhân vật khác nhau là ai. Tham chiếu kinh *Ngũ vương* (T14 No 523), trong đó nói vualón nhất là Phổ An 普安; bốn vua nhĩ không nêu tên.

⁷ Ngũ dục 五欲, nói đủ là ngũ dục công đức, năm tố chất của dục. Pāli: *Pañca-kāmaguṇa*.

mũi, vị được nếm bởi lưỡi, mịn lắng được xúc chạm bởi thân. Như Lai nói về năm dục này. Trong năm dục này, cái nào tối diệu? Sắc được thấy bởi mắt chẳng? Tiếng được nghe bởi tai là tối diệu chẳng? Hương được ngửi bởi mũi là tối diệu chẳng? Vị được nếm bởi lưỡi là tối diệu chẳng? Mịn lắng được xúc chạm bởi thân là tối diệu chẳng? Năm sự này, cái nào là tối diệu? Trong đó, hoặc có quốc vương nói sắc là tối diệu. Hoặc có vị bàn thanh là tối diệu. Hoặc có vị bàn hương là tối diệu. Hoặc có vị bàn vị là tối diệu. Hoặc có vị bàn mịn trơn là tối diệu.

“Lúc [682a01] ấy, nói sắc tối diệu là thuyết của vua Ưu-đà-diên. Nói thanh tối diệu là luận của vua Ưu-điền. Nói hương tối diệu là luận của vua Ác Sanh. Nói vị tối diệu là luận của vua Ba-tư-nặc. Nói mịn trơn tối diệu là luận của vua Tỳ-sa. Bây giờ, năm vua nói nhau:

“Chúng ta cùng bàn luận về năm dục này, nhưng lại không biết cái nào là tối diệu.”

Vua Ba-tư-nặc bèn nói với bốn vị vua kia:

“Phật đang ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Chúng ta cùng đến hết chỗ Thế Tôn hỏi nghĩa này. Nếu Thế Tôn có điều chi dạy bảo, chúng ta sẽ cùng phụng hành.”

Các vua sau khi nghe vua Ba-tư-nặc nói vậy, liền cùng dẫn nhau đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đem những điều cùng bàn về năm dục đầy đủ bạch lên Như Lai.

Bây giờ, Thế Tôn bảo năm vị vua:

“Những gì các vua bàn, đúng tùy theo trường hợp. Vì sao vậy? Vì tùy vào tánh hạnh mỗi người. Người đắm nhiễm sắc, nhìn sắc không biết chán. Với người này sắc là tối thượng, không gì

Tăng nhất A-hàm

vượt qua. Bây giờ, người đó không đắm nhiễm thanh, hương, vị, mịn trơn. Trong năm dục, sắc là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh đắm nhiễm âm thanh, khi nghe thanh, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, thanh là tối diệu tối thượng. Trong năm dục, thanh là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh đắm nhiễm hương, khi ngửi hương, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, hương là tối diệu, tối thượng. Trong năm dục, hương là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh nhiễm đắm vị ngon, khi biết vị rồi, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, vị là tối diệu tối thượng. Trong năm dục, vị là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh nhiễm đắm mịn trơn, khi được mịn trơn rồi lòng rất là hoan hỷ, mà không chán. Với người này, mịn trơn là tối diệu, tối thượng. Trong năm dục, mịn trơn là tối diệu.

“Nếu tâm người kia đắm nhiễm sắc, khi ấy người đó sẽ không đắm nhiễm pháp thanh, hương, vị, và mịn trơn.

“Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm thanh, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, hương, vị, và mịn trơn.

“Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm hương, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, thanh, vị, và mịn trơn.

“Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm vị, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, thanh, hương, và mịn trơn.

[682b01] “Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm mịn trơn, người đó không còn không đắm nhiễm pháp sắc, thanh, hương, vị.”

Bây giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Khi ý dục bùng cháy,
Cái được muốn phải được.
Được rồi càng hoan hỷ
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được dục này,
Ý tham dục không mở,
Do đây mà hoan hỷ,
Duyên đó cho tối diệu.*

*Hoặc khi muốn nghe tiếng,
Cái được muốn phải được.
Nghe xong càng hoan hỷ
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được tiếng này,
Tham đó ý không mở,
Do đây mà hoan hỷ;
Duyên đó cho tối diệu.*

*Hoặc khi lại ngửi hương
Cái được muốn phải được.
Ngửi xong càng hoan hỷ,
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được hương này,
Tham đó ý không mở.
Do đây mà hoan hỷ
Duyên đó cho tối diệu.*

*Hoặc khi lại được vị
Cái được muốn phải được.
Được rồi thêm hoan hỷ
Sở dục không có nghi.
Kia đã được vị này,
Tham đó ý không mở.
Do đây mà hoan hỷ,
Duyên đó cho tối diệu.*

*Nếu khi được mượn lán
Cái được muốn phải được.
Được rồi thêm hoan hỷ,
Sở dục không nghi nan.
Kia đã được mịn trơn,
Tham đó ý không mở.
Do đây ma hoan hỷ
Duyên đó cho tối diệu.*

“Cho nên, này Đại vương, nếu nói sắc là diệu, hãy bình đẳng mà luận. Vì sao vậy? Vì nơi sắc có vị ngọt. Nếu sắc không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, sắc là tối diệu. Nhưng sắc cũng có tai hại. Nếu sắc không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. Nhưng sắc có xuất yếu. Nếu sắc không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. [682c01] Trong năm dục, sắc là tối diệu.

“Lại nữa, này Đại vương, nếu nói thanh là diệu, hãy bình đẳng mà luận. Vì sao vậy? Vì nơi thanh có vị ngọt. Nếu thanh không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, thanh là tối diệu. Nhưng thanh cũng có tai hại. Nếu thanh không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. Nhưng thanh có xuất yếu. Nếu thanh không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, thanh là tối diệu.

“Đại vương nên biết, nếu nói hương là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao vậy? Vì nơi hương có vị ngọt. Nếu hương không có

vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đấm. Do nó có vị nên trong năm dục, hương là tối diệu. Nhưng hương cũng có tai hại. Nếu hương không có tai hại, chúng sanh không nhầm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhầm chán nó. Nhưng hương có xuất yếu. Nếu hương không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, hương là tối diệu.

“Lại nữa, này Đại vương, nếu nói vị là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao vậy? Vì nơi vị có vị ngọt. Nếu vị không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đấm. Do nó có vị nên trong năm dục, vị là tối diệu. Nhưng vị cũng có tai hại. Nếu vị không có tai hại, chúng sanh không nhầm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhầm chán nó. Nhưng vị có xuất yếu. Nếu vị không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, vị là tối diệu.

“Lại nữa, này Đại vương, nếu nói mịn trơn là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao vậy? Vì nơi mịn trơn có vị ngọt. Nếu mịn trơn không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đấm. Do nó có mịn trơn nên trong năm dục, mịn trơn là tối diệu. Nhưng mịn trơn cũng có tai hại. Nếu mịn trơn không có tai hại, chúng sanh không nhầm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhầm chán nó. [683a01]Nhưng mịn trơn có xuất yếu. Nếu mịn trơn không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, mịn trơn là tối diệu.”

Năm vua sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có trưởng giả Nguyệt Quang lắm của nhiều tiền, đầy đủ voi ngựa, bảy báu, vàng bạc châu báu không thể tính kể; nhưng trưởng giả Nguyệt Quang không có con cái. Vì không có con cái nên bấy giờ trưởng giả Nguyệt Quang cầu đảo trời, thần, thỉnh cầu mặt trời, mặt trăng, thiên thần, địa thần, quỷ tử mẫu, Tứ thiên vương, hai mươi tám đại thần quỷ vương, Thích Đề-hoàn Nhân và Phạm thiên, thần núi, thần cây, thần ngũ đạo, cây cối, thảo dược; khắp cả mọi nơi, tất cả đều tham lễ, cầu mong ban cho một cậu con trai.

Rồi vợ trưởng giả Nguyệt Quang trải qua trong vòng mấy ngày, liền mang thai, bèn nói với Trưởng giả:

“Tôi tự biết đã có mang.”

Nghe vậy, Trưởng giả vui mừng hơn hờ, không tự chế được, liền sắm cho phu nhân giường ghé tốt, ăn uống ngon ngọt, mặc quần áo đẹp.

Trải qua tám chín tháng, phu nhân sinh một cậu bé tướng mạo xinh đẹp, hiếm có trên đời, như màu hoa đào. Bấy giờ, hai tay bé cầm hạt ngọc ma-ni vô giá, ngay đó liền nói kệ này:

*Nhà này lắm tài sản,
Báu vật cùng thức ăn;
Nay tôi muốn bố thí,
Để người nghèo không thiếu.*

*Nếu ở đây không vật,
Của báu và thức ăn;*

*Nay có ngọc vô giá
Thường dùng bổ thí người.*

Lúc đó, cha mẹ cùng người trong nhà nghe lời nói này rồi, mọi người đều bỏ chạy, ‘Sao lại sanh loài quỷ mị này?’ Chỉ có cha mẹ vì thương xót con nên không bỏ chạy tán loạn. Người mẹ liền hướng về con nói bài kệ này:

*Là trời, càn-thát-bà?
Quý mị hay la-sát?
Là ai? Tên họ gì?
Nay ta muốn biết được!*

Lúc ấy, cậu bé dùng kệ đáp lại mẹ:

*Chẳng trời, càn-thát-bà;
Chẳng quý mị, la-sát.
Nay con, cha mẹ sanh;
Là người, không nên nghi.*

Khi phu phân nghe những lời, vui mừng hơn hờ không tự chế được. Bà đem nhân duyên này nói lại hết cho trưởng giả Nguyệt Quang. Nghe những lời này, trưởng giả nghĩ thầm: ‘Đây là do duyên gì? Nay ta phải đem việc này nói cho Ni-kiền Tử.’ Ông bồng cậu bé này đến chỗ Ni-kiền Tử, đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Rồi trưởng giả Nguyệt Quang đem nhân duyên này nói đầy đủ cho Ni-kiền Tử. Ni-kiền Tử sau khi nghe những lời này, bảo trưởng giả:

“Cậu bé này là người bạc phước, đối với thân không có ích, hãy giết đi. Nếu không giết thì nhà cửa tiêu hao suy sụp, thầy đều chết hết.”

Trưởng giả Nguyệt Quang khi ấy tự suy nghĩ: “Trước đây ta không có con cái, Vì nhân duyên này thỉnh cầu trời đất, không nơi nào không đến; trải qua bao nhiêu năm tháng mới sanh

được đưa con này. Nay ta không nỡ giết đứa bé này. Cần hỏi lại Sa-môn, Bà-la-môn khác để dứt nghi cho ta.”

Bấy giờ, Như Lai thành Phật chưa lâu. Mọi người xưng hiệu là Đại Sa-môn. Trưởng giả Nguyệt Quang nghĩ thầm: “Ta nên đem nhân duyên này thuật với Đại Sa-môn ấy.”

Trưởng giả rời chỗ ngồi đứng dậy, bồng đứa con này đến chỗ Thế Tôn. Giữa đường lại nghĩ thầm: “Nay có bà-la-môn trưởng lão, tuổi đã quá già, trí tuệ thông minh được mọi người kính trọng, ông còn không biết, không thấy; huống chi là Sa-môn Cò-đàm này, tuổi trẻ, học đạo chưa lâu, há có thể biết việc này sao? Sẽ sợ rằng cũng không giải tỏa được cái nghi của mình. Nay đang giữa đường, ta nên trở về nhà.”

Khi ấy, có một thiên thần xưa là bạn quen biết cũ của trưởng giả, biết được những ý nghĩ trong lòng trưởng giả, ở giữa hư không nói rằng:

“Trưởng giả nên biết, hãy tiến về trước một tí, ắt sẽ được lợi, được quả báo lớn, cũng sẽ đến chỗ cam lộ bất tử. Như Lai ra đời rất là khó gặp. Như Lai mưa cam lồ xuống, thật lâu mới có.

“Lại nữa, này Trưởng giả, có bốn sự tuy rất nhỏ, không thể xem thường. Sao gọi là bốn? Quốc vương tuy nhỏ, không thể xem thường; đóm lửa tuy nhỏ, cũng không thể xem thường; rỗng tuy nhỏ, cũng không thể xem thường; người học đạo tuy nhỏ, cũng không thể xem thường. Này Trưởng giả, đó gọi là bốn sự không [683c01] thể xem thường.”

Rồi thiên thần nói kệ này:

*Quốc vương tuy còn nhỏ;
Sát hại do pháp này.
Đóm lửa tuy chưa bùng;*

*Sẽ đốt cỏ, cây, núi.
Rồng thần hiện tuy nhỏ,
Làm mưa khi đến thời.
Người học đạo tuy nhỏ,
Độ người vô số lượng.*

Bấy giờ, trưởng giả Nguyệt Quang, tâm ý khai mở, vui mừng hơn hở, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo trưởng giả:

“Hiện cậu bé này rất có phước lớn. Cậu bé này nếu lớn lên, cậu ta sẽ dẫn năm trăm đồ chúng đến chỗ Ta, xuất gia học đạo, đắc A-la-hán. Trong hàng Thanh Văn của Ta, là người có phước đức lớn nhất không ai có thể sánh kịp.”

Lúc ấy, trưởng giả nghe xong, vui mừng hơn hở, không tự kềm chế được, bạch Thế Tôn:

“Đúng như lời Thế Tôn dạy, chẳng phải như Ni-kiền Tử.”

Rồi trưởng giả Nguyệt Quang lại bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn hãy thương đưa bé này mà cùng chúng Tăng nhận lời thọ thỉnh.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh. Sau khi thấy Thế Tôn im lặng nhận lời mời, ông từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi lui đi. Về đến nhà, ông bày biện cỗ bàn các thứ đồ thức uống ngon ngọt, trải toạ cụ tốt. Sáng sớm đích thân đến bạch:

“Đã đến giờ, cúi xin Thế Tôn quang lâm.”

Thế Tôn biết đã đến giờ, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh vào thành Xá-vệ, đến nhà Trưởng giả, tới chỗ ngồi. Trưởng giả thấy Phật và các Tỳ-kheo đã ngồi ổn định rồi, bèn dọn đồ ăn

thức uống, tụt tay châm chước, hoan hỷ không loạn. Thấy đã ăn xong, dọn dẹp bình bát, dùng nước rửa, rồi ông lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước mặt Như Lai, muốn được nghe pháp vi diệu mà Phật thuyết.

Khi ấy, trưởng giả Nguyệt Quang bạch Thế Tôn:

“Nay con xin đem tất cả nhà cửa, sản nghiệp, ruộng vườn cho đứa bé này, cúi xin Thế Tôn hãy đặt tên cho.”

Thế Tôn bảo:

“Lúc đứa bé này sinh, mọi người đều bỏ chạy tán loạn, gọi là quỷ thi-bà-la⁸ nên nay đặt tên là Thi-bà-la⁹.”

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự nói các đề tài vi diệu cho Trưởng giả và vợ trưởng giả; đề tài về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, xuất yếu là vi diệu.

[684a01] Thế Tôn thấy tâm ý của Trưởng giả và vợ trưởng giả đã khai mở, không còn hồ nghi nữa. Như pháp thường mà chư Phật Thế Tôn thuyết, là khổ, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn nói hết cho Trưởng giả, khiến cho phát tâm hoan hỷ. Ngay trên chỗ ngồi, vợ chồng Trưởng giả sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Giống như vải trắng mới dễ nhuộm màu, vợ chồng Trưởng giả lúc này cũng như vậy, ở ngay trên chỗ ngồi, được mắt pháp trong sạch. Họ đã thấy pháp, được pháp và, phân biệt các pháp, đã hết do dự, không còn hồ nghi, được không còn sợ hãi, hiểu được Pháp sâu xa của Như Lai, liền thọ năm giới.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

⁸ Thi-bà-la quỷ 尸婆羅鬼, chưa rõ quỷ gì.

⁹ Thi-bà-la 尸婆羅. Có lẽ đồng nhất với Sīvalī, Pāli. Nhưng truyện kể ở đây không giống các truyện kể Pāli.

*Tể tự, lửa trên hết;
Các luận, kệ đứng đầu;¹⁰
Vua, tôn quý loài người;
Biển là nguồn các sông;
Trăng sáng nhất các sao;
Nguồn sáng mặt trời nhất;
Tám phương và trên dưới,
Muôn phẩm vật sản sinh;
Người muốn cầu phước kia,
Tam-Phật¹¹ là tối tôn.”*

Khi Thế Tôn nói bài kệ này xong, từ chỗ đứng dậy ra về.

Khi ấy, trưởng giả tìm năm trăm đồng tử sai hầu Thi-bà-la. Khi Thi-bà-la vừa tròn hai mươi tuổi, bèn đến chỗ cha mẹ thưa cha mẹ:

“Cúi xin song thân cho phép con xuất gia học đạo.”

Bấy giờ, song thân liền chấp thuận. Vì sao vậy? Vì trước đây Thế Tôn đã thọ ký cho rồi: ‘Cậu sẽ dẫn năm trăm thiếu niên đến chỗ Thế Tôn xin làm Sa-môn.’

Thi-bà-la và năm trăm người, lạy sát chân cha mẹ rồi liền lui đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Thi-bà-la bạch Thế Tôn:

“Cúi xin cho phép con được xếp vào đạo.”

Thế Tôn, liền chấp thuận cho làm Sa-môn. Chưa qua mấy ngày, liền thành A-la-hán, lục thần thông trong suốt, tám giải thoát đầy đủ. Bấy giờ, năm trăm đồng tử đến trước bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con làm Sa-môn.”

¹⁰ Xem kinh số 4, phẩm 18.

¹¹ Tam-Phật 三佛, phiên âm từ Sambuddha, (Phật) Chánh giác.

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn im lặng hứa khả. Xuất gia chưa kinh qua bao nhiêu ngày họ đều thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Thi-bà-la trở về bang cũ nước Xá-vệ, được mọi người kính ngưỡng, và được cúng dường bốn thứ: y áo, thức ăn, toạ cụ ngoạ cụ, thuốc men trị bệnh. Lúc ấy, Thi-bà-la nghĩ thầm: ‘Nay ta ở tại bang cũ này rất là [84b01] ồn ào. Ta hãy du hoá ở trong nhân gian.’

Bấy giờ, đến giờ khát thực, Tôn giả Thi-bà-la đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khát thực xong, trở về chỗ ở, thu xếp toạ cụ, đắp y mang bát, dẫn theo năm trăm Tỳ-kheo ra khỏi tinh xá Kỳ-hoàn du hoá trong nhân gian. Đến đâu, họ cũng đều được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, toạ cụ, ngoạ cụ, thuốc men trị bệnh. Lại có chư thiên báo các thôn làng:

“Nay có Tôn giả Thi-bà-la đắc A-la-hán, phước đức đệ nhất, dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hoá trong nhân gian, chư Hiền hãy đến cúng dường. Ai nay không làm, sau hối hận vô ích.”

Lúc này, Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thầm: ‘Nay thật chán đủ sự cúng dường này. Ta nên lánh chỗ nào cho người không biết chỗ ta.’ Rồi Tôn giả bèn đi vào núi sâu. Chư thiên lại báo với mọi người trong thôn làng:

“Hiện Tôn giả Thi-bà-la đang ở trong núi này. Hãy đến cúng dường. Nay ai không làm, sau hối hận vô ích.”

Dân làng sau khi nghe chư thiên nói vậy, liền gánh đồ ăn thức uống đến chỗ Tôn giả Thi-bà-la thưa:

“Cúi xin Tôn giả hãy vì chúng con mà ở đây.”

Lúc ấy, Thi-bà-la du hoá trong nhân gian đi dần dần đến chỗ Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyet cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo, cũng được cúng dường y phục, đồ ăn thức

uống, tọa cụ ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thầm: “Nay ta nên tìm chỗ nào để hạ an cư, cho mọi người không biết chỗ ta.” Rồi lại nghĩ: “Nên đến phía tây núi Quảng phổ¹² ở phía đông núi Kỳ-xà,¹³ ở đó hạ an cư.” Tôn giả bèn dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến ở trong núi kia mà thọ hạ an cư.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biết được những ý nghĩ trong tâm Thi-bà-la, liền ở trong núi hóa hiện phù-đồ,¹⁴ vườn cây ăn trái, đều đầy đủ; chung quanh có ao tắm, hoá ra năm trăm đài cao, lại hóa năm trăm giường nằm, lại hóa năm trăm giường ngồi, lại hóa năm trăm giường dây và, dùng cam lồ trời mà ăn.

Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thầm: “Nay ta đã hạ an cư xong. Lâu quá không gặp Như Lai, nay nên đến hầu cận Thế Tôn.” Tôn giả liền dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến thành Xá-vệ. Lúc ấy, trời nóng bức, chúng Tỳ-kheo đều đổ mồ hôi, dơ bẩn thân thể. Tôn giả Thi-bà-la [684c01] nghĩ thầm: “Hôm nay, chúng Tỳ-kheo thân thể nóng nực, nếu được chút mây trên trời cùng tạo cơn mưa nhỏ thì thật là việc tốt, và gặp được ao tắm nhỏ cùng được ít nước uống.” Vừa khởi lên ý nghĩ này, tức thì trên không trung xuất hiện một đám mây lớn tạo thành cơn mưa bụi. Cũng có ao tắm, có bốn phi nhân gánh nước uống ngon ngọt do Tỳ-sa-môn thiên vương sai khiến, đến thưa:

“Cúi xin Tôn giả nhận nước uống ngọt này và cho Tăng Tỳ-kheo.” Tôn giả nhận nước uống này, rồi cho Tăng Tỳ-kheo uống.

¹² Quảng Phổ sơn 廣普山. Pāli: Vepulla, một trong năm ngọn núi bao quanh Vương-xá.

¹³ Kỳ-xà 耆闍山, tức Kỳ-xà-quật. Pāli: Gijjhakūṭa.

¹⁴ Phù-đồ 浮圖, tức tháp; Skt. stūpa.

Tăng nhất A-hàm

Thi-bà-la lại nghĩ: “Nay ta nên nghỉ đêm ở nơi đây.” Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân biết những ý nghĩ trong tâm Thi-bà-la, liền hoá ra năm trăm phùng xá ở cạnh đường, đầy đủ giường nằm, tọa cụ. Chư thiên dâng lên đồ ăn thức uống. Thi-bà-la ăn xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Bấy giờ, chú của Tôn giả Thi-bà-la đang ở trong thành Xá-vệ, lắm tiền nhiều của, không thiếu thứ gì, nhưng lại tham lam không chịu bố thí, không tin Phật pháp Tăng, không tạo công đức. Những thân tộc nói với người này:

“Trưởng giả dùng của cải này làm gì mà không tạo tư lương cho đời sau?”

Trưởng giả kia sau khi nghe những lời này rồi, trong một ngày, đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho bà-la-môn ngoại đạo chớ không hướng về Tam bảo.

Lúc đó, Tôn giả Thi-bà-la nghe chú mình đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo mà không cúng dường cho Tam bảo. Tôn giả Thi-bà-la đến tinh xá Kỳ-hoàn, rồi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì Thi-bà-la nói pháp vi diệu. Tôn giả Thi-bà-la sau khi nghe pháp từ Như Lai, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh bên hữu ba vòng rồi ra đi.

Ngay ngày hôm ấy, Tôn giả Thi-bà-la đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, dần dần đến nhà người chú. Đến nơi, Tôn giả đứng im lặng ở ngoài cửa. Trưởng giả thấy Tôn giả Thi-bà-la ở ngoài cửa khát thực, liền nói:

“Hôm qua, sao ngươi không lại? Hôm qua, ta đem trăm ngàn lượng vàng bố thí. Giờ ta cho ngươi một tấm vải gạ.”

Thi-bà-la đáp:

“Tôi không dùng vải làm gì. Hôm nay đến đây là để khát thực.”

Trưởng giả đáp:

“Hôm qua ta đã dùng trăm nghìn lượng vàng bố thí, nên không thể bố thí trở lại được.”

[685a01] Tôn giả Thi-bà-la muốn độ trưởng giả, nên liền bay lên không trung, thân tuôn ra nước lửa, ngòi, nằm kinh hành tùy ý tạo. Khi Trưởng giả thấy biến hóa này, bèn tự nói:

“Hãy xuống trở lại mà ngồi đi! Nay ta sẽ bố thí cho.”

Tôn giả Thi-bà-la liền xả thân tức, về lại chỗ ngồi. Khi ấy, Trưởng giả kia đem đồ ăn thức uống tệt dờ, thật là thô xấu, cho Tôn giả Thi-bà-la dùng. Tôn giả Thi-bà-la vốn sinh trưởng trong gia đình hào phú, đồ ăn uống dư dĩa, nhưng vì trưởng giả kia nên nhận thức ăn này mà ăn. Tôn giả Thi-bà-la ăn xong, trở về chỗ ở. Ngay đêm ấy, giữa hư không thiên thần đến nói trưởng giả này:

*Thiện thí, thí thật lớn,
Là cho Thi-bà-la,
Vô dục, đã giải thoát,
Đoạn ái, không còn nghi.*

Giữa đêm và sáng sớm, hai lần nói kệ này:

*Thiện thí, thí thật lớn,
Là cho Thi-bà-la,
Vô dục, đã giải thoát,
Đoạn ái, không còn nghi.*

Khi Trưởng giả nghe chư thiên nói, bèn suy nghĩ: “Hôm qua, ta đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo mà không có cảm ứng này. Hôm nay chỉ dùng thứ ăn tệt dờ thí cho Tôn giả

Thi-bà-la mà đưa đến cảm ứng này. Lúc nào trời sáng, ta sẽ đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho Tôn giả Thi-bà-la.”

Rồi Trưởng giả ngay ngày ấy, kiểm tính trong nhà có được giá trăm nghìn lạng vàng bố thí Thi-bà-la, bèn đem đến chỗ Tôn giả Thi-bà-la, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, ông đem trăm nghìn lạng vàng dâng lên Thi-bà-la và nói:

“Cúi xin Ngài nhận trăm nghìn lượng vàng này.”

Tôn giả Thi-bà-la nói:

“Chúc Trưởng giả hưởng phước vô lượng, sống lâu tự nhiên. Nhưng Như Lai lại không cho phép Tỳ-kheo nhận trăm ngàn lượng vàng.”

Lúc ấy, Trưởng giả liền đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Trưởng giả kia bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho Tỳ-kheo Thi-bà-la nhận trăm ngàn lượng vàng này, cho con được phước này.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi đi đến chỗ Tỳ-kheo Thi-bà-la nói Ta cho gọi ông ấy.”

Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.” Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, tức thì [685b01] đi đến chỗ Thi-bà-la đem những lời Như Lai mà báo.

Tôn giả Thi-bà-la nghe theo lời Tỳ-kheo kia, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thi-bà-la:

“Nay người hãy nhận trăm ngàn lượng vàng của Trưởng giả này, để ông ta được phước này. Đây là nghiệp duyên kiếp trước, nên hưởng báo này.”

Tôn giả Thi-bà-la đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, Tôn giả Thi-bà-la liền nói bài kệ đạt-sản¹⁵:

*Cúng y áo các thứ,
Muốn cầu phước đức kia;
Sanh làm trời hay người,
Vui hưởng năm lạc thú.*

*Từ trời đến cõi người,
Vượt khỏi nghi có không,
Chỗ Niết-bàn vô vi
Nơi chư Phật an lạc.*

*Người huệ thí dễ dàng,
Mong đây được phước đức.
Hãy phát tâm từ huệ,
Làm phước không mệt mỏi.*

Khi ấy, Tôn giả Thi-bà-la bảo trưởng giả:

“Hãy mang trăm ngàn lượng vàng này để trong phòng tôi.”

Trưởng giả vâng theo lời dạy này, mang trăm ngàn lượng vàng để trong phòng Tôn giả Thi-bà-la rồi ra đi.

Thi-bà-la bảo các Tỳ-kheo:

“Các vị, có ai thiếu gì thì đến đây mà lấy; hoặc nếu cần y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm ngoạ cụ, thuốc men trị bệnh đều

¹⁵ Đạt-sản 達觀. Pāli: *dakkhinā* (Skt. *dakṣiṇā*), thí tụng, bài kệ chú nguyện thí chủ sau khi nhận cúng dường.

đến lấy; đừng câu ở nơi khác, hãy lần lượt báo cho nhau biết điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Thi-bà-la xưa kia đã tạo phước gì mà sanh nhà trưởng giả, xinh đẹp vô song như màu hoa đào? Lại tạo phước gì mà hai tay cầm ngọc từ thai mẹ sanh ra? Lại tạo phước gì mà dẫn năm trăm người đến chỗ Như Lai xuất gia, học đạo, được gặp Như Lai ở đời? Lại tạo phước gì mà đến đâu cũng được đầy đủ y phục, đồ ăn thức uống tự nhiên không thiếu thốn, Tỳ-kheo khác không bì kịp?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Quá khứ lâu xa, chín mươi một kiếp, có Phật hiệu Tỳ-bà-thi¹⁶ Như Lai Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hành túc*, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu*, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, du hoá tại nước Bàn-đầu cùng với đại chúng gồm sáu mươi vạn tám nghìn người, được cúng dường bốn thứ: y phục, đồ ăn thức uống, tọa ngọc cụ, thuốc men trị bệnh.

“Lúc ấy, có [685c01] bà-la-môn tên Da-nhã-đạt¹⁷ sống ở nơi ấy, nhiều tiền lăm của, vàng bạc, trân báu, xa cừ, mã nã, trân châu, hổ phách, không thể đếm hết.

“Bấy giờ, Da-nhã-đạt ra khỏi nước, đi đến chỗ Như Lai Tỳ-bà-thi. Đến nơi, thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên. Như Lai Tỳ-bà-thi lần lượt vì ông nói pháp, khiến ông ta sanh tâm hoan hỷ.

¹⁶ Phật Tỳ-bà-thi, xem Trường 1, kinh Đại bản. Pāli, Vipasī, D. 14 Mahāpadāna.

¹⁷ Da-nhã-đạt 耶若達; tên Pāli thường gặp: Yaññadatta (Skt. Yajñadatta), nhưng không tìm thấy đồng nhất ở đây.

Bấy giờ, Da-nhã-đạt bạch Như Lai Tỳ-bà-thi, ‘Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con. Con muốn dâng cơm cúng Phật và Tăng Tỳ-kheo.’

‘Khi ấy Như Lai im lặng nhận lời. Bà-la-môn Da-nhã-đạt thấy Thế Tôn im lặng nhận lời mời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi về nhà. Ông chuẩn bị sửa soạn các loại đồ ăn thức uống ngon ngọt.

‘Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, Da-nhã-đạt suy nghĩ: ‘Nay ta đã chuẩn bị đầy đủ các món đồ ăn thức uống, chỉ còn thiếu lạc¹⁸. Sáng sớm mai ta sẽ đến trong cửa thành, nơi đó có ai bán lạc sẽ mua hết.’ Sáng sớm, Da-nhã-đạt bày toạ cụ tốt, rồi lại đến trong cửa thành để tìm mua lạc. Vào lúc ấy, có một người chặn bò tên là Thi-bà-la muốn mang lạc đi tế tự.¹⁹ Bà-la-môn Da-nhã-đạt nói với người chặn bò, ‘Nếu ông bán lạc, tôi sẽ mua.’ Thi-bà-la nói, ‘Nay tôi muốn tế tự.’ Bà-la-môn nói, ‘Ông tế trời là để cầu điều gì? Hãy bán cho tôi, sẽ trả giá tiền cao hơn.’ Người chặn bò đáp, ‘Ông bà-la-môn, nay ông dùng lạc để làm gì?’ Bà-la-môn đáp, ‘Nay tôi thỉnh Như Lai Tỳ-bà-thi và Tăng Tỳ-kheo. Nhưng đồ ăn thức uống đã chuẩn bị xong, chỉ còn thiếu lạc.’ Thi-bà-la hỏi bà-la-môn, ‘Như Lai Tỳ-bà-thi tướng mạo thế nào?’ Bà-la-môn đáp, ‘Như Lai không ai sánh bằng, giới thanh tịnh đầy đủ, định và huệ không ai bì kịp. Trên trời dưới đất không ai sánh bằng.’ Khi bà-la-môn Da-nhã-đạt ca ngợi đức của Như Lai, Thi-bà-la nghe xong tâm trí khai mở. Khi ấy, Thi-bà-la bảo bà-la-môn, ‘Nay tôi đích thân đem lạc này đến cúng dường Như Lai, không cần tế trời làm gì nữa.’

¹⁸ Lạc 醃酪; Pāli: dadhi, sữa đông, sữa để chua.

¹⁹ Truyện kể gần với số giải TheraA. i. 144, nhân duyên Sīvalī, thời Phật Vipassī.

Tăng nhất A-hàm

“Bà-la-môn Da-nhã-đạt dẫn người chăn bò này về đến nhà, đi đến chỗ Phật, bạch rằng: ‘Đã đúng giờ, nay là lúc thích hợp, xin Thế Tôn hạ cố.’”

“Như Lai biết đã đến giờ, đắp y mang bát, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đến nhà bà-la-môn Da-nhã-đạt, mọi người ngồi theo thứ lớp.

“Khi người chăn bò thấy [686a0] dung mạo Như Lai hiếm có trên đời, các căn tịch tịnh²⁰, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, mặt như mặt trời mặt trăng, giống như núi Tu-di hơn hẳn đỉnh các núi khác, ánh sáng chiếu khắp, không nơi tối tăm nào mà không thấu. Thấy vậy, vui mừng, ông đến trước chỗ Thế Tôn, nói rằng: ‘Nếu công đức của Như Lai đúng như bà-la-môn đã nói, hãy cho bình lạc này đủ cung cấp cho chúng Tăng.’”

“Rồi Thi-bà-la bạch Thế Tôn: ‘Cúi xin nhận lạc này.’”

“Như Lai liền đưa bát nhận lạc, cũng lại cho các Tăng Tỳ-kheo nhận lạc đầy đủ. Khi ấy, người chăn bò bạch Thế Tôn: ‘Nay lạc vẫn còn dư.’ Như Lai bảo: ‘Ông đem lạc này cúng thêm cho Phật và các Tỳ-kheo.’ Người chăn bò đáp: ‘Thưa vâng, Thế Tôn!’ Người chăn bò đi chia lạc trở lại, cuối cùng lạc vẫn còn dư. Người chăn bò lại bạch Phật: ‘Số lạc vẫn còn dư!’ Như Lai bảo người này, ‘Ông hãy đem lạc này cúng cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-tu khiến được no đủ.’ Số lạc vẫn còn dư. Bấy giờ, Phật bảo người chăn bò: ‘Ông đem lạc này cho chủ nhân đàn-việt.’ Đáp, ‘Thưa vâng.’ Rồi lại tìm cho các thí chủ đàn-việt. Số lạc còn dư, lại đem cho những người ăn xin nghèo thiếu, nhưng lạc vẫn còn dư. Lại bạch Phật, ‘Hiện lạc vẫn còn dư.’ Phật bảo, ‘Nay đem số lạc này đổ nơi đất sạch,

²⁰ Nguyên hán: Đạm bạc 憚怕.

hoặc đổ vào trong nước. Vì sao vậy? Ta không thấy có người hay trời nào có thể tiêu hóa lạc này, chỉ trừ Như Lai. Người chăn bò vâng lời dạy Phật, đem lạc này đổ vào trong nước, tức thì ngay trong nước xuất hiện ngọn lửa lớn cao vài mươi nhẫn. Người chăn bò sau khi thấy sự biến hóa quái lạ này, trở lại chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, chấp tay mà đứng. Lại tự thệ nguyện, ‘Nay đem lạc này cúng dường cho chúng bốn bộ. Nếu có được phước đức, do phước lành này, con sẽ không đọa vào nơi tám nạn, không sinh vào nhà nghèo thiếu. Sinh ra bất cứ nơi nào, sáu căn hoàn toàn đầy đủ, mặt mày xinh đẹp, thường được xuất gia. Mong đời tương lai cũng gặp được Thánh tôn như vậy.’

“Tỳ-kheo nên biết, ba mươi một kiếp về trước, lại có Phật tên Thi-khí²¹ Như Lai xuất hiện ở đời. Lúc ấy, Như Lai Thi-khí giáo hoá ở thế giới Dã-mã, [686b01] cùng mười vạn đại Tỳ-kheo.

“Bấy giờ, khi đến giờ, Như Lai Thi-khí đắp y mang bát vào thành khất thực. Trong thành có một khách thương lớn tên Thiện Tài. Từ xa thấy Như Lai Thi-khí có các căn tịch tịnh, dung mạo đoan chánh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, mặt như mặt trời mặt trăng; thấy vậy ông phát tâm hoan hỷ, đến trước chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Lúc này, người buôn đem ngọc báu quý rải lên Như Lai, tâm sâu kín của ông được thể hiện qua lời thề, ‘Nguyện đem công đức này, nơi nào con sinh ra cũng làm của nhiều tiền, không có gì thiếu thốn, trong tay lúc nào cũng có tiền của, cho đến trong bào thai mẹ cũng có.’

²¹ Phật Thức-cật 式詰. Xem *Truong 1*, kinh Đại bản, Phật Thi-khí 尸棄. Pāli, Sikhi, cf. D. 14 Mahāpadāna.

Tăng nhất A-hàm

“Ở trong kiếp này lại có Như Lai Tỳ-xá-phù²² Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc²³, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu²⁴, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Bấy giờ, có Trưởng giả tên Thiện Giác lăm của nhiều tiền, lại thỉnh Như Lai Tỳ-xá-phù Chí chơn Đẳng chánh giác và, Tăng Tỳ-kheo. Trưởng giả ấy thiếu người giúp việc, nên lúc này đích thân sắp soạn đồ ăn thức uống ngon ngọt thiết trai cho Như Lai ấy, rồi tự thế nguyện, ‘Tôi do công đức này, sanh ở nơi nào, thường được gặp Tam bảo, không thiếu thốn thứ gì, thường có nhiều người hầu và trong đời tương lai cũng gặp Phật như ngày nay vậy.’

“Nay trong Hiền kiếp này, lại có Phật tên Câu-lâu-tôn²⁵ Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc*, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu*, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Bấy giờ, có Trưởng giả tên Đa Tài lại thỉnh Như Lai Câu-lâu-tôn, trong vòng bảy ngày cúng dường cơm Phật và Tăng Tỳ-kheo, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, ‘Nguyện sinh ra nơi nào thường lăm của nhiều tiền, không sinh vào nhà bần tiện; khiến chỗ sinh của con thường được bốn sự cúng dường; làm nơi chúng bốn bộ, quốc vương và Nhân dân trông thấy tôn kính; nơi trời rồng quỷ thần người hay chẳng phải người trong thấy tiếp đãi.’

²² Tỳ-xá-la-bà 毘舍羅婆. Xem *Trương 1*, kinh Đại bản, Tỳ-xá-bà 毘舍婆. Pāli, ibid., Vessabhū.

²³ Nguyên bản: Minh hạnh thành vi.

²⁴ Nguyên bản: Đạo pháp ngự.

²⁵ Câu-lũ tôn 拘屢孫. Xem *Trương 1*, kinh Đại bản, Câu-lâu-tôn 拘樓孫. Pāli, ibid. Kakusandha.

“Các Tỳ-kheo nên biết, bà-la-môn Da-nhã-đạt bấy giờ há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Vì sao vậy? Vì nay tự thân chính là trưởng giả Nguyệt Quang. Người chăn bò tên Thi-bà-la đem lạc cúng dường Phật lúc ấy, nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Người lái buôn Thiện Tài lúc ấy, há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Trưởng giả Thiện Giác lúc ấy, [686c01] há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Trưởng giả Đa Tài lúc ấy, há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Ngày nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.

“Các Tỳ-kheo nên biết, Tỳ-kheo Thi-bà-la đã phát thệ nguyện này: ‘Mong nơi nào con sinh ra, con thường xinh đẹp vô song, lúc nào cũng sinh vào nhà giàu sang. Mong đời sau được gặp Thế Tôn. Ngài sẽ thuyết pháp cho con nghe, con liền được giải thoát, được xuất gia làm Sa-môn.’ Do công đức này, ngày nay, Tỳ-kheo Thi-bà-la được sanh trong nhà giàu có, xinh đẹp vô song. Nay gặp Ta lập tức thành A-la-hán.

“Song Tỳ-kheo nên biết, lại nhờ công đức rải châu báu lên mình Như Lai nên nay ở trong bào thai tay cầm hai hạt châu mà ra khỏi thai mẹ, giá trị bằng cả Diêm-phù-đề. Ngày vừa sinh ra, liền nói như vậy. Lại thỉnh Như Lai Câu-lâu-tôn để cầu có nhiều người sai khiến, nên nay dẫn năm trăm đồ chúng đến chỗ ta xuất gia học đạo, thành A-la-hán.

“Lại trong vòng bảy ngày cúng dường Như Lai Câu-lâu-tôn để được tứ sự cúng dường, nên ngày nay không thiếu y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh. Nhờ công đức này, các Tỳ-kheo không bì kịp. Thích Đề-hoàn Nhân đích thân đến cúng dường, cung cấp các thứ cần dùng. Lại nữa, chư thiên chuyển nhau báo xóm làng cho chúng bốn bộ biết có

Thi-bà-la. Ý nghĩa của sự việc là vậy. Người phước đức đệ nhất trong đệ tử của Ta chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm hạng trượng phu dũng kiện,²⁷ có nhiệm vụ chiến đấu, xuất hiện ở đời. Những ai là năm? Ở đây, có người mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu đấu, từ xa thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ nhất.

“Lại nữa, người chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu; khi thấy gió bụi mà không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy ngọn cờ cao liền sinh lòng sợ hãi, không thể tiến lên chiến đấu. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ hai.

“Lại nữa, người chiến sĩ thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, khi thấy gió bụi, hay thấy ngọn cờ cao không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sinh lòng sợ hãi, không có khả năng chiến đấu. Đó gọi là hạng [687a01] chiến sĩ thứ ba.

“Lại nữa, người chiến sĩ thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, hay thấy cung tên không sinh lòng sợ hãi, nhưng vừa vào trận liền bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ tư.

²⁶ Pāli, A V 75 Paṭhama-Yodhājīvasutta (R. iii. 39).

²⁷ Pāli: *pañcime yodhājīvā*, có năm hạng chiến sĩ này.

“Lại nữa, người chiến sĩ thứ năm mặc áo giáp, cầm gậy đi vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, thấy cung tên hoặc bị bắt, cho đến gần chết, không sinh lòng sợ hãi, có thể phá tan quân địch trong ngoài bờ cõi, mà lãnh đạo nhân dân. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ năm.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, thế gian có năm loại người này, thì nay trong chúng Tỳ-kheo cũng có năm hạng người này xuất hiện ở đời. Những ai là năm? Có Tỳ-kheo sống tại thôn xóm khác, nghe trong thôn này có người nữ xinh đẹp vô song, mặt như màu hoa đào. Nghe rồi, đến giờ, đắp y, cầm bát, vào thôn khát thực; thấy người nữ này nhan sắc vô song, liền sanh dục tưởng, cởi bỏ ba y, hoàn xả cấm giới mà làm cư sĩ. Giống như người chiến đấu kia, thấy chút gió bụi đã sinh lòng sợ hãi; Tỳ-kheo này tựa như vậy.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe có người nữ sống ở trong thôn xóm xinh đẹp không ai bằng. Đến giờ, đắp y, cầm bát, vào [687b01] thôn khát thực; khi thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, nhưng cùng người nữ kia đùa giỡn, chuyện trò qua lại. Rồi nhân việc đùa giỡn này liền cởi pháp phục, trở lại làm bạch y. Như hạng người thứ hai kia, tuy thấy bụi gió không sợ, nhưng thấy ngọn cờ cao liền sinh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn có người nữ, dung mạo xinh đẹp, ít có trên đời, như màu hoa đào. Đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khát thực; khi thấy người nữ không khởi dục tưởng. Tuy dù cùng người đùa giỡn nhau, cũng không khởi tưởng dục ý; nhưng cùng người nữ kia nắm tay, hoặc vuốt ve nhau, trong đó liền khởi dục tưởng, cởi ba pháp y, trở lại làm bạch y, tập khởi nghiệp nhà. Như hạng người thứ ba kia khi

vào trận, thấy gió bụi, thấy cờ cao không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sinh lòng sợ hãi.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn làng có người nữ, mặt mày xinh đẹp ít có trên đời. Đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khát thực; khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, hay cùng nói chuyện cũng không khởi dục tưởng. Khi được người nữ kia vuốt ve liền khởi dục tưởng, nhưng không cỡi pháp phục mà sống đời tại gia. Như hạng thứ tư kia vào quân trận bị địch bắt, hoặc mất mạng không trở ra được.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nương vào thôn làng mà sống, họ nghe trong thôn có người nữ. Đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khát thực, khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, nếu cùng nói cười cũng không khởi dục tưởng, nếu lại được vuốt ve cũng không khởi dục tưởng. Lúc ấy, Tỳ-kheo quán ba mươi sáu vật trong thân này ô uế bất tịnh: ‘Ai đắm vào đây? Do đâu khởi dục? Dục này dừng lại chỗ nào? Là từ đâu chẳng? Ra từ thân thể chẳng?’ Quán các vật này rõ ràng không có gì cả. Từ đầu đến chân cũng lại như vậy. Những gì thuộc năm tạng không có tướng tượng, cũng không có chỗ đến. Vị ấy quán nguồn duyên không biết từ nơi nào lại. Vị ấy lại nghĩ: ‘Ta quán dục này từ nhân duyên sanh.’ Tỳ-kheo quan sát điều này rồi, tâm được giải thoát dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, tâm được giải thoát vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Giống như người chiến đấu thứ năm kia sống tự tại không bị nạn địch quân. Do vậy, cho nên nay Ta nói người này đã dứt bỏ ái dục, vào nơi vô úy, đạt đến thành Niết-bàn. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này xuất hiện ở đời.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Dục, Ta biết gốc người,
Ý do tư tưởng sinh.
Ta chẳng sinh tư tưởng,
Còn người thì không có.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy quán sát tâm bất tịnh hạnh là ô uế, để trừ bỏ sắc dục.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm hạng chiến đấu xuất hiện ở đời. Sao gọi là năm? Có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận [687c01] chiến đấu, khi thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi không dám vào trong trận lớn kia. Đó gọi là hạng người thứ nhất.

“Lại nữa hạng chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, nhưng nghe tiếng trống đánh liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng thứ hai.

“Lại nữa hạng thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và, không sinh lòng sợ hãi, nhưng khi thấy cờ cao

²⁸ Pāli, A V 76 Dutiya-Yodhājīvasutta (R. iii. 93).

liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Đó gọi là hạng thứ ba.

“Lại nữa hạng thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và, cũng không sinh lòng sợ hãi, hay thấy cờ cao cũng không sinh lòng sợ hãi, nhưng lại bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là hạng thứ tư.

“Lại nữa, thứ năm có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, hoàn toàn có khả năng phá tan quân địch mở rộng bờ cõi. Đó gọi là hạng thứ năm xuất hiện ở đời.

“Tỳ-kheo nên biết, nay Tỳ-kheo cũng có năm hạng người xuất hiện ở thế gian. Sao gọi là năm? Hoặc có Tỳ-kheo sống trong thôn xóm nghe có người nữ xinh đẹp vô song, như màu hoa đào. Đến giờ, Tỳ-kheo kia đắp y mang bát vào thôn khát thực, không hộ trì các căn, không giữ gìn pháp thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ, vị ấy khởi dục ý, hoàn xả cấm giới, sống theo pháp bạch y. Như người thứ nhất kia, nghe tiếng bụi nổi lên, không kham chiến đấu, sinh lòng sợ hãi, Do vậy cho nên Ta nói đến người này.²⁹

“Lại nữa, Tỳ-kheo sống tại thôn làng, nghe trong thôn có người nữ xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, liền xả giới sống theo pháp bạch y.³⁰ Như hạng chiến đấu thứ hai kia, chỉ nghe tiếng trống, tù và, không kham chiến đấu. Đây cũng như vậy.

²⁹ Tham chiếu Pāli: Tỳ kheo khát thực, gặp người nữ quyền rũ, xả giới hoàn tục ngay.

³⁰ Hán dịch đoạn này không rõ nghĩa, thiếu mặc lạc so với đoạn trước. Tham chiếu Pāli: Tỳ kheo bị nữ quyền rũ, định về giữa Tăng xin xả giới; nhưng về chưa kịp về đến nơi mà đã vội đã xả giới.

“Lại nữa, Tỳ-kheo sống tại thôn làng, nghe có người nữ tại thôn làng kia. Sau khi nghe mà không khởi dục ý; khi thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, nhưng chỉ vì cùng người nữ đùa giỡn; do đó liền xả cấm giới, sống theo pháp bạch y.³¹ Như người thứ ba kia, từ xa thấy cờ rồi, liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Vì vậy cho nên nay Ta nói người này. Đó gọi là hạng chiến đấu thứ ba.

“Lại nữa, [688a01] Tỳ-kheo sống tại thôn làng. Tỳ-kheo kia nghe trong thôn có người nữ. Khi đắp y mang bát vào thôn khát thực, không giữ gìn thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ xinh đẹp vô song, ở đó liền khởi dục ý, hoặc cùng người nữ cùng nhau lôi kéo, hoặc nắm tay nhau, bèn xả cấm giới, trở lại làm bạch y.³² Như hạng chiến đấu thứ tư kia, ở trong đại quân, bị địch bắt, bị giết. Vì vậy nên nay Ta nói người này.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn làng có người nữ ít có trên đời. Tuy nghe vậy, mà không khởi dục tưởng. Tỳ-kheo kia đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khát thực, giữ gìn thân, miệng, ý; tuy thấy người nữ, không khởi dục tưởng, không có tà niệm; nếu cùng người nữ nói chuyện qua lại cũng không khởi dục tưởng, cũng không tà niệm. Nếu bị người nữ lôi kéo, nắm tay, bấy giờ liền khởi dục tưởng, thân, miệng, ý liền trôi dạt. Khi dục ý đã trôi dạt rồi, trở về lại Tăng viện, đến chỗ Trưởng lão Tỳ-kheo. Đem nhân duyên này nói với Trưởng lão Tỳ-kheo:

³¹ Hán dịch không rõ theo đoạn mạch. Tham chiếu Pāli: hạng thứ ba, bị nữ quyến rũ, cố gắng về được đến giữa Tăng; các tỳ kheo khuyển can nhưng vẫn không kham, rồi mới xả giới.

³² Hạng thứ tư, bị quyến rũ, về giữa tăng, được khuyên dạy, nỗ lực tinh cần nên không xả giới.

“Chư Hiền, nên biết, nay dục ý của tôi nổi dậy, không thể tự chế được. Cúi xin thuyết pháp khiến thoát khỏi bất tịnh ghê tởm của dục.”

Bấy giờ Trưởng lão Tỳ-kheo bảo:

“Nay Thầy nên quán dục này do đâu sinh? Lại do đâu diệt? Như Lai dạy: Phạm người khử dục nên dùng quán bất tịnh để trừ, và tu hành pháp quán bất tịnh.”

“Rồi Tỳ-kheo Trưởng lão liền nói kệ này:

*Nếu biết điên đảo ấy
Khiến tâm thêm trời dậy;
Hãy trừ tâm hừng hực,
Dục ý liền dùng nghỉ.*

“Chư Hiền nên biết, dục từ tướng sinh. Khi khởi niệm tưởng, liền sinh dục ý. Hoặc có thể tự hại, lại hại người khác, gây ra bao nhiêu tai họa biến đổi, ở trong hiện tại chịu khổ hoạn kia; lại ở đời sau chịu khổ vô lường. Dục ý đã trừ, cũng không tự hại, không hại người khác. Ở báo hiện tại, không chịu khổ này. Cho nên, nay phải trừ tưởng niệm. Vì không có tưởng niệm nên liền không có tâm dục, Vì không có tâm dục nên liền không có loạn tưởng.

“Bấy giờ, Tỳ-kheo kia vâng theo những lời dạy bảo như vậy, liền tư duy về tướng bất tịnh. Do tư duy về tướng bất tịnh nên bấy giờ tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, đến nơi [688b01] vô vi.³³ Như người thứ năm mặc giáp cầm gậy vào trận chiến đấu, thấy địch thủ không sinh lòng sợ hãi. Nếu có người đến hại, tâm cũng không dè dặt, có thể phá giặc ngoài, có thể qua địa

³³ Đây là hạng thứ tư trong bản Pāli tương đương. Hạng thứ năm, tỳ kheo vào thôn, thủ hộ thân, thủ hộ canu, chánh niệm, nên không bị nữ lung lạc quyến rũ.

giới của địch. Vì vậy, cho nên nay Ta nói người này có thể phá được bọn ma. Trừ các loạn tướng, đến chỗ vô vi. Đó gọi là người thứ năm xuất hiện ở đời.

“Tỳ-kheo nên biết, thế gian có năm hạng người này xuất hiện ở thế gian. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành, dục là tướng bất tịnh.

“Các Tỳ-kheo hãy học điều như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phàm người quét đất có năm trường hợp không được công đức. Những gì là năm? Ở đây, người quét đất không biết gió ngược, không biết gió xuôi, lại không dồn đống, lại không trừ phân, chỗ đất quét lại chẳng sạch sẽ. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là người quét đất có năm việc không thành công đức lớn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, người quét đất có năm việc thành tựu công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, người quét đất biết lý gió ngược, gió xuôi, cũng biết dồn đống, cũng có thể hốt bỏ không để cho dư sót lại, khiến cho đất thật sạch sẽ. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm trường hợp này thành tựu công đức lớn. Cho nên, các Tỳ-kheo phải trừ năm việc trước và, tu năm pháp sau.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Tăng nhất A-hàm

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phàm người quét tháp có năm trường hợp không được công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, có người quét tháp không dùng nước rưới lên đất, không lượm bỏ gạch đá, không san bằng mặt đất, không chú ý khi quét đất, không trừ bỏ rác rưởi dơ bẩn. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là người quét tháp³⁴ không thành tựu năm công đức.

“Các Tỳ-kheo nên biết, người quét tháp* thành tựu công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, người quét tháp dùng nước rưới lên đất, lượm bỏ gạch đá, san bằng mặt đất, giữ chú ý khi quét đất, hốt bỏ rác rưởi dơ bẩn. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm việc khiến người được công đức. Cho nên, [688c01] này các Tỳ-kheo, muốn cầu công đức này hãy thực hành năm việc này.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

³⁴ Để bản: Địa 地, có thể chép nhầm, nên sửa lại.

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người du hành trường kỳ có năm sự khó. Sao gọi là năm? Ở đây, người thường du hành không tụng giáo pháp; giáo pháp đã tụng thì bị quên mất; không được định ý; tam-muội đã được lại thoái thất; nghe pháp nhưng không thể hành trì. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người du hành nhiều có năm việc khó này.

“Các Tỳ-kheo nên biết, người không du hành nhiều có năm công đức. Sao gọi là năm? Pháp chưa từng đắc sẽ đắc, pháp đã đắc rồi lại không quên mất, nghe nhiều mà ghi nhớ được, có thể đắc định ý, đã đắc tam-muội rồi không bị mất. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người không du hành nhiều có năm công đức này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, không nên du hành nhiều.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo thường ở một chỗ, có năm điều phi pháp. Sao gọi là năm? Ở đây, Tỳ-kheo ở một chỗ, ý tham đắm phòng xá, e sợ người đoạt, hoặc ý tham đắm tài sản lại sợ người đoạt, hoặc tích tụ nhiều vật giống như bạch y, hoặc tham luyến người thân quen không muốn cho người khác đến nhà người thân quen, thường cùng bạch y qua lại với nhau. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là

Tăng nhất A-hàm

người ở một chỗ có năm việc phi pháp này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đừng ở một chỗ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ:

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người không ở mãi một chỗ, có năm công đức. Những gì là năm? Không tham đắm nhà cửa, không tham đắm đồ đạc, không tích chứa nhiều của cải, không dính mắc với người thân, không qua lại với bạch y. Đó gọi là Tỳ-kheo không ở một chỗ có năm công đức này. Cho nên, [689a01] này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thực hành năm việc này. Các Tỳ-kheo, hãy học như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở bên bờ hồ Quang minh, nước Ma-kiệt.

³⁵ Tham chiếu Pāli, A VII 68 Aggikkhandhopamasutta (R.iv. 128). Hán, *Trung I*, kinh 5 (Mộc tích dụ).

Bấy giờ, Thế Tôn cùng với năm trăm Tỳ-kheo du hoá trong nhân gian. Khi ấy, Thế Tôn thấy một cây lớn bị lửa đốt. Thấy thế, Như Lai đến ngồi dưới một bóng cây. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào, Tỳ-kheo, thà đem thân nhảy vào lửa này, hay tốt hơn nên giao du với người nữ xinh đẹp?”

Lúc đó, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Tốt hơn nên giao du với người nữ, chớ không ném thân vào lửa này. Bởi vì đám lửa này nóng độc không thể tả, sẽ lấy mạng sống của mình, chịu khổ vô cùng.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta bảo các người, chớ để không phải hạnh Sa-môn mà nói là Sa-môn; không phải người phạm hạnh mà nói là phạm hạnh; không nghe Chánh pháp mà nói là tôi nghe Chánh pháp; không có pháp thanh bạch. Người như vậy, thà nhảy vào lửa này, chớ không cùng người nữ giao du. Vì sao vậy? Vì người ấy thà chịu thống khổ này, chớ không vì tội đó mà vào trong địa ngục chịu khổ vô cùng.

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận người cung kính lễ bái, hay tốt hơn cho người lấy kiếm bén chặt tay chân mình?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tốt hơn nhận cung kính lễ bái, chớ không cho người dùng kiếm bén chặt tay chân mình. Vì sao vậy? Vì chặt tay chân mình, đau không thể tả.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta bảo các người, không phải hạnh Sa-môn mà nói là Sa-môn; không phải người phạm hạnh mà nói là phạm hạnh;

Tăng nhất A-hàm

không nghe Chánh pháp mà nói là tôi nghe Chánh pháp; không có pháp thanh bạch. Người như vậy, thà đưa thân chịu kiếm bén này, chứ không vì không có giới mà nhận người cung kính. Vì sao vậy? Vì nỗi đau này chỉ trong chốc lát, còn sự thống khổ địa ngục thì không thể tả xiết.

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận y phục của người, hay tốt hơn lấy lá sắt nóng dùng quấn vào thân?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tốt hơn nhận lấy y phục của người, chớ không nhận nỗi khổ đau này. Vì sao vậy? Vì sự khổ độc này không thể tả xiết.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta nhắc lại các người, với người phá giới, thà lấy lá sắt nóng [689b01] quấn lên thân mình chớ không nhận y phục của người. Vì sao vậy? Vì nỗi đau này chỉ trong chốc lát, còn nỗi thống khổ địa ngục không thể tả xiết.

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận thức ăn của thí chủ hay thà nuốt viên sắt nóng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tốt hơn nhận thức ăn của thí chủ, chớ không nuốt viên sắt nóng, Vì sao vậy? Vì sự đau đớn này không nơi nào chịu nổi.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta bảo người, thà nuốt viên sắt nóng, chớ không nên không có giới mà nhận người cúng dường. Vì sao vậy? Vì nuốt viên sắt nóng, đau khổ chỉ trong chốc lát, không nên không có giới mà nhận tín thí của người.

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận giường nằm của người, hay thà nằm trên giường sắt nóng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, chúng con thà nhận giường nằm của người, chứ không nằm trên giường sắt nóng. Vì sao vậy? Vì sự khổ độc này không thể tả xiết.”

Thế Tôn bảo:

“Người ngu si kia không có giới hạnh, chẳng phải Sa-môn nói là Sa-môn, chẳng có phạm hạnh nói tu phạm hạnh, thà nằm trên giường sắt chứ không nên không giới mà nhận tín thí của người khác. Vì sao vậy? Vì nằm trên giường sắt nóng chỉ đau đốn trong chốc lát, không nên không giới mà nhận tín thí của người khác.

“Tỳ-kheo nên biết, hôm nay như Ta quan sát đích thú hướng đến của người không giới. Giả sử, người kia trong chốc lát thân thể khô héo tiêu tụy, hộc máu nóng ra khỏi miệng mà qua đời, chứ không cùng người nữ giao du, không thọ nhận đức của người lễ kính, không nhận y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh của người. Vì người không giới kia không quán sát tội đời trước, đời sau, không nhìn lại thân mạng đang chịu thống khổ này. Người không có giới, ý sinh vào ba đường ác. Đó là ác hành đã tạo ra đưa đến.

“Hôm nay, Như Lai quán sát đích thú hướng đến của người thiện hạnh, ngay dù người ấy bị trúng độc, hay bị đao đá thương mà tự dứt mạng sống. Nhưng đó là do muốn xả thân này để hưởng phước trời, sẽ sanh vào cõi lành. Đó là do quả báo nghiệp lành đời trước đưa đến.

Tăng nhất A-hàm

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành giới thân, định thân, huệ thân, giải thoát thân và giải thoát tri kiến thân. Muốn cho đời nay được quả báo kia, đắc đạo cam lồ, ngay dù có nhận y phục, đồ ăn thức uống, ngoạ cụ, thuốc men trị bệnh cũng không làm lỗi, lại làm cho đàn việt hưởng phước vô cùng.

“Các Tỳ-kheo, hãy [689c01] học như vậy.”

Khi nói pháp này, bấy giờ sáu mươi Tỳ-kheo dứt sạch lậu hoặc, ý tỏ ngộ. Sáu mươi Tỳ-kheo khác xả bỏ pháp phục mà làm bạch y.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Năm vua và Nguyệt Quang,
Thi bà, hai hạng lính,
Hai quét, hai hành pháp,
Đi đứng có hai loại,
Sau cùng là cây khô.³⁶*

³⁶ Bản Hán, hết quyển 25.

34. PHẨM ĐẲNG KIẾN¹

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá Vệ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Xá-lợi-phất, thăm hỏi Ngài rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo giới thành tựu nên tu những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo giới thành tựu nên tư duy về năm thủ uẩn là vô thường, là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Sao gọi là năm? Đó là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

“Khi Tỳ-kheo giới thành tựu tư duy năm uẩn này liền đắc quả Tu-đà-hoàn.”

Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn phải tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn cũng nên tư duy về năm thủ uẩn này: là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã.

¹ Đẳng kiến 等見, được hiểu là chánh kiến. Pāli: *Sammādiṭṭhi*.

Tăng nhất A-hàm

“Các Hiền giả nên biết, nếu Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn tư duy về năm thủ uẩn liền thành quả Tu-đà-hàm.”

Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hàm phải tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hàm cũng nên tư duy về năm thủ uẩn này: là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, [690a01] không, vô ngã.

“Bấy giờ, Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn tư duy về năm thủ uẩn này liền chứng quả A-na-hàm.”

Các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo A-na-hàm phải tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo A-na-hàm cũng nên tư duy về năm thủ uẩn này: là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã.

“Bấy giờ, Tỳ-kheo A-na-hàm tư duy về năm thủ uẩn này liền chứng quả A-la-hán.”

Các Tỳ-kheo hỏi:

“Tỳ-kheo A-la-hán nên tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Điều các Thầy hỏi đã vượt quá rồi. Tỳ-kheo A-la-hán, việc cần làm đã xong, không còn tạo nghiệp, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, không còn hướng đến năm đường biển sanh tử, lại không còn tái sinh, không còn tạo tác gì nữa. Cho nên, các

Hiền giả, Tỳ-kheo trì giới, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm
hãy tư duy về năm thủ uẩn này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất dạy, hoan hỷ
phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Lộc uyển, trú xứ Tiên nhân, tại
Ba-la-nại.

Bấy giờ, Như Lai thành đạo chưa lâu, người đời gọi Ngài là
Đại Sa-môn. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc mới nối ngôi vua. Vua Ba-
tư-nặc nghĩ thầm: “Nay ta mới nối ngôi vua, trước phải cưới
con gái dòng họ Thích. Nếu họ gả cho ta mới vừa lòng ta. Nếu
không nhận cho, ta sẽ dùng sức đến cưỡng bức.”

Rồi vua Ba-tư-nặc liền bảo một đại thần:

“Ông hãy đến vương cung họ Thích, thành Ca-tỳ-la-vệ, nhân
danh ta báo với dòng họ Thích kia rằng: ‘Vua Ba-tư-nặc gởi lời
thăm hỏi các ngài, sống nhẹ nhàng thuận lợi mãi mãi chẳng. Và
nói rằng, ta muốn lấy con gái dòng họ Thích. Nếu thuận cho ta
sẽ biết ơn mãi mãi. Còn nếu làm trái lại, ta sẽ dùng sức mạnh
cưỡng bức.’”

Đại thần nhận lệnh của vua, đến nước Ca-tỳ-la. Lúc ấy, năm
trăm người dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ đang tập họp tại một
chỗ. Đại thần đến chỗ năm trăm người dòng họ Thích, xưng
danh hiệu vua Ba-tư-nặc, gởi lời thăm hỏi mong cuộc sống nhẹ
nhàng thuận lợi mãi mãi. Vua bảo rằng, ‘Ta muốn lấy con gái

dòng họ Thích. Nếu thuận cho, ta sẽ biết ơn mãi mãi. Còn nếu làm trái lại, ta sẽ dùng sức mạnh cưỡng bức.’

Sau khi nghe những lời này, những người dòng họ Thích hết sức tức giận: “Chúng ta là dòng họ cao quý vì sao phải [690b01] kết thân gia với con của tỳ nữ?” Trong số ấy, có người nói nên gả, có người nói không nên gả. Bấy giờ, trong số người tập họp kia, có người tên Ma-ha-nam,² nói với mọi người rằng:

“Các Hiền giả, chớ có tức giận. Vì sao vậy? Vua Ba-tư-nặc là kẻ bạo ác. Nếu chống cự, vua Ba-tư-nặc đến tàn phá nước ta. Nay tôi đích thân đảm đương đến gặp vua Ba-tư-nặc nói về việc này.”

Bấy giờ, trong nhà Ma-ha-nam có tỳ nữ sanh một con gái dung nhan xinh đẹp hiếm có trên đời. Ma-ha-nam bảo tẩm gội cô này, cho mặc xiêm y đẹp đẽ, lên xe gấn lông chim* đưa đến cho vua Ba-tư-nặc và nói với vua:

“Đây là con gái tôi. Ngài có thể thành thân cùng nó.”

Khi vua Ba-tư-nặc được cô này, hết sức vui mừng, liền lập cô này làm đệ nhất phu nhân.³ Qua chưa được vài ngày, cô đã mang thai, lại trải qua tám, chín tháng sinh một nam nhi xinh đẹp vô song, đặc biệt trên đời. Vua Ba-tư-nặc tập họp các thầy tướng để đặt tên cho thái tử. Sau khi các thầy tướng nghe vua nói xong, liền tâu vua:

² Ma-ha-nam 摩呵男. Pāli: Mahānāma, con vua Amitodana (Cam Lộ Phạn vương), anh của Anuruddha (A-na-luật).

³ Phu nonh Tát-la-đà sát-lợi chủng 薩羅陀刹利種. T26: Vũ Nhật Cái 雨日蓋. Pāli: Vāsabhā-khattiyā. Xem kinh 3 phẩm 13.

“Đại vương nên biết, khi cầu phu nhân, mọi người dòng họ Thích cùng nhau tranh, có người nói ‘nên cho’, hoặc có người nói ‘không nên cho’, khiến cho kia đây xa dòng (luru-ly), nay nên đặt tên là Tỳ-luru-ly.”⁴ Đặt tên xong, các thầy tướng đều rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Vua Ba-tur-nặc yêu thương thái tử Luru-ly, chưa từng rời khỏi mắt. Khi thái tử Luru-ly lên tám tuổi, vua bảo:

“Nay con đã lớn, hãy đến Ca-tỳ-la-vệ để học nghệ thuật bắn tên.”

Rồi vua Ba-tur-nặc cung cấp những người hầu điều khiển voi lớn đến nhà dòng họ Thích, đến nhà Ma-ha-nam, nói với Ma-ha-nam:

“Vua Ba-tur-nặc bảo con đến đây học cách bắn tên. Cúi xin ông ngoại mọi sự hãy dạy bảo cho.”

Ma-ha-nam bảo:

“Người muốn học nghệ thuật thì phải khéo luyện tập.”

Ma-ha-nam liền tập hợp năm trăm thiếu niên họ Thích lại cùng học thuật. Lúc ấy, thái tử Tỳ-luru-ly cùng học xạ thuật với năm trăm đồng tử.

Bảy giờ, trong thành Ca-tỳ-la-vệ vừa xây một giảng đường. Trời, nhân dân, ma, hoặc ma thiên không được ở trong giảng đường này. Lúc ấy, những người họ Thích nói với nhau:

⁴ Để bản: Tỳ-luru-ly 毘流勒. TNM: Tỳ-luru-ly 毘流離. Có thể đây là giải thích của người chép kinh, phỏng theo nghĩa Hán. *Phiên Phạn ngữ 4* (T54n2130, tr. 8c17): Tỳ-lâu-ly vương 毘樓流王, nên nói là Ty-luru-ly-tha 毘流他, dịch là Tăng Trưởng 增長. Túc nguyên Skt.: Virūḍhaka (Pāli: Viḍḍabha).

Tăng nhất A-hàm

“Nay giảng đường này vừa được xây cất và trang trí xong, giống như thiên cung không khác tí nào. Trước hết, chúng ta nên thỉnh Như Lai và chúng Tăng cúng dường ở trong đó, để chúng ta được hưởng [690c01] phước vô cùng.”

Bấy giờ, dòng họ Thích ở trên giảng đường trải các loại tọa cụ, treo lụa là, phướn, lọng, rưới nước thơm lên mặt đất, đốt các loại hương thơm, tích chứa nước sạch, đốt các đèn sáng.

Thái tử Lư-ly dẫn năm trăm đồng tử đến chỗ giảng đường, liền leo lên tòa Sư tử. Khi những người họ Thích thấy vậy, bèn nổi giận, đến nắm tay lôi ra ngoài cửa. Mọi người đều mắng:

“Đây là con đũa tiện tỳ! Chư thiên và người đời chưa ai dám ngồi trong đó. Con đũa của tiện tỳ này lại dám vào trong đó ngồi.”

Rồi họ xô đẩy thái tử Lư-ly ngã lăn ra đất. Thái tử Lư-ly chống đất đứng dậy, thở dài, quay ra sau. Khi ấy, có con bà-la-môn tên Hảo Khổ. Thái tử Lư-ly nói với con bà-la-môn Hảo Khổ:

“Dòng họ Thích này đã hủy nhục ta đến như vậy. Nếu sau này khi ta lên ngôi vua, ngươi hãy nhắc lại ta việc này.”

Lúc ấy, con bà-la-môn Hảo Khổ đáp:

“Như lời Thái tử dạy”.

Mỗi ngày ba lần, con bà-la-môn kia bạch với thái tử:

“Hãy nhớ nỗi nhục họ Thích. Rồi nói kệ này:

*Tất cả sẽ diệt tận.
Quả chín cũng sẽ rơi.
Tập hợp ắt sẽ tan.
Có sinh ắt có tử.*

Sau khi sống hết tuổi thọ, bấy giờ vua Ba-tu-nặc băng hà, liền lập thái tử Luru-ly làm vua. Lúc ấy, bà-la-môn Hảo Khổ⁵ đến chỗ vua nói rằng:

“Vua nên nhớ, xưa bị họ Thích hủy nhục.”

Vua Luru-ly nói:

“Lành thay, lành thay! Khéo nhớ việc xưa.”

Lúc này, Vua Luru-ly nổi sân giận, bảo các quần thần:

“Nay, ai là vua của nhân dân?”

Quần thần tâu:

“Hiện nay, Đại vương thống lĩnh.”

Vua Luru-ly nói:

“Các người, hãy mau chuẩn bị tập hợp binh bốn bộ, ta muốn đi chinh phạt họ Thích.”

Quần thần đáp:

“Thưa vâng, Đại vương!”

Quần thần tuân lệnh vua tập hợp binh bốn bộ. Vua Luru-ly dẫn binh bốn bộ đi đến Ca-tỳ-la-vệ⁶.

Khi các Tỳ-kheo nghe tin vua Luru-ly đi chinh phạt họ Thích, họ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Sau khi nghe những lời này xong, Thế Tôn liền đến đón vua Luru-ly ở dưới gốc một cây khô, [691a01] không có cành lá, ở trong tư thế ngồi kiết già.

⁵ Hảo khổ. Đồng nhất với Pāli: Dīghakārāyaṇa.

⁶ Trong bản: Ca-tỳ-la-việt 迦毘羅越. Trên kia, Ca-tỳ-la-vệ.

Tăng nhất A-hàm

Vua Luru-ly từ xa thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, liền xuống xe, đến chỗ Thế Tôn đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, vua Luru-ly bạch Thế Tôn:

“Còn có cây tốt, cành lá sum suê như cây Ni-câu-lu chẳng hạn, sao ngồi dưới cây khô này?”

Thế Tôn bảo:

“Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài.”

Lúc ấy, vua Luru-ly liền nghĩ thầm:

“Hôm nay, Thế Tôn vẫn còn vì thân tộc. Vậy hôm nay ta nên quay về bổn quốc, không nên đến chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.”

Vua Luru-ly liền cáo từ lui binh. Bà-la-môn Hảo Khổ lại tâu vua:

“Vua nên nhớ, xưa kia đã bị họ Thích làm nhục.”

Sau khi nghe những lời này rồi, vua Luru-ly lại nổi giận, bảo quần thần:

“Các khanh hãy mau chuẩn bị, tập hợp binh bốn bộ, ta muốn đi chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.”

Quần thần liền tập hợp binh bốn bộ, kéo ra khỏi thành Xá-vệ, đến Ca-tỳ-la-vệ chinh phạt họ Thích.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, đến bạch Thế Tôn:

“Nay vua Luru-ly đang hưng binh đến chinh phạt họ Thích.”

Nghe những lời này, Thế Tôn liền dùng thần túc đến ngồi dưới gốc cây cạnh đường. Tỳ-luru-ly từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, liền xuống xe đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, vua Luru-ly bạch Thế Tôn:

“Còn có cây tốt, sao lại không ngồi ở đó, hôm nay, Thế Tôn có gì ngồi dưới cây khô này?”

Lúc ấy, Thế Tôn nói:

“Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bóng mát của thân tộc,
Họ Thích xuất hiện Phật;
Đều là cành nhánh Ta;
Nên ngồi dưới cây này.*

Lúc ấy, vua Luru-ly liền nghĩ thầm: “Hiện tại, Thế Tôn xuất thân từ họ Thích. Ta không nên đến chinh phạt. Phải nên quay về bổn quốc.’ Rồi, vua Luru-ly liền trở về thành Xá-vệ.

Bà-la-môn Hảo Khổ lại tâu với vua:

“Vua nên nhớ, xưa kia đã bị họ Thích làm nhục!”

Vua Luru-ly nghe những lời này rồi, lại tập hợp binh bốn loại kéo ra khỏi thành Xá-vệ, đến Ca-tỳ-la-vệ. Đại Mục-kiền-liên khi nghe vua Luru-ly đi chinh phạt dòng họ Thích, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, [691b01] Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

“Hôm nay, vua Luru-ly tập hợp binh bốn bộ đến tấn công họ Thích. Nay con có khả năng khiến cho vua Luru-ly cùng binh bốn bộ bị ném sang thế giới phương khác.”

Thế Tôn nói:

“Ngươi há có thể đem duyên đời trước của họ Thích đặt sang thế giới khác hay sao?”

Mục-liên bạch Phật:

Tăng nhất A-hàm

“Con thật sự không thể đem duyên đời trước đặt sang thế giới khác.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Mục-liên:

“Ngươi hãy trở về chỗ ngồi.”

Mục-liên lại bạch Phật:

“Nay con có thể dời thành Ca-tỳ-la-vệ này đặt giữa hư không.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ngươi có thể dời duyên đời trước của họ Thích đặt giữa hư không hay không?”

Mục-liên đáp:

“Không, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Mục-liên:

“Vậy ngươi hãy trở về chỗ của mình.”

Lúc ấy, Mục-liên lại bạch Phật:

“Cúi xin cho phép dùng lòng sắt che bên trên thành Ca-tỳ-la-vệ.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Mục-liên, ngươi có thể dùng lòng sắt che đậy duyên đời trước không?”

Mục-liên bạch Phật:

“Không, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Mục-liên:

“Nay ngươi trở về chỗ của mình. Hôm nay duyên đời trước của họ Thích đã chín, nay phải chịu báo.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Muốn hư không thành đất,
Đất lại thành hư không.
Bị duyên trước trời buộc;
Duyên này không mục hư.*

Bấy giờ, vua Luru-ly đến Ca-tỳ-la-vệ. Những người dòng họ Thích nghe vua Luru-ly dẫn binh bốn bộ đến tấn công. Họ liền tập trung chúng bốn bộ trong vòng một do tuần đến đón vua Luru-ly.

Các Thích tử trong vòng một do tuần, từ xa bắn vua Luru-ly, hoặc bắn lỗ tai nhưng không tổn thương tai ông, hoặc bắn búi tóc nhưng không tổn thương đầu ông, hoặc bắn gãy cung, hoặc bắn đứt dây cung nhưng không hại người ông, hoặc bắn áo giáp nhưng không hại người ông, hoặc bắn giường ghế nhưng không hại người ông, hoặc bắn phá bánh xe nhưng không hại người ông, hoặc phá cờ xí nhưng không hại người ông. Sau khi thấy sự việc như vậy, vua Luru-ly liền sinh lòng sợ hãi, bảo quần thần:

“Các người xem những mũi tên này từ đâu đến?”

Quần thần tâu:

“Các Thích tử cách đây trong vòng một do tuần bắn tên đến!”

Vua Luru-ly nói:

“Nếu họ khởi tâm muốn hại ta thì mọi người đã nhận lấy cái chết hết rồi. Ngay tức khắc hãy quay về Xá-vệ!”

Lúc ấy, bà-la-môn Hảo Khổ đến trước tâu vua:

“Đại vương chớ lo! Các Thích tử này đều giữ giới, [691c01] còn tròng họ còn không hại huống là hại người. Nay nên tiến lên trước ắt tiêu diệt được họ Thích.”

Tăng nhất A-hàm

Vua Luru-ly từ từ tiến lên về phía họ Thích kia. Những người họ Thích lui vào thành. Vua Luru-ly, ở ngoài thành bảo họ rằng: “Các ngươi hãy mau mở cửa thành! Nếu không, ta sẽ bắt các ngươi giết hết.”.

Bấy giờ, thành Ca-tỳ-la-vệ có đồng tử họ Thích mới mười lăm tuổi, tên Xa-ma, nghe vua Luru-ly đang ở bên ngoài cửa, liền mặc giáp, cầm gậy lên trên thành một mình chiến đấu với vua Luru-ly. Lúc ấy, đồng tử Xa-ma giết hại nhiều binh lính làm họ chạy tán loạn và nói:

“Đây là người nào? Là trời hay là quỷ thần? Từ xa trông giống như một cậu bé!”

Vua Luru-ly sinh lòng sợ hãi, liền vào trong hầm để tránh.

Khi các Thích tử nghe binh chúng của vua Luru-ly bị giết hại, các Thích tử liền gọi đồng tử Xa-ma bảo rằng:

“Ngươi tuổi trẻ ấu thơ, sao cố ý làm nhục gia phong chúng ta? Há không biết các Thích tử tu hành pháp lành sao? Chúng ta, đến cơn trùng còn không thể hại, huống lại là mạng người ư? Chúng ta có thể phá tan quân lính này, một người địch vạn người, song chúng ta lại nghĩ thâm: ‘Sát hại chúng sanh vô số kẻ như vậy.’ Thế Tôn đã từng dạy: ‘Phàm người giết mạng người, chết sẽ vào địa ngục. Nếu sinh trong loài người, tuổi thọ rất ngắn.’ Ngươi hãy mau đi đi, không ở đây nữa. Đồng tử Xa-ma liền bỏ nước ra đi, không vào Ca-tỳ-la-vệ nữa.

Lúc ấy, vua Luru-ly lại đến giữa cửa nói người kia:

“Hãy mau mở cửa thành, đừng để ta đợi lâu!”

Lúc ấy, các Thích tử tự nói với nhau:

“Nên cho mở cửa thành hay không nên?”

Bấy giờ, tề ma Ba-tuần giả hình làm một Thích tử ở trong chúng họ Thích, nói các Thích tử:

“Các vị hãy mau mở cửa thành. Đừng để hôm nay chúng ta phải cùng chịu khổn.”

Lúc ấy, các Thích tử liền cho mở cửa thành. Bấy giờ, vua Luru-ly liền bảo quần thần:

“Hiện nhân dân dòng họ Thích này đông, đao kiếm không thể giết hết, hãy bắt hết chôn xuống đất, sau đó cho voi dữ dẫm chết.”

Quần thần vâng theo lệnh của vua, cho voi dẫm chết họ. Đồng thời, vua Luru-ly bảo quần thần:

“Các ngươi hãy mau tuyển chọn năm trăm người nữ họ Thích, tay chân mặt mày xinh đẹp .”

Các đại thần vâng lệnh vua, tuyển chọn năm trăm người nữ xinh đẹp, dẫn đến chỗ vua.

Khi ấy [692a01] Ma-ha-nam Thích tử đến chỗ vua Luru-ly nói rằng:

“Hãy cho tôi một ước nguyện”

Vua Luru-ly nói:

“Ông muốn có ước nguyện gì?”

Ma-ha-nam nói:

“Tôi sẽ lặn xuống đáy nước, theo độ chậm nhanh của tôi, cho những người họ Thích đều được chạy trốn. Nếu tôi ra khỏi mặt nước, thì tùy ý giết họ.”

Vua Luru-ly nói:

“Việc ấy thật tốt!”

Thích Ma-ha-nam liền xuống đáy nước, lấy tóc đầu buộc vào rễ cây mà qua đời. Bấy giờ, các Thích tử trong thành Ca-tỳ-la-vệ, ra từ cửa đông, lại vào từ cửa nam; ra từ cửa tây, lại vào cửa bắc.

Vua Luru-ly bảo quần thần:

“Ông ngoại Ma-ha-nam, vì có gì ẩn ở dưới nước, đến giờ chưa ra khỏi?”

Bấy giờ, quần thần nghe theo lệnh vua, liền xuống dưới nước kéo Ma-ha-nam lên, nhưng ông đã chết. Khi vua Luru-ly thấy Ma-ha-nam đã chết, lúc này vua mới sanh tâm hối hận:

“Nay ông ngoại ta đã chết đều do thương thân tộc, ta đã không biết trước, nên để ông mất. Nếu biết trước, dứt khoát không đến công phật dòng họ Thích này.”

Lúc ấy, vua Luru-ly đã giết chín nghìn chín trăm chín mươi chín vạn người, máu chảy thành sông và thiêu rụi thành Ca-tỳ-la-vệ. Rồi ông đi đến vườn Ni-câu-lưu.

Lúc ấy, vua Luru-ly bảo với năm trăm người nữ dòng họ Thích rằng:

“Các khanh yên tâm, chớ sầu lo. Ta là chồng các khanh, các khanh là vợ ta, cốt phải hợp nhau.”

Vua Luru-ly tiện đưa tay nắm một người nữ họ Thích muốn đùa chơi. Thờ người nữ hỏi:

“Đại vương định làm gì?”

Thờ vua đáp:

“Muốn giao tình cùng khanh”

Cô đáp vua:

“Vi sao nay ta lại giao tình với loại nô tỳ sinh?”

Vua Luu-ly nổi cơn tức giận, ra lệnh cho quần thần:

“Mau bắt người nữ này, chặt tay chân nó, ném vào hầm sâu.”

Các đại thần theo lệnh vua, chặt tay chân cô ném vào hầm sâu. Năm trăm người nữ đều máng nhà vua rằng:

“Ai đem thân này cùng giao thông với loại con đê của nô tỳ!”

Vua tức giận, bắt hết năm trăm người nữ, chặt tay chân họ ném vào hầm sâu. Vua Luu-ly sau khi hủy hoại Ca-tỳ-la-vệ xong, trở về thành Xá-vệ.

Bấy giờ, thái tử Kỳ-đà đang cùng các kỹ nữ vui đùa trong thâm cung. Nghe tiếng ca hát, vua Luu-ly liền hỏi:

“Đây là âm thanh gì [692b01] mà vang đến nơi đây?”

Quần thần đáp:

“Đó là tiếng đàn hát để tự vui chơi của vương tử Kỳ-đà ở trong thâm cung.”

Vua Luu-ly liền bảo người hầu:

“Khanh hãy quay voi này đến chỗ vương tử Kỳ-đà.”

Người giữ cửa từ xa thấy vua đến, râu rắng:

“Xin vua thông thả một chút, vương tử Kỳ-đà hiện đang vui với năm thứ lạc ở trong cung, đừng có gây phiền phức.”

Vua Luu-ly liền rút kiếm giết người giữ cửa. Lúc ấy, vương tử Kỳ-đà nghe vua Luu-ly đang đứng ở ngoài cửa, không từ giã các kỹ nữ, liền ra ngoài để gặp vua:

Tăng nhất A-hàm

“Vui thay, Đại vương đến! Đại vương hãy vào nghỉ ngơi một lát.”

Vua Luru-ly nói: “Há người không biết ta với họ Thích đánh nhau sao?”

Kỳ-đà đáp:

“Có nghe!”

Vua Luru-ly nói:

“Nay vì sao người không giúp ta mà cùng với kỹ nữ đùa giỡn?”

Vương tử Kỳ-đà đáp:

“Ta không thể giết hại mạng chúng sanh!”

Vua Luru-ly hết sức tức giận liền rút kiếm chém hại vương tử Kỳ-đà. Sau khi mạng chung, vương tử Kỳ-đà sanh lên cõi trời Tam thập tam, vui đùa cùng năm trăm thiên nữ.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn quan sát thấy vương tử Kỳ-đà mạng chung, đã sinh lên trời Tam thập tam, liền nói kệ này:

*Thọ phước trong trời người,
Đức vương tử Kỳ-đà.
Làm lành, sau hưởng báo;
Đều do hiện báo nên.*

*Đây lo, kia cũng lo,
Luru-ly lo hai nơi;
Làm ác sau nhận ác;
Đều do hiện báo nên.*

*Phải nương vào phước đức,
Trước làm sau cũng vậy.
Hoặc là làm một mình,
Hoặc làm người không biết.*

*Làm ác, có biết ác;
Trước làm, sau cũng vậy.
Hoặc là làm một mình,
Hoặc làm người không biết.*

*Hưởng phước trong trời người,
Hai nơi đều hưởng phước;
Làm lành sau hưởng báo,
Đều do hiện báo nên.⁷*

*Đây lo, kia cũng lo,
Làm ác buồn hai nơi;
Làm ác sau nhận báo,
Đều do hiện báo nên.⁸*

[692c01] Lúc ấy, năm trăm thiếu nữ dòng họ Thích quay về kê gào danh hiệu Như Lai và nói rằng:

“Như Lai sanh ra ở đây và cũng từ chốn này xuất gia học đạo, sau đó thành Phật, vậy mà hôm nay Phật hoàn toàn không thấy, không nghĩ biết chúng ta đang gặp khổ não này, chịu sự đau đớn này. Vì sao Thế Tôn lại không thấy, không nghĩ?”

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhĩ thông suốt, nghe những người nữ họ Thích oán trách hướng về Phật. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy đến hết đây, cùng đi quán sát Ca-tỳ-la-vệ và để thăm những người thân đang qua đời.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

⁷ Cf. Dhp. 18.

⁸ Cf. Dhp. 15.

Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến Ca-tỳ-la-vệ. Khi năm trăm người nữ họ Thích từ xa thấy Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến, đều sinh lòng hổ thẹn.

Thích Đề-hoàn Nhân và Tỳ-sa-môn Thiên vương ở sau Thế Tôn quạt hầu. Thế Tôn quay lại bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Các người nữ họ Thích đều sinh lòng hổ thẹn.”

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Thích Đề-hoàn Nhân liền dùng thiên y che lên thân thể năm trăm người nữ này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-sa-môn Thiên vương:

“Những người nữ này đói khát đã lâu ngày, nên làm điều gì cho thích hợp.”

Tỳ-sa-môn Thiên vương bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Đồng thời, Tỳ-sa-môn Thiên vương bày thức ăn trời tự nhiên cho các thiếu nữ họ Thích đều được đầy đủ. Thế Tôn tuần tự nói pháp vi diệu cho các cô. Thế Tôn dạy:

“Các pháp đều phải ly tan. Có hội ngộ thì có biệt ly. Các cô nên biết, năm thủ uẩn này đều phải chịu các nỗi khổ đau này, rơi trong năm đường. Phạm nhận thân năm uẩn tất phải chịu hành báo này. Đã có hành báo, tất phải thọ thai. Đã thọ thai phần, lại phải chịu báo khổ vui. Nếu ai không có năm thủ uẩn, tất không thọ nhận hình hài nữa. Nếu không thọ nhận hình hài thì không có sinh. Vì không có sinh nên không có già. Vì không có già nên không có bệnh. Vì không có bệnh nên không

có chết. Vì không có chết nên không có khổ não của hội ngộ, biệt ly. Cho nên, các cô phải nghĩ đến sự biến đổi thành bại của năm uẩn này. Vì sao vậy? Vì biết năm uẩn là biết năm dục. Biết năm dục là biết pháp ái, biết pháp ái là biết pháp đắm nhiễm. Biết các việc này rồi, không còn thọ thai. Vì không thọ thai, không còn sanh, già, bệnh, chết.”

Bấy giờ, Thế Tôn [693a01] lại tuần tự nói pháp này cho các nữ họ Thích : Ngài luận về bố thí, luận về tri giới, luận về sinh thiên; dục là tướng bất tịnh, xuất yếu là an lạc. Khi Thế Tôn thấy tâm ý các cô này đã được khai mở. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn cũng vì họ mà thuyết. Bấy giờ, những người nữ, các trần cấu hết sạch, được mắt pháp trong sạch, mọi người từ chỗ họ mà qua đời, đều sinh lên trời.

Rồi Thế Tôn đến cửa thành Đông, thấy trong thành lửa cháy dữ dội, liền nói kệ này:

*Tất cả hành vô thường.
Có sinh ắt có tử.
Không sinh thì không tử.
Đã diệt, tối an lạc.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy đến hết trong vườn Ni-câu-lưu, theo thứ lớp mà ngồi.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đây là vườn Ni-câu-lưu. Xưa kia ở nơi này Ta vì các Tỳ-kheo rộng nói pháp mầu, nhưng nay trống rỗng không còn một ai. Ngày xưa, hàng nghìn vạn người đắc đạo, được mắt pháp trong

sạch ở đây. Từ nay về sau, Như Lai không còn trở lại chốn này.”

Thế Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp xong, mọi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, về đến vườn Cấp Cô Độc, rùng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay vua Luru-ly và các binh chúng ở đời sẽ không còn bao lâu. Sau bảy ngày nữa họ sẽ bị tiêu diệt hết.”

Lúc ấy, vua Luru-ly nghe Thế Tôn báo hiệu, vua Luru-ly và binh chúng sau bảy ngày nữa sẽ bị tiêu diệt hết. Nghe vậy, vua lo sợ bảo quần thần:

“Nay Như Lai đã báo hiệu, sau bảy ngày nữa vua Luru-ly và binh chúng sẽ bị tiêu diệt hết. Các người xem, ngoài biên giới có giặc cướp, tai biến nước lửa, đến xâm phạm nước chẳng? Bởi vì sao? Vì chư Phật Như Lai không có hai lời. Lời nói quyết không đổi khác.”

Bà-la-môn Hảo Khổ tâu với vua:

“Vua chớ có lo sợ. Nay bên ngoài không có nạn giặc cướp đáng sợ, cũng không tai biến nước lửa. Hôm nay, Đại vương hãy cứ vui chơi thỏa thích.”

Vua Luru-ly nói:

“Bà-la-môn nên biết, chư Phật Thế Tôn không bao giờ sai lời.”

Vua Luru-ly cho người đếm ngày, đến đầu ngày thứ bảy, Đại vương vui mừng hơn hờ không tự chế được, liền dẫn binh

chúng và các thể nữ đến bờ sông A-chi-la⁹ mà tự vui chơi và nghỉ đêm ở đó. Vào lúc nửa đêm, bất ngờ mây nổi dậy mưa gió dữ dội. Lúc ấy, vua Luru-ly và binh chúng cùng bị nước cuốn trôi, đều bị tiêu diệt, thân hoại mạng chung bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Cung điện thành nội lại bị lửa trời thiêu đốt. Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn quan sát thấy vua Luru-ly và binh bốn bộ bị nước cuốn trôi, mạng chung tất cả đều vào địa ngục.

Thế Tôn liền nói kệ này:

*Làm việc tối cực ác,
Đều do thân, miệng làm.
Nay thân cũng chịu khổ,
Thọ mạng cũng ngắn ngủi.
Nếu khi ở trong nhà,
Thì bị lửa thiêu đốt.
Đến lúc mạng qua đời,
Tất sinh vào địa ngục.*

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Sau khi chết, vua Luru-ly và binh lính sanh nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Vua Luru-ly sanh vào địa ngục A-tỳ”

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Xưa kia các Thích tử đã tạo ra nhân duyên gì mà nay bị vua Luru-ly làm hại?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁹ A-chi-la hà. Pāli, Aciravatī, sông chảy ngang qua Xá-vệ. Từ cung điện vua có thể nhìn thấy.

“Ngày xưa, trong thành La-duyệt này có một thôn đánh cá. Thời ấy, gặp lúc đói kém, người ăn rễ cây, một thặng vàng đổi một thặng gạo. Trong thôn lúc đó có một hồ nước lớn, lại nhiều cá. Mọi người dân trong thành La-duyệt đến nơi hồ bắt cá ăn. Vào lúc đó, trong hồ có hai giống cá, một gọi là là Câu tỏa,¹⁰ hai gọi là Lưỡng thiệt.¹¹ Lúc ấy, hai giống cá nói với nhau: ‘Đối với những người này, trước đây chúng ta không có lỗi lầm. Ta là loài thủy tánh, không ở đất khô. Những người dân này đều đến ăn thịt chúng ta. Bao nhiêu phước đức chúng ta có đời trước, nay sẽ dùng để báo oán này.’

“Lúc ấy, trong thôn có một cậu bé mới tám tuổi, không bắt cá, lại cũng không hại chúng, nhưng cá kia ở trên bờ, tất cả đều bị chết, thấy vậy cậu bé rất là vui mừng.

“Tỳ-kheo nên biết, các người chớ nghĩ nhân dân trong thành La-duyệt lúc bấy giờ há là người nào khác, mà nay chính là họ Thích. Cá Câu tỏa bấy giờ, nay là vua Luu-ly. Cá Lưỡng thiệt bấy giờ, thì nay là bà-la-môn Hảo Khổ. Còn cậu bé thấy cá nằm [693c01] trên bờ mà cười lúc ấy, nay chính là Ta. Bấy giờ, họ Thích ngồi bắt cá ăn. Vì nhân duyên này, nên trong vô số kiếp vào trong địa ngục, nay phải chịu báo này. Lúc ấy, Ta ngồi nhìn mà cười nên nay bị đau đầu giống như bị đá đè, hoặc như đầu đội núi Tu-di. Vì sao vậy? Vì Như Lai vốn không nhận hình hài nữa, đã xả bỏ các hành, vượt qua các ách nạn. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là vì nhân duyên này, nay chịu báo này. Các Tỳ-kheo, hãy giữ thân, miệng, ý hành, hãy niệm cung kính thừa sự người phạm hạnh.

“Các Tỳ-kheo cần phải học những điều này như vậy.”

¹⁰ Câu tỏa 拘瓊, cá móc câu?

¹¹ Lưỡng thiệt 兩舌, cá hai lưỡi?

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên biết, khi một con dân trời sắp mạng chung, có năm điềm báo ứng hiện ra trước. Năm điềm gì? Một là hoa trên mũ héo, hai là y phục dơ bẩn, ba là thân thể hôi hám, bốn là không thích chỗ ngồi của mình, năm là các thiên nữ tan tác.¹² Đó gọi là năm điềm báo ứng con dân trời sắp mạng chung.”

“Lúc ấy, con dân trời hết sức sầu lo, đấm ngực kêu gào. Bấy giờ, các con dân trời khác lại đến chỗ con dân trời này, nói với vị ấy rằng: ‘Ngài tương lai có thể sinh vào cõi lành. Đã sinh cõi lành, tất được thiện lợi. Đã được thiện lợi hãy niệm an xử thiện nghiệp.’ Chư thiên đã giáo thọ vị ấy như vậy.”

Lúc ấy, có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Trời Tam thập tam được sanh cõi lành là thế nào? Tất được thiện lợi là thế nào? An xử thiện nghiệp là thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Đối với chư thiên, cõi người là cõi lành. Được thiện lợi, là sanh trong nhà chánh kiến, thân cận thiện tri thức, có tín căn trong pháp Như Lai. Đó gọi là tất được thiện lợi. Sao gọi là an

¹² Thiên nữ tinh tán 天女星散; trên kia, kinh số 6, phẩm 32, nói là ngọc nữ vi bạn 玉女違叛.

Tăng nhất A-hàm

xử thiện nghiệp? Có tín căn trong pháp Như Lai, cạo bỏ râu tóc, vì lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Khi học đạo, tánh giới đầy đủ, các căn không thiếu, đồ ăn thức uống biết đủ, thường niệm kinh hành, đạt được tam minh. Đó gọi là an xử thiện nghiệp.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Ngươi, nơi lành của trời.

Bạn lành là thiện lợi.

[694a01] *Xuất gia là thiện nghiệp;*

Diệt lậu, thành vô lậu.

“Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam say đắm ngũ dục. Họ coi nhân gian là cõi lành. Ở trong pháp Như Lai được xuất gia là được thiện lợi mà được tam minh. Vì sao vậy? Phật Thế Tôn đều xuất hiện từ cõi người, chẳng phải từ cõi trời mà được. Cho nên, Tỳ-kheo ở đây mạng chung sẽ sinh lên trời.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

“Thế nào là Tỳ-kheo sẽ sanh đường lành?”

Thế Tôn bảo:

“Niết-bàn chính là đường lành của Tỳ-kheo. Nay Tỳ-kheo, người hãy tìm cầu phương tiện đạt đến Niết-bàn.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Sa-môn xuất gia có năm pháp hủy nhục. Sao gọi là năm? Một là tóc trên đầu dài. Hai là móng tay dài. Ba là y áo dơ bẩn. Bốn là không biết thời nghi. Năm là bàn nói nhiều. Vì sao vậy? Bàn nói nhiều, Tỳ-kheo lại có năm việc. Sao gọi là năm? Một là người không tin lời. Hai không chịu nhận lời dạy. Ba là người không thích gặp. Bốn là nói dối. Năm là gây đấu loạn kia đây. Đó là năm việc xảy ra cho người nói chuyện nhiều. Đó gọi là người bàn nói nhiều có năm việc này. Tỳ-kheo, hãy trừ năm việc này, chớ có tà tướng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá Vệ. Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la¹³ bảo các quần thần:

“Hãy chinh bị xe gắn lông chim*. Ta đến thành Xá-vệ thăm viếng Thế Tôn.”

Quần thần tuân lệnh vua, chinh bị xe gắn lông chim, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xe xong, xin vua biết thời cho.”

¹³ Tần-bà-sa-la 頻毘娑羅. Pāli: Bimbisāra. Trên kia âm là Tỳ-sa; xem kinh 3 phẩm 6.

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la lên xe gắn lông chim ra khỏi thành La-duyệt, đi đến thành Xá-vệ, lần hồi đến tinh xá Kỳ-hoàn, rồi đi bộ vào tinh xá Kỳ-hoàn. Phạm theo phép, vua Thủy quán đánh¹⁴ có năm nghi trượng; vua đều cởi bỏ, để sang một bên, rồi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bây giờ, Thế Tôn lần lượt vì vua mà nói pháp vi diệu. Khi vua nghe pháp xong, bạch [694b01] Thế Tôn:

“Cúi xin Như Lai hãy hạ an cư tại thành La-duyệt. Con sẽ cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua Tần-bà-sa-la. Khi vua thấy Thế Tôn im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu quanh ba vòng, lui đi, trở về thành La-duyệt, vào trong cung.

Bây giờ, vua Tần-bà-sa-la ở nơi vắng vẻ, nghĩ thầm: “Ta có thể cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng suốt đời ta, y áo, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Nhưng cũng phải thương xót những người nghèo hèn kia.”

Rồi vua Tần-bà-sa-la bảo quần thần:

“Hôm qua, ta nghĩ thầm như vậy: ‘Ta có thể suốt đời cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng về y áo, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Nhưng cũng phải thương xót những người nghèo hèn. Các khanh hãy đốc suất nhau, theo thứ tự cúng dường Như Lai và các Hiền thi sẽ mãi mãi hưởng phước vô cùng.’”

Bây giờ, vua nước Ma-kiệt cho xây một giảng đường lớn trước cung điện, rồi bày ra những đồ đựng thức ăn.

¹⁴ Nguyên Hán: Thủy quán đầu vương 水灌頭王: vua Quán đánh (Pāli: *muddhābhisitta-rājā*).

Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi nước Xá-vệ, dẫn năm trăm Tỳ-kheo, lần hồi du hóa nhân gian, đến chỗ Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyet. Khi vua Tần-bà-sa-la nghe Thế Tôn đi đến trong vườn Trúc Ca-lan-đà, liền lên xe gắn lông chim đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Con ở nơi yên tĩnh nghĩ thầm như vậy: ‘Như hôm nay, ta có thể bày biện y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh.’ Nhưng con nghĩ đến những gia đình thấp kém, liền bảo quần thần: ‘Các vị mỗi người hãy bày biện đồ ăn uống để lần lượt cúng dường Phật.’ Thế nào, Thế Tôn, điều này là nên hay không nên?”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay! Đại vương làm lợi ích cho nhiều người, đã vì trời người mà tạo ruộng phước.”

Vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn ngày mai vào cung thọ thực.”

Khi vua Tần-bà-sa-la thấy Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh rồi, liền đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi lui đi.

Sáng hôm sau, Thế Tôn đắp y, mang bát vào thành, đến trong cung vua, ngồi theo thứ lớp. Lúc ấy, vua cung cấp thức ăn trăm [694c01] vị, tự tay san sóc, vui vẻ không tán loạn. Khi thấy Thế Tôn thọ thực đã xong, đã rửa bát, vua Tần-bà-sa-la lấy một chiếc ghế thấp đến ngồi phía trước Phật.

Thế Tôn tuấn tự vì vua nói pháp vi diệu, khiến vua sanh tâm hoan hỷ. Thế Tôn nói pháp vi diệu cho vua và quần thần, nói các đề tài về bố thí, về tri giới, về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, dâm là uế ác, xuất yếu là an lạc.

Tăng nhất A-hàm

Khi Thế Tôn đã biết tâm ý các chúng sanh này đã khai mở, không còn hồ nghi nữa, như pháp mà chư Phật thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn cũng vì họ mà nói hết. Hơn sáu mươi người từ trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Tần-bà-sa-la cùng các nhân dân mà nói kệ tụng này:

*Tế tự¹⁵, lửa trên hết.
Các sách, kệ là nhất.
Vua, tôn quý loài người.
Các sông, biển là nguồn.
Trong sao, trăng sáng nhất.
Ánh sáng, mặt trời nhất.
Trên dưới và bốn phương,
Trong hết thấy vạn vật,
Trời và người thế gian,
Phật là trên tất cả.
Ai muốn cầu phước kia
Hãy nên cúng dường Phật.*

Sau khi nói bài kệ này xong, Phật rời chỗ ngồi đứng dậy ra về. Lúc ấy, nhân dân trong thành La-duyệt tùy dòng họ sang hèn, theo nhà ít nhiều mà cúng dường cơm cho Phật và Tăng Tỷ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn ở khu Ca-lan-đà, trong vườn Trúc; nhân dân trong nước không có ai là không cúng dường. Khi ấy, trong thành La-duyệt, đến lượt các bà-la-môn cúng dường thức ăn. Các bà-la-môn bèn nhóm họp lại một chỗ, bàn luận rằng:

¹⁵ Xem kinh 4 phẩm 18.

“Chúng ta mỗi người chi ra ba lượng tiền vàng để mua thức ăn cúng dường.”

Khi ấy trong thành La-duyệt có một bà-la-môn tên Kê-đầu, rất là nghèo thiếu, chỉ tự đủ sống còn, không có tiền vàng để góp, liền bị các bà-la-môn đuổi ra khỏi chúng.”

Bà-la-môn Kê-đầu trở về nhà nói với vợ ông:

“Nàng nên biết, hôm nay, ta bị các bà-la-môn trục xuất, không cho ở trong chúng. Vì sao vậy? Vì ta không có tiền vàng.”

[695a01] Người vợ nói:

“Hãy trở vào trong thành năn nỉ người vay nợ, ắt sẽ được. Hẹn với chủ nợ, sau bảy ngày sẽ trả lại, nếu không trả nợ thì chính tôi và vợ sẽ chịu làm tôi tớ.”

Ông bà-la-môn nghe theo lời vợ, liền vào trong thành tìm cầu khắp mọi nơi, vẫn không thể được. Ông trở về nhà nói với vợ:

“Tôi tìm cầu mọi nơi rồi mà không thể được. Nên như thế nào?”

Người vợ nói:

“Phía đông thành La-duyệt có đại Trưởng giả tên là Bất-xa-mật-đa-la, nhiều tiền lắm của, ta có thể đi đến đó mà cầu vay nợ. Xin cho vay ba lượng tiền vàng, sau bảy ngày sẽ trả lại, nếu không trả thì chính tôi và vợ sẽ chịu làm tôi tớ.”

Bà-la-môn theo lời vợ, đến nói với Bất-xa-mật-đa-la vay tiền vàng, không quá bảy ngày tự sẽ trả lại, nếu không trả thì chính ông và vợ sẽ chịu làm tôi tớ. Bất-xa-mật-đa-la liền trao cho tiền vàng.

Bà-la-môn Kê-đầu đem tiền vàng này về đến chỗ vợ, và bảo:

Tăng nhất A-hàm

“Đã được tiền vàng. Phải làm gì cho thích hợp?”

Người vợ nói:

“Hãy đem số tiền này nộp cho chúng.”

Bà-la-môn kia liền đem tiền vàng đến nộp cho chúng. Các bà-la-môn nói với bà-la-môn này:

“Chúng tôi đã chuẩn bị xong, hãy đem tiền vàng này về chỗ cũ, không cần ông ở trong chúng này.”

Bà-la-môn kia liền trở về nhà, đem nhân duyên này nói lại cho vợ. Người vợ nói:

“Hai chúng ta cùng đến chỗ Thế Tôn, tự trình bày hết lòng thành.”

Bà-la-môn dẫn vợ mình đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Người vợ ông cũng đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Rồi bà-la-môn đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bây giờ, Thế Tôn bảo bà-la-môn:

“Ông hãy vì Như Lai và Tăng Tỳ-kheo mà bày đồ ăn thức uống đầy đủ.”

Bà-la-môn quay lại bàn kỹ càng với vợ ông. Thời người vợ nói:

“Chỉ làm theo lời Phật dạy, chớ có phân vân.”

Bây giờ, bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn và Tăng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của con.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của bà-la-môn.

Bây giờ, Thích Đề-hoàn Nhân đang chấp tay hầu sau Thế Tôn. Thế Tôn quay lại bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Ông hãy giúp bà-la-môn này bày biện thức ăn.”

Thích [695b01] Đề-hoàn Nhân bạch:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương đứng cách Như Lai không xa, dẫn theo các chúng quỷ thần không kể xiết, từ xa quạt Thế Tôn.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tỳ-sa-môn Thiên vương:

“Ông cũng phải theo giúp bà-la-môn kia bày biện thức ăn này.”

Tỳ-sa-môn Thiên vương đáp:

“Tuân lệnh, thưa Thiên vương!”

Tỳ-sa-môn Thiên vương đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi tự biến mất. Ông hóa làm một người, lãnh năm trăm quỷ thần, cùng lo bày biện thức ăn. Tỳ-sa-môn Thiên vương ra lệnh cho các quỷ thần: “Các người hãy gấp vào trong rừng chiên đàn để lấy chiên đàn. Ở trong nhà bếp có năm trăm quỷ thần làm thức ăn.”

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bảo thiên tử Tụ Tại:

“Hôm nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đã dựng nhà bếp làm thức ăn cho Phật và Tăng Tỳ-kheo. Ông hãy hóa ra giảng đường cho Phật và Tăng Tỳ-kheo ở trong đó thọ thực.”

Thiên tử Tụ Tại đáp:

“Xin tuân lệnh!”

Rồi thiên tử Tụ Tại theo lời Thích Đề-hoàn Nhân, cách thành La-duyet không xa, hóa làm giảng đường bằng bảy báu. Bảy báu đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, mã não, trân châu, xa cừ. Lại hóa làm bốn cầu thang bằng vàng, bạc thủy tinh, lưu ly. Trên cầu thang vàng thì hóa ra cây bạc, trên cầu thang bạc thì

Tăng nhất A-hàm

hóa ra cây vàng, rễ vàng, thân bạc, cành bạc, lá bạc. Trên cây vàng thì hóa ra lá bạc, cành bạc. Trên cầu thang thủy tinh thì hóa ra cây lưu ly cũng được trang sức bằng đủ thứ không thể nói hết. Lại dùng đủ loại châu báu mà lót bên trong, dùng bảy báu che lên trên, bốn phía đều treo linh vàng, song các linh này đều phát ra tám loại âm thanh. Lại hóa ra giường, ghế tốt, trải nệm tốt, treo phướn, lọng thêu thùa, hiếm có trên đời. Lúc ấy, họ dùng chiên-đàn nguơu-đầu đốt lửa làm thức ăn, khiến mười hai do tuần cạnh thành La-duyet đều tràn ngập hương thơm ở trong đó. Lúc này, vua nước Ma-kiệt-đà bảo các quần thần:

“Ta lớn lên trong thâm cung từ nhỏ, chưa nghe mùi hương này. Vì có gì lại nghe mùi hương thơm này bên cạnh thành La-duyet?”

Quần thần tâu:

“Đó là ở trong nhà nấu ăn bà-la-môn Kê-đầu. Mà hương chiên-đàn trời là điềm lành ứng hiện.”

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la bảo các quần thần:

“Hãy mau chuẩn bị xe gấn lông chim. Ta muốn đi đến chỗ Thế Tôn để [695c01] hỏi thăm về việc này.”

Các quần thần tâu:

“Thưa vâng, Đại vương!”

Vua Tần-bà-sa-la liền đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, vua thấy trong bếp này có năm trăm người đang nấu thức ăn, bèn hỏi:

“Đây là những người nào đang nấu thức ăn vậy?”

Các quỷ thần mang hình người đáp:

“Bà-la-môn Kê-đầu thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường.”

Lúc ấy, nhà vua lại từ xa trông thấy giảng đường cao rộng liền hỏi người hầu:

“Đây là giảng đường do người nào tạo ra? Vì ai tạo ra? xưa nay chưa từng có!”

Quần thần đáp:

“Việc này chúng thần không rõ!”

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la nghĩ thầm: ‘Nay ta sẽ đi đến chỗ Thế Tôn để hỏi nghĩa này, vì Phật Thế Tôn không việc gì không biết, không việc gì không thấy.’ Lúc này, vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn:

“Trước đây không thấy giảng đường cao rộng này, hôm nay lại thấy. Xưa nay không thấy nhà bếp sắt này, hôm nay lại thấy. Làm bằng vật gì, và do ai biến ra.?”

Thế Tôn bảo:

“Đại vương nên biết! Đó là Tỳ-sa-môn Thiên-vương dựng lên nhà bếp và thiên tử Tụ Tại dựng lên giảng đường này.”

Lúc ấy, vua nước Ma-kiệt-đà ở trên chỗ ngồi, khóc thương lẫn lộn, không tự chế được. Thế Tôn bảo:

“Sao Đại vương lại thương khóc cho đến như vậy?”

Vua Tần-bà-sa-la bạch Phật:

“Con không dám thương khóc, chỉ nghĩ đến nhân dân đời sau không thấy bậc Thánh xuất hiện, người trong tương lai tham đắm của cải vật chất, không có oai đức, ngay đến tên của báu lạ

Tăng nhất A-hàm

này còn không nghe hưởng gì là thấy! Nay nhờ ơn Như Lai mà có sự biến hóa kỳ lạ xuất hiện ở đời cho nên con thương khóc.”

Thế Tôn bảo:

“Đời tương lai, quốc vương và nhân dân, thật sự sẽ không thấy sự biến hóa này!”

Bấy giờ, Thế Tôn liền vì quốc vương mà nói pháp, khiến phát tâm hoan hỷ. Sau khi nghe pháp xong, vua rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo bà-la-môn Kê-đầu:

“Ông hãy xòe bàn tay phải.”

bà-la-môn Kê-đầu liền xòe bàn tay phải ra. Tỳ-sa-môn Thiên vương trao cho một thỏi vàng và bảo:

“Cầm thỏi vàng này đặt lên đất.”

Bà-la-môn liền để nó lên đất. Tức thì nó biến thành trăm ngàn lượng vàng. Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo rằng:

“Ông hãy cầm thỏi vàng này vào trong thành mua các loại đồ ăn thức uống mang lại chón này.”

Theo lời dạy Thiên vương, bà-la-môn liền mang vàng này [696a01] vào thành mua đủ loại đồ ăn thức uống mang về nhà bếp. Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương tấm gọi bà-la-môn, cho mặc các loại y phục đẹp, tay cầm lư hương và dạy rằng: ‘Đã đến giờ, nay đã đúng giờ, xin Thế Tôn chiếu cố.’

Bấy giờ, bà-la-môn liền vâng theo lời dạy kia, tay bung lư hương mà bạch:

“Đã đến giờ, cúi xin chiếu cố.”

Bấy giờ, Thế Tôn đã biết đến giờ, liền đắp y, mang bát, dẫn các Tỳ-kheo đến giảng đường, rồi ngồi theo thứ lớp. Chúng Tỳ-kheo-ni cũng theo thứ tự ngồi.

Lúc ấy, bà-la-môn Kê-đầu thấy đồ ăn thức uống rất nhiều nhưng chúng Tăng lại ít, đến trước bạch Thế Tôn:

“Hôm nay, đồ ăn thức uống rất nhiều mà chúng Tăng lại ít, không biết phải làm sao?”

Thế Tôn bảo:

“Nay bà-la-môn, ông hãy bung lư hương này để lên trên đài cao, hướng về các phía Đông, Tây, Nam, Bắc mà khấn rằng:

“Những vị đệ tử của Phật Thích-ca Văn đã được sáu thần thông, A-la-hán lậu tận, xin vân tập hết đến giảng đường này.”

bà-la-môn bạch:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ, bà-la-môn vâng theo lời Phật dạy, liền lên lầu thỉnh các vị A-la-hán lậu tận. Lúc đó, phương Đông có hai mươi một ngàn A-la-hán, từ phương Đông đến giảng đường này. Các phương Nam, Tây, Bắc mỗi phương cũng đều có hai mươi một ngàn vị A-la-hán đến giảng đường này. Lúc này, trên giảng đường có tám vạn bốn ngàn A-la-hán tập hợp ở một chỗ.

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la dẫn các quần thần đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân và lễ Tăng Tỳ-kheo. Sau khi bà-la-môn Kê-đầu thấy chúng Tăng rồi, vui mừng hớn hở không tự chế được, dọn đồ ăn thức uống cúng dường Phật và Tăng Tỳ-kheo, tự tay san sóc, hoan hỷ không tán loạn. Nhưng thức ăn vẫn còn dư.

Lúc ấy, bà-la-môn Kê-đầu lên trước bạch Phật:

Tăng nhất A-hàm

“Hôm nay, con đã cúng dường Phật và Tăng Tỳ-kheo, nhưng thức ăn hiện vẫn còn dư!”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông có thể thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo cúng dường bảy ngày.”

bà-la-môn đáp:

“Thưa vâng, bạch Cù-đàm.”

Lúc ấy, bà-la-môn Kê-đầu liền quỳ trước Thế Tôn bạch:

“Nay con thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo cúng dường trong bảy ngày. Con sẽ cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Lúc ấy, [696b01] trong đại chúng có Tỳ-kheo-ni tên là Xá-cưu-lợi.¹⁶ Tỳ-kheo-ni bạch Thế Tôn:

“Nay trong tâm con nghĩ thầm: ‘Có vị đệ tử Phật Thích-ca Văn, A-la-hán lậu tận nào chưa vân tập đến đây không?’ Con đã dùng thiên nhãn quan sát bốn phương nhưng không thấy ai không đến. Nay trong đại hội này toàn là A-la-hán tập họp.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Xá-cưu-lợi, như lời cô nói, đại hội này toàn là các vị Chân nhân đông, tây, nam, bắc không ai không vân tập.”

Vì nhân duyên này, bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tỳ-kheo-ni nào thiên nhãn thấy suốt trong hàng Tỳ-kheo-ni như Tỳ-kheo-ni này hay không?”

¹⁶ Xá-cưu-lợi 舍鳩利. Trên kia, kinh 1 phẩm 5, phiên âm: Xa-câu-lê. Pāli: Sakulā.

Các Tỳ-kheo đáp:

“Không thấy, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đệ tử có thiên nhãn bậc nhất trong hàng Thanh văn, chính là Tỳ-kheo-ni Xá-curu-lợi.”

Lúc này, bà-la-môn Kê-đầu trong bảy ngày cúng dường Thánh chúng y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Lại dùng hương hoa rải lên Như Lai. Khi ấy hoa ấy ở giữa hư không kết thành một cái đài lưới châu¹⁷ bảy báu. Bà-la-môn khi thấy đài lưới châu, hết sức vui mừng không tự chế được, đến trước bạch Phật:

“Cúi xin đức Thế Tôn cho phép con được theo đạo làm Sa-môn.”

Bấy giờ, bà-la-môn Kê-đầu liền được hành đạo. Khi đã được hành đạo, các căn tịch tĩnh, tự tu luyện chí mình, trừ bỏ ngũ nghĩ. Nếu mắt thấy sắc cũng không khởi niệm tưởng, nhãn căn ông cũng không tưởng ác hay theo đuổi các niệm, mà hộ trì nhãn căn. Hoặc tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết trơn láng, không khởi tưởng trơn láng, ý biết pháp cũng vậy.

Rồi ông diệt trừ năm cái che lấp tâm người, khiến người không trí huệ. Cũng không ý sát hại, mà tịnh tâm mình, không giết, không niệm giết, không dạy người giết, tay không cầm dao gậy, khởi tâm nhân từ hướng về hết thảy chúng sanh. Trừ bỏ việc không cho mà lấy, không khởi tâm trộm cắp, giữ ý mình sạch, thường có tâm bố thí đối tất cả chúng sanh, khiến cho họ không

¹⁷ Giao lộ đài 交露臺.

trộm cắp. Tự mình không dâm dật, cũng lại dạy người khiến không dâm dật, thường tu phạm hạnh, trong sạch không có vết dơ, ở trong phạm hạnh mà thanh tịnh tâm mình. Tự mình không vọng ngữ, cũng không dạy người vọng ngữ, thường nghĩ chí thành, không có dối trá lừa gạt người đời, ở trong đó mà tịnh [696c01] tâm mình. Lại không có nói hai lưỡi, không dạy người khiến nói hai lưỡi, nếu nghe lời hỏi nơi này không truyền đến nơi kia, hoặc nghe lời nơi kia không truyền đến nơi này, ở trong đó mà tịnh ý mình.

Ăn uống biết đủ, không tham đắm mùi vị, không đắm sắc màu tươi tốt, không ham mập trắng, chỉ muốn giữ thân hình khiến toàn tánh mạng, muốn trừ cảm thọ cũ, khiến cảm thọ mới không sinh, tu hành đặc đạo, mãi an trú trong đất vô vi. Giống như có người nam, hay nữ dùng cao mỡ bôi lên mụn ghẻ, chỉ vì muốn trừ khỏi bệnh. Ở đây cũng như vậy, sở dĩ ăn uống biết đủ là muốn cho cảm thọ cũ được trừ, cảm thọ mới không sanh.

Vị ấy sau đó lại hành đạo¹⁸ từ sáng sớm, không mất thời tiết, không mất hành ba mươi bảy đạo phẩm. Khi ngồi, hoặc đi, trừ bỏ thù miên cái. Đầu đêm, hoặc ngồi hoặc nằm, trừ bỏ thù miên cái. Nửa đêm, nằm nghiêng hông phải chầm đất, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm nơi ánh sáng. Cuối đêm, vị ấy hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành mà tịnh ý mình.

Sau khi ăn uống biết đủ, kinh hành không mất thời gian, trừ bỏ dục, tưởng bất tịnh, không các ác hành, vào sơ thiên¹⁹ có tầm có tứ, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và trú sơ thiên. Xả tầm và tứ, nội tâm tĩnh chỉ, có hỷ lạc do định sanh, chứng và trú nhị

¹⁸ Hành đạo 行道; đây nên hiểu là kinh hành. Xem kinh 6 phẩm 21 trên, và đoạn tiếp theo dưới.

¹⁹ Lưu ý đề bản chép nhiều đảo cú so với bình thường, dẫn đến ngắt từ nhầm lẫn, do đó lẫn lộn giữa các thiên.

thiền. Ly hỷ, an trú xả, chánh niệm tĩnh giác, thân tự cảm giác lạc, điều mà Thánh nói là xả, niệm, an trú lạc, chứng và trú tam thiền. Diệt khổ lạc, ưu hỷ từ trước đã trừ, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng và trú tứ thiền.²⁰

Với tâm tam-muội,²¹ thanh tịnh không tỳ vết, cũng đạt được vô sở úy; lại đạt được tam-muội, vị ấy tự nhớ lại việc vô số đời. Vị ấy nhớ lại việc quá khứ hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, hàng ngàn vạn đời, thành kiếp bại kiếp, kiếp của thành bại: Ta từng sanh chỗ kia, họ ấy, tên ấy, ăn thức ăn như vậy, hưởng khổ vui như vậy, tuổi thọ dài ngắn, chết ở kia, sanh ở đây; chết ở đây, sanh ở kia, nhân duyên gốc ngọn tất cả đều biết.

Lại với tâm tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, đạt được vô sở úy, vị ấy quán sự sống chết của các loại chúng sanh. Vị ấy lại dùng thiên nhãn quán sát các loại chúng sanh, người sinh, người chết, đường lành, đường dữ, sắc lành, sắc dữ, hoặc tốt, hoặc xấu tùy hành nghiệp đã gieo; tất cả đều biết. Hoặc có chúng sanh với thân miệng ý tạo ác, phỉ báng Hiền Thánh, tạo [697a01] gốc nghiệp tà, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh với thân miệng ý hành thiện, không phỉ báng Hiền Thánh, thân hoại mạng chung sinh vào cõi trời, đường lành.

Vị ấy lại dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát các loài chúng sanh hoặc đẹp, hoặc xấu, đường lành, đường dữ, sắc lành, sắc dữ; tất cả đều biết, được vô sở úy.

²⁰ Định cú về bốn thiền, xem kinh 1 phẩm 12 các cht. 42 và tiếp.

²¹ Tức với tâm đã định tĩnh như trên.

Lại vận dụng tâm lậu tận, sau đó quán sát khổ này, như thật biết rằng đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, và đây là khổ xuất yếu. Sau khi vị ấy quán sát như vậy rồi, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng: Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa, phải biết như thật. Lúc ấy, bà-la-môn Kê-đầu thành A-la-hán.

Tôn giả Kê-đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có năm sự cực kỳ không thể đạt được.²² Những gì là năm? Vật phải mất mà muốn cho không mất, đó là không thể được. Pháp diệt tận mà muốn cho không diệt tận, đó là không thể được. Pháp già mà muốn cho không già, đó là không thể được. Pháp bệnh mà muốn cho không bệnh, đó là không thể được. Pháp chết mà muốn cho không chết, đó là không thể được.

“Này các Tỳ-kheo, đó là năm sự cực kỳ không thể đạt được. Dù Như Lai xuất thế hay Như Lai không xuất thế, pháp giới vẫn hằng trụ như vậy, mà những tiếng sanh, già, bệnh, chết,

²² Tham chiếu Pāli. A V 48 Alabbhanīyaṭṭhānasutta (R. iii. 54): *Pañcimāni alabbhanīyāni ṭhānāni*, năm sự kiện không thể đạt được. Xem kinh số 7 phẩm 32.

vẫn không có mục nát, không bị diệt mất. Cái gì sinh ra, cái gì chết đi, đều quay về gốc. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự nảy khó được. Hãy tìm cầu phương tiện tu hành năm căn. Sao gọi là năm? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Đó gọi là, Tỳ-kheo, hành năm căn này, thành Tu-đà-hoàn, Gia gia, Nhất chủng,²³ lên nữa thành Tư-đà-hàm, chuyển lên nữa diệt năm kết sử thành A-na-hàm ở trên kia mà nhập Niết-bàn chứ không trở lại đời này nữa, chuyển lên nữa hữu lậu diệt tận thành vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, tự thân tác chứng, tự an trú, biết như thật rằng không còn thọ thai nữa. Hãy tìm cầu phương tiện trừ bỏ năm sự trước, sau đó tu năm căn.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các [697b01] Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm hạng người không thể chữa trị. Sao gọi là năm? Người dua nịnh không thể chữa trị. Người gian tà không thể chữa trị. Người ác khẩu không thể chữa trị. Người ganh ghét không thể chữa trị. Người không báo đáp không thể chữa trị. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này không thể chữa trị.”

²³ Các quả vị Thánh thuộc Tu-đà-hoàn, xem kinh số 7 phẩm 28 trên.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người gian tà, ác khẩu,
Ganh ghét, không báo đáp:
Người này không thể chữa,
Bị người trí bỏ rơi.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, thường xuyên hãy học ý chánh, trừ bỏ ganh ghét, tu tập oai nghi, nói năng như pháp, phải biết báo đáp, biết ân nuôi dưỡng kia, ân nhỏ còn không quên huống gì ân lớn. Chớ ôm lòng tham lam bủn xỉn, cũng không tự khen mình, cũng không khinh chê người.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa kia, Thích Đề-hoàn Nhân bảo các trời Tam thập tam rằng: ‘Khi các vị đánh nhau với A-tu-la, nếu A-tu-la thua, chư thiên thắng, các vị hãy bắt A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la²⁴ trói năm chỗ rồi dẫn đến đây.’ Trong lúc đó, A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại bảo với các A-tu-la rằng: ‘Hôm nay, các khanh đánh nhau với

²⁴ Tỳ-ma-chất-đa-la 毘摩質多羅 . Pāli: Vepacitti (Skt. Vemacitra, *Mahāvīyutpatti* 172, 3393)

chư thiên, nếu thắng, hãy bắt Thích Đề-hoàn Nhân trói lại đưa đến đây.’

“Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy hai bên đánh nhau, chư thiên thắng, A-tu-la thua. Bấy giờ, trời Tam thập tam bắt trói vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đem đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đặt ở ngoài trung môn. Khi xem xét mình bị trói năm chỗ, vua A-tu-la nghĩ thầm: ‘Pháp chư thiên là chánh²⁵. Hành vi của A-tu-la là phi pháp. Nay ta không thích A-tu-la, mà sẽ ở tại cung chư thiên này.’ Khi ấy, do suy nghĩ rằng: ‘Pháp chư thiên là [697c01] chánh. Hành vi của A-tu-la là phi pháp. Ta muốn ở chốn này.’ Vừa nghĩ như vậy, tức thì vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền cảm thấy thân không còn bị trói, ngũ dục tự vui thích. Nhưng khi vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như vậy, rằng: ‘Chư thiên là phi pháp. Pháp A-tu-la là chánh. Ta không cần trời Tam thập tam này. Ta muốn trở về cung A-tu-la.’ Tức thì, thân vua A-tu-la bị trói năm chỗ, ngũ dục vui thích tự nhiên biến mất.

“Tỳ-kheo nên biết, không có sự trói buộc nào chặt hơn đây. Nhưng so đây, sự trói buộc của Ma còn chặt hơn. Nếu khởi kết sử, là bị Ma trói buộc. Dao động, bị Ma trói buộc. Bất động, không bị Ma trói buộc. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện khiến tâm không bị trói buộc, nên vui thích nơi nhàn tĩnh. Vì sao vậy? Vì các kết sử này là cảnh giới của Ma. Nếu có Tỳ-kheo nào ở cảnh giới Ma thì quyết không thể thoát sanh, già, bệnh, chết, không thoát sầu ưu khổ não. Nay Ta nói về sự dứt khổ này. Nếu Tỳ-kheo tâm không dao động, không dính kết sử, liền thoát sanh, già, bệnh, chết, sầu lo, khổ não.

²⁵ Đê bản: Chính 整. TNM: chánh .

Tăng nhất A-hàm

Nay Ta nói về sự dứt khổ này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này: không có kết sử, vượt ra khỏi cõi Ma.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi bạch Thế Tôn:

“Phàm nói là tận thì những pháp gì gọi là tận?”

Thế Tôn bảo:

“A-nan, sắc do nhân duyên vô vi mà có tên này. Vô dục, vô vi, gọi là pháp diệt tận. Pháp ấy bị diệt tận, được gọi là diệt tận. Thọ, tưởng, hành, thức, vô vi, vô tác, đều là pháp diệt tận, vô dục, vô nhiễm ô. Pháp ấy bị diệt tận nên gọi là diệt tận.

“A-nan nên biết, năm thủ uẩn vô dục, vô tác, là pháp diệt tận. Pháp ấy bị diệt tận nên gọi là diệt tận. Năm thủ uẩn này vĩnh viễn đã diệt tận, không sanh trở lại nữa nên gọi là diệt tận.”

Các Tỳ-kheo sau khi A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

[698a01] Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Đức Thế Tôn:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có nhân duyên gì, có hành vi nào đời trước khiến cho loài người này có tận, có diệt, có giảm thiểu? Xưa là thành quách, hôm nay đã hoại vong. Xưa có người dân, hôm nay bãi hoang?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn, nên biết, do những hành động của nhân dân này phi pháp nên khiến xưa có thành quách hôm nay bị ma diệt, xưa có người dân hôm nay bãi hoang, đều do dân sống xan tham trói buộc, quen hành ái dục đưa đến, khiến cho mưa gió không đúng thời, gieo trồng hạt mầm không phát triển. Lúc đó, nhân dân chết đầy đường.

“Bà-la-môn nên biết, do nhân duyên này nên đất nước bị hủy hoại, nhân dân không đông đúc.

“Lại nữa, bà-la-môn, việc làm của con người là phi pháp gây nên sấm, sét, chớp giạt tự nhiên; trời giáng mưa đá phá hoại mùa màng. Bấy giờ, người dân chết khó kể xiết.

“Lại nữa, bà-la-môn, những việc làm của con người phi pháp, đấu tranh lẫn nhau, hoặc dùng nắm tay đấm nhau, hoặc gạch đá ném nhau, mọi người tự táng mạng mình.

“Lại nữa, bà-la-môn, con người ấy đã đánh nhau nên chỗ ở mình không yên, quốc chủ không an ninh. Họ khởi binh chúng công phạt lẫn nhau, dẫn đến nhiều người chết khó tả, hoặc có người bị đao, hoặc có người bị tên bắn chết. Như vậy, này bà-

la-môn, do những nhân duyên này, khiến số người giảm bớt, không đông đúc lại được.

“Lại nữa, bà-la-môn, vì những việc làm của con người là phi pháp, nên khiến thần kì không giúp cho được thuận tiện, hoặc gặp khốn ách tật bệnh nằm liệt giường, người trừ khỏi thì ít, người dịch chết thì nhiều. Nay bà-la-môn, đó gọi là vì nhân duyên này khiến dân giảm thiểu, không còn đông đảo nữa.

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lộ bạch Thế Tôn:

“Những gì Cù-đàm nói thật là hay thay, khi nói về ý nghĩa giảm thiểu của con người xưa này. Đúng như lời Như Lai dạy, xưa có thành quách, hôm nay đã ma diệt, xưa có nhân dân, nay là bãi hoang. Vì sao vậy? Vì có phi pháp, liền sanh tham lam, ganh ghét. Vì sanh tham lam, ganh ghét nên sanh nghiệp tà. Vì nghiệp tà nên trời mưa không đúng thời, ngũ cốc không chín, Nhân dân không mạnh, cho nên khiến phi pháp lưu hành, trời giáng tai biến bại hoại mầm sanh. Vì họ hành phi pháp, ham đắm tham lam, ganh ghét. Bấy giờ, quốc chủ [698b01] không an ninh, họ đẩy binh chúng công phạt lẫn nhau, người chết không thể kể, nên khiến đất nước hoang tàn, nhân dân ly tán.

“Những gì Thế Tôn nói hôm nay thật là hay thay! Do phi pháp nên đưa đến tai họa này. Giả sử bị người khác bắt, và bị giết chết. Đó là do phi pháp nên sanh tâm trộm cắp. Đã sanh trộm cắp, sau đó bị vua giết. Vì sanh tà nghiệp nên bị phi nhân chi phối. Vì nhân duyên này nên mạng chung, nhân dân giảm thiểu, nên khiến không có thành quách để cư trú.

“Thưa Cù-đàm, những gì Ngài nói hôm nay là quá nhiều. Giống như người gù được thẳng, người mù được đôi mắt, trong tối được sáng, người không có mắt làm cho có đôi mắt. Nay, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện để thuyết pháp.

Nay con lại xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng, xin cho phép làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không dám sát sanh nữa. Nếu Sa-môn Cù-đàm gặp con cỡi voi, cỡi ngựa, mà thấy con bày vai hữu, cúi xin Thế Tôn nhận sự lễ bái của con; đó là do sự cung kính của con. Vì sao vậy? Vì con được các vị vua như Ba-tư-nặc, vua Tần-bà-sa-la, vua Ưu-điền, vua Ác Sanh, vua Ưu-đà-diên ban cho phước thọ phạm²⁶. Con sợ mất cái đức này. Nếu lúc con đi bộ mà thấy Cù-đàm đến, con sẽ cỡi bỏ giày, cúi xin Thế Tôn nhận con lễ bái.”

Bấy giờ, Thế Tôn gật đầu chấp nhận. Bà-la-môn Sanh Lậu vui mừng hơn hở, không tự kèm chế được, đến trước bạch với Phật:

“Nay con lại xin tự quy y Sa-môn Cù-đàm, cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Ưu-bà-tắc.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền vì ông nói pháp, khiến phát tâm hoan hỷ. Bà-la-môn sau khi nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

bà-la-môn Sanh Lậu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.²⁷

²⁶ Thọ phạm chi phước 受梵之福; dịch nghĩa đen, từ gán Pāli: *Brahmadeyya*: tặng phẩm của Phạm thiên, chỉ ân tứ hay phong ấp mà vua chúa ban cho.

²⁷ Bản Hán, hết quyển 26.

35. PHẨM TÀ TỤ

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người ở trong tụ tà kiến, người ấy có hình dáng như thế nào? Mặt mũi như thế nào?”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Nhu Lai là Vua các pháp, là chí tôn các pháp. Lành thay, Thế Tôn, hãy vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này. Chúng con sau khi nghe xong sẽ phụng hành.”

Thế Tôn bảo:

“Các người hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ vì các người phân biệt nghĩa này.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Người ở trong tụ tà cần được nhận biết bằng năm sự. Do thấy năm sự mà biết người này sống trong tụ tà. Sao gọi là năm? Nên cười mà không cười, lúc nên hoan hỷ mà không hoan hỷ, nên khởi lòng từ mà không khởi lòng từ, làm ác mà không hổ, nghe lời thiện của người mà không để ý. Nên biết người này ắt

ở trong nhóm tà. Nếu chúng sanh nào ở trong nhóm tà, người ấy cần được nhận biết bằng năm sự này biết.

“Lại nữa, nếu chúng sanh nào ở trong nhóm chánh, người ấy có tướng mạo như thế nào? Có nhân duyên gì?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Nhu Lai là Vua các pháp, là chí tôn các pháp. Cúi xin Thế Tôn hãy vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này. Chúng con sau khi nghe xong sẽ phụng hành.”

Thế Tôn bảo:

“Các người hãy suy nghĩ cho kỹ. Ta sẽ vì các người phân biệt nghĩa này.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Người ở trong tụ chánh cần được nhận biết bằng năm sự. Do thấy năm sự mà biết người này đang ở trong tụ chánh. Sao gọi là năm? Nên cười thì cười, nên hoan hỷ thì hoan hỷ, nên khởi lòng từ thì khởi lòng từ, đáng hổ thì hổ, nghe lời thiện liền chú ý. Nên biết người này đã ở trong tụ chánh. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy nên bỏ tụ tà, ở trong tụ chánh.

[699a01] “Các Tỳ-kheo. hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“N hư Lai xuất hiện ở đời tất sẽ vì năm việc. Sao gọi là năm? Một sẽ chuyển Pháp luân, hai sẽ độ cha mẹ, ba người không tin kiến lập lòng tin, bốn là người chưa phát ý Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-tát, năm sẽ thọ ký cho Phật tương lai. Nếu Như Lai xuất hiện ở đời thì sẽ làm năm việc này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy khởi tâm từ đối với Như Lai.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“C ó năm sự vật mà huệ thí không được phước kia. Sao gọi là năm? Một lấy đao thí cho người, hai lấy độc thí cho người, ba đem bò hoang thí cho người, bốn dâm nữ thí cho người, năm tạo miếu thờ thần. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự bố thí này không có phước.

“Các Tỳ-kheo nên biết, lại có năm sự vật mà huệ thí được phước lớn. Sao gọi là năm? Một tạo lập công viên, hai trồng rừng cây, ba bắc cầu đò, bốn tạo làm thuyền lớn, tạo lập dựng

nhà cửa, nơi ở cho quá khứ và tương lai. Nay các tỳ kheo, đó gọi là có năm sự vật khiến được phước đức kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Vườn cảnh, cho mát mẻ;
Và xây dựng cầu đò
Giúp người vượt qua sông;
Còn xây phòng ốc tốt:
Người kia trong đêm ngày
Sẽ thường hưởng phước ấy.
Giới, định đã thành tựu,
Người này ắt sanh thiên.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo hãy niệm tu hành năm sự huệ thí này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nữ có năm sức mạnh xem thường chồng. Những gì là năm? Một sức mạnh của sắc đẹp, hai sức mạnh của dòng họ, ba sức mạnh của ruộng vườn, bốn sức mạnh của con cái, năm sức mạnh của tiết hạnh. Đó là năm sức mạnh của người nữ.

“Tỳ-kheo nên biết, người nữ dựa vào năm sức mạnh này mà xem thường chồng. Nếu chồng lại có một sức mạnh thì sẽ phủ

lấp hết người nữ kia. Một sức mạnh ấy là gì? Đó là sức mạnh của giàu sang. Phàm là người giàu sang thì sức mạnh của sắc không sánh bằng; dòng họ, ruộng vườn, con cái, tiết hạnh cũng không bằng. Do một sức lực mà thắng ngàn ấy sức mạnh.

“Nay tề ma Ba-tuần cũng có năm sức mạnh. Những gì là năm? Đó là sức mạnh sắc, sức mạnh thanh, sức mạnh hương, sức mạnh vị, sức mạnh xúc¹. Phàm người ngu si đắm các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc nên không thể vượt qua cảnh giới Ma Ba tuần. Thánh đệ tử thành tựu một sức mạnh thì có thể thắng ngàn ấy sức mạnh. Một sức mạnh ấy là gì? Đó là sức mạnh không phóng dật. Nếu Hiền Thánh đệ tử thành tựu không phóng dật, không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc câu thúc. Do không bị năm dục trói buộc nên có khả năng phân biệt pháp sanh, già, bệnh, chết, thắng được năm sức mạnh của Ma, không rơi vào cảnh giới Ma, vượt khỏi các nạn sợ hãi, đến chỗ vô vi.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Giới, đường đến cam lồ,
Phóng dật, dẫn lối chết.
Không tham thì không chết
Mất đường là tự mất.²*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy niệm tưởng tu hành không phóng dật.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

¹ Nguyên Hán: tế hoạt

² Tham chiếu Pāli, Dhṛp. 21. *appamādo amatapadaṃ pamādo maccuno padaṃ; appamattā na mīyanti, ye pamattā yathā matā.*, “Không buông lung, con đường dẫn đến bất tử. Buông lung, con đường dẫn đến chỗ chết. Không buông lung, không bị chết. Người buông lung như người đã chết.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nữ có năm tướng dục. Những gì là năm? Một sanh trong nhà hào quý, hai được gả vào nhà giàu sang, ba chồng của ta làm theo lời, bốn là có nhiều con cái, năm là độc quyền trong nhà do mình. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người nữ có năm sự đáng tưởng muốn này.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo của Ta cũng có năm sự đáng tưởng muốn. Sao gọi là năm? Đó là cấm giới, đa văn, thành tựu tam-muội, trí huệ, trí huệ giải thoát. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là có [699c01] năm sự này là pháp đáng muốn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nguyện sanh dòng hào tộc;
Cũng gặp nhà giàu sang;
Có thể sai khiến chồng;
Chẳng phước không khắc được.
Khiến ta nhiều con cái;
Hương hoa tự trang sức;
Tuy có tướng niệm này,
Chẳng phước không khắc được.*

*Tín giới mà thành tựu;
Tam-muội không lay động,
Trí huệ cũng thành tựu.*

Biếng nhác, không đạt được.

Muốn chứng đắc đạo quả.

Không dạo vực sanh tử;

Mong muốn đến Niết-bàn;

Biếng nhác, không đạt được.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành nơi pháp thiện, trừ bỏ pháp bất thiện, dần dần tiến về trước, không có thói ý nữa chùng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm trường hợp không nên lễ người. Những gì là năm? Người ở trong tháp, không nên lễ. Người ở trong đại chúng, không nên lễ. Người ở giữa đường, không nên lễ. Người đang ốm đau nằm trên giường, không nên lễ. Người đang ăn, không nên lễ. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm trường hợp này không lễ người.

“Lại có năm trường hợp biết đúng thời nên lễ. Những gì là năm? Đó là không ở trong tháp, không ở trong đại chúng, không ở giữa đường, không đau bệnh, lại chẳng phải đang ăn uống, đây nên hướng về lễ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đúng thời mà hành.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyệt. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ưu-đầu-bàn³:

“Ông hãy vào thành La-duyệt xin cho Ta một ít nước nóng. Vì sao vậy? Vì như Ta hôm nay đang trúng gió⁴ đau cột sống.”

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Ưu-đầu-bàn vâng lời Phật dạy, đến giờ khát thực, đắp y, mang bát, vào thành La-duyệt xin nước nóng. Tôn giả Ưu-đầu-bàn [700a01] nghĩ như vậy: ‘Thế Tôn có nhân duyên gì sai ta xin nước nóng? Như Lai đã dứt sạch các kết sử, tập hợp các điều lành, vậy mà Như Lai lại nói rằng: Nay Ta bị trúng gió. Hơn nữa, Thế Tôn lại không cho biết danh tánh nên đến nhà ai.’

Rồi Tôn giả Ưu-đầu-bàn dùng thiên nhãn quán sát các người nam ở thành La-duyệt, thấy tất cả đều đáng được độ. Lúc ấy, thấy trong thành La-duyệt có trưởng giả Tỳ-xá-la⁵ trước đây

³ Ưu-đầu-bàn 優頭槃. Có thể đồng nhất với Pāli: Upavāṇa, có thời làm thị giả Phật. Truyện xin nước nóng được kể trong ThagA. (R.ii. 56)

⁴ Tích hoạn phong thống 脊患風痛. Pāli: *vātabādhiko*, bệnh bởi gió, được giải thích là: *vātakkhobhanimittam ābādhiko jāto*, bệnh phát sinh do triệu chứng rối loạn của gió. Không rõ bệnh gì. (ThagA. R. ii. 57).

⁵ Tỳ-xá-la 毘舍羅. Pāli, Vedeha. ThagA. R.ii., Upavāṇa đến xin nước nóng nơi nhà Devahita, trong thành Xá-vệ.

không trông căn lành, không có giới, không có tín, tà kiến đối với Phật, Pháp, Tăng, và biên kiến cùng tương ưng. Ông thấy như vậy: ‘Không có bố thí, không có cho, không có người nhận, lại cũng không có quả báo thiện ác; không có đời này, không đời sau, không có cha, không có mẹ; đời không có Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu, ở đời này, đời sau, tự thân tác chứng, mà tự du hóa.’ Tuổi thọ rất ngắn; sau năm ngày nữa ông sẽ chết. Ông lại đang thờ Ngũ đạo đại thần.

Ưu-đầu-bàn nghĩ thầm: ‘Chắc là Như Lai muốn độ trưởng giả này. Vì sao vậy? Vì trưởng giả này sau khi qua đời sẽ sanh vào trong địa ngục Đê khốc⁶.’ Lúc ấy, Ưu-đầu-bàn liền mỉm cười. Ngũ đạo đại thần từ xa nhìn thấy tôn giả mỉm cười, liền ẩn hình mình, hóa ra hình người, đi đến chỗ Ưu-đầu-bàn để Ngài sai khiến. Tôn giả Ưu-đầu-bàn dẫn sứ giả này đến đứng ngoài cửa nhà trưởng giả, đứng im lặng không nói gì cả.

Lúc ấy, trưởng giả từ xa nhìn thấy có đạo nhân đứng ở ngoài cửa, lập tức nói kệ này:

*Nay người đứng im lặng,
Cạo đầu đắp cà sa
Vì muốn xin những gì?
Do nhân gì đến đây?*

Ưu-đầu-bàn liền nói kệ này đáp:

*Như Lai bậc Vô trước,
Hôm nay sanh bệnh phong.
Nếu ngài có nước nóng,
Như Lai muốn tắm rửa.⁷*

⁶ Đê khốc địa ngục 啼哭地獄. Trường 19, kinh Thế ký: địa ngục Khiếu hoán 叫喚. Pāli: Jālaruva (Skt. Raurava).

⁷ Bài kệ Pāli tương đương, ThagA. R.ii. 57.

Khi ấy, trưởng giả im lặng không đáp. Đại thần Ngũ đạo bảo với Tỳ-xá-la:

“Trưởng giả nên đem nước sôi cúng dường, tất sẽ được phước vô lượng, sẽ được báo cam lộ.”

Trưởng giả đáp:

“Ta tỵ có đại thần Ngũ đạo, cần gì đến Sa-môn này? Ông thêm được việc gì?”

Lúc ấy, đại thần Ngũ đạo liền nói kệ này:

*Như Lai đang ở đời
Thiên Đế cũng xuống hầu.
[700b01] Còn ai vượt lên trên?
Ai có thể ngang hàng?
Thần Ngũ đạo làm gì?
Không giúp được gì cả.
Nên cúng dường Thế Tôn,
Để được quả báo lớn.*

Lúc ấy, đại thần Ngũ đạo lại nói lần nữa trưởng giả:

“Ông hãy khéo tỵ thủ hộ các hành vi của thân, miệng, ý hành. Ông không biết oai lực của đại thần Ngũ đạo sao?”

Đại thần Ngũ đạo liền hóa ra hình quỷ thần lớn, tay phải cầm kiếm, nói với trưởng giả:

“Nay ta chính là đại thần Ngũ đạo. Hãy nhanh chóng cho Sa-môn này nước nóng. Chớ có chần chờ.”

Lúc ấy, trưởng giả nghĩ thầm: ‘Thật là kỳ lạ! Đại thần Ngũ đạo còn cúng dường Sa-môn này.’ Lập tức ông đem nước nóng thom trao cho đạo nhân. Lại lấy mật mía trao cho Sa-môn.

Tăng nhất A-hàm

Đại thần Ngũ đạo tự tay cầm nước nóng thơm này, cùng Ưu-đầu-bàn đến chỗ Thế Tôn rồi dâng nước nóng thơm này lên Như Lai. Bấy giờ, Như Lai dùng nước nóng thơm này tắm gội thân thể, bệnh phong lập tức thuyên giảm không còn tăng trưởng nữa.

Ông trưởng giả, sau năm ngày qua đời, sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Khi Tôn giả Ưu-đầu-bàn nghe trưởng giả qua đời, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Ưu-đầu-bàn bạch Như Lai:

“Trưởng giả này chết sanh về chốn nào?”

Thế Tôn bảo:

“Trưởng giả này chết sanh lên trời Tứ thiên vương.”

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

“Trưởng giả này, mạng chung ở đó, sẽ sanh về đâu?”

Thế Tôn đáp:

“Ở đó mạng chung, sẽ sanh cõi trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, cho đến trời Tha hóa tự tại. Ở đó mạng chung, lại sanh vào cõi trời Tứ thiên vương. Trưởng giả này thân trong sáu mươi kiếp, không đọa vào đường ác, cuối cùng được làm người, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo, thành Bích-chi-phật. Vì sao vậy? Vì nhờ đức cúng dường nước nóng thơm mà phước kia mới như vậy. Cho nên, Ưu-đầu-bàn, hãy thường niệm việc tắm chúng Tăng, nghe thuyết đạo giáo.

“Ưu-đầu-bàn, hãy học điều như vậy.”

Tôn giả Ưu-đầu-bàn sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới cấm, trở về làm bạch y. Khi ấy, Tỳ-kheo kia đến chỗ Thế Tôn, [700c01] đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

“Nay con không thích tu hành trong phạm hạnh này. Con muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ngươi vì sao ông không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y?”

Tỳ-kheo đáp:

“Nay tâm ý con hừng hực, trong thân bùng lửa. Nếu khi con thấy người nữ xinh đẹp vô song, bấy giờ con nghĩ thầm: ‘Mong sao người nữ này cùng ta giao hội nhau.’ Rồi con lại nghĩ: ‘Đây chẳng phải Chánh pháp. Nếu ta theo tâm này thì chẳng phải chánh lý.’ Bấy giờ, con lại nghĩ thầm: ‘Đây là mục đích xấu, chẳng phải là mục đích tốt.⁸ Đây là pháp ác chẳng phải là pháp thiện.’ Nay con muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y. Giới cấm của Sa-môn thật sự không thể phạm. Ở trong thế tục, con có thể bỏ thí vật thực⁹.”

Thế Tôn bảo:

⁸ Hán: ác lợi và thiện lợi 惡利善利.

⁹ Nguyên Hán: phân-dàn bố thí 分檀布施. (Pāli: *piṇḍa-dāyaka*). Xem cht. 46, kinh 1 phẩm 29.

“Phàm người nữ có năm điều bất thiện. Những gì là năm? Một là bất thiện bởi ô uế, hai là nói hai lưỡi, ba là ganh ghét, bốn là sân nhuế, năm là không biết báo đáp.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Buồn vui vì của cải,
Ngoài thiện trong lòng ác;
Phá nẻo thiện của người;
Chim ưng bỏ đằm nhơ.*

“Cho nên, Tỳ-kheo hãy từ bỏ tướng tịnh, tư duy quán bất tịnh.¹⁰ Sau khi tư duy quán bất tịnh, Tỳ-kheo sẽ đoạn tận dục ái, sắc ái và vô sắc ái; đoạn tận vô minh, kiêu mạn. Nay, Tỳ-kheo, dục của người từ đâu sanh? Từ tóc sanh? Nhưng tóc hiện nhơ không sạch, đều do huyễn hóa, lừa gạt người đời. Móng, răng ... thuộc về thân thể đều là không sạch. Cái gì là chân, cái nào là thật? Từ đầu đến chân, thấy đều như vậy. Những vật hữu hình như gan, mật, năm tạng, không một vật đáng ham. Cái gì là chân? Nay, Tỳ-kheo, dục của người từ đâu sanh? Nay người khéo tu phạm hạnh, Chánh pháp của Như Lai, tất sẽ hết khổ. Mạng người rất ngắn, không lâu ở đời. Tuy có rất thọ, không qua trăm tuổi.

“Tỳ-kheo nên biết, Như Lai xuất thế, rất là khó. Được gặp, nghe pháp cũng khó. Thọ nhận thân hình tứ đại cũng lại việc khó được. Các căn đầy đủ cũng lại khó được. Được sanh vào chốn trung ương, cũng lại khó gặp. Gặp gỡ thiện tri thức, cũng lại khó được. Nghe pháp cũng khó, phân biệt nghĩa lý cũng lại khó được. Thành tựu pháp tùy pháp, việc này cũng khó. Nay, Tỳ-kheo, người nếu [701a01] thân cận thiện tri thức, thì có thể phân biệt các pháp, cũng có thể giảng rộng nghĩa này cho

¹⁰ Bản Hán: trừ tướng bất tịnh, quán tịnh.

người khác. Nếu đã nghe pháp thì có thể phân biệt. Đã phân biệt pháp rồi thì có thể giảng nói nghĩa của nó. Không có tướng dục, tướng sân nhuế, tướng ngu si; đã lia ba độc nên thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Nay ta đã nói sơ nghĩa ấy.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nhận lãnh lời dạy từ Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui ra.

Tỳ-kheo kia ở nơi vắng vẻ, tư duy về pháp này, sở dĩ mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, là muốn tu phạm hạnh vô thượng, cho đến, như thật biết rằng, Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa, biết như thật. Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại Ca-lan-đà, trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng với đại chúng năm trăm tỳ kheo. Bấy giờ, A-nan và Đa-kỳ-xa,¹¹ đứng giờ, đắp y, cầm bát, vào thành khát thực. Lúc ấy, Đa-kỳ-xa ở trong một ngõ hẻm, thấy một người nữ hết sức xinh đẹp hiếm có kỳ đặc ở đời. Thấy rồi, tâm ý tán loạn, không còn bình thường.¹²

Lúc ấy, Đa-kỳ-xa liền dùng kệ này nói cho A-nan:

*Bị lửa dục thiêu đốt,
Tâm ý thật cháy bùng.
Xin nói nghĩa diệt nó,*

¹¹ Xem kinh 5 phẩm 32.

¹² Cf. S. 8. 1 (R.i. 185). *Tap* (Việt), kinh 1115.

Để được nhiều lợi ích.

A-nan liền nói kệ này đáp:

*Biết dục, pháp điên đảo;
Tâm ý thật cháy bùng.
Hãy trừ niệm hình tướng,
Ý dục liền tự dừng.*

Đa-kỳ-xa lại nói kệ đáp:

*Tâm là gốc của thân;
Mắt là nguồn thấy đẹp.
Nằm ngủ thấy đỡ nâng,
Thân như cỏ rối úa.*

Tôn giả A-nan liền tiến đến, dùng tay phải xoa đầu Đa-kỳ-xa mà nói kệ này:

*Niệm Phật, không tham dục.
Nan-đà vượt dục kia
Thấy trời, hiện địa ngục.¹³
Ngăn ý, lia năm đường.*

[701b01] Đa-kỳ-xa sau khi nghe Tôn giả A-nan nói, liền tự nói: “Thôi, thôi, A-nan! Hãy cùng khát thực xong trở về chỗ Thế Tôn.”

Khi ấy, người nữ kia từ xa trông thấy Đa-kỳ-xa, cô liền cười. Đa-kỳ-xa khi từ xa thấy người nữ cười, liền phát sanh niệm tướng này: ‘Cô nay, với hình thể được dựng đứng bởi xương, được quấn chặt bởi da, cũng như cái bình vẽ, bên trong đựng đồ bất tịnh, lừa dối người đời, khiến sinh loạn tướng.’

¹³ Xem kinh 7 phẩm 18.

Bấy giờ, Tôn giả Đa-kỳ-xa quán sát người nữ kia từ đầu đến chân, trong thân thể này không cái gì đáng ham, ba mươi sáu vật thấy đều bất tịnh. Nay những vật này là từ đâu sinh? Rồi Tôn giả Đa-kỳ-xa lại nghĩ: ‘Nay ta quán sát thân khác, không bằng tự quán sát trong thân mình. Dục này từ đâu sanh? Từ đất sanh chăng? Từ nước, lửa, gió sanh chăng? Nếu từ đất sanh; đất cứng chắc, không thể bị hư hoại. Nếu từ nước sanh, nước rất mềm, không thể bắt giữ. Nếu từ lửa sanh; lửa¹⁴ cũng không thể bị nắm bắt. Nếu từ gió sanh; gió không có hình, không thể nắm bắt.’ Tôn giả lại nghĩ: ‘Tham dục này chỉ có từ tư tưởng sanh.’

Rồi Tôn giả nói kệ này:

*Dục, ta biết gốc nguoi:
Nguoi từ tư tưởng sinh.
Nếu ta không tưởng nguoi,
Nguoi sẽ không hiện hữu.*

Khi Tôn giả Đa-kỳ-xa nói bài kệ này, như tư duy về tướng bất tịnh, ngay tại chỗ, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu.

Lúc ấy, A-nan và Đa-kỳ-xa ra khỏi thành La-duyệt, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Đa-kỳ-xa bạch Thế Tôn:

“Nay con đã được lợi thiện, vì có chỗ giác ngộ.”

Thế Tôn hỏi:

“Nay nguoi tự giác thể nào?”

Đa-kỳ-xa bạch Phật:

¹⁴ Chú thích trong đề bản: đây có thể còn thiếu hai chữ, nhưng chưa rõ.

“Sắc không bền vững, cũng không chắc chắn, không thể trông thấy, huyễn ngộ, không thật; thọ¹⁵ không bền vững, cũng không lõi chắc, cũng như đám bọt trên mặt nước, huyễn ngộ, không thật. Tưởng không bền vững, cũng không lõi chắc, huyễn ngộ, không thật, cũng như quáng nắng. Hành không bền vững, cũng không lõi chắc, giống như thân cây chuối, không có thật. Thức không bền vững, cũng không lõi chắc, huyễn ngộ, không thật.”

Tôn giả lại bạch Phật thêm:

Năm thủ uẩn này không bền vững, cũng không lõi chắc, huyễn ngộ không thật.”

Bấy giờ Tôn giả Đa-kỳ-xa liền nói kệ này:

*[701c01]Sắc như chum bọt nổi;
Thọ như bong bóng nước;
Tưởng giống như quáng nắng;
Hành như thân cây chuối;
Thức là pháp huyễn hóa;
Đáng Tôi Thắng nói vậy.*

*Tư duy điều này xong,
Quán sát hết các hành,
Thấy trống không, vắng lặng;
Không có gì chân chánh,
Đều là do thân này;
Đức Thiện Thế dạy vậy.*

*Cần phải diệt ba pháp.
Thấy sắc là bất tịnh,
Thân này là như vậy,
Huẩn ngộ không chân thật,*

¹⁵ Nguyên bản: Thống.

*Đó là pháp hư hại,
Năm uẩn không bền chắc,
Đã biết là không thật,
Trở về đạo tối thượng.*

“Nhu vậy, Thế Tôn, đó là những gì mà con đã tỏ ngộ.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Đa-kỳ-xa! Ông khéo hay quán sát gốc năm thủ uẩn này. Nay người nên biết, phàm là hành giả thì phải quán sát gốc năm uẩn này đều không chắc thật. Vì sao vậy? Khi Ta đang quán sát năm thủ uẩn này ở dưới bóng cây Bồ-đề mà thành Vô Thượng Đẳng Chánh Giác, cũng như những gì hôm nay người quán.”

Khi Thế Tôn nói bài pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo ngay trên chỗ ngồi mà được lậu tận, tâm giải thoát.

Tôn giả Đa-kỳ-xa sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tăng-ca-ma,¹⁶ con một trưởng giả, đến chỗ Thế Tôn đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi con trưởng giả bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con được hành đạo.”

¹⁶ Tăng-ca-ma 僧迦摩. Có thể đồng nhất với Saṅgāmaji, Udāna 8.

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ, con trưởng giả liền được hành đạo, ở nơi vắng vẻ, nỗ lực tu hành thành tựu quả pháp. Sở dĩ thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, là như thật biết rằng, Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau. Bấy giờ, Tăng-ca-ma thành A-la-hán.

Khi Tôn giả ở nơi nhàn tịnh, suy nghĩ như vậy: ‘Nhu Lai xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Đa-tát-a-kiệt thật lâu mới xuất hiện, cũng như hoa ưu-đàm thật lâu mới xuất hiện. Ở đây cũng vậy, Nhu Lai xuất hiện ở đời, thật lâu mới có. Tất cả hành diệt, cũng khó gặp. Xuất yếu cũng khó. Ái tận, vô dục, Niết-bàn, điều này mới là vi diệu¹⁷.

Bấy giờ, mẹ vợ Tăng-ca-ma nghe con kể mình làm đạo nhân, không còn đắm dục, bỏ phiền lụy gia đình, lại bỏ con gái bà như vật bỏ đám nước dãi. Lúc ấy, người mẹ này đến chỗ con gái, nói với cô:

“Có thật chồng con hành đạo sao?”

[702a01] Con gái bà đáp:

“Con cũng không rõ là có hành đạo hay không.”

Người mẹ bảo:

“Nay con hãy tự trang điểm, mặc quần áo đẹp, ẩm con trai, con gái này, đi đến chỗ Tăng-ca-ma.”

Khi ấy Tôn giả Tăng-ca-ma đang ngồi kiết già dưới bóng một gốc cây, vợ và mẹ vợ, hai người đến đứng im trước mặt.

Trong lúc đó, người mẹ và cô con gái quan sát Tăng-ca-ma từ đầu đến chân, rồi nói với Tăng-ca-ma:

¹⁷ Đê bản: vi yếu 爲要. TNM: vi diệu.

“Vi sao hôm nay anh không nói chuyện với con gái tôi? Đây con cái này do anh sanh. Việc anh đang làm thật là phi lý, không ai chấp nhận.”

Tôn giả Tăng-ca-ma liền nói kệ này:

*Đây không gì tốt hơn;
Đây không gì đẹp hơn;
Đây không gì đúng hơn;
Thiện niệm không hơn đây.*

Khi ấy, mẹ vợ bảo Tăng-ca-ma:

“Nay con gái tôi có tội gì? Có điều gì phi pháp? Tại sao nay bỏ nó xuất gia học đạo?”

Lúc ấy, Tăng-ca-ma nói kệ này:

*Ô uế, bất tịnh hạnh;
Sân hận, thích vọng ngữ;
Tâm ganh ghét, bất chánh;
Như Lai đã nói vậy.*

Lúc ấy, người mẹ nói với Tăng-ca-ma:

“Chẳng phải một mình con gái ta có chuyện này, mà hết thấy người nữ đều như vậy. Nhân dân trong thành Xá-vệ, ai thấy con gái ta thấy đều trở nên loạn tâm ý, muốn cùng giao hội, như khát muốn uống, nhìn không biết chán, thấy đều khởi tưởng đắm đuối. Vì sao nay anh lại bỏ nó học đạo, rồi lại còn chê bai? Nếu ngày hôm nay anh không cần con gái tôi thì thôi, nhưng những đứa con này do anh đã sinh ra nay trả lại anh. Hãy tự mà lo lấy.”

Lúc ấy, Tăng-ca-ma lại nói kệ này:

*Tôi không con trai, gái,
Ruộng vườn và cửa báu;*

*Cũng không có nô tỳ,
Quyển thuộc và tùy tùng.*

*Một mình, không bè bạn
Thích ở nơi vắng vẻ,
Thực hành pháp Sa-môn,
Cầu Phật đạo chân chánh.*

*Ai có con trai, gái,
Là sở hành người ngu
Ta, thân thường vô ngã,
Há có con cái sao?*

Lúc ấy, người vợ, mẹ vợ, con cái nghe bài kệ ấy xong, mọi người đều nghĩ: ‘Như ta quán sát hôm nay, theo ý này thì chắc chắn không trở về nhà.’ Họ lại quan sát từ đầu đến chân, ta thán thở dài, rồi quỳ xuống trước Tôn giả mà nói: ‘Nếu thân miệng ý chúng tôi có gây điều gì phi pháp, xin tha thứ tất cả cho.’ Rồi họ nhiễu quanh ba vòng, và ra khỏi chỗ đó.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan, đến giờ, đắp y, cầm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Từ xa trông thấy người mẹ và cô con gái, bèn hỏi:

“Lúc nãy đã gặp Tăng-ca-ma chưa?”

Lão mẫu kia đáp:

“Tuy gặp, nhưng cũng như không gặp.”

A-nan hỏi:

“Có cùng nói chuyện không?”

Lão mẫu đáp:

“Tuy cùng nói chuyện, nhưng không vừa ý tôi.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền nói kệ này:

*Muốn cho lửa sanh nước;
Lại khiến nước sanh lửa;
Pháp không, muốn thành có;
Vô dục, muốn cho dục.*

Sau khi khát thực xong, Tôn giả A-nan trở về vườn Cấp Cô Độc, rùng cây Kỳ-đà, đến chỗ Tăng-ca-ma, ngồi qua một bên, nói với Tăng-ca-ma:

“Ngài đã biết pháp như thật rồi phải không?”

Tăng-ca-ma đáp:

“Tôi đã hiểu biết pháp chân thật”

A-nan hỏi:

“Hiểu biết pháp chân thật như thế nào?”

Tăng-ca-ma đáp:

“Sắc là vô thường, nghĩa vô thường này tức là khổ. Khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không. Thọ, tưởng, hành, thức thay đều vô thường. Nghĩa vô thường này tức khổ. Khổ tức vô ngã, vô ngã tức không. Năm thủ uẩn này là nghĩa vô thường. Nghĩa vô thường tức là khổ. Ta không phải của cái đó. Cái đó không phải của ta.”

Rồi Tăng-ca-ma nói kệ này:

*Khổ khổ lại sanh nhau,
Vượt khổ cũng như vậy.
Đạo Hiền thánh tám phẩm,
Đẫn đến nơi diệt khổ.
Không tái sinh sanh nơi này,¹⁸
Qua lại các cõi trời,*

¹⁸ Không tái sinh Dục giới.

*Dứt sạch nguồn gốc khổ.¹⁹
Tịch tĩnh, không di động;
Tôi thấy đạo tịch không,²⁰
Như điều Phật đã dạy;
Nay đấng A-la-hán,
Không còn thọ bào thai.*

[702c01] Khi ấy Tôn giả A-nan khen ngợi:

“Lành thay, pháp như thật đã được khéo léo quyết trạch.”

Rồi A-nan liền nói kệ này:

*Khéo giữ lối phạm hạnh;
Cũng hay khéo tu đạo;
Đoạn trừ các kết sử;
Là chân đệ tử Phật.*

A-nan nói kệ này xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Lúc ấy, A-nan đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nói về dục bình đẳng trong các A-la-hán, phải nói chính Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Hay hàng phục Ma, quyến thuộc Ma, cũng là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Tăng-ca-ma đã bảy lần hàng phục ma,²¹ nay mới thành đạo. Từ nay về sau cho phép được ra vào đạo bảy lần, quá hạn này thì là phi pháp.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁹ A-na-hàm nhập niết-bàn trên Tịnh cư thiên.

²⁰ Không tịch 空跡; con đường dẫn đến Không (Pāli: *suññatā*) tức Niết-bàn. Cf. M. 121 Mahāsuññatasutta (R. iii. 111).

²¹ Chỉ bảy lần thọ giới cụ túc.

“Trong hàng đệ tử Thanh văn của ta, Tỳ-kheo đứng đầu trong việc hàng phục ma, nay mới thành đạo chính là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.²²

²² Bản Hán, hết quyển 27.

36. PHẨM THỈNH PHÁP

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tùy thời nghe pháp có năm công đức, tùy thời vâng lãnh không mất thứ lớp. Sao gọi là năm? Điều chưa từng nghe, nay được nghe; điều đã được nghe, tụng đọc lại; kiến giải không tà lệch; không có hồ nghi; hiểu nghĩa sâu xa.² Tùy thời nghe Pháp có năm công đức, cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tùy thời nghe Pháp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì [703a01] Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Làm nhà tắm có năm công đức. Năm công đức gì? Một trừ gió, hai khỏi bệnh, ba trừ bụi nhơ, bốn thân thể nhẹ nhàng, năm được mặt trắng. Này Tỳ-kheo, đó gọi là làm nhà tắm có năm

¹ Pāli, A V 202 Dhammassavanasutta (R.iii. 247).

² Pāli: *cittam pasīdati*, tâm mình tịnh.

công đức. Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu có chúng bốn bộ muốn có năm công đức này, muốn cầu năm công đức này, hãy tìm cầu phương tiện tạo lập nhà tắm.

“Các Tỳ-kheo hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí người tắm xia răng⁴ có năm công đức. Sao gọi là năm? Một trừ gió, hai trừ nước dãi, ba sanh tạng được tiêu, bốn trong miệng không hôi, năm mắt được trong sạch. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là thí người tắm xia răng có năm công đức. Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu năm công thì hãy nghĩ đến việc dùng tắm xia răng bố thí.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

³ Pāli, A V 208 Dantakaṭṭhasutta (R. iii. 250).

⁴ Dương chi 楊枝, nhánh thông, dùng để xia răng. Pāli: *dantakaṭṭha*.

Tăng nhất A-hàm

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các vị có thấy người mổ bò, do nghiệp tài lợi này, sau đó được cưỡi xe, ngựa, voi lớn không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Tỳ-kheo, Ta cũng không thấy, không nghe người mổ bò, sát hại bò, rồi được cưỡi xe, ngựa, voi lớn. Vì sao vậy? Ta không thấy người mổ bò được cưỡi xe, ngựa, voi lớn, vì hẳn không có lý này.

“Thế nào, Tỳ-kheo, các người có thấy người mổ dê, giết heo, săn bắt nai, sau đó được cưỡi xe, ngựa, voi lớn không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, các Tỳ-kheo, Ta cũng không thấy, không nghe người nào mổ bò, hại chúng sanh rồi mà được cưỡi xe, ngựa, voi lớn. Hoàn toàn không lý này. Tỳ-kheo, các người nếu thấy người giết [703b01] bò nào cưỡi xe, ngựa, voi lớn thì đó là đức đời trước chớ không phải phước đời này, đều là do hành vi được làm đời trước mang lại. Nếu các người thấy người giết dê được cưỡi xe, ngựa, voi lớn thì nên biết người này đã gieo phước trong đời trước. Sở dĩ như vậy là vì do tâm giết hại chưa trừ được. Tại sao vậy? Người gạn gủi kẻ ác, ưa thích sát sanh,

gieo trồng tội địa ngục, nếu trở lại nhân gian thì tuổi thọ rất ngắn. Người ưa thích trộm cắp, gieo trồng tội địa ngục cũng như người mổ bò kia. Mua rẻ bán đắt, lừa dối người đời, không cầu Chánh pháp, cũng giống như người mổ bò kia do tâm sát sanh nên đưa đến tội lỗi này, không được cưỡi xe, ngựa, voi lớn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy khởi lòng từ đối với hết thảy chúng sanh.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn cây Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân, trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thích Đề-hoàn Nhân bạch Thế Tôn:

“Nhu Lai cũng nói, phàm Nhu Lai xuất thế tất sẽ vì năm việc. Những gì là năm? Chuyển Pháp luân; độ cha mẹ; người không tin dựng lòng tin; chưa phát tâm Bồ-tát khiến phát ý Bồ-tát; thọ ký thành Phật trong khoảng thời gian đó. Nhu Lai xuất hiện tất sẽ vì năm nhân duyên này. Nay mẹ của Nhu Lai tại trời Tam thập tam muốn được nghe Pháp. Nhu Lai đang ở giữa chúng bốn bộ trong cõi Diêm-phù-ly⁵, vua và nhân dân đều tập hợp lại. Lành thay, Thế Tôn, mong Ngài đến trời Tam thập tam mà thuyết Pháp cho mẹ.”

⁵ Diêm-phù-ly 閻浮里: Diêm-phù-đề.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bấy giờ, Long vương Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà⁶ có ý nghĩ như vậy: ‘Các Sa-môn trọc đầu này bay ở trên ta. Ta phải tìm cách không cho bay qua.’

Rồi Long vương nổi giận phun lửa gió lớn khiến suốt cả Diêm-phù-lý lửa bốc cháy.

A-nan bạch Phật:

“Trong Diêm-phù-đề này, vì sao có khói lửa này?”

Thế Tôn bảo:

“Đây là hai rồng chúa có ý nghĩ nghĩ rằng ‘Các Sa-môn trọc đầu thường bay trên ta, chúng ta [703c01] phải chế ngự, không để cho vượt qua hư không.’ Rồi chúng nổi giận phun khói lửa này. Do nhân duyên này, nên đưa đến biến cố đây.”

Lúc ấy, Tôn giả Ca-diếp từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

“Nay con muốn đi chiến đấu với chúng.”

Thế Tôn bảo:

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa. Ông hãy về chỗ ngồi đi.”

Tôn giả A-na-luật từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

“Nay muốn đến phục rồng dữ kia.”

Thế Tôn bảo:

⁶ Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà 難陀優槃難陀, long vương, truyền thuyết phương Bắc (Divyādāna, Saddharmapuṇḍrīka) xem là hai anh em: Nanda và Upananda. Truyền thuyết Pāli là chỉ một: Nandopananda. Chuyện kể ở đây tương đương với chuyện kể trong Pāli, ThagA. R.iii. 177.

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa. Ông hãy về chỗ ngồi đi.”

Các tôn giả Ly-việt, Ca-chiên-diên, Tu-bồ-đề, Ưu-đà-di, Bà-kiệt đều từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

“Nay con muốn đến hàng phục rồng ác.”

Thế Tôn bảo:

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa, ông hãy về chỗ ngồi đi.”

Lúc ấy, Tôn giả Đại-mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai phải, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

“Con muốn đến đó để hàng phục rồng dữ.”

Thế Tôn đáp:

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể hàng phục giáo hóa. Ông làm thế nào để giáo hóa rồng chúa kia?”

Mục-liên bạch Phật:

“Đến đó, trước tiên con hóa hình rất lớn làm rồng kia sợ khiếp, sau đó lại hóa hình rất là nhỏ và, cuối cùng thì dùng phép thường mà hàng phục nó.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Mục-liên! Ông có khả năng để hàng phục rồng dữ. Nhưng nay Mục-liên phải giữ vững tâm ý chớ nổi loạn tưởng. Vì sao vậy? Vì rồng hung ác kia sẵn sàng quấy nhiễu ông.”

Mục-liên liền đánh lễ sát chân Phật, rồi trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, biến khỏi nơi ấy, đến trên núi Tu-di. Lúc ấy, rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà đang quán quanh núi Tu-di bảy vòng, nổi sân giận tốt độ phun ra khói lửa lớn.

Tăng nhất A-hàm

Mục-liên tự ấn thân mình, hóa làm rồng chúa lớn có mười bốn đầu, quấn quanh núi Tu-di mười bốn vòng, phun ra lửa khói lớn dữ dội, ở ngay trên hai rồng chúa.

Rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà thấy rồng chúa có mười bốn đầu, liền sinh lòng sợ hãi tự nói với nhau rằng:

“Hôm nay, chúng ta phải thử xem oai lực rồng chúa kia xem có thắng được ta không?”

Rồi rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà quật đuôi vào biển cả, lấy nước rưới lên đến trời Tam thập tam, nhưng vẫn không chạm thân Mục-liên. Lúc này, Tôn giả Mục-liên [704a01] lại thò đuôi vào trong nước biển, nước trào lên đến trời Phạm-ca-di và lại rưới lên thân hai rồng chúa.”

Khi ấy, hai rồng chúa tự bảo với nhau:

“Chúng ta dùng hết sức lực lấy nước rưới đến trời Tam thập tam, nhưng rồng chúa lớn này lại vượt lên ta quá nhiều. Chúng ta chính có bảy đầu, nay rồng chúa này mười bốn đầu. Chúng ta quấn quanh núi Tu-di bảy vòng, nay rồng chúa này quấn quanh núi Tu-di mười bốn vòng. Nay, hai chúa rồng ta phải hợp sức cùng nhau chiến đấu.”

Rồi hai chúa rồng nổi cơn thịnh nộ, làm sấm chớp, sét đánh, phun lửa ngọn lớn. Lúc ấy, Tôn giả đại Mục-liên suy nghĩ, ‘Phàm rồng mà chiến đấu thì nổi lửa, sấm sét. Nếu ta cũng đấu bằng lửa và sấm sét, nhân dân trong Diêm-phù-ly và, trời Tam thập tam đều sẽ bị hại. Nay ta hóa hình rất nhỏ để đấu.’

Mục-liên liền hóa ra hình rất nhỏ, chun vào miệng rồng, rồi từ trong lỗ mũi ra; hoặc vào từ mũi ra từ tai; hoặc vào trong tai, ra từ mắt; ra từ trong mắt rồi đi lại trên lông mi.

Bấy giờ, hai rồng chúa lòng rất lo sợ, nghĩ thầm: ‘Rồng chúa lớn này rất có oai lực rất lớn mới có thể vào trong miệng rồi ra từ mũi; vào trong mũi, ra từ mắt. Hôm nay chúng ta thật sự thua. Loài rồng chúng ta hiện có bốn chủng loại: sinh trứng, sinh thai, sanh nơi âm thấp, hóa sanh; nhưng không ai vượt khỏi chúng ta. Nay rồng chúa này, có oai lực như vậy thì chúng ta không thể đánh lại. Tánh mạng chúng ta chết ngay trong chốc lát. Cả hai lòng sợ hãi, toàn thể lông đều dựng đứng.

Mục-liên khi thấy rồng chúa sợ hãi, liền hiện trở lại nguyên hình và đi trên mi mắt rồng chúa.

Lúc ấy hai rồng chúa trông thấy đại Mục-liên, bèn nói với nhau: “Đây là Sa-môn Mục-liên chứ chẳng phải rồng chúa. Ông này có oai lực thật là kỳ lạ mới có thể đấu với chúng ta.”

Rồi hai rồng chúa bạch Mục-liên:

“Vì sao tôn giả lại quấy nhiễu chúng tôi đến như vậy? Muốn dạy bảo điều gì phải không?”

Mục-liên đáp:

“Hôm qua các người nghĩ như vậy, ‘Vì sao các Sa-môn trọc đầu lại thường bay ở trên chúng ta, nay phải chế ngự họ.’”

Rồng chúa đáp:

“Thật vậy, Mục-liên!”

Mục-liên nói:

“Rồng chúa nên biết, núi Tu-di này là đường đi của chư thiên, chẳng phải nơi ở của người.”

Rồng chúa đáp:

Tăng nhất A-hàm

“Cúi xin tha thứ, không [704b01] trách phạt chúng tôi. Từ đây về sau chúng tôi sẽ không dám xúc nhiễu, khởi loạn tương ác. Cúi xin ngài cho phép làm đệ tử.”

Mục-liên đáp:

“Các ông chớ tự quy y thân ta. Các người hãy tự quy y nơi mà ta quy y.”

Rồng chúa bạch Mục-liên:

“Hôm nay chúng con xin tự quy y Như Lai.”

Mục-liên bảo:

“Các người không thể ở tại núi Tu-di này mà tự quy y Thế Tôn. Nay hãy cùng ta đến thành Xá-vệ mới được tự quy y.”

Bấy giờ, Mục-liên dẫn hai rồng chúa, trong khoảnh như co duỗi cánh tay, từ trên núi Tu-di đến thành Xá-vệ. Lúc ấy, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng. Mục-liên bảo hai rồng chúa:

“Các người nên biết, nay Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng. Các người không thể để nguyên hình mà đến chỗ Thế Tôn.”

Rồng chúa đáp:

“Thật vậy, Mục-liên!”

Rồng chúa bèn hoàn ẩn hình rồng, hóa làm hình người không cao, không thấp, tướng mạo xinh đẹp như màu hoa đào.

Lúc ấy, Mục-liên đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồng chúa đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Mục-liên bảo rồng chúa:

“Đã đúng lúc, hãy tiến tới trước!”

Rồng chúa nghe Mục-liên nói, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ xuống chấp tay, bạch Thế Tôn:

“Hai dòng họ chúng con một tên là Nan-đà, hai tên là Ưu-bà-nan-đà xin quy y Như Lai, thọ trì năm giới. Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Ưu-bà-tắc. Nguyên suốt đời không còn sát sanh nữa.”

Thế Tôn liền búng ngón tay chấp nhận. Hai rồng chúa liền trở về chỗ cũ ngồi, muốn được nghe Pháp.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc nghĩ như vậy: ‘Vi nhân duyên gì khiến trong cõi Diêm-phù-đề này có khói lửa như vậy?’

Rồi vua Ba-tu-nặc đi xe gắn lông chim ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, nhân dân từ xa thấy vua đến, mọi người đều đứng dậy nghinh đón: “Kính chào Đại vương! Mời đến ngồi đây!”

Lúc ấy, hai rồng chúa im lặng không đứng dậy. Vua Ba-tu-nặc đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên. Đại vương bạch Thế Tôn:

“Nay con có việc muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn diễn giải từng việc cho.”

Thế Tôn bảo:

“Có điều gì, cứ hỏi. Nay là lúc thích hợp.”

Vua Ba-tu-nặc bạch Phật:

“Vi nhân duyên gì trong Diêm-phù-đề này có ánh khói lửa như vậy?”

Thế Tôn bảo:

Tăng nhất A-hàm

“Do Rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà gây ra. Nhưng nay Đại vương chớ có [704c01] kinh sợ. Từ nay không còn biển họa khói lửa nữa.”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc nghĩ thầm: ‘Nay, ta là Đại vương của một nước, nhân dân tôn kính, danh tiếng vang khắp bốn phương. Còn hai người này từ đâu đến, thấy ta đến đây, cũng không đứng dậy nghinh đón? Nếu ở trong nước ta, ta sẽ bắt nốt. Nếu ở nơi khác đến, sẽ bắt giết chúng nó.’

Rồng chúa biết được những ý nghĩ trong tâm vua, liền nổi giận. Rồng chúa nghĩ như vậy: ‘Chúng ta không có lỗi gì đối với vua này, mà ông trở lại muốn sát hại ta. Ta phải bắt quốc vương này và dân chúng nước Ca-di giết hết.’

Rồng chúa liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi ra đi. Rời khỏi Kỳ-hoàn không xa, chúng liền biến mất.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc thấy hai người này đi chưa lâu, liền bạch Thế Tôn:

“Việc nước rất bận rộn, con xin trở về cung.”

Thế Tôn bảo:

“Nên biết đúng thời!”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy lui đi; bảo quần thần:

“Hai người vừa rời đi đường nào? Mau bắt chúng!”

Theo lệnh vua, các quần thần liền đuổi theo tìm kiếm, mà không biết ở đâu, liền trở về trong cung.

Lúc ấy, rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà đều nghĩ thầm như vậy: ‘Chúng ta không lỗi đối với vua kia mà vừa rời muốn

bắt giết chúng ta. Chúng ta sẽ hại nhân dân của ông ấy, khiến không còn ai sống sót.’ Nhưng rồng chúa lại nghĩ thầm: ‘Nhân dân trong nước có lỗi làm gì? Chỉ cần bắt nhân dân trong thành Xá-vệ hại hết.’ Lại nghĩ lại: ‘Người nước Xá-vệ có lỗi làm gì đối chúng ta? Cần bắt quan lại và quyền thuộc trong cung vua giết hết.’

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm rồng chúa, liền bảo Mục-liên:

“Ông hãy đi cứu vua Ba-tư-nặc, đừng để vua bị rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà làm hại.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Mục-liên vâng lời Phật dạy, đánh lễ sát chân Thế Tôn lui đi. Ở trên cung vua, Ngài ẩn thân ngồi kiết già. Lúc ấy, hai rồng chúa tạo ra sấm vang, sét đánh, mưa to, gió lớn bên trên cung vua, hoặc mưa gạch đá, hoặc mưa đao kiếm. Chúng chưa kịp rơi xuống đất liền biến thành hoa sen xanh ở giữa hư không. Rồng chúa lúc này lại càng nổi giận, mưa núi cao ở trên cung điện. Mục-liên khi ấy lại biến chúng [705a01] thành các loại đồ ăn thức uống. Rồng chúa lại càng thêm tức giận bùng bùng, mưa các loại đao kiếm. Mục-liên lại biến thành áo quần rất đẹp. Rồng chúa lại càng thêm tức giận, lại mưa cát, sỏi, đá, trên cung vua Ba-tư-nặc, chưa rơi xuống đất đã hóa thành bầy bấu. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc thấy trong cung điện mưa các thứ bầy bấu, vui mừng hơn hờ không tự chế được, liền nghĩ: ‘Người có đức trong Diêm-phù-đề này không ai lại hơn ta, chỉ trừ Như Lai. Vì sao vậy? Vì trong nhà ta trồng cứ trên một gốc lúa thu hoạch được một đấu gạo, com dùng nước mía nấu, rất là thơm ngon. Nay ở trên cung điện lại có mưa bầy bấu. Ta có thể được

làm Chuyển luân thánh vương ư?’ Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc dẫn các cung nữ đi nhật bảy báu. Hai rồng chúa lúc này, nói với nhau:

“Điều này có ý nghĩa gì? Chúng ta đến đây để hại vua Ba-tư-nặc, nhưng sao lại biến hóa đến như thế này? Có bao nhiêu thế lực, hôm nay đã đem ra tận dụng hết, mà vẫn không thể động đến phần may mắn nào vua Ba-tư-nặc!”

Ngay khi ấy, rồng chúa trông thấy Mục-liên ngồi kiết già trên cung điện, chánh thân chánh ý, thân không nghiêng ngã. Thấy vậy, chúng nghĩ thầm: ‘Đây chắc là do Mục-liên làm ra!’ Lúc ấy, hai rồng chúa vì thấy Mục-liên nên liền lui đi.

Khi Mục-liên thấy rồng chúa đã đi, liền xả thân tức, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc suy nghĩ: ‘Những loại đồ ăn thức uống này không nên dùng trước. Phải đem dâng Như Lai trước, sau đó tự mình dùng.’ Vua Ba-tư-nặc liền cho xe chở châu báu và các loại đồ ăn uống đến chỗ Thế Tôn, bạch:

“Hôm qua, trời mưa bảy báu và thức ăn uống này. Cúi xin thọ nhận.”

Lúc ấy, đại Mục-liên cách Như Lai không xa. Phật bảo vua:

“Nay Vua hãy đem bảy báu và đồ ăn uống cho đại Mục-liên. Vì sao vậy? Vì nhờ ân của Mục-liên mà Vua được sanh trở lại trên đất Thánh hiền.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Vì lý do gì mà nói con sanh trở lại?”

Thế Tôn bảo:

“Sáng hôm qua Vua có đến gặp Ta để nghe pháp phải không? Lúc ấy, có hai người cũng đến nghe pháp. Vua đã nghĩ như vậy: ‘Ta ở đất nước này là hào quý tối tôn, được mọi người kính trọng, nhưng hai [705b01] người này từ đâu đến, thấy ta không đứng dậy nghênh đón?’”

Lúc ấy, vua bạch Phật:

“Thật vậy, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Đó chẳng phải là người, mà chính là rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà. Biết được ý vua, chúng bảo nhau: ‘Chúng ta không có lỗi đối với ông vua người này, sao ông lại muốn hại chúng ta? Ta phải tiêu diệt đất nước này.’ Ta biết được những ý nghĩ trong tâm của rồng chúa, liền sai Mục-liên: ‘Phải cứu vua Ba-tur-nặc, không để cho rồng chúa làm hại.’ Mục-liên vâng lệnh Ta, ẩn hình bên trên cung điện và tạo ra sự biến hóa này. Rồng chúa lúc ấy, đã nổi giận mưa cát, sỏi, đá, ở trên cung điện; khi chưa rơi xuống đất, lập tức biến thành bầy bấu, y phục, đồ ăn uống. Vì nhân duyên này, ngày hôm nay Đại vương được sanh trở lại.”

Lúc ấy, vua Ba-tur-nặc lo sợ đến toàn thân lông đều dựng đứng, liền quỳ gối đi đến trước Như Lai bạch:

“Nhờ ơn sâu dày của Thế Tôn mà con được cứu mạng sống!”

Lại lạy sát chân Mục-liên và nói:

“Nhờ ơn Tôn giả mà con được cứu sống.”

Lúc ấy, quốc vương liền nói kệ này:

*Nguyện Thế Tôn sống mãi.
Mãi mãi hộ mạng con;*

*Độ thoát khổ, khôn cùng;
Nhờ Thế Tôn thoát nạn.*

Vua Ba-tư-nặc dùng hương hoa cõi trời rải lên mình Như Lai và nói: “Nay con đem bảy báu này dâng lên ba ngôi báu. Cúi xin nạp thọ. Nói xong, vua đánh lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui đi.”

Lúc ấy, Thế Tôn nghĩ: ‘Chúng bốn bộ này, phần lớn lười biếng, không chịu nghe pháp, cũng không tìm cầu phương tiện để tự thân tác chứng, cũng không mong đạt những gì chưa đạt, đắc những gì chưa đắc. Nay Ta làm cho chúng bốn bộ này phải khát ngưỡng giáo pháp.’

Bấy giờ, Thế Tôn không bảo cho chúng bốn bộ, cũng không dẫn theo thị giả; trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay biến khỏi Kỳ-hoàn, lên đến trời Tam thập tam.

Thích Đề-hoàn Nhân trông thấy Thế Tôn đến, liền dẫn thiên chúng ra trước nghinh đón Thế Tôn, đánh lễ sát chân, thỉnh Phật ngồi, rồi thưa:

“Cung nghinh Thế Tôn! Xa cách lâu chúng con mới được thăm hầu.”

Lúc ấy, Thế Tôn nghĩ: ‘Nay Ta phải dùng thần túc thông ẩn thân để mọi người không biết ta ở đâu.’

Thế Tôn lại nghĩ: ‘Nay Ta ở trời Tam thập tam, nên hóa thân to lớn.’

Lúc ấy, tại giảng đường [705c01] Thiện pháp ở trên trời có phiến đá vàng vuông vức một do tuần. Thế Tôn ngồi kiết già trên phiến đá, vừa tròn cả mặt đá.⁷

Bấy giờ, thân mẫu của Như Lai là Ma-da dẫn các thiên nữ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên và bạch:

“Cách biệt lâu lắm mới được phụng hầu! Nay Thế Tôn đến đây thật là đại hạnh. Tôi hằng mong mỏi, nhớ tưởng gặp Phật, hôm nay Thế Tôn mới đến.”

Sau khi Thánh mẫu Ma-da đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thích Đề-hoàn Nhân cũng đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Chư thiên trời Tam thập tam cũng đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi chúng chư thiên thấy Như Lai, thì ở đó thiên chúng tăng ích, A-tu-la tổn giảm.

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt thuyết cho chúng chư thiên kia các đề tài vi diệu, là luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên; dục là tướng bất tịnh, dâm là sự nhơ xấu, giải thoát là an lạc. Thế Tôn khi thấy tâm ý chúng chư thiên khai mở; như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng khắp vì chư thiên mà nói hết. Mọi người ngay trên chỗ ngồi dứt sạch bụi nhơ, được mắt pháp trong sạch. Lại có mười tám ức thiên nữ thấy được dấu đạo; ba vạn sáu ngàn thiên chúng được mắt pháp trong sạch. Khi ấy, Mẹ Như Lai từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi trở vào trong cung.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

“Nay con phải dùng loại thức ăn gì cúng bữa ăn Như Lai? Là dùng thức ăn cõi người hay thức ăn tự nhiên của cõi trời?”

⁷ Kim thạch 金石. Truyền thuyết Pāli, Phật ngồi trên ngai Paṇḍukambala-silāsana của Đê Thích.

Thế Tôn bảo:

“Hãy dùng thức ăn cõi người mà dọn bữa cho Như Lai. Vì sao vậy? Vì thân Ta sanh ở nhân gian, lớn lên ở nhân gian, thành Phật ở nhân gian.”

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Thích Đề-hoàn Nhân lại bạch Phật:

“Theo thời tiết trên trời hay thời tiết nhân gian?”

Thế Tôn bảo:

“Theo thời tiết nhân gian.”

Đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân dùng thức ăn cõi người và lại y theo thời tiết cõi người, dọn bữa ăn cho Như Lai.

Bấy giờ, các trời Tam thập tam nói với nhau:

“Nay chúng ta mới thấy Như Lai ăn cơm suốt cả ngày.”

Lúc ấy, Thế Tôn bèn nghĩ: ‘Nay Ta phải nhập tam-muội như vậy, muốn cho chư thiên tiến thì tiến, muốn cho chư thiên lui thì lui. Rồi Thế Tôn liền nhập tam-muội này khiến chư thiên tiến lui tùy theo thời thích hợp.

Bấy giờ, bốn bộ chúng ở nhân gian, lâu lắm không thấy Như Lai, liền đến chỗ A-nan, bạch [706a01] A-nan:

“Nay Như Lai đang ở đâu? Chúng con mong mỏi muốn được gặp.”

A-nan đáp:

“Chúng tôi lại cũng không biết Như Lai đang ở đâu!”

Lúc ấy, vua Ba-tu-nặc, vua Ưu-điền, cùng đến chỗ A-nan, hỏi A-nan:

“Hôm nay Như Lai đang ở đâu?”

A-nan đáp:

“Đại vương, tôi cũng không biết Như Lai đang ở đâu.”

Hai vua vì nhớ, muốn gặp Như Lai, nên sinh ra bệnh khổ. Bấy giờ quần thần chỗ vua Ưu-điền, tâu vua:

“Đại vương nay mắc bệnh gì?”

Vua bảo:

“Ta vì ưu sầu thành bệnh.”

Quần thần tâu vua:

“Đại vương ưu sầu chuyện gì mà thành bệnh vậy?”

Vua này đáp:

“Vì không thấy Như Lai. Nếu không gặp lại Như Lai, chắc ta chết mất.”

Lúc này, quần thần suy nghĩ:

“Phải tìm phương tiện gì để vua Ưu-điền không chết. Chúng ta nên làm hình tượng Như Lai.”

Bấy giờ, quần thần tâu vua:

“Chúng tôi muốn làm hình tượng Phật, để có thể cung kính, thờ sự, đảnh lễ.”

Tặng nhất A-hàm

Khi nghe những lời này xong, vua vui mừng hớn hở, không tự chế được, liền bảo quần thần:

“Lành thay, những lời của các khanh thật tuyệt diệu!”

Quần thần tâu vua:

“Nên dùng báu vật gì để làm hình tượng Như Lai?”

Lúc ấy, vua liền ra lệnh cho các tượng sư kỹ xảo trong đất nước, bảo họ rằng:

“Nay ta muốn làm hình tượng.”

Các tượng sư kỹ xảo khéo đáp:

“Thưa vâng, Đại vương!”

Vua Ưu-diên liền dùng gỗ chiên-đàn nguưu-đầu làm hình tượng Như Lai, cao năm thước.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc nghe vua Ưu-diên làm tượng Như Lai cao năm thước để cúng dường. Vua Ba-tu-nặc lại triệu mời các tượng sư khéo trong nước tới và bảo:

“Nay ta muốn tạo hình tượng Như Lai. Các khanh hãy làm cho xong ngay!”

Vua Ba-tu-nặc nghĩ như vậy: ‘Nên dùng báu vật gì để làm hình tượng Như Lai?’ Lát sau lại nghĩ: ‘Thân hình Như Lai có màu vàng như thiên kim. Nay nên dùng vàng để tạo hình tượng Như Lai.’ Vua Ba-tu-nặc liền dùng vàng ròng tử ma làm hình tượng Như Lai, cao năm thước. Bấy giờ, trong Diêm-phù-đề mới có hai hình tượng Như Lai.

Lúc ấy, chúng bốn bộ đến chỗ A-nan, bạch với A-nan:

“Chúng con mong mỏi, nhớ nghĩ đến Như Lai, muốn được trông thấy Ngài. Ngày hôm nay Như Lai đang ở đâu vậy?”

A-nan đáp:

“Chúng tôi cũng lại không biết Như Lai đang ở đâu. Nhưng nay chúng ta hãy đến chỗ A-na-luật để hỏi ý nghĩa này. [706b01] Vì sao vậy? Tôn giả A-na-luật có thiên nhãn bậc nhất, trong sạch không tỳ vết. Ngài dùng thiên nhãn thấy một ngàn cho đến ba ngàn đại thiên thế giới. Ngài có thể thấy biết hết.”

Chúng bốn bộ cùng A-nan đến chỗ A-na-luật, bạch A-na-luật:

“Hôm nay chúng bốn bộ đến gặp tôi hỏi tôi về việc ngày nay Như Lai đang ở đâu. Cúi xin tôn giả, dùng thiên nhãn xem Như Lai đang ở đâu?”

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật đáp:

“Các vị hãy chờ một lát, nay tôi cũng muốn xem Như Lai đang ở đâu?”

Lúc ấy, A-na-luật ngồi ngay ngắn, giữ niệm trước mặt, dùng thiên nhãn tìm khắp Diêm-phù-đề mà không thấy Như Lai. Lại dùng thiên nhãn quan sát khắp Cù-da-ni, Phất-vu-đài, Uất-đơn-việt, mà vẫn không thấy. Lại quan sát Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên, Diêm thiên, Đâu-suất thiên, Tha hóa tự tại thiên, cho đến Phạm thiên mà vẫn không thấy. Lại quán sát một ngàn Diêm-phù-đề, một ngàn Cù-da-ni, một ngàn Uất-đơn-việt, một ngàn Phất-vu-đài, một ngàn Tứ thiên vương, một ngàn Diêm thiên, một ngàn Đâu-suất thiên, một ngàn Tha hóa tự tại thiên, một ngàn Phạm thiên cũng không thấy Như Lai. Lại quán sát ba ngàn đại thiên quốc độ cũng không thấy. Liên từ chỗ ngồi đứng dậy nói với A-nan:

“Tôi đã quán sát khắp ba ngàn đại thiên quốc độ mà vẫn không thấy Thế Tôn.”

Tăng nhất A-hàm

Lúc ấy, A-nan và bốn chúng đều ngồi lặng im. A-nan nghĩ: “N hư Lai sẽ không nhập Niết-bàn chứ?”

Bảy giờ, trên trời Tam thập tam, chư thiên bảo nhau:

“Chúng ta đã được lợi thiện. Cúi nguyện bảy Phật thường hiện ở đời để trời và người được nhiều lợi ích.”

Có vị thiên nói:

“Nói chi đến bảy Phật, chỉ cần sáu Phật, điều này cũng đã quá tốt lành.”

Hoặc có Thiên tử nói chỉ cần có năm, hoặc bốn Phật, hoặc nói ba, hoặc nói hai Phật xuất hiện ở đời thì cũng nhiều lợi ích.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bảo chư thiên:

“Nói chi bảy Phật, cho đến hai Phật, chỉ duy Phật Thích ca ở đời lâu dài thì đã được nhiều lợi ích.”

Bảy giờ, ý Như Lai muốn chư thiên đến thì chư thiên liền đến, ý muốn chư thiên đi, thì chư thiên liền đi. Lúc ấy, chư thiên trời Tam thập tam nói với nhau:

“Vì sao Như Lai ăn suốt cả ngày vậy?”

Khi ấy, [706c01] Thích Đề-hoàn Nhân nói với chư thiên trời Tam thập tam:

“Hiện tại, Như Lai thọ thực theo thời tiết ở nhân gian, không theo thời tiết trên trời.”

Bảy giờ, Thế Tôn đã trải qua ba tháng ở trên trời. Thế Tôn nghĩ: ‘Chúng bốn bộ người Diêm-phù-đề không gặp Ta đã lâu, rất có lòng tưởng nhớ khát trông. Nay Ta nên xả thân túc cho các Thanh văn biết Như Lai đang ở trời Tam thập tam.’

Rồi Thế Tôn liền xả thân túc.

Lúc ấy, A-nan đến chỗ A-na-luật, bạch với A-na-luật:

“Hôm nay bốn bộ chúng khát trông muốn gặp Như Lai. Nhưng Như Lai nay không diệt độ chăng?”

Lúc ấy, A-na-luật bảo A-nan:

“Hôm qua có vị thiên đến chỗ tôi báo, Như Lai đang ở trong giảng đường Thiện pháp trên trời Tam thập tam. Nay thầy hãy đợi một chút. Tôi muốn quán sát hiện Như Lai đang ở đâu?”

Rồi Tôn giả A-na-luật liền ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, tâm không lay động, dùng thiên nhãn quán sát trời Tam thập tam, thấy Thế Tôn đang ngồi trên phiến đá rộng một do tuần. A-na-luật liền xuất định, nói với A-nan:

“Như Lai hiện ở trời Tam thập tam, đang thuyết Pháp cho Mẹ.”

Lúc ấy, A-nan và chúng bốn bộ vui mừng hớn hở không tự chế được. A-nan hỏi chúng bốn bộ:

“Ai có thể đến trời Tam thập tam thăm hỏi Như Lai?”

A-na-luật đáp:

“Tôn giả Mục-liên có thần thông đệ nhất. Mong Tôn giả dùng thần lực đi thăm hỏi Phật.”

Chúng bốn bộ bạch Mục-liên:

“Hôm nay Như Lai ở trời Tam thập tam. Cúi xin Tôn giả đem danh tánh chúng bốn bộ thăm hỏi Như Lai và trình ý nghĩa này lên bạch Như Lai, ‘Thế Tôn đắc đạo trong Diêm-phù-đề, tại thế gian, xin oai thần khuất tất trở về lại thế gian.’”

Mục-liên đáp:

“Tốt lắm, các hiền giả.”

Tăng nhất A-hàm

Lúc ấy, Mục-liên nhận lời dạy chúng bốn bộ, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, đã bay lên trời Tam thập tam, đến chỗ Thế Tôn.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân và chư thiên trời Tam thập tam từ xa thấy Mục-liên đến, mọi người nghĩ như vậy: ‘Đúng là sứ giả Tăng hay sẽ là sứ giả các vua.’ Chư thiên đều đứng dậy nghinh đón và nói:

“Lành thay, Tôn giả!”

Từ xa Mục-liên thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số người, bèn nghĩ thầm: ‘Thế Tôn ở tại cõi trời, cũng vẫn bị quấy rầy.’ Mục-liên đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, [707a01] Mục-liên bạch Phật:

“Thế Tôn, chúng bốn bộ hỏi thăm Như Lai sống có được nhẹ nhàng, đi đứng mạnh khỏe không, và bạch việc này: ‘Như Lai sanh trưởng trong cõi Diêm-phù-đề, đắc đạo tại thế gian, cúi xin Thế Tôn trở về lại thế gian. Bốn chúng khát trông, muốn được gặp Thế Tôn.’”

Thế Tôn bảo:

“Mong cho chúng bốn bộ tiến tu đạo nghiệp không mệt mỏi. Thế nào, Mục-liên, chúng bốn bộ du hóa có cực nhọc không? Không có kiện tụng phải không? Ngoại đạo dị học không xúc nhiều chăng?”

Mục-liên đáp:

“Chúng bốn bộ hành đạo không có mệt mỏi.”

“Nhưng này Mục-liên, lúc nãy, ông nghĩ rằng: ‘Như Lai ở đây vẫn bị quấy rầy.’ Việc này không phải vậy. Vì sao vậy? Vì thời gian ta thuyết Pháp không kéo dài lâu. Nếu ta nghĩ, muốn chư

thiên đến, thì chư thiên liền đến. Ta muốn chư thiên không đến, chư thiên không đến. Mục-liên, ông hãy trở về thế gian. Bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn, nước Tăng-ca-thi.⁸

Lúc ấy, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Mục-liên đã trở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, đến gặp bốn chúng nói với họ:

“Các hiền giả nên biết! Bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn, nước Tăng-ca-thi Diêm-phù-đề.”

Sau khi chúng bốn bộ nghe những lời này xong, vui mừng hơn hờ, không tự chế được. Vua Ba-tư-nặc, Ưu điền, Ác sanh, Ưu-đà-diên, Tần-bà-sa-la⁹ nghe tin bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn nước Tăng-ca-thi, vui mừng hơn hờ, không tự chế được. Dân chúng Tỳ-xá-ly, dòng họ Thích Ca-tỳ-la-vệ¹⁰, nhân dân Câu-di-la-việt, nghe Như Lai sẽ đến cõi Diêm-phù-đề. Nghe xong vui mừng hơn hờ, không tự chế được.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn bộ binh đến cạnh hồ nước này để gặp Thế Tôn. Lúc ấy, năm vị vua đều tập hợp binh chúng đến chỗ Thế Tôn, muốn được hầu thăm Như Lai. Dân chúng dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ đều đến chỗ Thế Tôn, cùng chúng bốn bộ cũng đều đến chỗ Thế Tôn muốn được gặp Thế Tôn.

Bấy giờ là ngày đầu bảy ngày, Thích Đề-hoàn Nhân bảo thiên tử Tự tại:

⁸ Tăng-ca-thi quốc 僧迦尸國. Pāli: Saṅkassa, một thị trấn cách Xá-vệ chừng 30 dặm. Thế Tôn thị hiện thân biến tại đây, dưới cây Gaṇḍamba.

⁹ Đề bản: Tần-tì-sa-la

¹⁰ Đề bản: Ca-tỳ-la-việt.

“Hôm nay, từ đỉnh núi Tu-di đến hồ nước Tăng-ca-thì, ông hãy làm ba con đường. Ta quan sát Như Lai sẽ không dùng thần túc trở về Diêm-phù-đê.”

Thiên tử Tự tại đáp:

[707b01]“Việc này rất hay. Đúng lúc ấy, tôi sẽ làm xong ngay.”

Thiên tử Tự tại làm ba con đường bằng vàng, bạc và thủy tinh. Con đường vàng ở giữa, đường thủy tinh một bên và, đường bạc một bên. Hai bên, hóa ra cây vàng.

Trong thời gian bảy ngày ấy, các vị chư thiên thần diệu đều đến nghe pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho hàng nghìn vạn chúng trước sau vây quanh; thuyết về khổ của năm thủ uẩn.¹¹ Sao gọi là năm? đó là sắc, thọ*, tưởng, hành, thức.

“Sao gọi là sắc uẩn? Đó là thân do bốn đại, là sắc được tạo bởi bốn đại. Đó gọi là sắc uẩn.

“Sao gọi là thọ* uẩn? Đó là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc. Đó gọi là thọ uẩn.

“Sao gọi là tưởng uẩn? Đó là sự tụ hội của ba thời. Đó gọi là tưởng uẩn.

“Sao gọi là hành uẩn? Đó là thân hành, khẩu hành, ý hành. Đó gọi là hành uẩn.

“Sao gọi là thức uẩn? Đó là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý. Đó gọi là thức uẩn.

¹¹ Truyền thuyết Pāli, Phật giảng Abhidhamma trên Tam thập tam thiên. Đoạn này Phật đang giảng nội dung của Abhidhamma.

“Sao gọi là sắc? Sắc bao gồm lạnh cũng là sắc, nóng cũng là sắc, đói cũng là sắc, khát cũng là sắc.

“Sao gọi là thọ? Thọ là giác biết. Giác biết vật gì? Giác biết khổ, giác biết lạc, giác biết không khổ, không lạc. Đó gọi là giác biết.

“Sao gọi là tưởng? Tưởng cũng là biết. Đó là biết xanh, vàng, đỏ, trắng, biết khổ, biết lạc. Đó gọi là biết.

“Sao gọi là hành? Nó tác thành nên gọi nó là hành. Tác thành những gì? Hoặc thành hành vi ác, hoặc thành hành thiện. Cho nên gọi là hành.

“Sao gọi là thức? Thức là phân biệt nhận biết phải hay không phải, cũng nhận biết các vị. Đó gọi là thức.

“Các thiên tử nên biết, có năm thủ uẩn này, là biết có ba đường: ác đạo, thiên đạo và nhân đạo. Năm thủ uẩn này diệt, biết là có đạo Niết-bàn.”

Khi Phật nói pháp này cho các vị trời, có sáu vạn người trên trời được mắt pháp trong sạch.

Sau khi thuyết pháp xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến đỉnh núi Tu-di nói kệ này:

*Các người hãy siêng học
Nơi Phật, Pháp, Thánh chúng.
Diệt đường đến tử vong,
Như dùng móc dạy voi.
Những ai không biếng nhác
Ở trong Chánh pháp này;
Người ấy dứt sanh tử,
Không có nguồn gốc khổ.*

[707c01] Thế Tôn nói kệ này xong, bèn đi đến con đường giữa. Khi ấy Phạm thiên trên con đường bạc phía bên hữu Như Lai. Thích Đề-hoàn Nhân trên con đường thủy tinh bên trái. Chư thiên chúng ở giữa hư không rải hoa, đốt hương, xướng kỹ nhạc, giúp vui cho Như Lai.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc¹² nghe Như Lai hôm nay sẽ đến cạnh hồ trong nước Tăng-ca-thi ở Diêm-phù-đề. Cô suy nghĩ như vậy: “Chúng bốn bộ, quốc vương, đại thần, nhân dân trong nước không ai là không đến. Nếu ta bằng thường pháp đến thì điều này chẳng thích hợp. Nay ta phải hiện thành hình dung Chuyển luân Thánh vương đến gặp Thế Tôn.”

Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền ẩn hình, hiện thành Chuyển luân Thánh vương đầy đủ bảy báu, như là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, điện binh báu, kho tàng báu.

Trong lúc đó, Tôn giả Tu-bồ-đề đang vá y tại một mé núi, trong núi Kỳ-xà-quật nơi thành La-duyệt. Tu-bồ-đề nghe Thế Tôn hôm nay về đến châu Diêm-phù-đề, thầm nghĩ, “Chúng bốn bộ không ai là không đến gặp. Nay ta cũng nên đến thăm hỏi, lễ bái Như Lai.” Tôn giả Tu Bồ Đề liền ngưng việc vá y. Rời chỗ ngồi đứng dậy, chân phải vừa chạm đất, tức thì ngài lại nghĩ: ‘Thân hình Như Lai đó, cái gì là làm Thế Tôn, là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chẳng? Người mà ta đến gặp lại là đất, nước, lửa, gió chẳng? Hết thầy các pháp đều rỗng không vắng lặng, không tạo, không tác, như những gì Thế Tôn đã nói kệ:

*Nếu ai muốn lễ Phật
Và các bậc tối thắng,*

¹² Ưu-bát-hoa-sắc 優鉢華色: Liên Hoa Sắc. Pāli: Pāli: Uppalavaṇṇā, Tỳ-kheo-ni thần thông đệ nhất. Xem kinh 2 phẩm 5.

*Uẩn, xứ, giới¹³ các loại,
Đều phải quán vô thường.*

*Phật quá khứ xa xưa,
Cho đến Phật tương lai,
Cùng chư Phật hiện tại,
Tất cả đều vô thường.*

*Nếu ai muốn lễ Phật
Quá khứ và tương lai,
Hoặc ở trong hiện tại,
Phải quán nơi pháp Không.*

*Nếu ai muốn lễ Phật,
Quá khứ và tương lai,
Hoặc ở trong hiện tại,
Nên xét nơi Vô ngã.*

“Trong đây không có ngã, không có mạng, không có con người, không có tạo tác, cũng không hình dung, có dạy, có truyền. Các pháp thay đều không tịch. Cái gì là ngã? Cái ta là không [708a01] chủ. Nay ta quy mạng tụ chơn pháp.” Rồi Tôn giả Tu-bồ-đề liền ngồi vá y trở lại.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc hóa thành Chuyển luân Thánh vương, bảy báu dẫn đường, đi đến chỗ Thế Tôn. Năm vua từ xa trông thấy Chuyển luân Thánh vương đến, vui mừng hơn hờ, không tự chế được, tự nói với nhau: “Thật là kỳ diệu hiếm có! Thế gian xuất hiện có hai trân bảo, là Như Lai và Chuyển luân Thánh vương.”

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn hàng vạn thiên chúng từ trên đỉnh núi Tu-di xuống đến cạnh hồ nước. Thế Tôn đưa chân dẫm lên đất, ngay kia yá khiên ba ngàn Đại thiên thế giới này chấn động

¹³ Âm, trì, nhập 陰持入: uẩn, giới, xứ. Pāli: *khandha, dhātu, āyatana*.

sáu cách. Chuyển luân Thánh vương hóa hiện, từ từ đi đến chỗ Thế Tôn. Vua các nước nhỏ và nhân dân tất cả đều tránh ra. Khi đã đến gần Thế Tôn, Chuyển luân Thánh vương hóa giả liền hiện nguyên hình là Tỳ-kheo-ni và đánh lễ sát chân. Năm vị vua thấy vậy, đều than thở, bảo nhau: “Hôm nay chúng ta thật có sự mất mát. Chúng ta đáng ra trước được gặp Như Lai, nhưng nay thì Tỳ-kheo-ni này đã gặp trước.”

Tỳ-kheo-ni đến gặp Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi bạch Phật rằng:

“Nay con đánh lễ đáng Tỏi trắng! Hôm nay, con được hầu thăm trước tiên. Con là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc, đệ tử của Như Lai.”

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ này:

*Nghiệp lành nhờ lễ trước,
Hơn hết, không ai bằng.
Cửa giải thoát Không, Vô¹⁴
Đó là nghĩa lễ Phật.
Nếu ai muốn lễ Phật,
Tương lai và quá khứ,
Hãy quán pháp Không vô.¹⁵
Đó là nghĩa lễ Phật.*

Khi ấy, năm vua và nhân dân nhiều không thể đếm xuể, đến chỗ Thế Tôn. Mỗi vị đều tự xưng danh hiệu. Con là Ba-tư-nặc vua nước Ca-thi. Con là Ưu-điền vua nước Bạt-sai. Con là Ác

¹⁴ Kệ lược bớt chữ trong bản Hán: Không, Vô tướng, Vô nguyện, ba giải thoát môn.

¹⁵ Không vô, hay không tịch. Pāli: *suññatā*.

Sanh vua của Nhân dân Ngũ đô.¹⁶ Con là Ưu-đà-diên vua nước Nam hải. Con là Tần-bà-sa-la vua nước Ma-kiệt-đà. Lúc ấy, nhân dân trong khoảng mười một na-thuật,¹⁷ cùng chúng bốn bộ và những trưởng giả tối tôn cả thảy là một ngàn hai trăm năm mươi người đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, vua Ưu-điền ôm tượng bằng nguru-đầu chiên-đàn trong tay và nói kệ với Như Lai:

*Con có việc muốn hỏi,
[708b01] Từ bi hộ hết thảy:
Người tạo hình tượng Phật
Được những phước đức gì?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

*Đại vương, hãy lắng nghe,
Ta giảng nghĩa ít nhiều.
Người tạo hình tượng Phật,
Nay chỉ nói sơ lược.*

*Trước nhất, mắt không hư,
Sau có được thiên nhãn.
Phân biệt rõ trắng đen,
Đức tạo hình tượng Phật.*

*Hình vóc sẽ hoàn hảo
Ý chính, không mê lầm.
Thế lực hơn người thường.
Người tạo hình tượng Phật,*

¹⁶ Nhân dân Ngũ đô, hay Ngu đô, có lẽ tương đương Pāli: Pañcālanapada (Pañcālaratṭha), được kể 1 trong 16 đại quốc thời Phật. Theo Pāli, vua bấy giờ là Dummukha.

¹⁷ Na-thuật 那術. Số đếm. Các phiên âm khác: na-do-tha, na-do-đa, tương đương một vạn, nghìn vạn, hay nghìn ức. Skt. nayuta.

*Hắn không đọa đường ác;
Khi chết sanh lên trời,
Ở đó làm thiên vương;
Phước làm hình tượng Phật.*

*Phước khác không thể kể.
Phước kia khó nghĩ bàn.
Tiếng tốt vang bốn phương;
Phước tạo hình tượng Phật.*

“Lành thay, lành thay! Đại vương làm được nhiều lợi ích cho trời người mong nhờ.”

Lúc ấy, vua Ưu Điền vô cùng sung sướng.

Bấy giờ, Thế Tôn Thế Tôn vì chúng bốn bộ và năm vua nói về diệu luận. Luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên; dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, giải thoát là vi diệu. Khi Thế Tôn đã thấy tâm ý chúng bốn bộ đã được khai mở; như pháp mà chư Phật thế tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng vì họ mà nói. Bấy giờ ngay trên chỗ ngồi hơn sáu vạn trời người dân, dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, năm vua bạch Thế Tôn:

“Nơi này là phước tối diệu, là đất thiêng, nên Như Lai mới từ trời Đâu-suất xuống, thuyết pháp tại đây. Nay chúng con muốn kiến lập nơi này khiến vĩnh viễn không còn bị mục nát.”

Thế Tôn bảo:

“Này năm Vua, các ông hãy xây dựng thần tự ở nơi này, đời đời hưởng phước không bao giờ hư hoại.”

Các vua thưa:

“Phải xây dựng thần tự như thế nào?”

Bấy giờ, Thế Tôn duỗi bàn tay phải, từ trong đất xuất hiện chùa Ca-diếp Như Lai. Nhìn năm Vua mà bảo:

“Muôn tạo thần tự, hãy theo pháp này.”

Lúc ấy, năm vua liền khởi xây đại thần tự ở nơi này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tùy tùng của các Như Lai hằng sa trong quá khứ nhiều ít cũng như hôm nay không khác. Ngay cả tùy tùng của hằng sa chư Phật trong tương lai nhiều [708c01] ít cũng như hôm nay không khác. Nay Kinh này đặt tên là ‘Du thiên Pháp bốn.’

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Chúng bốn bộ và năm vua sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹⁸

¹⁸ Bản Hán, hết quyển 28.

Pháp thí thắng mọi thí
Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti